HÀN PHI

Người dịch:
Phan Ngọc

Hàn Phi Tử

韓非子

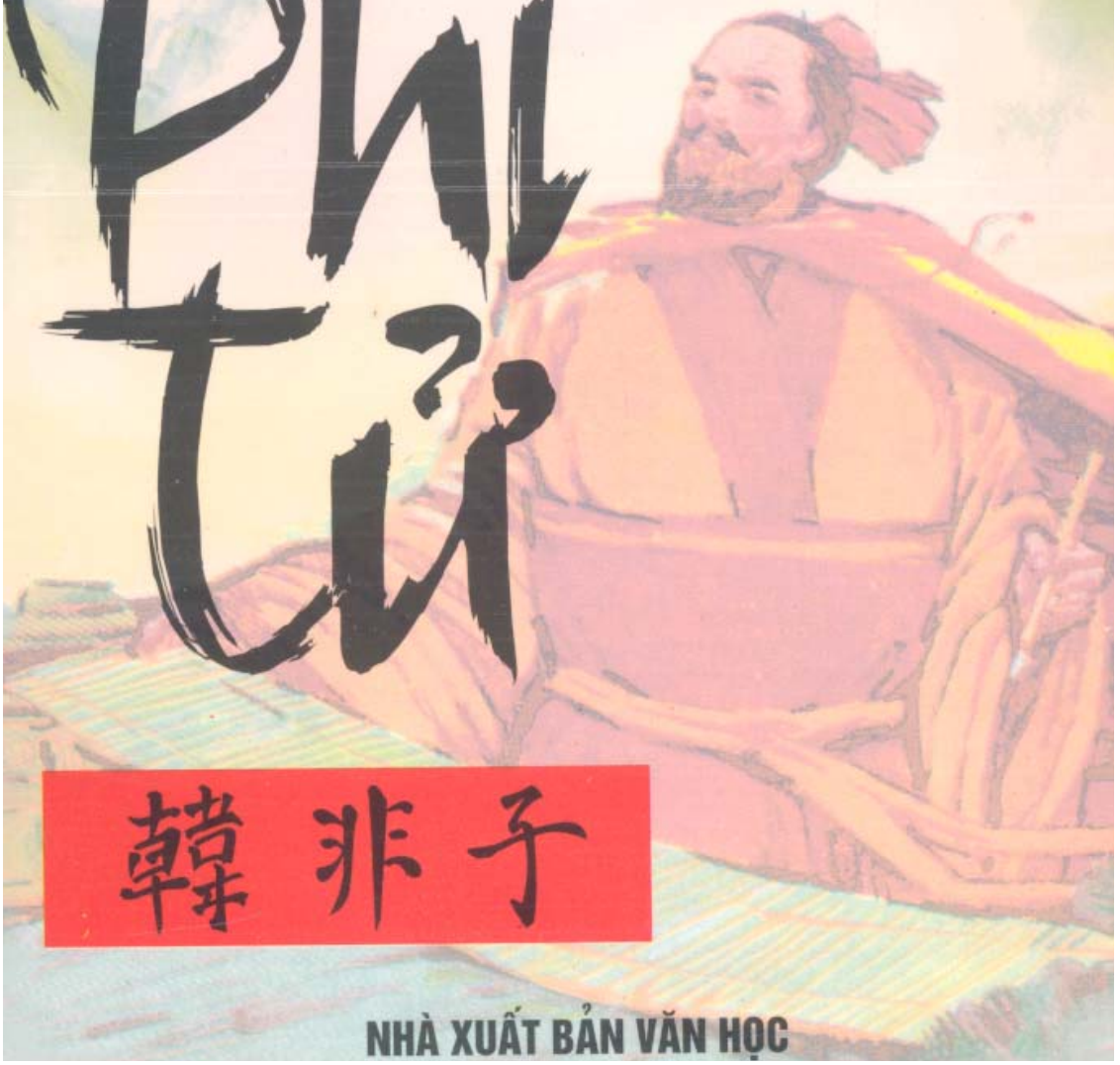

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Theo bản in năm 1961, dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc: HÀN PHI TỬ LẬP THÍCH, xuất bản tại Bắc Kinh năm 1958

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

Hàn Phi

HÀN PHI TỬ

Phan Ngọc dịch

(Tái bản)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 2005

LỜI GIỚI THIỆU

Đối với văn hoá thế giới *Hàn Phi Tử* là một tác phẩm hết sức độc đáo. Về mặt chính trị, nó là công trình quan trọng nhất của chính trị học Trung Hoa và một trong những tác phẩm đầu tiên của chính trị học thế giới. Về tư tưởng, nó xác lập trường phái Pháp gia, một trong bốn trường phái lớn nhất của tư tưởng Trung Quốc (Nho, Mặc, Lão, Pháp). Về văn học, nó là một công trình cực kỳ hấp dẫn. Trên cơ sở một cách trình bày khách quan, ta thấy toàn bộ xã hội cổ Trung Quốc sống lại với mọi quan hệ, vô số sự kiện. Và lạ hơn nữa, đọc cái công trình viết cách đây 2300 năm này ai cũng giật mình về tính thời sự của nó. Ta có cảm tưởng rằng tác giả là người hiện nay, nói bằng ngôn ngữ và cách lý luận hôm nay về các quan hệ giữa người với người ngày hôm nay, không chỉ ở Trung Hoa mà ở cả thế giới, trong đó có Việt Nam. Ta bắt buộc phải thừa nhận con người viết ra nó thực sự là một thiên tài toàn diện. Một đầu óc lỗi lạc nhất của Trung Hoa và của loài người, con người Trung Quốc đầu tiên dám nhìn thẳng vào sự

thật với tất cả cái tàn nhẫn của nó để tìm cách đưa đến một cuộc sống yên ổn cho người dân thường trong khuôn khổ của thời đại quân chủ.

Tác giả của nó là Hàn Phi, chết vào năm 232 trước công nguyên. Tiểu sử của ông đã được Tư Mã Thiên kể lại chính xác trong bộ *Sử Ký*. Phi là một công tử nước Hàn, tức là người con (tử) của vua (Công) nước Hàn nhưng không phải là người sẽ thừa kế ngôi vua. Hoàn cảnh ấy giúp Phi ngay từ bé đã nhìn thấy rõ các quan hệ giữa vua tôi và cách trị nước. Sau đó Phi đến học với Tuân Khanh, tức Tuân Tử, nhà học giả lớn nhất thời bấy giờ. Phi tiếp thu Nho giáo, do đó rất thông thạo về lịch sử, văn học. Phi thừa kế của thầy quan niệm bản tính con người là ác, căm ghét mê tín, coi trọng giáo dục đề cao các tiên vương các đời Hạ, Thương, Chu mà xem nhẹ Nghiêu, Thuấn là mẫu mực của Khổng Tử. Cùng học với Phi có Lý Tư sau này sẽ làm thừa tướng nước Tần. Lý Tư thừa nhận Phi giỏi hơn mình. Chủ trương của Tuân Tử là dùng lễ để trị nước, khác chủ trương dùng nhân để trị nước của Khổng Tử. Lễ và pháp luật là rất gần nhau cho nên cả Hàn Phi lẫn Lý Tư đều chuyển sang pháp trị. Về nước, Phi thấy nước Hàn yếu đuối, mấy lần dâng thư cho vua Hàn nhưng nhà vua không nghe. Phi nghĩ cách xây dựng một học thuyết để lại cho đời sau về việc trị nước. Phi tiếp thu lý thuyết pháp gia đã có từ trước. Nhưng

lý thuyết này qua Quản Trọng, Thương Ưởng, Thân Bất Hại vân vân chỉ mới là những phép tắc. Nó còn thiếu một linh hồn để trở thành sinh động, uyển chuyển, áp dụng cho vô vàn trường hợp khác nhau. Phi thấy nó ở đạo Lão và đưa đạo Lão vào hoán cải cái học thuyết vốn dĩ khô khan thành một học thuyết đầy sức sống. Nếu Quản Trọng, Thương Ưởng chỉ mới thấy cái quan trọng của phép tắc, Thân Bất Hại thấy thêm được cái thế, thì với Hàn Phi, trị nước trở thành một cái thuật để người cai trị sử dụng mà ứng phó với mọi trường hợp. Do đó, Phi là người lớn nhất của trường phái Pháp gia và bộ *Hàn Phi Tử* trở thành tác phẩm quyết định của toàn bộ học thuyết này.

Nhìn thực trạng chính trị đương thời, Phi đau xót: các vua chúa, mà trước hết là ở nước Hàn, chẳng lo soi sáng pháp chế, nắm lấy cái thế để chế ngự bầy tôi, lo nước giàu dân mạnh, dùng những người tài giỏi; trái lại, họ nghe theo bọn sâu mọt làm hại nước. Ông có sẵn học vấn vô cùng uyên bác tiếp thu của Tuân Tử, ông kiểm soát lại tình hình chính trị, lý giải tại sao nước này mạnh, nước kia yếu, thời kỳ này cường thịnh, thời kỳ kia suy đồi. Ông thấy lý do là rất đơn giản: những người nhà vua cần dựa vào để bảo vệ nước là người tài giỏi, binh sĩ, người cày thì bị vứt bỏ; trái lại nhà vua lo nuôi bọn lừa dối, làm hại đến nước. Không ai chịu xây dựng một kỷ cương, pháp luật để làm cho dân giàu nước mạnh

mà chỉ vâng theo ham thích nhất thời. Càng hiểu được sự thực, ông càng thất vọng. Ông phẫn uất trong cảnh cô độc, thấy cái khó trong việc nói sự thực. Phi là người có tật, ông nói ngọng. Không thành công trong việc nói, ông dốc hết tâm trí vào việc viết mong để lại cho đời sau cái học thuyết mà ông tin là sẽ làm cho dân yên, nước mạnh.

Tần Thuỷ Hoàng đọc tác phẩm, thán phục vô cùng, nói: "Ta được làm bạn với con người này thì có chết cũng không uổng". Lý Tư lúc này là thừa tướng nói: Đó là tác phẩm của Hàn Phi. Hàn Phi trở thành sứ giả của nước Hàn sang nước Tần.

Nhưng Phi sang Tần không phải để sống, mà để chết. Phi được giao nhiệm vụ phải cứu nước Hàn khỏi bị nước Tần diệt. Mà tình hình nước Hàn lúc này thực tế đã tuyệt vọng. Không ai nghe lời Phi khi Phi dâng các bài nghị luận của mình, bây giờ Tần sắp cất quân sang đánh, nước Hàn sắp bị tiêu diệt thì làm cách nào cứu được? Phi dâng vua Tần bài *Bảo tồn nước Hàn* ra sức thuyết phục vua Tần đừng đánh nước Hàn. Vì bài ấy, Phi bị Lý Tư cho là kẻ chỉ mưu lợi cho Hàn mà làm hại nước Tần. Phi bị giam vào ngục. Biết tình thế này không thể nào cứu nước Hàn được, Phi gửi bài *Lần đầu yết kiến vua Tần*. Vua Tần xem xong rất phục, ra lệnh thả ngay Hàn Phi. Nhưng Lý Tư vốn ghen cái tài của người bạn mà Tư thừa hiểu là con người giỏi nhất về chính trị của thời

đại, nên đã bắt Phi uống thuốc độc chết trong ngục rồi.

Phi đón nhận cái chết thế nào cũng đến với kẻ sĩ biết đề cao pháp luật và thuật trị nước. Ông gửi tất cả tâm hồn và tinh lực vào tác phẩm *Hàn Phi Tử* mà ông tin là sẽ sống mãi với đời.

Lý thuyết pháp gia mà Hàn Phi là đại biểu lỗi lạc nhất là xuất phát từ tình thế xã hội thời Xuân Thu - Chiến Quốc. Vào thời Xuân Thu, Trung Quốc chia ra hàng trăm nước, nước do đó rất bé nhỏ. Quan hệ giữa quý tộc và dân lao động là trực tiếp. Xã hội chia ra đẳng cấp, tôn ty rõ ràng. Sự cai trị là dựa trên thứ bực. Luật pháp chỉ áp dụng cho dân thường còn đối với đại phu trở lên nếu có sai lầm chỉ khiển trách mà không trừng phạt. Đó là nguyên lý "Bậc đại phu (trở lên) thì không chịu hình phạt. Không dùng lễ với thứ dân". Việc nắm lấy hình phạt, vận dụng nó là quyền của quý tộc, dân chỉ biết vâng theo. Cái đó gọi là cai trị theo nhân, nhân trị. Nhưng nó tất yếu dẫn tới sự hủ bại của tầng lớp thống trị, dân oán và nước mất. Trước tình hình ấy xuất hiện yêu cầu nước giàu, binh mạnh để thôn tính các nước khác, làm bá vương. Muốn nước giàu binh mạnh thì phải đề cao pháp luật, đề cao kẻ chiến đấu và sản xuất, hạ thấp địa vị quý tộc, không chấp nhận một lớp người sử dụng pháp luật mà không bị pháp luật chi phối và một lớp người là đối tượng của pháp luật mà chẳng

được quyền lợi pháp luật cấp cho. Quản Trọng, người đầu tiên làm cho nước Tề trước công nguyên sáu thế kỷ thành bá, khẳng định: "Pháp (luật) là cái quy tắc của thiên hạ... Lấy pháp (luật) mà giết trị tội thì dân *chịu chết mà không oán*, lấy pháp (luật) mà định công lao thì *dân nhận thưởng mà không cho là ân đức*... Cho nên quan lại mà sai khiến dân là có pháp (luật), thì dân theo, không có pháp (luật) thì dân dừng lại. *Dân lấy pháp (luật) chống nhau với quan lại* Người dưới lấy pháp (luật) phục vụ người trên, cho nên bọn dối trá không thể lừa chủ, bọn ghen ghét không thể có cái bụng kẻ giặc, bọn xu nịnh không thể khoe cái khéo, ngoài ngàn dặm không dám làm điều trái" (*Quản Tử*, quyển 21).

Dĩ nhiên đạo Nho rất chống lại pháp gia. Thực tế của nhân trị hay đức trị mà Nho giáo chủ trương là củng cố sự phân chia đẳng cấp, thần thánh hoá lớp trên, biến mọi khen thưởng thành ân huệ, mọi trừng phạt thành uy lực lớp trên. Câu chuyện dưới dây là hết sức điển hình. Tử Sản (-536) nước Trịnh ban hành *Hình thư* (sách ghi pháp luật). Phạm Tuyên Tử (-513) cầm đầu nước Tấn sai khắc pháp luật vào cái vạc là vật để nấu người có tội. Sách *Tả truyện* cũng làm vào thời Khổng Tử chép lại câu nói căm giận của Khổng Tử:

"Nước Tấn sẽ mất chăng? Bỏ mất pháp độ (tức là lối cai trị bằng đẳng cấp) rồi! Nước Tấn xưa nay

giữ pháp độ mà Thúc Hướng nhận được, để cai trị dân mình. *Các quan khanh, đại phu theo thứ tự giữ nó. Nhờ thế, dân có thể tôn quý người sang, người sang nhờ thế gìn giữ được cơ nghiệp mình. Người sang người hèn không lẫn lộn, cái đó gọi là pháp độ... Nay bỏ pháp độ này mà làm cái vạc ghi pháp luật, thì dân chỉ biết cái vạc, lấy gì để tôn quý* (người sang)? *Người sang còn có cơ nghiệp nào để giữ? Người sang kẻ hèn không có trên dưới*, lấy gì để làm thành nước?" (Tả truyện, quyển 26).

Thực chất của đức trị, nhân trị mà đạo Nho chủ trương chẳng qua là duy trì sự phân biệt giữa người sang, kẻ hèn, bắt kẻ hèn chịu ơn, sợ hãi uy lực người sang. Nếu dân biết "cái vạc" thì họ được thưởng là do công của họ, bị phạt là do tội của họ. Người sang chẳng khác gì họ hết, cũng bị phạt, được thưởng như họ. Người sang chẳng còn gì là thiêng liêng nên không giữ được cơ nghiệp của họ nữa. Còn thực tế lịch sử chứng minh vô số nước giữ pháp độ theo cách hiểu của Khổng Tử đã bị diệt. Trái lại các nước dựa vào pháp luật để trị nước thì mạnh lên, thôn tính các nước khác.

Tiêu biểu nhất là nước Tần. Vua các nước chư hầu họp, vua nước Tần không được vào họp vì nước Tần bị xem là một nước mọi rợ. Tần Hiếu Công xấu hổ quyết tâm theo đường lối cai trị của Thương Ưởng, con đường pháp trị. Thương Ưởng (năm -

350) tư hữu hoá ruộng đất, xoá bỏ chế độ độc quyền ruộng đất của quý tộc. Toàn dân chỉ làm hai việc là sản xuất và chiến đấu. Mọi việc khen thưởng chỉ dựa vào hai tiêu chuẩn ấy. Kết quả đẳng cấp quý tộc bị thủ tiêu. Trị nước theo pháp luật công khai và bình đẳng. Nước Tần trở thành nước mạnh nhất, giàu có nhất thiên hạ. Một trăm hai mươi năm sau (-227) Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ. Trước sự lớn mạnh vùn vụt của nước Tần, sáu nước tìm mọi cách chống lại nhưng đều thất bại. Một số người thi hành pháp trị ở nước mình phục vụ: Ngô Khởi ở nước Sở, Thân Bất Bại ở nước Hàn. Nước họ nhất thời hùng mạnh, nhưng họ chết thì đường lối pháp trị bị xoá bỏ: cơ sở xã hội cũ quá mạnh không phải như ở nước Tần là nước chưa thực sự chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa.

Trong phạm vi một bài giới thiệu sách, không thể nói hết lý thuyết pháp gia, chỉ có thể nêu một vài điểm để đọc *Hàn Phi Tử* cho tiện mà thôi. Pháp gia gồm ba phái: phái chủ trương dùng pháp luật, đó là phái Thương Ưởng; phái chủ trương dùng thế, đó là phái Thân Bất Hại; phái chủ trương dùng thuật đồng thời kiêm luôn hai chủ trương trên, đó là phái Hàn Phi. Cho nên đọc *Hàn Phi Tử* là đủ để nắm toàn bộ học thuyết này.

Trước hết nó khẳng định tầm quan trọng của pháp luật. "Bỏ pháp luật mà dùng cái tâm để trị, thì

Nghiêu cũng không thể chỉnh đốn một nước. Bỏ cái quy, cái củ mà cứ ức đạc bừa thì Hề Trọng cũng không thể làm xong một bánh xe. Bỏ thước tấc mà đoán dài ngắn thì Vượng Nhĩ cũng không thể biết điểm ở giữa. Khiến ông vua bậc trung giữ pháp thuật, người thợ vụng giữ cái quy, cái củ, cái thước, cái tấc, thì vạn điều không sai một. Kẻ làm vua người ta nếu có thể bỏ cái mà người hiền, người khéo không làm được, nắm lấy cái người bình thường mà vụng làm vạn điều không sai thì làm hết sức người là lập nên công danh". Pháp luật phải công khai "Pháp là cái chép để ở trong sách vở, đặt nơi cửa công, ban bố cho trăm họ". Đã lập pháp luật thì cả nước trên dưới đều biết, không ai được tự ý thay đổi: "Pháp luật không hùa theo người sang... Khi đã thi hành pháp luật thì kẻ khôn cũng không thể từ, kẻ dũng cũng không dám tranh. Trừng trị cái sai không tránh kẻ đại thần, thưởng cái đúng không bỏ sót kẻ thất phu...". "Cho nên bậc vua sáng khiến pháp luật chọn người chứ không tự mình tiến cử, khiến cho pháp luật đo lường công lao, chứ không tự mình tính toán" ("Có phép tắc").

Có pháp luật rồi để khen thưởng hay trừng phạt thì phải xét cái sự thực đã làm ra (hình) và tên gọi của công việc (danh) có phù hợp với nhau không. Đó là thuyết hình danh:

"Bậc làm vua muốn cấm chuyện gian tà thì phải xét kỹ tên gọi và việc làm xem có hợp với nhau không, phải xét xem việc làm có khác lời nói không. Bầy tôi trình lời nói của mình, nhà vua căn cứ vào lời nói mà giao công việc, rồi căn cứ vào công việc mà xét kết quả. Nếu kết quả phù hợp với việc làm, việc làm phù hợp với lời nói thì thưởng. Nếu kết quả không phù hợp với việc làm, việc làm không phù hợp với lời nói thì phạt" ("Hai cái cán").

Cái gọi là "chính danh" của Khổng Tử là để củng cố sự phân chia xã hội ra thành những tầng lớp khác nhau, mỗi tầng lớp làm theo cương vị mình. Còn "hình danh" của pháp gia là xoá bỏ đẳng cấp, mọi người ngang nhau trước pháp luật.

Ông vua có hai cái quyền là thưởng và phạt. Hàn Phi gọi đó là hai cái cán mà ông vua không thể trao cho ai. Cái thế của ông vua là ở đấy. Ông vua phải thưởng phạt nghiêm và giữ lấy cái thế của mình: Kiệt mà làm thiên tử thì không chế được cả thiên hạ. Không phải ông ta hiền mà cái thế ông ta nặng; Nghiêu làm kẻ thất phu thì không thể chỉnh đến được ba nhà. Không phải vì ông ta kém, mà vì cái thế ông ta thấp.

Những điều nói trên đây là chung cho các pháp gia, không phải là cống hiến riêng của Hàn Phi. Sở dĩ Hàn Phi thành vĩ đại là vì ông biết nâng học thuyết pháp trị lên một hệ tư tưởng nhờ chỗ ông có

một học vấn Nho giáo hết sức uyên bác và một am hiểu Lão giáo hết sức sâu sắc.

Là học trò lớn nhất của Tuân Tử, ông tiếp thu lý luận của Tuân Tử "Bản tính con người là ác". Cho nên đọc cách nhận xét của ông về con người ta ngạc nhiên tại sao nó giống lý luận duy lợi chủ nghĩa của Anh ở thế kỷ XVIII đến thế. Hàn Phi phủ nhận mọi lý luận đề cao cái cao quý của con người. Đối với ông con người làm theo lợi ích cá nhân, bao giờ cũng mưu mô tính toán để kiếm lợi ích ích kỷ của mình. Bầy tôi đối với nhà vua chỉ là những hươu kiếm cỏ. Cỏ ở đâu nhiều thì hươu đến đấy. Cho nên khi xét hành động của ai thì đừng sử dụng những khái niệm nhân, nghĩa, lễ vân vân của đạo đức truyền thống mà phải xét ở khía cạnh lợi ích: Hoàng Đế có câu: "Người trên, kẻ dưới một ngày đánh nhau trăm trận". Người dưới che giấu cái riêng tư của mình để thử bụng người trên. Người trên nắm lấy quyền cân nhắc để tước bớt quyền lực kẻ dưới. Cho nên lập pháp cân nhắc, đo lường là cái quý của nhà vua. Có bè có đảng, đó là cái quý của bề tôi. Bầy tôi sở dĩ không giết vua là vì bè đảng chưa đủ". ("Nêu cao uy quyền").

Đối với ông, mọi cái cao quý, thiêng liêng đều quy về lợi hết. Trong các nhà tư tưởng Trung Quốc, ông là người có lối lý luận tàn nhẫn nhất. Lý do chính là vì cuộc đời ông với tư cách con vua, khiến

ông thấy đâu đâu cũng là lừa dối, lợi dụng, tính toán, mưu mô. Cái lợi ở đâu thì người ta theo đó mà làm. Người đóng quan tài thì mong cho người ta chết, người làm cỗ xe thì mong cho người ta được sang. Hoàn cảnh kinh tế tạo ra tư tưởng, chứ tư tưởng không tự nó nảy sinh. Trong bài *Năm lũ sáu mọt*, ông giải thích thời thượng cổ người ta có thể dùng đức trị nước là vì thời ấy của nhiều người ít. Bây giờ người đông, của hiếm thì sự tranh giành, mưu mô là điều tự nhiên. Khác các nhà tư tưởng than phiền về đạo đức suy đồi hay giáo dục đạo đức để cứu vãn xã hội, ông có một thái độ rất gần các nhà kinh tế học Anh. Chấp nhận con người như nó tồn tại. Nó ham lợi riêng, nó ích kỷ, mặc nó. Chỉ cần đổi mục tiêu của lợi là xã hội sẽ yên ổn. Bắt con người thấy lợi riêng của anh là ở lợi chung của nước thì con người vì lợi riêng của mình mà trước đó phải lo đến lợi chung. Còn anh mưu những lợi riêng mà đi ngược lại lợi chung thì trừng phạt thẳng tay. Chỉ cần làm thế là đủ.

Nhờ tiếp thu học vấn uyên bác của đạo Nho, cho nên Hàn Phi đã không chứng minh thì thôi, chứ đã chứng minh thì bằng chứng dồn dập, sự việc đầy đủ, kiến thức phong phú, căn cứ xác thực. Khác các nhà tư tưởng khác chỉ bàn trên nguyên lý, khi đi vào sự kiện thì dẫn những chuyện xa xôi thời Nghiêu, Thuấn chẳng có gì xác thực. Hàn Phi đã chứng minh

là dùng toàn sự việc có thực ngay ở trong lịch sử thời Xuân Thu - Chiến Quốc và những câu chuyện rất sắc sảo lấy ở dân gian. Cho nên sức thuyết phục của ông rất mạnh.

Nhưng điều còn quan trọng hơn là ông biết tìm một học thuyết triết học làm xương sống cho lý thuyết pháp trị. Đó là lý thuyết của Lão Tử mà cơ sở là *Đạo đức kinh*. Ông dành hai thiên để giải thích tác phẩm này bằng những thí dụ thực tế để hiểu phép trị nước. Đó là thiên 20 "Giải thích Lão Tử" và thiên 21 "Minh hoạ Lão Tử". *Đạo đức kinh* là một tác phẩm thuần tuý tư biện, với ông biến thành một tác phẩm thuần tuý thực dụng, chứa đựng toàn mánh khoé, mưu mô. Đó là sự đóng góp riêng của ông vào "thuật trị nước". Kết quả ông là con người duy nhất của Trung Quốc thực hiện được một sự tổng hợp ba học thuyết Nho, Lão, Pháp, ở đó Nho là tài liệu xây dựng, Pháp là cái bản thiết kế, nhưng Lão mới là kỹ thuật thi công của cái ngôi nhà độc đáo.

Khái niệm chủ đạo của ông là "vô vi". Vô vi là cái gì? Vô số học giả tranh luận về khái niệm này không ai chịu ai. Theo tôi, một người rất non kém nhưng cũng đã đọc hết bách gia, "vô vi" không phải là "không làm gì", cũng không phải "không vì cái gì" bởi vì con người "vô vi" làm rất nhiều việc, và lo đến cả thiên hạ, như trường hợp Hàn Phi thì rõ. "Vô vi" là danh từ kép "cái làm của cái vô". *Cái vô* cũng

không có gì bí hiểm, đó là cái lẽ tự nhiên, khách quan, của sự vật. Làm cái vô vi là làm theo cái lẽ tự nhiên, khách quan của sự việc, do đó mà thực tế có vẻ như không làm gì hết. Con người ích kỷ, ham lợi, ghét hại, thích thưởng, sợ trừng phạt... đó là cái lẽ tự nhiên. Con người "vô vi" chấp nhận các quan hệ khách quan, không việc gì chống lại nó. Anh ta đạt đến cái lợi của mình bằng cách sử dụng các quan hệ ấy theo lợi ích của mình. Đoạn sau đây chứng tỏ điều đó:

"Trời có cái lẽ tự nhiên của nó, con người có cái lẽ tự nhiên của nó. Mùi thơm, vị ngon, rượu nồng, thịt béo làm ngon miệng nhưng sinh bệnh... Cái quyền không nên lộ ra, bản chất của nó là vô vi. Bậc thánh nhân nắm lấy cái chủ yếu, bốn phương đến phục dịch. Mình *hư tâm* (không có thành kiến) *đối xử, người ta tự họ thi hành.* Bốn biển đã đầy đủ, *do âm mà thấy dương.* Những người chung quanh đã xác lập xong, mở cửa để đón tiếp... Nói chung, *sự vật đều có chỗ thích nghi của nó, của cải đều có chỗ dùng của nó, mỗi người đều ở vào chỗ đứng của mình, cho nên trên dưới vô vi. Khiến con gà gáy sáng, khiến con mèo bắt chuột, mọi vật đều dùng cái tài của nó cho nên trên dưới vô sự".* ("Nêu cao uy quyền").

Ông vua không tự mình làm mà để bầy tôi trình bày biện pháp (danh) rồi giao cho anh ta làm,

sau đó xét kết quả (hình) để quyết định thưởng phạt. Thuyết hình danh sau này được các vua đầu nhà Hán rất thích.

Để thực hiện vô vi hay làm theo đúng đạo tự nhiên, ông vua phải hiểu mọi cái lẽ tất nhiên để đề phòng và tận dụng. Đọc *Hàn Phi Tử*, bạn đọc sẽ thấy chữ "thế nào cũng" khắp nơi là vì thế. Hàn Phi biến tất cả thành quan hệ tất yếu chứ không xét sự việc rời rạc. Phải đề phòng từ vợ, con, tể tướng, trăm quan đến các nhà biện luận, các sứ thần, nước ngoài... Việc lớn, việc nhỏ gì cũng đều có cái lẽ tất yếu của nó, phải nhìn sự việc từ khi nó mới nhú lên. Làm ngay vào lúc ấy thì đạt đến kết quả mà phí rất ít công sức. Hàn Phi trình bày rất kỹ những biện pháp đề phòng, những dấu hiệu báo trước sự mất nước, những mánh khoé kiểm tra v.v... Với ông tất cả biến thành thao tác. Cách nhìn sự việc với con mắt khách quan, quy tất cả thành thao tác, quan hệ khiến chúng ta sửng sốt về tính hiện đại của nó.

Cách trình bày của Hàn Phi là hiện đại đến mức một người quen đọc sách lý luận của Trung Quốc cổ ngạc nhiên. Trong cách trình bày của Trung Quốc cổ, mặc dầu kiến thức rất phong phú, văn chương rất hay, nhưng các khớp xương của lý luận rất lỏng lẻo. Thí dụ *Đại học* nói "tu được thân thì tề được gia. Tề được gia thì trị được nước". Nhưng tu thân và tề gia là hai chuyện hết sức khác

nhau, tề gia và trị nước cũng thế. Giữa hai vế thiếu cái vế giữa nêu lên cái quan hệ tất yếu giữa chúng. Mặc Tử nói rất hay về thuyết kiêm ái tức là một người phải yêu tất cả mọi người. Nhưng dù ông có nói mọi cái đẹp của lý thuyết này, ông vẫn quên cái khâu cơ bản nhất: con người có những lý do rất quan trọng để lo đến bản thân trước khi lo đến người khác. Chừng nào Mặc Tử chưa giải quyết được điểm ấy thì lý luận ông vẫn không vững.

Với Hàn Phi thì khác. Bài "Nỗi phẫn uất của con người cô độc" nói kẻ cầm quyền nắm năm cái thắng (ở gần được vua tin yêu, người cũ và quen thuộc nhà vua, cùng ham thích như nhà vua, được quý trọng, cả một nước theo anh ta), kẻ sĩ biết đề cao pháp luật nắm lấy năm cái thua (ở xa và không thân nhà vua, mới đến, nói trái ý nhà vua, bị coi khinh, đơn độc) cho nên dù anh ta có giỏi đến đâu, anh ta vẫn bị nguy. Trình bày như thế thì hết sức chặt chẽ: Kẻ sĩ muốn đề cao pháp luật thế nào cũng phải chống lại kẻ cầm quyền - nhưng kẻ cầm quyền được nhà vua thân, tin, thích và dĩ nhiên là ghét anh ta - vậy nhà vua tất nhiên sẽ làm theo ý kẻ cầm quyền mà giết anh ta. Cái vế ở giữa mà phần lớn các nhà lý luận bỏ qua thì Hàn Phi rất chú ý cho nên lập luận của ông rất vững chắc.

Đối với ai muốn hiểu chế độ quân chủ Trung Quốc, thực tế không có tác phẩm nào quan trọng

bằng *Hàn Phi Tử*. Toàn bộ các quan hệ xã hội được phơi bày đến mức tàn nhẫn, không nể nang gì hết. Óc phê phán của tác giả sắc bén đến mức nó là bản cáo trạng đầy đủ nhất, khách quan nhất về chế độ quân chủ. Là người quý tộc, ông từ bỏ tầng lớp quý tộc, căm thù nó. Ông phê phán chế độ quân chủ từ bên trong cho nên rất sâu sắc. Bản thân ông vua thảm hại hơn người hủi, chung quanh ông ta toàn kẻ thù, còn ông ta muốn tồn tại phải sử dụng hết mưu mô này đến mánh khoé khác. Tác giả không bao giờ bị mê hoặc bởi cái hào nhoáng bên ngoài mà bao giờ cũng nhìn thẳng vào các quan hệ bất biến.

Tác phẩm này còn chứa đựng một giá trị văn học rất cao, điều đó mới đáng ngạc nhiên. Nguyên nhân của nó là ở con người Hàn Phi. Thời xưa không hiểu được con người ông bảo ông là kẻ tàn nhẫn, thực ra Hàn Phi chính là con người "đau khổ vì trí tuệ" đầu tiên mà ta biết được. Ông ý thức được cái học vấn và cái tài vô song của mình mà so với nó tất cả bọn Tô Tần, Trương Nghi, Lý Tư đều là trẻ con. Ông hiểu được khả năng về chính trị của mình mà so với nó, Quản Trọng, Thương Quân còn kém xa. Nhưng ông tuyệt vọng trước tình thế hiện tại. Vua chúa các nước thì ngu độn, ở nước Tần thì đã có Lý Tư. Ông thấy trước không còn cách gì du thuyết. Với ông, chỉ có hai con đường, một là vứt bỏ tài năng và hiểu biết, sống theo bọn ninh thần. Hai

là sống như ông muốn sống để chấp nhận cái chết không tài nào tránh khỏi. Với tư cách một nhân cách ông đã chấp nhận con đường thứ hai.

Thiên "Hỏi họ Điền" kể lại một câu chuyện đáng chú ý. Đường Khê Công lo sợ cho việc làm viết sách của Hàn Phi nhắc đến chuyện Ngô Khởi bị xé xác, Thương Quân bị phanh thây, khuyên Hàn Phi bỏ công việc này. Hàn Phi đáp: "Tôi rất hiểu những lời nói của tiên sinh. Phàm nắm lấy cái quyền cai trị thiên hạ, dùng pháp độ để trị dân là điều không phải dễ. Nhưng sở dĩ tôi gạt bỏ lời dạy của tiên sinh mà làm theo điều riêng tôi cho là phải là vì tôi nghĩ rằng: lập ra phép tắc và thuật cai trị, lập ra quy củ đó là cái đạo *để làm lợi cho dân và tiện cho thứ dân*. Cho nên *tôi không sợ hoạ và mối lo bị chúa hôn ám, vua loạn, mà nhất định nghĩ đến cái lợi của việc trị dân, cái hành động của kẻ có nhân và có trí*. Sợ mối lo và cái hoạ do chúa hôn ám, vua loạn gây nên mà tránh cái hại bị giết, bị chết, hiểu rõ cái lợi của mình mà *không nhìn thấy cái lợi của dân hèn, là hành vi của kẻ tham lam bỉ ổi*. Tôi không đành làm việc tham lam bỉ ổi, không dám làm cái hành vi có hại đến chữ nhân và chữ trí. Tiên sinh có bụng thương tôi, nhưng thực ra làm thương tổn đến tôi rất nhiều".

Chính *Hàn Phi Tử* được viết với cái tinh thần dũng cảm ấy cho nên nó lôi cuốn tất cả những ai có

gan nhìn thẳng vào sự thực, dám nhận trách nhiệm trước dân đen. Tinh thần ấy đã khiến cho cái tác phẩm lý luận lẽ ra phải rất khô khan, nhưng đọc hết sức xúc động.

Lý thuyết Hàn Phi được Tần Thuỷ Hoàng dùng để thống nhất Trung Quốc. Sau đó nó làm thành lý thuyết của nền quân chủ Trung Hoa nhưng bao giờ cũng bị che giấu dưới cái vẻ bên ngoài Nho giáo tức là lý luận "Dương Nho âm Pháp" mà Lục Giả đã bày cho Hán Cao Tổ. Gia Cát Lượng ba lần chép bộ sách này để cho con của Lưu Bị học mà trị nước. Các cố gắng sửa đổi pháp chế vào đời Đường, đời Tống đều dựa vào *Hàn Phi Tử*. Ở Việt Nam trong các việc làm của Lê Thánh Tông, Minh Mệnh có dấu vết của học thuyết pháp gia. Còn ở Trung Quốc ngày nay đằng sau ngôn ngữ mác xít ta vẫn thấy sức sống mạnh mẽ của *Hàn Phi Tử*.

Học thuyết *Hàn Phi Tử* có những sai lầm căn bản:

Một là ông chỉ thấy con người ở khía cạnh vụ lợi. Điều đó không đúng. Con người có những lý tưởng cao đẹp và sẵn sàng quên mình cho những lý tưởng ấy dù cho các quyền lợi cá nhân bị vi phạm đến một mức nào đó. Không cần tìm một dẫn chứng nào xa xôi, chính Hàn Phi là một người như thế.

Hai là, không thể xây dựng một lý thuyết pháp trị vững chắc dựa trên quyền lợi một ông vua. Lịch sử chưa cho thấy một ông vua nào không bị chế độ

quan liêu tha hoá. Trong những hoàn cảnh nhất định để đạt được mục đích trả thù, bá chủ thiên hạ... ông vua có thể tạm thời theo, nhưng sau khi đạt được mục đích ông vua nào cũng hư hỏng. Do đó trong thời đại quân chủ, cái mơ ước mà Hàn Phi nghĩ đến không bao giờ đạt được.

Ba là, do chỗ bị hạn chế vào chế độ quân chủ, Hàn Phi không thể tìm ra cái cơ chế bắt buộc nhà vua phải đề phòng tất cả những cái hoạ mà ông đã thấy từ trước.

Đối với một người đọc sách phương Đông để tìm sự thức nhận thì Hàn Phi Tử là bằng chứng tuyệt diệu của cái gọi là phương thức sản xuất châu Á. Nó là một xã hội nô lệ toàn dân. Chỉ có một ông chủ: ông vua, mọi tài sản đều là của ông ta. Mọi người dân đều bình đẳng ở cái thân phận nô lệ. Tất cả, trừ vua, đều chỉ có quyền hưởng dụng (droit de possession) mà không có quyền sở hữu (droit de propriété). Gặp một xã hội như vậy thì những khái niệm nó sử dụng chỉ là những từ đồng âm với những từ phương Tây. Phương Tây nói đến lễ ta cũng nói lễ. Nhưng với người phương Tây cũng như với chúng ta ngày nay lễ biểu hiện trước hết ở thái độ tôn trọng chính mình. Tôi mặc quần áo chỉnh tề tiếp đón một ông tổng thống là vì tôi tôn trọng tôi và bắt ông ta phải tôn trọng lại tôi như tôi tôn trọng ông ta. Còn khi một người phương Đông quỳ trước một ông quan để chào ông ta thì khác hẳn: tôi tự phủ định tôi

để ông được trọng. Chính trong cái hoàn cảnh ấy, lý thuyết pháp trị kiểu Hàn Phi mới ra đời được. Pháp luật là đặt ra phục vụ quyền lợi một người, chứ không phải một giai cấp. Sự bình đẳng mà pháp luật chủ trương *là bình đẳng của nô lệ trước pháp luật đối với nhau*. Nó xoá bỏ đẳng cấp để làm nổi bật hơn thân phận nô lệ của mọi người. Nó không phải là lý thuyết pháp trị hiện đại dựa trên quyền lợi của nhân dân lao động, khẳng định sự bình đẳng trước lao động, và giá trị của cá nhân người lao động.

Mặc dầu vậy, tác phẩm này vẫn rất có ích cho chúng ta. Nó cung cấp một cách nhìn hợp với phương Đông và một sự phê phán chế độ quân chủ rất khoa học, có lợi cho chế độ dân chủ.

Tác phẩm này khó đọc không phải vì Hàn Phi viết khó hiểu mà vì sau hai ngàn năm, nhiều chữ chép sai, nhiều chỗ chép sót, đến mức nếu không có một sự khảo chứng công phu thì khó có ai dịch được. Chúng tôi dịch được chẳng qua nhờ công khảo sát văn bản của vô số học giả Trung Hoa, đặc biệt nhờ bộ *Hàn Phi Tử tập thích* của Trần Kỳ Du, Bắc Kinh 1958, trong đó ông Trần Kỳ Du đã tập hợp mọi lời bàn của trên 50 nhà khảo cứu từ xưa đến nay. Chúng tôi hy vọng tác phẩm này tuy viết cách đây 2300 năm sẽ có ích cho công cuộc đổi mới mà Đảng và nhân dân đang tiến hành.

GS. PHAN NGỌC

QUYỂN I

Thiên I

Lần đầu yết kiến vua Tần (Sơ kiến Tần)

1. Thần nghe nói: "Không biết mà nói là không khôn; biết mà không nói là không trung. Làm bầy tôi mà không trung thì đáng chết; nói mà không đúng cũng đáng chết". Tuy vậy, thần cũng xin trình bày tất cả những điều mình nghe, xin đại vương miễn tội cho.

2. Thần nghe nói thiên hạ phía bắc có nước Yên, phía nam có nước Ngụy liên minh với nước Sở, củng cố nước Tề và thu nước Hàn nhằm tạo thành kế hợp tung để quay mặt về hướng tây gây khó khăn cho nước Tần mạnh. Thần trộm cười cho họ. Trên đời có ba cái mất mà thiên hạ đều mắc phải, điều này phải chăng là thế?

Thần nghe nói: "Lấy nước loạn mà đánh nước trị an thì mất; lấy tà đánh chính thì mất; lấy nghịch

đánh thuận thì mất". Nay thiên hạ, kho vũ khí không đầy đủ, kho thóc trống rỗng, lại dốc binh sĩ và dân chúng ra, dàn quân vài trăm vạn, nhưng những kẻ cúi đầu đội mũ lông chim làm tướng quyết liều chết ở phía trước không quá một ngàn người. Ai cũng nói liều chết, nhưng mũi nhọn sáng loáng ở phía trước, búa rìu ở phía sau, thế mà họ vẫn cứ bỏ chạy không thể liều chết. Không phải binh sĩ và dân chúng họ không thể liều chết, mà vì những người ở trên không thể làm cho họ liều chết. Miệng nói khen thưởng nhưng lại không cho; miệng nói trừng phạt nhưng lại không thi hành. Thưởng và phạt đều không chắc như đã nói cho nên dân không liều chết.

Nay nước Tần ra hiệu lệnh mà thi hành việc thưởng phạt: người có công và người không có công phân biệt rõ ràng. Dân sinh ra từ nơi cha bồng mẹ bế, trong đời chưa từng trông thấy quân giặc. Thế mà nghe nói đến chuyện chiến đấu đã giẫm chân, xắn áo xông vào nơi gươm giáo, giẫm lên lửa đạn, quyết tâm liều chết. Phàm chuyện quyết chết và quyết sống là khác nhau, nhưng dân lại làm như thế. Đó là vì họ thấy chuyện hăng hái liều chết là quý. Nói chung một người liều chết có thể chống lại mười người. Mười người liều chết có thể chống lại trăm người. Trăm người liều chết có thể chống lại ngàn người. Ngàn người liều chết có thể chống lại vạn người. Vạn người liều chết có thể thắng cả thiên hạ.

Nay nước Tần bớt chỗ dài, bù chỗ ngắn, cũng đất vuông vài ngàn dặm, quân sĩ nổi tiếng vài chục vạn. Về mặt hiệu lệnh, thưởng phạt của nước Tần và hình thế đất đai lợi hại của nó, thiên hạ không nước nào sánh kịp.

Cho nên nước Tần đánh không mấy khi không thắng, tiến công không mấy khi không lấy được. Những kẻ chống cự không mấy khi không bị đánh bại. Nước Tần mở rộng đất đai thêm vài ngàn dặm. Đó là cái công lao to lớn của nó. Thế mà khí giới của nó bị cùn đi, binh sĩ của nó bị bệnh tật, của cải chứa chất bị kiệt, ruộng đồng hoang phế, kho thóc trống rỗng. Chư hầu bốn phía không phục. Danh hiệu bá vương không thành. Sở dĩ thế không vì cớ gì khác, vì các mưu thần của nó không dốc hết lòng trung.

4. Thần xin đánh bạo nói điều đó. Ngày xưa, nước Tề phía nam đại phá nước Kinh, phía đông đánh bại nước Tống, phía tây bắt nước Tần theo mình, phía bắc đánh bại nước Yên, ở giữa sai khiến các nước Hàn, Ngụy. Đất đai rộng mà binh mạnh, đánh thì thắng, tiến công thì lấy được, ra mệnh lệnh cho cả thiên hạ. Có thành dài đê lớn đủ làm ranh giới. Nước Tề là nước chiến đấu năm mặt, chỉ một mặt chiến đấu không thắng là không còn nước Tề[1].

[1] Đây nói chuyện Nhạc Nghị cầm đầu quân nước Yên đánh bại quân Tề vào năm -284. Năm mặt là bốn phía và ở giữa.

Do đó mà xét thì chiến tranh đó là vấn đề tồn vong của một nước có vạn cỗ xe.

Thần lại nghe nói: "Muốn trừ bỏ dấu vết thì không để sót rễ; không ở gần cái hoạ thì cái hoạ sẽ không sinh ra".

Nước Tần đánh nhau với nước Kinh[2], đánh bại nước Kinh, đánh úp thành Sính, chiếm lấy Động Đình, Ngũ Hồ, Giang Nam. Vua tôi nước Kinh trốn chạy, sang phía đông theo nước Trần. Vào lúc bấy giờ, nếu đuổi theo quân Kinh mà đánh thì có thể lấy được nước Kinh. Lấy nước Kinh thì dân có thể thoả lòng ham muốn mà đất có thể cung cấp cái lợi. Quay sang phía đông để làm cho nước Tề, nước Yên yếu đi, ở giữa xâm phạm Tam Tấn[3]. Như vậy là cất quân một lần mà có thể đạt được tiếng bá vương và khiến cho chư hầu bốn phía phải vào chầu. Thế nhưng các mưu thần không làm, đem quân rút lui. Nước Tần lại cùng hoà hiếu với nước Kinh, khiến cho người Kinh có dịp thu lại cái nước đã bị mất, tập hợp lại những người dân đã lưu tán, dựng lại xã tắc, lo việc tôn miếu khiến nước Kinh cầm đầu thiên hạ

[2] Nước Sở còn gọi là nước Kinh. Vì cha của Tần Thuỷ Hoàng tên là Tử Sở cho nên kiêng chữ Sở mà gọi là Kinh. Trong quyển này phần lớn nước Sở được gọi là Kinh cũng là vì thế, chỉ trừ những bài viết cho vua Hàn thì nước Sở vẫn gọi là Sở.

[3] Ba nước Hàn, Triệu, Ngụy đều xuất phát từ chỗ chia ba nước Tấn trước cho nên gọi gộp cả ba nước ấy lại là Tam Tấn.

quay mặt về hướng tây để gây khó khăn cho nước Tần. Đó là một lần bỏ mất cái đạo làm bá vương vậy.

Thiên hạ là bè đảng với nhau, đóng quân ở dưới chân núi Hoa Sơn. Đại vương ra chiếu đánh phá. Quân đến chân thành nước Lương. Nếu vây vài tuần thì có thể chiếm nước Lương. Nước Lương bị chiếm thì có thể lấy luôn nước Nguỵ. Lấy nước Nguỵ thì sự giao thông giữa các nước Kinh, Triệu bị cắt đứt. Sự giao thông giữa các nước Kinh, Triệu bị cắt đứt thì nước Triệu nguy. Nước Triệu nguy thì nước Kinh hoang mang. Đem quân sang đông để làm yên nước Tề, nước Yên, đánh vào giữa để xâm phạm Tam Tấn. Như vậy là một lần cất quân mà danh tiếng bá vương có thể thực hiện được, có thể bắt các nước chư hầu bốn phía phải vào chầu. Thế mà các mưu thần không làm, kéo quân rút lui, lại hoà hiếu với nước Nguỵ, khiến cho nước Nguỵ thu lại được cái nước đã mất, tập hợp lại cái dân chúng đã lưu tán, dựng lại xã tắc, làm chủ tôn miếu. Rõ ràng đó là lần thứ hai bỏ mất đạo bá vương vậy.

Trước đây, Nhương Hầu cai trị nước Tần, dùng binh của một nước mà lại muốn lập nên cái công của hai nước[4]. Cho nên binh sĩ suốt đời phơi mình ở ngoài, dân chúng và quân sĩ mệt mỏi ở trong mà không làm được cái danh bá vương. Đó là lần thứ ba chứng tỏ rõ rành bỏ mất cái đạo bá vương vậy.

[4] Nhương Hầu cấp thêm quân cho nước Triệu để đánh nước Tề, cho nên nói dùng binh một nước để lập nên cái công của hai nước.

5. Nước Triệu là cái nước ở giữa, dân tứ chiếng ở đấy. Dân nó nhẹ dạ và khó dùng. Hiệu lệnh ban ra không được thi hành, khen thưởng và trừng phạt không chắc chắn thi hành, hình thế đất đai không tiện giữ, dưới không dùng hết cái sức của dân. Rõ ràng đó là tình trạng một nước đang mất. Thế mà vua Triệu không lo đến dân chúng, đốc tất cả binh sĩ và dân chúng đóng quân dưới thành Trường Bình để tranh giành đất Thượng Đảng của nước Hàn.

Đại vương ban chiếu phá tan quân Triệu, chiếm thành Vũ An. Lúc bấy giờ ở nước Triệu người trên kẻ dưới không thân yêu nhau, người sang kẻ hèn không tin nhau. Như vậy thì sẽ không giữ được thành Hàm Đan. Thành Hàm Đan một khi bị chiếm, ta đánh lấy đất Hà Gian ở phía đông núi, đem quân đi sang phía tây tiến công Tu Vũ, vượt qua núi Hoa Sơn, chiêu hàng Thượng Đảng. Bốn mươi sáu huyện của đất Đại, bảy mươi huyện của đất Thượng Đảng, không dùng một tên lính, không làm khó nhọc một người dân mà đều sẽ là đất của nước Tần.

Khi các đất Đại và Thượng Đảng không chiến đấu mà đều thuộc về nước Tần thì các đất Đông Dương, Hà Ngoại cũng đều sẽ không chiến đấu mà là của nước Tề. Các đất Trung Sơn, Hô Đà đi về phía bắc cũng đều sẽ không chiến đấu mà thuộc về nước Yên. Như thế thì nước Triệu mất.

Nước Triệu mất thì nước Hàn sẽ mất. Nước Hàn đã mất thì nước Kinh, nước Ngụy không thể

đứng một mình. Nước Kinh nước Nguỵ đã không thể đứng một mình thì Tần một lần cất quân mà tiêu diệt nước Hàn, nhét nước Nguỵ vào đấy, nhổ nước Kinh, đem quân về phía đông mà làm yếu nước Tề, nước Yên.

Phá vỡ cửa sông ở Bạch Mã để cho nước chảy vào nước Nguỵ thì làm một lần mà Tam Tấn đều mất, và kế hợp tung thì thất bại. Đại vương cứ chắp tay mà chờ đợi, thiên hạ lũ lượt đến phục tùng. Danh tiếng bá vương có thể thành được. Thế mà bọn mưu thần không làm, kéo quân rút lui, lại hoà hiếu với nước Triệu.

Nói chung, sáng suốt như đại vương, mạnh như quân Tần mà bỏ lại cái nguyện bá vương; đất tăng chẳng có được, lại bị cái nước suýt mất lừa dối, đó là cái kém của bọn mưu thần.

Vả lại, khi nước Triệu đáng mấy mà không mất, nước Tần đáng làm bá mà không làm bá, thì thiên hạ đã hiểu rõ khả năng mưu thần nước Tần rồi. Thế mà lại đem dốc hết quân sĩ để đánh thành Hàm Đan, không thể lấy được thành, bỏ áo giáp, mang cung nỏ run cầm cập mà rút lui[5]. Lần thứ hai, thiên hạ đã rõ sức của nước Tần.

Lại đem quân rút lui họp dưới chân thành Phù, đại vương lại đem tất cả quân đến đánh nhau với

[5] Tín Lăng Quân đem quân nước Triệu đánh bại quân Tần đang vây hãm Hàm Đan của Tề.

quân địch nhưng không thể đánh bại nó, lại không thể đem quân về, mệt mỏi mà rút đi[6]. Lần thứ ba thiên hạ đã xét rõ cái sức của nước Tần vậy. Bên trong không xét các mưu thần của mình, bên ngoài đã dùng hết binh lực của mình.

Cứ theo thế mà xét thì thần cho rằng thiên hạ sẽ hợp tung chống lại chắc không phải là chuyện khó. Võ khí chúng ta cùng, binh sĩ dân chúng bị bệnh, của cải chứa chất kiệt, ruộng vườn hoang, kho thóc rỗng, bên ngoài thiên hạ đều kiên quyết đoàn kết nhau chặt chẽ. Xin đại vương nghĩ cách đối phó.

6. Vả lại thần nghe nói: "Run run sợ sợ, ngày nào cũng cẩn thận; nếu cẩn thận lo đến cái đạo của mình thì có thể có được cả thiên hạ". Tại sao lại biết như vậy?

Ngày xưa Trụ làm thiên tử, định đem quân đội thiên hạ trăm vạn, cánh trái uống nước ở Kỳ Khê, cánh phải uống nước ở Viên Cốc, nước sông Kỳ khô kiệt mà nước sông Viên không chảy, để gây khó khăn cho Chu Vũ Vương. Vũ Vương cầm ba ngàn binh sĩ, đánh một ngày mà phá tan nước của Trụ, bắt được thân Trụ, chiếm đất của ông ta và làm chủ dân ông ta. Thiên hạ không ai thương xót về việc ấy. Trí Bá đem quân của ba nước để tấn công Triệu Tương Chủ ở thành Tấn Dương, dẫn nước vào thành luôn

[6] Tần vây Hàm Đan 9 tháng, chết bị thương vô số, Triệu Vương đánh, Tần rút lui.

ba tháng, thành sắp bị mất. Tương Chủ bói mai rùa cỏ thi để xem lợi hay hại, nên hàng nước nào. Bèn sai bầy tôi của mình là Trung Mạnh Đàm lặn lội trốn ra ngoài mưu trái lại lời giao ước của Trí Bá, nắm được quân của hai nước để đánh Trí Bá, bắt được Trí Bá và phục hồi lại tình trạng yên ổn trước đây.

Ngày nay, đất Tần cắt dài bù ngắn cũng vuông vài ngàn dặm, quân đội nổi tiếng vài chục vạn, hiệu lệnh thưởng phạt, hình thế đất đai lợi hại của Tần thiên hạ không thể bằng. Lấy cái đó để đối phó với thiên hạ thì có thể thôn tính được thiên hạ.

Thần liều chết muốn được yết kiến đại vương, nói cách phá kế hoạch hợp tung của thiên hạ, lấy nước Triệu, diệt nước Hàn, bắt các nước Kinh, Nguỵ phải làm bầy tôi, thần với nước Tề, nước Yên để làm thành cái danh bá vương, cái đạo khiến chư hầu bốn bên chầu mình.

Nếu đại vương thực lòng nghe cái thuyết này thì một lần cất quân mà kế hợp tung của thiên hạ không bị phá, nếu nước Triệu không mất, nước Hàn không diệt, nước Kinh, nước Nguỵ không làm bầy tôi, nước Tề, nước Yên không thần, cái danh hiệu bá vương không thành, chư hầu bốn bên không vào chầu, xin đại vương chém thần để ra hiệu cho cả nước, về tội bàn mưu cho nhà vua mà không trung.

Thiên II

Bảo tồn nước Hàn (Tồn Hàn)[7]

1. Nước Hàn thờ nước Tần đã ba mươi năm. Đi ra thì làm khiên mộc để che chở, vào thì làm chiếu nệm. Tần riêng lấy quân đội tinh nhuệ đánh lấy thiên hạ mà Hàn lại theo Tần. Thiên hạ oán nước Hàn, còn công lao quy về nước Tần. Vả lại, nước Hàn vào làm nhiệm vụ nộp cống không khác gì một quận huyện. Nay thần trộm nghe những bầy tôi sang chủ trương đem quân định đánh Hàn.

Phàm họ Triệu tập hợp binh sĩ, nuôi những kẻ hợp tung, muốn hợp nhất quân đội của thiên hạ. Nó thấy rõ rằng nếu như Tần không yếu đi thì các nước chư hầu thế nào cũng bỏ mất tôn miếu. Cho nên nó muốn quay mặt về hướng tây để thi hành ý định của mình. Đó không phải là cái kế trong một ngày. Nay nước Tần bỏ cái lo về nước Triệu mà lại đánh nước Hàn là bầy tôi ở trong nước của mình thì thiên hạ thấy rõ cái kế của Triệu là đúng vậy.

2. Hàn là nước nhỏ, mà lại chống lại việc tấn công của thiên hạ ở cả bốn mặt. Vua nhục, tôi khổ, trên dưới cùng lo lắng đã lâu rồi. Lo phòng bị gìn

---

[7] Bài này có lẽ đàn trước bài "Lần thứ nhất yết kiến vua Tần" thì mới hợp lý.

giữ, đề phòng quân địch mạnh, có tích trữ, đắp thành đào ao để giữ vững.

Nay nếu đánh Hàn thì không thể trong một năm mà diệt được. Nếu chiếm được một thành rồi rút lui thì cái uy quyền của nó sẽ bị thiên hạ coi nhẹ và thiên hạ sẽ làm cho quân đội của nó bị gãy. Nếu nước Hàn làm phản thì nước Ngụy sẽ hưởng ứng, nước Triệu sẽ dựa vào nước Tề để tìm cái thế yên ổn. Như vậy tức là Tần đem nước Hàn, nước Ngụy để giúp cho nước Triệu. Và nước Triệu nhờ thế nước Tề mà củng cố được cái kế hợp tung của mình để tranh cường với Tần. Đó là cái phúc của nước Triệu nhưng lại là cái hoạ của nước Tần vậy.

Phàm Tần tiến lên đánh Triệu thì không thể lấy, rút lui mà tấn công nước Hàn thì không thể cướp được. Như vậy là quân sĩ tinh nhuệ bị mắc ở nơi đồng nội, phải chiến đấu vất vả, quân đội chuyên chở lo mệt nhọc vận chuyển lương thực từ trong nước. Như vậy là tập hợp những người yếu đuối, mệt mỏi để đánh với hai vạn cỗ xe. Đó không phải là cách tiêu diệt được nước Triệu vậy. Nếu làm theo cái mưu kế của các bầy tôi sang thì nước Tần sẽ là mục tiêu công kích của quân đội thiên hạ. Tuy bệ hạ có sống lâu như vàng ngọc nhưng ngày thôn tính cả thiên hạ vẫn chưa đến.

3. Nay theo ngu kế của hạ thần thì nên sai người đi sứ sang nước Kinh, dùng nhiều của cải đút lót viên quan có quyền nói rõ tại sao nước Triệu lại

lừa dối nước Tần: trao con tin cho nước Ngụy để cho nó an tâm, theo nước Hàn mà đánh nước Triệu. Như vậy, nước Triệu tuy với nước Tề là một nhưng không đáng lo vậy. Sau khi đã giải quyết xong công việc với hai nước này thì có thể đưa thư mà bình định được nước Hàn. Như vậy là ta một lần cất quân mà hai nước (Tề và Triệu) đều có nguy cơ bị diệt vong. Lúc đó nước Kinh và nước Ngụy thế nào cũng phải tình nguyện phục theo.

Cho nên có câu: "Việc binh là việc nguy hiểm" không thể không cẩn thận trong việc dùng. Nếu nước Tần đánh nhau với nước Triệu thì sự quyết định là ở nước Tề. Nay nước Tần lại gạt bỏ nước Hàn nhưng vẫn chưa có cái gì để làm yên lòng nước Kinh, nước Ngụy. Một lần chiến đấu mà không thắng được thì cái hoạ sẽ sinh ra.

Tính mưu kế là cái để quyết định công việc, không thể không xét kỹ. Nước Hàn và nước Tần nước nào mạnh, nước nào yếu là được quyết định trong năm nay.

Vả lại, nước Triệu âm mưu với các nước chư hầu đã lâu rồi. Nếu một lần động binh mà tỏ ra yếu đuối với chư hầu thì là nguy hiểm đến công việc. Tính kế mà khiến cho chư hầu có cái bụng muốn đánh mình thì rất là nguy. Để lộ hai điều sơ hở không phải là cách làm cho mình mạnh hơn chư hầu.

4. Thần trộm xin bệ hạ nghĩ kỹ cho. Nếu tấn công mà khiến cho những người theo kế hoạch hợp tung lợi dụng thì lúc hối sẽ không kịp nữa[8].

Bài bác lại Hàn Phi của Lý Tư

Bệ hạ trao cho hạ thần bức thư của người khách nước Hàn là Hàn Phi nói không thể đánh nước Hàn. Hạ thần Tư này cho rằng lời nói đó rất sai lầm.

1. Nước Tần mà có nước Hàn cũng như con người có bệnh ở trong gan ruột. Lúc bình thường thì khổ sở như ở vào nơi ẩm thấp. Nếu mang bệnh mà không trừ bỏ đi thì khi chạy nhanh bệnh sẽ phát.

Nói chung, nước Hàn tuy là bầy tôi nước Tần nhưng không phải không làm thành mối nguy hại cho nước Tần. Nay đột nhiên có việc nguy cấp do nước Triệu gây nên mà Kinh Tô đi sứ sang nước Tề chưa biết kết quả ra sao. Theo như thần xem thì không chắc Kinh Tô có thể cắt đứt được việc giao hiếu với nước Tề, nước Triệu. Nếu việc giao hiếu này không bị cắt đứt thì sẽ khiến cho nước Triệu đưa

[8] Hàn Phi là công tử nước Hàn đến nước Tần muốn bàn đến chuyện giúp Tần làm bá chủ thiên hạ, nhưng lại nói đến chuyện bảo tồn nước Hàn. Chỗ sai của Hàn Phi chính là ở đó. Chính vì vậy cho nên Lý Tư có cớ để tố cáo Hàn Phi chỉ lo cho nước Hàn chứ không lo cho nước Tần, và mượn tay vua Tần giết Hàn Phi. Trong tập *Hàn Phi Tử* có cả bài văn bác lại của Lý Tư và bức thư Lý Tư dâng vua Hàn. Hai bài này cũng là những bài văn nổi tiếng cho ta một khái niệm về văn luận chiến thời Chiến quốc. Chúng tôi dịch cả hai bài này để bạn đọc tiện tham khảo.

ra hai vạn cỗ xe để chống lại. Nước Hàn không phục tùng cái nghĩa của nước Tần mà chỉ phục tùng kẻ mạnh mà thôi. Nay nếu ta tập trung chú ý vào nước Tề và nước Triệu thì nước Hàn sẽ làm thành cái bệnh phát ra trong gan ruột. Nước Hàn hợp mưu với nước Kinh, chư hầu lại hưởng ứng thì nước Tần sẽ có mối lo không nhìn thấy được núi Hào Sơn nữa.

2. Hàn Phi đến đây biết đâu chẳng phải vì ông ta có thể bảo tồn nước Hàn cho nên được nước Hàn trọng. Ông ta dùng tài biện thuyết, tô vẽ cái mưu gian để bòn lợi ở nước Tần, lại lấy cái lợi của nước Hàn để dòm ngó bệ hạ. Việc giao hiếu giữa Hàn và Tần mà thân thiết thì Phi sẽ được quý trọng. Đó là cái kế mà ông ta mưu lợi cho mình.

3. Thần xem Phi nói, tô vẽ cái thuyết bậy bạ của mình, khoe khoang cái tài hùng biện quá lắm. Thần sợ bệ hạ say mê cái tài biện luận của Phi mà nghe theo cái lòng trộm cướp của anh ta, nên không xét kỹ sự tình.

Nay theo lời bàn ngu dốt của thần, nếu nước Tần cất quân mà không nêu rõ mục đích của cuộc chinh phạt của mình thì những người được tin dùng ở Hàn sẽ nghĩ đến việc phục vụ nước Tần. Thần Tư này xin đến yết kiến vua Hàn để cho vua Hàn vào yết kiến bệ hạ. Bệ hạ tiếp vua Hàn, nhân đấy mà giữ ông ta lại không cho về, sai ông ta gọi những bầy tôi xã tắc của mình đến để cùng những người nước Hàn mặc cả. Như vậy thì có thể vào sâu đất nước Hàn.

Nhân đấy sai Tượng Vũ cất quân ở Đông Quan, dàn quân ở biên giới nhưng không nói là đi đâu. Như vậy thì người Tề sẽ sợ mà theo cái kế của Kinh Tô. Thế là quân đội ta chưa ra mà nước Hàn mạnh đã vì uy mà bị giữ lại, nước Tề mạnh vì nghĩa mà theo ta. Các nước chư hầu nghe vậy thì nước Triệu sợ vỡ mật, nước Kinh ngờ vực, thế nào cũng theo kế của ta. Người Kinh không động binh thì nước Ngụy không đáng lo. Như vậy là có thể ăn chư hầu hết như tằm ăn lá dâu, có thể đánh nhau với họ Triệu vậy. Cúi mong bệ hạ ban ơn xét cho cái kế của ngu thần, chớ bỏ lỡ.

Vua Tần bèn cho Tư làm sứ giả sang nước Hàn.

Lý Tư đến, yết kiến vua Hàn, chưa được yết kiến, nhân đấy dâng thư nói:

1. Ngày xưa nước Tần và nước Hàn dốc sức một lòng để không xâm phạm lẫn nhau. Thiên hạ không ai dám phạm đến, như vậy đã mấy đời nay.

Trước đây, năm nước chư hầu cùng nhau đánh nước Hàn, nước Tần đem quân cứu nước Hàn. Nước Hàn ở Trung Quốc, đất không đủ ngàn dặm, nhưng sở dĩ được ngang hàng với các nước chư hầu trong thiên hạ là nhờ vua tôi gìn giữ nhau, đời đời dạy nhau thờ phụng nước Tần. Trước đây, năm nước chư hầu cùng nhau đánh Tần, nước Hàn làm phản đi đầu để đánh quân Tần ở cửa ải Hàm Cốc. Chư hầu quân nguy khốn, sức hết, không biết nên làm như thế nào, quân đội chư hầu thôi đánh.

Đỗ Thương là tướng quốc nước Tần cất quân định báo cái oán của thiên hạ mà trước tiên là đánh nước Kinh. Quan lệnh doãn nước Kinh lo lắng nói: "Nước Hàn cho nước Tần làm điều bất nghĩa, nhưng lại làm anh em với nước Tần để làm khổ thiên hạ. Sau đó, nó lại phản lại nước Tần đem quân đi đầu để đánh Hàm Cốc Quan. Nước Hàn ở Trung Quốc thay đổi chưa có thể biết được". Thiên hạ cùng nhau cắt mười thành đất Thượng Địa của nước Hàn để tạ lỗi với nước Tần, giải tán quân đội.

Nước Hàn đã một lần phản lại nước Tần nên nước lại bị bức bách, đất đai bị xâm chiếm, quân đội yếu đi cho đến ngày nay. Sở dĩ như thế là vì nó nghe những lời bàn hời hợt của bọn gian thần, không cân nhắc sự thực. Dù có giết bọn gian thần cũng không có thể khiến cho nước Hàn mạnh trở lại.

2. Nay nước Triệu muốn tập hợp binh sĩ để gây chuyện với nước Tần. Nó sai người đến mượn đường, nói muốn đánh Tần. Nhưng cái thế của nó là thế nào cũng đánh Hàn trước rồi sau đó mới đánh Tần.

Vả lại, thần nghe nói: "Môi hở răng lạnh". Nước Tần và nước Hàn không thể không cùng mối lo, tình hình này có thể thấy. Nước Ngụy muốn cất quân để đánh nước Hàn, nước Tần sai người đưa sứ giả Ngụy sang Hàn. Nay vua Tần sai thần là Tư sang nhưng không thể yết kiến, thần sợ những người chung quanh nhà vua lại theo cái kế ngày xưa của

bọn gian thần, khiến cho nước Hàn gặp phải mối lo mất đất. Bầy tôi Tư không thể yết kiến xin về báo, thì việc giao hiếu giữa nước Tần và nước Hàn thế nào cũng bị cắt đứt.

Tư đi sứ đến đây là làm theo cái lòng vui vẻ của vua Tần, xin dâng mưu kế thuận tiện. Đó đâu phải là điều khiến bệ hạ cản trở hạ thần? Thần Tư nguyện xin được yết kiến một lần, trình bày mưu kế ngu dại trước mặt nhà vua, rồi rút lui chịu bị giết, xin bệ hạ nghĩ cho.

Nay nếu giết thần ở đất Hàn thì đại vương không vì thế mà mạnh, còn nếu không nghe mưu kế của thần thì cái hoạ thế nào cũng nảy sinh. Nước Tần sẽ cất toàn bộ quân đội, mà xã tắc nước Hàn sẽ phải lo vậy.

Nếu thần Tư phơi bày thân mình ở chợ nước Hàn, thì tuy bệ hạ muốn xét lại cái kế ngu dại của thần cũng không kịp nữa. Chờ đến khi biên giới bị tàn hại, nước cố sức giữ, tiếng trống và tiếng mõ vang lên bên tai rồi mới dùng cái kế của thần thì đã muộn rồi.

Vả lại, quân đội của Hàn đối với thiên hạ thì có thể biết rồi. Nay lại phản lại nước Tần mạnh, thì phải bỏ thành, quân thua và bọn phản nghịch thế nào cũng đánh úp lấy thành. Khi thành hết thì dân chúng tản hết, dân chúng tản hết thì không còn có quân đội nữa. Nếu thành cố sức giữ thì nước Tần sẽ cất quân vây lấy một thành ấp của nhà vua. Đường

đi bị tắc thì khó mà mưu tính được, tình thế không thể cứu được, mưu kế của những người chung quanh không dùng được. Xin bệ hạ suy nghĩ kỹ cho. Nếu những lời của Tư có điều gì không phù hợp với sự thực, thì xin bệ hạ cho thần được trình bày tất cả ở trước mặt rồi sẽ cho quan lại giết đi cũng không muộn.

Vua Tần ăn không ngon miệng, đi xem không thấy vui, ý chí cốt mưu việc đánh Triệu. Sai thần là Tư đến nói, xin bệ hạ cho thần được yết kiến, nhân đấy có mưu kế cấp bách trình bày bệ hạ.

Nay khiến cho thần không được yết kiến thì chữ tín của nước Hàn còn chưa biết. Nước Tần thế nào cũng bỏ cái lo đối với nước Triệu để đem binh chuyển sang nước Hàn. Cúi xin bệ hạ xét cho lần nữa và cho phép thần được báo lại.

Thiên III

Ngại nói (Nan ngôn)

1. Bầy tôi là Phi không phải ngại nói. Sở dĩ ngại nói là vì nếu lời nói thuận tai trơn tru, đẹp đẽ, văn vẻ hoa mỹ thì bị xem là phù hoa mà không chân thật. Nếu lời nói đôn hậu, cung kính thẳng thắn, cẩn thận thì bị xem là vụng về, không giống người ta. Nếu nói nhiều, dẫn nhiều lại hay so sánh thì bị xem là trống rỗng và vô dụng. Nếu nói tóm tắt, gọn gàng,

trình bày thẳng mà không tô vẽ thì bị xem là gay gắt mà không giỏi biện luận. Nếu nói gay gắt đến những người thân cận, nêu rõ tình người thì bị xem là gièm pha và không nể nang người ta. Nếu nói chuyện rộng lớn, sâu xa không thể lường được thì bị xem là huênh hoang, vô dụng. Nếu nói chuyện vụn vặt trong nhà, trình bày hết điều này đến điều khác, thì bị xem là thô lậu. Nếu lời nói gần với thế tục, giọng không làm phật lòng người trên thì bị xem là tham sống và nịnh hót người trên. Nếu lời nói khác xa thế tục, coi thường người ta thì bị xem là lừa dối. Nếu lời nói lưu loát nhanh nhẹn, biện luận thông suốt, có nhiều văn vẻ thì bị xem là văn hoa. Còn nếu bỏ văn học, chỉ cứ theo phép tắc mà trình bày thì bị xem là quê mùa. Nếu luôn luôn đem chuyện *Kinh thi, Kinh thư*, nói chuyện bắt chước người xưa thì bị xem là kẻ tụng sách xưa. Chính vì vậy cho nên bầy tôi Phi ngại nói và rất lo lắng.

2. Cho nên mặc dầu phép tắc tuy đúng cũng chưa chắc đã được nghe theo, nghĩa lý tuy đã đầy đủ cũng chưa chắc đã được dùng. Nếu đại vương không tin theo lời nói này, thì ít ra cũng cho là phỉ báng, chê bai, và lớn ra thì tai hoạ chết chóc đến thân mình.

Cho nên Ngũ Tử Tư giỏi mưu kế mà bị nước Ngô giết. Trọng Ni khéo biện thuyết mà bị người nước Khuông bao vây. Quản Di Ngô thực là người hiền mà nước Lỗ bỏ tù. Ba vị kia đâu không phải là

những người hiền? Nhưng vì họ gặp ba ông vua không sáng suốt vậy.

Đời Thượng cổ có Thành Thang là bậc chí thánh, Y Doãn là bậc chí trí. Một bậc chí trí thuyết phục một bậc chí thánh mà nói bảy mươi lần còn chưa nghe. Y Doãn phải tự mình cầm vạc cầm thớt, làm người đầu bếp, quen thân gần gũi nhà vua, Thang mới biết là ông ta hiền mà dùng.

Cho nên nói lấy người chí trí nói với bậc chí thánh, cũng chưa chắc là đã được nghe. Chuyện Y Doãn thuyết phục Thành Thang là như thế. Còn lấy người khôn thuyết phục kẻ ngu thì thế nào cũng không nghe. Chuyện Văn Vương thuyết phục Trụ là như thế.

Ngày xưa Văn Vương thuyết phục Trụ, mà Trụ bỏ tù ông ta, Dực Hầu bị nướng, Quỳ Hầu bị phơi khô, Tỷ Can bị moi tim, Mai Bá bị làm mắm, Quản Di Ngô bị trói, mà Tào Cơ phải chạy trốn sang nước Trần, Bách Lý Hề phải đi ăn xin, Phó Duyệt phải bị bán làm tôi tớ, Tôn Tẫn bị chặt chân ở nước Ngụy, Ngô Khởi gạt nước mắt ở Ngạn Môn, đau xót vì đất Tây Hà sẽ bị nước Tần lấy, cuối cùng bỏ chạy sang nước Sở, Công Thúc Toa tiến cử người rường cột của nước nhưng lại bị xem là kẻ dở hơi, Công Tôn Ưởng chạy sang nước Tần, Quan Long Bàng bị chém, Trành Hoằng bị phanh thây, Doãn Tử bị ném vào hố đầy cây gai, Tư Mã Tử Kỳ chết thây trôi trên sông Giang, Điền Minh bị liệng đá chết, Bí Tử Tiện và

Tây Môn Báo không tranh giành mà chết vì tay người. Đổng An Vu chết phơi thây ở chợ. Tể Dư không thoát khỏi tay Điền Thường, Phạm Thư gãy hông ở nước Ngụy.. Mười mấy người kia đều là những kẻ sĩ tài giỏi, có nhân, trung thành, tốt và có mưu lược trên đời không may gặp phải ông vua hôn ám hung bạo, bị mê hoặc, mà phải chết.

3. Như vậy thì dù có là bậc hiền thánh cũng không thể trốn khỏi chết chóc, trốn tránh nhục nhã. Tại sao thế? Bởi vì khó thuyết phục người ngu, và người quân tử không thể tiến gần nhà vua được. Và lại, lời nói hay nghe chướng tai, phật ý, nếu không phải là bậc hiền thánh thì không ai có thể nghe được. Xin đại vương xét kỹ cho.

Thiên IV

Bầy tôi yêu (Ái thần)

1. Bọn bầy tôi yêu mến nhà vua thân quá thì sẽ nguy đến thân. Bầy tôi nếu được sang quá thì thế nào cũng sẽ cướp ngôi nhà vua. Địa vị của bà hoàng hậu và các thiếp mà không phân biệt thì thế nào cũng sẽ nguy cho đứa con trưởng. Anh em không vâng theo nhà vua thì sẽ nguy đến xã tắc.

2. Thần nghe nói: "Ông vua có ngàn cỗ xe không phòng bị thì thế nào cũng có bầy tôi có trăm

cỗ xe ở bên cạnh cướp mất dân và giành lấy nước của mình. Ông vua có vạn cỗ xe không phòng bị thì thế nào cũng có cái nhà có ngàn cỗ xe ở bên cạnh cướp lấy cái uy mà giành lấy nước của mình". Như vậy, khi bọn gian thần đông và giàu có thì đạo của nhà vua phải suy vong. Vì vậy cho nên chư hầu lớn mạnh là cái hại cho vị thiên tử. Bầy tôi quá giàu là cái hại cho nhà vua. Tướng quân, tể tướng bỏ quyền lợi của nhà vua để lo quyền lợi nhà mình thì bị nhà vua gạt cả.

3. Trong muôn vật không có gì quý bằng thân mình, không có gì được tôn trọng bằng địa vị, không có gì đáng trọng bằng uy quyền, không có cái gì mạnh bằng cái thế của nhà vua. Bốn cái đẹp ấy đều không cầu xin ở ngoài, không nhờ ở người, nếu làm cho phải thì có được. Cho nên nói: "Ông vua không biết dùng cái giàu của mình thì sẽ chết ở nước ngoài". Đó là điều kẻ làm vua người ta phải biết.

4. Ngày xưa vua Trụ bị diệt vong, nhà Chu bị hèn kém đều do chư hầu lớn mạnh mà ra. Nước Tấn bị phân chia, nước Tề bị cướp mất đều là do bọn bầy tôi quá giàu. Sở dĩ người nước Yên, nước Tống giết vua của mình cũng đều thuộc loại ấy.

Cho nên trên thì xem gương nhà Ân, nhà Chu, giữa thì xem gương nước Yên, nước Tống, không nước nào là không theo phép tắc này. Do đó bậc vua sáng nuôi bầy tôi của mình thì dùng pháp luật để tận dụng hết cái khả năng của họ, giữ con tin để đề

phòng họ. Vì vậy, không tha tội chết, không bỏ hình phạt. Nếu tha tội chết, bỏ hình phạt, thì cái uy của nước sẽ bị giảm mất, xã tắc sẽ nguy, quốc gia sẽ vào tay người khác.

5. Cho nên bậc đại thần lộc tuy lớn, vẫn không ra uy ở thành thị. Bè đảng ông ta tuy đông, vẫn không được chỉ huy quân sĩ, vì vậy bầy tôi trong nước không được có triều đình riêng, người ở trong quân đội không được giao thiệp riêng, kho lúa kho tiền nhà vua không được cho nhà riêng vay mượn. Đó là cách bậc vua sáng dùng để cấm điều gian tà.

Cho nên các quan không được có bốn cỗ xe đi theo, không mang theo quân đội riêng. Không phải là người mang thư và mang tin thì không được mang vũ khí đi nơi này sang nơi khác. Nếu phạm tội thì giết không tha. Đó là cách vị vua sáng dùng để đề phòng chuyện bất ngờ.

Thiên V

Đạo làm chủ (Chủ đạo)

1. Đạo là cái khởi đầu của muôn vật, là tiêu chuẩn phân biệt điều phải điều trái. Chính vì vậy vị vua sáng nắm lấy cái khởi đầu để biết nguồn gốc của muôn vật, giữ lấy cái tiêu chuẩn để biết then chốt của việc đúng hay sai. Cho nên nhà vua dùng

sự trống rỗng và yên tĩnh để chờ đợi, khiến cho cái danh tự nó được lập, sự việc tự nó được xác định. Nếu trống rỗng thì biết được tình thế của sự thực. Nếu yên tĩnh thì biết được cách sửa đổi cái động cho đúng.

Người nào nói thì tự anh ta đưa ra cái tên gọi (danh), người nào làm thì tự anh ta đưa ra cái hình thức (hình). Ông vua so sánh hình thức và tên gọi xem có phù hợp với nhau không. Cho nên ông vua không phải làm việc gì mà mọi việc đều quay trở về với bản chất của nó.

2. Cho nên nói: Nhà vua chớ để lộ cho người ta biết mình muốn gì. Nếu nhà vua để lộ cho người ta biết mình muốn gì thì bọn bầy tôi thế nào cũng sẽ tô vẽ. Ông vua chớ để lộ ý của mình. Nhà vua để lộ ý của mình thì bọn bầy tôi thế nào cũng biểu lộ cái khác với bản tính của họ. Cho nên nói: Bỏ điều mình ham, bỏ điều mình ghét mới thấy rõ được bụng dạ bầy tôi. Bỏ kinh nghiệm, bỏ khôn ngoan của mình thì bầy tôi sẽ tự đề phòng.

Cho nên nhà vua khôn ngoan nhưng lại không dùng cái khôn ngoan ấy để lo lắng, mà để cho muôn vật biết được cái chỗ nó phải đứng. Nhà vua có hạnh nhưng lại không khoe cái hạnh của mình mà quan sát lý do hành động của bầy tôi. Nhà vua có cái dũng, nhưng lại không nổi giận, khiến cho bầy tôi trổ hết sức mạnh của họ.

Vì vậy nhà vua bỏ sự khôn ngoan mà lại sáng suốt, bỏ tài giỏi mà lại có được công lao, bỏ dũng mà lại có được sức mạnh. Bầy tôi giữ chức vụ của họ, trăm quan có nhiệm vụ không thay đổi, nhà vua dựa theo năng lực của họ mà dùng. Cái đó gọi là nắm lấy cái bất biến.

Cho nên nói: "Đạo vắng lặng ở vào nơi không có chỗ đứng. Nó trống rỗng không ai biết nó ở đâu". Vua sáng vô vi ở trên, bầy tôi lo lắng ở dưới. Cái đạo của bậc vua sáng là khiến cho kẻ khôn ngoan hết lòng lo lắng và nhà vua nhân đó mà giải quyết được sự việc. Nhờ thế cái khôn ngoan của nhà vua không cạn. Những người hiền trổ hết tài năng của mình, nhà vua nhân đó mà sử dụng họ, cho nên tài năng của nhà vua không cạn. Công việc nên thì nhà vua được tiếng giỏi, có sai lầm thì bầy tôi chịu lấy tội. Kết quả nhà vua không bao giờ hết cái danh.

Vì vậy cho nên nhà vua không giỏi mà làm thầy những người giỏi, không khôn ngoan mà làm chuẩn mực cho sự khôn ngoan. Bầy tôi phải vất vả mà nhà vua hưởng sự thành công. Cái đó gọi là nguyên lý chủ yếu của ông vua hiền.

3. Đạo nhà vua là ở chỗ người ta không thể nhìn thấy nó, cái dụng của nó là ở chỗ người ta không thể biết nó. Nó trống rỗng phẳng lặng, không làm gì, ở nơi bóng tối nhìn thấy sự sai sót. Nó thấy người ta mà người ta không thấy nó, nó nghe người

ta mà người ta không biết nó. Nó biết người ta mà người ta không biết nó.

Khi nghe người ta nói điều gì thì đừng thay đổi sửa chữa nó, mà so sánh nó với sự thực xem có hợp không. Mỗi ông quan đều có một người quan sát ông ta, nhưng không để cho họ trò chuyện với nhau. Như vậy thì muôn vật đều tròn. Che vết tích, giấu đầu mối, thì người dưới không thể lần được nguyên nhân. Gạt bỏ cái khôn của mình, cắt đứt cái tài của mình thì người dưới sẽ không đoán được cái ý của mình. Giữ lấy quyết định của mình mà xét việc làm của cấp dưới xem có phù hợp với nó không.

Cẩn thận nắm lấy cái cán và giữ chặt lấy nó. Cắt đứt mong muốn của người dưới, phá bỏ cái ý của họ, chớ khiến người ta thèm muốn nó. Nếu không cẩn thận cài then, không giữ cửa cho chắc thì hổ sẽ xuất hiện. Nếu không thận trọng trong công việc, không che đậy tình cảm của mình thì giặc sẽ nẩy sinh.

Giết ông vua mình, thay thế địa vị nhà vua, không ai không theo mình, cho nên gọi đó là hổ. Kẻ ở cạnh vua, làm bầy tôi gian, nghe những sai lầm của nhà vua cho nên gọi đó là giặc. Phải giải tán phe đảng của chúng, bắt những kẻ theo chúng, đóng cửa của chúng lại, đoạt lấy mọi cái giúp đỡ cho chúng thì nước mới không có hổ.

Phải lớn đến mức độ không thể lường, phải sâu đến mức độ không thể đo, phải lo sao cho cái tên và

sự thực phù hợp với nhau, phải xét kỹ pháp luật và các cách thức, giết những kẻ chuyên quyền thì nước mới không có giặc.

Cho nên bậc làm vua bị năm cái che lấp. Bầy tôi cản trở nhà vua gọi là che lấp. Bầy tôi nắm lấy của cải và lợi lộc gọi là che lấp. Bầy tôi tự tiện ra mệnh lệnh gọi là che lấp. Bầy tôi được phép làm việc nghĩa gọi là che lấp. Bầy tôi được phép gây dựng người gọi là che lấp.

Bầy tôi mà che lấp nhà vua thì nhà vua mất địa vị của mình. Bầy tôi mà nắm lấy của cải và lợi lộc thì nhà vua bỏ mất đức. Bầy tôi mà tự tiện thi hành mệnh lệnh thì nhà vua mất quyền. Bầy tôi được phép thi hành việc nghĩa thì nhà vua mất sự sáng suốt. Bầy tôi được phép gây dựng người thì nhà vua bỏ mất người theo mình. Những điều này chỉ có nhà vua một mình thi hành, không phải là việc bầy tôi được phép làm.

Cái đạo của bậc làm vua là lấy sự thanh tĩnh, khiêm nhường làm quý. Không tự mình làm việc mà biết thế nào là vụng, thế nào là khéo. Không tự mình suy tính mà biết thế nào là phúc là hoạ. Vì vậy cho nên không nói mà khéo ứng phó. Không cố gắng mà công việc vẫn có kết quả. Lời nói đã phù hợp thì nắm lấy cái giao ước; sự việc đã hoàn thành thì nắm lấy cái kết quả.

Căn cứ vào chỗ lời nói phù hợp với việc làm mà quyết định thưởng hay phạt. Vì vậy cho nên bầy

tôi trình bày lời nói của họ, còn nhà vua thì dựa vào lời nói để giao việc, giao việc thì yêu cầu phải có kết quả. Nếu kết quả phù hợp với việc làm, việc làm phù hợp với lời nói thì thưởng. Nếu kết quả không phù hợp với việc làm, việc làm không phù hợp với lời nói thì trừng phạt. Đạo của bậc vua sáng là ở chỗ bầy tôi không trình bày những lời không phù hợp với công việc. Vì vậy bậc vua sáng thi hành việc khen thưởng thì tốt như trận mưa đúng lúc, trăm họ đều hưởng được ơn huệ. Khi thi hành việc trừng phạt thì oai nghiêm như sấm sét, thánh thần cũng không thể cứu được.

Cho nên bậc vua sáng không khen thưởng bừa, không tha việc trừng phạt. Khen thưởng bừa thì những bày tôi có công lao bỏ bễ công việc của mình. Tha việc trừng phạt thì bọn gian thần dễ làm bậy. Cho nên nếu như người ta quả thực có công thì dù là người xa và hèn hạ cũng cứ thưởng. Nếu người ta quả thực phạm sai lầm thì dù là người gần và yêu cũng cứ trị. Nếu người gần và yêu cũng cứ trị thì những người xa và hèn hạ sẽ không dám lười biếng, mà những người gần và được yêu cũng không dám kiêu căng.

QUYỂN II

Thiên VI

Có phép tắc (Hữu độ)

1. Không có nước nào luôn luôn mạnh, cũng không có nước nào luôn luôn yếu. Hễ những người thi hành pháp luật mà mạnh thì nước mạnh, còn hễ những người thi hành pháp luật mà yếu thì nước yếu.

2. Vua Trang Vương nước Kinh thôn tính hai mươi sáu nước, mở rộng đất đai ba ngàn dặm. Nhưng vua Trang Vương vừa mới rời bỏ xã tắc thì nước Kinh suy vong. Hoàn Công nước Tề thôn tính ba mươi nước, mở rộng đất đai ba ngàn dặm, nhưng Hoàn Công vừa rời bỏ xã tắc thì nước Tề suy vong. Tương Vương nước Yên lấy sông Hoàng Hà làm biên giới, lấy thành Kế làm kinh đô, đánh úp đất Trác và đất Phương Thành, tàn phá nước Tề, bình định nước Trung Sơn, nước nào theo nước Yên thì được trọng, không theo nước Yên thì bị coi thường.

Thế nhưng Tương Vương vừa mới rời bỏ xã tắc thì nước Yên suy vong.

An Ly Vương nước Nguỵ đánh nước Triệu, cứu nước Yên, thu phần đất phía đông sông Hoàng Hà, đánh chiếm hết đất nước Đào, nước Vệ rồi đem quân sang nước Tề, lấy thành Bình Lục làm kinh đô riêng của mình. Lại đánh nước Hàn, lấy nước Quản, chiến thắng ở bờ sông Kỳ, ở Thư Dương, làm cho quân Kinh bỏ chạy, trong trận đánh ở Thái và ở Thiệu Lăng phá tan quân nước Kinh. Quân đội bốn lần bày ra trong thiên hạ, uy thế thi hành ở tất cả các nước mang đai đội mũ. Nhưng An Ly Vương chết thì nước Nguỵ suy vong. Cho nên có Kinh Trang Vương, Tề Hoàn Công thì nước Kinh, nước Tề có thể làm bá, có Yên Tương Vương, Nguỵ An Ly Vương thì nước Yên, nước Nguỵ có thế mạnh lên. Ngày nay đó đều là những nước suy vong bởi vì bọn bầy tôi, quan lại đều lo theo cái gây nên loạn chứ không lo theo cái gây nên trị. Nước họ đã loạn đã yếu mà họ còn bỏ phép nước lo lợi riêng của mình. Như vậy là vác củi để cứu hoả, nước còn loạn và yếu thêm nữa.

3. Vì vậy vào thời nay, nếu có ông vua biết bỏ được điều riêng tư, cong queo, mà theo phép công thì dân sẽ được yên mà nước sẽ được trị. Nếu có ông vua bỏ được điều riêng tư, thi hành phép công thì quân đội mạnh mà kẻ địch yếu. Nhờ vậy ông vua biết rõ việc nên, việc không nên, có sự quy định

theo phép tắc. Lấy phép tắc để thi hành với bầy tôi, thì người ta không thể dùng lối dối trá để lừa nhà vua. Nhà vua xét kỹ việc nên chăng, cầm cân nẩy mực để cân nhắc, để nghe những việc ở xa thì người ta không thể. Nhà vua xét kỹ việc nên chăng, lấy việc trong thiên hạ để lừa nhà vua.

Nay nếu căn cứ vào danh tiếng để tiến cử người có tài thì bầy tôi thế nào cũng rời khỏi bề trên và người ở dưới lập bè phái. Nếu dựa vào phe đảng mà được làm quan thì dân lo chơi bời với nhau mà không mong được dùng theo đúng phép tắc.

Cho nên các quan làm việc không có năng lực thì nước loạn. Nếu nhờ được khen mà được thưởng, bị chê bai mà bị phạt thì những người ham thưởng sợ phạt sẽ bỏ phép công, thi hành cái thuật riêng tư, kết bè với nhau để làm bậy. Người dưới quên chủ, giao du với nước ngoài để tiến cử người cùng bè với mình, như thế là họ ít lo cho bề trên vậy. Khi họ đã giao du với nhiều người, bè đảng đông, trong ngoài bè đảng với họ thì dù họ có phạm tội nặng cũng có nhiều người che đậy cho họ.

Kết quả, bậc trung thần có cái nguy là không có tội mà chết. Kẻ gian thần có cái yên là không có công mà hưởng lợi. Khi bậc tôi trung bị cái nguy không có tội mà chết thì những bầy tôi giỏi rút lui. Kẻ tôi gian tà có cái yên không có công mà hưởng lợi thì bọn gian thần tiến lên. Đó là cái gốc của sự mất nước.

Như vậy thì bầy tôi bỏ pháp luật, thi hành việc riêng, coi nhẹ phép công. Khi phần lớn đến cửa những kẻ có thể giúp đỡ mình, thì không ai đến triều đình nhà vua. Trăm điều lo nghĩ đều nhằm làm lợi cho nhà riêng, không có điều lo nghĩ nào tính đến cái nước của nhà vua. Thuộc hạ nhà vua tuy đông nhưng không phải để đảm nhiệm việc nước. Như vậy thì ông vua tuy có được cái tiếng là vua nhưng thực ra là dựa vào các nhà riêng của bầy tôi.

Cho nên thần nói: "Triều đình của một nước sắp mất không có người". Triều đình không có người không phải là triều đình vắng người. Đó là vì họ lo vun đắp cho nhau trong việc riêng mà không lo vun đắp cho nước. Các quan đại thần lo đề cao lẫn nhau mà không lo đề cao nhà vua. Các quan nhỏ lo lấy bổng lộc để giao du với nhau cho thân thiết mà không lo đến việc công. Sở dĩ có tình hình như vậy là vì nhà vua ở trên không dựa theo pháp luật mà quyết định; trái lại tin những điều người dưới làm.

Cho nên bậc vua sáng khiến pháp luật chọn người chứ không tự mình tiến cử; khiến pháp luật đo lường công lao, chứ không tự mình tính toán. Kẻ có tài năng không thể bị che đậy; kẻ kém không thể tô vẽ; kẻ được khen không thể tiến chức; kẻ bị chê không bị đẩy lui. Như thế giữa vua với tôi phân biệt rõ ràng và nước dễ cai trị. Chỉ cần nhà vua theo pháp luật là có thể làm được thế.

4. Người hiền khi đã làm bầy tôi người ta thì quay mặt về hướng bắc mà thi hành chức vụ, không có hai lòng. Ở triều đình không dám từ chối việc hèn kém, khi ở quân đội không dám từ chối việc khó, thuận theo việc làm của cấp trên, nghe theo phép của vua, hư tâm để đợi mệnh lệnh, chứ không bàn chuyện phải trái. Vì vậy, tuy có miệng nhưng không nói việc riêng, tuy có mắt nhưng không nhìn việc riêng, tất cả đều do bề trên sai khiến.

Kẻ làm bầy tôi cũng giống như cái tay, trên thì che đầu, dưới thì che thân, ấm mát, nóng lạnh không thể không cứu, dẫu có gươm Mạc Tà ở bên cạnh cũng không dám không bắt lấy. Những bầy tôi khôn ngoan sáng suốt không lo việc riêng. Những kẻ sĩ có tài năng không lo việc riêng. Kết quả, dân không giao du với người ngoài làng, không kết thân với người ở xa trăm dặm. Kẻ sang người hèn không vượt quyền nhau. Kẻ ngu người khôn giữ thế cân bằng mà đứng. Đó là mức cao nhất của việc trị an.

Nói chung, những kẻ coi khinh tước lộc, coi nhẹ việc ra đi, bỏ trốn để tìm ông vua của mình, thần không gọi là liêm. Những kẻ bịa đặt lý thuyết làm trái pháp luật, ra sức can gián trái ý nhà vua, thần không gọi là trung. Những kẻ thi hành ân huệ phân phát cái lợi để thu phục người dưới và nổi tiếng, thần không gọi là nhân. Những kẻ rời thế tục đi ở ẩn để chê bai người trên, thần không gọi là nghĩa.

Những kẻ bên ngoài đi sứ các nước chư hầu, bên trong làm cho nước mình hao mòn, họ rình lúc nước nguy hiểm để làm cho nhà vua sợ. Họ nói: "Việc giao hiếu với nước ngoài nếu không có tôi thì không thể thân với nước ngoài được, sự oán ghét nếu không có tôi thì không thể bỏ oán được". Thế rồi nhà vua tin họ, đem cả nước để nghe theo. Họ hạ thấp cái danh của nhà vua để làm cho thân mình được vinh hiển, phá huỷ sự giàu có của nước để làm lợi cho nhà mình. Thần không gọi nhữngngười đó là khôn. Những việc làm như thế những đời nguy hiểm thường thích, nhưng phép tắc của các tiên vương bị coi thường.

Phép tắc của tiên vương nói: "Bầy tôi không được ra uy, không được mưu lợi, mà phải theo ý nhà vua. Không được làm điều ác mà phải theo đường lối của nhà vua. Dân ngày xưa đời đời trị an, tôn trọng phép công, bỏ thuật riêng, chuyên tâm vào một việc cốt để chờ nhiệm vụ được trao".

5. Phàm làm vua mà thân hành xem xét trăm quan thì thời gian không có đủ và sức không làm nổi. Vả lại, nếu bề trên dùng mắt thì kẻ dưới tô vẽ dung mạo. Bề trên dùng tai, thì kẻ dưới tô vẽ âm thanh. Bề trên dùng sự suy nghĩ, thì kẻ dưới nói năng rườm rà. Các bậc tiên vương cho cả ba cái kia đều không đủ, cho nên bỏ tài năng của mình mà dựa vào pháp luật, xét kỹ việc thưởng phạt.

Các bậc tiên vương cốt nắm lấy cái chủ yếu cho nên pháp luật giản dị mà không bị xâm phạm. Một mình khống chế cả trong bốn biển, những kẻ khôn khéo không thể trổ cái gian dối của họ. Những kẻ hiếm trá không thể đưa cái nịnh hót ra. Bọn gian tà không có nơi dựa. Kẻ ở xa ngoài ngàn dặm không dám đổi lời. Kẻ có cái thế ở gần làm lang trung không dám che cái hay, tô vẽ cái sai. Các quan ở dưới trong triều đình đều không dám vượt quyền nhau. Nhờ thế công việc cai trị không mất thì giờ mà ngày rỗi rãi. Đó là vì ở trên dùng cái thế của mình cho nên được như vậy.

6. Phàm bầy tôi xâm lấn nhà vua cũng như hình thế đất đai, một ngày lấn một chút mà làm cho nhà vua mất đầu mối, đông tây đổi hướng mà không tự biết. Vì vậy bậc tiên vương lập kim chỉ nam để biết rõ hướng mặt trời mọc và lặn. Cho nên bậc vua sáng khiến bầy tôi không chú ý đến những cái ở ngoài pháp luật, không làm ân huệ ở trong vòng pháp luật, không làm điều trái pháp luật.

Pháp luật là cái để ngăn cấm việc riêng tư sai lầm vượt ra ngoài pháp luật. Hình phạt nghiêm là để cho lệnh được thi hành và trừng trị cấp dưới. Cái uy không thể cho mượn. Cái quyền không thể cùng chung với người khác. Nếu uy quyền chung với người khác thì bọn gian tà nhan nhản. Pháp luật không chắc chắn thì nhà vua bị nguy, hình phạt không quyết đoán thì không thắng được kẻ gian.

Cho nên có câu: "Người thợ khéo tuy dùng ý và mắt cũng đúng dây mực, nhưng trước đó phải lấy cái quy cái củ để đo[1]. Kẻ thượng trí tuy làm việc đúng ngay, nhưng trước đó phải lấy phép tắc tiên vương làm chuẩn". Cho nên nhờ dây dọi thẳng mà cây cong bị đẽo. Nhờ cái mực nước bằng mà chỗ cao, chỗ nghiêng bị gọt. Nhờ treo cái cân lên mà bớt được cái nặng, thêm được vào cái nhẹ. Nhờ xác lập cái đấu, cái thạch mà bớt được cái nhiều, thêm được cái ít. Cho nên lấy pháp luật trị nước chỉ cốt theo pháp luật mà làm hay ngăn cấm mà thôi.

Pháp luật không hùa theo người sang. Sợi dây dọi không uốn mình theo cây gỗ cong. Khi đã thi hành pháp luật thì kẻ khôn cũng không thể từ, kẻ dũng cũng không dám tranh. Trừng trị cái sai không tránh kẻ đại thần, thưởng cái đúng không bỏ sót kẻ thất phu. Cho nên điều sửa chữa được sự sai lầm của người trên, trị được cái gian của kẻ dưới, trừ được loạn, sửa được điều sai, thống nhất đường lối của dân không gì bằng pháp luật.

Điều dùng để răn đe các quan, ra uy với dân, khiến sự dâm dật phải lui, điều dối trá bị chặn, không gì bằng hình phạt. Hình phạt nặng thì không ai dám lấy sang khinh hèn. Pháp luật rõ ràng thì người trên được tôn trọng mà không bị xâm lấn. Người trên được tôn trọng mà không bị xâm lấn thì

[1] Cái quy là cái compa, cái củ là cái êke.

vua mạnh và nắm được cái chủ yếu. Vì vậy các bậc tiên vương quý nó và truyền nó lại. Kẻ làm vua nếu bỏ pháp luật mà làm theo ý riêng thì trên dưới không phân biệt.

Thiên VII

Hai cái cán (Nhị bính)

1. Bậc vua sáng suốt sở dĩ lãnh đạo và chế ngự được bầy tôi chẳng qua chỉ nhờ hai cái cán mà thôi. Hai cái cán ấy là: hình và đức.

Hình và đức là gì? Xin thưa giết tróc gọi là hình phạt; khen thưởng gọi là ân đức. Kẻ làm tôi sợ bị giết, bị phạt mà có lợi ở chỗ được khen thưởng. Cho nên kẻ làm vua nếu tự mình dùng hình phạt và ân đức thì bầy tôi sợ cái uy của nhà vua mà chạy theo cái lợi của họ.

Bọn gian thần ở đời thì lại không thế. Ai họ ghét thì họ lợi dụng nhà vua để làm tội. Ai họ yêu thì họ lợi dụng nhà vua để thưởng. Nếu ông vua không thể khiến cho quyền uy và cái lợi của việc thưởng phạt xuất phát từ tay mình, mà thi hành thưởng phạt theo lời bọn bầy tôi thì những người trong nước sẽ sợ bọn bầy tôi mà coi thường nhà vua, sẽ theo bọn bầy tôi mà bỏ nhà vua. Cái lo của tình trạng nhà vua bỏ mất hình phạt và ân đức là thế.

Nói chung, sở dĩ con hổ có thể khiến cho con chó phục tùng nó là nhờ có nanh, có vuốt. Nếu con hổ bỏ nanh vuốt của nó đi mà trao cho con chó dùng thì con hổ ngược lại phải phục tùng theo con chó. Ông vua dùng hình phạt và ân đức để khống chế bầy tôi, nay ông vua bỏ hình phạt và ân đức của mình để trao cho bầy tôi sử dụng thì ông vua sẽ bị bầy tôi khống chế.

2. Điền Thường ở trên thì xin tước lộc để ban cho quần thần, ở dưới làm đấu hộc lớn hơn đấu hộc thường để làm ơn với trăm họ[2]. Thế là Tề Giản Công đã bỏ mất ân đức mà Điền Thường lại dùng cái ân đức ấy. Cho nên Tề Giản Công bị giết.

Tử Hãn nói với vua Tống: "Việc khen thưởng và tặng cấp là điều dân chúng vẫn thích, xin bệ hạ tự làm lấy. Việc giết tróc và dùng hình phạt là điều dân chúng vẫn ghét, thần xin nhận làm". Do đó, vua nước Tống bỏ mất hình phạt để trao cho Tử Hãn sử dụng. Kết quả, vua nước Tống bị cướp ngôi. Điền Thường chỉ dùng ân đức mà Giản Công bị giết. Tử Hãn chỉ dùng hình phạt mà vua Tống bị cướp ngôi.

Cho nên ngày nay nếu bầy tôi sử dụng cả hình phạt lẫn ân đức thì cái nguy của ông vua ở đời còn tệ hơn là cái nguy của Tề Giản Công và của vua Tống nữa. Cho nên những ông vua bị hiếp, bị giết, bị che

---

[2] Điền Thường cho vay thì dùng thứ đấu lớn, người ta trả thì dùng bằng thứ đấu nhỏ nên người Tề quý ông ta.

đây, bỏ mất hình phạt và ân đức trao cho bầy tôi mà lại không bị nguy vong là điều chưa hề có.

Bậc làm vua muốn cấm chuyện gian tà thì phải xét kỹ tên gọi và việc làm xem có hợp với nhau không. Phải xét xem việc làm có khác lời nói không.

Bầy tôi trình bày lời nói của mình, nhà vua căn cứ vào lời nói mà giao công việc, rồi căn cứ vào công việc mà xét kết quả. Nếu kết quả phù hợp với việc làm, việc làm phù hợp với lời nói thì thưởng. Nếu kết quả không phù hợp với việc làm, việc làm không phù hợp với lời nói thì phạt. Cho nên bầy tôi những ai nói thì lớn mà kết quả thì nhỏ đều bị phạt. Họ bị phạt không phải vì kết quả ít mà vì kết quả không phù hợp với lời nói. Bầy tôi nói nhỏ mà kết quả lớn cũng phạt. Họ bị phạt không phải vì nhà vua không thích kết quả lớn mà vì kết quả không phù hợp với tên gọi của nó. Điều đó còn nguy hại hơn là có công lớn, cho nên phạt.

Ngày xưa Hàn Chiêu Hầu say rượu, ngủ. Viên quan coi mũ của vua thấy nhà vua lạnh nên lấy áo đắp cho nhà vua. Nhà vua ngủ dậy vui lòng hỏi những người chung quanh: "Ai đã lấy áo đắp lên người ta?" Những người chung quanh nói: "Đó là viên quan coi mũ!". Nhà vua bèn trị tội cả viên quan coi áo lẫn viên quan coi mũ. Trị tội viên quan coi áo vì anh ta đã không làm nhiệm vụ của mình. Trị tội viên quan coi mũ vì anh ta vượt chức vụ của mình. Không phải nhà vua không khổ vì lạnh, nhưng bởi vì

cái hại của việc vượt quá trách nhiệm còn lớn hơn là bị lạnh.

Cho nên khi bậc vua sáng nuôi bầy tôi, bầy tôi không được vượt chức quan để có công lao, không được nói những lời không đúng chỗ. Vượt quá chức quan thì chết. Nói những lời không đúng chỗ thì bị tội. Nếu những người làm quan nói lời nào cũng xác thực thì bầy tôi không thể kết bè kết đảng với nhau được.

4. Ông vua có hai mối lo: nếu dùng người hiền thì bầy tôi sẽ lợi dụng cái giỏi của họ để lấn át nhà vua. Nếu dùng người bừa bãi thì công việc sẽ hỏng. Cho nên ông vua nếu thích người hiền thì bầy tôi sẽ tô vẽ hạnh kiểm của mình để làm vừa lòng nhà vua. Như vậy thì tình thực của bầy tôi sẽ không bày tỏ được. Tình thực của bầy tôi đã không bày tỏ được thì nhà vua không có cách gì phân biệt được bầy tôi.

Cho nên vua nước Việt thích dũng cảm mà dân nhiều người coi nhẹ cái chết. Linh Vương nước Sở thích người lưng eo mà trong nước có nhiều người nhịn đói chết. Hoàn Công nước Tề hay ghen và ưa đàn bà, cho nên Thụ Điêu tự hoạn mình để vào cung. Hoàn Công thích ăn ngon cho nên Dịch Nha nấu đầu con mình để dâng. Tử Khoái nước Yên thích người hiền cho nên Tử Chi bày cho ông ta không làm vua để nhường nước cho mình.

Cho nên khi nhà vua để lộ cái mình ghét thì bầy tôi che giấu cái xấu của họ. Khi nhà vua để lộ

cái mình muốn thì bầy tôi khoe khoang tài năng của họ. Điều ham muốn của nhà vua đã lộ ra thì bầy tôi có dịp biểu hiện tình cảm và trạng thái của mình cho thích hợp. Vì vậy cho nên Tử Chi giả làm người hiền mà cướp được ngôi của nhà vua. Thụ Điêu, Dịch Nha lợi dụng lòng ham muốn của nhà vua mà lấn được nhà vua. Kết quả là Tử Khoái chết vì nội loạn, Hoàn Công đòi bò ra ở xác chết chưa được chôn. Tại sao thế? Đó là vì nhà vua để bầy tôi lợi dụng tình cảm của mình. Tình thực của bầy tôi không phải nhất thiết có thể yêu vua mình, chẳng qua vì ham lợi mà thôi.

5. Nay nếu các ông vua không che giấu tình cảm, không giấu cái đầu mối, khiến cho bọn bầy tôi có thể lợi dụng để xâm lấn mình, thì bọn bầy tôi làm Tử Chi, Điền Thường không khó gì vậy. Cho nên nói: "Bỏ yêu bỏ ghét thì bầy tôi bộc lộ tình thực của họ; bầy tôi bộc lộ tình thực của họ thì nhà vua không bị che lấp".

Thiên VIII

Nêu cao uy quyền (Dương quyền)

1. Trời có cái lẽ tự nhiên của nó, con người có cái lẽ tự nhiên của nó. Mùi thơm, vị ngon, rượu nồng, thịt béo làm ngon miệng nhưng sinh bệnh. Kẻ

da mịn, răng trắng làm cho tình cảm thích nhưng hao phí tinh lực. Cho nên phải bỏ cái quá đáng, cái thái quá, thì thân mình mới khỏi bị hại.

Cái quyền không nên lộ ra, bản chất nó là vô vi. Công việc làm ở bốn phương nhưng then chốt là ở trung ương. Bậc thánh nhân nắm lấy cái chủ yếu, bốn phương đến phục dịch. Mình hư tâm đối xử, người ta tự họ thi hành. Bốn biển đã đầy đủ, do âm mà thấy dương, những người chung quanh đã xác lập xong, mở cửa để đón tiếp. Không thay không đổi, nắm lấy hai cái (hình và danh) để xét, xét mãi không thôi. Đó gọi là cách cai trị đúng đắn vậy.

Nói chung, sự vật đều có chỗ thích hợp của nó, của cải đều có chỗ dùng của nó, mỗi người đều ở vào chỗ đúng của mình, cho nên trên dưới vô vi. Khiến con gà gáy sáng, khiến con mèo bắt chuột, mọi vật đều dùng cái tài của nó thì người trên vô sự. Bề trên nếu có sở trường của mình thì công việc không làm tròn. Bề trên khoe và thích trổ tài thì bị cấp dưới lừa dối. Bề trên thích làm ân huệ và hiếu sinh thì người dưới sẽ lợi dụng cái đó. Nếu người trên kẻ dưới thay đổi vai trò của mình thì nước sẽ vì thế mà không trị an.

2. Cái đạo bất biến của việc cai trị là lấy cái danh (tên gọi) làm đầu. Cái danh đã chính thì sự vật được xác định. Cái danh là thiên lệch thì sự vật thay đổi.

Cho nên bậc thánh nhân nắm lấy cái duy nhất và giữ yên tĩnh, khiến cái danh tự nó ra lệnh, khiến sự việc tự nó được giải quyết. Nếu nhà vua không biểu lộ cái khéo léo của mình thì người dưới sẽ tỏ lòng ngay thực và đúng đắn. Nhà vua nhân đó mà dùng họ, khiến cho họ tự mình chọn việc. Nhân đó mà giao quyền cho họ khiến cho họ tự mình làm nhiệm vụ. Nhà vua lấy cái danh để đề cử họ. Nếu không biết cái danh thì theo dõi cái hình (tình hình thực tế). Nếu cái danh và cái hình đã phù hợp với nhau thì kết quả sẽ tự nó đến. Hai cái này đều thực đúng, thì người dưới sẽ bộc lộ tình thực của họ. Cẩn thận trau giồi công việc của mình chờ mệnh ở trời, không bỏ mất cái chủ yếu, như thế mới là bậc thánh nhân.

Đạo của bậc thánh nhân là từ bỏ cái khôn ngoan và cái khéo léo. Nếu không bỏ cái khôn ngoan và cái khéo léo thì khó lòng giữ được cái nguyên lý bất biến. Nếu người dân dùng đến cái khôn ngoan và khéo léo thì thân sẽ bị điều tai ương. Nếu ông vua ở trên dùng đến cái khôn ngoan và khéo léo của mình thì nước sẽ nguy vong.

Dựa theo cái đạo của trời, theo cái danh mà xét sự thực, xem xét kỹ lưỡng điều đó. Cái gì có kết thúc thì có bắt đầu. Phải hư tâm, yên tĩnh, ở sau người ta, không bao giờ dùng cái khôn của mình. Nói chung, cái lo của người trên là ở chỗ mình hùa

theo cái khôn của người ta. Giữ chữ tín nhưng không hùa theo người ta thì vạn dân đều theo mình.

3. Nói chung, đạo rộng lớn nhưng vô hình, đức thâm nhập vào tất cả mọi vật và phổ biến mọi nơi, đến tận mọi sinh vật. Nếu châm chước đạo và đức mà dùng thì muôn vật đều phồn thịnh, nhưng đạo và đức không cùng yên ổn với vạn vật. Đạo có mặt trong mọi việc cho nên phải theo đạo mà làm, sống và chết theo đúng thời. So sánh cái danh và cái thực, dùng pháp thuật để xét cái tình thực.

Cho nên nói: "Đạo không trùng làm một với vạn vật, đức không trùng làm một với âm dương, cái cân không trùng làm một với sự nặng nhẹ, dây mực không trùng làm một với chỗ lồi chỗ lõm, cái kèn nhỏ không trùng làm một với sự nhanh chậm, nhà vua không trùng làm một với bầy tôi". Cả sáu cái này đều do đạo mà ra. Đạo không có hai cho nên gọi nó là một.

Cho nên vị vua sáng lo lấy cái đạo làm nội dung. Vua và bầy tôi không cùng một đường. Kẻ dưới người trên phân loại theo cái danh. Nhà vua nắm lấy cái danh, bầy tôi làm ra sự thực (hình). Cái danh và sự thực phù hợp với nhau thì trên dưới hoà hợp.

4. Nói chung, đạo nghe người dưới là nghe những điều họ nói để xét những điều họ làm. Phải lấy cái danh để quy định địa vị, phân biệt rõ ràng các chức phận để quy định công việc. Cái đạo nghe

người ta nói là làm ra vẻ ngây ngất như người say sượu. Răng ta, môi ta, ta không hé trước. Răng ta, môi ta, ta càng giữ yên. Như thế thì ta để cho họ tự nói trước. Ta nhân đó mà biết ý muốn của họ. Những lời phải những lời trái đến dồn dập, nhưng nhà vua không hùa theo. Hư tĩnh, vô vi là cái bản chất của đạo; tham khảo, đối chiếu sự vật là thực tế của công việc. Tham khảo để so sánh mọi vật, làm cho nó phù hợp với cái hư tâm. Nếu gốc và rễ không bỏ thì việc làm hay nghỉ ngơi đều không sai lầm. Hành động nhưng vẫn nhàn nhã, lấy cái vô vi để sửa chữa.

Nhà vua tỏ ra ham thích thì sinh ra lắm việc, nhà vua tỏ ra ghét thì sinh oán. Cho nên bỏ mừng, bỏ oán, giữ cái hư tâm để làm nơi ở của đạo.

Người trên không chia quyền với kẻ dưới thì dân sẽ yêu quý nhà vua. Nhà vua không bàn bạc với họ, khiến họ tự làm lấy một mình. Nhà vua giữ chắc lấy cái then cài ở bên trong, ngồi ở trong nhà mà nhìn ra ngoài sân thì sự khác nhau một gang một tấc đều sẽ thấy rõ ràng và biết rõ chỗ đứng của từng người. Người nào đáng thưởng thì thưởng, người nào đáng trị thì trị. Cứ dựa vào việc làm của họ, người nào cũng tự làm nên cái kết quả của mình. Việc phải việc trái đều đối xử thích đáng. Như vậy ai dám không tin? Một khi cái quy cái củ đã xác lập thì nhìn một góc cả ba góc kia đều lộ rõ.

5. Nếu ông vua ở trên không thần bí thì kẻ ở dưới sẽ có cách lợi dụng. Việc làm của nhà vua nếu không đúng thì kẻ ở dưới sẽ căn cứ vào cái nguyên lý bất biến (để sửa chữa). Như trời như đất cái đó gọi là xoá hết mọi điều lo lắng. Như đất như trời, có ai là kẻ sơ có ai là người thân đâu? Ai có thể bắt chước giống như trời đất, người ấy là bậc thánh nhân.

Muốn cai trị bên trong thì đặt người nhưng không thân với họ. Muốn trị bên ngoài thì mỗi việc đặt một chức quan, không cho họ tự tiện làm. Như thế làm sao có chuyện chuyên quyền lấn át kẻ khác được? Cửa các quan đại thần chỉ sợ có nhiều người. Nói chung, khi việc cai trị đến cực điểm thì người dưới không được có ân huệ riêng. Nếu làm cho cái sự thực (hình) phù hợp với tên gọi (danh) thì dân sẽ giữ chức vụ của mình. Nếu bỏ điều đó mà lại lo đến điều khác thì gọi là sự sai lầm lớn. Khi những bọn giảo hoạt nhan nhản thì bọn gian tà ở đầy bên cạnh mình. Cho nên nói: "Chớ làm cho người ta giàu đến mức họ cho vay. Chớ làm cho người ta sang đến mức họ ức hiếp. Chớ có tin riêng một người mà bỏ mất cái nước của mình".

Bắp chân lớn hơn đùi thì khó mà chạy nhanh. Ông vua bỏ mất cái thần bí của mình thì hổ nó theo đằng sau. Nếu nhà vua không biết thì con hổ sẽ làm con chó[3]. Nếu nhà vua không sớm ngăn chặn thì chó

[3] Ý nói bọn gian thần nguy như hổ nhưng giả vờ ngoan ngoãn như chó.

này sẽ nhiều thêm không kể xiết. Khi hổ đã thành bầy rồi thì chúng sẽ giết vua.

Làm vua mà không có bầy tôi thì làm sao mà có nước được. Nhà vua thi hành pháp luật của mình thì hổ lớn sẽ khiếp. Nhà vua thi hành hình phạt của mình thì hổ lớn sẽ tự yên. Nếu pháp luật và hình phạt được tin theo thì hổ sẽ hoá thành người và trở về bản tính của con người.

Muốn cai trị một nước thì phải phạt những kẻ tụ họp nhau lại. Nếu không phạt những kẻ tụ họp nhau lại, thì họ sẽ quá đông. Muốn cai trị đất của mình thì phải ban cấp cho đúng. Nếu cho không đúng thì những kẻ làm loạn sẽ đòi thêm. Họ đòi ta cho thế là ta trao búa cho kẻ thù. Nếu ta không thể cho họ thì họ sẽ lấy cái búa mà đánh ta.

Hoàng Đế có câu: "Người trên kẻ dưới một ngày đánh nhau một trăm trận". Người dưới che giấu cái riêng tư của mình, để thử bụng người trên. Người trên nắm lấy quyền cân nhắc xem xét để tước bớt quyền lực kẻ dưới. Cho nên lập phép cân nhắc đo lường đó là cái quý của nhà vua. Có bè có đảng, đó là cái quý của bầy tôi. Bầy tôi sở dĩ không giết ông vua của mình là vì bè đảng chưa đủ.

Cho nên người trên bỏ mất một tấc thì người dưới được lợi một tầm, một thường.Nhà vua có nước không mở rộng thủ đô mình. Bầy tôi có đạo, không làm cho gia đình mình sang. Ông vua có đạo không làm cho bầy tôi được sang. Làm cho nó sang, nó

giàu, nó sẽ thay thế mình đấy. Phải phòng cái nguy, phải lo cái gấp, phải nhanh nhanh lập thái tử, thì hoạ mới không có cách nào xảy ra.

6. Muốn xem xét bên trong, đề phòng bên ngoài thì thân mình phải nắm lấy sự cân nhắc. Ai đổi dào ta bớt đi. Ai ít ỏi ta thêm cho. Việc thêm hay bớt đều có mức độ, chớ khiến cho dân thành bè đảng, thông đồng nhau mà lừa gạt người trên. Hãy bớt đi như mặt trăng (cứ khuyết dần), hãy thêm vào như nhiệt độ (cứ lên dần trong ngày). Làm cho mệnh lệnh đơn giản và cẩn thận trong việc trừng phạt. Sự trừng phạt phải dứt khoát. Chớ buông lỏng dây cung, nếu không, một cành sẽ có hai con chim trống. Một cành có hai con chim trống thì chúng sẽ đánh nhau mãi mãi. Chó sói ở trong chuồng dê thì dê sẽ không đông. Một nhà có hai người sang công việc sẽ không xong. Vợ chồng cùng cầm quyền thì con không biết theo ai.

7. Kẻ làm vua người ta phải thường năng tỉa cây, chớ để cho cây nhiều cành quá. Cây nhiều cành quá thì sẽ che mất nhà công.

Nhà riêng phồn thịnh, thì sân công sẽ trống rỗng, và nhà vua sẽ bị bưng bít bao vây. Phải năng tỉa cây, đừng để cho cành cây chĩa ra ngoài. Cành cây chĩa ra ngoài thì sẽ xâm phạm tới nơi ở của nhà vua. Phải năng tỉa cây, chớ để cho cành lớn mà gốc nhỏ. Cành lớn mà gốc nhỏ thì sẽ không chịu nổi gió xuân. Không chịu nổi gió xuân thì cành cây sẽ làm

hại tới cái lõi của cây. Có nhiều công tử (con trai vua nhưng không phải là thái tử) thì tôn thất sẽ phải lo lắng.

Cái đạo chấm dứt mối lo này là năng tỉa cây, đừng để cho cành rậm rạp. Khi cây đã bị tỉa thì bè đảng sẽ lìa. Đào gốc rễ lên thì cái cây sẽ hết thần. Hãy lấp nguồn đi đừng để cho nước chảy tràn. Phải xét bụng bầy tôi, cướp uy quyền của họ. Nhà vua mà làm thế thì mệnh lệnh ban ra sẽ như sét như chớp vậy.

Thiên IX

Tám đường gian dối (Bát gian)

1. Nói chung bầy tôi sở dĩ thành kẻ gian là có tám cách:

1) Một là cùng giường. Thế nào gọi là cùng giường? Thưa rằng: phu nhân được tôn quý, vua yêu những đứa con nhỏ, nuông những người thiếp có sắc đẹp. Họ khiến cho nhà vua bị mê hoặc. Họ lợi dụng lúc nhà vua rỗi rãi, vui chơi, nhân lúc cơm no rượu say để yêu cầu những điều họ muốn. Đó là cái thuật làm cho nhà vua thế nào cũng nghe theo. Những kẻ làm tôi, bên trong đút vàng ngọc cho họ để họ mê hoặc nhà vua. Cái đó gọi là cùng giường.

2) Hai là ở bên cạnh. Thế nào gọi là ở bên cạnh? Thưa rằng: bọn kép hát, bọn hề, bọn lùn, những người chung quanh gần gũi nhà vua. Bọn này nhà vua chưa ra lệnh thì đã vâng vâng, chưa sai khiến thì đã dạ dạ. Chúng đón ý, lựa chiều, ngắm nhìn sắc mặt mà đoán trước bụng nhà vua. Bọn này cùng tiến, cùng thối, cùng đáp cùng đối như nhau, nói năng cùng theo một lối để làm thay đổi bụng nhà vua. Bọn bầy tôi, bên trong lấy vàng ngọc, đồ chơi cho chúng, bên ngoài thì vì chúng làm những điều trái phép để cho chúng thay đổi bụng nhà vua. Cái đó gọi là ở bên cạnh.

3) Ba là cha anh. Thế nào gọi là cha anh? Thưa rằng: các công tử con của các bà thiếp là những người được nhà vua yêu quý. Các quan đại thần và các quan lại ở triều đình là những người nhà vua cùng bàn bạc. Nếu những người này ra sức bàn thì nhà vua thế nào cũng phải nghe theo. Bọn làm tôi lấy âm nhạc, gái đẹp thờ các công tử con các bà vợ bé, dùng lời nói mua lòng các quan đại thần và các quan lại ở triều đình, giao ước với nhau nói việc này việc nọ, nếu việc có kết quả thì các quan đại thần sẽ thêm bổng lộc chức tước để khuyến khích bụng họ, khiến họ can thiệp với nhà vua. Cái đó gọi là cha anh.

4) Bốn là nuôi tai hoạ. Thế nào gọi là nuôi tai hoạ? Thưa rằng: Nhà vua thích có cung thất đẹp, ao

hồ, đài tạ đẹp, thích con trai con gái ăn mặc đẹp, thích chó ngựa để thoả lòng mình. Đó là cái tai hoạ của kẻ làm vua vậy.

Bọn bầy tôi đốc hết sức lực của dân để làm cung thất, ao hồ, đài tạ đẹp, đánh thuế nặng để cho con trai con gái, chó ngựa trang sức đẹp đẽng làm thoả lòng nhà vua và làm hỏng cái tâm của nhà vua. Họ cứ làm theo ham muốn của nhà vua để nhờ đó mưu lợi riêng của họ. Cái đó gọi là nuôi tai hoạ.

5) Năm là bọn lưu manh. Thế nào gọi là bọn lưu manh? Xin thưa: Kẻ làm tôi phân tán tài sản nhà nước để lấy lòng dân chúng, thi hành ân đức nhỏ để thu phục trăm họ. Khiến cho triều đình, chợ búa đều khen ngợi họ, để che mắt nhà vua và thực hiện điều họ muốn. Cái đó gọi là bọn lưu manh.

6) Sáu là du thuyết. Thế nào gọi là du thuyết? Xin thưa: Kẻ làm vua vốn đã bị che đậy trong việc nói năng bàn luận, ít khi nghe bàn luận cho nên dễ bị những lời du thuyết lôi cuốn. Những bọn làm tôi tìm những biện sĩ ở các nước chư hầu, nuôi những người giỏi nói ở trong nước, khiến bọn này nói chuyện riêng của mình, dùng lời khéo léo để tô vẽ, nói năng lưu loát làm cho nhà vua thấy cái thế có lợi, lấy điều lo lắng tai hoạ để đe doạ nhà vua, dùng những lời nói suông để làm hại nhà vua. Cái đó gọi là du thuyết.

7) Thứ bảy gọi là cưỡng ép. Tại sao gọi là cưỡng ép? Thưa rằng: Nhà vua lấy trăm họ và các quan làm uy lực của mình. Các quan và trăm họ thích cái gì thì nhà vua cũng thích cái đó. Cái gì các quan và trăm họ không thích thì nhà vua cũng cho là không thích. Bọn làm tôi, tụ tập những kẻ đeo gươm, nuôi những kẻ sĩ liều chết để nêu cái uy của họ, nêu rõ ai theo họ thì có lợi, ai không theo họ thì thế nào cũng chết để đe doạ các quan, trăm họ và thi hành điều riêng tư của họ. Cái đó gọi là cưỡng ép.

8) Thứ tám là bốn phương. Thế nào gọi là bốn phương? Thưa rằng: Kẻ làm vua nước nhỏ thì phải thờ nước lớn, quân đội yếu thì sợ quân đội mạnh. Nước lớn đòi điều gì thì nước nhỏ phải nghe theo, quân đội mạnh đòi điều gì thì quân đội yếu phải nghe theo.

Kẻ làm bầy tôi đánh thuế nặng, vơ vét kho lúa kho tiền, lấy hết của cải trong nước để thờ nước lớn. Rồi lại lợi dụng cái uy của nước lớn để dụ dỗ nhà vua. Người làm dữ thì xin nước lớn cử binh đóng ở biên giới để khống chế ở trong nước. Kẻ làm nhẹ thì năng dùng sứ thần của nước lớn để đe doạ vua của mình. Cái đó gọi là bốn phương.

Tất cả tám cách trên đây là những điều khiến cho bầy tôi trở thành kẻ gian, và nhà vua bị che đậy, bị cướp đoạt, mất cái mình có. Nhà vua không thể không xét đến những điều đó.

2. Vị vua sáng ở bên trong vui về sắc đẹp, nhưng không nghe lời xin xỏ, không làm theo lời cầu xin. Đối với bọn chung quanh, khi sai khiến thì thế nào cũng căn cứ vào những lời họ nói để kiểm tra, không cho nói nhiều lời. Đối với cha anh và các quan đại thần thì khi nghe lời thế nào cũng khiến cho họ chịu trách nhiệm về kết quả sau này, không cho phép họ cử người bừa bãi. Đối với những trò vui chơi giải trí thì khiến cho nó đưa ra có căn cứ, không cho phép tự tiện đưa đến hay tự tiện cất đi để bầy tôi đoán được ý nhà vua. Đối với việc thi hành ân đức, phát của phát thóc trong kho để làm lợi cho dân thì nhất thiết phải là do nhà vua làm không để cho bầy tôi thi hành ân đức riêng. Đối với việc bàn bạc thì nhà vua xem xét năng lực, khảo sát lỗi lầm những người được người ta khen và những người bị người ta chê, không để cho bầy tôi nói tốt hay nói xấu nhau. Đối với những kẻ sĩ dũng cảm và có sức mạnh, nếu họ có công trong quân lữ thì không thưởng vượt bậc, còn nếu họ đánh nhau trong làng xóm thì trừng trị không tha. Không để cho bầy tôi làm thành của riêng của mình. Đối với những yêu sách của chư hầu, cái nào hợp với pháp luật thì nghe, cái nào không hợp với pháp luật thì cự tuyệt.

3. Gọi là ông vua mất nước không phải là ông ta không có nước, mà đó là tuy có nước nhưng nước không phải là nước của ông ta. Khi bầy tôi lấy áp

lực bên ngoài để chi phối bên trong thì lúc đó ông vua đã là ông vua mất nước rồi. Nếu cho rằng nước lớn là chỗ dựa vào để cứu cánh mất nước thì cảnh mất nước còn đến nhanh hơn là không nghe lời nước lớn.

Cho nên không nghe lời nước lớn. Bầy tôi biết nhà vua không nghe thì không liên hệ với chư hầu bên ngoài. Chư hầu biết nhà vua không nghe thì sẽ không nghe theo lời những bầy tôi vu cáo nhà vua.

4. Bậc vua sáng đặt ra các quan chức, tước lộ là để tiến cử người tài giỏi và khuyến khích kẻ có công. Cho nên nói: "Người tài giỏi thì được bổng lộc hậu và làm quan to, người có công lớn thì được giao chức cao và được trọng thưởng". Bổ nhiệm người tài giỏi làm quan thì cân nhắc tài năng, ban lộc thì xứng với công lao. Cho nên người tài giỏi sẽ không giả mạo tài năng để thờ vua, người có công hăng hái xúc tiến sự nghiệp của mình. Kết quả công việc thành, công lao nên.

Ngày nay thì không thế. Nhà vua không xét người hay kẻ dở. Bàn đến kẻ có công thì dùng những người được chư hầu trọng vọng, nghe những lời xin xỏ chung quanh. Các cha anh, và các quan đại thần trên xin vua ban tước lộc, dưới bán cái tước lộc ấy để kiếm của cải, lợi lộc và lập bè đảng riêng. Kết quả là kẻ có nhiều tiền thì mua chức quan cho sang, kẻ giao thiệp với những người ở chung quanh nhà vua thì xin ơn huệ để được trọng. Bầy tôi có công

không được nói đến, việc bổ nhiệm chức quan sai lầm. Do đó, quan lại bỏ chức quan của mình để giao thiệp với nước ngoài, bỏ công việc để tham của cải.

Vì vậy cho nên người tài giỏi đều lười biếng mà không được khuyến khích, người có công chán mà bỏ công việc. Đó là cái tình cảnh của nước suy vong vậy.

QUYỂN III

Thiên X

Mười điều quấy (Thập quá)

Mười điều quấy là: Một là, làm điều trung nhỏ tức là làm hại đến điều trung lớn. Hai là, ham lợi nhỏ tức là hại đến lợi lớn. Ba là, làm điều sai trái theo ý riêng của mình, vô lễ với chư hầu, tức là thân mình sắp mất. Bốn là, không lo nghe đến việc cai trị mà thích âm nhạc, tức là thân mình sẽ bị nguy khốn. Năm là, tham lam, thích lợi tức là cái gốc của việc thân chết nước mất. Sáu là, say mê nữ nhạc, không đoái hoài đến chính sự trong nước, tức là cái hoạ mất nước. Bảy là, bỏ cung điện đi chơi xa không nghe lời can gián, tức là con đường làm cho thân mình bị nguy. Tám là, đã sai rồi nhưng không nghe lời người tôi trung, cứ độc làm theo ý mình, tức là cái đầu mối làm cho danh cao bị mất và bị thiên hạ chê cười. Chín là, bên trong không lượng sức mình, bên ngoài cậy vào chư hầu, tức là cái hoạ nước bị

chia cắt. Mười là, nước nhỏ mà vô lễ không nghe những vị thần can ngăn, tức là tình trạng dòng dõi bị diệt vậy.

1. Thế nào gọi là điều trung nhỏ?

Ngày xưa Cung Vương nước Sở đánh nhau với Lệ Vương nước Tấn ở Yên Lăng. Quân nước Sở thua, Cung Vương bị thương ở mắt.

Trong lúc chiến đấu đang hăng, quan tư mã là Tử Phản khát nước, đòi uống. Tên lính hầu Cốc Dương đưa cho ông ta một chén rượu. Tử Phản nói: "Ôi chao! Thôi ngay, rượu đấy mà". Cốc Dương thưa: "Không phải rượu đâu". Tử Phản nhận lấy mà uống.

Tử Phản vốn là người ham rượu nên thích, uống mãi không thôi, nên say vùi.

Chiến đấu xong, Cung Vương lại muốn chiến đấu nữa, sai người triệu quan tư mã Tử Phản. Tư mã Tử Phản viện cớ đau tim, từ chối. Cung Vương thân hành đi xe ngựa đến bước vào trong màn, ngửi thấy mùi rượu nồng nặc trở về nói: "Trong trận chiến đấu hôm nay quả nhân bị thương, người nhờ cậy là quan tư mã. Nhưng quan tư mã lại say như thế, thế là làm mất xã tắc nước Sở mà không thương xót đến dân ta. Ta không muốn chiến đấu nữa".

Bèn thu binh về chém quan tư mã Tử Phản để trừng phạt. Cho nên tên lính hầu Cốc Dương dâng rượu không phải là vì thù Tử Phản. Nhưng cái bụng

trung yêu nhỏ nhặt của anh ta là đủ để giết chết Tử Phản. Cho nên nói: Cái trung nhỏ thì làm hại đến cái trung lớn vậy.

2. Thế nào gọi là ham cái lợi nhỏ?

Ngày xưa vua Hiến Công nước Tấn muốn mượn đường nước Ngu để đánh nước Quắc. Tuân Tức nói:

"Bệ hạ hãy lấy ngọc bích Thuỳ Cức và cỗ xe ngựa Khuất Sản đút cho vua nước Ngu-để xin mượn đường. Thế nào ông ta cũng sẽ cho mượn đường". Nhà vua bảo: "Ngọc bích Thuỳ Cức là vật báu của đức tiên quân ta. Ngựa đất Khuất Sản là con tuấn mã của ta. Nếu họ lấy vật tặng của ta mà không cho mượn đường thì thế nào?". Tuân Tức thưa: "Nếu họ không cho ta mượn đường thì nhất định không dám nhận quà tặng của ta. Còn nếu như họ nhận quà tặng của ta mà cho ta mượn đường thì vật báu của ta cũng như là lấy ở cái kho bên trong rồi cất ở cái kho bên ngoài, và ngựa quý của ta cũng như lấy ở tàu ngựa bên trong rồi nhốt ở tàu ngựa bên ngoài mà thôi. Xin bệ hạ chớ lo". Nhà vua nói: "Phải".

Bèn sai Tuân Tức lấy ngọc bích Thuỳ Cức và cỗ xe ngựa Khuất Sản đút lót cho vua nước Ngu để mượn đường. Ngu Công tham ngọc bích và con ngựa muốn nghe theo.

Cung Chi Kỳ can: "Không thể cho mượn. Nước Ngu có nước Quắc cũng như xe có bánh xe. Bánh xe dựa vào xe, nhưng xe cũng dựa vào bánh

xe. Tình thế của nước Ngu và nước Quắc là như thế. Nếu như cho họ mượn đường thì nước Quắc mất buổi sáng là nước Ngu mất buổi chiều. Không thể được. Xin đừng cho".

Vua nước Ngu không nghe, bèn cho nước Tấn mượn đường. Tuân Tức đánh nước Quắc xong, kéo quân về.

Được ba năm, đem quân đánh nước Ngu và lấy nước ấy. Tuân Tức đem ngựa và ngọc bích về trao lại cho Hiến Công. Hiến Công vui và nói: "Ngọc bích vẫn hệt như xưa, nhưng răng ngựa thì có dài hơn".

Tại sao quân Ngu Công lại thua và đất lại bị cướp? Vì ông ta ham cái lợi nhỏ mà không nghĩ đến cái hại lớn. Cho nên nói: Ham cái lợi nhỏ là hại đến cái lợi lớn vậy.

3. Thế nào gọi là làm điều sai trái?

Ngày xưa Linh Vương nước Sở hội họp chư hầu ở đất Thân. Thái tử nước Tống đến sau, nhà vua bắt cầm tù. Sau đó ông ta lại khinh rẻ vua nước Từ và bắt giữ Khánh Phong nước Tề.

Quan trung xạ sĩ nói: "Hội họp chư hầu không nên vô lễ, đó là then chốt của sự tồn vong. Ngày xưa vua Kiệt họp ở Hữu Nhung mà Hữu Mân làm phản. Vua Trụ tổ chức cuộc đi săn mùa xuân ở Lê Khâu mà người Nhung, người Địch làm phản. Đó là vì vô lễ. Xin bệ hạ nghĩ cho". Nhà vua không nghe, vẫn làm theo ý mình. Chưa được chẵn một năm, Linh

Vương đi chơi phía nam, bọn bầy tôi đi theo ức hiếp nhà vua bắt ông ta bị chết đói ở trên sông Càn Khê.

Cho nên nói: "Làm điều sai trái theo ý riêng của mình, vô lễ với chư hầu tức là thân mình sắp mất đấy".

4. Thế nào gọi là thích âm nhạc?

Ngày xưa vua Linh Công nước Vệ sắp sang nước Tấn, đến sông Bộc Thuỷ thì mở xe, thả ngựa, lập trại để nghỉ. Nửa đêm, nghe gẩy một điệu nhạc mới lấy làm thích.

Sai hỏi những người chung quanh. Tất cả đều nói là không nghe. Bèn gọi Sư Quyên đến hỏi: "Có người gảy bản nhạc mới, ta cho người hỏi những người chung quanh, thì đều bảo là không nghe. Tình trạng có vẻ như là quỷ thần. Nhà người hãy vì ta nghe và chép lại". Sư Quyên đáp: "Xin vâng". Bèn ngồi yên lặng, ôm đàn cầm để đánh lại điệu nhạc.

Sáng hôm sau Sư Quyên nói: "Thần đã học được nhưng chưa tập quen. Xin ở lại một đêm nữa để tập". Linh Công nói: "Được". Nhân đó ở lại thêm một đêm. Hôm sau tập xong, bèn sang nước Tấn.

Tấn Bình Công bày tiệc rượu ở đài Thi Di. Rượu say, Linh Công đứng dậy nói: "Có một điệu nhạc mới, xin gẩy để nghe".

Bình Công nói: "Hay lắm". Linh Công bèn cho gọi Sư Quyên đến, cho ngồi cạnh Sư Khoáng. Sư Quyên cầm đàn gẩy lên. Gẩy chưa xong, Sư Khoáng

chặn lại bảo: "Đó là cái âm thanh mất nước, không thể nghe hết!". Bình Công nói: "Bản nhạc này ở đâu ra?". Sư Khoáng thưa: "Đó là bản nhạc do Sư Diên làm ra để cho vua Trụ chơi bời phóng túng. Đến khi vua Vũ Vương phạt Trụ, Sư Diên chạy về phía đông, đến sông Bộc Thuỷ thì gieo mình xuống nước. Cho nên nghe bản nhạc này thì nhất định là ở trên sông Bộc Thuỷ. Người nào nghe bản nhạc này trước thì thế nào nước cũng bị cắt. Không thể nghe trọn". Bình Công nói: "Quả nhân chỉ thích có âm nhạc. Ông cứ bảo ông ta đàn cho hết". Sư Quyên gảy hết bản nhạc.

Bình Công hỏi Sư Khoáng: "Bản nhạc này gọi là gì?". Sư Khoáng nói: "Đó là bản Thanh Thương". Bình Công hỏi: "Có phải bản Thanh Thương là bản nhạc buồn nhất không?". Sư Khoáng đáp: "Không buồn bằng bản Thanh Chuỷ". Bình Công nói: "Ta có thể nghe bản Thanh Chuỷ được không?". Sư Khoáng thưa: "Không thể được. Ngày xưa những người nghe bản Thanh Chuỷ đều là những ông vua có đức có nghĩa. Nay bệ hạ đức nghĩa mỏng, không đủ để nghe". Bình Công bảo: "Quả nhân chỉ thích có âm nhạc, muốn thử nghe xem". Sư Khoáng bất đắc dĩ cầm đàn cầm gảy.

Vừa mới gảy một khúc đã có hai lần tám con hạc đen từ phương nam đến đậu ở nóc cửa cung. Gảy xong hai khúc thì chúng sắp thành hàng, gảy ba khúc thì chúng vươn dài cổ lên mà kêu, vỗ cánh mà

múa, âm thanh hợp với điệu cung, điệu thương, tiếng vang lên trời. Bình Công cả mừng, cử toạ đều thích.

Bình Công cầm chén rượu đứng lên chúc thọ Sư Khoáng rồi lại ngồi xuống và hỏi: "Có bản nhạc nào buồn hơn bản Thanh Chuỷ không?". Sư Khoáng đáp: "Chưa bằng bản Thanh Giốc". Bình Công hỏi: "Có thể nghe được bản Thanh Giốc không?". Sư Khoáng thưa: "Không thể được. Ngày xưa Hoàng Đế hội họp quỷ thần ở trên núi Thái Sơn. Đi chiếc xe ngà do sáu con giao long kéo. Thần Tất Phương đi đầu đẩy trục xe Xì Vưu đi trước, thần gió quét phía trước, thần mưa rưới đường, hổ, sói đi trước, quỷ thần theo sau. Rồng nằm dưới đất, phượng hoàng phủ lên trên. Trong buổi hội họp lớn, các quỷ thần làm ra bản Thanh Giốc. Nay bệ hạ đức mỏng, không đủ để nghe. Nghe nó sợ có điều bại vong". Bình Công nói: "Quả nhân già rồi, chỉ thích có âm nhạc mà thôi. Chỉ mong được nghe nốt". Sư Khoáng bất đắc dĩ phải gảy.

Mới gảy một khúc đã có một đám mây đen từ phía tây bắc kéo đến. Gảy khúc thứ hai, gió lớn nổi lên, xé toang màn trướng, làm vỡ chén đĩa, làm rớt ngói ở hành lang. Những người ngồi bỏ chạy tán loạn. Bình Công sợ hãi, nằm nép ở căn phòng của hành lang.

Nước Tấn bị đại hạn, đất đỏ ba năm. Tấn Bình Công bị bệnh nặng. Cho nên nói: "Không lo chính sự mà thích âm nhạc mãi, thì thân mình sẽ nguy khốn".

5. Thế nào gọi là tham lam bướng bỉnh?

Ngày xưa Trí Bá Dao cầm đầu các họ Triệu, Ngụy, Hàn đánh họ Phạm và họ Trung Hàng, và diệt hai họ này. Sau khi trở về, Trí Bá nghỉ binh vài năm, rồi lại sai người đòi đất nước Hàn.

Hàn Khương Tử muốn không cho. Đoàn Quy can rằng: "Không thể không cho.Trí Bá là con người ham lợi và kiêu ngạo, bướng bỉnh. Ông ta cho người đến xin đất mà ta không cho thì thế nào ông ta cũng đem binh đánh nước Hàn. Xin bệ hạ cứ cho. Ông ta được cho quen thói, sẽ đòi đất nước khác. Nước khác nếu có kẻ không nghe thì thế nào Trí Bá cũng đem quân đánh. Như vậy, nước Hàn sẽ tránh được mối lo để đợi tình hình biến đổi". Khương Tử nói: "Phải". Bèn sai sứ giả đưa cho Trí Bá một huyện có vạn nhà.

Trí Bá lại sai người đòi đất nước Ngụy. Ngụy Tuyên Tử định không cho.

Triệu Đoạn Can nói: "Ông ta đòi đất nước Hàn, nước Hàn cho. Nay ông ta đòi đất nước Ngụy, mà nước Ngụy không cho. Như vậy là nước Ngụy cậy cái thế mạnh bên trong nhưng bên ngoài làm cho Trí Bá giận. Nếu ta không cho thế nào ông ta cũng đem binh đến đánh nước Ngụy". Tuyên Tử nói: "Phải". Bèn sai người dâng cho Trí Bá một huyện có vạn nóc nhà.

Trí Bá lại sai người sang nước Triệu xin đất Thái và đất Cao Lang.

Triệu Tương Tử không cho. Trí Bá ngầm ước hẹn với nước Hàn và nước Ngụy để cùng nhau đánh nước Triệu. Tương Tử mời Trương Mạnh Đàm đến, bảo ông ta: "Trí Bá là người bên ngoài tử tế nhưng bên trong độc ác. Đã ba lần sai sứ giả đến Hàn, Ngụy thế mà quả nhân không cho ông ta đất. Thế nào ông ta cũng sẽ đem quân đến đánh quả nhân. Nay ta nên ở đâu cho yên?". Trương Mạnh Đàm nói: "Đồng Ư Vu là một bầy tôi giỏi của Triệu Giản Chủ. Ông ta cai trị thành Tấn Dương, Doãn Đặc lại noi theo gương ông ta, giáo hoá sót lại của ông ta vẫn còn. Bệ hạ chỉ nên ở Tấn Dương mà thôi". Nhà vua nói: "Phải".

Bèn cho gọi Diên Lăng Sinh đến, sai đem quân xe, quân kỵ đến Tấn Dương trước, nhà vua nhân đó đi theo. Nhà vua thân hành đi kiểm tra thành quách và các kho của năm vị quan coi kho thì thấy thành quách không sửa sang, kho lúa không tích trữ thóc, kho tiền không tích trữ tiền, kho vũ khí không có áo giáp và vũ khí, trong ấp không có đồ để bảo vệ.

Tương Tử sợ, bèn gọi Trương Mạnh Đàm đến nói: "Quả nhân thân hành đi xem thành quách và vật chứa chất trong năm kho, thấy đều không chuẩn bị đầy đủ. Ta biết lấy gì để đối phó với quân địch". Trương Mạnh Đàm thưa: "Thần nghe nói cái trị của bậc thánh nhân là giấu ở dân không giấu ở kho lúa, kho tiền, lo trau giồi việc giáo hoá chứ không lo sửa sang thành quách. Xin bệ hạ cứ ra lệnh, bảo dân giữ

thức ăn ba năm, thóc thừa thì đưa vào kho thóc, tiền thừa ra thì đưa vào kho tiền, còn những người nào rỗi rãi thì sai sửa sang thành quách".

Nhà vua ra lệnh buổi chiều hôm trước thì sáng hôm sau kho lúa không còn chỗ để chứa thóc, kho tiền không còn chỗ để chứa tiền, kho vũ khí không còn chỗ để chứa áo giáp và vũ khí. Trong vòng năm ngày thành quách đã sửa xong, việc phòng bị đã đầy đủ.

Nhà vua sai gọi Triệu Mạnh Đàm đến hỏi: "Thành quách ta đã sửa sang xong, việc phòng bị đã có đủ, tiền và thóc đã có đầy, áo giáp và binh khí có thừa. Nhưng ta chưa có tên bắn thì làm thế nào?" Trương Mạnh Đàm nói: "Thần nghe nói họ Đồng khi cai trị thành Tấn Dương, tường các nhà công đều trồng lau, sậy, cây sở để làm hàng rào. Có cây cao đã một trượng. Bệ hạ cứ chặt mà dùng". Bèn sai chặt và làm thử thì thấy tên tre cũng không thể cứng hơn.

Nhà vua nói: "Tên của ta đã đủ rồi, nhưng không có kim loại thì làm thế nào?". Trương Mạnh Đàm nói: "Thần nghe nói Đồng Tử cai trị thành Tấn Dương, các ngôi nhà công và cung điện đều lấy đồng làm cột trụ, làm đế cột. Bệ hạ cứ lấy những cột này mà dùng". Bèn lấy ra mà dùng thì kim loại có thừa.

Hiệu lệnh đã ban ra, sự phòng bị đã đầy đủ, quân đội ba nước kéo đến. Vừa đến, họ liền xông

đến thành Tấn Dương. Cuộc chiến đấu diễn ra. Đánh ba tháng mà vẫn không lấy được thành.

Ba nước bèn dàn quân ra để bao vây, khơi nước sông Tấn Dương cho chảy vào thành. Vây thành Tấn Dương ba năm, người Tấn Dương làm tổ trên cây mà ở, treo nồi để nấu ăn. Thức ăn sắp hết, các kẻ sĩ và các quan đại phu bị bệnh, ốm yếu.

Triệu Tương Tử nói với Trương Mạnh Đàm: "Lương thực thiếu, tài sản sức lực hết, kẻ sĩ và các đại phu bệnh tật mệt mỏi, ta sợ không thể giữ được. Muốn nộp thành để hàng thì nên nộp thành và hàng nước nào?". Trương Mạnh Đàm thưa: "Thần nghe nói: Kẻ mất thì không thể bảo tồn, đã nguy thì không thể yên ổn, như thế không thể coi sự khôn ngoan làm quý nữa. Xin bệ hạ bỏ cái kế ấy đi. Thần xin thử lẻn lội nước ra ngoài yết kiến vua Hàn và vua Ngụy".

Trương Mạnh Đàm yết kiến vua Hàn và vua Ngụy và nói: "Thần nghe nói: Môi hở răng lạnh. Nay Trí Bá chỉ huy hai nhà vua để đánh nước Triệu, nước Triệu sắp mất. Nước Triệu mất thì đến lượt hai ngài đấy". Hai ông vua nói: "Ta vẫn biết thế. Nhưng Trí Bá là con người hay ngờ vực mà ít thân ai. Mưu của ta mà lộ ra thì cái hoạ thế nào cũng đến. Nên làm thế nào?". Trương Mạnh Đàm nói: "Cái mưu là thốt ra từ miệng của hai ngài và lọt vào tai của thần, không ai biết điều đó". Hai ông vua bèn cùng Trương Mạnh Đàm ước hẹn ba quân làm phản, định

ngày khởi sự. Ban đêm cho Trương Mạnh Đàm vào thành Tấn Dương để báo tin cho Tương Tử biết hai ông vua làm phản. Tương Tử đón Mạnh Đàm, lạy hai lạy, vừa lo vừa mừng.

Hai ông vua đã ước hẹn với Trương Mạnh Đàm, nhân châu Trí Bá ra về, gặp Trí Quá ở ngoài cửa doanh trại. Trí Quá thấy sắc mặt hai người, lấy làm lạ, bèn đến yết kiến Trí nói: "Hai nhà vua có vẻ như sắp gây biến". Trí Bá hỏi: "Như thế nào?". Trí Quá nói: "Hai người đi nghênh ngang và ý vênh vang, không phải dè dặt như trước đây. Bệ hạ phải ra tay trước đi". Trí Bá nói: "Ta cùng hai ông vua giao ước cẩn thận, lấy được nước Triệu thì chia ba nước này, quả nhân thân với họ, chắc chắn họ không lừa dối quả nhân. Quân đội đã đến Tấn Dương ba năm nay, hôm nay sáng chiều sẽ lấy được thành để hưởng lợi, lẽ nào họ có bụng dạ khác. Chắc không phải thế. Nhà ngươi đừng lo, cũng đừng nói ra miệng".

Sáng hôm sau, hai ông vua lại đến châu rồi đi ra, lại gặp Trí Quá ở cửa quân doanh. Trí Quá vào yết kiến Trí Bá nói: "Bệ hạ đã đem lời của thần nói với hai ông vua rồi chăng?". Trí Bá hỏi: "Tại sao ông biết?". Trí Quá đáp: "Hôm nay hai ông vua vào châu rồi đi ra, thấy thần, vẻ mặt họ thay đổi, mắt nhìn thần chăm chú. Thế nào cũng có biến đây! Không bằng bệ hạ giết họ đi". Trí Bá nói: "Xin ông để mặc đừng nói nữa". Trí Quá nói: "Không được. Bệ hạ phải giết họ. Nếu như không thể nào giết họ

thì phải thân với họ". Trí Bá nói: "Thân với họ bằng cách nào?". Trí Quá nói: "Mưu thần của Nguỵ Tuyên Tử là Triệu Đoan, mưu thần của Hàn Khương Tử là Đoàn Quy. Đó đều là những người có thể thay đổi cái kế của vua họ. Bệ hạ hãy cùng hai ông vua kia ước hẹn: nếu lấy được nước Triệu thì phong cho hai ông này mỗi người một huyện có vạn ngôi nhà. Như vậy thì bụng của hai ông vua có thể không thay đổi". Trí Bá nói: "Phá nước Triệu để chia nước làm ba, rồi lại phong cho hai ông kia mỗi người một huyện có vạn ngôi nhà, thế thì phần ta có được quá ít. Không được".

Trí Quá thấy lời nói của mình không được nghe, bỏ đi, nhân đấy đổi họ mình thành họ Phụ.

Đến đêm ước hẹn, họ Triệu giết người giữ đê của mình, dẫn nước làm ngập quân đội của Trí Bá. Quân đội Trí Bá lo cứu nước mà thành rối loạn. Nước Hàn và nước Nguỵ thừa cơ đánh thọc vào hai bên sườn. Tương Tử dẫn quân đánh mặt trước, đánh quân Trí Bá thua to, và bắt Trí Bá. Trí Bá thân chết, quân bị phá, nước chia làm ba, bị thiên hạ cười. Cho nên nói: Tham lam bướng bỉnh thích lợi đó là cái gốc của việc mất nước hại thân mình.

6. Thế nào gọi là ham mê nữ nhạc?

Ngày xưa, vua Nhung sai Do Dư đến triều cống nước Tần. Tần Mục Công hỏi ông ta: "Quả nhân thường nghe nói đạo nhưng chưa được nhìn thấy tận mắt, muốn nghe nói các bậc vua sáng ngày

xưa được nước, mất nước là căn cứ vào đâu?". Do Dư đáp: "Thần thường được nghe: hễ cần kiệm thì được, hễ xa xỉ thì mất". Mục Công hỏi: "Quả nhân đã không ngại xấu hổ hỏi ông về đạo, ông lại nói đến chuyện cần kiệm là tại làm sao?". Do Dư đáp: "Thần nghe ngày xưa, Nghiêu có được thiên hạ, ăn trong bát đất, uống trong chén đất. Đất đai phía nam đến Giao Chỉ, phía bắc đến U Đô, phía đông và phía tây đến chỗ mặt trời mặt trăng mọc và lặn. Không ai không thần phục. Nghiêu nhường thiên hạ. Ngu Thuấn nhận lấy, làm đồ để ăn, đẵn cây trên núi, rồi cưa bào cho trơn, lấy sơn và mực bôi lên, rồi đưa vào cung để làm vật đựng thức ăn. Chư hầu cho đó là xa xỉ, có mười ba nước không phục. Vua Thuấn nhường thiên hạ cho Hạ Vũ. Hạ Vũ làm đồ tế tự bên ngoài sơn đen, bên trong sơn đỏ, gối làm bằng lụa trắng, chiếu cói có viền, chén và bình rượu có màu, chén rượu và mâm có trang sức, như thế lại càng xa xỉ. Có ba mươi ba nước không phục theo. Nhà Hạ mất đi, nhà Ân nối tiếp. Làm xe lớn, dựng lá cờ có chín tua, những đồ đựng thức ăn, chén rượu và bình có chạm trổ, bốn bức vách có sơn trắng, gối, chiếu vẽ hoa văn, như thế lại càng xa xỉ. Và có đến năm mươi ba nước không phục. Những người quân tử đều biết văn vẻ thì số người phục theo càng ít. Cho nên thần nói cần kiệm là đạo vậy".

Do Dư đi ra, Mục Công cho mời quan nội sử là Liêu đến và kể lại, nói: "Quả nhân nghe nói nước láng giềng có bậc thánh nhân thì đó là mối lo cho

nước địch. Nay Do Dư là bậc thánh nhân, quả nhân lo lắng, quả nhân nên làm như thế nào?". Quan nội sử Liêu nói: "Thần nghe nói chỗ ở của vua Nhung hẻo lánh, xa xôi chưa từng nghe nhạc Trung Quốc, xin bệ hạ đem nữ nhạc đến cho ông ta để làm rối loạn chính sự, sau đó xin hoãn ngày về của Do Dư để cho Do Dư đỡ can ngăn. Vua tôi họ có chỗ hở thì sau đó mới có thể tính chuyện được". Mục Công nói: "Phải".

Bèn nai nội sử Liên đem hai đoàn nữ nhạc mỗi đoàn tám người tặng cho vua Nhung, nhân đấy xin hoãn ngày về của Do Dư. Vua Nhung ưng thuận.

Vua Nhung thấy nữ nhạc thì thích, đặt tiệc rượu uống mãi, ngày thì nghe nhạc, suốt năm không rời, bỏ ngựa chết mất một nửa. Do Dư trở về, nhân đấy can ngăn vua Nhung, vua Nhung không nghe. Do Dư bèn bỏ sang nước Tần. Tần Mục Công đón và cho làm thượng khanh. Hỏi ông ta về quân đội, tình thế và địa hình.

Sau khi đã biết rõ, đem quân đánh nước Nhung, chiếm mười hai nước, mở đất ngàn dặm. Cho nên nói: ham mê nữ nhạc không đoái hoài đến chính sự trong nước đó là cái hoạ mất nước vậy.

7. Thế nào gọi là bỏ cung điện đi chơi xa?

Ngày xưa Điền Thành Tử đi chơi ngoài biển, rất thích, ra lệnh cho các quan đại phu nói: "Ai nói chuyện về thì chết". Nhan Trọc Tụ nói: "Bệ hạ chơi ngoài biển và thích, nếu có bầy tôi mưu cướp nước

thì thế nào? Bệ hạ dù vui điều này nhưng làm sao còn vui được nữa?". Điền Thành Tử nói: "Quả nhân đã ra lệnh nói: "Ai nói đến chuyện về thì chết", nay nhà người phạm lệnh quả nhân". Bèn cầm giáo định đâm. Nhan Trọc Tự nói: "Ngày xưa vua Kiệt giết Quan Long Bàng và vua Trụ giết Tỷ Can, nay bệ hạ giết cái thân của thần, thế là thành ba người đấy. Thần nói là vì việc nước chứ không phải vì thân mình". Rồi vươn cổ tiến lên phía trước nói: "Bệ hạ cứ đâm đi!". Nhà vua bèn buông giáo, lên xe về kinh đô. Về được ba ngày thì nghe tin người trong nước có âm mưu không cho Điền Thành Tử vào.

Sở dĩ Điền Thành Tử còn giữ được nước Tề là nhờ có Nhan Trọc Tụ. Cho nên nói: Bỏ nước đi chơi xa đó là cái đạo làm nguy đến thân mình vậy.

8. Thế nào gọi là có lỗi lầm mà không nghe người trung thần?

Ngày xưa Tề Hoàn Công chín lần hội họp chư hầu, một lần cứu được thiên hạ, làm người đầu tiên trong ngũ bá. Quản Trọng giúp ông ta. Quản Trọng già không thể làm việc, nghỉ ở nhà. Hoàn Công đến thăm và hỏi: "Trọng phụ có bệnh ở nhà, nếu không may bệnh này không khỏi thì chính sự nên trao cho ai?". Quản Trọng nói: "Thần đã già rồi không thể hỏi được nữa. Tuy nhiên, thần nghe nói: Biết bầy tôi không ai bằng nhà vua, biết con không ai bằng cha! Bệ hạ hãy thử quyết định theo bụng mình xem".

Hoàn Công nói: "Bão Thúc Nha thế nào?". Quản Trọng đáp: "Không được. Bão Thúc Nha là người cứng rắn, lại bướng bỉnh. Cứng rắn thì dùng điều mạnh mẽ phạm đến dân, bướng bỉnh thì không được lòng dân; ngang ngạnh thì dân không chịu theo và lòng họ không sợ. Đó không phải là người giúp cho bậc bá vương".

Hoàn Công hỏi: "Vậy thì Thụ Điêu như thế nào?". Quản Trọng đáp: "Không được. Phàm tình cảm con người không ai không thương yêu thân mình. Bệ hạ hay ghen và thích đàn bà, Thụ Điêu tự hoạn mình để cai quản trong hậu cung. Đến cái thân của mình còn chẳng thương thì làm sao có thể thương yêu nhà vua được?".

Hoàn Công nói: "Thế thì công tử nước Vệ là Khai Phương thế nào?". Quản Trọng nói: "Không được. Nước Tề và nước Vệ cách nhau chẳng quá mười ngày đường. Khai Phương thờ bệ hạ. Vì muốn làm bệ hạ vừa lòng nên mười lăm năm không về nhà thăm cha mẹ. Đó không phải là cái tình cảm thông thường của con người. Cha mẹ anh ta mà anh ta còn không thân thì thân làm sao với bệ hạ được?".

Hoàn Công hỏi: "Vậy thì Dịch Nha thế nào?". Quản Trọng nói: "Không được. Dịch Nha coi việc ăn uống cho nhà vua. Nhà vua chỉ còn chưa nếm thịt người nữa mà thôi. Dịch Nha chưng đầu con mình để dâng lên. Tình cảm con người không ai không yêu con mình. Nay anh ta chưng đầu con mình để

cho bệ hạ xơi. Con anh ta anh ta còn không thương thì làm sao có thể thương bệ hạ được?".

Hoàn Công hỏi: "Thế thì ai được?". Quản Trọng đáp: "Thấp Bằng được. Ông ta là người bên trong thì vững chắc mà bên ngoài thì liêm, ít ham muốn mà được nhiều người tin. Phàm con người bên trong vững chắc thì đủ để làm gương mẫu, bên ngoài liêm thì có thể đảm đương nhiệm vụ to lớn, ít ham muốn thì có thể cai trị nhân dân, được nhiều người tin thì có thể thân với các nước láng giềng. Xin bệ hạ dùng ông ta". Nhà vua bảo: "Được".

Được hơn một năm, Quản Trọng mất. Hoàn Công không dùng Thấp Bằng mà lại dùng Thụ Điêu.

Thụ Điêu cầm quyền ba năm, Hoàn Công đi chơi phía nam ở Đường Phụ, Thụ Điêu cầm đầu bọn Dịch Nha, công tử nước Vệ là Khai Phương và các quan đại thần làm loạn. Hoàn Công đói khát mà chết tại phòng ngủ ở Nam Môn, là căn phòng của nhà vua. Chết đã ba tháng mà không chôn, dòi bò ra đến cửa.

Cho nên quân đội của Hoàn Công hoành hành trong thiên hạ, làm người đầu tiên của ngũ bá, nhưng cuối cùng lại bị bầy tôi giết, danh tiếng lớn bị mất và bị thiên hạ cười.

Tại sao thế? Lỗi ở chỗ không dùng lời của Quản Trọng.

Cho nên nói: Có lỗi lầm mà không nghe lời người trung thần, cứ làm theo ý mình, thì giết chết cái danh tiếng lớn của mình, là đầu mối cho thiên hạ chê cười vậy.

9. Thế nào gọi là bên trong không lượng sức mình?

Ngày xưa nước Tần đánh Nghi Dương, nước Hàn bị nguy cấp. Công Trọng Bằng nói với vua Hàn: "Những nước đồng minh với mình không thể nhờ cậy được. Chẳng bằng nhờ Trương Nghi mà hoà hiếu với nước Tần. Ta đem một đô thành nổi tiếng đút cho nước Tần, quay mặt về phía nam cùng nước Tần đánh nước Sở. Như vậy thì bỏ được cái hại vì nước Tần mà chuyển nó sang cho nước Sở". Nhà vua nói: "Phải". Bèn ra lệnh cho Công Trọng Bằng thi hành, sắp đi sang phía tây hoà hiếu với nước Tần.

Vua Sở nghe vậy lo sợ, cho gọi Trần Chẩn đến, bảo ông ta: "Công Trọng Bằng của nước Hàn sắp đi sang phía tây hoà hiếu với nước Tần, nay nên làm như thế nào?". Trần Chẩn thưa: "Nước Tần được một đô thành của nước Hàn, sẽ xua đạo quân tinh nhuệ. Nước Tần và nước Hàn hợp làm một đem quân về hướng nam đánh Sở, đó là cái điều vua Tần vẫn cầu xin trong những lời cầu nguyện ở tôn miếu. Rõ ràng điều đó là có hại cho nước Sở. Bệ hạ nên nhanh nhanh sai vị thần được tin cậy đem nhiều xe và lễ vật để nói với vua Hàn: "Nước của tôi tuy nhỏ nhưng binh sĩ đã huy động rồi, xin nước lớn cứ ra uy

với nước Tần, và xin gửi sứ giả vào nước tôi để xem nước Sở huy động binh sĩ".

Vua Hàn sai sứ giả đến nước Sở. Vua Sở nhân thế sai sắp xe trận và kỵ binh ở đường cái phía bắc và nói với sứ giả nước Hàn: "Nhờ báo với vua Hàn là quân đội của tệ ấp nay sắp vào biên giới đây". Sứ giả trở về báo với vua Hàn. Vua Hàn cả mừng, bảo Công Trọng ngừng việc sang nước Tần. Công Trọng nói: "Không được. Lấy cái thực để nói với ta đó là nước Tần, lấy cái tiếng là cứu ta đó là nước Sở. Nghe lời nói suông của nước Sở mà xem nhẹ cái hoạ thực sự của nước Tần, đó là cái gốc làm nước nguy". Vua Hàn không nghe. Công Trọng nổi giận trở về nhà, mười ngày không ra chầu.

Thành Nghi Dương ngày càng nguy cấp, vua Hàn sai sứ giả liên tiếp kéo nhau sang nước Sở. Lọng và mũ đầy đường nhưng quân đội không đến. Cuối cùng thành Nghi Dương mất, bị chư hầu cười. Cho nên nói: Bên trong không lượng sức mình mà nhờ cậy chư hầu bên ngoài, đó là mối lo nước bị cắt vậy.

10. Thế nào gọi là nước nhỏ mà vô lễ?

Ngày xưa công tử nước Tấn là Trùng Nhĩ lưu vong, đi qua nước Tào. Vua nước Tào yêu cầu ông ta cởi trần cho mình xem[1]. Ly Phụ Ky và Thúc Chiêm đứng hầu trước mặt nhà vua. Thúc Chiêm nói

[1] Người ta đồn Trùng Nhĩ xương sườn liền nhau.

với vua Tào: "Thần xem công tử nước Tấn là người phi thường, bệ hạ đối xử vô lễ với ông ta. Nếu có ngày ông ta về được nước mà cất quân thì sợ là nguy hại đến nước Tào. Chẳng bằng bệ hạ giết ông ta đi". Vua Tào không nghe.

Ly Phụ Ky về nhà không vui. Người vợ hỏi: "Ông từ ngoài về sắc mặt không vui là vì sao?". Phụ Ky nói: "Ta nghe nói: nhà vua có phúc thì cái phúc không đến phần ta; nhưng có hoạ thì cái hoạ liên luỵ đến ta. Hôm nay, nhà vua mời công tử nước Tấn, nhưng tiếp đãi ông ta vô lễ. Ta đứng trước mặt. Ta vì vậy không vui". Bà vợ nói: "Tôi xem công tử nước Tấn là ông vua có vạn cỗ xe. Những người chung quanh đi theo ông ta là bậc tướng quốc của nước có vạn cỗ xe. Nay ông ta cùng khốn phải lưu vong đi qua nước Tào. Vua Tào đối xử vô lễ với ông ta. Nếu ông ta về nước được thì thế nào cũng giết kẻ vô lễ, và nước Tào sẽ là nước đầu tiên. Tại sao ông không lo tỏ tình riêng với ông ta trước đi?". Phụ Ky nói: "Phải". Bèn bỏ vàng vào bình, trên để cơm, đặt ngọc bích lên trên. Ban đêm sai người đưa cho công tử.

Công tử tiếp sứ giả, lạy hai lạy, nhận thức ăn mà trả lại ngọc bích. Công tử từ nước Tào vào nước Sở, rồi từ nước Sở vào nước Tấn.

Vào nước Tấn được ba năm, Tấn Mục Công triệu quần thần lại bàn mưu: "Ngày xưa Tấn Hiến Công giao du với quả nhân, chư hầu không ai không biết. Hiến Công không may rời bỏ bầy tôi, trên dưới

đã mười năm. Con nối nghiệp của ông ta không tốt, ta sợ tôn miếu ông ta sẽ không được tế tự, xã tắc sẽ không có cúng tế. Như thế mà không xác lập trật tự thì không phải là cái đạo giao du. Ta muốn giúp Trùng Nhĩ trở về nước Tấn, các người nghĩ sao?". Quần thần đều nói: "Phải".

Vua Tần bèn cất quân, đem năm trăm cỗ xe bọc da, hai ngàn quân kỵ, năm vạn quân bộ, giúp Trùng Nhĩ trở về nước Tấn, lập làm vua Tấn.

Trùng Nhĩ lên ngôi được ba năm thì cất quân đánh nước Tào. Ra lệnh cho vua Tào: "Bắt Thúc Chiêm đưa ra. Ta sẽ giết hắn trị tội nặng". Lại sai người nói với Ly Phụ Ky: "Quân ta sẽ phá thành. Ta biết ông không xúc phạm đến ta. Ông hãy đánh dấu cái xóm của mình. Quả nhân sẽ ra lệnh, khiến binh sĩ không xâm phạm đến". Người nước Tào nghe thế đem thân thích đến giữa xóm của Ly Phụ Ky đến trên bảy trăm nhà. Đó là cái công dụng của lễ.

Nước Tào là nước nhỏ, nằm ép ở giữa nước Tấn và nước Sở, nhà vua nguy ngập như trứng chồng lên nhau, mà lại đối xử vô lễ, cho nên mới bị tuyệt nòi.

Cho nên nói: "Nước nhỏ mà vô lễ, không nghe lời can ngăn của bầy tôi thì đó là cái thế đời bị đứt vậy".

QUYỂN IV

Thiên XI

Nỗi phẫn uất của con người cô độc (Cô phẫn)

1. Những kẻ sĩ có mưu trí và có thuật thế nào cũng nhìn xa và xét đoán sáng suốt, vì nếu không xét đoán sáng suốt thì không thấy rõ được niềm riêng tây. Những kẻ sĩ biết nêu cao pháp luật thế nào cũng kiên nghị và thẳng thắn, vì nếu không kiên nghị và thẳng thắn thì không thể nào sửa chữa được kẻ gian. Bọn bầy tôi nghe theo mệnh lệnh và làm chức vụ, dựa theo pháp luật mà làm quan không phải là những người được trọng. Những kẻ được trọng là những kẻ không có mệnh lệnh mà tự chuyên, bẻ cong pháp luật để mưu lợi riêng, làm hao tổn đến quốc gia để mưu lợi cho mình, sức có thể làm chủ được nhà vua. Đó là những kẻ gọi là được quý trọng.

Những kẻ sĩ có mưu trí và có thuật, xét đoán sáng suốt, nếu được dùng thì sẽ thấy rõ tâm địa riêng tư của bọn người được quý trọng. Những kẻ sĩ có thể đề cao pháp luật, thẳng thắn, nếu được dùng sẽ sửa chữa những hành vi gian tà của những kẻ được quý trọng. Cho nên nếu những kẻ sĩ có mưu trí và có thuật biết đề cao pháp luật được dùng thì bọn bầy tôi được quý trọng thế nào cũng bị gạt ra ngoài. Chính vì vậy những kẻ sĩ có trí và thuật, biết đề cao pháp luật và những bọn hiện đang cầm quyền là những kẻ thù của nhau không thể cùng sống.

2. Khi những bọn cầm quyền nắm lấy mọi việc thì bên ngoài cũng như bên trong họ chỉ lo mưu lợi riêng mà thôi. Cho nên nếu chư hầu không dựa vào họ thì công việc không thành. Kết quả là các nước địch ca ngợi họ. Nếu những người chung quanh nhà vua không dựa vào họ thì không gần nhà vua được cho nên những người chung quanh nhà vua che giấu các sai lầm của họ. Những kẻ sĩ có học nếu không dựa vào họ thì bổng lộc và địa vị thấp cho nên những người có học tán dương họ.

Nhờ bốn kẻ giúp đỡ này cho nên bọn bầy tôi gian tà tự tô vẽ mình. Những kẻ được quý trọng không thể trung với nhà vua để tiến cử những kẻ thù của mình. Nhà vua lại không thể vượt qua bốn hạng người giúp đỡ để xem xét rõ bầy tôi. Cho nên nhà vua càng bị che đậy và bọn đại thần càng được trọng vọng.

Nói chung, những kẻ cầm quyền đối với nhà vua ít người không được nhà vua tin yêu. Vả lại, họ lại quen biết nhà vua từ lâu. Họ biết lòng nhà vua, cùng yêu cùng ghét như nhà vua, đó là cách tiến thân của họ.

Một khi chức quan và tước lộc của họ đã được trọng, bè đảng của họ lại đông, cả một nước ca ngợi họ, thế thì những kẻ sĩ biết nêu cao pháp luật muốn đến gần nhà vua cũng không có được cái thân của những kẻ được nhà vua tin yêu, không có được cái ân huệ của những kẻ quen biết từ lâu. Như thế mà những người này lại muốn lấy pháp luật và thuật để sửa chữa cái bụng sai lệch của nhà vua thì tức là làm trái ngược với nhà vua. Mình đã ở vào cái thế thấp hèn lại không có bè đảng cho nên cô độc.

Phàm con người ở xa và không thân mà lại muốn tranh với con người ở gần và được tin yêu thì tình thế là không thể thắng được. Người mới đến, là kẻ ở trọ mà muốn tranh với người cũ và quen thuộc thì cái số là không thể thắng được. Người nói điều trái với ý nhà vua lại muốn tranh với kẻ cùng ham thích như nhà vua thì cái số là không thể thắng được. Người bị coi khinh, thấp hèn lại muốn tranh với kẻ được quý trọng thì cái số là không thể thắng được. Mình chỉ có một miệng lại tranh với cả một nước thì cái số là không thể thắng được.

Kẻ sĩ biết đề cao pháp luật và thuật trị nước nắm lấy cái thế có năm điểm thua, lại bao năm trời

không được yết kiến nhà vua phải đối lập lại bọn cầm quyền đã nắm lấy năm cái thắng, ngày đêm một mình nói trước mặt nhà vua. Cho nên kẻ sĩ đề cao pháp luật và thuật trị nước làm sao có thể tiến lên được và nhà vua biết bao giờ mới có thể tỉnh ngộ được?

Đã ở vào cái thế phải thua, lại không thể cùng nhau tồn tại thế thì kẻ sĩ đề cao pháp luật và thuật trị nước làm sao khỏi nguy được? Những kẻ có thể buộc tội để trị thì người ta dùng pháp luật để giết, những kẻ nào không thể buộc tội để trị thì người ta dùng kiếm riêng để hại. Như thế thì những kẻ soi sáng pháp luật làm trái ý nhà vua nếu không bị quan lại giết ắt bị thanh kiếm riêng giết vậy.

3. Bè đảng nhóm họp để che giấu nhà vua, những lời nói quanh co để tiện cho việc riêng thế nào cũng được những người được quý trọng tin. Vì vậy cho nên ai có thể viện cớ là có công lao thì họ phong cho quan tước để làm cho thành sang. Ai có thể cho mượn cái tiếng tốt thì họ dùng cái quyền của nước ngoài để làm cho được trọng. Ai che giấu được nhà vua và chạy chọt ở cửa riêng thì dù không có được quan tước vinh hiển cũng sẽ được trọng nhờ quyền lực của nước ngoài.

Nay các vị vua không xem xét bằng chứng để thi hành việc trừng trị, không đợi thấy công lao đã ban tước lộc, như thế làm sao kẻ sĩ đề cao pháp luật và thuật trị nước có thể liều chết đưa cái thuyết của

mình ra và bọn bầy tôi gian tà làm sao có thể bỏ lợi mà rút lui được? Cho nên chúa ở trên càng bị thấp xuống thì những cửa riêng càng được đề cao.

Nước Việt kia tuy nước giàu và binh mạnh nhưng các vị vua ở Trung Quốc đều biết nó không có ích gì đối với mình và nói: "Nước ấy ta không không chế được". Nay có nước tuy đất rộng, người nhiều, nhưng nhà vua bị che đậy, các quan đại thần chuyên quyền thì nước ấy cũng là như nước Việt vậy. Biết nước mình là không giống nước Việt, nhưng không biết nước mình không giống nó ở chỗ nào, tức là không xét đến sự giống nhau.

Sở dĩ người ta nói nước Tề đã mất không phải là nói đất và thành của nó đã mất mà nói họ Lữ không cai trị mà họ Điền chuyên quyền. Sở dĩ người ta nói nước Tấn đã mất không phải là nói đất đai và thành của nó đã mất mà nói họ Cơ không cai trị, trái lại sáu quan khanh chuyên quyền.

Nay nếu như các quan đại thần nắm lấy quyền lực giải quyết một mình, còn ông vua ở trên không giành lại được cái quyền ấy, như vậy là nhà vua không sáng suốt vậy. Người nào cũng mang chứng bệnh với người đã chết thì không thể sống được, nước nào lâm vào tình trạng như những nước đã mất thì không thể còn được. Ngày nay noi theo lối đi của nước Tề, nước Tấn đã mất mà lại muốn tồn tại yên ổn thì không thể được.

4. Nói chung, pháp luật khó thi hành không phải chỉ đối với cái nước có vạn cỗ xe mà thôi. Đối với cái nước có ngàn cỗ xe cũng thế. Những người ở chung quanh nhà vua không nhất thiết đều là những người khôn. Nhà vua nghe lời người nhà vua cho là khôn, rồi lại đem những lời của ông ta ra bàn với những người chung quanh mình. Như vậy là nói chuyện khôn với người ngu vậy. Những người chung quanh nhà vua không nhất thiết đều là những người giỏi. Nhà vua dùng lễ đối xử với người mình cho là giỏi, nhưng rồi lại bàn về hành vi anh ta với những người chung quanh. Như vậy là cùng với những người kém để bàn về người giỏi vậy.

Người khôn phải để cho người ngu quyết định kế hoạch của mình, người giỏi phải để cho người kém xét về việc làm của mình thì người giỏi và người khôn sẽ xấu hổ và cách bàn của nhà vua sẽ sai lầm vậy. Trong các bầy tôi muốn được làm quan thì những kẻ sĩ trau giồi đức hạnh, cố gắng giữ thân mình trong sạch, những kẻ sĩ khôn ngoan dùng biện luận để thực hiện sự nghiệp. Những kẻ sĩ trau giồi đức hạnh không thể dùng của đút lót để thờ người, vì nó trái với sự trong sạch. Lại càng không thể bẻ cong pháp luật để cai trị. Cho nên những kẻ sĩ trau giồi đức hạnh và khôn ngoan không thờ những người chung quanh nhà vua, không nghe những chuyện xin xỏ. Những người chung quanh nhà vua đức hạnh đã không phải là Bá Di, khi họ đòi hỏi không được, của đút không đến thì cái công giữ

trong sạch và tài biện luận (của người giỏi) sẽ bị dập tắt và những lời chê bai sẽ nổi lên. Kẻ có công lo về việc bàn luận về cách cai trị đã bị bọn gần gũi nhà vua kiềm chế. Kẻ có đức hạnh liêm khiết đã bị lời khen chê quyết định thì các quan lại lo trau giồi đức hạnh và khôn ngoan sẽ bị bỏ và cái sáng của nhà vua sẽ bị chặn lại. Một khi nhà vua đã không lấy công lao để xét những người khôn ngoan và có đức hạnh, không lấy việc so sánh những tội lỗi để phạt những sai lầm mà lại nghe lời bọn gần gũi chung quanh thì bọn kẻ sĩ bất lực ở trong triều và bọn quan lại tham ô, ngu xuẩn sẽ nắm các chức vụ.

5. Cái lo của một nước có vạn cỗ xe là ở chỗ các quan đại thần được tôn trọng quá đáng. Cái lo của một nước có ngàn cỗ xe là ở chỗ những người chung quanh được tin dùng quá đáng. Đó là mối lo chung của những kẻ làm vua. Vả lại, bọn bầy tôi có tội lớn vì nhà vua có sơ suất lớn.

Cái lợi của vua và tôi là khác nhau. Làm thế nào để chứng minh điều ấy? Xin thưa: cái lợi của nhà vua là bổ nhiệm những người có khả năng làm quan. Cái lợi của bầy tôi là ở chỗ không có khả năng mà được làm quan. Cái lợi của vua là có công lao mới có tước lộc. Cái lợi của bầy tôi là ở chỗ không có công lao mà được giàu sang. Cái lợi của ông vua là ở chỗ người hào kiệt được trổ tài năng; cái lợi của bầy tôi là ở chỗ lập bè đảng làm việc riêng.

Cho nên nước bị chia cắt thì nhà riêng được giàu; nhà vua bị hạ thấp thì các quan đại thần được tôn trọng. Cho nên ông vua mất thế lực thì bầy tôi lấy được nước, ông vua phải làm phiên thần thì ông tướng quốc được chẻ phù. Do đó bầy tôi lừa dối nhà vua để mưu việc riêng.

Trong số bọn bầy tôi được quý trọng ngày nay, khi thế lực nhà vua thay đổi nhưng họ vẫn giữ vững được ân sủng thì mười người không có đến hai ba người.

Tại sao thế? Vì tội của bầy tôi lớn. Bầy tôi có tội lớn. Hành động của họ là lừa vua, tội ấy đáng chết. Những kẻ sĩ khôn ngoan, nhìn xa thấy rộng, và sợ bị chết thế nào cũng không theo bọn bầy tôi được quý trọng. Những kẻ sĩ tài giỏi, đức hạnh liêm khiết và xấu hổ không chịu theo bọn gian thần lừa vua, thế nào cũng không theo những người được quý trọng. Như vậy thì bọn theo những người cầm quyền nếu không phải là ngu và không biết lo lắng thì nhất định là người nhơ bẩn không tránh việc gian tà.

Các quan đại thần nắm lấy bọn ngu si, nhơ bẩn, trên thì cùng lừa dối nhà vua, dưới thì cùng chúng thu lợi bòn rút nhân dân, kéo bè kéo đảng, tất cả một lời, lừa dối nhà vua, làm hỏng pháp luật, làm dân chúng và kẻ sĩ rối loạn, khiến cho nước nhà bị nguy, bị cắt, nhà vua vất vả nhục nhã. Đó là cái tội rất lớn. Làm bầy tôi có cái tội lớn mà nhà vua không cấm, đó là điều sai lầm lớn.

Ở trên nhà vua có sai lầm lớn, ở dưới bọn bầy tôi có tội lớn mà muốn cho nước không mất thì không thể nào được.

Thiên XII

Cái khó trong việc du thuyết (Thuyết nan)

1. Cái khó trong việc du thuyết không phải là ở chỗ biết những điều cần phải đưa ra nói. Cũng không phải ở chỗ mình không biết biện luận. Cũng không phải ở chỗ mình không trình bày được rõ ràng những ý nghĩ của mình. Càng không phải ở chỗ không dám nói ngang nói dọc cho hết cái ý của mình. Nói chung, cái khó trong việc du thuyết là làm thế nào biết được cái bụng của con người mình muốn thuyết phục để dùng cái thuật của mình mà đối phó.

Nếu con người mình muốn thuyết phục chỉ nghĩ đến cái danh cho cao mà mình lại đem cái lợi lớn ra thuyết với họ thì họ sẽ cho mình là bọn hèn hạ, và đối xử với mình một cách thấp hèn rồi thế nào họ cũng sẽ vứt bỏ mình thật xa.

Nếu con người mình muốn thuyết phục chỉ nghĩ đến cái lợi cho lớn, mà mình lại đem cái danh cao ra thuyết với họ thì họ sẽ cho ta không chú ý

đến thế sự, nói chuyện viển vông rồi thế nào cũng không dùng mình.

Nếu con người mình muốn du thuyết trong bụng nghĩ đến cái lợi cho lớn nhưng bên ngoài làm ra vẻ muốn cái danh cho cao mà ta đem chuyện danh cao ra thuyết thì bên ngoài họ sẽ làm ra vẻ muốn dung nạp cái thân ta, nhưng thực ra thì bỏ rơi ta. Nhưng nếu ta đem cái lợi lớn ra thuyết với họ, thì trong bụng họ dùng lời nói của ta, nhưng bên ngoài họ sẽ vứt bỏ cái thân của ta. Đó là những điều không biết không được.

Phàm việc làm mà thành là do chỗ bí mật; lời nói mà thất bại là do chỗ bị tiết lộ. Bản thân mình chưa chắc đã tiết lộ ra, nhưng chỉ cần nói đến cái mà người ta che giấu thì đã nguy đến thân rồi. Nhà vua có điều sai, mà người du thuyết lại dùng những lời sáng rõ, dùng cái nghĩa lý hay để suy luận ra cái sai của nhà vua thì nguy đến thân.

Nếu ta chưa được ân huệ nhà vua tưới đến mà lại đem hết những điều ta biết ra nói thì hoặc là cái thuyết của ta sẽ được đem ra dùng, đem đến kết quả, nhưng ta chẳng được ân đức; hoặc là cái thuyết của ta không được dùng, xảy ra thất bại, thế là ta bị nghi ngờ. Như thế thì nguy đến thân. Người sang có điều sai mà người du thuyết lại nói rõ lẽ nghĩa để nêu cái xấu của họ thì thân nguy. Nếu người sang nắm được cái kế của ta, nhưng muốn xem nó là công lao của mình mà người du thuyết lại muốn cùng biết thì

nguy đến thân. Nếu mình cưỡng ép nhà vua làm những điều mà nhà vua không muốn làm, bắt nhà vua bỏ những điều nhà vua nhất định không bỏ thì nguy đến thân.

Cho nên nói: Nếu như ta đem những người tôn quý trong triều đình ra bàn luận với nhà vua thì nhà vua sẽ cho là ly gián. Nếu như ta đem những người thấp hèn ra nói với nhà vua thì nhà vua sẽ cho ta muốn bán quyền. Nếu ta bàn về cái nhà vua thích thì nhà vua sẽ cho là ta nhờ vả. Nếu ta bàn về những kẻ ông ta ghét thì ông ta sẽ cho ta muốn thử ông ta. Nếu ta nói tóm tắt ít lời thì nhà vua sẽ cho là ta không có kiến thức gì nên coi khinh. Nếu ta nói mênh mông, thì nhà vua cho ta lắm lời và không thành thực. Nếu ta trình bày ý kiến giản lược thì nhà vua bảo ta nhút nhát mà không nói hết lời, nếu ta suy nghĩ sự việc trình bày rộng rãi thì nhà vua bảo ta quê mùa và khinh mạn. Những cái khó này của việc du thuyết không thể không biết đến.

3. Nói chung, mục đích của việc du thuyết là phải biết tô điểm cái điều nhà vua khoe khoang và tiêu diệt cái nhà vua lấy làm xấu hổ. Nhà vua có chuyện riêng gấp thì mình phải nêu lên cái nghĩa chung để khuyến khích. Ý nhà vua ở chỗ thấp mà không thể bỏ được thì người du thuyết phải dựa vào đấy mà tô điểm cái hay của nó và giảm bớt cái không hay. Bụng nhà vua ở chỗ cao, nhưng thực ra không thể đạt được thì người du thuyết nêu cái sai

giúp ông ta, chỉ cái xấu và khen điều nhà vua không làm.

Nhà vua muốn khoe cái khôn ngoan cái giỏi của mình thì ta giúp ông ta đưa ra những chuyện lạ cùng một loại để ông ta biết rộng hơn, khiến ông ta biết rộng là nhờ mình nhưng lại giả vờ làm như không biết rằng ông ta nhờ mình mà khôn. Nếu mình muốn một người cùng tồn tại với mình thì thế nào cũng phải lấy cái danh tiếng tốt để nêu cao anh ta; đồng thời kín đáo làm cho nhà vua thấy rằng điều đó là hợp với lợi riêng. Nếu như muốn trình bày những chuyện nguy hại thì nêu rõ những lời chê bai về việc ấy, đồng thời kín đáo cho thấy rằng việc ấy cũng phù hợp với mối lo riêng của nhà vua. Khen một người khác đã có việc làm y như việc làm của nhà vua, bàn mưu những việc khác cùng theo một kế như thế.

Có người khác cùng khuyết điểm như nhà vua thì tô điểm cho chỗ không sai sót của người ấy. Có người cùng có chỗ dở như nhà vua thì thế nào cũng ra sức tô vẽ cho chỗ không sơ suất của anh ta. Nhà vua tự khoe cái sức của mình thì ta đừng đem những khó khăn ra để cản trở. Nhà vua tự cho là quyết đoán dũng mãnh thì mình đừng đem những chuyện sai lầm của nhà vua ra nói làm cho nhà vua giận. Nhà vua tự cho cái kế của mình là khôn thì ta đừng có lấy chuyện thất bại ra làm cho nhà vua khó chịu.

Nếu ý của mình không đụng chạm đến ai, nếu lời của mình không ràng buộc ai thì sau đó mình mới có thể trổ hết cái tài biện luận khôn ngoan của mình. Theo lối này thì những người gần gũi không ngờ vực và có thể nói hết lời.

4. Y Doãn làm đầu bếp, Bách Lý Hề làm tù nhân mà đều có thể gần người trên của mình. Hai người này đều là những bậc thánh nhân, nhưng đều không thể làm nhục thân mình để tiến, như thế là họ bị xấu xa.

Nay nếu vì lời nói của ta, ta phải làm đầu bếp, làm tù nhân nhưng lại có thể cứu đời được thì đó không phải là điều những kẻ sĩ có năng lực lấy làm xấu hổ. Phàm khi đã được lâu ngày, ân trạch đã nhiều, bàn kế sâu mà không bị nghi, đưa ra lời can ngăn mà không bị tội, thì có thể nói rõ điều lợi điều hại để lập cái công của mình, nói thẳng điều phải điều trái để tô vẽ thân mình. Vua tôi giúp nhau như thế thì việc du thuyết thành công vậy.

5. Ngày xưa Trịnh Vũ Công muốn đánh người Hồ cho nên trước đấy gả con gái làm vợ vua Hồ để cho bụng vua Hồ vui. Nhân đấy bèn hỏi quần thần: "Ta muốn dùng binh, có thể đánh ai trước?". Quan đại phu Quan Kỳ Tư nói: "Có thể đánh Hồ". Vũ Công nổi giận giết Quan Kỳ Tư, nói: "Hồ là nước anh em của ta, tại sao nhà ngươi lại nói nên đánh?". Vua nước Hồ nghe tin ấy, cho nước Trịnh là chỗ

thân thiết với mình nên không phòng bị. Nước Trịnh đánh úp và lấy nước Hồ.

Nước Tống có người nhà giàu. Trời mưa, tường bị sập. Người con nói: "Nếu không xây tường lại thì thế nào cũng sẽ bị ăn trộm". Cha người láng giềng cũng nói như vậy. Tối đến, quả nhiên mất của cải. Trong nhà đều cho rằng người con khôn ngoan, nhưng lại nghi ngờ người cha của người láng giềng. Cả hai người đều nói đúng. Nhưng nặng thì bị giết, nhẹ thì bị nghi. Như thế đủ biết cái khó không phải ở chỗ biết, cái khó là ở chỗ dùng cái biết của mình. Cho nên Nhiễu Triều lời nói thì đúng, nhưng nước Tấn cho ông ta là thánh nhân, mà nước Tần giết ông ta[1]. Điều đó không thể không xét đến.

Ngày xưa Di Tử Hà được vua nước Vệ yêu. Theo pháp luật nước Vệ, ai tự tiện đi xe nhà vua thì bị tội chặt chân. Được ít lâu, mẹ Di Tử Hà mắc bệnh, Di Tử Hà trái lệnh, đi ra bằng xe của nhà vua. Nhà vua nghe tin cho là người hiền nói: "Thực là người có hiếu. Vì mẹ mà phạm tội chặt chân". Di Tử Hà đi chơi với nhà vua trong vườn quả. Di Tử Hà ăn quả đào thấy ngon, không ăn hết, dâng nhà vua. Nhà vua nói: "Anh ta thương quả nhân quá! Anh ta quên cái ngon trong miệng, để dâng cho quả nhân ăn".

---

[1] Nhiễu Triều bảo Sĩ Hội nước Tấn: "Ông đừng nói nước Tần không có người. Vì mưu của ta không được dùng thôi". Người Tấn cho ông ta là thánh nhưng vì câu ấy người Tần giết ông ta. Câu này không có trong *Hàn Phi liệt truyện* của *Sử ký*.

Đến khi Di Tử Hà nhan sắc suy, không còn được nhà vua yêu. Nhà vua bảo: "Hắn đã có lần tự tiện đi xe ngựa của ta, lại có lần bắt ta ăn quả đào thừa của nó". Cho nên việc làm của Di Tử Hà không khác, nhưng lần trước được khen là hiền, lần sau lại phạm tội. Đó là vì lòng yêu ghét khác nhau.

6. Cho nên được nhà vua yêu thì cái khôn của mình càng làm cho mình được thân, khi bị nhà vua ghét thì cái khôn của mình đã không được dùng mà mình càng bị sơ. Cho nên kẻ sĩ đi du thuyết không thể không xét đến chỗ nhà vua yêu ghét cái gì rồi sau đó mới thuyết phục.

Rồng là một con vật có thể đùa bỡn, thậm chí có thể cưỡi. Nhưng ở dưới cái cổ của nó có cái vảy ngược. Ai động đến thì nó giết ngay. Kẻ du thuyết mà không sờ phải cái vảy ngược của các nhà vua thì mới có thể xem là giỏi vậy.

Thiên XIII

Nỗi phẫn uất của con người cô độc
(Cô phẫn)

1. Họ Hoà nước Sở được viên đá có ngọc ở trong núi Sở, đem lên dâng cho vua Lệ Vương. Lệ Vương sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc nói: "Đó là hòn

đá". Nhà vua cho Hoà nói dối, chặt mất chân trái anh ta.

Khi Lệ Vương mất, Vũ Vương lên ngôi. Hoà lại dâng viên đá có ngọc cho Vũ Vương. Vũ Vương sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc lại nói: "Hòn đá đấy". Nhà vua lại cho Hoà nói dối, chặt thêm chân phải.

Vũ Vương chết, Văn Vương lên ngôi. Hoà lại ôm hòn đá có ngọc khóc ở chân núi Sở, ba ngày ba đêm, khóc hết nước mắt chảy máu. Nhà vua nghe vậy, sai người hỏi tại sao: "Người trong thiên hạ bị chặt chân nhiều. Sao ông lại khóc đau xót như thế?". Hoà nói: "Tôi không phải đau xót vì bị chặt chân, mà đau xót về chỗ viên ngọc này quý nhưng lại bị xem là hòn đá, kẻ sĩ trung thực nhưng lại mang tiếng là nói dối. Chính vì vậy cho nên tôi đau xót".

Nhà vua bèn sai thợ ngọc xem kỹ tảng đá thì có được viên ngọc quý. Cho nên gọi nó là: "Ngọc bích họ Hoà".

2. Châu ngọc là vật vua chúa rất ham. Họ Hoà tuy dâng hòn đá có ngọc chưa đẹp nhưng chưa phải là có hại cho nhà vua. Thế mà còn phải chịu hai chân bị chặt rồi sau đó mới thấy được cái quý. Bàn về cái quý là khó như thế đấy.

Nay pháp luật đối với vua chúa chưa chắc đã cần gấp như cần viên ngọc họ Hoà, nhưng cũng đủ để cấm các quan và nhân dân không được lo việc riêng gian dối. Như vậy thì những kẻ có đạo sở dĩ

chưa bị giết đó là vì viên ngọc bích của bậc đế vương chưa được dâng lên đó thôi[2].

Một khi nhà vua đã dùng thuật trị nước thì các quan đại thần không được phép tự ý mình quyết định, những người gần gũi nhà vua không dám bán chác quyền thế. Quan mà thi hành pháp luật thì bọn du đãng lo việc nông, và bọn du sĩ không dám nói suông đến việc chiến trận. Như vậy thì pháp luật và thuật trị nước là cái tai hoạ cho bọn bầy tôi và bọn sĩ dân. Nhà vua vốn không thể làm ngược lại những lời bàn của các quan đại thần, không vượt lên được sự phỉ báng của bọn lưu manh, để cốt làm theo đúng đạo mà thôi thì những kẻ sĩ đề cao pháp luật và thuật trị nước sẽ gặp chết chóc mà nhất định đạo không được nói đến.

3. Ngày xưa vua Ngô Khởi lấy tục nước Sở dạy vua Điệu Vương nước Sở, nói: "Các quan đại thần được tôn trọng quá đáng, như vậy thì ở trên bức bách nhà vua, ở dưới ngược đãi nhân dân. Đó là con đường làm cho nước nghèo, binh yếu. Không bằng đối với con cháu những người được phong đất, cứ ba đời thì thu lại tước lộc, giảm bớt bổng lộc của trăm quan, bỏ các viên quan không cần thiết để lo nuôi dưỡng và chọn những chiến sĩ tinh nhuệ". Điệu

[2] Ý nói đem phép tắc trị nước dâng lên, kẻ sĩ rất dễ bị giết.

Vương mới thi hành chính sách này được một năm thì mất. Ngô Khởi bị xé xác ở nước Sở.

Thương Quân dạy cho Tần Hiếu Công cách tổ chức những nhóm gồm năm gia đình liên quan với nhau, khiến các gia đình tố giác lẫn nhau, đốt *Kinh thi*, *Kinh thư* mà nêu cao pháp luật và mệnh lệnh. Cắt đứt việc xin xỏ ở cửa riêng mà khuyến khích những kẻ dốc lòng vào việc chung. Cấm những dân đi lông bông tìm cách làm quan mà làm vinh hiển những kẻ sĩ lo cày cấy và đánh giặc. Tần Hiếu Công dùng chính sách này nên nhà vua được tôn quý, yên ổn, nước nhờ đó mà giàu mạnh. Được tám năm thì Hiếu Công mất. Thương Quân bị xe xé xác ở nước Tần.

4. Nước Sở không dùng Ngô Khởi nên đất bị cắt và nước bị loạn, nước Tần thi hành pháp luật của Thương Quân nên nước giàu mạnh. Lời nói của hai người là đúng. Thế nhưng Ngô Khởi thì bị phanh thây, Thương Quân thì bị xe xé xác là tại làm sao?

Đó là vì các quan đại thần bị pháp luật làm khổ và dân du đãng ghét sự trị an. Ngày nay các quan đại thần tham quyền, bọn dân du đãng ham sự rối loạn còn tệ hơn tục nước Tần, nước Sở, mà các vị vua lại không biết nghe như Điệu Vương, Hiếu Công. Như vậy thì những kẻ sĩ đề cao pháp luật và thuật trị nước làm sao có thể nêu cao pháp luật và thuật trị nước của mình? Cho nên đời cứ loạn mãi mà không có bá vương vậy.

Thiên XIV

Bọn bầy tôi gian dối, ức hiếp và giết nhà vua (Gian kiếp thí thần)

1. Nói chung, bọn gian thần đều làm theo bụng nhà vua để được nhà vua thân và yêu quý. Do đó, nhà vua thích điều gì thì bọn bầy tôi cứ theo đó mà khen, nhà vua ghét điều gì thì bọn này cứ theo đó mà chê. Phàm bản chất của con người khi những điều thích và ghét giống nhau thì thích nhau, những điều thích và ghét khác nhau thì ghét nhau. Bọn bầy tôi ngày nay khen điều gì thì đó là điều nhà vua thích. Như vậy gọi là cùng thích như nhau. Bọn bầy tôi chê điều gì thì đó là điều nhà vua không thích. Như vậy gọi là cùng ghét như nhau. Việc yêu ghét như nhau mà lại chống đối nhau đó là điều chưa hề nghe. Đó là con đường khiến bọn bầy tôi được tin yêu.

2. Bọn bầy tôi gian tà đã lợi dụng được cái thế được nhà vua tin yêu để dùng lời khen chê mà tiến cử hay xua duổi những người khác. Nhà vua không có thuật gì để chế ngự họ, không có cách gì để kiểm tra xem xét họ thì thế nào cũng sẽ căn cứ vào chỗ trước đây lời của họ hợp với mình cho nên tin những lời của họ hiện nay. Đó là lý do khiến cho bọn bầy

tôi được nuông chiều có thể lừa dối nhà vua mà thực hiện những điều riêng tư của họ.

Cho nên nhà vua ở trên thế nào cũng bị lừa và bầy tôi ở dưới thế nào cũng được trọng. Đó gọi là bọn bầy tôi khống chế nhà vua. Nước có bọn bầy tôi khống chế nhà vua thì các quan ở dưới không thể bầy tỏ hết khôn ngoan, sức lực để nêu rõ lòng trung, các viên lại không thể thi hành pháp luật để thực hiện cái công của mình.

Lấy cái gì để chứng minh điều đó?

Nói chung, thích điều lợi và tìm nó, ghét cái hại và tránh nó, đó là tình cảm của con người. Nay bọn bầy tôi nếu dốc sức để làm được công lao, nếu đem hết sự khôn ngoan để trình bày lòng trung của mình thì thân mình bị khốn khổ, nhà mình nghèo, cha và con đều mắc phải cái hại. Trái lại, những bọn làm điều gian dối, kiếm lợi để che giấu nhà vua, dùng của cải để phụng sự, bọn bầy tôi được quý trọng thì thân họ lại ở địa vị cao, nhà lại giàu, cha và con lại được hưởng ân huệ. Như thế ai có thể bỏ con đường yên ổn và có lợi để đi theo con đường nguy hiểm và có hại? Việc trị nước đã sai lầm như thế mà nhà vua lại muốn người dưới không gian dối, các quan lại thi hành pháp luật thì rõ ràng là không thể làm được.

Bọn chung quanh nhà vua biết nếu mình trung và tín thì không thể yên ổn, có lợi, cho nên thế nào cũng nói: "Ta lấy trung và tín để thờ vua, lo lập

nhiều công lao để được yên thì cũng chẳng khác gì người mù mà muốn phân biệt trắng đen khác nhau. Rõ ràng là không thể được. Nếu theo đạo để thay đổi, làm điều ngay thẳng không chạy theo giàu sang, thờ người trên để cầu được yên thì cũng như người điếc mà muốn phân biệt tiếng trong và tiếng đục. Điều đó lại càng không thể được. Hai con đường trên đây đều không đưa ta đến chỗ yên. Vậy tại sao ta không cùng kéo bè kéo đảng, che giấu nhà vua, làm việc gian dối riêng tư để làm vừa lòng những con người được quý trọng?".

Những người như thế nhất định sẽ không chú ý đến ý muốn của nhà vua. Các viên lại của trăm quan cũng biết rằng nếu ngay thẳng và chính trực thì không thể nào được yên thân cho nên thế nào cũng nói: "Nếu ta lấy sự thanh liêm để thờ bề trên mong được yên thân, thì cũng như là không có cái quy cái củ mà muốn vẽ hình vuông hình tròn. Nhất định là không thể được. Nếu ta giữ pháp luật, không theo bè đảng, lo việc công để mong được yên thân thì cũng như lấy chân mà gãi lên đầu. Lại càng không thể được. Hai con đường ấy đều không giúp ta được yên thân. Tại sao ta không bỏ pháp luật chạy theo việc riêng tư để làm vừa lòng những người được quý trọng?". Bọn này nhất định sẽ không đoái hoài đến pháp luật của nhà vua.

Cho nên những người vì việc riêng phục vụ những kẻ được quý trọng thì đông. Trái lại, những

người thi hành pháp luật để thờ vua thì ít. Kết quả là ở trên nhà vua bị cô lập còn ở dưới các quan làm thành bè đảng. Đó là lý do khiến cho Điền Thành giết Giản Công vậy.

3. Phàm kẻ có thuật trị nước đã làm bầy tôi thì sẽ dựa theo pháp luật để giải quyết. Trên soi sáng pháp luật nhà vua, dưới làm cho bọn gian thần nguy khốn để cho nhà vua được tôn quý, nước được yên. Do đó, nếu như những lời hợp phép tắc được đưa ra ở trước thì việc khen thưởng và trừng phạt sẽ được thi hành ngay sau đó.

Nếu ông vua quả thực hiểu rõ cái thuật trị nước của bậc thánh nhân và không bị câu nệ vào cái danh và cái thực mà quyết định việc đúng và việc sai, dựa vào điều tra, xem xét và thẩm định những lời nói năng thì các quan chung quanh, những bầy tôi gần gũi biết là không thể dùng dối trá để được yên thân. Thế nào họ cũng nói: "Nếu ta không vứt bỏ những hành vi gian trá riêng tư để dốc sức đem hết trí khôn ra thờ vua, mà lại lo kéo bè kéo đảng, dùng lối khen chê bừa bãi để được yên thân thì cũng chẳng khác gì mang vật nặng ngàn cân đứng ở nơi vực thẳm khôn lường mà lại muốn sống vậy. Nhất định là không thể được".

Bọn lại của trăm quan cũng biết rằng nếu làm việc gian dối để mưu lợi thì sẽ không thể được yên. Thế nào họ cũng sẽ nói: "Nếu ta không liêm khiết, ngay thẳng, chính trực để đề cao pháp luật mà lại

mang cái bụng tham ô, bẻ cong pháp luật để mưu lợi riêng thì cũng chẳng khác gì trèo lên đỉnh gò cao, rơi xuống cái khe dốc mà lại muốn sống vậy. Nhất định là không thể được". Khi con đường yên và con đường nguy là rõ ràng như thế thì những người chung quanh đâu dám dùng lời nói suông để lừa dối nhà vua, và trăm quan đâu dám tham lam bòn rút kẻ dưới? Như vậy thì những bầy tôi có thể trình bày điều trung mà không bị che đậy, người dưới có thể giữ chức vụ của mình mà không bị oán ghét. Đó là điều đã khiến cho Quản Trọng làm cho nước Tề được trị yên và Thương Quân làm cho nước Tần mạnh.

Theo vào đó mà xét thì bậc thánh nhân khi trị nước vốn có cái đạo khiến cho người ta không thể nào không yêu mình, chứ không bao giờ nhờ cậy người ta vì yêu mình mà làm. Nhờ cậy người ta vì yêu mình mà làm thì nguy. Nhưng dựa vào chỗ họ không thể không làm cho ta thì yên.

Nói chung, vua và tôi không có tình thân của những người trong cốt nhục. Nếu theo con đường chính trực mà được lợi thì bầy tôi sẽ dốc hết sức mình để thờ vua. Còn nếu theo con đường chính trực mà không thể được yên thì bầy tôi sẽ làm việc riêng của họ để che giấu nhà vua. Vị vua sáng biết điều đó, cho nên đặt ra con đường lợi và hại để cho thiên hạ thấy. Có thế thôi.

thể hiển vinh, cho nên họ coi thường việc phạm đến pháp luật mới. Do đó, trị ai phạm pháp thì trị nặng mà quyết đoán, ai tố giác thì được thưởng nhiều và chắc chắn. Cho nên những kẻ gian không làm được gì và nhiều người bị hình phạt. Dân căm ghét oán giận và ngày nào cũng có nhiều người chê bai Thương Quân. Tần Hiếu Công không nghe cứ làm theo pháp luật của Thương Quân. Dân sau đó biết rằng ai có tội thì thế nào cũng bị trừng phạt và rất nhiều người tố giác những việc gian. Kết quả, dân không dám phạm tội và hình phạt không phải thi hành. Nhờ vậy nước trị an và quân mạnh, đất mở rộng và nhà vua được đề cao. Sở dĩ được thế là vì ai che giấu tội thì bị phạt nặng và ai tố giác việc gian thì được thưởng nhiều.

Đó là con đường khiến cho cả thiên hạ nhìn và nghe hộ mình. Pháp luật và cái thuật trị nước cao nhất đã rõ ràng như thế nhưng bọn học giả ở đời lại không biết.

5.Vả lại, bọn học giả đốt nát ở đời không biết bản chất của việc trị và loạn, cứ nói năng nhảm nhí và dẫn những sách của người xưa để làm rối việc cai trị ở đời này.

Sự khôn ngoan suy nghĩ của họ đã không đủ để tránh cái nguy bị rơi xuống hố mà họ lại chê bai bừa bãi những kẻ sĩ có thuật trị nước. Nếu nghe lời họ thì nguy, nếu dùng kế họ thì loạn. Đó là điều ngu hết sức lớn và là mối lo hết sức lớn. So với những kẻ

sĩ có thuật trị nước thì họ cũng có được cái tiếng là biện luận nói năng đấy, nhưng thực ra hai bên xa nhau một vực một trời. Cái tiếng là như nhau nhưng sự thực thì khác nhau. Bọn học giả ngu dốt so với những kẻ sĩ có thuật trị nước chẳng khác gì tổ kiến so với cái gò lớn. Hai bên khác nhau xa như thế đấy.

Bậc thánh nhân hiểu rõ cái thực tế của việc phải và trái, xét rõ thực chất của việc trị và loạn, cho nên trị nước thì nêu rõ pháp luật đúng đắn, bày ra hình phạt nghiêm khắc để chữa cái loạn của dân chúng, trừ bỏ cái hoạ trong thiên hạ. Khiến cho kẻ mạnh không lấn át người yếu, kẻ đông không xúc phạm số ít, người già cả được thoả lòng, người trẻ và cô độc được trưởng thành, biên giới không bị xâm lấn, vua và tôi thân yêu nhau, cha con giữ gìn cho nhau, lại không mắc phải cái lo bị chết chóc hay bị giặc bắt cầm tù. Đó cũng là cái công hết sức lớn.

Bọn ngu không biết, coi đó là hung bạo. Bọn ngu cũng muốn nước được trị an, nhưng lại ghét cái cách để làm cho nước được trị an. Chúng đều ghét cái nguy nhưng lại thích cái cách làm cho nước bị nguy. Tại sao lại biết như thế? Phàm hình phạt nghiêm và nặng là điều dân vẫn ghét, nhưng nước lại nhờ đó mà được trị an, thương xót trăm họ; giảm nhẹ hình phạt là điều dân vẫn thích nhưng nước lại vì thế mà bị nguy.

Bậc thánh nhân lập phép tắc cho nước thế nào cũng làm trái thế tục, nhưng đó lại là hợp với đạo

đức. Người biết như vậy thì làm theo điều nghĩa mà trái với thế tục. Người không biết điều đó thì làm trái với đạo nghĩa nhưng lại làm theo thế tục. Nhưng người trong thiên hạ biết điều này ít, thì đạo nghĩa sẽ bị chê bai vậy.

6. Ở vào cái địa vị trái với đạo, bị mọi người gièm pha, bị chết đuối trong những lời thế tục ngày nay mà lại muốn đương đầu với vị thiên tử nghiêm để cầu được yên chẳng phải là khó sao? Đó là điều khiến cho những kẻ sĩ khôn ngoan đến chết cũng không thể nêu danh ở trên đời vậy.

Em của Sở Trang Vương là Xuân Thân Quân có người thiếp yêu tên là Dư. Con trai của người vợ chính của Xuân Thân Quân tên là Giáp.

Dư muốn chồng mình bỏ người vợ cả cho nên làm cho thân mình bị thương rồi chỉ cho chồng thấy, khóc và nói: "Được làm người thiếp của ngài là may lắm. Tuy vậy nếu làm cho phu nhân thích thì đó không phải là cách để thờ ngài. Còn làm cho vừa lòng ngài thì đó lại không phải là cách thờ phu nhân. Thiếp vốn hèn kém không đủ sức để làm vừa lòng hai người chủ. Tình thế đã không thể làm vừa lòng hai chủ thì thà chết trước mặt ngài còn hơn chết trước mặt phu nhân. Thiếp xin được ngài cho chết. Sau này nếu ngài có thương yêu người nào chung quanh thì xin ngài xét cho chớ để người ta cười".Xuân Thân Quân vì thế tin lời nói dối của Dư mà bỏ người vợ cả.

Dư lại muốn giết Giáp để con mình nối nghiệp bèn tự xé áo trong chỉ cho Xuân Thân Quân thấy, rồi khóc mà nói: "Dư được ngài yêu đã lâu, Giáp không phải không biết. Nay nó lại muốn trêu Dư. Dư vật lộn với nó đến nỗi nó xé rách áo của Dư. Tội bất hiếu của người con thật không có gì lớn bằng". Xuân Thân Quân giận, giết Giáp. Cho nên vì sự dối trá của Dư mà người vợ cả bị bỏ và người con thì bị giết. Cứ thế mà xem thì người cha yêu con còn có thể dùng lời gièm pha mà hãm hại.

Vua với tôi đã không có cái tình thân như cha đối với con, lời gièm pha của bọn bầy tôi lại không phải chỉ có cái miệng của một người thiếp. Như vậy thì những người hiền và thánh bị giết chết có lạ gì đâu?

Chính điều đó khiến cho Thương Quân bị xé xác ở nước Tần và Ngô Khởi bị phanh thây ở nước Sở vậy. Phàm những kẻ làm tôi có tội đều không muốn bị giết, những kẻ không có công đều muốn được vinh hiển. Thế mà bậc thánh nhân cai trị nước thì lại không thưởng những kẻ không có công; trái lại nhất định giết những kẻ có tội.

Như vậy thì những kẻ chủ trương pháp luật và thuật trị nước dĩ nhiên là bị những người chung quanh nhà vua hãm hại, nếu không phải là bậc vua sáng thì không thể nghe theo.

7. Bọn đề cao học thuật khi thuyết phục nhà vua không nói: "Phải dựa vào cái thế uy nghiêm để làm khốn khổ bọn bầy tôi gian dối". Trái lại chỉ nói đến chuyện "dùng nhân nghĩa, ân huệ, thương yêu chỉ có thể mà thôi".

Các ông vua ở đời chỉ chuộng cái tiếng nhân nghĩa mà không xét đến sự thực, cho nên kẻ gặp nguy lớn thì nước mất, thân chết; kẻ gặp nguy nhỏ thì nước bị cắt, địa vị nhà vua bị hạ thấp.

Lấy gì để chứng minh điều đó? Nói chung, giúp đỡ cho người nghèo khốn đó là cái ở đời gọi là nhân nghĩa. Thương xót trăm họ, không nỡ trừng phạt giết tróc đó là cái ở đời gọi là ân huệ. Nhưng ban ơn cho những người nghèo khốn thì những người có công không được thưởng. Không nỡ trừng phạt giết tróc thì những kẻ hung bạo gây loạn không bị chặn lại. Nước có kẻ không công mà được thưởng thì dân bên ngoài không lo chống giặc, chém đầu địch, bên trong không chăm ra sức cày ruộng và chăm làm. Ai cũng muốn kiếm của cải, thờ bọn giàu sang, làm việc thiện riêng, nêu danh tiếng để lấy chức quan to và hưởng bổng lộc lớn. Kết quả, bọn bầy tôi gian giảo riêng tư càng nhiều và bọn người hung bạo làm loạn càng thắng. Nước như vậy mà không mất thì còn đợi cái gì nữa?

7. Hình phạt nghiêm là điều dân vẫn sợ. Phạt nặng là điều dân vẫn ghét. Cho nên bậc thánh nhân

bày ra cái người ta vẫn sợ để cấm không cho người ta làm bậy; đưa ra cái người ta vẫn ghét để đề phòng điều gian dối của họ. Nhờ thế, nước được yên và điều hung bạo loạn lạc không xảy ra. Ta vì thế thấy rõ rằng nhân nghĩa, ân huệ, yêu thương không dùng được vào việc gì, trái lại hình phạt nghiêm, trừng trị nặng có thể trị được nước. Nếu không có cái uy của cây roi, không có hàm thiếc và dây cương thì dù có là Tào Phụ cũng không thể làm cho con ngựa theo mình. Nếu không có cái quy cái củ, không có dây mực để làm tiêu chuẩn thì dù có là Vương Nhĩ cũng không có thể vẽ được hình tròn hình vuông. Nếu không có cái thế của sự oai nghiêm, không có cái phép thưởng phạt thì dù có là Nghiêu, Thuấn đi nữa cũng không thể trị nước. Các vị vua chúa đời này đều coi nhẹ việc phạt nặng, pháp luật nghiêm, muốn thi hành việc thương yêu, ân huệ mà lại muốn lập công lao của bậc bá vương thì không thể được vậy. Cho nên người khéo làm chủ thì nêu cao việc thưởng, đặt ra cái lợi để khuyến khích, khiến cho dân lập công để được thưởng, chứ không ban cấp nhân nghĩa; dùng hình nghiêm phạt nặng để ngăn cấm khiến cho dân sợ phạm tội bị giết chứ không nhờ thương xót ân huệ mà được miễn. Làm thế thì những người không có công không mong được thưởng và những người phạm tội không cầu may được tha.

Nếu có xe chắc, ngựa tốt thì trên đường bộ không lo đường dốc, trắc trở. Đi thuyền vững, nắm mái chèo vững thì không sợ dòng nước xiết trên sông. Nếu nắm lấy pháp luật, thuật cai trị, thi hành phạt nặng trừng trị nghiêm thì có thể lập được công nghiệp của bậc bá vương. Trị nước mà có pháp luật, có thuật, có thưởng phạt thì cũng chẳng khác gì đi đường bộ mà có cỗ xe chắc, ngựa tốt, đi đường thuỷ mà có chiếc thuyền nhẹ, chèo chắc vậy. Người có được những cái ấy thì sẽ thành công.

Y Doãn nắm được nó mà Thang nên nghiệp vương, Quản Trọng nắm được nó mà nước Tề thành bá, Thương Quân nắm được nó mà nước Tần hùng mạnh. Cả ba người này đều hiểu rõ cái thuật làm bá vương, xét kỹ cái phép làm cho nước trị và mạnh mà không bị ràng buộc bởi những lời của thế tục. Một khi đã hợp với ý của bậc vua sáng đương thời thì từ chỗ là một kẻ sĩ áo vải mà làm ngay chức vụ khanh tướng. Nếu họ ở vào địa vị trị nước thì có cái kết quả thực tế là chủ được tôn quý, đất được mở rộng. Đó gọi là những bầy tôi đáng quý. Thang được Y Doãn từ chỗ có trăm dặm đất mà được làm thiên tử. Hoàn Công được Quản Trọng thì được lập làm người cầm đầu trong ngũ bá, chín lần họp chư hầu, một lần cứu thiên hạ; Hiếu Công được Thương Quân thì đất thêm rộng, binh thêm mạnh. Cho nên nếu có bậc trung thần thì bên ngoài không phải lo về nước địch, bên

trong không phải lo bầy tôi làm loạn, được yên ổn lâu dài trong thiên hạ và danh tiếng để lại cho đời sau. Như thế mới gọi là bậc trung thần.

Còn như Dự Nhượng làm bầy tôi của Trí Bá, ở trên không thể thuyết phục nhà vua, khiến nhà vua nêu cao pháp luật và thuật trị nước để tránh tai hoạ và hoạn nạn; ở dưới không thể điều khiển dân chúng để cho nước được yên. Đến khi Tương Tử giết Trí Bá, Dự Nhượng mới tự chạm mặt, cắt mũi, làm cho mặt mày hư hỏng, nhằm giết Tương Tử để trả thù cho Trí Bá. Như vậy là tuy có cái tiếng là vì chúa mà phá huỷ thân mình và bị giết, nhưng thực ra chẳng hề mảy may có ích gì cho Trí Bá cả. Hạng người như vậy tôi coi là kém, nhưng các vị vua ở đời lại cho là trung và đề cao.

Xưa có Bá Di, Thúc Tề, vua Vũ Vương nhường thiên hạ cho họ mà họ không nhận. Hai người này chết đói trên núi Thú Dương. Những bầy tôi như vậy không sợ phạt nặng, không ham thưởng lớn, không thể lấy phạt mà cấm, không hề lấy thưởng mà sai. Hạng này gọi là bầy tôi vô ích. Tôi coi khinh và gạt bỏ họ. Nhưng các vị vua ở đời lại khen và tìm kiếm họ.

8. Tục ngữ có câu: "Người hủi thương hại ông vua". Đó là một lời xấc xược. Thế nhưng đời xưa không có lời tục ngữ trống không, cho nên không thể không xét đến.

Câu này là để nói đến những ông vua bị ép bị giết và bị nhục nhã. Bậc làm vua mà không có pháp luật để chế ngự bầy tôi thì tuy có sống lâu và có tài đi nữa, các quan đại thần vẫn sẽ được thế. Họ lợi dụng việc phục vụ các quyết định của nhà vua nhưng chỉ hăng hái lo đến việc riêng của họ. Nhưng họ sợ cha anh của nhà vua và những kẻ sĩ hào kiệt mượn cái sức của nhà vua để ngăn cấm hay trừng phạt họ, cho nên họ giết ông vua hiền và lớn tuổi để lập ông vua ít tuổi và yếu đuối, phế truất người chính mà lập kẻ bất nghĩa.

Cho nên sách *Xuân thu* chép: "Vương Tu Vị nước Sở sắp đi sứ sang nước Trịnh. Chưa ra khỏi biên giới, nghe tin nhà vua có bệnh. Liền trở về, nhân đấy vào thăm bệnh nhà vua, lấy dây mũ thắt cổ nhà vua và giết đi, rồi tự lập mình làm vua.

Thôi Trữ nước Tề có người vợ đẹp. Trang Công gian díu với bà ta, mấy lần đến nhà họ Thôi. Khi nhà vua đến, bè đảng của Thôi Trữ là Giả Cử chỉ huy bộ hạ của Thôi Trữ đánh nhà vua. Nhà vua vào nhà xin cùng ông ta chia nước. Thôi Trữ không chịu. Nhà vua bèn xin tự đâm mình chết ở tôn miếu. Thôi Trữ vẫn không nghe. Nhà vua bèn bỏ chạy trèo qua tường ở phía bắc. Giả Cử bắn nhà vua trúng đùi, nhà vua ngã xuống, bọn bộ hạ của Thôi Trữ lấy giáo đâm nhà vua chết, và lập người em là Cảnh Công.

Gần đây, Lý Đoái cầm quyền ở nước Triệu giam đói Chủ Phụ một trăm ngày mà chết. Trác Xỉ được trọng dụng ở nước Tề, rút gân vua Mẫn Vương treo ông ta lên cái xà nhà ở miếu, được một đêm thì chết".

Cho nên kẻ bị bệnh hủi tuy người bị lở lói, sưng phù lên nhưng so với những ông vua trong *Kinh Xuân thu* trước đây thì không đến nỗi bị thất cổ, bị bắn vào đùi, bị rút gân. Do đó những ông vua bị lấn át, bị giết thì bụng lo sợ, thân mình đau khổ, còn tệ hơn anh ta.

Do đó mà xem thì "Người hủi thương hại ông vua" là đúng vậy.

QUYỂN V

Thiên XV

Những điểm nước mất (Vong trưng)

1) Nói chung, khi nước của nhà vua thì nhỏ mà các nhà riêng thì lớn, quyền mình thì ít mà bầy tôi thế mạnh thì có thể mất.

2) Nếu coi nhẹ pháp luật và những điều ngăn cấm mà lo việc tính toán, mưu mô, bỏ việc bảo vệ bên trong mà nhờ cậy vào viện trợ bên ngoài thì có thể mất.

3) Các quan lo học, những người con em các nhà thích biện luận, những người đi buôn chứa chất của cải ở nước ngoài, dân đen khổ sở ở trong nước thì có thể mất.

4) Nhà vua ham cung thất, đài tạ, núi, ao, thích xe cộ, áo mũ, đồ chơi đều đẹp, làm cho trăm họ vất vả, hao tiền tốn của thì có thể mất.

5) Ông vua dùng bọn coi ngày, thờ quỷ thần, tin bói toán, thích cúng tế thì có thể mất.

6) Nghe vì căn cứ theo tước mà không đợi tra xét, chỉ dùng một người làm vây cánh cho mình thì có thể mất.

7) Nếu kẻ quan chức có thể đòi hỏi lớn, kẻ tước lộc có thể được của cải thì có thể mất.

8) Bụng dễ dãi không làm được việc gì, nhu nhược không quyết đoán, không phân biệt được điều yêu điều ghét, không có lập trường xác định thì có thể mất.

9) Tham lam không biết chán, thích điều lợi, ham vơ vét thì có thể mất.

10) Thích trừng phạt mà không noi theo pháp luật, thích lý thuyết mà không tìm công dụng, thiên về văn vẻ mà không chú ý đến công dụng, thiên về văn vẻ mà không chú ý đến công lao thì có thể mất.

11) Bụng hời hợt và dễ thấy, hay tiết lộ mà không che giấu, không thể giữ bí mật mà lại đem lời bầy tôi này nói với bầy tôi khác thì có thể mất.

12) Cứng rắn mà không hoà hợp, chống lại lời can gián và hiếu thắng, không đếm xỉa đến xã tắc mà tự tin mình một cách dễ dàng thì có thể mất.

13) Cậy vào việc giao du viện trợ của nước xa mà coi nhẹ nước láng giềng ở gần. Dựa vào sự cứu giúp của nước lớn mà coi khinh những nước ở gần thì có thể mất.

14) Nếu những kẻ sĩ nước ngoài trú ngụ ở nước mình được dùng vẫn để tài sản ở nước ngoài. Nhà vua ở trên bàn mưu kế với họ, ở dưới cho họ can thiệp vào công việc của dân thì có thể mất.

15) Nếu dân chúng không tín nhiệm ông tướng quốc, kẻ dưới không tuân lệnh người trên mà ông vua cứ tin ông tướng quốc không phế truất ông ta thì có thể mất.

16) Không dung những người hào kiệt trong nước mà lại tìm những kẻ sĩ của nước ngoài, không kiểm tra bằng công lao mà lại thích đề cử bừa bãi căn cứ vào tiếng khen, những người nước ngoài trú ngụ được trọng hơn những người quen biết cũ thì có thể mất.

19) Nước nhỏ mà không chịu nhún nhường, sức yếu mà không sợ nước mạnh, vô lễ làm nhục nước láng giềng lớn; tham lam bướng bỉnh lại vụng giao thiệp thì có thể mất.

20) Thái tử đã lập mà vua lại lấy vợ ở một nước địch mạnh và lập làm hoàng hậu thì thái tử nguy.

21) Nhút nhát và tự vệ kém, thấy sớm nhưng trong bụng rụt rè, biết là phải làm nhưng không dám thi hành thì có thể mất.

22) Vua bị đuổi ra nước ngoài mà nước lập vua khác, thái tử làm con tin ở nước ngoài mà vua thay đổi người con kế vị thì nước sinh hai lòng, nước sinh hai lòng thì có thể mất.

23) Làm nhục quan đại thần mà lại cho ông ta ở gần mình, dùng hình phạt với dân hèn nhưng lại gần gũi họ. Những kẻ ôm ấp điều giận, nhớ đến điều sỉ nhục ở gần gũi thì bọn giặc sẽ xuất hiện; bọn giặc xuất hiện thì có thể mất.

24) Quan đại thần hai người được trọng, cha anh nhiều và mạnh. Bên trong lập bè đảng, bên ngoài dựa vào nước ngoài để giành nhau uy thế thì có thể mất.

25) Nghe lời của tỳ thiếp, dùng cái khôn của những kẻ mình yêu mà đùa bỡn, bên trong bên ngoài oán giận mà lại hay làm những điều trái pháp luật thì có thể mất.

26) Coi khinh quan đại thần, vô lễ với cha anh, làm trăm họ vất vả khổ cực, giết hại những người vô tội thì có thể mất.

27) Thích dùng trí khôn để bẻ cong pháp luật, thường thay đổi phép công, pháp luật, cấm đoán thay đổi luôn, mệnh lệnh đưa xuống nhiều thì có thể mất.

28) Không có đất đai hiểm trở, thành quách kém, không có của chứa chất, không chuẩn bị để phòng bị mà lại coi thường việc đánh và chinh phạt thì có thể mất.

29) Dòng dõi không thọ, nhà vua kế tiếp nhau luôn, con trẻ làm vua, đại thần chuyên quyền, nuôi những người nước ngoài đến trú ngụ làm bè đảng,

hay cắt đất để ngoại giao với nước ngoài thì có thể mất.

30) Thái tử được đề cao và vinh hiển, bè đảng đông và mạnh, coi trọng việc giao du với nước lớn và uy thế sớm có đầy đủ thì có thể mất.

31) Hẹp hòi và nóng nóng, khinh suất và dễ hành động, trong lòng giận dữ không nhìn trước nhìn sau thì có thể mất.

32) Nhà vua hay nổi giận lại thích dùng binh, coi thường cái gốc mà lại khinh suất tiến đánh thì có thể mất.

33) Bầy tôi sang ghen ghét nhau, các quan đại thần hưng thịnh, bên ngoài dựa vào nước địch, bên trong làm khốn khổ trăm họ gây oán thù mà nhà vua không trừng trị thì có thể mất.

34) Nhà vua kém cỏi mà con những người thiếp lại hiền; thái tử bị xem nhẹ mà con thứ lại mạnh; quan lại yếu mà nhân dân hung bạo, như thế thì nước rối loạn. Nước rối loạn thì có thể mất.

35) Giữ điều giận mà không bộc lộ ra, treo tội nhưng không giết, khiến bầy tôi trong bụng ghét và lại càng lo sợ, mà lâu không biết thì có thể mất.

36) Tướng quân ra biên giới quyền to quá, quan giữ biên địa vị quá cao, chuyên quyền thi hành mệnh lệnh, tự mình làm mà không xin phép ai thì có thể mất.

37) Hoàng hậu dâm loạn, hoạng thái hậu làm điều nhơ bẩn, bên trong bên ngoài hỗn loạn, con trai con gái không phân biệt. Như thế gọi là hai vua, hai vua thì có thể mất.

38) Hoàng hậu và các bà vợ thì hèn mà các tỳ thiếp thì sang, thái tử thì thấp mà con thứ thì tôn quý, tướng quốc bị khinh mà viên quan tiếp khách nước ngoài được trọng. Như thế là trong và ngoài sai lạc. Trong và ngoài sai lạc thì có thể mất.

39) Quan đại thần sang quá đáng, bè đảng đông và mạnh, che đậy cản trở sự quyết định của nhà vua và chuyên quyền trị nước thì có thể mất.

40) Các quan của các nhà riêng được dùng mà những người lập công không được dùng. Những người có tiếng trong làng xóm được cất nhắc mà những người chăm làm chức quan của mình thì bị bỏ. Coi trọng việc riêng mà coi nhẹ việc chung, thì có thể mất.

41) Kho nhà nước trống rỗng mà quan đại thần nhiều của cải. Các hộ dân trong nước nghèo mà dân trú ngụ giàu. Kẻ sĩ lo cày và chiến đấu thì nghèo mà dân làm nghề ngọn được lợi thì có thể mất.

42) Thấy lợi lớn mà không chạy theo, nghe hoạ bắt đầu mà không đề phòng; kém về mặt chiến đấu và phòng thủ mà lại chăm làm nhân nghĩa để tự tô vẽ cho mình thì có thể mất.

43) Không làm cái hiếu của bậc làm vua mà lại làm cái hiếu của kẻ thất phu. Không nhìn đến cái lợi của xã tắc mà lại nghe theo mệnh lệnh của mẹ nhà vua, để cho đàn bà trị nước, những người bị hình phạt sống sót (những người thái giám) cầm quyền thì có thể mất.

44) Nói năng hùng biện nhưng không theo pháp luật, bụng khôn ngoan mà không có thuật trị nước, nhà vua lắm tài nhưng không làm việc theo phép tắc thì có thể mất.

45) Những bầy tôi thân được tiến cử mà những người cũ rút lui. Kẻ hèn kém được dùng mà những người hiền lương ẩn nấp. Kẻ không có công được quý trọng mà những người vất vả khó nhọc bị nghèo hèn thì kẻ dưới oán. Kẻ dưới oán thì có thể mất.

46) Cha anh, các quan đại thần lộc và trật vượt quá công lao, y phục vượt quá cấp bậc, các cung thất được cung phụng nuôi dưỡng quá xa xỉ mà vua không cấm. Như vậy thì bụng của bầy tôi sẽ không cùng. Bụng của bầy tôi không cùng thì có thể mất.

47) Con rể và cháu của nhà vua ở cùng lẫn lộn với nhân dân, bạo ngược kiêu ngạo với người láng giềng thì có thể mất.

Nêu những điểm mất nước trên không phải là nói rằng nước thế nào cũng mất. Mà là có thể mất. Hai Nghiêu không thể cùng làm cho nhau thành vương, hai Kiệt không thể làm cho nhau mất. Cái

then chốt khiến cho nhà vua mất nước là ở chỗ nơi trị nơi loạn, nơi mạnh nơi yếu khác nhau xa.

Cây gỗ bị gãy thế nào cũng có mọt ở trong. Cái tường bị đổ thế nào cũng có lỗ hở ở trong. Thế nhưng cây gỗ tuy bị mọt nhưng không có gió mạnh thì không gãy. Cái tường tuy có chỗ hở nhưng không có mưa to thì không đổ. Bậc vua chúa có muôn cỗ xe, biết dùng thuật trị nước thi hành pháp luật để làm mưa làm gió đối với những ông vua có điểm mất nước thì việc thôn tính thiên hạ là không khó vậy.

Thiên XVI

Ba điều phải giữ (Tam thủ)

1. Bậc làm vua có ba điều phải giữ. Ba điều phải giữ ấy nếu trọn vẹn thì nước yên, thân vinh hiển. Ba điều phải giữ ấy nếu không trọn vẹn thì nước nguy, thân chết. Ba điều phải giữ đó là những gì?

1) Khi bầy tôi bàn đến sai lầm của những người có quyền lực, khuyết điểm của những người được tin dùng, tình hình của các quan mà bậc vua chúa không giữ kín được trong lòng lại cho những người thân cận biết. Làm thế bầy tôi dù có muốn nói cũng không dám không làm vừa lòng những kẻ thân cận rồi sau đó mới nói lên cho nhà vua nghe. Như

vậy thì những người nói ngay thẳng, chính trực không thể yết kiến nhà vua mà những người trung trực ngày càng bị xa dần.

2) Nếu nhà vua yêu ai mà không tự mình làm lợi cho người ấy, chờ đợi anh ta được khen rồi mới làm lợi. Nếu nhà vua ghét ai mà không tự mình làm hại phải chờ đợi anh ta bị chê rồi mới làm hại. Như vậy thì nhà vua không có uy mà quyền là ở bọn chung quanh.

3) Nhà vua ghét việc tự mình cai trị vất vả mà khiến cho bọn bầy tôi kéo đến thay đổi. Do đó mà cái quyền bị chuyển sang người khác, khiến cho việc cho sống và giết chết, cái chủ yếu của việc cho và cướp lấy lại nằm trong tay các quan đại thần. Như vậy là bị xâm lấn.

Cái đó gọi là ba điều phải giữ. Ba điều phải giữ mà không trọn vẹn thì đó là triệu chứng vua bị hiếp, bị giết vậy.

2. Nói chung, việc hiếp nhà vua cũng có ba cách: có cách dùng sự sáng suốt, có cách dùng sự việc, có cách dùng hình phạt.

1) Bầy tôi có được cái tôn quý của vị đại thần, khiến cho việc nội trị và ngoại giao nếu không qua tay ông ta thì không thi hành được. Như vậy dù có người tài giỏi nhưng chống lại ông ta thì bị hoạ mà theo ông ta thì được phúc. Như vậy thì quần thần thực không ai dám trung với vua, lo cho nước để bàn về việc có lợi và có hại cho xã tắc.

Nhà vua tuy giỏi cũng không thể một mình quyết định, đã thế, bầy tôi lại không dám trung với vua thì nước thế nào cũng mất. Tình trạng đó gọi là nước không có bầy tội. Nước không có bầy tôi đâu phải là vì không có người làm lang trung và triều thần thiếu? Bầy tôi hưởng lộc nuôi cha, làm việc riêng mà không nghĩ đến trung với việc chung, như thế gọi là hiếp nhà vua.

2) Bầy tôi mua lấy ân sủng, nắm lấy quyền chính, trau giồi cái thế bên ngoài để thắng ở bên trong, nói tình hình hoạ và phúc, được và mất khiến người ta sợ để a dua theo ý nhà vua thích và ghét. Nhà vua nghe họ, hạ thấp thân mình coi nhẹ nước để vun đắp cho họ. Việc nếu thất bại thì họ cùng vua chia cái hoạ, việc nếu thành công thì một mình họ hưởng. Những người được dùng đều một lòng một miệng tán dương cái hay của họ thì nhà vua không tin những người nói xấu họ. Đó gọi là hiếp nhà vua bằng công việc.

3) Còn như việc coi các tù ngục, cấm đoán, hình phạt mà bầy tôi chuyên nắm lấy thì cái đó gọi là cướp bằng hình phạt.

Ba điều phải giữ nếu không trọn vẹn thì ba điều ức hiếp nẩy sinh. Ba điều phải giữ đầy đủ thì ba điều ức hiếp bị ngừng lại. Ba điều ức hiếp bị chặn lại thì làm vương vậy.

Thiên XVII

Đề phòng bên trong (Bị nội)

1. Cái lo của nhà vua là ở chỗ tin người ta. Mình tin người ta thì bị người ta kiềm chế. Bầy tôi đối với nhà vua không phải có tình thân cốt nhục, chỉ vì bị tình thế buộc không thể không thờ, cho nên những kẻ làm tôi cứ dò la bụng dạ của ông vua không bỏ lơi một phút, thế mà ở trên ông vua lại lười biếng kiêu ngạo.

Đó là điều khiến cho trên đời mới có kẻ hiếp vua, giết chúa. Làm vua chúa mà quá tin con thì bọn gian thần sẽ dựa vào người con để thực hiện điều riêng tư của họ. Cho nên Lý Đoái giúp Triệu Vương mà làm cho Chủ Phụ chết đói. Làm vua chúa mà quá tin vợ thì bọn gian thần sẽ dựa vào vợ mà thực hiện điều riêng tư của họ. Cho nên người hề là Thi giúp Ly Cơ giết Thân Sinh mà lập Hề Tề. Gần như vợ và thân như con mà còn không thể tin, thế thì ngoài ra không thể tin ai vậy.

2. Vả lại, vị chúa có vạn cỗ xe, ông vua có ngàn cỗ xe, bà hậu phi, các phu nhân, có con trưởng làm thái tử, hoặc giả vẫn có người muốn nhà vua chết sớm.

Tại sao lại biết là thế? Nói chung, vợ chồng không có ân huệ cốt nhục, lúc yêu thì được thân,

không yêu thì bị sơ. Tục ngữ nói: "Yêu mẹ thì bế con". Như vậy thì ngược lại: "Ghét mẹ thì bỏ con". Đàn ông đến năm mươi tuổi lòng hiếu sắc vẫn không hết, đàn bà ba mươi tuổi sắc đẹp đã tàn. Người đàn bà sắc đẹp đã tàn lại thờ ông chồng hiếu sắc thì thân mình thế nào cũng bị hạ thấp, bị bỏ rơi và con mình sợ không nối ngôi được. Đó là cớ khiến cho hoàng hậu, thứ phi, phu nhân mong cho nhà vua chết. Còn khi mẹ làm thái hậu người con làm vua thì lệnh ra không ai không thi hành, cấm điều gì cũng được. Cái thú vui trai gái không kém với ông vua trước, mà lại nắm chắc quyền lực của một ông vua có vạn cỗ xe. Đó là cái lý do khiến họ dùng lối đầu độc và thắt cổ.

Cho nên sách *Đào Ngột Xuân Thu* nói: "Những ông vua chết vì bệnh không có lấy một nửa". Làm vua chúa mà không biết như thế thì loạn sẽ hay nảy sinh. Cho nên nói: "Nếu nhiều người có lợi về cái chết của nhà vua thì nhà vua nguy".

Vương Lương yêu ngựa, vua nước Việt là Câu Tiễn yêu người chỉ vì muốn chiến đấu và cưỡi ngựa. Ông thầy thuốc khéo hút mủ ở vết thương người ta, ngậm máu người ta không phải vì có tình thương cốt nhục, chẳng qua làm thế thì có lợi. Cho nên người bán cỗ xe làm xong cỗ xe thì muốn người ta giàu sang. Người thợ mộc đóng xong quan tài thì muốn người ta chết non. Đó không phải vì người thợ đóng cỗ xe có lòng nhân, còn người thợ đóng quan tài

không phải ghét người ta, nhưng cái lợi của anh ta là ở chỗ người ta chết.

Cho nên khi bè đảng của bà hậu phi, phu nhân, thái tử đã thành thì muốn nhà vua chết, bởi vì nếu nhà vua không chết thì cái thế của họ không được trọng. Bụng họ không phải ghét nhà vua, nhưng cái lợi của họ là ở chỗ nhà vua chết.

Vì vậy nhà vua không thể không để ý đến những kẻ có lợi trong việc mình chết. Cho nên mặt trời, mặt trăng có cái quầng ở bên ngoài thì cái hại của nó là ở bên trong. Mình đề phòng những người mình ghét nhưng cái hoạ xảy ra lại từ chính những người mình yêu.

3. Vì vậy cho nên bậc vua sáng không làm những việc mà mình không kiểm tra được, không ăn những thức ăn khác thường, nghe xa và nhìn gần để xem xét những sai sót bên trong và bên ngoài. Xét những lời giống nhau và khác nhau để biết sự phân chia bè đảng. Xét điều nên điều không nên để biết được sự thực trong việc trình bày. Nắm lấy cái sau để cho ứng với cái trước. Dựa vào pháp luật để cai trị mọi người. Tập hợp các đầu mối để xem xét. Không thưởng kẻ sĩ vì mình yêu. Không thưởng vượt quá việc đã làm, giết thì phải cho đúng, kẻ có tội thì không tha. Như vậy thì bọn gian tà mới không có cách nào che giấu điều riêng tư của họ được.

Sưu dịch nhiều thì dân khổ sở. Dân khổ sở thì kẻ có quyền thế nổi lên. Kẻ có quyền thế nổi lên thì

việc sưu dịch càng nặng. Việc sưu dịch càng nặng thì những kẻ sang càng giàu. Làm dân khổ sở mà những kẻ giàu sang nổi lên, trao cái thế cho bọn bầy tôi, đó không phải là cái lợi lâu dài của thiên hạ. Cho nên có câu: "Sưu dịch ít thì dân được yên. Dân được yên thì ở dưới không có người nhiều quyền. Ở dưới không có quyền to thì quyền thế bị diệt. Quyền thế bị diệt thì cái đức là thuộc bề trên".

4. Nước thắng được lửa, điều đó đã rõ. Nhưng lấy cái nồi để ngăn nước lại thì ở trên nước sôi, bốc hơi cho đến cạn, nhưng ở dưới lửa vẫn cứ cháy rần rật. Vì nước không có cái thế để thắng lửa. Nay việc cai trị thì thắng bọn gian tà, điều đó càng rõ hơn nữa. Nhưng những bầy tôi giữ pháp luật lại làm thành cái nồi cho nên pháp luật chỉ sáng rõ ở trong bụng mà bỏ mất cái thế ngăn cấm gian tà.

Theo những lời thượng cổ truyền lại, những lời sách *Xuân Thu* chép thì những kẻ phạm pháp, làm chuyện bạo nghịch thành bọn đại gian xưa nay đều xuất phát từ những bầy tôi được tôn quý.

Thế mà những kẻ pháp lệnh đề phòng, hình phạt giết chết, thường là ở địa vị thấp hèn. Cho nên dân chúng tuyệt vọng, không biết kêu vào đâu.

Các quan đại thần bè đảng với nhau, bên trong cùng nhau che đậy nhà vua, làm lợi cho nhau, bên ngoài thì giả vờ ghét nhau để tỏ ra vô tư, cùng làm tai mắt cho nhau để rình mò chỗ sơ hở của nhà vua. Nhà vua bị che đậy không có cách nào nghe được,

tuy có cái tiếng là chủ nhưng không có cái thực, bầy tôi nắm lấy pháp luật mà thi hành. Tình hình thiên tử nhà Chu là như thế. Nếu cho mượn quyền thế của mình thì trên và dưới thay đổi địa vị. Cho nên nói không thể cho bầy tôi mượn quyền thế.

Thiên XVIII

Ngoảnh mặt về hướng nam (Nam diện)

1. Điều sai lầm của bậc vua chúa là ở chỗ đã giao trách nhiệm cho bầy tôi, rồi lại dùng những kẻ không được giao trách nhiệm để đề phòng những người trên. Ý nhà vua cho rằng những người không được giao trách nhiệm thế nào cũng thù những người được giao trách nhiệm; nhưng trái lại, nhà vua lại bị những người không được giao trách nhiệm chi phối. Những người hôm nay nhà vua dùng để đề phòng lại là những người hôm qua nhà vua đề phòng.

Ông vua nếu không thể làm sáng tỏ pháp luật để khống chế cái uy của các đại thần thì không có cách nào làm cho những người cấp dưới tin mình. Ông vua bỏ pháp luật mà lấy bầy tôi để phòng bị bầy tôi, thì những kẻ yêu nhau sẽ kết thành bè đảng để tự khen nhau; những kẻ ghét nhau cũng sẽ kết thành bè đảng để chê bai nhau. Việc khen và chê đã chống đối lẫn nhau thì nhà vua sẽ bị mê hoặc và rối

loạn. Kẻ làm tôi nếu không xin xỏ tiếng khen, không chuyên quyền thì không có cách gì để ra uy; nếu không giả vờ trung tín thì không có cách gì để tránh sự cấm đoán. Ba điều này là cơ sở của việc lừa dối nhà vua và làm hỏng pháp luật.

Nhà vua khiến cho bầy tôi tuy có khôn ngoan tài giỏi nhưng không được làm trái pháp luật mà chuyên quyền. Tuy họ có đức hạnh cũng không được thưởng vượt quá chức vụ và công lao của họ. Tuy họ có trung tín cũng không được phép bỏ pháp luật mà không ngăn cấm. Như thế gọi là soi sáng pháp luật.

2. Bậc vua chúa bị lôi cuốn vì công việc, bị che đậy vì lời nói, hai điều đó không thể không xét.

1) Những bầy tôi nói đến công việc thì coi là dễ, cho là chẳng tốn kém gì, lấy công việc để lừa dối nhà vua, nhà vua bị lôi cuốn mà không xét, nên lại khen họ. Như vậy là bầy tôi lấy công việc để khống chế nhà vua. Kết quả là vua bị lôi cuốn, kẻ bị lôi cuốn bởi sự việc thì sẽ bị khổ sở vì những mối lo. Khi trình bày thì nói tổn phí ít, khi làm thì tổn phí nhiều, như vậy thì tuy có công, nhưng lời nói vẫn không đúng sự thực. Người nói không đúng sự thực thì bị tội. Người có công thì nhất định thưởng. Như vậy thì bầy tôi không ai dám tô vẽ lời nói để lừa dối nhà vua. Đạo của nhà vua là khiến cho lời nói trước của bầy tôi không trái với lời nói sau. Lời nói sau

nếu trái ngược lại lời nói trước thì tuy có công cũng vẫn cứ bị tội. Đó là cách dùng những người dưới.

2) Bầy tôi làm việc cho nhà vua nhưng sợ người ta chê bai mình thì trước tiên phải nói trước rằng "Họ phê phán công việc này là do ghen ghét". Nhà vua tin theo lời nói này mà không nghe các quan nữa, quần thần sợ lời nói này nên không dám bàn việc này nữa. Nếu hai hoàn cảnh này được thi hành thì nhà vua không nghe những người trung thần nói mà chỉ bọn bầy tôi được khen một mình được dùng. Như vậy gọi là bị che đậy về lời nói. Nhà vua bị che đậy về lời nói thì bị bầy tôi khống chế.

3. Đạo làm vua là khiến cho bầy tôi phải có trách nhiệm nói, lại phải chịu trách nhiệm về chỗ không nói. Lời nói không có đầu đuôi, lời bàn không được xác minh, như thế thì chịu trách nhiệm về lời nói. Lấy chuyện không nói để tránh trách nhiệm để giữ lấy địa vị lớn, như thế là chịu trách nhiệm về chỗ không nói. Bậc vua chúa khiến kẻ làm tôi đã nói thì phải biết đầu mối của nó và đòi hỏi nó phải phù hợp với sự thực. Còn những người không nói thì nhà vua xét những điều họ cho là đúng và những điều họ không cho là đúng để bắt họ chịu trách nhiệm. Như vậy thì bọn bầy tôi không ai dám nói bừa, mà cũng không ai dám im lặng, vì nói hay im lặng cũng đều phải chịu trách nhiệm cả.

Nhà vua muốn làm một công việc mà không hiểu rõ đầu đuôi, nếu nói rõ ý muốn của mình thì

khi làm công việc này đã chẳng được lợi, trái lại bị hại. Người biết được điều đó thì theo lý mà bỏ ham muốn của mình[1].

Làm việc phải có đạo. Khi tính thấy cái thu vào được nhiều mà cái đưa ra ít thì có thể làm. Ông vua bị mê hoặc thì không thế. Chỉ tính đến cái thu vào mà không tính đến cái đưa ra. Cái đưa ra gấp đôi cái thu vào, mà không biết cái hại của nó thì được cái danh nhưng bỏ mất cái thực. Như vậy thì công ít mà cái hại lớn.

Công tức là cái thu vào nhiều mà cái đưa ra ít, thì mới có thể gọi là công được. Nay xài phí nhiều vô ích mà được ít lại cho là công thì bầy tôi sẽ xài phí nhiều để làm nên cái công nhỏ. Cái công nhỏ tuy thành nhưng nhà vua vẫn bị thiệt.

4. Những kẻ không biết cai trị thế nào cũng nói: "Không thay đổi cái xưa, chớ thay đổi cái đã cố định". Bậc thánh nhân không quan tâm đến chuyện thay đổi hay không thay đổi, chỉ cốt sao cho chính trị ngay thẳng mà thôi. Như thế thì vấn đề ngày xưa không thay đổi phép tắc cố định là tuỳ theo chỗ ngày xưa nên làm hay không nên làm.

Y Doãn nếu không thay đổi nhà Ân, Thái Công nếu không làm thay đổi nhà Chu thì vua Thang vua Vũ không thể làm vương được. Quản

[1] Đây là theo pháp luật, không nói mình thích gì để khỏi bị bầy tôi lợi dụng.

Trọng không thay đổi nước Tề, Quách Yển không thay đổi nước Tấn thì Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công không thể làm bá được.

Nói chung, sở dĩ người ta ngại thay đổi phép xưa là ngại dân chúng đã quen với nó. Những kẻ không thay đổi phép xưa, noi theo dấu vết của loạn, làm vừa lòng dân là giúp cho bọn gian hoành hành. Dân ngu không biết là loạn mà bề trên nhu nhược không thể thay đổi, đó là cái sai của việc cai trị. Bậc làm vua có sự sáng suốt về cách làm cho nước trị an, có sự nghiêm chỉnh quyết thi hành cho được, cho nên tuy trái với lòng dân nhưng lại xác lập được việc trị an. Thuyết này thấy ở thiên "Nội ngoại" của Thương Quân là người phải dùng giáo sắt, khiên nặng để tự đề phòng. Cho nên khi Quách Yển bắt đầu trị nước, Tấn Văn Công có đạo quân bảo vệ mình, khi Quản Trọng bắt đầu trị nước, Tề Hoàn Công có xe có vũ trang để phòng bị dân chúng. Như vậy để đối phó với dân ngu dốt bướng bỉnh chỉ thấy khổ vì cái phí tổn nhỏ mà quên mất cái lợi lớn. Cho nên Dần Hổ sợ bị gièm pha tham cái lợi nhỏ mà bỏ mất cái tiện lâu dài. Cho nên người thương nhân đất Trâu chê việc chở khách vì quen với đời loạn mà tiếc đời trị. Cho nên người nước Trịnh không thể về[2].

[2] Mấy câu cuối này bỏ mất nhiều chữ cho nên các nhà chú giải đều không hiểu.

Thiên XIX

Tô vẽ sự gian tà (Sức tà)

1. Bói mai rùa và cỏ thi, quẻ nói là đại cát, rồi đem quân đánh nước Yên. Đó là nước Triệu. Bói mai rùa và cỏ thi, quẻ nói là đại cát, rồi tấn công nước Triệu. Đó là nước Yên. Trong việc làm của Kịch Tân, nước Yên không có công lao gì mà xã tắc nguy. Trong việc là của Trần Diễn, nước Yên không có công lao gì mà đạo đức mất[3]. Họ Triệu lúc đầu được thoả ý ở nước Yên, sau đó được thoả ý ở nước Tề. Nước loạn, nhưng khí tiết cao, tự cho mình là ngang với nước Tần. Đó không phải là vì mai rùa của nước Triệu thì linh thiêng mà mai rùa của nước Yên thì lừa dối.

Nước Triệu đã từng bói mai rùa, cỏ thi để đánh nước Yên ở phía bắc, định cướp nước Yên để chống lại nước Tần. Quẻ nói đại cát. Nhưng nước Triệu vừa mới đánh thành Đại Lương thì nước Tần đã xuất quân ở Thượng Đảng, quân Triệu đến đất Ly thì sáu thành đã mất, đến Dương Thành thì quân Tần lấy đất nghiệp. Bàng Viện kéo binh đi về phía nam thì đất Chương mất hết.

---

[3] Vua Triệu đánh nước Yên bắt tướng Yên là Kịch Tân. Nước Yên sai Trần Diễn bói về việc đánh Triệu được quẻ cát, nhưng bị Liêm Pha đánh bại.

Cho nên thần nói: "Mai rùa của Triệu tuy không thấy xa ở Yên thì cũng phải thấy gần ở Tần". Nước Tần được quẻ đại cát, có cái thực tế là mở rộng đất đai, lại có được cái danh là cứu nước Triệu. Triệu được quẻ đại cát mà đất bị cắt binh bị nhục, vua bực bội mà chết. Lại cũng không phải mai rùa nước Tần thì thiêng mà mai rùa nước Triệu thì lừa dối. Lúc đầu nước Ngụy mấy năm liền quay về hướng đông đánh lấy hết đất Đào; nước Vệ mấy năm quay về hướng tây mà mất nước của mình.

Đó là không phải vì những ngôi sao Phong Long, Thái Nhất, Ngũ Hành, Vương Tướng, Nhiếp Đề, Lục Thần, Ngũ Quát, Thiên Hà, Ân Sương, Tuế Tinh[4] nằm mấy năm ở phương tây, cũng không phải là vì những ngôi sao Thiên Khuyết, Hồ Nghịch, Hình tinh, Huỳnh Hoặc, Khuê Thai mấy năm nằm ở phía đông[***]. Cho nên nói: "Mai rùa, cỏ thi, quỷ thần không đủ để đánh thắng, không phải các sao ở bên trái, bên phải, trước mặt, sau lưng đủ để quyết định việc đánh". Thế mà nhờ cậy vào đó thì không gì ngu bằng.

2. Ngày xưa các tiên vương dốc sức vào việc đổi mới dân, lo lắng vào việc nêu cao pháp luật. Pháp luật được nêu cao thì các tôi trung được khuyến khích. Việc phạt chắc chắn thì bọn gian thần

---

[4.***] Tác giả chế nhạo thuật xem sao thời cổ. *Thiên văn chí* chẳng hạn nói sao Tuế Tinh ở vào địa phận nước nào thì nước ấy thắng, sao Huỳnh Hoặc ở vào địa phận nước nào thì nước ấy thua.

ngừng lại. Tôi trung được khuyến khích, gian thần ngừng lại, đất mở rộng và vua được đề cao, đó là nước Tần. Bầy tôi bè đảng cấu kết nhau để che giấu cái đạo ngay, làm việc riêng tư, kết quả đất bị cắt, địa vị nhà vua bị thấp xuống, đó là các nước phía đông núi Hoa Sơn. Loạn và yếu thì mất, đó là bản tính con người. Nước trị và mạnh thì làm vương, đó là cái đạo từ xưa vậy. Vua Việt Câu Tiễn cậy vào rùa Đại Bằng đánh nhau với quân Ngô mà không thắng được, phải đem thân làm bầy tôi vào làm quan ở đất Ngô. Khi trở về nước thì bỏ rùa, soi sáng pháp luật, đổi mới dân để trả thù nước Ngô, kết quả bắt được Phù Sai.

Cho nên những kẻ cậy vào quỷ thần thì coi thường pháp luật. Những kẻ cậy vào chư hầu thì làm cho nước mình bị nguy khốn. Nước Tào ỷ vào nước Tề mà không nghe nước Tống. Khi nước Tề đánh nước Kinh thì nước Tống diệt nước Tào. Nước Hình ỷ vào nước Ngô mà không nghe nước Tề. Khi nước Việt đánh nước Ngô thì nước Tề diệt nước Hình. Nước Hứa ỷ vào nước Kinh mà không nghe nước Nguỵ. Khi nước Kinh đánh nước Tống thì nước Nguỵ diệt nước Hứa. Nước Trịnh dựa vào nước Nguỵ mà không nghe nước Hàn. Khi nước Nguỵ tấn công nước Kinh thì nước Hàn diệt nước Trịnh.

Nay nước Hàn nhỏ mà ỷ vào nước lớn, nhà vua coi thường mà lại nghe nước Tần[5]. Các nước nhỏ ỷ vào nước Nguỵ, nước Tề, nước Kinh làm chỗ dựa mà những nước nhỏ lại càng mất. Cho nên nhờ cậy người ta không đủ để mở rộng đất. Nước Kinh đánh nước Nguỵ mà đem quân đánh Hứa và Yển, nước Tề đánh Nhiệm Hồ mà cắt đất nước Nguỵ, điều này không đủ để bảo tồn nước Trịnh. Nhưng nước Hàn lại không thấy thế. Những nước này đều không biết soi sáng pháp luật, ngăn cấm để cai trị nước mình mà lại nhờ cậy nước ngoài nên xã tắc bị diệt vậy.

3. Cho nên thần nói: "Nếu nêu cao phép tắc cai trị thì nước dù nhỏ cũng giàu. Nếu việc thưởng và phạt được tôn trọng và chắc chắn thì dân tuy ít cũng mạnh. Việc thưởng phạt không có mức độ, thì nước dù lớn, quân đội cũng vẫn yếu. Đất tuy rộng dân vẫn không phải là dân của mình".

Nếu không có đất, không có dân thì Nghiêu, Thuấn cũng không thể làm vương, thời Tam Đại không thể mạnh được. Bậc vua chúa lại cho một cách sai lầm bọn bầy tôi lại nhận một cách bừa bãi. Những kẻ bỏ pháp luật mà nói chuyện công lao của các tiên vương, các vua sáng thì nhà vua trao nước cho họ. Cho nên nói: "Như thế là muốn lập cái công đời xưa, lấy cách thưởng đời xưa để thưởng những người đời nay". Nhà vua như vậy là cho một cách

[5] Vì phần lớn các bài là dâng lên vua Hàn nên nói đến chuyện không dựa vào Tần.

sai lầm, mà bầy tôi vì thế lấy một cách bừa bãi. Vua cho sai lầm thì bầy tôi trộm lấy sự yêu thương, bầy tôi nhận bừa bãi thì công lao không được tôn quý.

Những kẻ không có công được thưởng thì của cải hết mà dân oán thán. Của cải hết mà dân oán thán thì dân sẽ không dốc sức mình. Cho nên dùng thưởng mà sai lầm là bỏ mất dân, dùng hình phạt mà sai lầm thì dân không sợ. Có thưởng nhưng không đủ để khuyến khích, có phạt nhưng không đủ để ngăn cấm thì nước dù có lớn cũng nguy. Cho nên nói: "Kẻ biết chuyện nhỏ không đủ để mưu việc lớn, kẻ trung nhỏ không đủ để khiến làm chủ pháp luật".

Vua Cung Vương nước Kinh đánh nhau với Lệ Công nước Tấn ở Yến Lăng. Quân đội nước Cung thua, Cung Vương bị thương. Đang chiến đấu hăng mà quan tư mã là Tử Phản khát nước, muốn uống nước, người hầu là Cốc Dương dâng cho ông ta chén rượu. Tử Phản nói: "Bỏ đi, đó là rượu!". Người hầu là Cốc Dương nói: "Không phải". Tử Phản cầm lấy mà uống. Tử Phản là người ham rượu, thích quá, uống mãi không thôi, say và ngủ. Cung Vương muốn đánh nữa và muốn bàn kế, sai người gọi Tử Phản, Tử Phản từ chối là đau tim. Cung Vương đi xe đến xem, vào trong trướng ngửi thấy mùi rượu nồng nặc, quay trở về nói: "Trận đánh hôm nay quả nhân bị thương ở mắt, chỉ trông cậy ở quan tư mã. Thế mà quan tư mã lại như thế, tức là làm mất xã tắc nước Kinh và không thương đến dân của ta. Quả nhân

không thể cùng ông ta đánh giặc nữa". Nhà vua bãi binh rút về, chém Tử Phản để trị tội.

Cho nên nói: "Người hầu Cốc Dương dâng rượu không phải vì ghét Tử Phản, thực tình anh ta trung và yêu ông ta, nhưng như thế chỉ đủ để giết ông ta mà thôi. Đó là làm việc trung nhỏ mà hại đến cái trung lớn. Cho nên nói: "Cái trung nhỏ là giặc của cái trung lớn". Nếu khiến bọn trung nhỏ làm chủ pháp luật thì họ thế nào cũng tha tội vì thương yêu. Như thế thì được yên với kẻ dưới nhưng lại làm trở ngại đến việc trị dân vậy.

4. Vào thời nước Ngụy nêu cao luật pháp, và thi hành mệnh lệnh, thì những người có công thế nào cũng được thưởng, những người có tội thế nào cũng bị phạt, và nước mạnh trong thiên hạ, uy lực thi hành ở bốn phương. Đến khi pháp luật của nước bị coi thường, việc thưởng bừa bãi thì nước ngày càng bị cắt đất. Vào thời nước Triệu nêu cao luật pháp của nước, lập một đạo quân lớn thì người đông và binh mạnh, mở rộng đất ở nước Tề, nước Yên. Đến khi phép nước bị coi thường, người thi hành pháp luật yếu thì nước ngày một bị cắt đất. Nước Yên vào thời đề cao pháp luật, xét kỹ những quyết định của các quan thì phía đông lấy các huyện của nước Tề, phía nam thu hết đất Trung Sơn. Đến khi việc tôn trọng pháp luật đã bị bỏ, sự quyết định của các quan không được dùng, những người chung quanh nhà vua tranh giành nhau, việc bàn về công

lao do người dưới quyết định thì binh yếu và đất bị cắt, nước bị những nước láng giềng khống chế.

Cho nên nói: "Nước nào nêu cao pháp luật thì mạnh, nước nào coi nhẹ pháp luật thì yếu". Tình trạng mạnh hay yếu như vậy là rất rõ. Thế nhưng những vị vua chúa ở đời không làm, cho nên nước mất là phải lắm.

Tục ngữ có câu: "Nhà có công việc không thay đổi thì tuy gặp đói cũng không chết đói. Nước có pháp luật bất biến thì tuy gặp nguy cũng không mất". Nay lại bỏ cái pháp luật bất biến mà nghe theo cái ý riêng thì những bầy tôi ở dưới tô vẽ sự khôn ngoan tài giỏi. Nếu bầy tôi ở dưới tô vẽ sự khôn ngoan tài giỏi thì pháp luật và lệnh cấm không đứng vững được. Như vậy là cái đạo theo ý sai lầm được thi hành và cái đạo trị nước bị bỏ. Cái đạo trị nước nếu trừ khử những kẻ làm hại pháp luật thì không bị sự khôn ngoan tài giỏi mê hoặc, không bị tiếng khen lừa dối.

Ngày xưa Thuấn sai quan khơi nước hồng thuỷ chảy. Một người làm trước khi có lệnh và có công, nhưng Thuấn giết đi. Vua Hạ Vũ tiếp chư hầu ở Cối Kê. Vua Phòng Phong đến sau mà Vũ chém đi. Do đó mà xem, người làm trước khi có mệnh lệnh thì bị giết, người làm sau kỳ hạn của lệnh bị chém. Vậy người xưa quý nhất là làm đúng mệnh lệnh.

Cho nên cầm cái gương trong thì không bị cản trở, do đó có thể so sánh đẹp và xấu. Nắm lấy cái

cân thẳng mà không bị cản trở thì vật nặng vật nhẹ đều do đó mà cân được. Lắc cái gương thì cái gương không thể sáng, lắc cái cân thì cái cân không thể đúng. Về pháp luật cũng thế.

Vì vậy cho nên tiên vương lấy đạo làm cái bất biến, lấy pháp luật làm gốc. Cái gốc được trị thì cái tiếng lớn, cái gốc mà loạn thì cái tiếng mất. Nói chung, những kẻ khôn ngoan, tài giỏi, sáng suốt, thông minh nếu được dùng thì có kết quả tốt, nếu không được dùng thì vô ích. Cho nên sự khôn ngoan có thể giúp đỡ cho đạo nhưng không thể truyền cho người khác. Đạo và pháp luật thì vạn toàn, còn khôn ngoan và tài giỏi thì thường hay sơ suất.

Nói chung, treo cái cân lên, đó là cái đạo vạn toàn vậy. Bậc vua sáng khiến dân trau giồi về đạo cho nên rỗi rãi mà có được công lao. Bỏ cái quy để dùng sự khéo léo, bỏ pháp luật để nghe theo sự khôn ngoan, đó là cái đạo dẫn đến sự mê hoặc rối loạn. Ông vua loạn khiến dân trau giồi sự khôn ngoan, vì không biết đạo cho nên vất vả và không có công lao.

5. Bỏ pháp luật, sự ngăn cấm mà nghe theo lời xin xỏ, thì ở trên bọn bầy tôi sẽ bán chức quan, ở dưới sẽ lấy thưởng. Như vậy là cái lợi là thuộc nhà riêng mà cái uy là thuộc bầy tôi. Cho nên dân không dốc sức thờ vua mà lo việc giao tiếp với cấp trên. Dân thích giao tiếp với cấp trên thì của cải chạy lên trên, còn bọn khéo nói được dùng. Như vậy thì các người có công lao lại càng ít, bọn gian thần càng

tiến lên và các bầy tôi có tài càng lùi bước. Kết quả, nhà vua bị mê hoặc không biết nên làm như thế nào, dân chúng tụ tập nhưng không biết đi đường nào. Đó là điều sai lầm của việc bỏ pháp luật, cấm đoán, coi nhẹ công lao, dùng người theo tiếng khen, nghe theo lời xin xỏ vậy.

Nói chung, những kẻ làm hỏng pháp luật thế nào cũng bày đặt ra những điều dối trá, bày ra những sự việc để thân với nhà vua, lại thích nói những điều trong thiên hạ ít có. Đó là điều làm cho các bạo quân và các loạn chúa bị mê hoặc, và các bầy tôi giúp đỡ giỏi bị lấn át. Cho nên bầy tôi khen công Y Doãn, Quản Trọng thì bọn làm trái pháp luật, tô vẽ sự khôn ngoan có căn cứ để nói[6], khen Tỷ Can, Tử Tư là trung mà bị giết thì những kẻ ghét những người can gián mạnh có cớ để nói[7]. Nói chung, trên khen là những người hiền minh, thì dưới gọi là bạo loạn, không thể lấy đó để so sánh. Như vậy thì phải cấm. Nhà vua lập, ban hành pháp luật để lập nên cái phải. Nay bọn bầy tôi nhiều người dùng cái khôn riêng của mình, cho pháp luật là sai, cho việc gian tà là khôn, vượt qua pháp luật để dùng

[6] Y Doãn thấy Thái Giáp bạo ngược đưa ông ta đến Đồng Cung 3 năm, tự mình trông coi chính sự. Khi ông ta hiểu việc trị nước mới trao quyền lại. Quản Trọng được Hoàn Công gọi là Trọng phụ trao tất cả chính quyền cho ông ta. Đây nói bọn bầy tôi, làm trái pháp luật muốn nhà vua trao mọi quyền cho mình.

[7] Tỷ Can, Tử Tư là trung thần vì can gián mạnh mà bị giết, những kẻ ghét ai can gián mạnh có thể bảo họ xúc phạm đến nhà vua.

cái khôn. Như thế thì phải cấm. Đó là cái đạo của bậc làm vua.

Đạo của bậc vua chúa là phải phân biệt rõ ràng giữa việc chung với việc riêng, nêu cao pháp chế, gạt bỏ cái ơn riêng. Phàm mệnh lệnh thì phải thi hành, đã cấm thì phải thôi. Đó là cái nghĩa chung của nhà vua. Quyết tâm là việc riêng, giữ chữ tín với bạn bè, không để cho việc thưởng khuyến khích, không để cho việc phạt cản trở. Đó là cái nghĩa riêng của bầy tôi. Cái nghĩa riêng được thi hành thì sinh loạn, cái nghĩa công được thi hành thì trị an. Cho nên việc công và việc riêng phải phân biệt.

Bầy tôi có bụng riêng tây, có cái nghĩa chung. Trau giồi thân mình trong sạch làm việc công ngay thẳng, giữ chức quan không theo điều riêng đó là cái nghĩa chung của bầy tôi. Làm chuyện tham ô, vâng theo sự ham muốn, lo thân mình yên, nhà mình được lợi, đó là cái bụng riêng tư của bầy tôi. Bậc vua sáng ở trên thì bọn bầy tôi sẽ bỏ cái bụng riêng tư để làm cái nghĩa chung. Ông vua loạn ở trên thì bọn bầy tôi sẽ bỏ cái nghĩa chung, thi hành cái bụng riêng tư.

Cho nên vua và tôi bụng dạ khác nhau. Nhà vua dùng mưu kế để nuôi bầy tôi, bầy tôi dùng mưu kế để thờ nhà vua. Quan hệ giữa vua và tôi là mưu kế cả. Làm hại đến thân mình mà có lợi cho nước, bầy tôi không làm. Làm hại cho nước mà lợi cho bầy tôi thì ông vua không làm. Tình cảm của bầy tôi là không thấy cái lợi ở chỗ thân mình bị thiệt hại,

tình cảm của ông vua là không thân với những người làm hại cho nước. Như vậy, vua với tôi là lấy sự tính toán để hợp tác với nhau. Còn như việc gặp nạn quyết chết, dốc trí khôn đem hết sức mình, thì đó là vì pháp luật mà làm.

6. Cho nên các tiên vương làm sáng tỏ sự thưởng phạt để khuyến khích họ, lập hình phạt nghiêm để ra uy với họ. Việc thưởng phạt được soi sáng thì dân quyết chết. Dân quyết chết thì quân đội mạnh và vua được đề cao. Hình phạt và khen thưởng không được xét rõ thì dân không có công mà lại cầu được thưởng, có tội mà lại mong được tha. Như vậy thì quân đội yếu mà vua bị hạ thấp. Do đó, các tiên vương và các người giúp đỡ giỏi đều dốc hết sức và đem hết trí khôn. Cho nên có câu: "Không thể không phân biệt việc công và việc tư, không thể không xét kỹ pháp luật và việc ngăn cấm, các bậc tiên vương đã biết rõ điều đó vậy".

QUYỂN VI

Thiên XX

Giải thích Lão Tử (Giải Lão)[1]

1. *Đức* là cái ở bên trong, còn cái người ta thu hoạch được là cái ở bên ngoài. Nói rằng "*Bậc đức hạng trên không chăm chú vào đức*" là ý nói cái tinh thần của ông ta không biểu lộ ra bên ngoài. Vì tinh thần của ông ta không biểu lộ ra bên ngoài cho nên thân ông ta toàn vẹn. Thân ông ta toàn vẹn, cho nên gọi là "thu hoạch được". Thu hoạch được là được cái thân mình vậy.

---

[1] Hàn Phi dành hai quyển để thuyết minh Lão Tử theo quan điểm của Pháp gia. Đó là quyển VI Giải Lão và quyển VII Dụ Lão. Điều này chứng tỏ liên hệ rõ rệt giữa Pháp gia với đạo gia. Cố nhiên trong cách giải thích, thuyết minh của Hàn Phi có những điểm không thực đúng với tinh thần của *Đạo đức kinh*, và có những lời dẫn không đúng nguyên văn của *Đạo đức kinh*. Các phần trong ngoặc đơn là chỉ văn bản *Đạo đức kinh*.

Phàm cái đức là bắt đầu bằng "vô vi" và hoàn thành bằng cái "vô dục". Nó yên là nhờ chỗ không suy nghĩ. Nó vững chắc là nhờ chỗ không hoạt động. Nếu làm và muốn thì cái đức không yên được. Đức không yên được thì không hoàn mỹ. Nếu cứ dùng và suy nghĩ thì không vững chắc. Không vững chắc thì không có công. Không có công là do chỗ dùng đến đức. Tự cho mình có đức thì không có đức, không tự cho mình có đức lại là có đức. Cho nên nói: "*Bậc đức hạng trên không cho mình có đức cho nên có đức*" (Chương 38).

2. Sở dĩ người ta quý cái vô vi, cái không suy nghĩ, là vì nó trống không, là vì cái ý của nó không bị cái gì khống chế. Phàm kẻ không có thuật cho nên mới cho cái vô vi, không suy nghĩ là trống không. Phàm cho cái vô vi, không suy nghĩ là cái trống không là vì bụng của mình vẫn không quên cái trống không cho nên mới bị cái trống không khống chế. Gọi là trống không nghĩa là cái ý của mình không bị cái gì khống chế. Nay đã bị cái trống không khống chế như vậy không phải là trống không nữa. Cái vô vi của sự trống không là không xem cái vô vi là cái vĩnh viễn. Vì không xem cái vô vi là cái vĩnh viễn cho nên mới trống không. Vì trống không cho nên cái đức mới dồi dào. Cái đức dồi dào gọi là cái đức của bậc trên. Vì vậy nói: "*Cái đức bậc trên vô vi nhưng không cái gì không làm*" (Chương 38).

3. *Nhân* là nói trong lòng hớn hở thương người, vui mừng khi người ta gặp phúc và khó chịu khi người ta gặp hoạ. Nó sinh ra trong lòng không thể cấm được, chứ không phải là cầu mong báo đáp. Cho nên nói "*Cái nhân bậc trên làm mà không cho là có làm*" (Chương 38).

4. *Nghĩa* là phận sự của vua với tôi, của người trên với người dưới, là sự phân biệt giữa cha với con, giữa người sang với người hèn, là sự tiếp xúc giữa người bạn bè quen biết, là sự phân biệt giữa người thân với kẻ sơ, giữa trong với ngoài.

Bầy tôi thờ vua là phải. Người dưới nghĩ đến người trên là phải. Con thờ cha là phải. Người hèn kính trọng kẻ sang là phải. Người thân ở trong và người sơ ở ngoài là phải. Nghĩa là cái phải làm vì phải làm cho nên làm. Cho nên nói: "*Cái nghĩa bậc trên làm nhưng có cái để làm*" (Chương 38).

5. *Lễ* là cái để bộc lộ tình cảm. Nó là cái tô vẽ bên ngoài của mọi điều nghĩa, là mối quan hệ giữa vua với tôi, giữa cha với con, là cái làm cho người sang khác kẻ hèn, người hiền khác kẻ kém. Trong lòng nghĩ đến nhưng không nói ra, cho nên rảo bước nhanh đến cúi lạy để biểu lộ. Trong lòng thực yêu, nhưng không biết cho nên dùng lời hay câu văn vẻ để cho người ta tin. "*Lễ là để bộc lộ cái vẻ bên ngoài của tình cảm*" (Chương 38).

Nói chung, khi con người bị những sự vật bên ngoài cảm xúc thì không biết rằng cảm xúc như vậy

là cái lễ của thân mình. Người thường làm lễ là để tôn trọng người khác, cho nên có khi hăng hái, có khi suy kém. Người quân tử làm lễ là vì mình, là vì thân mình cho nên thần kỳ, nó thành cái lễ bậc trên. Cái lễ bậc trên thần kỳ nhưng người thường không hiểu cho nên không thể tương ứng với nhau được. Cho nên nói: "*Cái lễ bậc trên làm nhưng không ai hưởng ứng nó*" (Chương 38).

Người thường tuy thay đổi nhưng bậc thánh nhân vẫn cung kính biểu lộ hết cái lễ của tay chân mà không suy giảm. Cho nên nói: "*Đưa tay ra để làm*" (Chương 38). Cái đạo có sự chứa đựng mà cái đức có công lao. cái đức là công lao của đạo. Cái công lao có cái thực và cái thực có ánh sáng, nhân là ánh sáng của đức. Ánh sáng thì có vẻ hào nhoáng mà vẻ hào nhoáng thì có việc làm. Nghĩa là cái việc làm của nhân. Việc thì có lễ mà lễ thì có văn vẻ. Lễ là cái văn vẻ của nghĩa. Cho nên nói: "*Bỏ mất cái đạo rồi sau đó mới mất đức, bỏ mất đức rồi sau đó mới mất nhân, bỏ mất nhân rồi sau đó mới mất nghĩa, bỏ mất nghĩa rồi sau đó mới mất lễ*" (Chương 38)[2].

6. *Lễ* là cái biểu lộ ra ngoài của tình cảm. Văn vẻ là cái trang sức của bản chất. Nói chung, người quân tử giữ lấy cái tình cảm mà bỏ cái biểu lộ bên

---

[2] Chữ "mất" so với nguyên văn *Đạo đức kinh* là thừa ra. Trong *Đạo đức kinh* phải đổi các chữ mất thành có, lúc đó hợp lý hơn.

ngoài, thích cái bản chất mà ghét cái trang sức. Nói chung, nếu dựa vào tình cảm bên ngoài để bàn đến tình cảm, thì cái tình cảm xấu; lo trang sức để bàn về cái bản chất thì cái bản chất kém. Lấy cái gì để chứng minh điều đó? Ngọc bích họ Hoà không lấy năm sắc để tô vẽ, hạt châu của Tuỳ Hầu không lấy vàng bạc để tô vẽ. Bản chất của nó tuyệt đẹp, không có vật gì đủ để trang sức cho nó.

Nói chung, một vật đã nhờ cậy vào trang sức rồi mới làm được thì cái bản chất của nó không đẹp. Cho nên giữa cha với con, lễ chất phác mà không sáng. Cho nên nói "*Lễ mỏng*" (Chương 38). Nói chung, vật không cùng nhau thịnh cả, âm với dương là như thế. Cái lý xâm đoạt nhau và giúp đỡ nhau, uy và đức là như vậy. Cái bản chất mà dày thì cái bên ngoài sẽ mỏng, cái lễ giữa cha với con là như vậy. Do đó mà xem thì khi cái lễ phiền phức là cái thực tâm đã kém. Như vậy thì làm điều lễ là để thông suốt tấm lòng chất phác của con người. Người thường làm điều lễ mà người ta hưởng ứng thì anh ta vui một cách khinh xuất, người ta không hưởng ứng thì anh ta oán trách. Nay làm điều lễ để thông suốt tấm lòng chất phác của con người mà lại dựa vào đấy để oán trách nhau, thì làm sao khỏi tranh giành? Có tranh giành thì sinh loạn. Cho nên nói: "*Lễ là biểu hiện mỏng mảnh của lòng trung tín, và là cái đầu mối của loạn chăng?*"(Chương 38).

7. Làm trước khi có việc xảy ra, cử động trước khi có cái lý bộc lộ thì gọi là *biết trước*. Kẻ biết trước thì vô cớ mà có ý đoán định liều lĩnh.

Lấy gì chứng minh điều đó? Chiêm Hà ngồi, học trò đứng hầu. Có con bò kêu ngoài cửa. Học trò nói: "Đó là con bò đen trán trắng". Chiêm Hà nói: "Phải, đó là con bò đen nhưng cái sừng trắng". Sai người xem, quả nhiên con bò có vải trắng quấn ở trên sừng. Lấy cái thuật của Chiêm tử làm cho bụng của người thường cảm xúc thì rực rỡ như hoa vậy. Cho nên nói: "*Biết trước là cái hoa mỹ của đạo*" (Chương 38). Ví thử thay thế cái tài xét đoán của Chiêm tử, mà sai một thằng bé cao năm thước đi xem, thì nó cũng biết đó là một con bò đen sừng quấn vải. Cho nên lấy cái tài xét đoán của Chiêm tử, khổ tâm nhọc tinh thần mà kết quả cái công cũng như đứa trẻ cao năm thước, cho nên nói: "*Cái đầu mối của điều ngu*". Vì vậy có câu: "*Biết trước là cái hoa mỹ của đạo, nhưng là cái đầu mối của điều ngu*".

8. Kẻ gọi là bậc đại trượng phu là nói cái trí khôn của ông ta lớn. Nói "*ở chỗ dày không mỏng*" (Chương 38) là làm theo tình cảm thực mà bỏ cái biểu lộ bên ngoài của lễ. Gọi là "*ở quả không ở hoa*" (Chương 38), tức là phải theo cái lý mà không làm liều. Cái gọi là *bỏ cái kia lấy cái này* là bỏ cái vẻ biểu lộ bên ngoài, bỏ cái càn bậy để nắm lấy cái lý cái tình cảm thực và tốt đẹp. Cho nên nói: "*Bỏ cái kia giữ cái này*" (Chương 38).

9. Người ta có *hoạ* thì trong lòng sợ hãi. Trong lòng sợ hãi thì làm việc ngay thẳng. Làm việc ngay thẳng thì suy nghĩ chín chắn và nắm được cái lý lẽ của sự việc. Làm việc ngay thẳng thì không bị hoạ, không bị hại. Không bị hoạ, không bị hại thì sống trọn tuổi trời. Nắm được cái lý của sự việc thì thế nào cũng thành công, sống trọn tuổi trời thì toàn vẹn và sống lâu. Thế nào cũng thành công thì giàu có và sang trọng, toàn vẹn và sống lâu. Toàn vẹn và sang trọng cái đó gọi là phúc. Nhưng cái phúc lại bắt rễ ở cái hoạ, cho nên nói: "*Hoạ là chỗ dựa của phúc*" (Chương 58) là để làm nên cái công vậy.

10. Con người có phúc thì cái giàu và cái sang đến. Cái giàu và cái sang đến thì ăn ngon mặc đẹp. Ăn ngon mặc đẹp thì cái bụng kiêu căng nẩy sinh. Cái bụng kiêu căng nẩy sinh thì làm việc xằng bậy và hành động trái lý lẽ. Làm việc xằng bậy thì thân chết yểu, hành động bỏ lý lẽ thì không thành công. Phàm bên trong có cái nạn chết yểu, bên ngoài không thành công danh là cái hoạ lớn. Nhưng cái hoạ lại bắt rễ ở cái phúc cho nên nói: "*Phúc là chỗ nấp của hoạ*" (Chương 58).

11. Phàm dựa theo đạo lý mà làm thì không việc nào là không thành. Không việc nào không thành thì lớn có thể thành cái thế cao quý của vị thiên tử, nhỏ dễ được hưởng cái lộc của vị khanh tướng, tướng quân.

Phàm bỏ đạo lý mà hành động bừa thì dù trên có được cái thế cao quý của thiên tử và chư hầu, dưới có được cái giàu của Đào Chu, Bốc Chúc cũng mất dân và bỏ mất tài sản của mình. Người thường coi nhẹ việc bỏ đạo lý và coi thường việc hành động bừa mà không biết rằng cái hoạ và phúc lớn và sâu, cái đạo rộng và xa như thế. Cho nên có câu khuyên người ta *"Ai biết được chỗ cùng cực của nó?"* (Chương 58).

Người ta không ai không muốn giàu sang, sống toàn vẹn và thọ, nhưng chưa có ai thoát được cái hoạ nghèo hèn chết yểu. Lòng mình muốn giàu sang toàn vẹn và thọ nhưng nay phải nghèo hèn, chết yểu. Như thế là không thể đạt đến cái chỗ mình muốn đến vậy. Nói chung, bỏ mất con đường mình muốn đi và đi liều lĩnh thì gọi là *mê*, mê thì không thể đi đến nơi mình muốn đến. Nay người thường không thể đến nơi họ muốn đến cho nên gọi là *"mê"*! Việc người thường không thể đến nơi họ muốn đến là điều đã có từ lúc trời đất tách ra cho đến ngày nay. Cho nên nói: *"Con người ta mê, chuyện đó đã có từ lâu rồi"*. (Chương 43).

12. Cái gọi là *đúng đắn* là bên trong và bên ngoài tương ứng với nhau, lời nói và việc làm phù hợp với nhau. Cái gọi là *liêm* là nhất định sống chết theo mệnh, coi khinh tiền tài. Cái gọi là *thẳng* là lòng nghĩa ngay thẳng, lòng công không thiên vị,

không bè đảng. Cái gọi là *sáng* là quan tước tôn quý, áo cầu tráng lệ.

Nay những kẻ sĩ có đạo tuy trong và ngoài đều tin và thuận, nhưng vẫn không lấy điều đó để chê bai bài bác kẻ khốn cùng. Tuy mình chết theo khí tiết, coi khinh tiền tài, nhưng vẫn không vì đó mà làm nhục kẻ tham lam xấu hổ. Tuy cái nghĩa của mình chính đáng không bè đảng nhưng vẫn không vì thế mà trừ khử kẻ gian tà, làm tội kẻ riêng tư. Tuy cái thế của mình cao quý quần áo đẹp đẽ, nhưng vẫn không vì thế mà khoe khoang với kẻ hèn, khinh bỉ kẻ nghèo. Tại sao lại thế? Đó là để cho người lạc đường chịu nghe người thông thạo, chịu hỏi người biết, kết quả không trở thành *mê* nữa.

Nay những người thường sở dĩ mình muốn nên công mà trái lại vẫn bị thất bại là vì họ không biết đạo lý mà lại không chịu hỏi người biết, không chịu nghe người giỏi, mà thánh nhân lấy tai hoạ và thất bại để ép họ thì họ oán. Người thường thì đông mà thánh nhân thì ít. Số ít không thể thắng được số nhiều, đó là lẽ tự nhiên. Nay hành động mà khiến cho tất cả thiên hạ đều thành kẻ thù của mình thì đó không phải là con đường bảo toàn thân mình, và sống lâu, do đó đưa cái đường lối ngay thẳng để sửa đổi họ. Cho nên nói: "*Đúng đắn mà không cắt, liêm mà không làm hại, thẳng mà không phóng túng, sáng mà không chói loà*" (Chương 58).

13. Thông minh trí tuệ là do trời cho. Động tĩnh, suy nghĩ là do người làm. Con người dựa vào cái sáng suốt của trời mà nhìn, nhờ vào cái thông minh của trời mà nghe, nhờ vào cái khôn của trời mà suy nghĩ. Cho nên rán mắt mà nhìn thì mắt không sáng, nghe quá thì tai không tỏ, suy nghĩ quá độ thì trí óc loạn.

Mắt không sáng thì không thể phân biệt màu đen hay màu trắng. Tai không tỏ thì không thể phân biệt tiếng trong hay tiếng đục. Trí óc loạn thì không thể phân biệt được chỗ được chỗ mất. Mắt không phân biệt được màu đen hay màu trắng thì gọi là mù. Tai không phân biệt được tiếng trong hay tiếng đục thì gọi là điếc. Cái tâm không phân biệt được chỗ được hay chỗ mất thì gọi là *điên*. Mù thì không thể tránh được cái nguy hiểm lúc giữa ban ngày. Điếc thì không thể biết được cái hại của sấm sét. Điên thì không khỏi được cái hoạ pháp lệnh của nhân gian. Sách sở dĩ nói *trị người* là phải thích hợp với cái mức độ của động và tĩnh, phải giảm bớt cái hao phí của việc suy nghĩ. Cái gọi là *thờ trời* là nói không làm kiệt hết cái sức của sự thông minh, không dùng hết cái khả năng của trí óc. Nếu như làm hết kiệt thì phí tổn nhiều về tinh thần, phí tổn nhiều về tinh thần thì cái hoạ mù, điếc, điên cuồng sẽ đến. Cho nên phải tiết kiệm nó, phải yêu cái tinh thần của mình, phải tiết kiệm cái trí óc của mình.Cho nên nói: "*Trị người, thờ trời không gì bằng tiết kiệm*" (Chương 49).

14. Người thường dùng đến tinh thần thì nôn nóng. Nôn nóng cho nên xài phí nhiều. Xài phí nhiều gọi là xa xỉ. Bậc thánh nhân dùng tinh thần thì bình tĩnh. Bình tĩnh cho nên xài phí ít, xài phí ít gọi là *tiết kiệm*. Cái thuật tiết kiệm là ở đạo lý mà sinh ra. Phàm có thể tiết kiệm được là theo cái đạo mà vâng theo cái lý. Người thường mắc vào mối lo, bị hãm vào cái hoạ mà còn chưa biết rút lui, vẫn cứ không phục tùng đạo lý. Bậc thánh nhân tuy chưa thấy cái bộc lộ của họ và lo lắng đã lo hư tĩnh vô vi để phục tùng đạo lý, lấy đó làm việc phục tùng đầu tiên. Cho nên nói: "*Tiết kiệm cho nên phục tùng sớm*" (Chương 59).

15. Kẻ biết trị người thì suy nghĩ bình tĩnh, kẻ biết thờ trời thì giác quan trống rỗng. Suy nghĩ bình tĩnh, cho nên cái đức không rời bỏ. Giác quan trống rỗng cho nên hoà khí ngày một vào. Cho nên nói: "*chứa được nhiều đức*" (Chương 59).

Phàm người có thể khiến cho cái đức cũ không rời bỏ mà hoà khí một ngày một đến là người sớm phục tùng. Cho nên nói: "*Sớm phục tùng gọi là chất chứa đức*" (Chương 59). Có chất chứa đức thì sau đó tinh thần mới bình tĩnh. Tinh thần có bình tĩnh thì sau đó hoà khí nhiều. Hoà khí nhiều thì sau đó cái kế mới hay. Có kế hay thì sau đó mới có thể chế ngự muôn vật được. Có chế ngự muôn vật được thì bàn luận sẽ bao trùm cả đời. Bàn luận nhất định bao trùm cả đời cho nên nói: "*Không có cái gì không*

khắc phục được" (Chương 59). Tình trạng không có cái gì không khắc phục được là bắt rễ ở "*chứa được nhiều đức*". Cho nên nói: "*Chứa được nhiều đức thì không có cái gì là không khắc phục được*".

Chiến đấu để thắng quân địch dễ dàng thì thâu tóm cả thiên hạ. Bàn luận thế nào cũng bao trùm cả đời thì nhân dân theo. Tiến lên thâu tóm thiên hạ, mà rút lui theo nhân dân. Cái thuật này xa như thế cho nên những người thường không ai thấy được đầu mối và ngành ngọn của nó. Không ai thấy đầu mối và ngành ngọn của nó cho nên không ai biết được cái cùng cực của nó. Vì vậy nói: "*Cái khắc phục được mọi cái thì không ai biết cái cùng cực của nó*" (Chương 59).

16. Nói chung, con người có nước rồi sau mất nước, con người có thân rồi sau thân chết non không thể gọi là người có thể có được nước, có thể giữ được thân mình. Phàm những người có được nước thì thế nào cũng có thể làm cho xã tắc của mình được yên, người có thể giữ được thân mình, thế nào cũng có thể sống trọn tuổi trời, rồi sau đó mới có thể gọi là con người có nước, con người biết giữ thân mình.

Nói chung, những người có thể có được nước, giữ được thân mình thì thế nào cũng phải đi theo đạo. Đi theo đạo thì trí khôn sâu. Trí khôn sâu thì hiểu xa. Hiểu xa thì những người thường không thể nào thấy được cái chỗ cùng cực của mình. Chỉ có

cách là khiến cho người ta không thấy cái cùng cực của việc mình làm.

Người ta không thấy được cái cùng cực của việc mình làm thì có thể giữ được thân mình, có được nước mình. Cho nên nói: "*Không ai biết cái cùng cực của mình. Không ai biết được cái cùng cực của mình thì có thể có được nước*" (Chương 59).

Trong câu "*mẹ của nước*" thì chữ *mẹ* đây là đạo. Đạo sinh ra ở cái thuật khiến cho người ta có được nước. Nó sinh ra ở cái thuật có được nước cho nên gọi là "*mẹ của nước*". Nói chung, cái đạo là cùng xoay chuyển với đời, nó khiến cho việc duy trì sự sống được dài, việc giữ lộc được lâu, cho nên nói: "*Có mẹ của đạo thì có thể trường cửu*".

Cái cây trồng có rễ mọc lan ra, có rễ mọc thẳng. Rễ là cái trong sách gọi là *gốc*. Gốc là cái làm cho cái cây sống được. Rễ lan ra là làm cho cái cây giữ được sự sống. Đức là cái làm cho người ta xây dựng được sự sống. Lộc là cái làm cho người ta duy trì sự sống được dài. Cho nên nói: "*làm cho rễ sâu*". Theo đạo thì ngày sống được dài, cho nên nói: "*làm cho gốc vững*". Gốc vững thì sự sống dài, cho nên nói: "*Làm cho cái rễ sâu, làm cho cái gốc vững, đó là cái đạo sống lâu, nhìn thấy mãi*" (Chương 59).

17. Người thợ nhiều lần thay đổi cái nghề của mình thì bỏ mất cái công. Người làm nhiều lần lay chuyển, thay đổi chỗ mình làm thì bỏ mất cái công

của mình. Công việc làm của một người nếu một ngày bỏ mất nửa ngày thì mười ngày sẽ bỏ mất cái công của năm người. Một vạn người mà mỗi ngày bỏ mất nửa ngày thì trong mười ngày sẽ bỏ mất cái công của năm vạn người. Như vậy là đổi nghề càng nhiều lần, số người càng đông thì sự mất mát càng lắm.

Nói chung, pháp lệnh mà thay đổi thì việc lợi và hại cũng khác đi. Việc lợi và hại khác đi thì việc làm của dân thay đổi. Việc làm của dân thay đổi gọi là thay đổi nghề. Cho nên cứ lấy lý mà xét thì nếu việc lớn và nhiều mà hay thay đổi thì ít thành công.

Giữ cái vật lớn mà hay dời chỗ nó thì sứt mẻ nhiều. Nấu con cá nhỏ mà hay lật đi lật lại thì làm cho nó mất vẻ đẹp. Cai trị một nước lớn mà hay thay đổi pháp luật thì dân khó về việc đó. Do đó ông vua có đạo quý sự yên tĩnh, không ham thay đổi pháp luật. Cho nên nói: *"Trị nước lớn giống như là nấu con cá nhỏ"* (Chương 60).

18. Người ta đau ốm thì quý thầy thuốc, có hoạ thì sợ quỷ. Bậc thánh nhân ở trên thì dân ít ham muốn. Ít ham muốn thì huyết khí yên ổn. Lại cử động hợp lý thì ít bị hoạ, ít bị hại.

Nói chung, nếu bên trong không bị cái hại mụn nhọt, ung thư, trĩ, và bên ngoài không bị cái hoạ hình phạt, không bị pháp luật trừng trị, thì rất khinh thường quỷ. Cho nên nói: *"Lấy đạo mà cai trị thiên hạ thì quỷ không thiêng"*. Người dân ở đời trị

an cùng với quỷ thần không hại nhau. Cho nên nói: "*Không phải là quỷ không thiêng, mà là cái thiêng của nó không làm thiệt hại đến người ta*".

Quỷ làm cho người ta bị bệnh thì gọi là quỷ hại người. Ngời ta đuổi quỷ đi thì gọi là người ta hại quỷ. Dân mà phạm đến pháp lệnh thì gọi là dân hại người trên. Người trên dùng hình phạt trị dân thì gọi là người trên làm hại dân. Dân không phạm pháp thì người trên cũng không thi hành hình phạt. Người trên không thi hành hình phạt thì gọi là người trên không hại dân. Cho nên nói: "*Thánh nhân cũng không hại người*". Người trên kẻ dưới không làm hại lẫn nhau và người với quỷ không làm hại nhau, cho nên nói: "*Hai bên không làm hại nhau*".

Dân không phạm pháp thì người trên bên trong không dùng hình phạt, mà bên ngoài không lo làm lợi cho sản nghiệp của mình. Người trên bên trong không dùng hình phạt và bên nogài không làm lợi cho sản nghiệp của mình thì dân đông và dồi dào, dân đông và dồi dào thì tích trữ lắm, dân đông, dồi dào và tích trữ lắm thì gọi là có đức.

Nói chung, con người bị quỷ ám thì hồn phách đi mất mà tinh thần loạn. Tinh thần loạn thì không có đức. Quỷ không ám người thì hồn phách không đi mất. Hồn phách không đi mất thì tinh thần không loạn. Tinh thần không loạn thì gọi là đức. Người trên khuyến khích dân tích trữ mà quỷ thần không làm loạn tinh thần của dân thì cái đức là ở dân vậy.

Cho nên nói: "*Hai bên không làm hại nhau, thì đức đều quy về một nơi*" (Chương 60). Đây là nói cái đức ở trên và dưới đều dồi dào và quy về dân vậy.

19. Ông vua có đạo bên ngoài không có oán thù với các nước láng giềng đối địch mà bên trong thì có ơn đức đối với nhân dân. Phàm bên ngoài không có oán thù với các nước láng giềng đối địch thì việc đối xử với chư hầu có lễ nghĩa. Bên trong có ơn đức với nhân dân, trong việc cai trị nhân sự thì lo cái gốc. Nếu đối xử với chư hầu có lễ nghĩa thì ít xảy ra chiến tranh. Trị dân lo cái gốc thì sự dâm dật, xa xỉ chấm dứt.

Nói chung, sở dĩ người ta ham dùng ngựa là vì bên ngoài cung cấp cho giáp binh, và bên trong phục vụ việc xa hoa dâm dật. Nay ông vua có đạo, bên ngoài ít dùng giáp binh, mà bên trong cấm xa xỉ nên người trên không dùng ngựa trong việc chiến đấu mà thả nó về. Dân chúng không dùng ngựa vào việc đưa những vật xa xỉ từ nơi xa đến. Ngựa chỉ dồn sức vào việc ruộng đồng.

Đã dốc sức vào việc ruộng đồng thì thế nào cũng phải chở phân mang nước tưới. Cho nên nói: "*Thiên hạ có đạo thì ngựa cưỡi dùng để chở phân*" (Chương 46).

20. Nhà vua không có đạo thì bên trong bạo ngược đối với bầy tôi, và bên ngoài lo xâm lấn, khinh thường nước láng giềng. Bên trong bạo ngược thì việc sản xuất của dân bị cắt đứt. Bên ngoài xâm

lấn và khinh thường thì binh đao hay xảy ra. Sản xuất của nhân dân bị kiệt thì súc tích ít. Binh đao xảy ra luôn thì sĩ tốt hết. Súc vật ít thì ngựa chiến thiếu. Sĩ tốt hết thì quân đội nguy. Ngựa chiến thiếu thì ngựa cái phải ra trận. Quân đội nguy thì cận thần của vua phải ra đánh giặc. Ngựa là vật quân đội dùng nhiều, ngoại ô là nơi gần kinh đô. Nay phải đem ngựa cái và cận thần trao cho quân đội cho nên nói: *"Thiên hạ không có đạo thì ngựa chiến đẻ con ở ngoại ô"* (Chương 46).

21. Con người có lòng ham muốn thì việc tính toán sẽ rối loạn. Việc tính toán rối loạn mà lòng ham muốn lại quá nhiều. Lòng ham muốn quá nhiều thì cái lòng gian tà thắng. Lòng gian tà thắng thì công việc đi đến chỗ hỏng. Công việc đi đến chỗ hỏng thì tai hoạ và hoạn nạn nẩy sinh. Do đó mà xem thì tai hoạ và hoạn nạn là do lòng gian tà mà sinh ra.

Lòng gian tà sinh ra do chỗ vâng theo lòng ham muốn. Bọn ham muốn này nếu tiến lên thì dạy dân lành làm điều gian, nếu thối lui thì khiến người lành bị tai hoạ. Bọn gian tà nổi lên thì ở trên xâm lấn ông vua yếu, cái hoạ đến thì dân nhiều người bị hại. Như vậy là bọn ham muốn ở trên thì xâm lấn nhà vua yếu đuối mà ở dưới thì làm hại đến nhân dân. Phàm bọn ở trên xâm lấn ông vua yếu đuối và ở dưới làm hại nhân dân là tội nặng. Cho nên nói: *"Hoạ không gì lớn bằng theo lòng ham muốn"*.

Cho nên bậc thánh nhân không bị năm sắc thu hút, không đam mê âm nhạc. Bậc vua sáng coi khinh những đồ chơi mà gạt bỏ cái đẹp dâm dật. Con người không có lông mao lông vũ, nếu không có áo thì không thể chịu được rét. Trên không thuộc những vật ở trên trời, dưới không phải là cỏ cây ở dưới đất, lấy ruột và dạ dày làm cái gốc, không ăn thì không thể sống được. Vì vậy cho nên họ không thể tránh khỏi cái bụng ham lợi. Cái bụng ham lợi không trừ đi, đó là cái mối lo của thân mình.

Cho nên bậc thánh nhân mặc đủ để chống rét, ăn đủ để no bụng thì không lo nữa. Những người thường thì không thế. Lớn thì làm chư hầu, nhỏ thì có cái vốn trên ngàn vàng. Cái lo muốn có của họ không trừ bỏ được. Những người bị tội còn có thể được tha, người bị tội chết còn có khi sống. Nay cái lo *không biết tri túc* (vừa lòng với hoàn cảnh của mình) suốt đời vẫn không thể gỡ ra được. Cho nên nói: "*Không cái hoạ nào lớn bằng không biết tri túc*".

Vì vậy cho nên muốn lợi nhiều quá thì đầm lo. Lo thì bệnh tật đến. Bệnh tật đến thì trí tuệ suy giảm. Trí tuệ suy giảm thì bỏ mất đức độ. Bỏ mất đức độ thì hành động bừa bãi. Hành động bừa bãi thì tai hoạ và hoạn nạn sinh ra. Tai hoạ và hoạn nạn sinh ra mà bệnh tật trong người càng nặng. Bệnh tật trong người thêm nặng thì đau đớn. Tai hoạ ở bên ngoài thì khổ. Bên trong khổ, ngoài đau đớn thì ruột và dạ dày đau đớn. Ruột và dạ dày đau đớn thì con

người bị thương xấu hổ. Xấu hổ thì rút lui và tự trách mình. Việc thối lui và tự trách mình là do ham cái lợi mà ra. Cho nên nói: "*Không cái lỗi nào lớn bằng ham lợi*" (Chương 46).

22. *Đạo* là cái làm cho muôn vật thành ra như nó tồn tại hiện nay, là cái chỗ dựa của muôn lý lẽ. Lý là cái văn vẻ làm thành vạn vật, đạo là cái khiến cho vạn vật thành ra như thế. Cho nên nói: "*Đạo là cái lý của vạn vật*". Vật có cái lý không thể bức bách nhau, vật có cái lý không thể bức bách nhau cho nên không thể không biến hoá. Vì không thể không biến hoá cho nên không có cái quy tắc bất biến. Không có quy tắc bất biến cho nên việc sống và chết là do bẩm sinh của khí chất. Muôn cái khôn đều châm chước. Muôn việc đều phế hưng.

Trời có được nó cho nên cao. Đất có được nó cho nên có sự chứa đựng. Sao bắc đẩu có được nó cho nên thành cái uy của nó. Mặt trời mặt trăng có được nó cho nên ánh sáng của nó vĩnh viễn. Ngũ hành có được nó nên có địa vị bất biến. Các ngôi sao có được nó nên đường đi của chúng đúng đắn. Bốn mùa có được nó nên chế ngự được sự biến đổi của thời tiết, Hiên Viên có được nó nên cai trị bốn phương, Xích Tùng Tử có được nó nên sống cùng trời đất. Bậc thánh nhân có được nó mà thành văn chương.

Đạo cùng khôn với Nghiêu, Thuấn, cùng điên với Tiệp Dư, cùng diệt với Kiệt, Trụ, cùng phồn

thịnh với Thang, Vũ. Lấy nó làm gần chăng? Nó đi chơi ở bốn cõi. Lấy nó làm xa chăng? Nó luôn luôn ở cạnh ta. Cho nó là tối chăng? Nó sáng chói lọi. Cho nó là sáng chăng? Hình của nó mịt mờ, nhưng công làm nên trời đất, sự hoà hợp của nó hoá thành sấm sét. Mọi vật trong vũ trụ đều dựa vào nó mà nên.

Nói chung, cái thực chất của đạo, không bị hình thức hạn chế, mềm yếu theo thời, cùng tương ứng với lý. Muôn vật được nó mà chết, được nó mà sống. Muôn vật được nó mà hại, được nó mà thành.

Đạo cũng giống như nước, kẻ chết đuối uống nó nhiều quá mà chết, người khát uống nó sống ngay. Nó giống như thanh kiếm, mũi giáo, người ngu làm việc phẫn nộ mà cái hoạ sinh ra. Bậc thánh nhân dùng nó để trừng trị kẻ bạo ngược mà cái phúc được thực hiện. Cho nên được nó mà chết, được nó mà sống, được nó mà bại, được nó mà nên.

23. Con người ta ít khi thấy con voi sống nhưng nếu có được xương của con voi chết thì dựa vào hình dáng của xương mà tưởng tượng ra được con voi sống. Cho nên những điều người ta dùng cái ý của mình để tưởng tượng ra thì gọi là tưởng tượng (tượng có nghĩa là voi và là hình tượng).

Nay cái đạo tuy không thể nghe không thể thấy được nhưng bậc thánh nhân đưa vào cái công lao mà đoán biết cái hình dáng của nó, cho nên nói:

"Cái hình trạng không có hình trạng, cái tượng không có vật" (Chương14).

24. Nói chung, lý là cái phân biệt vuông với tròn, ngắn với dài, thô với tinh, cứng với mềm. Cho nên cái lý có xác định được thì rồi sau đó mới có được đạo.

Cho nên vật có cái lý xác định hoặc còn hoặc mất, hoặc chết hoặc sống, hoặc thịnh hoặc suy.

Nói chung, vật lúc còn lúc mất, chợt chết chợt sống, lúc đầu thịnh rồi sau suy không thể gọi là vĩnh viễn. Chỉ có cái gì cùng sanh ra cùng với lúc trời đất chia tách nhau, cho đến khi trời đất tiêu tán cũng không chết, không suy giảm, thì mới gọi là vĩnh viễn. Nhưng cái vĩnh viễn thì không thay đổi. Không có cái lý nhất định, không có cái lý xác định không phải là ở chỗ vĩnh viễn, cho nên không thể gọi được.

Bậc thánh nhân nhìn cái trống không huyền diệu của nó, sử dụng sự vận hành luân chuyển của nó nên gọi ép là đạo, rồi mới có thể bàn đến nó được. Cho nên nói: *"Cái đạo mà có thể gọi tên được không phải là cái đạo vĩnh viễn"* (Chương I).

25. Người ta bắt đầu bằng sự ra đời và chấm dứt bằng cái chết. Bắt đầu thì gọi là *ra*, chết thì gọi là *vào*. Cho nên nói: *"Ra sinh vào tử"*. Thân thể con người ta có ba trăm sáu mươi đốt xương, tứ chi, cửu khiếu, là những dụng cụ lớn của con người. Tứ chi

và cửu khiếu làm thành mười ba cái. Sự động hay tĩnh của mười ba cái đều thuộc vào sự sống. Thuộc về sự sống cho nên gọi là *đầy tớ*. Cho nên nói *"Đầy tớ của cái sống có mười ba!"*. Đến khi chết thì mười ba công cụ đều thuộc về cái chết. Đầy tớ của cái chết cũng mười ba. Cho nên nói: *"Đầy tớ của cái sống có mười ba; đầy tớ của cái chết có mười ba"*.

Nói chung, dân sống một đời sống vất vả cho nên phải hoạt động. Hoạt động mãi thì hao tổn, mà cứ hoạt động không ngừng thì sự hao tổn sẽ không ngừng. Hao tổn không ngừng thì cái sống hết. Sự sống hết thì gọi là chết. Như vậy thì mười ba dụng cụ đều là đường đưa đến cái chết. Cho nên nói: *"Dân sinh ra, sinh ra thì hoạt động. Động thì đều đến nơi chết, cũng có mười ba"*. Cho nên thánh nhân yêu tinh thần mà quý sự bình tĩnh. Cái đó còn lớn hơn cái hại của tê ngưu và của hổ.

Nói chung, con tê ngưu và con hổ có đất sống, động tĩnh có lúc. Nếu ta tránh chỗ ở của nó, tránh lúc nó hoạt động thì không bị tê ngưu và hổ làm hại. Dân chúng chỉ biết hổ và tê ngưu có vuốt có sừng mà không biết rằng muôn vật đều có sừng có vuốt cả, nên không thoát khỏi cái hại của muôn vật.

Tại sao lại nói như thế? Lúc mưa trút xuống, cánh đồng ruộng vắng tanh yên tĩnh nhưng lúc sáng sớm vào núi hay xuống sông thì vuốt móng của gió sương làm hại. Thờ người trên không trung, khinh

suất phạm lệnh cấm thì bị nanh vuốt của hình phạt làm hại. Ở trong làng không có mức độ, yêu và ghét không có chừng mực thì bị vuốt và sừng của sự đánh nhau làm hại. Thị dục không có giới hạn, động tĩnh không có mức độ, thì cái vuốt và sừng của mụn nhọt làm hại. Thích dùng cái trí khôn riêng và bỏ đạo lý thì cái vuốt sừng của lưới làm hại. Tê ngưu và hổ có nơi ở và muôn vật đều có nguồn gốc. Tránh cái nơi ở của chúng, tắt cái nguồn gốc của chúng thì tránh khỏi mọi điều hại. Nói chung, binh khí và da thuộc là để chống đỡ sự hãi. Người coi trọng sự sống tuy bước vào quân đội vẫn không có bụng giận dữ và tranh giành. Không có bụng hại người như thế thì không có người hại. Không có người hại thì không phòng bị người khác.

Điều đó không phải chỉ dùng để nói đến quân đội ở nơi đồng nội. Bậc thánh nhân đi chơi ở ngoài đời không có cái bụng hại người. Không có cái bụng hại người thì không bị người ta hại. Không có ai hại thì không phòng bị người. Cho nên mới nói: "*Đi trên bộ không gặp tê ngưu, hổ*".

Vào đời, không cậy vào sự phòng bị để cứu điều hại, cho nên nói: "*Vào quân đội không mang võ khí, áo giáp*". Tránh xa mọi cái hại cho nên nói: "*Con tê ngưu không có nơi nào để đâm cái sừng của nó, con hổ không có nơi nào để trổ cái vuốt của nó,*

binh khí không có nơi nào để thọc cái mũi nhọn của nó".

Không phòng bị mà chắc chắn là vô hại, đó là cái đạo lý của trời đất vậy. Theo cái đạo của trời đất cho nên nói "*không có chỗ chết*". Hành động ở nơi không có chỗ chết nên gọi là "*khéo nhiếp sinh*" vậy (Chương 50).

26. Người yêu con thì *từ* đối với con, người trọng sự sống thì từ đối với cái thân của mình, người quý công lao thì từ đối với công việc. Bà mẹ từ đối với đứa con nhỏ của mình thì lo làm cho nó được phúc. Lo làm cho nó được phúc thì tìm cách trừ những điều hoạ của nó. Lo trừ những điều hoạ của nó thì suy nghĩ chín. Suy nghĩ chín thì nắm được lý lẽ của sự vật. Nắm được lý lẽ của sự vật thì thế nào cũng thành công. Thế nào cũng thành công thì làm không ngần ngại. Làm không ngần ngại thì gọi là dũng cảm.

Trong muôn việc thánh nhân đều như bà mẹ từ lo cho đứa con nhỏ, cho nên thấy được cái đạo thế nào cũng phải làm. Thấy được cái đạo thế nào cũng phải làm cho nên sáng suốt, khi làm việc cũng không nghi ngại. Không nghi ngại thì gọi là dũng cảm. Không nghi ngại là do từ mà sinh ra cho nên nói: "*Vì từ cho nên có thể dũng cảm*" (Chương 67).

27. Chu Công nói: "Mùa đông mà băng giá không chắc thì cây cỏ dài mùa xuân mùa hạ không

tươi tốt". Trời đất không thể thường hoang phí xa xỉ huống nữa là con người? Bởi vậy cho nên muôn vật thế nào cũng có thịnh có suy, muôn vật thế nào cũng có lợi có thiệt, nước nhà thế nào cũng có văn có vũ, cai trị thế nào cũng phải có thưởng có phạt.

Vì vậy cho nên kẻ sĩ khôn ngoan biết tiết kiệm việc tiêu dùng thì nhà giàu. Bậc thánh nhân yêu quý cái tinh thần của mình thì tinh thần thịnh. Kẻ làm vua coi trọng việc chiến đấu thì dân đông. Dân đông thì nước rộng. Cho nên mới nêu lên nói: "*Kiệm cho nên rộng*" (Chương 67).

28. Nói chung, vật đã có hình thì dễ bị cắt, dễ bị xén. Lấy điều gì để chứng minh điều đó? Đã có hình dáng thì có dài, có ngắn, đã có dài có ngắn thì có nhỏ có lớn. Đã có nhỏ có lớn thì có tròn có vuông. Đã có tròn có vuông thì có cứng có mềm. Đã có cứng có mềm thì có nặng có nhẹ. Đã có nặng có nhẹ thì có trắng có đen. Ngắn dài, lớn nhỏ, vuông tròn, cứng mềm, nhẹ nặng, trắng đen gọi là cái lý. Cái lý đã xác định thì vật dễ bị cắt.

Cho nên bàn bạc ở triều đình rồi sau đó mới phát ngôn thì lời nói được xác lập, những kẻ sĩ biết quyền biến biết nên làm gì. Cho nên muốn làm hình tròn hình vuông mà theo cái quy cái củ thì cái công của muôn việc đều nên vậy. Muôn việc đều có quy củ, những kẻ sĩ bàn luận nói năng phải dựa theo quy củ. Bậc thánh nhân hoàn toàn vâng theo cái quy củ

của muôn vật. Cho nên nói: "*Không dám làm trước thiên hạ*". Không dám làm trước thiên hạ không việc nào là không xong, công lao không có cái nào không có kết quả, mà nghị luận thì thế nào cũng bao trùm cả đời. Muốn không có chức quan to cũng làm sao được? Ở chức quan to gọi là làm người cầm đầu. Cho nên nói: "*Không dám làm trước thiên hạ cho nên làm người cầm đầu*" (Chương 67).

29. Kẻ từ đối với con thì không dám cắt đứt áo cơm của nó. Kẻ từ đối với thân mình thì không dám rời khỏi pháp độ. Kẻ từ với hình vuông hình tròn thì không dám bỏ quy củ. Cho nên cầm quân mà từ với sĩ tốt thì chiến thắng quân địch. Từ với khí giới thì thành trì kiên cố. Cho nên nói: "*Lấy từ để chiến đấu thì thắng, để giữ thì vững chắc*". Nói chung, kẻ biết tự bảo toàn và hoàn toàn theo cái lý của muôn vật thì thế nào cũng có cái sống của trời. Trời sinh ra là sinh ra cái tâm vậy. Cho nên cái đạo của thiên hạ là hoàn toàn ở chỗ lo cho sự sống. Nếu lấy từ để bảo vệ nó thì sự việc thế nào cũng vạn toàn, và hành động không lúc nào không thích đáng. Như thế gọi là quý báu. Cho nên nói: "*Ta có ba cái quý báu mà ta giữ và cho là quý báu*" (Chương 67).

30. Cái mà sách gọi là *cái đạo lớn* là cái chính đạo. Cái gọi là *cái giả dối* đó là cái tà đạo. Cái gọi là *thiên lệch lớn* đó là sự hoa mỹ. Sự hoa mỹ là một phần của tà đạo. Cung thất đẹp đẽ thì việc ngục tụng

nhiều. Việc ngục tụng nhiều thì ruộng hoang. Ruộng hoang thì kho lúa trống rỗng. Kho lúa trống rỗng thì nước nghèo. Nước nghèo thì phong tục dân dâm dật xa xỉ. Phong tục dân dâm dật xa xỉ thì nghề kiếm ăn kiếm mặc bị đứt. Nghề kiếm ăn kiếm mặc bị đứt thì dân không thể không tô vẽ cho sự dối trá. Tô vẽ cho sự dối trá thì biết gấm vóc. Biết gấm vóc gọi là mặc gấm vóc. Ngục tụng nhiều, kho lúa trống trỗng, mà lại có cái phong tục dâm dật xa xỉ thì nước bị thương tổn như là lấy gươm đâm vào. Cho nên nói: "*Mang kiếm sắc*". Tô vẽ sự khôn khéo cho nên đến nỗi nước bị thương tổn, và nhà riêng thế nào cũng giàu. Nhà riêng thế nào cũng giàu cho nên nói: "*Của cải có thừa*". Nước có những chuyện như thế thì dân ngu không thể không có cái thuật để bắt chước. Bắt chước theo thì trộm nhỏ sinh. Do thế mà xem kẻ gian lớn làm thì kẻ trộm nhỏ theo. Kẻ gian lớn xướng thì trộm nhỏ hoạ. *Ống vu* là cái làm chủ của năm thanh. Cho nên ống vu thổi trước thì chông và đàn sắt đều theo. Ống vu xướng thì các nhạc khí đều hoạ. Nay kẻ gian lớn làm thì dân thường hoạ theo, dân thường xướng thì kẻ trộm nhỏ thế nào cũng hoạ theo. Cho nên *mặc gấm vóc, đeo kiếm sắc, ăn uống chê chán mà của cải có thừa, cái đó gọi là ống vu của bọn ăn trộm* (Chương 53).

31. Con người không kể người ngu kẻ khôn, không ai không lấy và bỏ. Khi điềm đạm bình yên

thì không ai không biết hoạ và phúc là từ đâu mà đến. Nó có được do sự yêu ghét bị lôi cuốn do những vật xa hoa, và sau đó thành biến loạn.

Sở dĩ thế là vì người ta bị ngoại vật lôi cuốn, bị những đồ chơi làm loạn. Người điềm đạm biết cái nghĩa của việc bỏ và lấy. Người bình an biết cái kế của hoạ và phúc nhưng nay việc ham thích biến đổi họ, ngoại vật lôi cuốn họ, lôi đi mà đi hẳn. Cho nên nói: *"nhổ lên"*.

Con người chí thánh không thế, một khi đã xác lập cái mình lấy và cái mình bỏ rồi thì dù có thấy những vật mình thích cũng không cho nó lôi cuốn mình. Không thể lôi cuốn thì gọi là *không nhổ*. Một khi nắm chắc cái bản chất rồi thì dù có loại có thể làm cho mình muốn; tinh thần của mình cũng vẫn không bị lay động. Tinh thần của mình không bị lay động thì gọi là *"không rút ra được"*. Kẻ làm con cháu theo cái đạo này thì giữ tông miếu không bị huỷ diệt, cái đó gọi là *tế tự không dứt*.

Thân mình lấy việc tích luỹ tinh thần làm đức. Nhà lấy tài sản làm đức. Làng nước, thiên hạ đều lấy dân làm đức. Nay làm chủ thân mình mà ngoại vật không thể làm loạn tinh thần của mình, cho nên nói: *"Lấy nó mà trau giồi thân mình thì cái đức có thừa"*. Người cai trị cái làng thi hành điều đó thì nhà có thừa mà còn thêm nhiều. Cho nên nói: *"Lấy nó mà sửa làng thì cái đức sẽ dài!"*. Người cai trị nước làm

điều đó thì làng có đức càng nhiều. Cho nên nói: "*Lấy nó để sửa nước cái đức sẽ dồi dào*". Người cai trị thiên hạ thi hành điều đó thì cái sống của dân không ai không chịu ơn. Ch nên nói: "*Sửa nó ở thiên hạ, cái đức của nó sẽ khắp*". Người trau giồi thân mình nhờ vậy mà phân biệt người quân tử với kẻ tiểu nhân. Người trị làng, trị nước, trị thiên hạ đều căn cứ vào đó mà xét việc lời và lỗ thì trong vạn điều không bỏ sót một điều. Cho nên nói: "*Lấy thân mà xét thân, lấy nhà mà xét nhà, lấy làng mà xét làng, lấy nước mà xét nước, lấy thiên hạ mà xét thiên hạ. Ta biết thiên hạ là như thế là nhờ cái đó*" (Chương 54).

QUYỂN VII

Thiên XXI

Minh hoạ Lão Tử (Dụ Lão)

1. Thiên hạ có đạo, không có mối lo gấp thì yên tĩnh, không dùng việc truyền tin nhanh.

Thiên hạ không có đạo, tấn công chiến đấu không nghỉ, chống đỡ nhau mấy năm không thôi, đến nỗi mũ trụ, áo giáp sinh chấy rận, chim én chim sẻ làm tổ ở nơi màn trướng mà quân đội vẫn không trở về nhà. Cho nên nói: "*Ngựa chiến đẻ con ở nơi ngoại ô*" (Chương 46).

2. Có người nước Địch dâng cho Tấn Văn Công da lông chồn lớn, báo đen, Văn Công nhận tấm da của khách mà than rằng: "Những con thú này vì bộ da đẹp mà tự làm khổ mình".

Nói chung kẻ trị nước vì tiếng tăm mà bị tội là vua Yển Vương nước Từ, vì thành và đất bị tội là vua nước Ngu và nước Quắc. Cho nên nói "*Tội*

không gì lớn bằng vâng theo điều ham muốn" (Chương 46).

3. Trí Bá thôn tính đất của họ Phạm và họ Trung Hàng rồi tấn công nước Triệu không nghỉ. Nước Hàn, nước Ngụy làm phản, quân Trí Bá bị thua ở Tấn Dương. Ông ta bị chết ở phía đông đất Cao Lương. Cuối cùng đất đai ông ta bị chia, cái đầu ông ta bị sơn làm vật đựng rượu. Cho nên nói: "*Hoạ không gì lớn bằng không tự cho là đủ*" (Chương 46).

4. Vua nước Ngu muốn cỗ xe ngựa đất Khuất Sản và ngọc bích Thuỳ Cức, nên không nghe lời Cung Chi Kỳ. Kết quả nước mất, thân chết. Cho nên nói: "*Không lỗi nào lớn bằng muốn được*" (Chương 46).

5. Nước lấy việc tự bảo tồn làm cái không thay đổi, thì có thể làm được bá vương. Thân mình lấy cái sống làm cái không thay đổi, thì có thể giàu sang. Không muốn tự hại mình thì nước không mất thân không chết. Cho nên nói: "*Biết tự lấy làm đủ thì luôn luôn đủ*" (Chương 46).

6. Sở Trang Vương sau khi đã thắng trận, đi săn ở Hà Ung, trở về thưởng cho Tôn Thúc Ngao. Tôn Thúc Ngao xin đất Hán Gian. Đó là một nơi cát và đá. Theo phép của nước Sở đất cấp làm lộc thì hai đời thu lại, chỉ có đất cấp cho Tôn Thúc Ngao là vẫn còn. Đất này không bị nước Sở thu lại vì nó xấu. Do đó chín đời tế tự vẫn không dứt. Cho nên nói: "*Cái khéo trồng thì không thể nhổ được, cái khéo giữ thì*

không thể mất được". Con cháu nhờ thế mà tế tự không dứt (Chương 53). Tôn Thúc Ngao là như thế đấy.

7. Quyền chế ngự ở mình thì gọi là nặng, không dời khỏi địa vị thì gọi là tĩnh. Nặng thì có thể sai khiến nhẹ. Tĩnh thì có thể sai khiến nôn nóng. Cho nên nói: "*Nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là gốc của sự nôn nóng. Cho nên bậc quân tử suốt ngày đi không rời xe cộ*".

Nước là xe cộ của nhà vua. Chủ Phụ còn sống mà truyền nước của mình (cho người ta), như thế là người đã rời khỏi xe cộ. Cho nên tuy có cái vui được đất Đại và đất Vân Trung nhưng rõ ràng đã không có nước Triệu. Chủ Phụ là ông vua có vạn cỗ xe, nhưng coi cái thân mình là nhẹ ở trong thiên hạ.

Không có thế thì gọi là nhẹ. Rời khỏi địa vị thì gọi là nôn nóng, kết quả là sống bị tù và chết. Cho nên nói: "*Nhẹ thì mất bầy tôi, nôn nóng thì mất vua*". Chủ Phụ là như thế (Chương 26).

8. Cái thế nặng là cái vực của nhà vua. Cái thế của kẻ làm vua phải nặng hơn bầy tôi. Bỏ mất nó đi thì không thể có lại được. Tề Giản Công bỏ mất nó cho Điền Thành. Tấn Công bỏ mất nó cho sáu quan khanh cho nên nước mất, thân chết. Cho nên nói: "*Con cá không thể rời khỏi vực sâu*" (Chương 36).

Việc thưởng và phạt là cái công cụ sắc bén của nước. Nó nằm trong tay nhà vua thì nhà vua chế ngự

bầy tôi. Nó nằm trong tay bầy tôi thì bầy tôi thắng nhà vua. Nhà vua thi hành việc thưởng mà bầy tôi bớt đi để ban đức. Nhà vua thi hành việc phạt mà bầy tôi làm nặng thêm để ra uy. Thế là nhà vua thi hành việc thưởng mà bầy tôi dùng của thế của nhà vua. Nhà vua thi hành việc phạt mà bầy tôi lợi dụng cái uy của nhà vua. Cho nên nói: "*Không thể trao cho người ta cái công cụ sắc bén*" (Chương 36).

9. Vua nước Việt vào làm quan ở nước Ngô, xui vua Ngô đánh nước Tề để làm cho nước Ngô bị mệt mỏi. Quân Ngô sau khi đã đánh thắng quân Tề ở Ngãi Lãng thì dàn quân ở sông Giang, sông Tế và khoe sức mạnh ở Hằng Trì nên có thể bị khống chế ở Ngũ Hồ. Cho nên nói: "*Muốn làm cho nó co lại thì nhất thiết phải kéo nó ra, muốn làm cho nó yếu đi thì nhất thiết phải làm cho nó mạnh lên*" (Chương 36).

Tấn Hiến Công muốn đánh úp nước Ngu, đem ngọc bích và ngựa cho nước ấy. Trí Bá muốn đánh nước Cừ Do, cho họ một cỗ xe lớn. Cho nên nói: "*Muốn cướp của người ta thì phải cho người ta*" (Chương 36). Khởi sự từ chỗ vô hình mà có được công lớn trong thiên hạ gọi là sáng suốt ở chỗ nhỏ bé. Ở chỗ nhỏ yếu mà trọng việc tự ty thì gọi là người yếu thắng người mạnh vậy.

10. Tất cả những cái gì có hình thì cái lớn đều xuất phát từ cái nhỏ. Những vật có lâu thì cái đông thế nào cũng bắt đầu từ cái ít. Cho nên nói: "*Những*

chuyện khó trong thiên hạ thì thế nào cũng phải làm ở chỗ nhỏ". Cho nên muốn khống chế sự vật "*phải làm ở chỗ nhỏ của nó*" (Chương 43). Cho nên nói: "*Lo việc khó ở chỗ dễ của nó, làm việc lớn ở chỗ nhỏ của nó*" (Chương 43). Con đê dài ngàn trượng bị vỡ là vì hang kiến; cái nhà cao trăm trượng bị cháy vì lỗ hở ở ống khói! Cho nên nói: "*Bạch Khuê đi xem đê thì lấp những lỗ hổng. Các cụ già đề phòng cháy thì bịt những lỗ hở của các ống khói*". Vì vậy Bạch Khuê không bị nạn nước, các cụ già không bị hoả hoạn. Hai người này đều cẩn thận trong việc dễ để tránh được cái khó, cẩn thận cái nhỏ để tránh cái lớn vậy.

Biển Thước yết kiến Thái Hoàn Hầu, Biển Thước đứng một lát rồi nói: "Bệ hạ có bệnh ở giữa các lớp thịt, nếu không chữa thì sợ sẽ vào sâu". Hoàn Hầu nói: "Quả nhân không có bệnh". Biển Thước đi ra, Hoàn Hầu nói: "Thầy thuốc thích chữa người không có bệnh để lấy công".

Được mười ngày, Biển Thước lại yết kiến nói: "Bệnh của bệ hạ ở da thịt, nếu không chữa sẽ sâu thêm". Biển Thước đi ra, Hoàn Hầu lại không vui.

Được mười ngày, Biển Thước lại yết kiến, nói: "Bệnh của bệ hạ ở ruột và dạ dày, nếu không chữa thì sẽ sâu thêm". Hoàn Hầu lại không đáp. Biển Thước đi ra, Hoàn Hầu lại không vui.

Được mười ngày, Biển Thước ở xa nhìn thấy Hoàn Hầu mà bỏ chạy. Hoàn Hầu cố cho người hỏi.

Biển Thước đáp: "Khi cái bệnh ở các lớp da, thì có thể dùng nước nóng và sắt nung đỏ chạm đến. Khi nó ở da thịt thì có thể lấy kim châm, đá chạm đến được. Khi nó ở ruột và dạ dày thì có thể dùng thuốc nấu để chạm đến được. Khi nó ở xương tuỷ thì đã thuộc thần chết, không hỏi thăm nữa". Được năm ngày, Hoàn Hầu thân thể đau nhức, sai người đi tìm Biển Thước thì ông ta đã trốn sang nước Tần rồi. Kết quả, Hoàn Hầu chết.

Cho nên bậc lương y trị bệnh thì chữa bệnh từ khi nó ở các lớp da. Đó là trị nó khi nó còn nhỏ. Nói chung, hoạ và phúc của sự việc cũng có cái chỗ ở các lớp da. Cho nên nói: "*Bậc thánh nhân sớm lo công việc*" (Chương 63).

11. Ngày xưa, công tử nước Tấn là Trùng Nhĩ chạy trốn ra nước ngoài, đi qua nước Trịnh. Vua Trịnh đối xử vô lễ. Thúc Chiêm can nói: "Đó là vị công tử giỏi, xin bệ hạ hậu đãi, có thể chất chứa đức". Vua Trịnh không nghe. Thúc Chiêm lại can: "Nếu bệ hạ đã không hậu đãi ông ta thì không bằng giết ông ta đi". Vua Trịnh lại không nghe. Đến khi công tử lại trở về nước Tấn, cất quân đánh Trịnh, thu tám thành.

Tấn Hiến Công lấy ngọc Thuỳ Cức đưa cho nước Ngu để mượn đường nước Ngu đánh nước Quắc. Quan đại phu Chung Chi Kỳ can nói: "Không được. Môi hở thì răng lạnh. Nước Ngu nước Quắc cứu nhau không phải để đền ơn nhau. Nhưng hôm

nay nước Tấn diệt nước Ngu thì ngày mai nước Ngu thế nào cũng theo đó mà mất". Vua nước Ngu không nghe, nhận ngọc bích và cho nước Tấn mượn đường. Nước Tấn đã lấy nước Quắc xong quay về diệt nước Ngu.

Hai bầy tôi này đều can ngăn khi cái nguy ở các lớp da, nhưng hai ông vua không nghe. Như vậy thì Thúc Chiêm và Cung Chi Kỳ cũng là Biển Thước của nước Ngu và nước Trịnh, nhưng hai ông vua không nghe. Kết quả nước Trịnh bị mất đất, nước Ngu bị mất. Cho nên nói: "*Cái yên thì dễ nắm cái chưa hé lộ thì dễ tính toán*" (Chương 64).

12. Ngày xưa, vua Trụ làm đũa ngà, Cơ Tử lo. Ông ta cho rằng đũa ngà thì không dùng chung với bát đất. Thế nào cũng phải dùng với chén bằng sừng tê hay bằng ngọc. Đũa ngà chén ngọc sẽ không ăn rau, đậu, mà sẽ ăn thịt voi, bào thai báo. Ăn thịt voi, bào thai báo thì nhất định không mặc áo ngắn mà ở trong nhà tranh, thế nào cũng mặc áo gấm chín lớp, ở nhà rộng, đài cao. Ta sợ cái kết thúc cho nên lo cái đầu.

Được năm năm, Trụ làm vườn thịt, lập hình phạt bào lạc[1], bước lên gò men rượu, ngắm ao rượu. Kết quả Trụ chết. Cơ Tử thấy đũa ngà mà biết cái hoạ của thiên hạ. Cho nên nói: "*Thấy từ cái nhỏ gọi là sáng*" (Chương 52).

---

[1] Nung cột đồng đỏ bắt người ta trèo lên.

13. Câu Tiễn vào làm quan ở nước Ngô, thân hành cầm giáo, khiên để đi trước ngựa vua Ngô, cho nên có thể giết Phù Sai ở đài Cô Tô. Văn Vương bị nhục ở Ngọc Môn, sắc mặt không đổi, nên Vũ Vương bắt được vua Trụ ở Mục Dã. Cho nên nói: "*Giữ lấy cái mềm thì gọi là mạnh*". Việt Vương làm vương không xấu hổ về chỗ bị nhục. Cho nên nói: "*Bậc thánh nhân không xấu hổ, vì không xấu hổ cho nên không bị xấu hổ*" (Chương 71).

14. Có người nước Tống bắt được viên ngọc ở trong đá, đem dâng cho Tử Hãn. Tử Hãn không nhận, người nhà quê nói: "Cái này quý đáng làm đồ dùng cho người quân tử không nên làm đồ dùng cho kẻ hèn". Tử Hãn nói: "Nhà người lấy ngọc làm quý, ta lấy việc không nhận ngọc của nhà ngươi làm quý". Như vậy người nhà quê muốn ngọc, mà Tử Hãn không muốn ngọc. Cho nên nói: "*Muốn cái không muốn mà không quý cái hàng hoá khó được*" (Chương 44).

15. Vương Thọ mang sách đi, gặp Từ Phùng ở đất Chu. Phùng nói: "Sự việc là hành động, hành động là theo thời mà làm. Cái khôn không theo một sự nhất định. Sách là lời nói, lời nói do cái khôn mà ra, cái khôn không nằm trong sách. Nay tại sao một mình ông lại mang sách?". Vương Thọ bèn đốt sách của mình và nhảy múa.

Cho nên kẻ khôn không lấy lời mà dạy, và kẻ thông tuệ không chứa sách đầy rương. Đó là điều sai

lầm ở đời, mà Vương Thọ chữa được. Đó là học cái không học. Cho nên nói: "*Học cái không học, trở về cái người ta cho là sai*" (Chương 64).

16. Vật có cái hình dáng bất biến, phải dựa vào đấy mà dẫn dắt cho nó. Phải dựa theo cái hình dáng của sự vật. Cho nên yên tĩnh thì hợp với đức, khi động thì thuận với đạo.

Có người nước Tống vì nhà vua làm một cái lá giả bằng ngà. Làm ba năm mới xong. Nó có đủ vẻ nhọn và phẳng, có vân có gân nhỏ nhắn và trơn láng, để lẫn vào lá thật thì không thể phân biệt được. Người thợ nhờ công này mà được ăn lộc ở nước Tống.

Liệt Tử nghe vậy nói: "Ví thử trời đất ba năm mới sinh được một cái lá thì những vật có lá ít lắm vậy".

Do đó nếu không dựa vào cái có sẵn của trời đất mà lại dùng cái thân của một người. Không theo cái nguyên tắc của đạo lý mà học cái khôn của một người, thì đều làm theo lối chạm lá cây cả. Cho nên nếu mùa đông cày ruộng và cấy thì dù có là Hậu Tắc cũng không thể làm cho lúa tốt được. Gặp năm được mùa lúa tốt thì đến bọn tôi tớ cũng không thể làm cho nó xấu được. Nếu dùng sức một người thì dù là Hậu Tắc cũng không đủ sức, nhưng nếu cứ theo tự nhiên thì kẻ tôi tớ cũng thừa sức.

Cho nên nói: "*Nắm lấy cái tự nhiên của vạn vật mà không dám làm hành động riêng của mình*" (Chương 64).

17. Chỗ hổng là cửa lớn và cửa sổ của sự sáng suốt. Tai và mắt kiệt sức vì âm thanh và màu sắc, tinh thần đã kiệt sức vì cái vẻ bên ngoài, cho nên bên trong không có chủ. Bên trong đã không có chủ thì dù hoạ hay phúc có lớn như cái gò, như ngọn núi cũng không có cách mà biết được. Cho nên nói: "*Không ra khỏi cửa lớn có thể biết thiên hạ, không giòm ra cửa sổ có thể biết đạo trời*" (Chương 107). Câu này là nói sự sáng suốt không rời bỏ cái bên trong của mình.

18. Triệu Tương Chủ học đánh xe với Vương Tử Kỳ. Ít lâu sau ông ta cùng đánh xe thi với Tử Kỳ, ba lần ông đổi ngựa nhưng cả ba lần đều thua. Tương Chủ nói: "Ông dạy tôi thuật đánh xe nhưng chưa dạy hết". Tử Kỳ đáp: "Thuật đã dạy hết rồi nhưng bệ hạ dùng nó sai. Phàm cái quý của việc đánh xe là thân thể con ngựa yên nơi xe, lòng con người hoà với con ngựa. Sau đó mới có thể tiến nhanh và đi xa. Nay bệ hạ chạy sau thì muốn vượt qua thần, chạy trước thì sợ thần vượt qua. Nói chung việc cùng nhau chạy đua trên đường, tranh nhau đi xa nếu không vượt lên trước thì phải theo sau. Nhưng chạy trước hay chạy sau bụng bệ hạ đều nghĩ đến thần thì bệ hạ làm sao có thể hoà mình với con ngựa được? Vì vậy cho nên bệ hạ chạy sau".

Bạch Công tên là Thắng lo mưu loạn. Lúc bãi chầu về cầm ngược cây gậy để chống, mũi nhọn của nó xuyên qua cằm, máu chảy xuống đất mà không

biết. Người nước Trịnh nghe vậy, nói: "Cái cằm của mình mà còn quên thì vì cái gì mà quên đây?". Cho nên nói: "*Càng đi xa thì càng biết ít, cái khôn càng kém đi*". Câu này nói rằng khi cái trí của mình nghĩ đến chuyện xa thì bỏ mất chuyện gần. Thánh nhân không câu nệ vào việc gì cho nên cái không bao gồm cả gần lẫn xa. Cho nên nói "*Không đi mà biết*" (Chương 64). Cái khôn bao gồm cả gần lẫn xa, cho nên nói "*Không nhìn mà thấy rõ*" (Chương 47). Theo thời mà hành động dựa vào cái mình có sẵn mà làm nên công, dùng cái khả năng của vạn vật mà thu được cái lợi, cho nên nói: "*Không làm mà nên*" (Chương 47).

19. Sở Trang Vương cầm quyền cai trị ba năm, không ban hành pháp lệnh, không có hành vi chính trị gì. Quan hữu tư mã ngồi hầu bên cạnh nói bóng gió với nhà vua: "Có con chim đỗ ở cái gò phía nam, ba năm không vỗ cánh, không bay, không kêu, im lặng không lên tiếng, con chim gì vậy?" Nhà vua nói: "Ba năm không vỗ cánh là để cho lông cánh mọc dài, không bay không kêu là để quan sát phép dân. Tuy không bay, nhưng bay thì xông thẳng lên trời. Tuy không kêu, nhưng kêu thì thế nào cũng làm cho người ta kinh ngạc. Nhà ngươi cứ yên tâm, quả nhân biết rồi đấy".

Được nửa năm bèn tự mình nghe chính sự, phế truất mười người, cất nhắc chín người, giết năm viên quan đại thần, cử sáu người ẩn sĩ, kết quả nước rất

trị an. Đem binh đánh nước Tề, đánh bại quân Tề ở Từ Châu, đánh thắng quân Tấn ở Hà Ung, họp chư hầu ở nước Tống, làm bá chủ thiên hạ.

Vương không làm việc thiện nhỏ nên có danh tiếng lớn, không sớm cho thấy ý mình nên có công lớn. Cho nên nói: "*Cái vật lớn làm xong muộn, cái âm lớn ít tiếng*" (Chương 41).

20. Sở Trang Vương muốn đánh nước Việt. Đỗ Tử can: "Tại sao nhà vua lại đánh nước Việt?". Vua nói: "Chính sự loạn và binh nó yếu". Đỗ Tử nói: "Thần ngu lo ngại điều đó. Cái trí khôn cũng như con mắt, nó có thể nhìn thấy ngoài trăm bước nhưng không thể tự nhìn thấy lông mi của mình. Quân đội nhà vua đã từng bị quân Tần, quân Tấn đánh thua, đã từng mất đất vài trăm dặm, như thế là quân đội yếu. Trang Kiều làm giặc cướp bên trong mà quan lại không thể cấm được, như thế là chính sự loạn vậy. Nhà vua yếu và loạn không kém gì nước Việt mà lại muốn đánh nước Việt, như thế cái khôn cũng như con mắt vậy". Nhà vua bèn thôi.

Cái khó của việc biết không phải ở chỗ nhìn thấy người ta mà ở chỗ tự nhìn thấy mình. Cho nên nói: "*Tự nhìn thấy mình gọi là sáng*" (Chương 33).

21. Tử Hạ gặp Tăng Tử. Tăng Tử hỏi: "Tại sao ông béo thế?". Tử Hạ nói: "Đánh giặc thắng cho nên béo". Tăng Tử nói: "Như thế là thế nào?". Tử Hạ đáp: "Tôi bước vào thấy cái nghĩa của các tiên vương thì thích. Đi ra thấy giàu sang thì thích. Hai

cái đó đánh nhau ở trong lòng chưa biết cái nào thắng, cho nên gầy. Nay cái nghĩa của tiên vương đã thắng cho nên béo". Đó là vì cái khó của cái chí không phải ở chỗ thắng người ta mà là ở chỗ thắng mình. Cho nên nói: "*Kẻ nào tự thắng mình thì mạnh*" (Chương 33).

22. Nước Chu có thẻ ngọc, Trụ sai Giao Cách đến hỏi thẻ ngọc, Văn Vương không cho. Sai Phí Trọng đến hỏi thì cho. Đó là vì Gia Cách hiền và Phí Trọng vô đạo. Nước Chu ghét người hiền đắc chí, cho nên giao cho Phí Trọng.

Văn Vương cất nhắc Thái Công ở bến sông Vị là quý ông ta, mà giao thẻ ngọc cho Phí Trọng là yêu (cái vô đạo) của ông ta. Cho nên nói: "*Không quý thầy, không yêu cái của mình, tuy khôn ngoan nhưng làm như rất u mê, cái đó gọi là cái vi điệu chủ yếu*" (Chương 27).

Thiên XXII

Rừng chuyện, phần trên
(Thuyết lâm, thượng)

1. Thành Thang đánh Kiệt xong nhưng sợ thiên hạ bảo mình tham bèn nhường thiên hạ cho Vụ Quang. Nhưng lại sợ Vụ Quang nhận lấy. Bèn sai

người đến thuyết Vụ Quang: "Thang giết vua nhưng muốn truyền cái tiếng xấu cho ông nên nhường thiên hạ cho ông". Vụ Quang do đó nhảy xuống sông.

2. Tần Vũ Vương sai Cam Mậu tự chọn chức mình muốn làm, làm quan bộc hay làm quan hành. Mạnh Mão nói: "Không bằng ngài làm quan bộc, ngài giỏi về việc đi sứ. Tuy ngài làm quan bộc, nhà vua cũng khiến ngài đi sứ. Ngài vừa cầm ấn của quan bộc mà lại làm công việc của quan hành như thế là kiêm hai chức quan vậy".

3. Tử Ngữ gặp Khổng Tử ở nhà quan thái tể nước Thương. Khổng Tử đi ra, Tử Ngữ vào hỏi khách là ai. Quan thái tể nói: "Ta đã gặp Khổng Tử thì xem nhà ngươi nhỏ như con rận. Nay ta sẽ đưa ông ta đến yết kiến nhà vua". Tử Ngữ sợ Khổng Tử được nhà vua quý, nhân nói với quan thái tể: "Bệ hạ đã thấy Khổng Tử thì cũng sẽ xem ngài như chấy rận". Quan thái tể bèn thôi không gặp lại Khổng Tử nữa.

4. Vua Huệ Vương nước Nguỵ ăn thề ở Cưu Lý, muốn phục hồi lại uy quyền của thiên tử. Bành Hy nói với vua Trịnh: "Bệ hạ chớ nghe, nước lớn không thích có thiên tử. Chỉ nước nhỏ lợi về việc đó. Nếu bệ hạ cùng nước lớn không theo thì nước Nguỵ làm sao có thể cùng những nước nhỏ lập uy quyền của thiên tử được!".

5. Nước Tấn đánh nước Hình. Tề Hoàn Công sắp cứu. Bão Thúc Nha nói: "Còn quá sớm, nước

Hình không mất thì nước Tấn không mệt. Nước Tề chưa được trọng. Vả lại, cái công cứu một nước bị nguy không bằng cái đức bảo tồn một nước bị mất. Không bằng bệ hạ chậm cứu để làm cho nước Tấn mệt. Nước Tề mới thực có lợi. Đợi cho nước Hình mất, rồi bảo tồn nó, cái tiếng mới thực đẹp". Hoàn Công bèn không cứu.

6. Tử Tư bỏ nước trốn chạy, người canh ở biên giới bắt được. Tử Tư nói: "Bề trên bắt ta vì ta có hạt châu đẹp. Nay ta đã mất nó rồi. Ta sẽ nói nhà ngươi lấy, rồi nuốt lấy". Người canh bèn thả ông ta.

7. Khánh Phong làm loạn ở nước Tề và muốn chạy trốn sang nước Việt. Người họ của ông ta hỏi: "Nước Tấn gần, tại sao lại không sang nước Tấn?". Khánh Phong đáp: "Nước Việt ở xa, lợi cho việc lánh nạn". Người trong họ nói: "Biến đổi là ở cái lòng kia, ở nước Tấn cũng được. Còn không thay đổi cái lòng kia thì nước Việt tuy ở xa, nhưng có thể được yên sao?".

8. Trí Bá đòi Nguỵ Tuyên Tử cho đất. Nguỵ Tuyên Tử không cho. Nhiệm Chương nói: "Tại sao lại không cho?". Tuyên Tử nói: "Vô cố xin đất, cho nên không cho". Nhiệm Chương nói: "Vô cố xin đất thì những nước láng giềng thế nào cũng sợ. Kẻ kia lòng tham không chán, thiên hạ thế nào cũng sợ. Bệ hạ cho ông ta đất, Trí Bá thế nào cũng kiêu ngạo và khinh địch. Thiên hạ thế nào cũng sợ và thân với nhau. Lấy quân đội những nước thân với nhau để

chống lại một nước khinh địch thì cái mạng của Trí Bá sẽ không dài.

Chu Tư nói: "Muốn đánh bại, thì hay giúp, muốn cướp lấy thì phải cho. Không bằng bệ hạ cứ cho để làm cho Trí Bá thành kiêu. Vả lại, bệ hạ tại sao không cùng thiên hạ mưu chống lại Trí Bá mà chỉ một mình làm con tin của họ Trí thôi?". Nhà vua nói: "Phải". Bèn cho Trí Bá một ấp có vạn nóc nhà. Trí Bá cả mừng. Nhân đấy đòi đất nước Triệu, nước Triệu không cho. Trí Bá bèn vây thành Tấn Dương. Nước Hàn, nước Nguỵ phản lại Trí Bá ở bên ngoài, họ Triệu hưởng ứng ở bên trong, họ Trí bị diệt.

9. Tần Khang Công dựng lên cái đài ba năm. Người Kinh cất quân định đánh nước Tề. Nhiệm Vọng bảo: "Cái đói gọi binh đến, cái bệnh gọi binh đến, cái vất vả gọi binh đến, cái loạn gọi binh đến. Bệ hạ xây cái đài ba năm. Nay người Kinh cất quân đánh nước Tề, thần sợ họ lấy tiếng là đánh nước Tề nhưng thực ra là đánh úp nước Tần. Không bằng phải phòng bị". Nước Tần đem binh giữ phía đông, người Kinh bỏ việc cất quân.

10. Nước Tề đánh nước Tống, nước Tống sai Tang Tôn Tử đi về phía nam cầu cứu nước Kinh. Nước Kinh cả mừng hứa sẽ cứu, rất vui vẻ. Tang Tôn Tử lo lắng trở về, người đánh xe hỏi: "Nhờ người ta cứu mà được cứu. Tại sao nay ngài lại có vẻ lo?". Tang Tôn Tử nói: "Nước Tống thì nhỏ mà nước Tề thì lớn. Phàm cứu nước Tống nhỏ mà bị nước Tề

ghét là điều người ta vẫn lo. Nay nước Kinh cả mừng, chắc chắn là để làm cho ta kiên trì chiến đấu. Ta kiên trì chiến đấu mà nước Tề mệt. Đó là cái lợi của nước Kinh". Tang Tôn Tử bèn trở về, quân Tề lấy năm thành của nước Tống mà quân cứu của nước Kinh không đến.

11. Nguỵ Văn Hầu mượn đường nước Triệu để đánh Trung Sơn, Triệu Túc Hầu không nghe. Triệu Khắc thưa: "Bệ hạ lầm rồi. Nước Nguỵ tấn công Trung Sơn mà không lấy được thì nước Nguỵ thế nào cũng bãi binh. Bãi binh thì thế nào nước Nguỵ cũng bị coi nhẹ. Nước Nguỵ bị coi nhẹ thì nước Triệu được coi trọng. Nước Nguỵ lấy được Trung Sơn thì nhất định không thể nào vượt qua nước Triệu mà có được Trung Sơn. Như vậy thì nước Nguỵ dùng binh mà nước Triệu được đất. Xin bệ hạ cứ cho mượn. Cho mượn mà vui mừng quá thì nước Nguỵ biết là nhà vua sẽ lợi về việc đó, thế nào cũng sẽ ngừng việc xuất chinh. Bệ hạ chỉ bằng cho mượn đường nhưng làm ra vẻ bất đắc dĩ".

12. Xi Di Tử Bì thờ Điền Thành Tử, Điền Thành Tử rời khỏi nước Tề, chạy sang nước Yên. Xi Di Tử Bì mang tín bài đi theo. Đến Vọng Ấp, Tử Bì nói với Điền Thành Tử: "Ngài không nghe chuyện con rắn ở cái đầm khô sao? Cái đầm khô, rắn định dời đi, con rắn nhỏ nói với con rắn lớn: "Anh đi mà tôi đi theo, thì người ta chỉ cho là rắn đi mà thôi, thế nào cũng giết anh. Không bằng anh với tôi cắn

miệng nhau và anh cõng tôi mà đi, người ta sẽ cho tôi là vua thần". Hai con rắn bèn cắn miệng nhau, cõng nhau mà bò qua đường cái nước Việt. Người ta đều tránh và nói: Đó là vua thần. Nay ngài đẹp mà tôi xấu, nếu ngài làm thượng khách của tôi thì tôi sẽ là ông vua có vạn cỗ xe. Nếu ngài làm người hầu của tôi thì tôi là quan khanh của nước có vạn cỗ xe. Không bằng ngài làm xá nhân của tôi".

Điền Thành Tử bèn mang tín bài đi theo ông ta. Đến quán, chủ quán đãi họ rất kính cẩn, dâng cho họ rượu thịt.

13. Người nước Ôn sang nhà Chu. Người Chu không nhận khách, hỏi: "Ông là khách phải không?". Người kia đáp: "Là chủ". Khi hỏi những người cùng ngõ thì không biết. Viên lại bèn bỏ tù anh ta.

Nhà vua cho người hỏi anh ta: "Nhà ngươi không phải là người Chu nhưng lại bảo không phải là khách là tại làm sao?". Người kia đáp: "Tôi lúc còn nhỏ đọc *Kinh thi*, *Kinh thi* nói: "Khắp dưới bầu trời không nơi nào không phải là đất của vua. Trên mặt đất cho đến bờ biển không đâu không phải là bầy tôi của nhà vua". Nay nhà vua là thiên tử thì tôi là bầy tôi của thiên tử. Có lý nào bầy tôi của thiên tử mà lại là khách của thiên tử sao?". Nhà vua bèn thả anh ta ra.

14. Hàn Tuyên Vương bảo Cừ Lưu: "Ta muốn dùng hai ông Công Trọng và Công Thúc có được

không?". Cừ Lưu đáp: "Không được. Nước Tấn dùng sáu quan khanh mà đất bị chia. Giản Công dùng hai người là Điền Thành và Hán Chi mà Giản Công bị giết. Nước Ngụy dùng hai ông Trương Nghi và Tê Thủ mà mất đất ở phía ngoài Tây Hà. Nay bệ hạ dùng hai người. Con người có thế mạnh sẽ lập bè đảng của mình. Con người có thế yếu sẽ nhờ quyền lực nước ngoài. Các bầy tôi bên trong lập bè đảng để kiêu với nhà vua, bên ngoài giao thiệp với nước ngoài để cắt đất thì cái nước của bệ hạ sẽ nguy vậy".

15. Thiệu Tích Muội ngủ say mất áo cầu. Vua nước Tống nói: "Say đến nỗi mất áo cầu sao?". Ông ta đáp: "Kiệt vì say mất thiên hạ, nên *Khang cáo* (trong *Kinh thư*) có câu: "Chớ mê rượu". Thường ham rượu thì thiên tử bỏ mất thiên hạ, thất phu bỏ mất thân mình".

16. Quản Trọng, Thấp Bằng theo Tề Hoàn Công đánh nước Cô Trúc. Mùa xuân ra đi, mùa đông về, lạc lối mất đường. Quản Trọng nói: "Cái khôn của con ngựa già có thể dùng được". Bèn thả con ngựa già đi trước và đi theo nó. Kết quả tìm được đường.

Đi vào núi không có nước, Thấp Bằng nói: "Loài kiến mùa đông ở phía núi có nắng, mùa hạ ở phía núi có bóng mát. Nơi nào ổ kiến cao một tấc thì ở dưới có nước". Bèn đào đất ở chỗ ấy, kết quả có được nước. Bậc thánh như Quản Trọng, người khôn như Thấp Bằng nhưng gặp cái không biết thì không

ngại học con ngựa già và con kiến. Nay người không biết lấy cái lòng ngu dại của mình để thờ cái khôn của bậc thánh nhân làm thầy chẳng phải là sai sao?

17. Có người dâng thuốc bất tử cho vua nước Kinh. Viên quan coi việc tiếp khách cầm lấy đưa vào. Một viên trung xạ sĩ hỏi: "Thuốc này ăn được không?". Đáp: "Ăn được". Anh ta bèn giành lấy mà ăn.

Nhà vua giận lắm sai người giết viên trung xạ sĩ. Viên trung xạ sĩ nhờ người nói với nhà vua: "Thần hỏi viên quan tiếp khách có ăn được không, ông ta bảo ăn được nên thần mới ăn. Như thế là thần không có tội mà tội là tội viên quan tiếp khách. Vả lại, khách dâng thuốc bất tử, thần ăn mà nhà vua giết thần thì đó là cái thuốc chết. Như thế là người khách lừa dối nhà vua. Phàm giết bầy tôi vô tội lại nêu rõ việc người ta lừa dối nhà vua thì không bằng tha thần". Nhà vua bèn không giết anh ta.

18. Điền Tứ nói dối vua nước Trâu. Vua nước Trâu định sai người giết anh ta. Điền Tứ sợ, nói với Huệ Tử. Huệ Tử yết kiến vua nước Trâu nói: "Nay nếu như có một người yết kiến nhà vua mà nhắm một con mắt thì như thế nào?". Nhà vua đáp "Nhất định ta giết hắn". Huệ Tử nói: "Người mù nhắm cả hai mắt thế sao nhà vua không giết?". Nhà vua nói: "Vì anh ta không thể không nhắm mắt". Huệ Tử nói: "Điền Tứ phía đông lừa Tề Hầu, phía nam lừa vua Kinh. Tứ lừa người ta cũng như người mù nhắm mắt.

tại sao bệ hạ oán ông ta làm gì?". Vua nước Trâu bèn không giết.

19. Lỗ Mục Công khiến các con hoặc làm quan ở nước Tấn, hoặc làm quan ở nước Kinh. Lê Sừ bảo: Nếu mượn người nước Việt để cứu đứa con đang chết đuối, người nước Việt tuy lội giỏi nhưng đứa con nhất định không sống được. Cháy nhà lấy nước ở ngoài biển thì nước ở ngoài biển tuy nhiều nhưng nhất định không dập tắt được ngọn lửa, vì nước ở xa không thể cứu được lửa ở gần. Nay nước Tấn và nước Kinh tuy mạnh nhưng nước Tề lại ở gần. Nước Lỗ gặp mối lo, sợ không cứu được chăng?".

20. Nghiêm Toại không tốt với Chu Quân. Chu Quân lo lắng. Phùng Thư nói: Nghiêm Toại là tướng quốc mà Hàn Khôi được vua nước Hàn quý. Chỉ bằng ám sát Hàn Khôi. Thế nào vua nước Hàn cũng cho rằng họ Nghiêm làm việc ấy.

21. Trương Khiển làm tướng quốc nước Hàn, bị bệnh sắp chết. Công Thặng Vô Chính mang ba mươi lạng vàng đến hỏi thăm sức khoẻ. Được một tháng vua Hàn thân hành đến hỏi Trương Khiển: "Nếu như ông chết đi, thì ai sẽ thay ông?". Trương Khiển đáp: "Vô Chính trọng pháp luật mà sợ người trên, tuy nhiên không bằng công tử Thực Ngã là người được lòng dân". Trương Khiển chết, nhà vua bèn cho Công Thặng Vô Chính làm tướng quốc.

22. Nhạc Dương làm tướng quốc nước Ngụy đánh Trung Sơn. Con ông ta ở Trung sơn. Vua

Trung Sơn nấu con ông ta và đem canh đến cho ông ta. Nhạc Dương ngồi ở trong trướng húp hết một bát. Văn Hầu nói với Đổ Sư Tán: "Nhạc Dương vì ta mà ăn thịt con mình". Đổ Sư Tán đáp: "Thịt con ông ta mà ông ta còn ăn được, thì ai mà ông ta không ăn?". Nhạc Dương đánh Trung Sơn trở về. Văn Hầu thưởng công cho ông ta nhưng nghi ngờ bụng của ông ta.

23. Mạnh Tôn săn được con nai con, sai Tần Tây Ba mang về. Con nai mẹ chạy theo mà kêu. Tần Tây Ba không nỡ, trả con nai con cho mẹ nó. Mạnh Tôn đến hỏi con nai con. Tần Tây Ba nói: "Tôi không nỡ nên trả cho mẹ nó". Mạnh Tôn rất giận, đuổi anh ta đi.

Được ba tháng, Mạnh Tôn lại mời ông ta làm thầy học cho con mình. Người đánh xe hỏi: "Trước ngài muốn làm tội ông ta, bây giờ ngài lại mời ông ta làm thầy học cho con là tại làm sao?". Mạnh Tôn đáp: "Con người không nỡ làm hại con nai con thì lẽ nào lại nỡ làm hại con ta?". Cho nên có câu: "Xảo trá không bằng vụng về nhưng thành thật". Nhạc Dương có công mà bị nghi ngờ, Tần Tây Ba có tội mà càng được tin.

24. Tăng Tùng Tử là người giỏi xem kiếm. Vua nước Vệ oán giận vua nước Ngô. Tăng Tùng Tử nói: "Vua nước Ngô thích kiếm, thần xin xem kiếm hộ cho vua Ngô. Thần sẽ tuốt kiếm chỉ cho ông ta

thấy, sau đó vì bệ hạ mà đâm". Vua nước Vệ nói: "Nước Ngô mạnh lại giàu, nước Vệ yếu lại nghèo. Ông đi đi. Tôi sợ ông vì vua Ngô thi hành điều ấy đối với tôi". Bèn đuổi đi.

25. Vua Trụ làm đôi đũa ngà mà Cơ Tử sợ, cho rằng có đũa ngà thì thế nào cũng không thể đựng canh ở trong bát sành, mà thế nào cũng phải dùng bát ngọc sừng tê. Bát ngọc đũa ngà thế nào cũng không dùng để ăn rau ăn đậu, mà phải ăn thịt voi, bao tử báo. Ăn thịt voi, bao tử báo thì thế nào cũng không mặc áo ngắn và không ở nhà tranh. Như vậy thì thế nào cũng phải mặc áo gấm, ở đài cao, nhà rộng. Làm thoả mãn những đòi hỏi đó thì thiên hạ cũng không đủ lòng tham cung cấp. Bậc thánh nhân thấy cái mờ mà biết được cái sáng, thấy cái ngọn mà biết được cái gốc, cho nên nhìn thấy đôi đũa ngà mà biết cả thiên hạ cũng sẽ không đủ lòng tham.

26. Chu Công Đán đã đánh thắng Ân, định đánh Thương, Cái. Tân Công Giáp nói: "Nước lớn khó đánh, nước nhỏ dễ phục theo. Không bằng ta bắt những nước nhỏ phục theo mà làm cho nước lớn phải sợ". Bèn đánh Cửu Di mà các nước Thương, Cái đều thần phục.

27. Vua Trụ uống rượu suốt đêm, quên mất ngày là ngày nào. Hỏi những người chung quanh, tất cả đều không biết. Bèn sai người hỏi Cơ Tử.

Cơ Tử bảo với người theo mình: "Làm chủ thiên hạ mà cả nước đều không biết ngày thì thiên hạ nguy rồi. Cả nước đều không biết mà chỉ có ta biết thì ta nguy mất". Bèn viện cớ say không biết.

28. Có người nước Lỗ giỏi nghề bện giép, còn vợ anh ta làm nghề dệt lụa. Hai người muốn dời sang nước Việt. Có người bảo anh ta: "Anh thế nào cũng cùng khốn thôi". Người nước Lỗ nói: "Tại sao?". Người kia đáp: "Giép là để mang vào chân mà người Việt đi chân đất, lụa là để làm mũ mà người Việt bỏ tóc xoã. Lấy cái sở trường của anh mà đi đến cái nước không dùng sở trường ấy, lại muốn không bị cùng khốn thì làm sao được?'.

29. Trần Chẩn được vua nước Ngụy quý trọng. Huệ Tử nói: "Thế nào cũng phải khéo phục vụ những người chung quanh nhà vua. Cây dương trồng nằm cũng mọc, trồng ngược cũng mọc, chặt mà trồng cũng mọc. Nhưng nếu mười người trồng mà một người nhổ thì không có cây dương sống. Lấy mười người trồng một giống cây dễ mọc mà không hơn được một người, tại sao thế? Bởi vì trồng thì khó nhưng nhổ thì dễ. Ông tuy khéo được nhà vua vun đắp nhưng nhiều người muốn gạt ông thì thế nào cũng nguy".

30. Quý Tôn nước Lỗ vừa mới giết vua của mình. Ngô Khởi làm quan với ông ta. Có người bảo với Ngô Khởi: "Người chết khi mới chết thì còn

máu, sau đó máu sống thành máu khô, rồi máu khô thành tro và thành đất. Đến khi đã thành đất rồi thì không làm gì được nữa. Nay Quý Tôn mới làm chảy máu, sau này chưa biết ra rao". Ngô Khởi nhân đấy rời nước Lỗ sang nước Tấn.

31. Thấp Tử Di yết kiến Điền Thành Tử. Điền Thành Tử cùng ông ta lên đài nhìn bốn phía. Ba phía có thể nhìn ra xa, một phía bị cây ở nhà Thấp Tử che mất. Điền Thành Tử cũng không nói. Thấp Tử trở về sai người chặt cây. Chặt được vài cây thì Thấp Tử ngăn lại.

Bảo người nhà: "Xưa có câu tục ngữ nói: "Biết cá trong vực sâu là chuyện không lành". Nay Điền Thành Tử sắp tính chuyện lớn nhưng ta cho ông ta biết rằng ta biết điều nhỏ kín thì thế nào cũng nguy. Không chặt cây chưa có tội, biết điều người ta không nói, cái tội ấy lớn". Bèn không chặt.

32. Dương Tử đi qua phía đông nước Tống vào quán trọ. Chủ trọ có hai người thiếp. Người xấu được yêu, người đẹp bị ghét.

Dương Tử hỏi tại sao, người chủ trọ nói: Người đẹp tự cho mình là đẹp cho nên tôi không thấy cô ta đẹp, người xấu tự biết mình xấu, cho nên tôi không thấy cô ta xấu". Dương Tử bảo người em: "Người làm việc hay mà bỏ cái bụng tự cho mình là hay thì đi đâu mà chẳng được người ta cho mình là hay".

33. Người nước Vệ gả con gái, dạy con: "Phải gom góp của riêng. Làm vợ mà bị bỏ là chuyện thường. Nếu lập được nhà mới là chuyện may". Cô con gái bèn về nhà lo gom góp. Mẹ chồng cho cô ta hay lo việc riêng nên đuổi cô ta.

Lúc về nhà, của cô ta nhiều gấp đôi so với khi về nhà chồng. Người cha không thấy mình có lỗi vì đã dạy con sai, nhưng tự cho mình khôn vì giàu thêm. Nay bọn bầy tôi làm quan đều thuộc loại này.

34. Lỗ Đan ba lần thuyết phục vua nước Trung Sơn nhưng nhà vua không nghe. Bèn bỏ ra năm mươi lạng vàng cho những người chung quanh nhà vua, rồi lại yết kiến. Chưa nói năng gì, nhà vua đã cho ông ta ăn.

Lỗ Đan đi ra không quay trở về nhà trọ. Rồi rời khỏi Trung Sơn. Người đánh xe hỏi: "Tại sao ông lại rời bỏ?". Lỗ Đan nói: "Vì người ta nói mà đối xử tốt với ta, thì thế nào cũng sẽ vì người ta nói mà làm tội ta". Chưa ra khỏi biên giới mà công tử ghét Lỗ Đan đã nói: "Ông ta vì nước Triệu đến do thám Trung Sơn". Nhà vua bèn cho tìm bắt ông ta để trị tội.

35. Điền Bá Đình yêu kẻ sĩ mà bảo tồn được nhà vua. Bạch Công yêu kẻ sĩ mà làm loạn nước Hình. Việc yêu kẻ sĩ như nhau, nhưng lý do yêu thì khác. Công Tôn Chi chặt chân mình mà tôn quý Bách Lý Hề. Thụ Điêu tự thiến mình mà gièm pha

với Tề Hoàn Công. Việc tự huỷ hoại mình là như nhau, nhưng lý do làm thì khác nhau.

Huệ Tử nói: "Người điên chạy về phía đông. Kẻ đuổi theo anh ta cũng chạy về phía đông. Việc chạy về phía đông là như nhau, nhưng lý do chạy về phía đông thì khác nhau". Cho nên nói: "Thấy những người cùng làm một việc như nhau, ta không thể không xét lý do".

QUYỂN VIII

Thiên XXIII

Rừng chuyện, phần dưới (Thuyết lâm, hạ)

1. Bá Lạc dạy hai người xem tướng những con ngựa hay đá. Sau đó, ông cùng họ đến tàu ngựa của Giản Tử xem ngựa. Một người chọn một con ngựa hay đá ra. Người kia đi theo sau, ba lần vỗ vào hông ngựa, nhưng ngựa vẫn không đá. Người thứ nhất cho rằng mình đã xem tướng ngựa sai.

Người thứ hai nói: "Không phải ông xem tướng ngựa sai đâu. Con ngựa này là con ngựa vai thấp mà đầu gối sưng. Phàm con ngựa hay đá hễ cất chân sau lên thì chồm về phía trước. Nhưng chân con ngựa này đau, nó không thể cất chân sau được. Ông giỏi xem tướng ngựa hay đá nhưng vụng xem đầu gối sưng".

Nói chung sự việc đều có cái lý do của nó cho nên mới như thế. Đó là điều chỉ một mình người

khôn biết được mà thôi. Huệ Tự nói: "Nhốt con vượn vào chuồng thì nó cũng như con lợn". Cho nên tình thế đã không tiện thì không thể trổ tài được.

2. Tướng quân nước Vệ là Văn Tử yết kiến Tăng Tử. Tăng Tử không đứng dậy mà chỉ mời ông ta ngồi trên chiếu, còn mình vẫn ngồi ở góc tây nam (nơi tôn quý trong nhà). Văn Tử bảo người đánh xe: "Tăng Tử ngu thực! Nếu ông ta cho ta là người quân tử, thì sao lại không kính trọng người quân tử? Nếu ông ta cho ta là kẻ hung bạo thì sao lại có thể làm nhục kẻ hung bạo. Tăng Tử mà không bị nhục là may đấy!".

3. Có loài chim chu chu, đầu nặng mà đuôi cong. Muốn uống nước dưới sông thì ngã, phải có con chim khác ngậm lông nó nâng lên nó mới uống nước được. Con người uống nước mà chân không vững thì không thể không xét đến cái lông vũ của mình.

4. Con lươn giống như con rắn. Con tằm giống như con sâu. Người ta thấy con rắn thì sợ, thấy con sâu dựng tóc lên. Nhưng người ta đánh cá bắt lươn, người đàn bà nhặt tằm. Ở đâu có lợi thì ở đấy người ta đều là Mạnh Bôn, Chuyên Chư (những người can đảm).

5. Bá Lạc dạy con người, ông ta ghét xem tướng ngựa thiên lý mã, dạy con người, ông ta thường xem tướng ngựa thường. Ngựa thiên lý mã cả đời mới có một con, cái lợi của nó chậm. Ngựa

thường ngày nào cũng có người bán, nên cái lợi nhanh. Đó là điều *Chu thư* nói: "Lời nói kém mà công dụng lại cao là nói dối".

6. Hoàn Hách nói: "Phép tạc tượng nên làm mũi lớn và mắt nhỏ! Mũi nếu đẽo lớn thì có thể nhỏ đi nhưng nếu đẽo nhỏ thì không thể làm lớn lên. Mắt nếu đẽo nhỏ thì có thể làm cho to lên nhưng nếu đẽo lớn thì không thể làm cho nó nhỏ đi. Làm việc cũng thế, nếu làm cái mà sau có thể chữa được thì việc ít sai".

7. Sùng Hầu và Ác Lai (những bầy tôi xấu của Trụ) biết Trụ không giết mình nhưng không thấy Vũ Vương sẽ tiêu diệt mình. Tỷ Can, Tử Tư biết vua của mình thế nào cũng mất nước nhưng không biết thân mình sẽ chết. Cho nên nói: "Sùng Hầu Ác Lai biết lòng nhưng không biết sự việc, Tỷ Can, Tử Tư biết sự việc nhưng không biết lòng". Bậc thánh nhân biết cả hai.

8. Quan thái tể nước Tống là người sang và quyết định mọi việc. Quý Tử sắp yết kiến vua Tống. Lương Tử nghe vậy nói: "Lúc nói chuyện có quan thái tể cùng ngồi không? Nếu không sẽ không khỏi bị nghi". Quý Tử bèn nói chuyện coi trọng sức khoẻ mà coi nhẹ việc nước.

9. Dương Chu có người em là Dương Bố mặc áo trắng đi ra, trời mưa ông ta cởi áo trắng, mặc áo đen về nhà. Con chó không biết cắn ông ta. Dương Bố nổi giận, định đánh chó. Dương Chu nói: "Đừng

đánh nó. Em cũng thế thôi. Thí dụ con chó của em lúc đi thì trắng, lúc về thì đen thì em không ngạc nhiên được sao?".

10. Huệ Tử nói: "Hậu Nghệ đeo cái vòng vào ngón tay, cầm cây cung gương lên bắn thì người Việt tranh nhau cầm cái đích cho ông ta. Nhưng khi đứa bé gương cung thì ngay mẹ nó cũng vào phòng đóng cửa lại". Cho nên nói: "Nếu chắc chắn thì người Việt cũng không ngờ Hậu Nghệ, nếu không thể chắc thì bà mẹ hiền cũng trốn con trẻ tuổi của mình".

11. Hoàn Công hỏi Quản Trọng: "Cái giàu có giới hạn không?". Quản Trọng đáp: "Giới hạn của nước là chỗ không có nước. Giới hạn của cái giàu là cái giàu của mình đã đủ. Con người không thể tự ngừng ở chỗ đủ mà quên cái giới hạn của nó sao?".

12. Có người thương gia giàu nước Tống là Giám Chỉ Tử cùng người ta tranh mua một hòn ngọc sống là một trăm lạng vàng. Anh ta giả vờ đánh rơi nó và làm vỡ nó, lấy một trăm lạng vàng để đền. Sau đó chữa lại chỗ vỡ bán được một ngàn dật vàng. Công việc có khi bắt đầu thì thất bại nhưng người hiền vẫn làm là dựa vào cái thời.

13. Có người muốn dùng tài đánh xe để yết kiến vua nước Kinh. Những người đánh xe ghen với anh ta. Anh ta bèn nói: "Thần có thể đánh xe bắt được con nai". Anh ta yết kiến nhà vua, nhà vua đánh xe, không đuổi kịp con nai. Anh ta tự đánh xe

đuổi kịp. Nhà vua khen tài đánh xe của anh ta. Anh ta nhân đó nói bọn đánh xe ghen ghét anh ta.

14. Nước Kinh sai công tử Triều sắp đánh nước Trần. Cha vợ công tử tiễn ông ta và nói: "Nước Tấn mạnh không thể không cẩn thận". Công tử nói: "Xin cha đừng lo, con xin vì cha đánh bại nước Tấn". Cha vợ nói: "Được. Ta sẽ làm lều ở ngoài cửa nam của nước Trần (đợi tin anh chết)". Công tử hỏi: "Sao thế?". Đáp: "Ta cười Câu Tiễn. Nếu đánh nước người ta dễ dàng như thế thì làm sao một mình phải mười năm khó nhọc tính toán cẩn thận làm gì?".

15. Nghiêu nhường thiên hạ cho Hứa Do. Hứa Do bỏ trốn, ở trọ nhà một người nọ. Người này giấu cái mũ da của mình. Ôi! Bỏ thiên hạ mà người kia lại giấu cái mũ da của mình, thực là không biết Hứa Do vậy.

16. Ba con rận kiện nhau. Một con rận đi qua hỏi: "Kiện nhau việc gì thế?". Ba con rận nói: "Tranh chỗ béo bở". Con rận kia nói: "Các anh không lo tháng chạp sắp đến người ta lấy cỏ tranh đốt đấy thôi. Như thế thì còn lo cái gì nữa?". Do đó, những con này xúm nhau lại cắn con lợn và hút máu. Con lợn gầy đi, người ta bèn không giết lợn.

17. Có con sâu tên là con vực, một thân có hai miệng. Hai miệng tranh ăn với nhau và cắn nhau. Kết quả giết nhau. Những bầy tôi tranh nhau phục vụ mà làm cho nước mất đều thuộc loại con vực kia.

18. Nhà sơn trắng, đồ đạc rửa thì sạch. Hạnh kiểm và thân người cũng thế, nếu không có nơi nào phải sơn và phải rửa nữa thì ít điều sai lầm.

19. Công tử sắp làm loạn. Tề Hoàn Công sai sứ giả đến xem ông ta. Sứ giả nói: "Cười không vui, nhìn không thấy, thế nào cũng làm loạn". Hoàn Công bèn khiến người nước Lỗ giết công tử Củ.

20. Công Tôn Hoằng cắt tóc làm quân kỵ cho nhà vua nước Việt. Công Tôn Hỷ sai người đến đoạn tuyệt với ông ta, nói: "Ta không là anh em với ngươi". Công Tôn Hoằng nói: "Tôi cắt tóc, ông cắt đầu vì người khác chiến đấu. Tôi còn nói gì với ông nữa?". Trong trận chiến đấu ở Chu Nam, Công Tôn Hỷ chết.

21. Có kẻ láng giềng với một người hung dữ, muốn bán nhà để tránh anh ta. Người ta nói: "Cái tội của hắn đã sắp đầy rồi, ông hãy nán đợi". Người này đáp: "Tôi sợ hắn dùng tôi để làm đầy cái tội của hắn". Bèn dời đi ngay. Cho nên có câu: "Khi sự vật bắt đầu nguy thì đừng có chần chừ".

22. Khổng Tử bảo học trò: "Ai có thể nói Tử Tây đừng mua danh?". Tử Cống nói: "Tứ này có thể nói được". Bèn nói. Tử Tây không nghi ngờ gì (Khổng Tử) nói: "Rộng rãi, không ham lợi, phải liêm khiết". Khổng Tử nói: "Bản tính dân có cái không thay đổi: xem cái gì cong là cong cái gì thẳng là thẳng. Tử Tây không khỏi nguy". Trong cái nạn của Bạch Công, Tử Tây chết. Cho nên có câu: "Ngay

thẳng trong hành động là điều cong ở trong ham muốn" [1].

Trung Hàng Văn Tử từ nước Tấn chạy ra nước ngoài, đi qua huyện ấp. Người đi theo nói: "Người chủ ở đây là người quen cũ của ngài sao ngài không nghỉ ở nhà ông ta để đợi xe sau?". Văn Tử nói: "Ta thường thích âm nhạc, ông ta cho ta một cây đàn cầm tốt. Ta thích đeo ngọc, ông ta biếu ta một cái vòng ngọc. Như vậy là ông ta nêu cao cái lỗi của ta để được ta dung nạp. Ta sợ ông ta sẽ dùng ta để được người khác dung nạp". Bèn bỏ đi. Quả nhiên người ấy bắt hai chiếc xe đi sau của Văn Tử để dâng cho vua của ông ta.

24. Chu Tháo nói với Cung Tha: "Ông nói giúp tôi với vua Tề rằng nếu vua Tề giúp tôi làm quan ở nước Nguỵ thì tôi xin lấy nước Nguỵ để thờ nhà vua". Cung Tha nói: "Không được. Làm thế là chứng tỏ ông không có thế lực gì ở nước Nguỵ. Vua Tề nhất định không giúp một người không có thế lực ở nước Nguỵ để mang oán với nước Nguỵ. Không bằng ông nói: "Những điều bệ hạ muốn thần xin

---

[1] Đoạn này nguyên văn nhiều chỗ xuất nhập nên không thể hiểu được. Theo các nhà chú giải chữ (Khổng Tử) là thừa vì đây là lời của Tử Tây. Trái lại sau chữ liêm khiết phải có chữ Khổng Tử nói. Ý bài này là Tử Tây làm lệnh doãn nước Sở là người ham danh. Tử Công khuyên thì ông ta có thể trong chốc lát từ bỏ ham muốn. Nhưng bản tính con người không thay đổi, cho nên lại sẽ trở lại bản tính mà bị nguy.

đem nước Nguỵ làm theo bệ hạ". Vua Tề thế nào cũng cho rằng ông có thế lực ở nước Nguỵ, và thế nào cũng giúp ông. Như thế là ông có được nước Tề lại nhờ đó mà có được cả Tề lẫn Nguỵ".

25. Bạch Khuê bảo quan lệnh doãn nước Tống: "Nhà vua lớn lên thông thạo chính sự thì ông sẽ không có việc gì để làm. Nay nhà vua ít tuổi mà ham danh, không bằng ông khiến nước Kinh khen nhà vua là có hiếu. Như thế thì nhà vua sẽ không đoạt mất địa vị của ông, và rất kính trọng ông. Như vậy là ông được dùng mãi ở nước Tống".

26. Quản Trọng và Bão Thúc bảo nhau: "Nhà vua làm loạn quá thế nào cũng mất nước. Trong các công tử nước Tề những người có thể phò được nếu không phải là công tử Củ thì đó là công tử Tiểu Bạch. Tôi với anh mỗi người ta thờ một người, người nào đạt được trước thì dung nạp người kia". Quản Trọng bèn theo công tử Củ, Bão Thúc theo Tiểu Bạch.

Quả nhiên những người trong nước giết nhà vua, Tiểu Bạch về nước trước lên làm vua. Người nước Lỗ bắt Quản Trọng gửi sang nước Tề, Bão Thúc nói với vua Tề tiến cử ông ta làm tướng quốc.

Cho nên tục ngữ có câu: "Ông thầy cúng tuy có thể giỏi cầu cho người khác nhưng không thể tự cầu cho mình. Thầy thuốc nước Tần tuy khéo trị bệnh cho người bệnh nhưng không thể tự chích cho mình được". Bậc thánh nhân như Quản Trọng mà còn phải chờ cho Bão Thúc giúp mình. Cái đó ngạn

ngữ dân gian gọi là "Người bán áo cầu không mua nó để mặc, kẻ sĩ tự khen lời nói của mình nhưng không tin nó".

27. Vua nước Kinh đánh nước Ngô. Vua nước Ngô sai Thư Vệ Quệ Dung khao quân Kinh. Tướng quân nước Kinh nói: "Bắt trói nó! Giết nó để lấy máu bôi vào trống". Sau đó hỏi: "Nhà ngươi đến trước đó có bói không?". Đáp: "Có bói". Hỏi: "Quẻ bói có tốt không?". Đáp: "Tốt". Người Kinh hỏi: "Thế tại sao nay tướng quân nước Kinh lấy máu ngươi bôi lên trống?". Đáp: "Chính vì vậy cho nên tốt đấy. Nước Ngô cho người đến để xem thử tướng quân có nổi giận hay không. Nếu tướng quân nổi giận thì nước Ngô sẽ đào hào sâu, đắp thành cao. Còn nếu tướng quân không nổi giận thì sẽ trễ nải. Nay tướng quân giết thần thì nước Ngô thế nào cũng cảnh giác gìn giữ. Vả lại, bói cho cả nước chứ không phải cho một mình tôi. Phàm giết một bầy tôi mà bảo tồn được một nước, không bảo là tốt thì là gì? Nói chung kẻ chết rồi thì không biết gì. Như vậy lấy máu tôi bôi trống sẽ vô ích. Còn nếu người chết biết thì lúc đánh nhau, tôi sẽ làm cho tiếng trống không kêu". Người Kinh vì vậy không giết ông ta.

28. Trí Bá sắp đánh nước Cừu Do, nhưng đường sá không thông. Bèn sai đúc một cái chuông lớn để biếu vua Cừu Do. Vua Cừu Do rất mừng, sửa sang đường sá định nhận.

Xích Chương Mạnh Chi nói: "Không được. Đây là việc nước nhỏ phải làm để thờ nước lớn. Nay nước lớn làm thế thì thế nào cũng có binh sĩ đi theo, không thể nhận". Vua Cừu Do không nghe, cuối cùng nhận chuông. Xích Chương Mạnh Chi bèn cưa trục xe cho ngắn (để đi đường hẹp) và chạy sang nước Tề. Được bảy tháng thì nước Cừu Do mất.

29. Nước Việt đã đánh thắng nước Ngô lại đòi quân của nước Kinh để đánh nước Tấn. Quan tả sử là Y Tương nói với vua nước Kinh: "Nước Việt đánh bại nước Ngô. Các kẻ sĩ hào kiệt chết, binh sĩ tinh nhuệ hết, binh sĩ mang áo giáp nặng bị thương. Nay họ lại đòi binh sĩ của ta để đánh nước Tấn đó là để biểu lộ cho ta thấy là họ không mệt. Không bằng ta cất quân cùng nước Tấn chia nước Ngô". Vua nước Kinh nói: "Phải".

Bèn cất quân đuổi theo quân Việt. Việt Vương nổi giận định đánh. Quan đại phu là Chủng nói: "Không được. Những kẻ sĩ hào kiệt của ta hết, binh sĩ mặc áo giáp nặng bị thương. Ta cùng đánh nhau với họ thì thế nào cũng không được, không bằng mua chuộc họ". Bèn cắt đất năm trăm dặm ở phía bắc Lộ Sơn để đút cho nước Kinh.

30. Nước Kinh đánh nước Trần, nước Ngô cứu nước Trần. Quân đội dàn ra ba mươi dặm. Trời mưa mười ngày mới tạnh. Quan tả sử Ỷ Tương nói với Tử Kỳ: "Mưa mười ngày, võ khí tập hợp và quân đội tụ

tập quân Ngô thế nào cũng tới. Không bằng lo phòng bị".

Quân Kinh bèn bày trận, trận bày chưa xong mà quân Ngô đã đến, nhìn thấy quân Kinh đã bày trận nên lui. Quan tả sử nói: "Quân Ngô lui sáu mươi dặm thì các tướng sẽ nghỉ và quân sĩ thế nào cũng phải ăn. Ta đi ba mươi dặm đánh họ thì có thể đánh bại". Người Kinh theo, kết quả đánh bại quân Ngô.

31. Nước Hàn và nước Triệu sắp gây nạn cho nhau. Hàn Tứ xin binh của nước Ngụy, nói: "Xin cho mượn binh để đánh nước Triệu". Ngụy Văn Hầu nói: "Quả nhân với nước Triệu là chỗ anh em, không thể theo được". Nước Triệu lại yêu cầu quân đội để đánh nước Hàn. Văn Hầu nói: "Quả nhân với nước Hàn là chỗ anh em, không dám theo". Hai nước không được binh nổi giận trở về. Sau đó mới biết Ngụy Văn Hầu có ý giảng hoà cả hai bên nên đều đến chầu nước Ngụy.

31. Nước Tề đánh nước Lỗ, đòi cái đỉnh đất Sầm. Người nước Lỗ gửi cái đỉnh giả đến. Người Tề nói: "Đỉnh giả". Người Lỗ nói: "Đỉnh thật". Người Tề nói: "Bảo Nhạc Chính Tử Xuân sang đây, ta sẽ nghe ông ta".

Nước Lỗ mời Nhạc Chính Tử Xuân, Nhạc Chính Tử Xuân nói: "Tại sao không đem cái đỉnh thật sang?". Nhà vua nói: "Ta yêu nó". Nhạc Chính Tử Xuân nói: "Thần cũng yêu chữ tín của thần".

32. Hàn Cữu được lập làm vua nhưng chưa ổn định. Người anh em ở nước Chu. Nước Chu muốn nâng đỡ ông ta, nhưng lại sợ người Hàn ghét không lập. Cơ Vô Khôi nói: "Không bằng đem trăm cỗ xe tiễn ông ta. Nếu ông ta được lập làm vua thì ta nói là để bảo vệ ông ta, nếu như ông ta không được lập làm vua thì nói là mang tên giặc đến".

33. Tịnh Quách Quân sắp đắp thành ở đất Tiết. Có nhiều người khách can. Tịnh Quách Quân bảo viên quan tiếp khách:" Đừng đưa khách vào". Có người nước Tề xin vào gặp, nói: "Thần chỉ xin nói ba tiếng mà thôi. Nếu quá ba tiếng, thần xin chịu nấu". Tịnh Quách Quân nói: "Xin ông vì quả nhân mà nói". Người khách rảo bước tiến lên nói: "Cá biển lớn" rồi chạy về. Tịnh Quách Quân nói: "Xin cho nghe cái thuyết của ông". Người khách nói: "Thần không dám đùa với cái chết". Tịnh Quách Quân nói: "Xin ông vì quả nhân nói".

Người khách đáp: "Bệ hạ có nghe chuyện con cá lớn hay không? Lưới không chặn được nó, sợi dây không bắn được nó. Thế nhưng đi chơi lên bờ thì đến kiến muốn làm gì cũng được. Nay nước Tề cũng là cái biển của bệ hạ, ngài vĩnh viễn có được nước Tề thì còn cần đất Tiết làm gì? Nếu bệ hạ bỏ mất nước Tề thì thành đất Tiết dù có cao lên tận trời cũng vô ích mà thôi". Tịnh Quách Quân nói: "Phải đấy". Bèn thôi không xây thành Tiết nữa.

35. Người em của vua nước Kinh ở nước Tần. Nước Tần không cho ông ta về. Viên trung xạ sĩ nói: "Cho thần một trăm lạng vàng, thần có thể đưa ông ta về". Anh ta bèn mang một trăm lạng vàng sang nước Tần. Anh ta yết kiến Thúc Hướng mà nói: "Em của vua nước Kinh ở nước Tần, nước Tần không cho về. Xin biếu Thúc Hướng một trăm lạng vàng".

Thúc Hướng nhận vàng vào yết kiến Tấn Bình Công nói: "Ta có thể xây thành Hồ Khâu rồi". Bình Công hỏi: "Tại sao?". Thúc Hướng đáp: "Em của vua nước Kinh ở nước Tần. Nước Tần không cho về. Như vậy là nước Tần ghét nước Kinh. Nhất định nó không dám cấm ta xây thành Hồ Khâu. Nếu như nó ngăn cấm thì ta nói: "Nếu vì ta cho em của vua Kinh về thì ta sẽ không xây thành! Nếu họ cho về thì ta sẽ có ơn với nước Kinh. Nếu họ không cho về là có ý xấu, nhất định không dám cấm ta xây thành Hồ Khâu". Bình Công nói: "Phải đấy".

Bèn xây thành Hồ Khâu và nói với vua Tần: "Nếu ngài vì tôi cho em của vua nước Kinh về thì tôi sẽ không xây thành". Nước Tần nhân đấy cho ông ta về. Vua Kinh cả mừng, đem một trăm dật vàng ròng cho nước Tấn.

36. Hạp Lư đánh Sính, đánh thắng ba trận. Hỏi Tử Tư: "Đã có thể rút lui chưa?". Tử Tư đáp: "Nhận người ta chết đuối cho người ta uống nước một lần rồi thôi thì sẽ không chết được. Phải cho uống nước luôn luôn. Không bằng thừa thế nhận chìm luôn".

37. Người nước Trịnh có đứa con sắp làm quan. Đứa con trai bảo người nhà: "Phải xây những chỗ tường hỏng để cho những kẻ bất thiện không ăn trộm được". Người trong ngõ cũng nói như thế. Chưa kịp sửa chữa thì quả nhiên người ta ăn trộm. Anh ta cho con mình là khôn, mà cho người trong xóm đã nói thế là kẻ ăn trộm.

Thiên XXIX

Quan sát hành động (Quan hành)

1. Người đời xưa vì mắt không thể nhìn thấy mình được cho nên lấy gương để soi mặt. Vì cái khôn không tự biết mình được cho nên lấy cái đạo để sửa mình. Cho nên cái gương không có tội vì đã thấy những chỗ sẹo. Đạo không có thù oán vì đã làm rõ cái sai. Con mắt không có gương thì không thể dựa vào cái gì để sửa chữa râu mày. Thân mình không có đạo thì không thể dựa vào đâu để biết điều mê hoặc.

Tây Môn Báo tính nóng cho nên mang da thuộc ở chân để kiềm chế mình chậm lại. Đổng An Vu tính chậm cho nên đeo dây cung ở chân để thúc giục mình nhanh hơn. Cho nên lấy cái có thừa để bồi bổ cái không đủ, lấy cái dài để nối cái ngắn, gọi là bậc vua sáng. Trong thiên hạ có ba cái chắc chắn.

Đó là người khôn có cái không thể làm được. Thứ hai, người mạnh có cái không nhấc lên được. Thứ ba, người khoẻ có cái không thể thắng được.

2. Cho nên dù có cái khôn của Nghiêu nhưng không được đám đông giúp đỡ thì cũng không thể lập được công lớn. Có cái mạnh của Ô Hoạch nhưng không được người ta giúp đỡ thì cũng không thể tự nhấc mình lên được. Có sức khoẻ của Mạnh Bôn, Hạ Dục mà không có pháp luật và thuật trị nước thì cũng không thắng mãi được. Ô Hoạch xem một ngàn cân là nhẹ mà xem thân mình là nặng, không phải vì thân anh ta nặng hơn ngàn cân mà vì cái thế không tiện. Ly Chu dễ thấy ngoài trăm bước mà khó thấy lông mi của mình. Không phải trăm bước là gần mà lông mi là xa, mà vì cái lẽ tự nhiên là không thể làm được điều đó.

Cho nên vị vua sáng không trách Ô Hoạch về chỗ không thể tự nhấc mình lên, không bắt bẻ Ly Chu về chỗ không thể tự thấy mình. Nhân cái thế có thể có để tìm cái đạo dễ làm, cho nên dùng sức thì ít mà kết quả lập được công danh.

Thời có lúc đầy lúc vơi, việc có cái lợi cái hoạ, vật có cái sống cái chết. Nhà vua nếu vì ba điều ấy mà biểu lộ về mặt vui hay giận thì những kẻ sĩ quý như vàng, vững như đá sẽ rời bỏ mình.

3. Bậc thánh hiền ẩn giấu sâu vậy. Cho nên bậc vua sáng quan sát người ta mà không để cho người ta quan sát mình. Nếu hiểu rõ về chỗ Nghiêu không

thể thành công một mình, Ô Hoạch không thể tự nhấc mình lên, Mạnh Bôn, Hạ Dục không thể tự thắng mình, nếu dùng pháp luật và thuật trị nước thì cái đạo quan sát hành động đầy đủ vậy.

Thiên XXV

Cái yên và cái nguy (An nguy)

1. Có bảy thuật làm cho yên, có sáu đường làm cho nguy.

Những thuật làm cho yên là:

1) Một là, việc thưởng hay phạt là tuỳ theo chỗ làm đúng hay sai.

2) Hai là, hoạ hay phúc là tuỳ theo thiện hay ác.

3) Ba là, sống hay chết là tuỳ theo phép tắc và quy chế.

4) Bốn là, có người giỏi có người hư mà không có người yêu ghét.

5) Năm là, dùng thước, tấc chứ không dùng ý riêng để đo lường.

6) Sáu là, có người ngu, người khôn mà không có người chê người khen.

7) Bảy là, giữ chữ tín chứ không dùng việc dối trá.

Những đường lối làm cho yếu là:

1) Một là, đẽo gọt ở trong phạm vi làm mực.

2) Hai là, cắt ở ngoài phạm vi pháp luật.

3) Ba là, lợi dụng cái làm cho người khác bị hại.

4) Bốn là, lấy cái hoạ của người khác làm cái vui của mình.

5) Năm là, làm cho cái người ta được yên trở thành nguy.

6) Sáu là, không thân người mình thương, không xa người mình ghét.

Làm như thế thì người ta bỏ mất cái khiến cho cuộc sống vui và quên cái làm cho cái chết được xem trọng. Người ta không vui cái sống thì ông vua không được tôn trọng. Người ta không xem trọng cái chết thì mệnh lệnh không được thi hành.

2. Nếu khiến cho thiên hạ đều dốc hết cái khôn và cái tài của mình để làm việc làm mẫu mực, dốc hết sức để theo trật tự, thì khi động sẽ thắng khi tĩnh sẽ yên. Trị thế gian khiến cho người ta vui sống trong việc làm điều phải, yêu thân mình trong việc làm điều sai, thì người tiểu nhân ít mà người quân tử đông. Cho nên xã tắc luôn luôn vững, quốc gia yên ổn lâu dài.

Trên chiếc xe chạy nhanh không có Trọng Ni, dưới chiếc thuyền đắm không có Bá Di. Hiệu lệnh là thuyền là xe của nước. Nếu nước yên thì sự khôn ngoan và liêm khiết nảy sinh. Nếu nước nguy thì

việc tranh giành và thô bỉ xuất hiện. Cho nên cái phép làm cho nước yên cũng như đói mà ăn, rét mà mặc, không phải nhờ mệnh lệnh mà nhờ tự nhiên. Các tiên vương ghi lý thuyết trị nước ở thẻ tre và lụa. Đạo của họ thuận cho nên đời sau phục theo.

Nay khiến cho người ta bỏ ăn bỏ mặc thì dù là Mạnh Bôn, Hạ Dục cũng không thể thi hành được. Nếu bỏ cái tự nhiên thì tuy thuận với đạo cũng không thể đứng vững được.

Khi bắt làm những điều mà những người dũng mãnh không thể làm được thì nhà vua không thể yên được. Nhà vua đòi hỏi không biết chán, người dưới đã hết thì họ sẽ trả lời không có, không có là khinh pháp luật. Pháp luật là cái để làm nên nước mà coi khinh nó thì công không được lập mà danh cũng không thành.

Nghe nói Biển Thước ngày xưa trị bệnh thì lấy dao chích vào xương, bậc thánh nhân cứu nguy cho nước dùng lời trung làm lỗ tai nghe khó chịu. Chích vào xương thì thân thể đau một chút nhưng nước được phúc lâu dài. Cho nên con người bị bệnh nặng có lợi ở chỗ nhịn đau. Ông vua có nghị lực lớn có phúc vì lỗ tai nghe lời khó chịu. Người bệnh chịu đau được cho nên Biển Thước trổ được tài khéo léo. Nhà vua chịu khó nghe lời chối tai thì Tử Tư không chết. Cái thuật được thọ và yên là thế.

Bị bệnh mà không chịu được đau thì làm hỏng mất cái khéo của Biển Thước. Người nguy mà không chịu nghe lời chối tai thì bỏ mất cái ý của bậc thánh nhân. Như vậy thì không thể duy trì được cái lợi lâu dài, và không lập được cái công danh lâu dài.

3. Các bậc vua chúa không tự sửa mình như Nghiêu mà lại bắt bầy tôi phải làm như Tử Tư, thì cũng như là yêu cầu dân nhà Ân đều phải là Tỷ Can. Nếu họ đều như Tỷ Can thì ở trên không mất nước mà ở dưới không suy vong. Nếu không cân nhắc cái sức của bầy tôi để cho không có Điền Thành[2], mà lại muốn người ta đều là như Tỷ Can thì nước không được một ngày yên. Nếu bỏ Nghiêu, Thuấn mà lập Kiệt, Trụ, thì người ta không thể vui với cái sở trường của mình mà lo về điều sở đoản của mình. Nếu bỏ mất cái sở trường thì nước nhà không có công lao. Nếu vua giữ cái sở đoản thì dân không có vui cuộc sống của mình. Nếu bề trên không có công mà lại khống chế những người không vui cuộc sống của mình thì không thể cai trị dân chúng được. Như thế thì ở trên không có cái gì để sai khiến người dưới, và người dưới không có cái gì để thờ bề trên.

4. Việc an và nguy là ở chỗ đúng hay sai chứ không phải ở chỗ mạnh hay yếu. Việc còn hay là

[2] Kẻ cướp ngôi vua Tề.

mất là ở chỗ thực hay hư chứ không phải ở chỗ đông hay ít.

Cho nên nước Tề tuy là nước có vạn cỗ xe, nhưng cái danh và cái thực của nó không phù hợp với nhau. Bề trên ở trong nước thì trống không, làm cho cái danh hợp với cái thực, cho nên bầy tôi ở dưới có cơ hội để cướp ngôi chúa.

Kiệt là thiên tử nhưng không phân biệt điều đúng điều sai, thưởng kẻ không có công, dùng kẻ gièm pha nịnh hót, xem kẻ dối trá là quý, giết người vô tội, sai cắt cái bướu những người trời sinh ra gù lưng, cho việc trá ngụy là phải, cho thiên tính là sai, nên nước nhỏ thắng được nước lớn[3].

Bậc vua sáng vững chắc ở bên trong cho nên không sai sót ở bên ngoài. Sai lầm về cái ở gần mà lại không mất cái ở xa là điều không có. Cho nên nhà Chu cướp được nhà Ân là vì sự sai lầm ở triều đình. Ví thử nhà Ân không có lỗi ở triều đình thì nhà Chu sẽ không dám giòm đến sợi lông mùa thu ở biên giới. Còn nói gì đến việc thay đổi địa vị? Đạo của bậc vua sáng là đúng với pháp luật, pháp luật của ông ta hợp với lòng người. Cho nên khi cai trị thì theo đúng pháp luật, khi rời bỏ thì nghĩ đến đạo.

Nghiêu không có lời giao ước keo sơn với đời bấy giờ mà cái đạo được thi hành. Thuấn không có

[3] Thành Thang là vua chư hầu diệt được Kiệt là thiên tử.

đất cắm dùi để lại đời sau mà cái đức có kết quả. Có thể lập nên cái đạo ở thời xa xưa, mà cái đức có kết quả. Có thể lập nên cái đạo ở thời xa xưa mà để lại cái đức cho muôn đời sau, đó gọi là bậc vua sáng.

Thiên XXVI

Đạo giữ nước (Thủ đạo)

1. Bậc thánh vương làm ra pháp luật thì cái thưởng của ông ta đủ để khuyến khích điều thiện, cái uy của ông ta đủ để thắng điều hung bạo, sự chuẩn bị của ông ta đủ để làm cho công việc xong xuôi. Những bầy tôi ở đời trị an, nếu có nhiều công thì địa vị cao, nếu làm hết sức thì được thưởng hậu, người nào làm hết tinh thần thì danh tiếng được xác lập.

Cái thiện sinh ra như cây cỏ mùa xuân, cái ác chết đi như cây cỏ mùa thu. Cho nên dân được khuyến khích dốc hết sức mà vui vẻ trong việc tận tình làm việc. Cái đó gọi là trên dưới hoà hợp với nhau. Cho nên có thể khiến cho những kẻ dùng sức dốc sức để phục vụ quyền hành và muốn làm như Nhiệm Bỉ. Các chiến sĩ liều chết mà muốn làm như Mạnh Bôn, Hạ Dục. Nhưng người giữ đạo đều ôm lòng vàng đá, giữ tiết tháo như Tử Tư. Những người dốc sức như Nhiệm Bỉ. Những người chiến đấu như

Mạnh Bôn, Hạ Dục, lòng như vàng đá thì nhà vua cao gối nằm mà cái đạo giữ nước đã trọn vẹn vậy.

2. Người giỏi giữ nước ngày xưa lấy cái mình xem là nặng để cấm cái mình cho là nhẹ, lấy cái mình cho là khó để cấm cái mình cho là dễ. Vì vậy cho nên những người quân tử và những kẻ tiểu nhân đều ngay thẳng. Đạo Chích, cùng với Tăng Sâm và Sử Thu đều liêm[4].

Tại sao lại biết thế? Nói chung kẻ trộm tham không đến khe suối để lấy vàng, vì đến khe suối để lấy vàng thì thân mình không được toàn vẹn. Mạnh Bôn, Hạ Dục không lượng sức địch thì không nổi tiếng là dũng mãnh. Đạo Chích nếu không tính toán thì cái lợi không thành. Bậc vua sáng đã cấm thì Mạnh Bôn, Hạ Dục thấy bị cản trở ở chỗ họ không thể thắng được. Đạo Chích thấy bị hại ở cái anh ta không thể lấy được. Như vậy thì kẻ hung bạo sẽ cẩn thận, kẻ gian tà sẽ trở lại ngay thẳng. Khi người rất dũng cảm cẩn thận, khi kẻ ăn trộm lớn ngay thẳng thì thiên hạ công bình, và bản tính dân thường ngay thẳng.

3. Nhà vua rời khỏi pháp luật và làm mất lòng người thì nguy sẽ bị Bá Di[5] lấy bừa bãi, mà không

[4] Đạo Chích là tên ăn trộm nổi tiếng, Tăng Sâm, Sử Thu là hai người hiền.

[5] Người xưa nổi tiếng trong sạch.

khỏi cái tai hoạ do Điền Thành, Đạo Chích gây nên. Nay thiên hạ không có một Bá Di mà những kẻ gian đời nào cũng có, cho nên lập ra pháp luật và cách đo lường. Pháp luật và cách đo lường chắc chắn thì Bá Di không bỏ mất cái phải, mà Đạo Chích không thể làm điều bậy.

Pháp luật rõ ràng thì người hiền không cướp của kẻ kém, người mạnh không thể hiếp kẻ yếu, người đông không thể hung bạo với kẻ ít. Gửi thiên hạ cho cái phép tắc của Nghiêu thì kẻ sĩ thẳng thắn không bỏ mất chức phận của mình, kẻ gian không dám cầu may. Gửi ngàn vàng ở mũi tên của Hậu Nghệ thì Bá Di không thể mất mà Đạo Chích không dám lấy. Vua Nghiêu sáng suốt ở chỗ không để sót kẻ gian, cho nên thiên hạ không có người gian tà. Hậu Nghệ khéo ở chỗ không bắn mũi tên sai, cho nên ngàn vàng không mất. Người gian tà không thọ nên Đạo Chích dừng lại. Như thế thì người ta không kể chuyện Tể Dư, không nhắc đến sáu quan khanh, sách không chép Tử Tư, không nói chuyện Phù Sai, mưu lược của Tô Vũ Tử, Ngô Khởi bị bỏ, lòng của Đạo Chích chịu yên. Vua chúa yên nghỉ trong nhà ngọc không có cái lo trợn mắt, nghiến răng, nghiêng tai nghe ngóng. Bầy tôi cứ buông tay ngồi trong thành vàng mà không có cái hoạ tay bị trói, mím môi buông lời ta thán. Trị hổ mà không dùng chuồng, cấm gian mà không dùng pháp luật, ngăn

chặn điều dối trá mà không dùng phù, đó là cái mà Mạnh Bôn, Hạ Dục lo, Nghiêu, Thuấn cho là khó.

Cho nên đặt chuồng ra không phải là để đề phòng chuột mà để cho những kẻ nhát gan có thể khắc phục được hổ. Lập pháp luật ra không phải để phòng bị Tăng Sâm, Sử Thu, mà để cho những ông vua tầm thường có thể ngăn chặn Đạo Chích. Làm phù không phải để đề phòng Vĩ sinh[6] mà để cho những người thường không thể lừa dối nhau được.

Không nên riêng dựa vào chỗ Tỳ Can tử tiết, mà cầu may ở chỗ những bầy tôi làm loạn không dối trá. Trái lại, phải dựa vào cái khiến cho những người nhát có thể khắc phục được con hổ và cái làm cho vị vua tầm thường có thể dễ gìn giữ nước. Vào thời nay, lo cái kế trung cho vị vua chúa, kết đức với thiên hạ thì cái lợi không gì lâu dài hơn cái đó. Cho nên kẻ làm vua người ta không có cái cảnh mất nước, bậc trung thần không có cái cảnh mất thế lực.

Nếu biết nêu cao pháp luật thì thưởng, cho nên có thể khiến người ta dốc sức vào việc phục vụ quyền trên, tử tiết trong chức quan của mình, biết tình cảm của Mạnh Bôn, Hạ Dục không lấy cái chết để đổi lấy cái sống, những kẻ lầm theo cái tham của

[6] Người hẹn với người yêu đêm đến chờ dưới cầu. Ban đêm, anh ta đợi ở chân cầu nước lên chết đuối.

Đạo Chích cũng không vì của mà đổi mạng mình. Như thế thì cái đạo giữ nước đầy đủ vậy.

Thiên XXVII

Dùng người (Dụng nhân)

1. Nghe nói những người xưa khéo dùng người thế nào cũng thuận theo trời, thuận theo người mà làm sáng tỏ việc thưởng và phạt. Thuận theo trời thì dùng sức ít mà công được lập. Thuận theo người thì hình phạt giản dị mà mệnh lệnh được thi hành. Soi sáng việc thưởng và phạt thì Bá Di, Đạo Chích không lẫn lộn. Như vậy thì trắng đen phân biệt.

Bầy tôi một nước trị an thì lập công cho nước để giữ địa vị, biểu lộ tài năng ở chức quan để nhận chức, dốc sức vào quyền lực để đảm nhiệm công việc. Bầy tôi đều làm đúng khả năng của mình, đủ sức làm chức quan, không kiêm nhiệm và không nuôi ý gì khác trong lòng, thì không ai tìm cách xin nhà vua cho kiêm thêm chức.

Cho nên bên trong không có cái loạn ôm mối oán giận, bên ngoài không có mối lo thua trận như Mã Phục (Mã Phục quân tức Triêu Quát bị quân Tần đánh bại ở Trường Bình). Bậc vua sáng khiến cho công việc không can thiệp vào nhau, cho nên không ai kiện tụng, khiến cho những kẻ sĩ không kiêm

chức quan. Nhờ thế kỹ năng giỏi, khiến người ta không cùng công việc cho nên không ai tranh giành. Việc tranh giành kiện tụng bị ngừng lại, kỹ năng giỏi được xác lập thì kẻ yếu người mạnh không tranh nhau đọ sức. Băng và than không hoà lẫn với nhau thì thiên hạ không ai làm tổn thương nhau, việc trị an là cực điểm vậy.

2. Bỏ pháp luật và thuật trị nước mà lấy cái tâm để cai trị thì Nghiêu không thể chỉnh đốn được một nước. Bỏ cái quy, cái củ mà lấy ý mà đo đạc thì Hề Trọng (quan coi xe cộ của Hạ Vũ) không thể làm thành một bánh xe. Bỏ thước tấc để so sánh cái dài cái ngắn, thì Vương Nhĩ (tên người thợ khéo ngày xưa) không thể nêu được chỗ ở giữa. Nhưng nếu một ông vua trung bình nắm lấy pháp luật và thuật trị nước, một người thợ vụng giữ cái quy cái củ, cái thước cái tấc, thì vạn điều không sai một điều. Kẻ làm vua chúa nếu có thể bỏ được cái điều mà người giỏi cũng không làm được để giữ lấy cái mà người vụng làm vạn điều không sai một thì sức người dùng được hết mà công danh được xác lập.

3. Bậc vua chúa sáng suốt lập nên cái thưởng có thể làm được, đặt ra cái phạt có thể tránh được. Cho nên người giỏi được cái thưởng khuyến khích mà không thấy cái hoạ của Ngũ Tử Tư, người hèn kém ít bị tội mà không thấy người gù bị cắt lưng. Người mù ở nơi bằng phẳng mà không ở vào nơi khe sâu. Người ngu giữ sự yên tĩnh mà không bị hãm

vào nơi hiểm nguy. Như vậy thì cái ơn trên dưới mới tích luỹ được.

Người xưa có nói: "Khó biết được lòng người, cái vui cái giận khó đúng". Cho nên lấy cái đích bày ra cho mắt nhìn, lấy cái trống để nói với lỗ tai, lấy pháp luật để giáo dục cái tâm. Người làm vua bỏ ba cái phép dễ làm để thi hành cái tâm khó biết thì cái giận chất chứa ở trên, cái oán chất chứa ở dưới, lấy cái giận chất chứa dùng để khống chế cái oán chất chứa thì cả hai bên đều nguy.

Bậc vua sáng nêu lên cái dễ thấy, cho nên lập giao ước. Giáo hoá của ông ta dễ biết cho nên lời nói được dùng. Pháp luật dễ làm cho nên mệnh lệnh được thi hành. Ba cái được xác lập mà ở trên không có lòng riêng tư, thì ở dưới có thể theo pháp luật mà trị. Nhìn theo đích mà hành động, theo dây mực mà đẽo, theo đường vạch mà may. Như thế thì ở trên không có tiếng xấu vì có bụng riêng tư, mà ở dưới cũng không bị giết vì ngu dại vụng về. Cho nên ở trên vua sáng mà ít nổi giận, ở dưới tận trung mà ít phạm tội.

4. Nghe nói: "Nếu làm việc mà không lo lắng thì đến Nghiêu cũngkhông làm được", và ở đời chưa từng vô sự. Kẻ làm vua gặp kẻ không coi nhẹ tước lộc, không coi giàu sang là dễ thì không thể cùng anh ta cứu cái nước bị nguy khốn.

Cho nên bậc vua sáng trau dồi sự liêm sỉ mời những người nhân nghĩa. Ngày xưa Giới Tử Thôi

không tước lộc mà theo Tấn Văn Công vì nghĩa. Không nỡ nhìn thấy chúa đói ông tỏ lòng nhân cắt thịt mình, cho nên bậc làm vua nhớ cái đức của ông, sách và tranh vẽ ca ngợi cái danh của ông. Bậc làm vua vui về chỗ khiến người ta dốc sức vào việc ông mà khổ về chỗ kẻ làm việc tư cướp uy quyền. Kẻ làm bầy tôi người ta yên ổn về chỗ nhờ có năng lực được nhận chức vụ, mà khổ về chỗ một người gánh hai nhiệm vụ. Cho nên bậc vua sáng trừ bỏ cái bầy tôi cho là khổ và lập cái nhà vua lấy làm vui. Cái lợi của người trên kẻ dưới không gì lâu dài hơn thế. Nếu không xét việc trong của các nhà riêng, coi nhẹ các việc lớn, trị tội nặng những kẻ phạm tội nhẹ nhớ lâu những lỗi nhỏ, thường khinh nhờn người ta để mua vui, nhiều lần lấy đức để đối xử với những kẻ gây hoạ, thì đó cũng như chặt tay rồi lấy ngọc để nối vào. Cho nên ở đời có mối lo mất ngôi.

Bậc làm vua chúa người mà lập ra những điều khó làm để trị tội những người không làm được thì các oán giận riêng sẽ sinh ra. Bầy tôi bỏ mất cái sở trường mà phải phục vụ những việc khó làm thì nỗi oán giận kín đáo tích tụ lại. Người khó nhọc vất vả không được vỗ về, người buồn bã lo lắng không được thương xót, khi vui thì khen kẻ tiểu nhân, người hiền và kẻ hư hỏng đều được thưởng. Khi giận thì huỷ báng người quân tử, khiến cho Bá Di và Đạo Chích đều bị nhục. Cho nên có bày tôi phản chúa.

5. Ví thử vua nước Yên bên trong ghét dân mình mà bên ngoài yêu dân nước Lỗ thì người nước Yên sẽ không tuân theo ông ta mà người nước Lỗ sẽ không ủng hộ ông ta. Dân bị ghét thì không thể dốc sức lo việc công, người Lỗ được thích cũng thể quên cái lệnh bị giết để thân với ông vua khác. Như vậy thì bầy tôi sinh lòng hiềm khích mà nhà vua bị cô lập. Lấy bầy tôi sinh lòng hiềm khích để thờ ông vua bị cô lập cái đó gọi là mối nguy lớn.

Không ngắm kỹ cái đích mà cứ bắn bừa thì tuy có trúng cũng không phải là giỏi. Bỏ pháp chế mà nổi giận bừa bãi thì tuy có giết tróc nhưng kẻ gian cũng không sợ; Giáp làm tội mà Ất lại mang hoạ thì sự oán giận ngầm tích luỹ. Cho nên một nước thực sự trị yên thì có thưởng có phạt, nhưng không có vui không có giận. Tuy bậc thánh nhân có giết tróc, có người phạm vào hình pháp bị chết nhưng không phải là độc ác, cho nên bọn gian phục theo. Bắn tên thì trúng đích, thưởng và phạt thì chắc chắn đúng với việc làm cho nên Nghiêu sống lại, Hậu Nghệ lập lại. Như thế thì người trên không có mối lo của nhà Ân, nhà Hạ, người dưới không có cái hoạ của Tỷ Can. Nhà vua cao gối nằm chơi mà bầy tôi vui với nghề của mình, cái đạo che khắp trời đất và cái đức để lại muôn đời sau.

5. Phàm bậc làm vua nếu không bịt các lỗ hổng mà chỉ dốc sức vào việc sơn ở bên ngoài, thì khi gặp mưa to gió lớn thế nào nhà cũng sụp đổ.

Nếu không trừ bỏ cái hoạ ở lông mày, lông mi mà lại ham cái chết của Mạnh Bôn, Hạ Dục, nếu không cẩn thận về cái hoạ ở nơi tường vách mà lo củng cố cái thành vàng ở nơi biên giới xa xôi, nếu không dùng mưu kế của người hiền ở gần mà lo giao hiếu với cái nước có vạn cỗ xe ở ngàn dặm thì một sớm có trận gió nổi lên ắt Mạnh Bôn, Hạ Dục không thể cứu, và kẻ giao hiếu bên ngoài không đến kịp, hoạ không có gì lớn bằng.

Ở thời buổi nay, tính cái kế trung thành cho nhà vua thì nhất định không khiến cho vua nước Yên yêu người nước Lỗ, không khiến cho những người thời gần đây hâm mộ người hiền ở thời xưa, không nghĩ đến việc nhờ người Việt cứu người Trung Quốc bị chết đuối. Như vậy thì người trên kẻ dưới thân nhau, cái công ở bên trong lập được, cái danh ở bên ngoài thành được.

Thiên XXVIII

Công danh (Công danh)

1. Vị vua sáng suốt sở dĩ lập được công thành được danh là nhờ có bốn điều: một là thiên thời, hai là lòng người, ba là kỹ năng, bốn là cái thế và địa vị.

Nếu không có thiên thời thì dù có mười vua Nghiêu cũng không thể làm cho một bông lúa trổ

vào mùa đông. Nếu trái lòng người thì dù có là Mạnh Bôn và Hạ Dục cũng không thể dùng hết sức người. Cho nên được thiên thời thì không lo mà tự sinh ra. Được lòng người thì không cần thúc giục mà người ta tự mình hăng hái. Dựa vào kỹ năng thì không phải giục mà người ta tự mình nhanh nhẹn làm. Được cái thế và địa vị thì không cần tiến mà cái danh thành lập. Điều đó cũng như nước chảy, như thuyền nổi. Nhà vua giữ cái đạo tự nhiên thi hành cái lệnh không cùng. Cho nên mới gọi là vị vua sáng.

2. Có tài mà không có thế thì dù có hiền cũng không thể khống chế được kẻ hư hỏng. Cho nên dựng một cái cây một thước ở trên núi cao thì nhìn được cái khe sâu ngàn nhận. Cây không phải là cao nhưng chỗ đứng của nó cao. Kiệt làm thiên tử thì có thể khống chế thiên hạ. Không phải vì ông ta hiền nhưng cái thế của ông ta nặng. Nghiêu làm kẻ thất phu thì không thể sửa đổi ba nhà. Không phải vì ông ta hư hỏng mà vì cái địa vị của ông ta thấp. Một ngàn cân đặt trên thuyền thì nổi, một tri một thù không có thuyền thì chìm, không phải vì ngàn cân thì nhẹ mà một tri một thù thì nặng. Đó là vì có thế hay không có thế.

Cho nên ngẫn mà khống chế cao là nhờ địa vị. Hư hỏng mà khống chế người hiền là nhờ thế. Bậc vua chúa thì được thiên hạ nhất trí ra sức cùng nâng đỡ cho nên yên. Mọi người đồng lòng cùng lập ông ta lên cho nên ông ta được tôn quý. Bầy tôi giữ cái

sở trường, dốc hết sở năng mình, cho nên trung. Lấy vị tôn chủ chế ngự người tôi trung thì cái vui lâu dài sinh ra mà lập được công danh. Cái danh và cái thực phù hợp với nhau mà thành, hình với bóng tương ứng với nhau mà thành, cho nên bầy tôi và nhà vua cùng có ý muốn như nhau mà có chức vụ khác nhau.

3. Cái lo của bậc vua chúa là ở chỗ không ai hưởng ứng mình. Cho nên có câu: "Một tay không vỗ được, tuy múa nhanh nhưng không thành tiếng". Mối lo của bầy tôi là ở chỗ không được chuyên làm một chức vụ. Cho nên nói: "Tay phải vẽ hình tròn, tay trái vẽ hình vuông thì không thể thành được cả hai". Do đó mới có câu: "Nước trị an cực điểm thì vua như cái dùi , bầy tôi như cái trống, sự khéo léo như cái xe mà công việc như con ngựa".

Cho nên người ta có sức thừa thì tiện cho việc hưởng ứng; kỹ thuật có cái khéo thừa thì tiện cho công việc. Nếu kẻ lập công không có đủ sức, những người thân cận không có đủ lòng tin, những kẻ thành danh không có đủ thế, những người ở gần không thân còn những người ở xa không liên kết được thì cái danh sẽ không xứng với cái thực. Bậc thánh nhân dù có đức như Nghiêu, Thuấn, có hạnh như Bá Di, nhưng địa vị không bao trùm được đời thì cái công không thành mà cái danh không nên được.

4. Cho nên những người xưa mà lập được công danh là nhờ dân chúng giúp sức. Những kẻ ở gần dùng lòng thành liên kết với họ, những người ở xa

lấy danh mà khen ngợi, những kẻ tôn quý lấy thế mà nâng đỡ. Nhờ vậy mà cái công như Thái Sơn dựng lên được mãi mãi trong nước nhà và cái danh như mặt trời mặt trăng rực rỡ lâu dài trong trời đất. Chính vì vậy mà Nghiêu có thể quay mặt về hướng nam mà giữ lấy danh, Thuấn có thể quay mặt về hướng bắc mà biểu lộ công lao vậy.

Thiên XXIX

Những điều căn bản của việc cai trị (Đại thể)

1. Người xưa hiểu rõ cái đại thể của việc cai trị thì nhìn trời đất, ngắm sông biển, dựa vào núi hang. Như mặt trời mặt trăng chiếu sáng, bốn mùa vận chuyển, mây bay, gió thổi, không lấy cái khôn làm luỵ đến cái lòng mình, không lấy điều riêng tư làm hại đến mình. Gửi việc trị loạn ở pháp luật và thuật trị nước, gửi sự phải trái ở thưởng và phạt, giao việc nặng và nhẹ cho cái cân.

Họ không làm trái lẽ trời, không làm thương tổn đến tính tình, không bới lông tìm vết, không kỳ cọ cái nhơ bẩn để xét cái khó biết, không kéo dây ra ngoài lằn mực, không kéo dây vào trong lằn mực, không vội vã ở ngoài phạm vi pháp luật. Họ giữ cái lý lẽ đã xong xuôi, dựa theo tự nhiên. Hoạ và phúc

là do đạo mà sinh ra chứ không phải do yêu hay ghét. Vinh và nhục là đòi hỏi ở mình mà không nằm ở người.

Cho nên ở cái đời hết sức trị yên thì pháp luật như sương buổi sáng, thần phác mà không lẫn lộn. Bụng không kết oán, miệng không có lời than phiền. Cho nên xe ngựa không mệt mỏi trên đường xa. Cờ xí không rối loạn nơi đầm lớn. Muôn dân không chết vì giặc cướp. Những người dũng mãnh không bị chết vì cờ xí. Những người hào kiệt không nổi danh trong sử sách và tranh vẽ không ghi công nơi mâm chén, sách chép việc hàng năm để trống. Cho nên nói: "Lợi không có cái gì dài bằng sự đơn giản, phúc không có cái gì lâu bằng yên ổn".

2. Ví thử Tượng Thạch[7] sống lâu ngàn tuổi, tay cầm cái câu liêm, mắt nhìn cái quy củ, buông dây dọi để làm cho núi Thái Sơn thẳng đứng, ví thử Mạnh Bôn, Hạ Dục mang kiếm Can Cương để trị vạn dân, thì tuy họ dốc sức vào công việc và sống lâu đến đâu, núi Thái Sơn cũng không thể sửa ngay được mà dân cũng không thể trị an được. Cho nên có câu: :"Người xưa chăn thiên hạ không khiến Tượng Thạch dùng hết sức khéo để làm hỏng hình dáng núi Thái Sơn, không khiến Mạnh Bôn, Hạ Dục ra uy để làm thương tổn đến bản tính của muôn dân".

[7] Nhân vật trong Trang Tử, chỉ người thợ rất giỏi và rất khoẻ.

Dựa theo đạo mà hoàn thành pháp luật thì người quân tử vui mà kẻ đại gian ngừng. Nhàn nhã, yên tĩnh, dựa vào mệnh trời, nắm lấy cái đại thể, cho nên khiến cho người ta không phạm cái tội rời khỏi pháp luật, không có cái hoạ cá rời khỏi nước. Như vậy cho nên thiên hạ ít cái không làm được.

Bề trên không được như trời thì kẻ dưới không được che khắp. Lòng nhà vua không như đất thì vật không được chở hết. Núi Thái Sơn không có cái yêu cái ghét của mình cho nên thành được cái cao của nó, sông Giang và biển không bỏ sự giúp đỡ nhỏ cho nên có thể có được sự giàu có của nó. Bậc đại nhân noi theo hình dáng của trời đất cho nên muôn vật đủ, để lòng nơi núi và biển cho nên nước nhà giàu có. Trên không có bụng oán giận, dưới không có mối lo oán ngầm. Trên và dưới thần phác với nhau, lấy đạo làm tiêu chuẩn. Cho nên chất chứa được cái lợi lâu dài, lập được cái công lao to lớn. Cái danh được lập ở trước, cái đức để lại ở sau, việc trị an đến cùng cực vậy.

QUYỂN IX

Thiên XXX

Sưu tập những chuyện bên trong, phần trên. Bảy thuật (Nội trữ thượng. Thất thuật)[1]

Có bảy thuật vua chúa dùng, có sáu điều vi diệu vua chúa phải xét. Bảy thuật ấy là:

1) Một là xem xét và so sánh các đầu mối.

2) Hai là phạt chắc chắn nêu cao uy quyền.

3) Ba là thưởng chắc chắn để dùng hết năng lực.

4) Bốn là nghe mọi người và bắt người dưới chịu trách nhiệm về điều đã nói.

5) Năm là ra những mệnh lệnh đáng ngờ và dùng mánh khoé để sai khiến.

---

[1] Các thiên Nội trữ, Ngoại trữ đều viết theo lối trình bày phần nguyên lý (kinh) rồi mới giải thích từng nguyên lý một (truyện). Để tiện theo dõi chúng tôi đánh số phần kinh và phần truyện như nhau.

6) Sáu là tập hợp những hiểu biết sự thực.

7) Bảy là đảo ngược lời nói và đảo ngược công việc.

Đó là bảy cái nhà vua dùng.

1) *Xem xét và so sánh các đầu mối.* Nếu nhìn và nghe mà không tham khảo những quan điểm khác nhau thì không thể nghe được sự thực. Nếu việc nghe lại phải qua một con đường riêng thì bầy tôi sẽ che đậy nhà vua. Thuyết này được chứng minh bằng chuyện anh hề lùn nằm mơ thấy cái bếp nấu ăn, chuyện Lỗ Ai Công nói người ta không theo mình cho nên bị mê. Chuyện người nước Tề trông thấy Hà Bá và chuyện Huệ Tử nói nhà vua đã bỏ mất một nửa trí khôn. Nếu không làm thế thì sẽ gặp những mối lo biểu lộ bằng việc Thụ Ngưu làm cho Thúc Tôn chết đói và Giang Ất nói đến phong tục nước Kinh. Chuyện Tự Công muốn cai trị nhưng không biết cách cai trị, cho nên khiến các quan thù địch với nhau. Vì vậy cho nên vị vua sáng chỉ cần xét chuyện chứa sắt mà có thể biết được mối lo của mọi người ở ngoài chợ.

2) *Hình phạt chắc chắn.* Nếu nhà vua thương yêu nhiều quá thì pháp luật không thể lập được. Nếu nhà vua ít uy thế thì người dưới sẽ lấn người trên. Cho nên hình phạt không chắc chắn thì lệnh cấm sẽ không được thi hành. Điều này được chứng minh bằng chuyện Đổng Tử đi thăm đất Thạch Ấp và

chuyện Tử Sản dạy Dụ Cát. Cho nên Trọng Ni nói về sương rơi và pháp luật nhà Ân trừng trị những người để tro vương vãi. Chuyện những người sắp ra đi bỏ Nhạc Trì và chuyện Công Tôn Ưởng trị nặng những tội nhẹ. Nếu không làm thế thì vàng ở sông Lệ Thuỷ không được người ta giữ và lửa đầm không được người ta cứu. Thành Hoan cho rằng lòng nhân thái quá làm yếu nước Tề. Bốc Bì cho vua nước Ngụy mất nước là vì nhân từ và thương người. Quản Trọng biết điều đó cho nên chém con người đã chết. Tự Quân biết điều đó cho nên mua người bỏ trốn để giết.

3) *Việc khen và thưởng.* Khen thưởng ít và dối thì người dưới không theo. Khen thưởng nhiều và chắc chắn thì người dưới coi thường cái chết. Điều này được chứng minh bằng chuyện Văn Tử nói các quan như nai như thú vật. Cho nên Việt Vương đốt cung thất và Ngô Khởi chống càng xe. Chuyện Lý Khôi căn cứ vào việc bắn tên để xử kiện. Chuyện người ở Sùng Môn nước Tống tự huỷ hoại thân mình mà chết. Câu Tiễn biết điều đó nên cúi chào con ếch nổi giận. Chiêu Hầu biết điều đó nên giữ kỹ cái quần cũ. Việc thưởng hậu khiến cho người ta đều là Mạnh Bôn, Chuyên Chư. Người đánh cá bắt con lươn chứng tỏ điều đó.

4) *Nghe mọi người.* Nghe một bên thì không thể phân biệt người ngu với người khôn. Nếu bắt người dưới chịu trách nhiệm thì các quan không

giẫm đạp lên công việc của nhau. Điều này được chứng minh bằng chuyện đòi đất nước Trịnh và chuyện thổi sáo. Mối lo của nó được chứng minh bằng chuyện Thân Tử dùng Triệu Thôi và Hàn Đạp để thử ý nhà vua. Cho nên công tử Dĩ bàn về việc cắt đất Hà Đông và Ứng Hầu bàn mưu bỏ đất Thượng Đảng.

5) *Giả vờ sai khiến.* Cho gặp nhiều lần, tiếp đãi lâu nhưng không cho làm quan thì kẻ gian sẽ tẩu tán như bầy nai. Khiến người hỏi kẻ khác thì bầy tôi sẽ không dám bán ân huệ riêng. Điều này được chứng minh bằng chuyện Bàng Kính gọi công đại phu về và Đái Hoan bảo người tìm xem có cỗ xe mát nào không. Chuyện vua nhà Chu mất cái trâm bằng ngọc, chuyện quan thái tể nước Thương nói chuyện phân bò.

6) *Tập hợp mọi sự khôn ngoan.* Tập hợp những người khôn để hỏi thì người không khôn sẽ thành khôn. Hiểu sâu một vật thì những điều kín đáo đều biến mất. Thuyết này được chứng minh bằng chuyện Chiêu Hầu nắm lấy một móng tay. Cho nên nếu biết chắc cửa phía nam thì ba cửa kia cũng biết. Vua nước Chu tìm cây gậy cong mà bầy tôi lo sợ, Bốc Bì sai người con thứ. Tây Môn Báo giả vờ bỏ rơi cái trục xe.

7) *Đảo ngược lời nói.* Đảo ngược lời nói và đảo ngược công việc để xét những điều mình ngờ vực thì biết được tình trạng gian dối. Cho nên vua Dương Sơn phỉ báng Cù Thụ, Trạc Xỉ là sứ thần nước Tần,

người Tề muốn làm loạn, Tử Chi nói về con ngựa trắng, Tử Sản tách rời những người kiện nhau. Tự Công đi qua cái chợ ở cửa ải là những chuyện chứng minh điều đó[2].

I-1. Vào thời Vệ Linh Công, Di Tử Hà được nhà vua yêu chuyên quyền ở nước Vệ. Có anh hề lùn đến yết kiến nhà vua nói: "Giấc mơ của thần đã thành sự thực". Nhà vua hỏi: "Nhà người nằm mơ thấy cái gì?". Anh ta đáp: "Thần nằm mơ thấy cái bếp, tức là thấy nhà vua". Nhà vua nổi giận nói: "Ta nghe nói thấy nhà vua là nằm mơ thấy mặt trời, người làm sao thấy quả nhân mà lại nằm mơ thấy cái bếp?". Người lùn đáp: "Mặt trời soi sáng cả thiên hạ, không có vật nào có thể che đậy được. Ông vua soi sáng một nước, không có người nào có thể ngăn được. Cho nên sắp nhìn thấy nhà vua thì nằm mơ thấy mặt trời. Còn cái bếp một người đun lửa thì người sau lưng không còn thấy bếp nữa. Ngày nay có lẽ có người nào đứng trước nhà vua chăng? Như vậy thần tuy nằm mơ thấy cái bếp cũng được chứ sao?".

I-2. Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử: "Tục ngữ có câu: Vị vua không có nhiều người bàn bạc nên bị mê hoặc. Nay quả nhân làm việc cùng lo lắng với các quan, thế nhưng nước lại càng rối loạn là tại làm

[2] Hết phần kinh đến phần truyện để giải thích. Để cho dễ theo dõi phần truyện đánh số 1 là để giải thích phần (1) trong phần kinh. Trong phần truyện I có nhiều mục thì đánh số 1-1, 1-2 vân vân.

sao?". Khổng Tử đáp: "Vị vua sáng hỏi bầy tôi thì một người biết một người không biết. Như vậy vị vua sáng ở trên, bầy tôi bàn bạc ở dưới. Nay các bầy tôi mọi người đều đồng loạt theo Thúc Tôn. Cả nước Lỗ hoá thành một người. Bệ hạ dù có hỏi tất cả những người trong nước, nhưng nước cũng vẫn không khỏi loạn".

Lại có thuyết khác. Án Anh đi sứ sáng nước Lỗ. Lỗ Ai Công hỏi: "Tục ngữ có câu: Không hỏi ba người thì bị mê hoặc. Nay quả nhân bàn với những người trong một nước, nhưng nước Lỗ vẫn loạn là tại làm sao?". Án Tử trả lời: "Sở dĩ ngày xưa nói không hỏi ba người thì bị mê hoặc là vì một người nói sai thì có hai người nói đúng, nên ba người đủ làm thành nhiều người. Cho nên không hỏi ba người thì bị mê hoặc. Nay bầy tôi nước Lỗ có hàng trăm hàng ngàn mà tất cả đều nói theo lợi riêng của họ Quý. Như vậy số người không phải không đông, nhưng lời nói là lời nói của một người. Làm gì có ba người?".

I-3. Có người nước Tề nói với vua nước Tề: "Hà bá là bậc thần lớn. Tại sao bệ hạ không thử gặp ông ta? Tôi xin làm cho bệ hạ gặp ông ta". Bèn dựng đàn tế ở trên sông và cùng đứng với nhà vua. Được một lát có con cá lớn nhảy. Anh ta liền bảo: "Hà bá đấy!".

I-4. Trương Nghi muốn dùng thế lực của nước Tần, nước Hàn, nước Nguỵ để đánh nước Tề, nước

Kinh. Trái lại, Huệ Thi muốn liên kết với nước Tề, nước Kinh để chấm dứt việc binh. Hai người tranh cãi nhau. Những bầy tôi và những người chung quanh nhà vua đều nói theo Trương Nghi, nêu cái lợicủa việc đánh nước Tề, nước Kinh, trái lại không ai nói theo Huệ Thi. Nhà vua quả nhiên nghe theo lời Trương Nghi mà cho lời của Huệ Thi là không được.

Sau khi việc đánh nước Tề, nước Kinh đã quyết định xong, Huệ Thi vào yết kiến. Nhà vua bảo: "Tiên sinh đừng nói nữa. Việc đánh nước Tề và nước Kinh quả là có lợi. Cả nước đều nói thế". Huệ Thi bèn đáp: "Bệ hạ không thể xem xét. Việc nước Tề nước Kinh nếu quả thực là có lợi, và cả nước đều thấy là có lợi, thế thì sao người khôn lại đông đến như thế? Việc đánh nước Tề, nước Kinh nếu quả thực là bất lợi nhưng cả nước đều cho là có lợi, thì người ngu sao mà đông thế? Nói chung, đã bàn mưu là có ngờ vực. Nếu có sự nghi ngờ thực sự thì có một nửa cho là được một nửa cho là không được. Nay cả nước đều cho là được, như vậy là nhà vua bị mất một nửa đầu óc rồi. Ông vua bị các quan lấn át thường mất một nửa đầu óc".

I-5. Thúc Tôn làm tướng quốc nước Lỗ được sang và quyết định mọi việc. Người được ông ta yêu là Thụ Ngưu cũng lạm dụng những mệnh lệnh của Thúc Tôn. Thúc Tôn có người con tên là Nhâm. Thụ Ngưu ghét và muốn giết anh ta. Bèn cùng Nhâm

chơi ở nhà vua nước Lỗ. Vua nước Lỗ cho Nhâm một vòng ngọc. Nhâm lạy nhận vòng ngọc nhưng không dám mang, sai Thụ Ngưu xin phép Thúc Tôn.

Thụ Ngưu lừa anh ta và nói: "Tôi đã xin hộ anh rồi, ngài cho anh mang!". Do đó, Nhâm mang chiếc vòng ngọc. Thụ Ngưu bèn nói với Thúc Tôn: "Ngài sao không đưa Nhâm yết kiến nhà vua?". Thúc Tôn nói: "Thằng bé có gì mà đáng yết kiến nhà vua?". Thụ Ngưu nói: "Nhâm đã nhiều lần yết kiến nhà vua rồi đấy. Nhà vua cho anh ta một vòng ngọc, anh ta đã mang rồi". Thúc Tôn nổi giận, giết Nhâm.

Anh của Nhâm tên là Bính. Thụ Ngưu lại ghen ghét Bính, muốn giết anh ta. Thúc Tôn vì Bính sai đúc một cái chuông. Chuông đúc xong, Bính không dám đánh, nhờ Thụ Ngưu xin với Thúc Tôn. Thụ Ngưu không xin lại lừa Bính, nói: "Tôi đã xin hộ anh rồi đấy. Ngài bảo anh đánh". Bính bèn đánh chuông.

Thúc Tôn nghe đánh bảo: "Bính không xin phép mà đã đánh chuông". Thúc Tôn nổi giận và đuổi Bính. Bính chạy sang nước Tề. Được một năm, Thụ Ngưu vì Bính xin hộ với Thúc Tôn, Thúc Tôn sai Thụ Ngưu gọi Bính về.

Thụ Ngưu lại không gọi về mà nói với Thúc Tôn: "Tôi đã gọi anh ta về nhưng Bính giận lắm không chịu về". Thúc Tôn cả giận sai người giết Bính.

Hai người con chết rồi, Thúc Tôn bị bệnh. Thụ Ngưu nhân đấy một mình nuôi Thúc Tôn và gạt bỏ

những người chung quanh không cho vào, nói: "Thúc Tôn không muốn nghe tiếng người". Thúc Tôn vì thế không được ăn và chết đói.

Thúc Tôn chết rồi, Thụ Ngưu không chịu phát tang, sai dời kho của cải và kho tiền, vơ vét hết các đồ quý giá mà chạy sang nước Tề.

Nếu nghe lời những người mình tin thì cha và con đều bị giết. Mối lo của tình trạng không nghe những lời nói khác nhau là như thế.

I-6. Giang Ất đi sứ cho vua Nguỵ sang nước Kinh. Giang Ất nói với vua Kinh: "Thần vào biên giới của bệ hạ nghe nói tục nước bệ hạ có câu: "Người quân tử không chê cái đẹp của người ta, không nói cái xấu của người ta, không biết có phải thế không?". Nhà vua nói: "Có đấy". Giang Ất nói: "Như vậy thì cái loạn của Bạch Công chẳng phải là nguy sao? Nếu quả thực như thế thì những bầy tôi có tội sẽ khỏi bị tội chết (vì không ai tố giác tội của họ)".

I-7. Vệ Tự Quân trọng Như Nhĩ, yêu Thế Cơ nhưng lại sợ hai người vì được yêu được trọng mà che lấp mình. Cho nên quý Bạc Nghị cũng ngang với Như Nhĩ, quý Nguy Cơ để cho ngang với Thế Cơ. Nhà vua nói: "Làm như thế để cho hai bên so sánh với nhau". Tự Quân muốn không bị che lấp nhưng không nắm được cái thuật. Nếu không khiến cho người hèn bàn về người sang, người dưới tố giác

người trên thì những viên quan ngang nhau sẽ bè đảng với nhau. Như vậy là càng thêm những bầy tôi che đậy mình. Tự Quân bị che đậy bắt đầu từ đó.

I-8. Nói chung, nếu tên bay đến có phương hướng thì dùng sắt để phòng bị hướng đó. Nếu tên bay đến không có phương hướng thì làm cái nhà bằng sắt để phòng bị mọi hướng. Phòng bị thì thân thể không bị thương. Cho nên muốn đề phòng sao cho thân thể không bị thương thì nhà vua cần phải cho tất cả đều là địch. Như thế thì sẽ không có người gian.

I-9. Bàng Cung cùng thái tử làm con tin ở Hàm Đan. Bàng Cung bảo vua nước Nguỵ: "Nay có một người bảo ngoài chợ có hổ, bệ hạ có tin không?". Nhà vua bảo: "Không". Bàng Cung nói: "Nếu hai người nói ngoài chợ có hổ bệ hạ có tin không?". Nhà vua nói: "Không". Bàng Cung nói: "Nếu ba người nói ngoài chợ có hổ bệ hạ có tin không?". Nhà vua nói: "Quả nhân tin".

Bàng Cung nói: "Ngoài chợ không có hổ. Điều đó là rõ lắm. Nhưng vì ba người nói mà thành có hổ. Nay Hàm Đan cách xa nước Nguỵ hơn cái chợ nhiều, những người bầy tôi bàn bạc nhiều hơn ba người, xin bệ hạ xét cho". Bàng Cung từ Hàm Đan trở về, kết quả không được yết kiến nhà vua.

2-1. Đổng Ư Vu giữ đất Thượng Địa cho nước Triệu, đi vào trong núi vùng Thạch Ấp, thấy cái khe sâu, vách núi dựng lên như bức tường, sâu một trăm

nhận. Bèn hỏi những người chung quanh: "Người ta có thường vào đây không?" Những người kia trả lời: "Không ạ". Đổng hỏi: "Có trẻ con, người đui, người điếc, người điên, người khùng vào trong khe núi không?". Những người kia đáp: "Không ạ". Đổng hỏi: "Thế trâu ngựa, chó lợn có thường vào đây không?". Những người kia trả lời: "Không ạ". Đổng Ư Vu ngậm ngùi thở dài mà nói: "Ta có thể cai trị rồi. Nếu ta khiến cho pháp luật của ta không tha ai, thì cũng như đã bước vào khe suối thế nào cũng chết. Như vậy thì không ai dám phạm, làm sao lại không trị an được?".

2-2. Tử Sản làm tướng quốc nước Trịnh bị bệnh sắp chết nói với Du Cát: "Sau khi ta chết, nhà ngươi thế nào cũng được tin dùng ở nước Trịnh. Thế nào ngươi cũng phải lấy sự nghiêm khắc để cai trị người. Hình thức của lửa nghiêm cho nên người ta ít bị cháy. Hình thức của nước mềm yếu cho nên người ta dễ chết đuối. Nhà ngươi phải làm cho hình phạt của mình nghiêm khắc đừng khiến cho người ta chết đuối vì cái mềm yếu của nó".

Tử Sản chết, Du Khắc không nỡ thi hành hình phạt nghiêm khắc, bọn thiếu niên nước Trịnh rủ nhau ăn trộm ở nơi đầm Hoàn Trạch, trở thành một mối hoạ cho nước Trịnh. Du Cát chỉ huy xe trận và quân kỹ đánh nhau với họ một ngày một đêm mới thắng được. Du Cát thở dài mà rằng: "Nếu ta sớm thi

hành lời dạy của thầy thì nhất định không gặp tình trạng này".

2-3. Lỗ Ai Công hỏi Trọng Ni: "*Kinh Xuân thu* chép: "Tháng mười hai, mùa đông, sương giá không giết chết cỏ". Tại sao lại chép điều đó?". Trọng Ni nói: "Đó là nói rằng có thể giết mà không giết. Nếu nên giết mà không giết thì cây đào cây mận có trái vào mùa đông. Nếu trời bỏ mất đạo của mình thì cây cỏ còn phạm đến huống nữa là nhà vua bỏ mất đạo?".

2-4. Pháp luật nhà Ân trừng phạt những người bỏ tro ở ngoài đường. Tử Cống cho như vậy là nặng, hỏi Trọng Ni, Trọng Ni đáp: "Như thế là biết đạo trị nước đấy. Bỏ tro ở ngoài đường thì nó bốc lên làm mờ mắt người ta, người ta thế nào cũng nổi giận. Nổi giận thì đánh nhau. Đánh nhau thì ba họ tàn hại nhau. Đó là cái đạo làm cho ba họ tiêu diệt nhau, dù có dùng hình phạt cũng được. Vả lại hình phạt nặng là điều người ta vẫn ghét, còn việc bỏ tro ngoài đường là điều rất dễ. Khiến người ta làm điều dễ làm mà không quên điều họ ghét là cái đạo cai trị vậy".

Một thuyết khác. Theo pháp luật nhà Ân, người nào bỏ tro ngoài đường cái chung thì bị chặt tay. Tử Cống nói: "Bỏ tro là tội nhẹ, chặt tay là hình phạt nặng. Vì sao ngày xưa khắc nghiệt như thế?". Khổng Tử nói: "Không bỏ tro ngoài đường là việc dễ làm. Chặt tay là điều người ta ghét. Làm việc dễ

để khỏi bị cái mình ghét. Người xưa cho đó là dễ làm cho nên thi hành".

2-5. Tướng quốc Trung Sơn là Nhạc Trì đem một trăm cỗ xe đi sứ sang nước Triệu, chọn những người khách nào khôn ngoan và có tài để cầm đầu những người đi theo. Giữa đường rối loạn, Nhạc Trì nói: "Tôi cho ông là người khôn ngoan, nên cho ông cầm đầu những người đi theo. Nay giữa đường xe rối loạn là tại làm sao?". Người khách từ chối ra đi và nói: "Ngài không biết việc cai trị. Phải có uy đủ để làm cho người ta phục, phải có cái lợi đủ để khuyến khích người ta thì mới cai trị được. Nay tôi là người khách nhỏ của ngài. Dùng người dưới để cai trị người trên, dùng người hèn để cai trị người sang mà lại không nắm được cái then chốt của lợi và hại để khống chế họ là cái làm cho sinh loạn vậy. Nếu ngài sai khiến bầy tôi ai tốt thì cho làm khanh tướng, ai không tốt tôi chém đầu được thì làm gì mà chẳng trị an?".

2-6. Pháp luật của Công Tôn Ưởng[3] trừng trị nặng những tội nhẹ. Những tội nặng người ta khó phạm nhưng những lỗi lầm nhỏ người ta dễ tránh. Khiến người ta bỏ cái dễ phạm mà không quên cái khó phạm đó là cái đạo của việc trị nước. Nếu lỗi nhỏ không sinh ra, tội lớn không xuất hiện thì người ta không có tội và loạn không sinh ra.

[3] Tức Thương Ưởng, người đã thay đổi pháp luật nước Tần.

Một thuyết khác, Công Tôn Ưởng nói: "Dùng hình phạt trị nặng những tội nhẹ thì tội nhẹ không phạm, tội nặng không xảy ra. Như thế gọi là dùng hình phạt để loại trừ hình phạt".

2-7. Phía nam nước Kinh, sông Lệ Thuỷ có vàng. Nhiều người trộm lấy vàng. Theo pháp lệnh cấm lấy vàng, ai phạm thì lấy đá ném chết ở ngoài chợ. Người chết rất nhiều. Người ta xây tường ngăn dòng nước nhưng những người trộm vàng cũng không thể hết. Nói chung, trị tội không có hình phạt gì nặng bằng lấy đá ném chết ở ngoài chợ. Nhưng người ta vẫn không thôi bởi vì chưa chắc đã bị bắt.

Nay có người nói: "Ta cho ngươi cả thiên hạ nhưng giết cái thân của nhà ngươi" thì con người tầm thường cũng không làm. Có được thiên hạ là cái lợi lớn, nhưng người ta còn không làm là vì biết thế nào cũng chết. Vì vậy cho nên không nhất định bị trị tội thì dù có bị ném đá chết, người ta vẫn cứ trộm vàng không thôi. Biết thế nào cũng chết thì dù có cho cả thiên hạ người ta cũng không làm.

2-8. Người nước Lỗ đốt đầm. Trời gió bấc, lửa lan xuống phía nam, sợ cháy thủ đô. Ai Công lo lắng thân hành chỉ huy dân chúng cứu hoả. Nhưng chung quanh không có ai, tất cả mọi người đều lo đuổi thú vật chứ không lo cứu hoả. Bèn cho gọi Trọng Ni đến hỏi: "Săn thú thì vui mà không bị phạt, cứu hoả thì khổ mà không được thưởng vì vậy cho nên người ta không cứu hoả". Ai Công nói: "Đúng

lắm". Trọng Ni nói: "Việc gấp không thể thưởng kịp. Nếu thưởng tất cả những người cứu hoả thì trên cả nước không đủ để thưởng người ta. Xin thi hành việc trừng phạt". Ai Công nói: "Ai không cứu hoả thì tội ngang với tội đầu hàng quân địch. Ai đuổi theo thú vật thì tội ngang với tội vào vườn cấm của nhà vua". Lệnh ban ra chưa khắp thì đã cứu xong nạn lửa.

2-9. Thành Hoan nói với vua Tề: "Nhà vua là người quá nhân từ, quá bất nhẫn". Vua Tề nói: "Quá nhân từ, quá bất nhẫn không phải tiếng tốt hay sao?". Thành Hoan đáp: Đó là cái tốt của kẻ làm tôi chứ không phải là điều mà bậc vua chúa nên làm. Bầy tôi có lòng nhân từ thì mới có thể cùng vua bàn mưu, có lòng bất nhẫn thì người ta mới có thể gần gũi. Người bất nhẫn thì không thể cùng bàn mưu, kẻ đang tâm làm thì không thể gần".

Nhà vua nói: "Như vậy thì ta quá nhân từ ở chỗ nào? Ta bất nhẫn ở chỗ nào?".Thành Hoan đáp: "Nhà vua quá nhân từ đối với Tiết Công lại quá bất nhẫn đối với họ Điền. Vì quá nhân từ đối với Tiết Công cho nên quan đại thần được tôn trọng quá đáng. Vì quá bất nhẫn đối với họ Điền cho nên cha anh phạm pháp[4]. Quan đại thần được tôn trọng quá đáng, thì quân đội bị yếu đối với bên ngoài. Cha anh

[4] Vua Tề họ Điền.

phạm pháp thì chính sự bị rối loạn ở bên trong. Đó là cái gốc của việc mất nước!".

2-10. Ngụy Huệ Vương hỏi Bốc Bì: "Nhà ngươi nghe tiếng tăm của quả nhân ra sao?". Bốc Bì đáp: "Thần nghe nói nhà vua là người nhân từ, có ân huệ với người ta". Nhà vua mừng rỡ nói: "Như vậy thì công nghiệp của ta sẽ đến đâu". Bốc Bì đáp: "Công nghiệp của nhà vua là sẽ đi đến chỗ mất nước".

Nhà vua hỏi: "Nhân từ có ân huệ với người ta là làm việc tốt, nhưng nước mất là tại làm sao?". Bốc Bì đáp: "Người nhân từ thì không nỡ, có ân huệ thì thích cho. Không nỡ, thì sẽ không giết kẻ có lỗi, thích cho thì không đợi có công cũng ban thưởng. Có lỗi không trị tội, không có công được ban thưởng, mất nước không phải là đúng sao?".

2-11. Nước Tề thích chôn cất hậu. Vải và lụa toàn dùng để mặc và khâm liệm cho người chết, gỗ toàn dùng để làm quan tài và quách. Tề Hoàn Công lấy làm lo lắng, nói với Quản Trọng: "Vải và lụa đều hết thì không có gì để che thân. Gỗ đều hết thì không có gì để phòng bị việc binh. Nhưng người ta vẫn cứ chôn cất hậu không thôi. Làm thế nào để cấm điều đó?".

Quản Trọng nói: "Nói chung, nếu người ta làm không phải vì danh thì vì lợi". Nhà vua bèn ra lệnh: "Quan tài và quách quá mức thì thây người chết bị chặt, người chịu tang phải chịu tội". Thây người chết

bị chặt thì không có danh, người để tang bị tội thì không có lợi. Người ta chôn cất hậu để làm gì?

2-12. Thời Vệ Tự Quân có người đầy tớ chạy trốn sang nước Nguỵ và chữa bệnh cho bà hoàng hậu của Tương Vương. Vệ Tự Quân nghe vậy xin lấy năm mươi lạng vàng để mua anh ta. Năm lần cho người đi nhưng vua nước Nguỵ không cho. Tự Quân bèn lấy ấp Tả Thị để đổi. Các quan và những người chung quanh nói: "Lấy một đô ấp để mua một người đầy tớ chẳng sai sao?".

Nhà vua nói: "Điều đó các người không biết được. Nếu không trị điều nhỏ thì cái loạn lớn sẽ nẩy sinh. Pháp luật không được lập mà việc trừng phạt không quyết đoán thì dù có mười đất Tả Thị cũng vô ích mà thôi. Pháp luật được lập và việc trừng phạt quyết đoán thì dù có mất mười đất Tả Thị cũng không có hại".

Vua Nguỵ nghe vậy nói: "Nhà vua đã muốn mà ta không chịu nghe là chuyện không hay". Bèn chở tên đầy tớ lên xe đưa đến mà không nhận vàng và đất.

3-1. Vua nước Tề hỏi Văn Tử: "Làm như thế nào để trị nước?". Văn Tử đáp: "Cái đạo thưởng và phạt là một công cụ sắc bén. Bệ hạ phải nắm lấy không để cho người khác. Còn bọn bầy tôi thì như thú vật, hươu nai, ở đâu nhiều cỏ thì đến đấy".

3-2. Vua nước Việt hỏi quan đại phu Văn Chủng: "Ta muốn đánh nước Ngô, có được không?".

Văn Chủng đáp: "Được. Ta thưởng hậu mà chắc chắn, trừng phạt nghiêm mà quyết đoán. Bệ hạ muốn biết điều ấy sao không thử đốt cung thất xem?". Nhà vua bèn đốt cung thất. Người trong nước không ai cứu hoả. Nhà vua ra lệnh: "Người cứu hoả mà chết thì thưởng ngang với đánh quân địch mà chết. Cứu hoả mà không chết cũng thưởng ngang với việc đánh thắng quân địch. Không cứu hoả thì phạt tội ngang với việc đầu hàng quân địch".

Người ta lấy bùn bôi lên mình, mặc quần áo ướt xông vào ngọn lửa, bên phải ba ngàn người, bên trái ba ngàn người. Do đó nhà vua biết thế mình nhất định thắng.

3-3. Ngô Khởi làm quan thú ở đất Tây Hà của Ngụy Văn Hầu. Nước Tần có điếm canh nhỏ ở sát biên giới. Ngô Khởi muốn đánh lấy vì nếu không lấy được thì rất có hại cho những người làm ruộng. Muốn lấy nhưng vì cái điếm nhỏ, mà trưng tập quân đội thì không tiện.

Bèn sai chống một càng xe ở ngoài cửa thành phía bắc và ra lệnh: "Ai có thể mang cái càng xe này ra ngoài cửa thành phía nam thì thưởng cho ruộng tốt, nhà tốt". Không ai mang cả. Nhưng đến khi có người mang thì Ngô Khởi thưởng như mệnh lệnh đã đưa ra.

Ít lâu sau ông lại đặt một thạch đậu đỏ ở ngoài cửa thành phía đông và ra lệnh nói: "Ai có thể mang

cái này ra ngoài cửa thành phía tây thì cũng thưởng như trước". Người ta bèn tranh nhau mang.

Ngô Khởi bèn ra lệnh nói: "Ngày mai sẽ đánh cái điếm, ai có thể trèo lên trước thì cho chức đại phu, thưởng ruộng tốt, nhà tốt". Mọingười xông lên kết quả đánh lấy cái điếm trong một buổi sáng.

3-4. Lý Khôi làm quan thái thú đất Thượng Địa của Ngụy Văn Hầu. Ông ta muốn mọi người đều bắn giỏi, bèn ra lệnh: "Những người có việc ngờ vực phải kiện nhau thì ra lệnh cho họ bắn tên. Người nào bắn trúng người ấy thắng, người nào bắn không trúng người ấy thua kiện". Lệnh ban ra, mọi người đều hăng hái tập bắn tên, ngày đêm không nghỉ. Đến khi đánh nhau với quân Tần, đánh quân Tần thua to là nhờ chỗ mọi người bắn tên giỏi.

3-5. Ở ngõ Sùng Môn nước Tống, có người để tang huỷ hoại thân mình gầy gò. Nhà vua cho anh ta thương yêu cha mẹ, cất nhắc làm quan sư (coi việc cúng tế). Năm sau những người vì chịu tang mà chết mỗi năm hơn mười người. Con cái chịu tang cho cha mẹ là vì thương cha mẹ mà còn có thể lấy việc khen thưởng để khuyến khích, huống nữa nhà vua đối với dân chúng.

3-6. Vua nước Việt nghĩ cách đánh nước Ngô, muốn người ta coi thường cái chết. Vua Việt đi ra đường gặp con ếch đang nổi giận bèn cúi đầu trên thành xe ngựa chào nó. Người đánh xe hỏi: "Tại sao bệ hạ lại chào nó?". Nhà vua nói: "Vì nó có khí tiết

cho nên ta chào". Năm sau, có hơn mười người xin lấy đầu dâng vua. Do đó mà xét thì việc khen ngợi cũng đủ khiến cho người ta chịu chết vậy.

Một thuyết khác: Vua Việt Câu Tiễn thấy con ếch nổi giận bèn ngồi trên xe chào nó. Người đánh xe hỏi: "Tại sao bệ hạ lại chào nó?". Nhà vua nói: "Con ếch có khí tiết như vậy tại sao ta lại không chào?". Các kẻ sĩ nghe vậy nói: "Con ếch có khí tiết nhà vua còn chào, huống nữa là kẻ sĩ dũng cảm hay sao?". Năm ấy có người tự đâm cổ chết, lấy đầu dâng nhà vua.

Cho nên vua Việt muốn trả thù nước Ngô và thử xét cách dạy dỗ của mình. Ông đốt đài và đánh trống khiến dân xông vào ngọn lửa, thưởng những người ở trong lửa. Đến gần sông, ông đánh trống, khiến người ta nhảy xuống nước, thưởng những người ở dưới nước. Khi chiến đấu ông khiến cho người ta chịu chặt đầu mổ bụng không có lòng đoái tiếc và trong việc chiến đấu có thưởng. Huống nữa nếu căn cứ vào pháp luật, cử người hiền thì việc giúp đỡ sẽ còn nhiều hơn nữa.

3-7. Hàn Chiêu Hầu sai người cất cái quần cũ. Người hầu nói: "Bệ hạ không có lòng nhân. Cái quần cũ không đem cho những người chung quanh mà lại sai cất đi". Chiêu Hầu nói: "Việc đó nhà ngươi không thể biết. Ta nghe nói vị vua sang quý từng cái cười, từng cái nhăn mày. Nhăn mày cũng có lý do mới nhăn mày và cười cũng có lý do mới

cười. Nay cái quần quý hơn cái nhăn mày và cái cười rất nhiều. Thế nào ta cũng đợi người có công. Cho nên sai cất đi mà chưa cho".

3-8. Con lươn giống con rắn, con tằm giống con sâu. Người ta thấy con rắn thì hoảng sợ, thấy con sâu thì nổi gai ốc. Thế nhưng đàn bà nhặt tằm, người đánh cá bắt lươn. Cái lợi ở đâu thì người ta đều quên điều mình ghét và đều thành Mạnh Bôn, Chuyên Chư.

4-1. Vua nước Nguỵ nói với vua nước Trịnh: "Trước đây nước Trịnh và nước Lương (nước Nguỵ ngày xưa gọi là Lương) là một nước. Sau đó mới tách ra. Nay tôi xin có lại nước Trịnh để hợp nhất vào nước Lương". Vua nước Trịnh lo lắng, triệu tập quần thần để bàn mưu chống lại nước Nguỵ.

Công tử nước Trịnh nói với vua nước Trịnh: "Đối phó với chuyện này rất dễ thôi. Bệ hạ hãy trả lời nhà vua Nguỵ: "Nếu ngài cho nước Trịnh là nước Nguỵ ngày xưa có thể hợp nhất lại thì ấp của tôi cũng muốn có được nước Lương để hợp nhất lại với nước Trịnh". Vua Nguỵ bèn thôi.

4-2. Tề Tuyên Vương sai người thổi sáo, ba trăm người thổi một lúc. Người ẩn sĩ là Nam Quách xin làm người thổi sáo cho nhà vua. Tuyên Vương thích nuôi đến mấy trăm người. Tuyên Vương chết, Dẫn Vương lên ngôi, thích nghe từng người một thổi. Nam Quách bỏ trốn.

Một thuyết khác. Hàn Chiêu Hầu nói: "Những người thổi sáo đông. Ta không có cách nào biết ai thổi hay". Điền Nghiêm thưa: "Xin bệ hạ cho họ thổi từng người một".

4-3. Nước Triệu sai viên hoạn quan nhờ Thân Tử nói với vua Hàn xin quân để đánh nước Nguỵ. Thân Tử muốn nói với nhà vua nhưng lại sợ nhà vua ngờ mình bị nước người mua chuộc. Nhưng nếu không làm thế thì lại sợ nước Triệu ghét. Bèn sai Triệu Thôi và Hàn Đạp thường xem dung mạo nhà vua rồi sau đó mới nói. Bên trong thì ông ta biết ý của Hàn Chiêu Hầu. Bên ngoài thì ông ta có công với nước Triệu.

4-4. Quân đội ba nước (Hàn, Triệu, Nguỵ) đến Hàm Cốc Quan. Vua Tần nói với Lâu Hoãn: "Quân đội ba nước đã vào nước ta sâu rồi. Quả nhân muốn cắt đất Hà Đông để giảng hoà. Việc ấy như thế nào?". Lâu Hoãn đáp: "Cắt đất Hà Đông là việc thiệt hại lớn, cứu được mối lo cho nước là cái công lớn. Sao bệ hạ không gọi công tử Dĩ đến hỏi?". Nhà vua bèn cho gọi công tử Dĩ đến hỏi.

Công tử Dĩ nói: "Giảng hoà cũng tiếc, không giảng hoà cũng tiếc. Nay nếu cắt đất Hà Đông để giảng hoà. Quân ba nước trở về thì thế nào bệ hạ cũng nói: Quân ba nước thế nào cũng về, ta đem ba thành để tiễn họ làm gì? Nếu ta không giảng hoà, quân ba nước vào nước Tần thì nước bị nguy to. Bệ hạ thế nào cũng nói: Đó là vì ta không cho họ ba

thành. Cho nên tôi nói nhà vua giảng hoà cũng tiếc mà không giảng hoà cũng tiếc". Nhà vua nói: "Nếu như đằng nào cũng tiếc thì ta đành mất ba thành. Có tiếc cũng là sau khi không bị nguy rồi mới tiếc. Quả nhân đã quyết định giảng hoà".

4-5. Ứng Hầu nói với vua Tần: "Bệ hạ đã lấy được các đất Uyển, Diệp, Lam Điền, Dương Hạ, đã cắt đứt được đường Hà Nội, khống chế các nước Lương và Trịnh rồi. Nhưng sở dĩ chưa làm vương được là vì nước Triệu chưa phục theo. Bỏ Thượng Đảng là chỉ mất một quận mà thôi nhưng tiến gần đến Đông Dương như vậy thì Hàm Đan (kinh đô nước Triệu) cũng như con rận nằm trong miệng. Bệ hạ chắp tay mà thiên hạ vào chầu. Người nào đến sau thì đem quân đến đánh. Như vậy thì Thượng Đảng tuy đang yên vui nhưng tình trạng của nó nguy kịch. Thần muốn xin bỏ nó nhưng sợ bệ hạ không chịu. Như thế thì làm thế nào?". Nhà vua nói: "Thế nào cũng phải bỏ Thượng Đảng để đời binh đi thôi".

5-1. Bàng Kính làm huyện lệnh sai những người coi chợ đi làm việc, nhưng cho gọi các công đại phu đến rồi cho quay lại. Cho đợi một lát rồi lại cho về. Những người ở chợ cho là quan huyện và công đại phu đã bàn với nhau, cho nên không thông đồng với họ kết quả không làm điều gian.

5-2. Đái Hoan làm thái tể nước Tống, ban đêm sai người nói: "Ta nghe mấy đêm có người đi một

chiếc xe mắt đến cửa nhà Lý Sử. Nhà ngươi hãy vì ta dò xét xem". Người được sai đi nói: "Tôi không thấy chiếc xe mắt chỉ thấy có người mang đến cho Lý Sử một cái hòm và nói chuyện với ông ta thôi. Một lúc sau Lý Sử nhận cái hòm".

5-3. Vua nước Chủ bỏ mất cái trâm ngọc, sai nha lại tìm. Ba ngày không tìm được. Nhà vua sai người tìm thì tìm thấy trong phòng của người gia nhân. Nhà vua nói: "Ta biết nha lại không lo công việc của mình. Ta sai đi tìm cây trâm ba ngày không tìm được. Ta cho người đi tìm thì không đầy một ngày đã tìm được". Do đó quan lại đều sợ cho nhà vua là thần minh.

5-4. Quan thái tể nước Thương cho người viên chức nhỏ ra chợ. Anh ta trở về, ông ta hỏi: "Thấy gì ngoài chợ?". Anh ta đáp: "Không thấy gì". Quan thái tể hỏi: "Tuy nhiên phải thấy gì chứ?", Anh ta đáp:"Ngoài cửa phía nam chợ có rất nhiều xe bò, len mãi mới đi được". Quan thái tể liền bảo người ấy: "Ngươi không được nói với ai về điều ngươi đã nói với ta".

Nhân đấy, gọi viên lại ở chợ đến mắng: "Ngoài cửa chợ sao có nhiều phân bò thế?". Viên lại coi chợ rất lấy làm lạ tại sao quan thái tể biết việc quá nhanh nên rất sợ sự sáng suốt của ông ta.

6-1. Hàn Chiêu Hầu nắm các móng tay lại nói dối mình mất một móng tay và tìm kiếm nó rất gấp. Những người chung quanh bèn cắt móng tay của

mình để dâng lên. Chiêu Hầu do đó biết những người chung quanh có thành thực hay không.

6-2. Hàn Chiêu Hầu sai quân ky đi các huyện. Khi người sai đi trở về, Chiêu Hầu hỏi: "Người thấy gì không?". Người kia đáp: "Không thấy gì hết". Chiêu Hầu hỏi: "Thế nhưng có thấy điều gì không chứ?". Người kia đáp: "Ở ngoài cửa phía nam có con bò vàng ăn cỏ ở phía bên trái con đường". Hàn Chiêu Hầu bảo người kia: "Nhà ngươi không được tiết lộ với ai điều ta hỏi ngươi".

Bèn ra lệnh nói: "Lúc mạ mọc cấm bò ngựa không được xuống ruộng. Nhưng các quan lại không lo nhiệm vụ, bò ngựa xuống ruộng người ta rất nhiều. Phải nêu số bò xuống ruộng cho ta biết. Nếu không nêu được sẽ trị tội nặng". Cả ba hướng đếm số bò ngựa xuống ruộng rồi trình lên. Chiêu Hầu nói: "Chưa hết". Các quan lại xét thật kỹ bèn bắt được con bò vàng ở ngoài cửa phía nam. Quan lại cho rằng Chiêu Hầu sáng suốt xét đoán cẩn thận, đều sợ hại về công việc của mình và không dám làm bậy.

6-3. Vua nước Chu ra lệnh tìm cây gậy cong. Quan lại tìm mấy ngày không được. Vua nước Chu cho người đi tìm thì không đầy một ngày mà tìm được. Nhà vua bèn bảo nha lại: "Ta biết nha lại không lo công việc của mình. Cây gậy cong rất dễ tìm mà nha lại không tìm ra. Ta cho người tìm thì không đầy một ngày đã tìm được. Như thế đâu có

thể gọi là trung thành?". Các nha lại bèn sợ hãi về công việc của mình, cho nhà vua là thần minh.

6-4. Bốc Bì làm huyện lệnh. Người đánh xe của ông ta bần thỉu nhưng có người thiếp yêu. Bốc Bì bèn sai một viên chức nhỏ giả vờ yêu người thiếp này để biết rõ những điều bí mật của người đánh xe.

6-5. Tây Môn Báo làm huyện lệnh đất Nghiệp, giả vờ nói xấu Cù Thụ (viên quan được vua yêu) để biết rõ sự thực.

7-2. Trạc Xỉ nghe nói vua Tề ghét mình bèn giả vờ làm sứ thần nước Tần để biết sự thực (vì nhà vua không ngờ vực sứ thần).

7-3. Có người nước Tề muốn làm loạn nhưng sợ nhà vua biết bèn giả vờ đuổi những người mình yêu, để cho nhà vua biết điều đó (đã đuổi người mình yêu thì sẽ không làm loạn).

7-4. Tử Chi làm tướng quốc nước Yên, đang ngồi bỗng giả vờ nói: "Con ngựa trắng nào đi qua cửa ấy?". Những người chung quanh đều bảo là không thấy. Có một người đuổi theo và về báo: "Có". Tử Chi do đó biết những người chung quanh có thành thực tin cậy được hay không.

7-5. Có hai người kiện nhau. Tử Sản sai tách riêng hai người ra, không cho phép họ nói với nhau, lấy những lời của người này để nói với người kia, kết quả biết được sự thực.

7-6. Vệ Tử Quân sai người làm khách đi qua cái chợ ở cửa ải. Viên lại coi chợ ở cửa ải mắng anh ta. Anh ta bèn đút vàng cho người này và viên lại cho anh ta ở trọ. Tự Công nói nói với viên lại: "Ngày nào đó, có người khách đi qua cửa ải cho người vàng, nhà ngươi cho anh ta đi". Viên lại coi chợ ở cửa ải hoảng sợ bèn cho Tự Công là người xét đoán sáng suốt.

QUYỂN X

Thiên XXXI

Sưu tập những truyện bên trong. Phần dưới (Nội trữ thuyết, hạ)

Có sáu điều vi diệu:

1) Một là quyền trao cho kẻ dưới.

2) Hai là vua và tôi có cái lợi khác nhau nhưng lại nhờ người nước ngoài giúp.

3) Ba là, mượn điều tương tự.

4) Bốn là cái lợi và cái hại đều có mặt trái.

5) Năm là xem xét, so sánh việc tranh giành bên trong.

6) Sáu là nước địch can thiệp vào việc dùng hay bỏ người.

Nhà vua phải xét kỹ sáu điều vi diệu ấy.

1. *Cho mượn quyền.* Quyền thế là cái không thể cho người ta mượn. Nếu nhà vua bỏ mất một thì bầy tôi sẽ biến nó thành trăm. Cho nên bầy tôi nếu mượn được quyền thế của vua thì có nhiều sức mạnh, và bên trong cũng như bên ngoài đều phục vụ họ. Bên trong và bên ngoài đều phục vụ họ thì nhà vua bị che lấp.

Điều này được chứng minh bằng chuyện Lão Đam nói chuyện mất cá. Vì vậy cho nên người ta khéo làm giàu bằng cách nói chuyện lâu, và những người chung quanh được trọng nhờ cái khăn. Mối lo của việc này được chứng minh bằng câu chuyện Tư Đồng ngăn Lệ Công, chuyện mọi người cùng nói như Chu Hầu, chuyện người nước Yên tắm bằng phân.

2. *Lợi khác nhau.* Vua và tôi cái lợi khác nhau. Vì vậy bầy tôi không ai trung với vua. Cho nên cái lợi của bầy tôi mà được xác lập thì cái lợi của nhà vua bị tiêu diệt. Do đó kẻ gian thần gọi quân địch đến để trừ kẻ chống đối mình ở trong nước, đưa những chuyện ở nước ngoài ra để làm cho nhà vua bị mê hoặc và thực hiện điều lợi riêng của mình, không nghĩ gì đến mối lo của nước.

Điều này được chứng minh bằng chuyện vợ chồng người nước Vệ cầu thần. Cho nên Đái Yết bàn đến con em, và ba họ Hoàn tấn công Chiêu Công. Công Thúc đưa quân nước Tề vào và Địch Hoàn gọi quân Hàn: Quan thái tể là Phí thuyết phục quan đại phu Chủng. Đại Thành Ngưu dạy Thân Bất

Hại. Tư Mã Hý nói với vua Triệu. Lữ Thương gọi quân Tần và quân Sở đến. Tống Thạch đưa thư cho vua nước Vệ. Bạch Khuê dạy Bảo Khiển.

3. *Dựa vào sự tương tự.* Vì dựa vào sự tương tự cho nên nhà vua giết lầm và quan đại thần làm được điều riêng của mình. Vì vậy cho nên người coi cửa đổ nước mà Di Xạ bị giết. Trịnh Tụ nói chuyện ghét mùi thối mà người thiếp mới bị xẻo mũi. Phí Vô Kỵ dạy Khích Uyển mà quan lệnh doãn bị giết. Tê Thủ bỏ chạy vì Trần Nhu giết Trương Thọ. Vì vậy cho nên cỏ chuồng ngựa bị cháy mà công tử nước Trung Sơn bị tội, giết người lão nho mà Tế Dương được thưởng.

4. *Cái lợi và cái hại đều có bề trái của nó.* Sự việc nẩy sinh mà có lợi thì nhà vua làm chủ nó. Có cái hại thì nhà vua phải xét bề trái của nó. Cho nên bậc vua sáng bàn luận thấy nước có hại thì xét đến cái lợi. Thấy bầy tôi có hại thì xét mặt trái của nó. Điều này được chứng minh bằng chuyện quân Sở đến mà Trần Nhu được làm tướng quốc, giá lúa giống cao vì viên lại coi kho đối trá. Cho nên Chiêu Hề Tuất bắt người bán cỏ tranh mà Chiêu Hy Hầu mắng người phụ bếp, chuyện thấy tóc quấn chả thịt và Nhương Hầu xin lập đế.

5. *Xem xét điều ngờ vực.* Cái thế khảo sát so sánh là cái làm nẩy sinh điều loạn, cho nên bậc vua sáng thận trọng. Vì vậy cho nên Ly Cơ nước Tấn giết thái tử Thân Sinh, và Trịnh phu nhân dùng thuốc độc, Chu Hu nước Vệ giết vua mình là Hoàn,

công tử Căn lấy đất Đông Chu. Vương tử là Chức được nhà vua yêu và Thương Thân quả nhiên làm loạn, Nghiêm Toại và Hàn Khôi tranh nhau làm vua và Ai Hầu quả nhiên bị đâm. Điền Thường, Hám Chỉ, Đái Hoan, Hoàng Hỷ thù địch với nhau mà vua Tống và Giản Công bị giết. Điều này được chứng minh bằng chuyện Hồ Đột nói hai điều nhà vua thích và Trịnh Chiêu trả lời về việc thái tử chưa sinh.

6. *Việc dùng và bỏ người.* Điều nước địch lo thực hiện là ngầm quan sát và gây điều sai trái. Kẻ làm vua chúa không xét thì kẻ địch sẽ bỏ và đặt người trong nước mình. Cho nên Văn Vương cho Phí Trọng tiền, mà vua Tần lo về sứ giả nước Sở. Lê Thả loại bỏ Trọng Ni và Can Tương thải Cam Mậu. Vì vậy cho nên Tử Tư phao lên mà Tử Thường được dùng. Nộp những người đẹp mà nước Ngu, nước Quắc mất. Giả vờ để lại bức thư mà Tràng Hoằng chết. Dùng gà lợn mà hào kiệt nước Khoái hết.

7. *Công kích ở trong tôn miếu*[1]. Việc so sánh địa vị để nước ngoài tham dự vào việc dùng người và thải người của mình, bậc vua sáng cắt đứt điều ấy ở trong nước mà đem thi hành ở nước ngoài. Cho tiền người hèn, giúp người yếu ở nước địch gọi là công kích ở tôn miếu. Nếu trong nước dùng phép chia nhà thành những nhóm năm nhà và quan sát nghe ngóng

[1] Trong phần Kinh không nói đến mục này. Chắc là do đời sau thêm vào.

bên ngoài thì kẻ địch làm gì được? Thuyết này được chứng minh bằng chuyện anh hề lùn nước Tần nói với Huệ Văn Quân, Tương Từ nói về việc đánh úp đất Nghiệp, và Tự Quân cho quan huyện lệnh chiếc chiếu.

I-1. Cái thế mạnh là cái vực sâu của nhà vua. Bầy tôi là con cá của cái thế mạnh. Con cá đã rời khỏi vực thì không còn có thể bắt được nữa. Bậc làm vua chúa nếu bỏ mất cái thế mạnh của mình, trao nó cho bầy tôi thì không thể thu lại được nữa. Người đời xưa ngại nói thẳng, cho nên lấy con cá để nói bóng gió[2].

Thưởng và phạt là những công cụ sắc bén. Nhà vua nắm lấy công cụ này để khống chế bầy tôi. Bầy tôi có được cái thế này thì che đậy nhà vua. Cho nên nếu nhà vua nêu cao cái thưởng của mình thì bầy tôi bán nó để làm đức. Nhà vua để cho thấy trước việc phạt thì bầy tôi sẽ lấy bán nó để làm cái uy của mình. Cho nên nói: "Công cụ sắc bén của nước không thể cho người ta thấy".

I-2. Tịnh Quách Quân làm tướng quốc nước Tề, cùng với người bạn cũ nói chuyện lâu thì người bạn cũ giàu, cho người chung quanh cái khăn thì người chung quanh được trọng. Nói chuyện lâu và cho cái khăn là cái nhỏ mọn mà còn có thể làm cho

[2] Lão tử: "Con cá không thể thoát ra khỏi vực" (*Đạo đức kinh*).

người ta giàu, huống nữa giao cái thế của các quan lại?

I-3. Vào thời Tấn Lệ Công, sáu quan khanh được quý trọng. Tư Đồng và Trường Ngư Kiểu can: "Quan đại thần được quý trọng thì các nước địch tranh nhau phục vụ họ".

Bên ngoài lập bè đảng, ở dưới làm loạn phép nước, ở trên lấn át nhà vua. Như thế mà nước không nguy là điều chưa hề có. Nhà vua nói: "Phải đấy". Bèn giết ba quan khanh.

Tư Đồng và Trường Ngư Kiểu lại can: "Cùng có tội như nhau mà bị giết nhưng không giết hết, như thế là những người còn lại sẽ ôm lòng oán giận mà nhân cơ hội để làm". Nhà vua nói: "Ta một buổi sáng giết ba quan khanh, ta không nỡ giết hết". Trường Ngư Kiểu trả lời: "Bệ hạ không nỡ giết họ, họ sẽ nỡ giết bệ hạ". Nhà vua không nghe. Được ba tháng, mấy quan khanh làm loạn, giết Lệ Công và chia đất của nhà vua.

I-4. Chư Hầu làm tướng quốc nước Kinh, được tôn quý và quyết định mọi việc. Vua nước Kinh nghi ông ta, hỏi những người chung quanh, những người chung quanh đều nói: "Không có", như đều do một miệng nói ra.

I-5. Có người nước Yên không bị mê hoặc cho nên phải tắm phân chó. Người nước Yên này có bà vợ tư thông với một chàng trai. Anh chồng sáng sớm từ bên ngoài về nhà, chàng trai vừa lúc ấy đi ra.

Người chồng nói: "Ông khách nào thế?". Bà vợ nói: "Không có khách". Hỏi những người chung quanh thì những người chung quanh đều nói như nhau. Bà vợ nói: "Ông bị loạn trí nên thay đổi rồi". Bèn lấy phân chó tắm cho anh ta.

Một thuyết khác. Có người nước Yên tên là Lý Quý thích đi chơi xa. Bà vợ tư thông với trai. Lý Quý đột nhiên về. Người kia đang ở trong nhà. Bà vợ lo lắng. Người hầu gái trong nhà nói: "Bảo công tử ở trần và xoã tóc đi thẳng ra cửa. Bọn chúng tôi đều sẽ nói là không thấy". Chàng trai theo kế này chạy nhanh ra cửa.

Quý hỏi: "Người nào thế". Những người trong nhà đều nói: "Không có: "Quý nói: "Ta thấy quỷ ư?". Người hầu gái nói: "Phải rồi". Anh ta hỏi: "Bây giờ làm thế nào?". Đáp: "Lấy phân của năm giống súc vật mà tắm". Quý nói: "Phải". Bèn tắm phân. Có chỗ lại nói lấy nước cỏ lan tắm.

2-1. Nước Vệ có hai vợ chồng cầu thần. Bà vợ cầu: "Xin cho chúng tôi được bình yên và được một trăm tấm vải". Người chồng hỏi: "Tại sao xin ít thế?". Bà vợ nói: "Nếu được nhiều hơn thì ông sẽ mang vải đi mua thiếp về".

2-2. Vua nước Kinh muốn cho các công tử đi làm quan ở các nước láng giềng. ĐáiYết nói: "Không được". Nhà vua nói: "Nếu cho các công tử đi làm quan ở các nước láng giềng thì các nước thế nào cũng trọng họ". Đái Yết nói: "Con đi ra khỏi

nước được trọng, được trọng thì sẽ bè đảng với cái nước trọng mình. Như vậy là dạy con tư thông với nước ngoài. Không tiện".

2-3. Mạnh Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn nước Lỗ định hợp sức ức hiếp Chiêu Công để đoạt lấy nước nhà vua và chuyên cai trị. Ba họ Hoàn nước Lỗ bức bách nhà vua. Chiêu Công đánh họ Quý Tôn. Hai họ Mạnh Tôn và Thúc Tôn cùng nhau bàn mưu: "Có nên cứu không?". Người đánh xe của họ Thúc Tôn nói: "Ta là bậc gia thần, làm gì biết việc chung. Có Quý Tôn hay không có Quý Tôn đối với ta cái nào có lợi hơn?". Tất cả đều nói: "Không có Quý Tôn thì thế nào cũng không có Thúc Tôn, vậy thì phải cứu ông ta". Họ bèn phá góc tây bắc vòng vây mà vào. Ba họ Hoàn (Mạnh Tôn, Thúc Tôn và Quý Tôn gộp lại là ba họ Hoàn vì đều là con cháu Lỗ Hoàn Công) hợp làm một, Chiêu Công không thắng nổi chạy trốn sang nước Tề, rồi chết ở Can Hầu.

2-4. Công Thúc làm tướng quốc nước Hàn thân với nước Tề. Công Trọng rất được nhà vua trọng. Công Thúc sợ nhà vua cho Công Trọng làm tướng quốc, bèn khiến cho nước Tề và nước Hàn giao ước để đánh nước Nguỵ. Công Thúc nhân đó cho quân nước Tề vào thành Trịnh (kinh đô của Hàn) để ép nhà vua, củng cố địa vị của mình và giữ cho sự giao ước giữa hai nước được vững chắc.

2-5. Địch Hoàng là bầy tôi của vua Nguỵ nhưng lại thân với nước Hàn, bèn xin binh nước Hàn

đánh nước Nguỵ. Lại nhân đó vì vua Nguỵ đi giảng hoà để cho mình được tôn trọng hơn.

2-6. Vua nước Việt đánh nước Ngô. Vua nước Ngô tạ tội và xin hàng phục. Vua Việt muốn cho Phạm Lãi, quan đại phụ Văn Chủng nói: "Không được. Ngày xưa trời lấy nước Việt trao cho nước Ngô, nhưng nước Ngô không nhận, nay nếu cho Phù Sai trở về thì cũng là cái hoạ của trời. Trời đã lấy nước Ngô cho nướcViệt thì ta phải lạy hai lạy mà nhận lấy, không nên cho vua Ngô hàng". Thái tể Bì viết thư cho Văn Chủng nói: "Thỏ khôn chết thì chó giỏi bị nấu, nước địch bị diệt thì mưu thần chết. Sao ngài không tha nước Ngô để làm cho nước Việt lo?". Đại phu Chủng nhận thư đọc xong thở dài mà than: "Giết người đưa thư!. Nước Việt và ta đều cùng chung số mệnh".

2-7. Đại Thành Ngưu từ nước Triệu nói với Thân Bất Hại ở nước Hàn: "Nếu ông khiến cho nước Hàn làm cho tôi được trọng ở nước Triệu thì tôi xin lấy nước Triệu để làm cho ông được trọng ở nước Hàn. Như vậy là ông có hai nước Hàn mà tôi có hai nước Triệu".

2-8. Tư Mã Hỷ là bầy tôi của vua Trung Sơn, nhưng lại thân với nước Triệu, thường đem mưu của Trung Sơn báo lén với vua Triệu.

2-9. Lữ Tương là bầy tôi của vua Nguỵ, nhưng lại thân với nước Tần, nước Kinh, nói bóng gió với

nước Tần nước Kinh để đánh nước Nguỵ. Nhân đấy xin đi giảng hoà để cho mình được trọng hơn.

2-10. Tống Thạch là viên tướng nước Nguỵ, Vệ Quân là viên tướng nước Kinh. Hai nước gây nạn. Hai người đều làm tướng. Tống Thạch viết thư cho Vệ Quân nói: "Hai đạo quân đương đầu với nhau, nhưng xin đừng đánh nhau. Đánh nhau thì thế không tồn tại cả hai. Đó là việc của hai ông vua mà thôi, còn tôi với ông không có thù oán riêng, những người thân nhau thì tránh nhau".

2-11. Bạch Khuê làm tướng quốc nước Nguỵ, Bão Khiển làm tướng quốc nước Hàn. Bạch Khuê nói với Bão Khiển: "Ông lấy nước Hàn để giúp đỡ cho tôi ở nước Nguỵ thì tôi sẽ lấy nước Nguỵ để giúp ông ở nước Hàn. Tôi được dùng mãi ở nước Nguỵ, ông được dùng mãi ở nước Hàn".

3-1. Có quan trung đại phu nước Tề là Di Xạ được cùng uống rượu với nhà vua. Say quá đi ra, dựa vào cửa hành lang. Người coi cửa bị chặt chân nói: "Ngài có chút rượu cho tôi một giọt chăng?" Di Xạ nói: "Xéo đi! Kẻ bị hành hình sống sót còn dám xin rượu bậc trưởng giả ư?". Người cụt chân rút lui.

Đến khi Di Xạ đi ra, người bị chặt chân đổ nước trước cửa thềm, trông giống như nước tiểu. Sáng hôm sau, nhà vua đi ra ngạc nhiên hỏi: "Ai đái đây?". Người bị chặt chân trả lời: "Con không thấy. Nhưng tối hôm qua quan trung đại phu Di Xạ đứng ở đây". Nhà vua mắng Di Xạ và giết.

3-2. Hai bầy tôi nước Ngụy không thích Tế Dương Quân. Tế Dương Quân bèn làm cái lệnh giả sai người giả mệnh lệnh của nhà vua để tấn công mình. Nhà vua cho người hỏi Tế Dương Quân: "Ông giận nhau với ai?". Đáp: "Thần không dám giận nhau với ai. Tuy nhiên, thường có hai người không thích thần nhưng không đủ để đến như thế này". Vua hỏi những người chung quanh, những người chung quanh nói: "Cố nhiên". Nhà vua do đó giết hai người kia.

3-3. Quý Tân và Viên Khiên oán nhau. Tư Mã Hỷ mới ghét Quý Tân, nhân đấy lén sai người giết Viên Khiên. Vua Trung Sơn cho là Quý Tân, nhân đấy giết Quý Tân.

3-4. Vua nước Kinh có người thiếp yêu là Trịnh Tụ. Vua nước Kinh mới được một người đẹp. Trịnh Tụ nhân đấy dạy người kia: "Nhà vua rất thích người ta che miệng". Người đẹp vào yết kiến nhà vua nhân đấy cũng che miệng. Nhà vua hỏi tại sao. Trịnh Tụ nói: "Nàng ấy nói nàng không thích cái mùi của nhà vua".

Gặp lúc nhà vua cùng với Trịnh Tụ và người đẹp ba người cùng ngồi, Trịnh Tụ nhân đấy dặn những người hầu: "Nhà vua nói gì thì phải nghe lệnh thi hành ngay". Nhà vua bảo người mỹ nữ đến gần. Đến gần nhà vua người mỹ nữ mấy lần che miệng. Nhà vua nổi giận nói: "Xẻo mũi nó đi". Người hầu nhân đấy rút dao xẻo mũi người mỹ nhân.

Một thuyết khác. Vua nước Nguỵ đưa đến cho vua nước Kinh một người đẹp. Vua nước Kinh rất thích. Phu nhân là Trịnh Tụ biết nhà vua thích nàng nên càng yêu quý nàng hơn nhà vua nữa. Áo quần, đồ chơi phu nhân chọn những vật nàng thích để cho nàng. Nhà vua nói: "Phu nhân biết ta yêu người mới lại còn yêu nàng hơn quả nhân. Đó là cách người con hiếu thờ cha mẹ, người trung thần thờ vua vậy". Phu nhân biết nhà vua không cho mình ghen, nhân đấy mới nói với người đẹp: "Bệ hạ rất thích em, nhưng ghét cái mũi của em. Em yết kiến bệ hạ nên thường che mũi thì sẽ được nhà vua yêu mãi". Người đẹp bèn nghe theo, mỗi lần yết kiến nhà vua thường che mũi. Nhà vua hỏi phu nhân: "Người đẹp thấy quả nhân thường che mũi là tại làm sao?". Trịnh Tụ đáp: "Tôi không biết". Nhà vua hỏi vặn, phu nhân nói: "Tôi có lần nghe cô ta nói không thích mùi thối của nhà vua". Nhà vua nổi giận nói: "Xẻo mũi nó đi". Trước đấy phu nhân đã dặn những người hầu: "Nhà vua bảo điều gì thì phải làm ngay". Những người hầu bèn rút dao xẻo mũi người mỹ nhân.

3-5. Phí Vô Cực là người ở gần quan lệnh doãn nước Kinh. Khích Uyển mới phục vụ quan lệnh doãn, quan lệnh doãn rất yêu. Phí Vô Cực nhân đấy nói với quan lệnh doãn: "Ngài yêu Khích Uyển sao không đặt tiệc rượu ở nhà ông ta một hôm?". Vô Cực nói với Uyển: "Quan lệnh doãn rất ngạo và thích binh khí, ông phải cẩn thận tôn kính, trước tiên bày ngay binh khí ở dưới thềm và ở cửa". Uyển vì

vậy làm thế. Quan lệnh doãn đến nhà Uyển hoảng hốt, nói: "Có việc gì thế?". Phí Vô Cực nói: "Ngài hãy rút lui. Tình hình chưa biết như thế nào". Quan lệnh doãn cả giận đem quân đánh Khích Uyển và giết đi.

3-6. Tê Thủ và Trương Thọ thù oán nhau. Trần Nhu mới vào, không thích Tê Thủ bèn sai người ám sát Trương Thọ. Nguỵ Văn Hầu cho là Tê Thủ làm bèn giết Tê Thủ.

3-7. Nước Trung Sơn có người công tử nghèo, con ngựa gầy, cỗ xe rất hỏng. Những người chung quanh nhà vua có người không thích công tử bèn xin hộ công tử với nhà vua: "Công tử rất nghèo, ngựa rất gầy. Sao bệ hạ không cho thêm phần ăn cho con ngựa?". Nhà vua không nghe, những người chung quanh nhân đấy đang đêm lén đốt vựa cỏ khô của ngựa. Nhà vua cho là do người công tử nghèo bèn giết công tử.

3-8. Nước Nguỵ có nhà nho già không được Tế Dương Quân thích. Có người khách có thù oán riêng với nhà nho già bèn tấn công ông ta và giết đi để lấy ơn với Tế Dương Quân, nói: "Tôi biết ông ta không hợp với ngài cho nên vì ngài giết ông ta". Tế Dương Quân không xét, thưởng cho người ấy.

Một thuyết khác. Tế Dương Quân có viên quan nhỏ không được ông ta biết đến, muốn được nhà vua yêu. Nước Tề sai nhà nho già đào thuốc ở núi Mã Lê. Viên quan nhỏ của Tế Dương Quân muốn lập

công, bèn vào yết kiến nhà vua và nói: "Nước Tề sai nhà nho già tìm thuốc ở núi Mã Lê, mượn tiếng là tìm thuốc nhưng thực ra là rình nước của nhà vua. Nếu ngài giết ông ta thì sẽ có tội với nước Tề. Tôi xin giết". Tế Dương Quân bảo: "Được". Ngày hôm sau viên quan nhỏ tìm thấy nhà nho già ở phía bắc thành và đâm chết. Tế Dương Quân thân với viên quan nhỏ.

4-1. Trần Nhu là bầy tôi của nước Nguỵ chơi thân với vua nước Kinh, xui nước Kinh đánh nước Nguỵ. Nước Kinh đánh nước Nguỵ, Trần Nhu bèn xin vì vua nước Nguỵ đi giảng hoà và nhân đó lấy cái thế lực của nước Kinh để làm tướng quốc nước Nguỵ.

4-2. Thời Hàn Chiêu Hầu lúa giống có lần rất cao. Chiêu Hầu sai người xét kho lúa. Viên lại coi kho quả nhiên ăn trộm lúa giống bán ra rất nhiều.

4-3. Chiêu Hề Tuất làm việc ở nước Kinh. Có người đốt kho luá mà không biết là ai. Chiêu Hề Tuất sai viên lại bắt người bán cỏ tranh mà hỏi quả nhiên anh ta là người đốt kho.

4-4. Thời Chiêu Hy Hầu, người đầu bếp dâng món ăn nhưng trong canh có món gan còn sống. Chiêu Hầu gọi người phụ bếp đến mắng: "Tại sao ngươi bỏ gan sống vào canh của quả nhân?". Người phụ bếp cúi đầu chịu tội nói: "Tôi trộm muốn loại anh đầu bếp".

Một thuyết khác. Hy Hầu tắm, trong nước nóng có sạn. Hy Hầu hỏi: "Nếu người coi việc tắm bị mất chức thì có ai thay thế anh ta không?'. Những người chung quanh nói: "Có". Hy Hầu bảo: "Gọi nó đến". Nhà vua mắng anh ta: "Tại sao mày bỏ sạn vào nước nóng?". Anh ta đáp: "Người coi việc tắm mất chức thì thần được thay vào chỗ ấy cho nên thần bỏ sạn vào nước nóng cho anh ta mất chức".

4-5. Thời Văn Công người đầu bếp dâng chả nhưng có tóc quấn vào. Văn Công gọi người đầu bếp lên mắng: "Nhà ngươi muốn cho quả nhân nghẹn hay sao mà lấy tóc quấn chả?". Người đầu bếp cúi đầu lạy hai lạy mà thưa rằng: "Thần có ba tội đáng chết: Cầm viên đá mài dao, dao bén như kiếm Can Tương, cắt thịt, thịt đứt mà tóc không đứt, đó là một tội. Cầm dùi xuyên qua miếng thịt, thế mà không thấy sợi tóc, đó là tội thứ hai. Đốt than trong lò, than lửa đều đỏ rực thế mà chả chín, tóc không cháy, đó là tội thứ ba. Phải chăng trong nhà có kẻ ngầm ghét thần chăng?" Nhà vua nói: "Phải". Bèn cho gọi người hầu trong điện đến mắng, quả nhiên biết được thủ phạm và trị anh ta.

Một thuyết khác. Tấn Bình Công đãi khách. Một viên quan nhỏ dâng chả lên có sợi tóc quấn vào. Bình Công xông tới định giết người đầu bếp không ai được trái lệnh. Người đầu bếp kêu trời nói: "Hỡi ôi! Thần có ba tội chết mà không tự biết hay sao?". Bình Công hỏi: "Tại sao nói thế?". Đáp: "Lưỡi dao

của thần bén chặt xương như gió thổi cỏ rạp xuống thế mà sợi tóc không đứt, đó là một tội. Nướng chả trên than cây dâu thịt đỏ hoá trắng thế mà sợi tóc không cháy, đó là hai tội. Chả chín rồi, trố mắt nhìn nó mà tóc quấn vào chả, mắt lại không nhìn thấy, đó là tội chết thứ ba của thần. Xem chừng trong nhà có kẻ ghét thần chăng? Giết thần như vậy chẳng phải là quá vội sao?".

4-6. Nhương Hầu làm tướng quốc nước Tần mà nước Tề mạnh. Nhương Hầu muốn lập vua Tần làm đế nhưng vua Tề không nghe. Ông ta bèn xin lập vua Tề làm đông đế, nhưng cũng không xong.

5-1. Thời Tấn Hiến Công nàng Ly Cơ được tôn quý ngang với hoàng hậu. Ly Cơ muốn lập con mình là Hề Tề thay thái tử Thân Sinh, bèn nói xấu Thân Sinh với nhà vua và giết đi. Kết quả lập Hề Tề làm thái tử.

5-2. Vua nước Trịnh đã lập thái tử, nhưng có người mỹ nhân được nhà vua yêu, muốn cho con mình được nối nghiệp. Phu nhân sợ bèn dùng thuốc độc giết nhà vua.

5-3. Chu Hu được trọng ở nước Vệ sánh ngang với nhà vua. Các quan và trăm họ sợ thế ông ta mạnh. Cuối cùng Chu Hu giết nhà vua và cướp đoạt quyền chính.

5-4. Công tử Triều là thái tử nước Chu. Em là công tử Căn rất được nhà vua nuông chiều. Nhà vua

chết, công tử Căn lấy đất Đông Chu làm phản, chia nước Chu làm hai.

5-5. Sở Thành Vương cho Thương Thần làm thái tử, nhưng rồi lại muốn lập công tử Chức. Thương Thần làm loạn, kết quả giết Thành vương.

Một thuyết khác. Sở Thành Vương lập Thương Thần làm thái tử, nhưng sau đó lại muốn lập công tử Chức. Thương Thần nghe vậy, nhưng chưa tin, bèn nói với thầy học là Phan Sùng: "Làm thế nào để biết chắc?". Phan Sùng nói: "Hãy mời Giang Vu dự tiệc mà không kính trọng ông ta". Thái tử làm như vậy Giang Vu nói: "Thực là đồ không ra gì! Nhà vua bỏ ông mà lập Chức là phải lắm!". Thương Thần nói với Phan Sùng: "Đúng rồi!".

Phan Sùng hỏi: "Ông có thể thờ anh ta không?". Đáp: "Không thể được". Hỏi: "Có thể trốn sang nước chư hầu không?". Đáp: "Không được". Hỏi: "Có thể làm việc lớn không?". Đáp: "Có thể làm được". Bèn lấy giáp binh ở trong nơi ở tấn công Thành Vương, Thành Vương xin được ăn chân gấu rồi chết, nhưng Thương Thần không cho, nên tự sát.

5-6. Hàn Khôi làm tướng quốc của Hàn Ai Hầu. Nghiêm Toại được nhà vua trọng. Hai người rất muốn hại nhau. Nghiêm Toại sai người đâm chết Hàn Khôi ở triều đình. Hàn Khôi chạy đến ôm lấy chân nhà vua, người giết đâm Hàn Khôi và đâm cả Ai Hầu chết.

5-7. Điền Hằng (tức Điền Thường) làm tướng quốc nước Tề. Hám Chi được Giản Công xem trọng. Hai người muốn giết nhau. Điền Hằng bèn hi hành chính sách ân huệ để lấy nước, cuối cùng giết Giản Công và đoạt lấy chính quyền.

5-8. Đái Hoan làm thái tể nước Tống. Hoàng Hỷ được nhà vua trọng. Hai người tranh nhau thờ vua và hại nhau. Hoàng Hỷ bèn giết vua nước Tống mà đoạt lấy chính quyền.

5-9. Hồ Đột nói: "Nhà vua yêu người trong cung thì thái tử nguy, nhà vua yêu người ở ngoài triều đình thì tướng quốc nguy".

5-10. Vua nước Trịnh hỏi Trịnh Chiêu: "Thái tử thế nào?" Trịnh Chiêu nói: "Thái tử chưa sinh". Nhà vua bảo: "Thái tử đã lập nhưng lại nói là chưa sinh là tại làm sao?". Thưa: "Tuy thái tử đã lập nhưng nhà vua còn hiếu sắc không thôi. Người được nhà vua yêu có con trai thì thế nào nhà vua cũng yêu đứa con trai đó. Cho nên thần nói: Thái tử chưa sinh".

6-1. Văn Vương cho Phí Trọng tiền và để cho anh ta ở cạnh vua Trụ, bảo anh ta can gián Trụ để làm rối loạn lòng nhà vua.

6-2. Vua nước Kinh cho người đi sứ sang nước Tần. Vua nước Tần tiếp đãi sứ giả rất lễ độ. Vua nước Tần nói: "Nước địch có người hiền là mối lo của nước mình. Nay sứ thần của nước Kinh rất hiền, quả nhân lo".

Quần thần thưa: "Hiền thánh như bệ hạ và nước lại giàu có như thế mà lại lo người hiền của nước Kinh. Tại sao bệ hạ không kết giao sâu sắc với ông ta và mua chuộc ông ta! Vua nước Kinh cho ông ta là theo nước ngoài thì thế nào cũng giết ông ta".

6-3. Trọng Ni cầm quyền ở nước Lỗ. Ngoài đường người không nhặt của rơi. Tề Cảnh Công lo lắng. Lê Thả nói với Cảnh Công: "Gạt bỏ Trọng Ni dễ như thổi cái lông thôi. Tại sao bệ hạ không lấy lộc hậu chức vụ cao để mời ông ta, đưa nữ nhạc đến cho vua nước Lỗ để làm cho bụng nhà vua thành kiêu ngạo và tự đắc? Công theo cái vui thích mới thế nào cũng lười biếng việc chính sự. Nhất định Trọng Ni sẽ can ngăn, nếu can ngăn thì thế nào cũng bị nước Lỗ bỏ rơi". Cảnh Công nói: "Phải đấy". Bèn sai Lê Thả đem hai đội nữ nhạc mỗi đội tám người sang biếu Ai Công. Ai Công thích nữ nhạc, quả nhiên lười việc chính sự. Trọng Ni can ngăn, nhà vua không nghe, Trọng Ni bỏ sang nước Sở.

6-4. Vua nước Sở bảo Can Tượng: "Ta muốn dùng nước Sở giúp Cam Mậu làm tướng quốc ở nước Tần có được không?". Can Tượng đáp: "Không được". Nhà vua hỏi: "Tại sao?". Đáp: "Cam Mậu lúc còn nhỏ học với Sử Cử tiên sinh. Sử Cử là người coi cửa thành Thượng Thái, trên không thờ vua, dưới không lo việc nhà, nổi tiếng hà khắc trong thiên hạ. Cam Mậu thờ thầy rất thuận, Huệ Vương sáng suốt,

Trong Nghi biện luận giỏi. Mậu thờ làm mười chức quan mà không bị tội, đó là cái hiền của Mậu".

Nhà vua nói: "Cử người làm tướng quốc nước địch mà lại chọn người tướng quốc giỏi, tại sao lại không được?". Can Tượng nói: "Trước đây, bệ hạ sai Thiệu Hoạt sang nước Việt, được năm năm mà làm cho nước Việt mất. Sở dĩ như vậy là vì nước Việt loạn mà nước Sở trị yên. Nay bệ hại lại quên dùng điều đó ở nước Tần, chẳng phải là bệ hạ quên cái quá nhanh đó sao?". Nhà vua nói: "Như thế thì nên làm như thế nào?". Can Tượng nói: "Không bằng cho Cộng Lập làm tướng quốc". Nhà vua hỏi:: "Tại sao lại có thể cho Cộng Lập làm tướng quốc?". Can Tượng đáp: "Cộng Lập lúc nhỏ được yêu quý nuông chiều, lớn lên làm quan khanh, mang áo có ngọc ngâm cỏ đỗ nhược, đeo vòng ngọc, nghe chính sự ở triều đình. Ông ta lại có lợi trong việc làm cho nước Tần có loạn".

6-5. Nước Ngô định đánh nước Kinh. Tử Tư khiến người phao tin ở nước Kinh rằng: "Nếu Tử Kỳ được dùng thì sẽ đánh nước Kinh còn nếu Tử Thường được dùng thì sẽ để yên". Người nước Kinh nghe vậy bèn dùng Tử Thường mà bỏ Tử Kỳ. Người Ngô đánh nước Kinh và thắng.

6-6. Tấn Hiến Công đánh nước Ngu và nước Quắc, bèn sai đem cỗ xe ngựa đất Khuất Sản và ngọc bích Thuỳ Cức, hai đội nữ nhạc mỗi đội tám

người để làm loạn ý nhà vua và làm loạn chính sự hai nước.

6-7. Thúc Hướng gièm pha Tràng Hoằng, giả vờ làm một bức thư của Tràng Hoằng gửi cho Thúc Hướng nói: "Xin ngài nói giúp tôi với vua Tấn rằng chuyện tôi với nhà vua giao ước làm đã đến lúc làm được. Tại sao nhà vua không gửi binh đến ngay?". Thúc Hướng giả vờ bỏ rơi bức thư ở sân chầu vua nhà Chu và vội vã ra về. Vua nhà Chu cho là Tràng Hoằng đã làm phản mình nên giết Tràng Hoằng.

6-8. Trịnh Hoàn Công muốn đánh nước Khoái. Trước đấy hỏi họ tên những người hào kiệt, những bầy tôi giỏi, những người biện luận sáng suốt, những người dũng cảm, chọn những đất tốt, ruộng tốt của nước Khoái để cho họ và chép trong một quyển sổ những chức tước sẽ dành cho họ. Sau đó ông lập một đàn tế ở ngoài cửa thành để chôn quyển sổ và lấy máu gà, máu lợn bôi lên trông như một tờ thề ước. Vua nước Khoái cho là nước mình có nạn bên trong nên giết hết những bầy tôi giỏi. Hoàn Công đánh và chiếm được nước Khoái.

6-9. Người lùn nước Tần chơi bời thân biết với vua nước Kinh, lại ngầm giao hảo với người chung quanh của vua nước Kinh. Bên trong anh ta được Huệ Văn Quân trọng. Nước Kinh bàn mưu gì anh ta cũng thường nghe trước và báo với Huệ Văn Quân.

6-10. Quan huyện lệnh đất nghiệp và Tương Từ ngầm giao hiếu với những người chung quanh

của vua nước Triệu. Vua nước Triệu bàn mưu đánh đất Nghiệp, Tương Từ biết tin báo trước cho vua Nguỵ biết. Vua Nguỵ lo phòng bị, nước Triệu lần nào cũng phải thôi việc đánh.

6-11. Thời Tự Vệ Quân có người ở chung quanh quan huyện lệnh. Quan huyện lệnh mở cái nệm ra thấy chiếc chiếu đã rách nát. Tự Quân sai người cho quan huyện lệnh một chiếc chiếu và bảo: "Ta nghe nói nhà ngươi hôm nay mở cái nệm ra thì chiếu đã rách tã, nên ta ban cho nhà ngươi chiếc chiếu". Quan huyện lệnh cả sợ cho nhà vua là thần.

QUYỂN XI

Thiên XXXII

Sưu tập những chuyện bên ngoài. Phần trên, đoạn trên[1] (Ngoại trữ thuyết, tả thượng)

I. Cái đạo của vị chúa sáng là như lời của Hữu Nhược trả lời Mật Tử. Bậc chúa ở đời khi nghe lời nói thì thích nó hùng biện, khi xem việc làm thì thích chuyện xa vời.

Cho nên cái đạo và lời nói năng của bầy tôi, của kẻ sĩ và dân chúng vu khoát và việc làm của họ cách xa việc đời. Thuyết này minh hoạ bằng chuyện Điền Cưu trả lời vua nước Kinh. Cho nên Mặc Tử

---

[1] Chương này trình bày trước hết phần *kinh* dưới hình thức những nguyên lý. Sau đó từng nguyên lý một sẽ được giải thích trong phần *truyện* ở dưới. Để tiện cho việc theo dõi, phần kinh được đánh số La Mã, phần truyện được đánh số Ả Rập. Như vậy, trong một phần kinh I chẳng hạn có nhiều phần truyện 1, 2, v.v...

làm con diều gỗ, người hát là Quý xây Vũ Cung. Phàm rượu thuốc và lời trung thì chỉ có một mình bậc vua sáng chúa thánh là có thể biết mà thôi.

II. Bậc vua chúa khi nghe nói nếu không lấy cái công dụng làm đích thì những người biện thuyết hay đưa ra cái thuyết mũi gai, ngựa trắng. Nếu không lấy cái chuẩn để mà cân nhắc thì những người bắn tên đều như Hậu Nghệ. Các vua chúa đối với các thuyết đều như vua nước Yên học đạo, và những kẻ nói giỏi đều như những người nước Trịnh tranh nhau về tuổi. Cho nên những lời nói nhỏ, khó xét, khó thấy thì không hợp với công việc. Vì vậy Quý Lương, Huệ Thi, Tống Kiên, Mặc Định đều là vẽ trên roi ngựa hết. Lời bàn tuy sâu xa, rộng lớn, nhưng không dùng được.

Cho nên các thuyết của Nguỵ Mâu, Chiêm Hà, Trần Biền, Trang Chu đều là như ma quỷ[2]. Đem ra làm thì trái lẽ, khó khăn, cứng nhắc, góc cạnh mà không nên công. Cho nên bọn Vụ Quang, Biện Tuỳ, Bảo Tiêu, Giới Tử Thôi, Điền Trọng đều là thứ bầu cứng[3]. Vả lại, Ngu Khanh làm cho người thợ mộc

---

[2] Câu này bản gốc viết là "uý, chấn, chiêm, xa" không có nghĩa gì hết. Theo Trần Kỳ Du, *Uý* đồng âm với *Nguỵ* là chỉ *Nguỵ Mâu*; *chấn* là *Trần* chỉ *Trần Biền* (Doãn Dương lại nói đó là Thận chỉ Thận Đáo; *Chiêm* là *Chiêm Hà*, người được Trang Tử khen "Chiêm Hà là người hiền"; *Xa* là *Trang* chỉ *Trang Chu*. Những người này đều thích nói chuyện quái lạ.

[3] Đây chỉ các người ở ẩn đều vô dụng như quả bầu đã khô.

đuổi lý nhưng nhà vẫn sụp; Phạm Thư làm cho người thợ cùng lẽ nhưng cái cung vẫn gãy. Cho nên muốn cho công việc có kết quả mà không nhằm vào cái đích thực tế thì không thể được.

III. Cùng làm việc với nhau thì chờ đợi ở nhau; nhưng khi tự mình làm thì công việc lại xong. Cho nên giữa cha với con có khi oán trách kêu ca, nhưng thuê người làm công thì lại cho họ ăn canh ngon. Thuyết này dựa vào chuyện Tấn Văn Công rêu rao trước và chuyện Câu Tiễn nói đến đài Như Hoàng.

Cho nên Tề Hoàn Công giấu điều giận đối với nước Thái mà lại đánh nước Sở, Ngô Khởi muốn sĩ tốt lành bệnh mà hút mủ vết thương. Vả lại, những bài phú ca ngợi các tiên vương, những chữ khắc trên chuông, trên vạc đều như dấu chân trên núi Phiên Ngô, như cuộc đánh cờ trên núi Hoa Sơn. Cái mà các tiên vương muốn là cái lợi, cái mà họ sử dụng đó là sức mạnh. Lời ngạn ngữ nói về cái đền xã bằng tre là cốt mưu lợi cho mình. Còn việc cứ nghe theo các học giả khen ngợi tán dương các tiên vương phải chăng là không thích hợp với thời nay? Nếu nói rằng không thể thay đổi được thì cũng như chuyện người ở Trịnh Huyện được cái ách xe, chuyện bà vợ của Bốc Tử may giống quần cũ, chuyện người trẻ hầu rượu người già vậy.

Trong các lời của các tiên vương có những lời họ cho là tầm thường nhưng đời sau cho là to lớn. Có cái họ cho là to lớn nhưng đời sau cho là tầm

thường. Điều đó không thể biết hết được. Thuyết này được chứng minh trong chuyện người nước Tống giải thích sách, và người nước Lương đọc sử ký. Cho nên trong lời của các tiên vương cũng có nhiều chuyện như bức thư đất Sinh nhưng đời sau thì lại có nhiều lời bàn tán như lối bàn tán của nước Yên. Nói chung, nếu không làm thích hợp với việc nước mà cứ lo theo các tiên vương thì cũng đều là loại người chạy về nhà để lấy cái đo chân vậy.

Cái lợi ở đâu thì dân theo về đấy. Cái danh ở đâu thì kẻ sĩ vì nó mà chịu chết. Vì vậy cho nên nếu thưởng cho cái công lao không nằm ở trong phép tắc thì người trên không thể được người dưới làm lợi cho mình. Khen cái danh tiếng ở ngoài phép tắc thì kẻ sĩ sẽ lo trau giồi danh tiếng của mình mà không lo phục vụ nhà vua.

Cho nên Trung Chương, Tư Dĩ được làm quan mà dân chúng Trung Mâu đến nửa ấp bỏ ruộng vườn để theo đuổi văn học. Tấn Bình Công bắp chân đau, chân tê không dám bỏ chỗ ngồi, mà những kẻ sĩ giỏi ăn nói theo đến nửa nước. Ba kẻ sĩ trên đây, nếu nói về chỗ thi hành pháp luật thì chỉ làm đúng chức quan, mà một khi làm đúng trách nhiệm thì họ chỉ là những người dân theo lệnh trên thôi. Thế nhưng hai ông vua lại đối xử với họ quá hậu. Còn nếu lời nói của họ rời khỏi phép tắc và việc làm của họ ở cách xa công lợi thì họ là những người dân ở ngoài ràng

buộc, hai vị vua kia tại sao còn lấy lễ đối xử với họ? Dùng lễ đối xử với họ là không phải.

Vả lại, những kẻ sĩ lo trau giồi cái học, khi nước nhà không có việc thì họ không dốc sức, khi nước nhà có việc thì họ không mang áo giáp. Dùng lễ đối xử với họ thì họ bỏ cái công việc cày ruộng và chiến đấu, không dùng lễ đối xử với họ thì họ làm hại tới phép tắc của nhà vua. Khi nước yên thì họ được tôn quý vinh hiển, khi nước nguy thì họ sợ hãi như Khuất Công. Bậc làm vua được lợi gì ở những kẻ sĩ trau dồi học vấn? Cho nên bậc vua sáng xét việc theo cách Lý Tỳ nhận định về nước Trung Sơn.

IV. *Kinh thi* nói: "Mình không noi theo, thứ dân không tin"[4]. Đây là nói chuyện vua chư hầu không nên mặc áo tía. Để chứng minh có chuyện Trịnh Giản Công, Tống Tương Công. Trách nhiệm nhà vua là đề cao việc cày bừa và chiến đấu. Nói chung, nếu không phân biệt rõ ràng các địa vị, không lấy kết quả mà đánh giá, mà chỉ tự mình nêu gương cho kẻ dưới thì cũng như xuống xe chạy bộ, ngủ trong khi đọc sách, và che quần áo rách. Khổng Khâu không biết cho nên nói nhà vua như cái chén. Vua nước Trâu không biết cho nên tự làm nhục mình trước. Cái đạo của bậc vua sáng là như Thúc Hướng ban lộc và như Hàn Chiêu Hầu không nghe lời thỉnh cầu.

---

[4] *Kinh thi*, Tiểu nhã, thiên Tiết Nam sơn.

V. Điều tín nhỏ giữ được thì điều tín lớn xác lập được. Cho nên vị vua sáng chứa chất chữ tín. Việc thưởng phạt không tin chắc thì các mệnh lệnh và những điều ngăn cấm không được thi hành. Thuyết này biểu hiện ở chỗ Tấn Văn Công đánh đất Nguyên và Cơ Trịnh cứu đói. Vì vậy cho nên Ngô Khởi đợi bạn cũ đến rồi mới ăn, Nguỵ Văn Hầu gặp người coi rừng về việc đi săn. Cho nên bậc vua sáng nêu cao chữ tín, cũng như Tăng Tử giết lợn. Cái lo là ở chỗ vua Lệ Vương đánh trống báo động và Lý Khôi lừa hai người canh cửa quan.

I-1. Mật Tử Tiện cai trị đất Đan Phụ. Hữu Nhược gặp ông ta hỏi: "Tại sao ông lại gầy gò như thế?". Mật Tử nói: "Nhà vua không biết Tiện này kém cỏi, cho cai trị đất Đan Phụ, việc quan gấp, bụng tôi lo lắng cho nên gầy gò". Hữu Nhược nói: "Ngày xưa vua Thuấn gảy đàn cầm năm dây, hát bài ca "Gió Nam" mà thiên hạ trị an, nay đất Đan Phụ nhỏ bé, mà cai trị nó lo lắng như thế thì làm sao mà cai trị thiên hạ được? Cho nên nếu có cái thuật để đối phó thì thân mình ngồi trên chốn miếu đường, có cái sắc thái của người trinh nữ, nhưng vẫn không hại gì tới việc trị an; nếu không có cái thuật để đối phó thì tuy có gầy gò tiều tuỵ cũng chẳng có ích gì!".

I-2. Vua nước Sở bảo Điền Cưu: "Mặc Tử là người học rộng, việc ông ta làm thì được, nhưng lời nói của ông ta thì nhiều mà lại không hùng biện là

tại làm sao?". Điều Cưu đáp: "Ngày xưa Tần Bá[5] gả con gái cho công tử nước Tấn, ra lệnh cho người nước Tấn tô điểm cho con gái mình, có bảy mươi nàng thiếp mặc áo gấm đi theo. Khi đến nước Tấn, người nước Tấn lại yêu những người thiếp mà coi thường con gái của Tần Bá. Như thế có thể nói là khéo gả những người thiếp nhưng chưa có thể nói là khéo gả con gái vậy".

Có người nước Sở đặt viên ngọc châu trong cái tủ, bán sang nước Trịnh. Anh ta lấy gỗ mộc lan làm tủ, đốt quế và hồ tiêu để xông, lấy châu và ngọc để buộc vào, lấy ngọc mai khôi để trang sức, lấy lông chim trả để lót. Người nước Trịnh mua cái tủ nhưng trả lại viên ngọc châu. Như thế có thể nói là khéo bán tủ nhưng chưa khéo bán ngọc vậy. Những người bàn luận ngày nay đều nói những lời hùng biện văn hoa, nhà vua thích cái văn hoa mà quên cái công dụng. Học thuyết của Mặc Tử lo truyền lại cái đạo của tiên vương, bàn về những lời nói của thánh nhân để dạy người ta. Nếu ông ta dùng lời lẽ hùng biện thì sợ người ta thích cái văn hoa mà bỏ quên mất cái thực chất, vì cái văn vẻ mà làm hại tới công dụng. Nếu làm thế thì cũng giống như người Sử bán ngọc châu. Tần Bá gả con gái. Cho nên lời của ông ta phần lớn không hùng biện".

---

[5] Tần Bá: Đây là chuyện Tần Mục Công gả con gái cho công tử Trùng Nhĩ sau này là Tấn Văn Công.

I-3. Mặc Tử làm con diều bằng gỗ, mất ba năm mới xong. Diều bay được một ngày thì hỏng. Học trò ông ta nói: "Thầy khéo léo đến nỗi có thể khiến con diều gỗ bay được". Mặc Tử nói: "Ta không khéo bằng kẻ làm cái trục xe. Dùng thanh gỗ dài một thước, làm không mất một buổi sáng mà có thể chở được ba mươi thạch, đi xa, sức chở nhiều, đi được nhiều năm. Nay ta làm con diều ba năm mới xong, bay được một ngày thì hỏng". Huệ Tử nghe vậy, nói: "Mặc Tử rất khéo. Khéo ở chỗ làm trục xe, vụng ở chỗ làm con diều".

I-4. Vua nước Tống thù nước Tề, xây Võ Cung. Người hát là Quý hát. Những người đi đường dừng lại xem, những người xây không biết mệt. Nhà vua nghe vậy gọi Quý đến thưởng, Quý đáp: "Thầy của thần là Xạ Kê hát còn hay hơn Quý". Nhà vua cho mời Xạ Kê đến, sai ông ta hát. Những người đi đường không dừng lại. Những người xây thấy mệt. Nhà vua nói: "Những người đi đường không dừng lại, những người xây cảm thấy mệt. Tại sao ông ta lại không hát hay bằng Quý?". Quý đáp: "Nhà vua cứ so sánh công của hai bên: Quý xây được bốn tấm, Xạ Kê xây được tám tấm. Còn nếu xét về mặt chắc thì năm tấc của Quý bằng hai tấc của Xạ Kê".

I-5. Phàm thuốc tốt thì đắng miệng, nhưng những người khôn thì lại thích và uống vì biết uống vào chữa được bệnh. Lời nói ngay nghe trái tai,

nhưng vị vua sáng vẫn nghe vì biết nó có thể đem đến kết quả.

II-1. Có người nước Tống xin chạm cho vua nước Yên một con khỉ cái ở trên đầu mũi gai, nhưng nhà vua phải trai giới ba tháng rồi mới xem. Vua nước Yên lấy lộc ba cỗ xe để nuôi anh ta. Người nấu bếp và người thợ đúc nhà vua nói[6]: "Thần nghe nói bậc làm vua không thể trai giới mười ngày mà không ăn một bữa tiệc. Nay hắn biết nhà vua không thể trai giới lâu để xem cái vật vô dụng, cho nên nêu ra thời hạn ba tháng. Nói chung, trong việc chạm thì đồ để chạm phải nhỏ hơn cái hình chạm. Nay thần là thợ đúc, không có cách nào đúc cái anh ta dùng để chạm, như thế tức là vật này không có được. Xin nhà vua xét". Nhà vua bèn giam người thợ chạm và hỏi, quả nhiên anh ta nói dối. Bèn giết anh ta. Người thợ đúc nói với nhà vua: "Tính kế mà không đo lường thì bọn kẻ sĩ bàn tán nhiều người cứ nói chuyện mũi gai".

Một thuyết khác: Vua nước Yên thích những vật nhỏ mà khéo léo. Người nước Vệ nói: "Tôi có thể chạm con khỉ cái trên đầu mũi gai". Vua Yên thích, lấy lộc năm cỗ xe để nuôi anh ta. Nhà vua nói: "Ta muốn xem con khỉ cái ông khách chạm trên mũi gai". Người khách nói: "Nhà vua muốn xem thì phải trai giới nửa năm không vào cung, không uống

[6] Nguyên văn là hai người, nhưng xét câu nói thì câu thứ nhất là của người nấu bếp, câu thứ hai là của người thợ đúc.

rượu, ăn thịt. Khi mưa tạnh, mặt trời mọc nhìn ở nơi có bóng râm thì mới có thể thấy con khỉ cái trên mũi gai". Vua Yên vì vậy nuôi người nước Vệ mà không thấy được con khỉ cái.

Có người thợ đúc nước Trịnh nói với vua Yên: "Thần làm cái để chạm. Những vật nhỏ thì phải có đồ chạm mà hình chạm thì phải lớn hơn cái đồ để chạm. Nay cái đầu mũi gai thì không thể chứa đựng được cái mũi dùi. Như thế nhà vua có thể biết ông khách có thể chạm được hay không". Nhà vua nói: "Phải đấy!". Hỏi người nước Vệ: "Ông khách dùng cái gì để chạm". Khách đáp: "Tôi lấy cái dùi". Nhà vua nói: "Ta muốn xem nó". Người khách nói: "Thần xin về nhà lấy". Nhân đấy bỏ trốn.

II-2. Nghệ Duyệt là người nước Tống, giỏi biện luận. Ông chủ trương thuyết "Con ngựa trắng không phải là con ngựa"[7] làm cho những người biện luận ở Tắc Hạ nước Tề đều phải phục. Nhưng ông ta cưỡi ngựa trắng đi qua cửa ải thì lại phải đóng thuế ngựa. Cho nên nếu như dùng lời nói suông thì có thể thắng được một nước, nhưng khi xét sự thực, nhìn hình dáng thì không thể lừa được một người!

II-3. Mài mũi tên sắc dương cung bắn, thì dù có nhắm mắt bắn bừa, cái mũi của nó vẫn có khi trúng sợi lông mùa thu. Thế nhưng không bắn đúng

[7] Vì con ngựa là khái niệm chung trừu tượng còn trong đời chỉ có con ngựa cụ thể màu trắng hay màu đen v.v... Do đó con ngựa trắng không phải là con ngựa khái niệm.

chỗ cũ lần thứ hai thì không thể gọi là người bắn giỏi. Vì không có cái đích có sẵn. Đặt cái đích năm tấc, cách xa mười bước, thì nếu không phải Hậu Nghệ, Bàng Mông ắt không thể bắn trúng mãi. Vì có cái đích có sẵn. Cho nên có tiêu chuẩn thì khó mà không có tiêu chuẩn thì dễ. Có cái đích có sẵn thì Hậu Nghệ, Bàng Mông cũng lấy việc bắn trúng cái đích năm tấc làm giỏi; không có cái đích có sẵn cứ bắn liều thì dù trúng sợi lông mùa thu cũng là vụng. Cho nên không có tiêu chuẩn để ứng phó thì các biện sĩ sẽ nói rườm rà. Đặt ra cái tiêu chuẩn và nắm lấy nó mà xét thì đến bậc trí giả cũng còn sợ sai lầm không dám nói liều.

Nay kẻ làm vua nghe lời biện thuyết mà không nắm lấy cái chuẩn để xét, chỉ thích cái tài biện luận mà không căn cứ vào công dụng, khen việc làm mà không xem có đúng tiêu chuẩn không. Điều đó khiến cho kẻ làm vua cứ bị lừa dối mãi, và những kẻ biện thuyết cứ được nuôi dưỡng mãi vậy.

II-4. Có người khách dạy cho vua nước Yên đạo bất tử. Nhà vua cho người đến học nhưng người sứ giả chưa kịp học thì người khách đã chết. Nhà vua cả giận, giết sứ giả. Nhà vua không biết người khách lừa mình, mà giết kẻ đến học chậm trễ. Ôi, tin cái việc không có mà giết bầy tôi vô tội! Vả lại, điều người ta lo lắng nhất không gì bằng thân mình. Không thể tự khiến cho mình không chết làm sao có thể khiến cho nhà vua sống mãi được?

II-5. Có những người nước Trịnh[8] tranh nhau về chỗ nhiều tuổi. Một người nói: "Ta cùng tuổi với Nghiêu". Một người nói: "Ta cùng tuổi với anh của Hoàng đế". Kiện nhau việc này nhưng không quyết định được. Người nào ngừng lại sau, người ấy thắng mà thôi.

II-6. Có người khách vẽ trên roi ngựa cho vua Chu. Ba năm mới xong. Nhà vua xem thì nó cũng như cây roi sơn. Vua Chu cả giận. Người vẽ roi nói: "Xây một bức tường cao mười bản, khoét một cửa sổ tám thước, lúc mặt trời mới mọc đặt nó trên tường mà xem". Vua Chu làm thế. Nhìn thấy hình trên cây roi đều thành rồng rắn, chim muông, xe ngựa, có đủ hình dáng muôn vật. Vua Chu rất mừng. Công vẽ cây roi này không phải không tinh vi và rất khó, nhưng công dụng của nó thì cũng như cây roi sơn thường.

II-7. Có người khách vẽ cho vua Tề. Vua Tề hỏi: "Vẽ cái gì khó nhất?". Người khách nói: "Vẽ chó, ngựa khó nhất". Hỏi: "Vẽ cái gì dễ nhất?". Thưa: "Vẽ ma quỷ dễ nhất. Phàm chó và ngựa mọi người đều biết, sớm tối đều thấy trước mắt không thể vẽ đại khái, cho nên khó. Còn ma quỷ là những vật vô hình, không thấy trước mắt cho nên dễ vẽ".

---

[8] Trong các chuyện ngụ ngôn, việc gì dành cho người ngu đều gán cho nước Trịnh.

II-8. Nước Tề có người ẩn sĩ tên là Điền Trọng. Khuất Cốc người nước Tống đến yết kiến nói: "Cốc này nghe nói cái nghĩa của tiên sinh là không nhờ cậy vào người ta để sống. Nay Cốc có quả bầu, bầu cứng như đá, chắc và không có chỗ trống, xin dâng cho thầy". Trọng nói: "Người ta chuộng bầu là vì nó có thể làm vật chứa đựng. Nay nó dày và không có chỗ trống thì không thể bổ ra để đựng đồ vật. Nó lại nặng và cứng như đá, thì không thể bổ ra để khoét. Ta không dùng bầu làm gì hết". Thưa: "Như vậy thì Cốc sẽ vứt bỏ nó". Nay Điền Trọng không sống nhờ người ta, cũng không có ích gì cho nước người ta thì cũng là một loại với quả bầu cứng vậy.

II-9. Ngu Khánh[9] làm nhà, bảo người thợ mộc: "Cái nhà cao quá!". Người thợ mộc đáp: "Đây là cái nhà mới, vữa còn ướt, cật còn tươi". Ngu Khánh nói: "Không phải. Vữa ướt thì nặng, cật tươi thì cong. Lấy cái cật tươi mà chịu cái vữa nặng thì nên làm thấp. Lâu ngày thì vữa khô mà cột khô. Vữa khô thì nhẹ, cột khô thì thẳng. Lấy cái cột thẳng mà chịu cái vữa nhẹ thì nhà sẽ càng cao". Người thợ mộc đuổi lý làm theo, nhưng cái nhà sập.

Có thuyết nói: Ngu Khánh sắp làm nhà. Người thợ mộc nói: "Gỗ tươi mà vữa ướt. Phàm gỗ tươi thì cong, vữa ướt thì nặng. Lấy cái cong chịu sức đè của

[9] Ngu Khanh và Phạm Thư đều là những biện sĩ nổi tiếng thời Chiến quốc, Sử ký có *Phạm Thư, Ngu Khanh liệt truyệt*. *Khánh* và *Khanh* xưa là đồng âm.

cái nặng thì ngày nay tuy xong nhưng để lâu sẽ sập". Ngu Khánh nói: "Gỗ khô thì thẳng, vữa khô thì nhẹ. Nay nếu gỗ và vữa khô thì ngày nó một thẳng và nhẹ. Tuy có lâu cũng không sập". Người thợ mộc đuối lý, làm như thế. Nhà làm xong được ít lâu quả nhiên sập.

Phạm Thư nói: "Cái cung mà gãy là phải vào lúc sắp xong, không phải vào lúc bắt đầu. Người làm cung trương cung lên để vào giá ba tuần rồi buộc dây vào, một ngày sau thì bắn. Như vậy là lúc đầu làm nhẹ mà lúc cuối làm mạnh. Như thế làm sao khỏi gãy". Phạm Thư nói: "Không phải. Bỏ vào giá một ngày rồi buộc dây, được ba tuần thì bắn. Như vậy là mạnh vào lúc đầu nhưng nhẹ vào lúc cuối!". Người thợ đuối lý, làm theo. Cái cung gãy.

Phạm Thư, Ngu Khánh đều ăn hơn về lối nói năng văn vẻ, hùng biện, nhưng lại trái với tình hình thực tế. Nhà vua thích mà không cấm cho nên hỏng việc. Phàm không tính cái công nước trị cường binh mà lại thích những lời hùng biện văn vẻ là gạt bỏ kẻ sĩ có thuật trị nước mà dùng bọn làm sập nhà gẫy cung vậy. Cho nên bậc làm vua trong việc trị nước đều không giỏi bằng người thợ làm nhà làm cung, và các kẻ sĩ đều bị bọn Phạm Thư, Ngu Khánh làm đuối lý. Lời nói suông là vô dụng nhưng lại thắng, sự việc thực tế cái đạo của nó không thay đổi nhưng lại thua. Các bậc làm vua chúa coi trọng lời biện

luận vô dụng, mà coi thường lời nói không thay đổi, cho nên cái loạn sinh ra.

Nay những người làm như Phạm Thư, Ngu Khánh không dứt, mà nhà vua lại cứ nghe không ngăn cấm, như vậy là coi trọng bọn làm sập nhà, gãy cung mà xem nhẹ những người biết cái thuật trị nước như bọn thợ làm nhà, làm cung vậy. Những người thợ làm nhà, làm cung không thể thi thố cái khéo léo của mình cho nên nhà sập, cung gãy. Những người biết trị nước không thi hành được cái thuật trị nước của mình cho nên nước loạn mà chúa nguy.

II-10. Trẻ con đùa nghịch với nhau lấy đất làm cơm, lấy bùn làm canh, lấy gỗ làm thịt. Nhưng chiều đến, thế nào cũng trở về nhà ăn cơm. Cơm đất, canh bùn có thể đùa để chơi, nhưng không thể dùng để ăn. Khen những điều truyền tụng từ thượng cổ, hùng biện mà không chắc chắn, nói chuyện nhân nghĩa của các tiên vương mà không biết sửa đổi nước, thì đó cũng đều là những điều có thể dùng để đùa chơi chứ không thể dùng để trị nước. Hâm mộ nhân nghĩa mà nước yếu và loạn đó là Tam Tấn[10], không hâm mộ mà nước mạnh và trị yên, đó là nước Tần. Thế nhưng nướcTần vẫn chưa làm đế được là vì cách cai trị của nó chưa trọn vẹn.

---

[10] Ba nước Hàn, Triệu, Ngụy vào thời Xuân thu trước đều thuộc vào nước Tấn, đến đầu Chiến quốc mới tách làm ba, cho nên gọi chung là Tam Tấn.

III-1. Con người khi còn nhỏ nếu cha mẹ nuôi nấng qua loa, thì khi lớn lên sẽ oán cha mẹ. Đứa con lớn lên phụng dưỡng cha mẹ kém thì cha mẹ giận và mắng nhiếc con. Cha với con là chỗ thân thiết nhất mà còn oán trách nhau, đó đều là vì lo cho nhau không chu đáo như lo cho chính mình. Mượn người làm thuê gieo mạ và cày ruộng cho mình thì ông chủ chịu mất tiền để cho họ ăn ngon, đưa ra tiền và vải để đổi lấy công. Đó không phải là vì yêu người làm thuê, mà vì nói: "Làm như thế thì người cày sẽ cày sâu và bừa kỹ". Người làm công dốc sức mình lo việc cày bừa, trổ hết tài sửa bờ đất và bờ ruộng, không phải là vì yêu ông chủ. Anh ta nói: "Có thế thì canh sẽ ngon, tiền và vải sẽ lấy dễ hơn". Như vậy, trong việc ra công sức nuôi dưỡng nhau lại có cái ơn như cha con, bụng lo cho kết quả, nhưng đều vì cái lợi của chính mình.

Cho nên con người làm việc cho và tặng nếu như bụng nghĩ đến việc làm lợi cho người ta thì dù là người nước Việt cũng dễ hoà hợp, còn nếu bụng nghĩ đến việc làm hại cho người ta thì dù cha con cũng cứ chia lìa và oán trách nhau.

III-2. Tấn Văn Công đánh nước Tống, nhưng trước đó rêu rao: "Ta nghe nói vua Tống vô đạo, khinh miệt và làm nhục bậc trưởng lão, chia của cải không đúng, mệnh lệnh, giáo hoá không tin. Ta đến đây vì dân mà trị tội ông ta".

III-3. Nước Việt đánh nước Ngô, nhưng trước đó rêu rao: "Ta nghe vua Ngô xây đài Như Hoàng, đào ao sâu, làm trăm họ mệt mỏi khổ cực, làm kiệt hết của cải, khiến dân kiệt sức. Ta đến đây vì trăm họ trị tội ông ta".

III-4. Con gái vua nước Thái được gả cho Tề Hoàn Công làm vợ. Hoàn Công cùng phu nhân chơi thuyền. Phu nhân làm cái thuyền chòng chành. Hoàn Công cả sợ, ngăn cấm nhưng phu nhân vẫn không thôi. Hoàn Công giận đuổi về nước, nhưng sau đó lại mời về. Nước Thái lại gả chồng rồi. Hoàn Công cả giận định đánh nước Thái. Trọng phụ (Quản Trọng) can: "Việc đùa cợt nơi giường chiếu không đủ để đánh nước người ta. Làm thế không thể mong làm nghiệp bá được, xin đừng tính đến chuyện đó nữa".

Hoàn Công không nghe. Trọng phụ nói: "Nếu không thể không đánh, thì đã ba năm nay nước Sở không nộp cỏ thanh mao cho thiên tử, không bằng bệ hạ cất quân vì thiên tử phạt nước Sở. Nước Sở phục theo rồi, nhân đấy quay về đánh úp nước Thái", nói: "Ta vì thiên tử đánh nước Sở, mà nước Thái không đem binh theo lệnh ta, nhân đó diệt nó đi. Làm như thế thì có được cái tiếng là làm việc nghĩa mà lại có cái lợi thực tế. Cho nên vừa có được cái tiếng là vì thiên tử mà trừng phạt, lại có được cái thực là trả được thù".

III-5. Ngô Khởi làm tướng nước Ngụy đánh nước Trung Sơn. Trong quân có người bị bệnh mụt. Ngô Khởi quỳ xuống tự mình hút mủ. Mẹ người bị bệnh liền khóc. Có người hỏi bà ta: "Tướng quân đối với con bà như thế còn khóc cái gì nữa?". Thưa: "Ngô Khởi hút mủ cho vết thương của cha nó mà cha nó chết. Nay con tôi lại sẽ chết. Tôi vì thế mà khóc".

III-6. Triệu Chủ Phụ sai thợ dùng thang có móc leo lên núi Phiên Ngô, khắc dấu chân người trên núi, bề ngang ba thước, bề dài năm thước, và khắc mấy chữ: "Chủ Phụ thường chơi ở đây".

III-7. Tần Chiêu Vương sai thợ dùng thang có móc leo lên núi Hoạ Sơn, lấy lõi cây tùng, cây bách làm bàn cờ vây, thẻ dài tám thước, con cờ dài tám tấc, và khắc: "Chiêu Vương thường cùng các thiên thần chơi cờ ở đây".

III-8. Tấn Văn Công trở về nước, đi qua sông Hoàng Hà, sai ném chén tre, vứt bỏ những chiếu nệm, cho những người tay chân chai sạn, mặt mày đen đủi được lui. Cữu Phạm nghe vậy đang đêm khóc. Công nói: "Quả nhân chạy trốn ra nước ngoài hai mươi năm, nay được về nước, Cữu Phạm nghe tin không mừng lại khóc, phải chăng không muốn quả nhân về nước sao?". Cữu Phạm đáp: "Chén bát bằng tre là để đựng thức ăn, chiếu nệm là để mà nằm, nay nhà vua vứt bỏ. Những người chân tay chai sạn, mặt mày đen đủi, là những người vất vả và có

công. Thế mà nhà vua cho lui. Lòng tôi không xiết buồn bã cho nên khóc. Vả lại, thần đã vì nhà vua làm nhiều điều dối trá để cho nhà vua trở về nước, chính thần còn tự ghét mình huống gì nhà vua?".

Cữu Phạm lạy hai lạy để ra đi, Văn Công ngăn lại mà rằng: "Tục ngữ có câu "Kẻ xây đền xã thì xắn áo để xây, nhưng đội mũ ngay ngắn để tế". Nay ông cùng ta lấy được nước mà lại không cùng ta trị nước, ông cùng ta xây đền xã mà không cùng ta tế thần thì sao được?". Bèn tháo con ngựa ở bên trái cỗ xe, ăn thề ở sông Hoàng Hà.

III-9. Có người huyện Trịnh là Bốc Tử, sai vợ may quần. Vợ hỏi: "May quần như thế nào?". Người chồng nói: "Giống như cái quần cũ của tôi". Người vợ bèn làm hỏng cái quần mới để cho nó giống như cái quần cũ.

III-10. Có người huyện Trịnh được cái ách xe nhưng không biết là cái gì, anh ta hỏi người ta. Người kia đáp: "Đó là cái ách xe". Lát sau được một cái ách xe, anh ta hỏi người ta: "Cái này là cái gì?". Người kia đáp: "Đó là cái ách xe". Người hỏi cả giận nói: "Hồi nãy nói là cái ách xe, bây giờ lại nói là cái ách xe, ách xe gì mà nhiều thế? Đây là mày lừa tao". Bèn đánh nhau với người kia.

III-11. Có người nước Vệ bắn tên có buộc dây. Chim đến, anh ta bèn trước đó lấy cuộn dây vẫy con chim. Chim hoảng sợ nhưng anh ta không bắn.

III-12. Có người ở huyện Trịnh là Bốc Tử. Vợ ra chợ mua một con rùa đem về, đi qua sông Dĩnh Thuỷ, chị vợ cho là rùa khát nước, nên thả cho nó uống nước. Kết quả mất con rùa.

III-13. Có người trẻ hầu rượu người lớn tuổi. Người lớn tuổi uống, anh ta cũng tự mình uống[11].

Có thuyết nói: Có người nước Lỗ hay bắt chước. Thấy người lớn tuổi uống rượu không hết nên nhổ ra, anh ta cũng bắt chước nhổ ra. Có thuyết nói: Có người nước Tống trẻ tuổi muốn học khôn, thấy người lớn tuổi uống hết nhẵn, tuy anh ta không thể uống cạn cũng muốn uống hết nhẵn.

III-14. Sách nói: Buộc dây đai, buộc dây nịt". Có người nước Tống đọc sách nhân thế lấy hai dây đai buộc vào mình. Người ta hỏi: "Sao lại làm thế?". Anh ta đáp: "Vì sách nói, cho nên làm thế".

III-15. Sách nói: "Đã giồi, đã mài lại quay trở về sự mộc mạc". Nước Lương có người đọc, trong việc cử động, làm lụng, nói năng đều muốn làm hệt như sách. Ngày ngày anh ta trau dồi như vậy cho nên bỏ mất cái chân thực. Người ta hỏi: "Tại sao làm thế?". Anh ta đáp: "Vì sách nói nên làm thế".

III-16. Có người đất Sinh viết thư cho vị tướng quốc nước Yên. Thư viết ban đêm, ngọn lửa không sáng, nên bảo người cầm đuốc: "Giơ cây đuốc lên".

---

[11] *Khúc lễ*: Kẻ lớn uống rượu chưa xong, người nhỏ không dám uống.

Miệng nói rồi viết lầm vào thư "Giơ cây đuốc lên" nhưng trong bức thư không có cái ý giơ đuốc. Vị tướng quốc nước Yên nhận bức thư vui lòng, nói "Giơ đuốc lên, tức là chuộng cái sáng, chuộng cái sáng, tức là tiến cử người hiền và dùng họ!". Viên tướng quốc nước Yên trình bày với nhà vua, nhà vua cả mừng. Nước nhờ thế mà trị an. Nước trị an thì có trị an, nhưng đó không phải là cái ý của bức thư. Các học giả ngày nay nhiều người là thuộc loại ấy.

III-17. Có người nước Trịnh mua giày. Trước đó anh ta đo chân mình rồi để cái đo ở bên chỗ ngồi. Anh ta ra chợ quên mang nó theo. Khi đã tìm được đôi giày, anh ta lại nói: "Tôi quên mất cái đo". Chạy về nhà lấy. Khi quay trở về chợ thì chợ đã tan, cho nên không mua được giày nữa. Có người hỏi: "Tại sao không lấy chân mà thử?". Anh ta nói: "Thà tin vào cái đo còn hơn là tin vào chính mình".

IV-1. Vương Đăng làm quan lệnh ở đất Trung Mâu, thưa với Tương Chủ: "Đất Trung Mâu có hai kẻ sĩ là Trung Chương và Tư Dĩ, trau dồi thân mình rất tốt, học rất rộng. Tại sao ngài không dùng họ?". Tương Chủ nói: "Nhà ngươi đến gặp họ, ta sẽ cho họ làm trung đại phu".

Viên tướng quốc can: "Chức trung đại phu là chức quan to của nước Tấn. Nay họ không có công mà được làm, đó không phải là nguyên tắc dùng bầy tôi của nước Tấn. Ngài chỉ nghe mà chưa nhìn thấy họ có phải không?". Tương Chủ nói: "Ta dùng

Vương Đăng là cũng nghe nói rồi mới gặp. Người ông ta chọn cũng nghe rồi mới gặp. Vì thế những người tai mắt không bao giờ hết".

Vương Đăng một ngày gặp hai ông trung đại phu, cấp cho họ ruộng và nhà. Những người đất Trung Mâu bỏ cày bừa, chạy theo văn học đến nửa ấp.

IV-2. Thúc Hướng ngồi cạnh Bình Công trình bày công việc. Công đau bắp chân, chân mỏi, nhưng chỉ xoay gân bắp mà không dám bỏ chỗ ngồi. Người nước Tấn nghe vậy, đều nói: "Thúc Hướng là người hiền, Bình Công lấy lễ đối đãi với ông ta, chuyển gân bắp mà không dám bỏ chỗ ngồi". Những người nước Tấn từ bỏ chức quan mộ theo Thúc Hướng đến một nửa.

IV-3. Huyện Trịnh có anh chàng Khuất Công, nghe có giặc sợ mà chết, cơn sợ hết lại sống.

IV-4. Triệu Chủ Phụ sai Lý Tỳ xem nước Trung Sơn có thể đánh được không. Tỳ quay trở về báo: "Có thể đánh Trung Sơn được. Nhà vua không đánh ngay thì sẽ ở sau nước Tề, nước Yên". Chủ Phụ nói: "Tại sao lại có thể đánh được?". Lý Tỳ đáp: "Ông vua nước ấy thích kẻ sĩ trong hang động. Ông ta nghiêng lọng, ngồi chung xe với họ để thăm những kẻ sĩ trong hang cùng ngõ hẻm đến hàng chục lần, giữ lễ đối với những kẻ sĩ áo vải hàng trăm lần". Nhà vua nói: "Theo như lời ông nói thì đó là ông vua hiền, làm thế nào có thể đánh được?". Tỳ

đáp: "Không phải thế. Phàm thích những kẻ sĩ ở trong hang động mà mời họ đến triều đình thì chiến sĩ sẽ lười biếng ở nơi hàng trận. Bề trên tôn quý các học giả, những kẻ sĩ được chiếu cố đến ở trong triều thì những người cày sẽ lười biếng ở đồng ruộng. Chiến sĩ lười biếng ở nơi trận mạc, thì binh yếu. Người cày lười ở đồng ruộng thì nước nghèo. Quân yếu trong việc đối phó với địch, nước nghèo ở bên trong mà lại không mất là chuyện chưa hề có. Đánh nó chẳng phải là đúng sao?". Chủ Phụ nói "Hay".

Cất quân đánh Trung Sơn, bèn diệt nước ấy.

V-1. Tề Hoàn Công thích mặc màu tía, cả nước đều mặc màu tía. Năm tấm vải trắng không đắt bằng một tấm vải tía. Hoàn Công lấy làm lo, bảo Quản Trọng: "Quả nhân thích mặc đồ tía. Đồ tía đắt quá. Cả nước trăm họ đều thích mặc đồ tía không thôi. Quả nhân nên làm như thế nào?". Quản Trọng nói: "Tại sao bệ hạ không thử không mặc đồ tía, và nói với những người chung quanh ta rất ghét màu tía xấu. Ngay đó những người chung quanh có người dâng áo màu tía, bệ hạ cứ nói: "Lui đi, ta rất ghét màu tía xấu". Hoàn Công nói: "Phải đấy".

Trong ngày hôm ấy, trong những người hầu không ai mặc màu tía. Sang ngày hôm sau, trong cả nước không ai mặc màu tía. Trong ba ngày trong biên giới không ai mặc màu tía nữa.

Một thuyết khác. Vua nước Tề thích mặc màu tía, người nước Tề cũng đều thích. Trong nước Tề năm tấm vải trắng giá không bằng một tấm vải tía.

Vua nước Tề lo màu tía đắt. Quan thái phó nói với nhà vua: "*Kinh thi* nói: Mình không noi theo, thứ dân không tin". Nay nhà vua muốn dân không mặc màu tía, thì nhà vua cứ bỏ áo màu tía để ra triều. Các quan người nào mặc đồ tía tiến đến gần thì nói: "Đứng xa ra, quả nhân ghét màu xấu". Ngày hôm ấy, trong cung không ai mặc đồ tía; tháng ấy, trong nước không ai mặc đồ tía; năm ấy, trong biên giới không ai mặc đồ tía.

V-2. Trịnh Giản Công bảo Tử Sản: "Nước Trịnh nhỏ bị ép giữa nước Kinh và nước Tấn. Nay thành quách không dựng xong, binh giáp không đầy đủ, không thể đối phó với chuyện không hay". Tử Sản nói: "Thần đóng cái cửa ngoài đã xa rồi, lại giữ cái bên trong đã chắc rồi. Tuy nước nhỏ cũng không bị nguy. Xin bệ hạ chớ lo". Nhờ vậy suốt đời Giản Công không phải lo lắng.

V-3. Tử Sản làm tướng quốc nước Trịnh. Giản Công bảo Tử Sản: "Uống rượu không vui, đồ để tế không lớn, chuông trống, đàn sáo không kêu, đó là cái tội của quả nhân. Nếu nước nhà không ổn định, trăm họ không trị an, việc cày và chiến đấu không chu đáo, đó là cái tội của ông. Ông có chức phận, quả nhân cũng có chức phận".

Tử Sản lui ra lo việc chính trị năm năm. Nước không có giặc cướp, ngoài đường không nhặt của rơi, đào, táo rợp bóng bên đường không ai trèo. Cái dùi, con dao rơi ngoài đường trong ba ngày có thể trả lại cho chủ. Ba năm mất mùa, dân chúng không có sắc đói.

V-4. Tống Tương Công cùng quân Sở đánh nhau ở Trạc Cốc. Quân Tống đã dàn thành hàng ngũ, nhưng quân Sở còn chưa vượt qua sông. Quan Hữu tư mã là Cấu Cường chạy đến nói với nhà vua: "Người Sở thì đông mà người Tống thì ít. Xin để cho quân Sở qua sông một nửa, chưa thành hàng ngũ mà đánh nó thì thế nào cũng đánh bại". Tương Công đáp: "Quả nhân nghe người quân tử nói: Không đâm người đã bị thương một lần, không bắt người có hai thứ tóc, không đẩy người ta vào chỗ hiểm, không bức người ta ở chỗ nguy, không đánh người ta khi người ta chưa thành hàng ngũ. Nay quân Sở chưa qua sông mà ta lại đánh nó, thì có hại đến nghĩa. Hãy để cho quân Sở qua sông hết, lập thành trận rồi sẽ đánh trống giục binh sĩ tiến lên". Quan Hữu tư mã nói: "Bệ hạ không thương dân Tống, trong bụng không yên, chỉ có lo đến nghĩa mà thôi". Công nói: "Nhà ngươi không quay trở về hàng ngũ thì ta thi hành quân pháp".

Hữu tư mã trở về hàng ngũ. Quân Sở đã xếp thành hàng, bày trận, Tống Tương Công mới đánh trống tiến công. Quân Tống thua to. Tương Công bị

thương ở đùi, ba ngày sau thì chết. Đó là cái hoạ tự mình làm theo nhân nghĩa.

Ôi! Nếu như cứ phải đợi các vua chúa tự mình làm gương rồi sau đó dân chúng mới nghe theo thì phải để cho bậc vua chúa cày để ăn, mang khí giới sắp hàng nơi chiến trận rồi dân mới chịu đi cày và đánh giặc. Như vậy thì ông vua chẳng phải quá nguy mà các bầy tôi chẳng phải quá yên sao?

V-5. Tề Cảnh Công đi chơi ở Thiếu Hải. Một kỵ sĩ từ trong nước đến yết kiến nói: "Cụ Anh đau nặng, sắp chết. Sợ nhà vua về không kịp"[12]. Cảnh Công đứng dậy ngay. Một kỹ sĩ báo tin khác lại đến. Cảnh Công nói: "Hãy nhanh nhanh thắng cỗ xe Phiền Thả, sai Hàn Khu đánh xe". Đi được vài trăm bước, cho rằng người đánh xe cho xe chạy không nhanh, giật lấy dây cương để đánh xe. Đánh xe được vài trăm bước, cho rằng ngựa không tiến lên, bỏ xe chạy bộ. Cho cỗ xe ngựa tốt như Phiền Thả, người đánh xe ngựa giỏi như Hàn Khu mà còn không nhanh bằng chạy bộ.

V-6. Nguỵ Chiêu Hầu muốn làm công việc của các quan lại, bảo Mạnh Thường Quân: "Quả nhân muốn làm việc các quan". Mạnh Thường Quân nói: "Nhà vua muốn làm công việc của các quan thì tại sao lại không thử đọc luật pháp?". Chiêu Vương đọc

[12] Tướng quốc nước Tề tên là Án Anh.

luật pháp được trên mười thẻ tre thì ngủ gục. Nhà vua nói: "Quả nhân không thể đọc thứ luật pháp này!".

Ôi! Không tự mình nắm lấy cái quyền bính mà lại muốn làm những điều bầy tôi phải làm thì ngủ gục chẳng phải là đúng sao?

V-7. Khổng Tử nói: "Kẻ làm vua cũng như cái chén, dân cũng như nước. Cái chén vuông thì nước vuông, cái chén tròn thì nước tròn".

V-8. Vua nước Trâu thích mang dây mũ dài. Những người chung quanh đều mang dây mũ dài. Dây mũ rất đắt.Vua nước Trâu lo. Những người chung quanh nói: "Nhà vua thích đeo, trăm họ nhiều người đeo, cho nên đắt".

Nhà vua nhân đó tự mình cắt cái dải mũ trước tiên rồi đi ra. Những người trong nước đều không mang dải mũ dài. Nhà vua không thể ra lệnh về cách ăn mặc của trăm họ để cấm họ để dải mũ dài, nên cắt dải mũ để làm gương cho dân. Như vậy là tự mình chịu nhục trước để trị dân vậy.

V-9. Thúc Hướng ban lộc, kẻ có công nhiều thì được lộc nhiều, kẻ có công ít thì được lộc ít.

V-10. Hàn Chiêu Hầu bảo Thân Tử: "Pháp độ thật không dễ thi hành". Thân Tử nói: "Pháp luật là thấy có công mới thưởng, tuỳ theo tài năng mà trao quan chức. Nay nhà vua đặt ra phép tắc, chế độ, nhưng lại nghe theo những lời cầu xin của những người chung quanh, cho nên khó thi hành pháp

luật". Hàn Chiêu Hầu nói: "Từ nay trở đi ta biết thi hành pháp luật rồi. Quả nhân không nghe lời cầu xin nữa".

Một hôm Thân Tử xin cho người anh họ được làm quan. Chiêu Hầu nói: "Điều đó không phải là điều ta học ở ông. Ta nên nghe theo lời xin của ông mà bỏ cái đạo của ông hay là không nghe theo lời cầu xin của ông?". Thân Tử lui về nhà xưng tội.

VI-1. Tấn Văn Công đánh đất Nguyên, mang lương mười ngày. Rồi hẹn kỳ hạn với các quan đại phu là mười ngày. Đến đất Nguyên mười ngày mà không hạ được. Tấn Văn Công đánh chiêng rút lui, bãi binh về. Có kẻ sĩ từ trong thành Nguyên ra nói: "Thành Nguyên lương cạn, sức hết, ngài hãy đợi". Công nói: "Ta đã hẹn với quân sĩ là mười ngày, nếu không rút lui thì bỏ mất chữ tín của ta. Được thành Nguyên nhưng bỏ mất chữ tín thì ta không làm". Bèn bãi binh rút lui.

Người thành Nguyên nghe vậy, nói:"Có vị vua giữ chữ tín như vậy, lẽ nào lại không theo về?". Bèn hàng theo Công. Người nước Vệ nghe vậy, nói: "Có vị vua giữ chữ tín như vậy, lẽ nào lại không theo?". Bèn theo hàng Công. Khổng Tử nghe vậy ghi lại như sau: "Đánh thành Nguyên mà được nước Vệ là nhờ chữ tín".

VI-2. Tấn Văn Công hỏi Cơ Trịnh: "Cứu đói bằng cách gì?". Thưa: "Bằng chữ tín". Công hỏi: "Tin cái gì?". Thưa: "Tin cái danh. Tin cái danh thì

các bầy tôi giữ chức vụ, người thiện kẻ ác không giẫm lên nhau, trăm việc không trễ nải. Tin sự việc thì không bỏ mất thiên thời, trăm họ không vượt địa vị của mình. Tin cái nghĩa thì người gần thân với mình được khuyến khích và cố gắng và người xa sẽ theo mình".

VI-3. Ngô Khởi đi ra, gặp người quen cũ, mời người kia về ăn cơm. Người bạn cũ nói: "Vâng ạ, tôi sẽ về ăn". Ngô Khởi nói: "Tôi đợi ông về sẽ ăn". Người bạn cũ đến tối không lại, Khởi không ăn, vẫn đợi. Sáng ngày hôm sau tìm người quen. Người quen đến, Khởi mới cùng ăn với ông ta.

VI-4. Nguỵ Văn Hầu hẹn đi săn với quan coi rừng. Ngày hôm sau, gặp trời gió to. Những người chung quanh ngăn. Nguỵ Văn Hầu không nghe, nói: "Không được. Vì gió to mà thất tín thì ta không làm". Bèn tự mình cưỡi xe đi ra, xông pha mưa gió, bỏ cuộc đi săn với người coi rừng.

VI-5. Vợ Tăng Tử đi chợ. Đứa con theo sau khóc. Bà mẹ nói: "Mày về, khi về mẹ giết lợn cho con ăn". Bà vợ đi chợ về, Tăng Tử muốn bắt lợn giết. Bà vợ can lại và nói: "Chỉ là đùa chơi với con trẻ thôi". Tăng Tử nói: "Với trẻ con không có nói đùa. Trẻ con không biết gì, cứ học theo cha mẹ. Nó nghe theo lời cha mẹ dạy. Nay bà lừa nó, thế là dạy cho con lừa. Mẹ lừa con, con mà không tin mẹ, đó không phải là cách dạy con". Bèn nấu con lợn.

VI-6. Sở Lệ Vương có tin tức nguy cấp thì làm cái trống để cùng trăm họ gìn giữ. Vua uống rượu say, gõ nhầm vào trống. Dân chúng cả kinh, vua khiến người ngăn cản. Nói: "Ta say chơi với những người chung quanh, nhỡ đánh trống". Dân đều rút lui. Được vài tháng, có điều nguy cấp, đánh trống, nhưng dân chúng không chạy đến. Vua bèn thay đổi hiệu lệnh làm sáng tỏ hiệu lệnh thì dân mới tin theo.

VI-7. Lý Khôi dặn hai người ở hai bên: "Cẩn thận coi chừng quân địch, sớm tối chúng sẽ đến đánh các ngươi". Nói như thế hai ba lần mà quân địch cũng không đến. Hai người hai bên đâm lười biếng, không tin Lý Khôi. Được vài tháng, quân Tần đến đánh úp, suýt nữa cướp được cả đạo quân. Mối lo của việc không tin là như thế.

Một thuyết nói: Lý Khôi đánh nhau với quân Tần, nói với những người chung quanh: "Leo lên nhanh, phía bên phải đã leo lên rồi!". Lại ruổi ngựa đến nói với những người bên phải: "Bên trái người ta đã leo lên rồi!". Những người canh cửa bên trái và bên phải đều tranh nhau leo lên. Năm sau, ông cùng quân Tần đánh nhau. Quân Tần đánh úp, suýt nữa cướp toàn quân. Mối lo của việc không giữ chữ tín là như thế đấy.

VI-8. Có những người kiện nhau. Tử Sản tách hỏi riêng ra, không cho họ nói với nhau, đảo ngược lời nói của người này đem nói với người kia và biết sự thực.

VI-9. Vệ Tự Quân sai người đi qua cửa ải. Người coi cửa ải gây khó dễ với anh ta, anh ta dùng vàng để cho người giữ cửa. Tự Quân bảo người giữ cửa: "Giờ nào đó, có người khách đi qua cho nhà ngươi vàng. Ngươi mới cho anh ta đi". Người coi cửa ải cả sợ, cho Tự Quân là người xét đoán sáng suốt.

QUYỂN XII

Thiên XXXIII

Sưu tập những chuyện bên ngoài - Phần trên, đoạn dưới (Ngoại trữ thuyết, tả hạ)

I. Bị hình phạt vì có tội, thì người ta không oán người trên cho nên người bị cắt gót chân cứu Tử Cao. Được thưởng vì có công thì bầy tôi không cảm cái đức của nhà vua, cho nên Địch Hoàng nắm cái khế ước mà ngồi trên xe. Tương Vương không biết điều đó cho nên Chiêu Mão được năm cỗ xe mà coi như chiếc giày cỏ. Ở trên không bổ nhiệm bừa thì bầy tôi không giả vờ có tài năng cho nên bầy tôi sẽ không kém Thiếu Thất Chu.

II. Cậy cái thế chứ không cậy chữ tín, cho nên Đông Quách Nha bàn về Quản Trọng. Cậy vào thuật mà không cậy vào lòng tin cho nên Hồn Hiên chế Tấn Văn Công. Cho nên vua chúa có thuật thì thưởng chắc chắn để người ta đưa hết khả năng, phạt

thì dứt khoát để cấm việc gian tà, tuy có hành động bác tạp vị chúa vẫn nắm được cái lợi của mình. Giản Công cho Dương Hổ làm tướng quốc, Lỗ Ai Công hỏi về một chân là chứng minh điều đó.

III. Bỏ mất cái lẽ vua tôi thì Văn Vương tự mình buộc dây giày mà tô vẽ cái sai. Không thay đổi cách đối xử ở triều đình và ở nhà riêng thì Quý Tôn suốt đời trang trọng nhưng lại gặp giặc.

IV. Kiếm lợi trong những điều cấm đoán, cấm đoán những điều có lợi thì đến thần cũng không làm được. Khen kẻ có tội, chê kẻ có công thì đến Nghiêu cũng không trị nước được. Làm cái cửa mà không cho người ta vào, bày cái lợi ra mà không cho người ta hưởng, thì cái loạn sẽ vì thế mà sinh ra. Tề Hầu không nghe những người chung quanh, vua Nguỵ không nghe những người khen mà xét bầy tôi một cách sáng suốt thì Cự không phải mất vàng vòng, Sằn không phải dâng ngọc bích. Chuyện Tây Môn Báo xin cai trị lại đất Nghiệp đủ để chứng minh điều đó. Điều đó cũng như đứa con tên ăn trộm khoe cái áo cầu và đứa con người bị chặt chân khoe cái áo. Tử Xước tay trái vẽ vòng tròn, tay phải vẹ hình vuông; lấy thịt đuổi kiến, lấy cá đuổi ruồi, thì làm sao tránh được mối lo của Tề Hoàn Công về việc chọn quan lại và mối lo của Tuyên Vương về chỗ ngựa gầy?

V. Nếu bọn bầy tôi sống thấp hèn và tiết kiệm thì tước lộc không đủ để khen thưởng họ. Nếu cấp

ân sủng và vinh quang không có chừng mực thì bầy tôi ở dưới sẽ bức bách nhà vua. Chuyện Miêu Bôn Hoàng chê Vu Hiến Bá. Khổng Tử nhận định về Án Anh chứng tỏ điều đó. Cho nên Trọng Ni bàn luận về chỗ Quản Trọng và Tôn Thúc Ngao dung mạo thay đổi khi ra khỏi nước và về nước, Dương Hổ nói về việc tiến cử bầy tôi. Triệu Giản Chủ nhận xét về bầy tôi là bỏ mất cái thuật của người chủ. Bè đảng phụ hoạ nhau, bầy tôi ở dưới được thoả sở thích thì nhà vua bị cô độc. Bầy tôi tiến cử theo công tâm, trên dưới hoà hợp, thì nhà vua sáng suốt. Dương Hổ cũng có thể trở thành hiền như Triệu Vũ, công tâm như Giản Hồ, nhưng Triệu Giản Chủ xem bầy tôi như cây gai không phải là cách dạy người trong nước vậy.

VI. Nhà công thấp thì ngại lời nói thẳng. Việc làm riêng thắng thì cái công chung ít đi. Phạm Văn Tử nói thẳng, Phạm Vũ Tử dùng gậy chứng minh điều đó. Lương Xa dùng pháp luật nhưng lại bị Triệu Thành Hầu thu mất ấn tín. Quản Trọng làm theo công tâm nhưng người trong nước chê và oán giận.

I-1. Khổng Tử làm tướng quốc nước Lỗ. Học trò của ông là Tử Cao làm quan coi ngục, chặt chân một người. Người bị chặt chân làm nghề giữ cửa. Có người ghét Khổng Tử, bảo vua nước Vệ: "Trọng Ni muốn làm loạn". Vua nước Vệ muốn bắt Khổng Tử. Khổng Tử bỏ chạy, học trò đều bỏ trốn.

Tử Cao đi ra cửa sau. Người bị chặt chân dẫn ông ta trốn trong cái phòng ở dưới cửa, các viên lại đuổi theo không bắt được. Tử Cao hỏi người bị chặt chân: "Tôi không thể làm trái phép tắc của chủ đã thân hành chặt chân ông. Nay là lúc ông trả thù, tại sao ông lại chịu giúp tôi bỏ trốn?". Người bị chặt chân nói: "Tôi bị chặt chân đó là cái tội của tôi đáng bị như thế, không thể làm khác được. Nhưng khi ngài trị tội tôi, ngài cân nhắc pháp luật, lấy lời dạy bảo tôi, rất muốn cho tôi khỏi tội, và tôi biết thế. Đến khi án đã quyết, tội đã định, ngài bùi ngùi không vui, biểu lộ ở sắc mặt. Tôi nhìn thấy và biết thế. Không phải ngài có lòng riêng với tôi nên như thế, đó là vì bản tính của ngài nhân đức nên thế. Vì vậy cho nên tôi vụi sướng lấy đức đối xử với ngài".

I-2. Điền Tử Phương từ nước Tề sang nước Ngụy. Từ xa nhìn thấy Địch Hoàng đi cỗ xe lớn, có quân kỵ đi theo. Phương tưởng là Ngụy Văn Hầu rẽ xe lối khác để tránh, thì hoá ra là Địch Hoàng. Phương hỏi: "Sao ông lại ngồi xe này?". Hoàng đáp: "Nhà vua bàn việc đánh đất Trung Sơn, tôi tiến cử Định Giác, nên cái mưu thành công. Đến lúc đánh, tôi tiến cử Nhạc Dương nên lấy được đất Trung Sơn. Nhà vua được Trung Sơn, lo trị đất này, tôi tiến cử Lý Khắc mà Trung Sơn được trị yên. Vì vậy cho nên nhà vua cho tôi cái xe này". Phương nói: "So việc thưởng với công lao thì việc thưởng hãy còn ít đấy!".

I-3. Nước Tần cùng nước Hàn đánh nước Nguỵ. Chiêu Mão sang phía tây du thuyết mà hai nước Tần, Hàn bãi binh. Nước Tề cùng nước Kinh đánh nước Nguỵ. Chiêu Mão sang phía đông du thuyết mà nước Tề, nước Kinh bãi binh. Nguỵ Tương Vương ban cho ông ta năm cỗ xe. Mão nói: "Bá Di được chôn theo bậc tướng quân ở chân núi Thú Dương, nhưng thiên hạ nói: Hiền như Bá Di và nhân như thế mà chôn theo lễ tướng quân thì không che được chân tay. Nay thần bãi bỏ được quân của bốn nước mà nhà vua lại cho thần năm cỗ xe thì so với công lao cũng như con người giàu có mang giép gai".

I-4. Khổng Tử nói: "Kẻ khéo làm quán lại thì trồng đức, kẻ không biết làm quan lại thì trồng oán. Cái ống gạt lúa là để cho việc đo thành công bằng. Quan lại là kẻ làm cho luật pháp công bằng. Trị nước không thể bỏ sự công bằng".

I-5. Thiếu Thất Chu là con người liêm khiết xác thực ngày xưa. Ông làm lực sĩ cho Triệu Tương Chủ. Ông cùng với Tử Từ người Trung Mâu thử sức, nhưng không bằng. Ông vào nói với Tương Chủ đề nghị dùng Tử Từ thay mình. Tương Chủ nói: "Địa vị của nhà ngươi là địa vị người ta mong muốn, tại sao nhà ngươi lại cử Tử Từ thay thế mình?". Thưa: "Thần lấy sức mạnh thờ nhà vua. Nay Tử Từ sức mạnh hơn thần, nếu thần không tự mình tiến cử thì sợ người khác nói và thần có tội".

Một thuyết khác. Thiếu Thất Chu làm người cùng đi xe với Tương Chủ. Khi đến Tấn Dương có người lực sĩ là Ngưu Tử Canh cùng đấu sức với ông ta, nhưng ông ta không thắng được. Chu nói với nhà vua: "Nhà vua sở dĩ cho thần làm người cùng đi xe là vì thần có sức khoẻ. Nay có người sức khoẻ hơn thần, thần xin tiến cử anh ta".

II-1. Tề Hoàn Công sắp lập Quản Trọng. Ra lệnh cho các quan: "Quả nhân sắp lập Quản Trọng làm Trọng phụ. Người nào tán thành thì bước vào cửa rồi qua bên trái; người nào không tán thành thì bước vào cửa, rồi qua bên phải". Đông Quách Nha đứng ở giữa cửa.

Hoàn Công hỏi: "Quả nhân lập Quản Trọng làm Trọng phụ, ra lệnh người nào tán thành đứng bên trái, người nào không tán thành đứng bên phải. Nay nhà ngươi tại sao lại đứng ở giữa cửa?". Nha nói: "Bệ hạ cho cái khôn của Quản Trọng có thể lo được việc thiên hạ sao?". Hoàn Công nói: "Lo được". Nha hỏi: "Bệ hạ cho ông ta dám làm việc lớn sao?". Hoàn Công nói: "Dám làm". Nha hỏi: "Bệ hạ biết cái khôn của ông ta có thể lo việc thiên hạ, cái quyết đoán của ông ta có thể làm việc lớn, bệ hạ vì thế giao hết quyền cả nước vào tay ông ta. Có cái tài của Quản Trọng lại có cái thế của bệ hạ mà cai trị nước Tề, có thể không nguy sao?".

Hoàn Công nói: "Phải lắm". Bèn sai Thấp Bằng lo việc bên trong, Quản Trọng lo việc bên ngoài để giòm ngó nhau.

II-2. Tấn Văn Công bỏ nước trốn. Cơ Trịnh cầm liễn cơm đi theo, lạc mất đường, không gặp Văn Công. Đói và khóc bên đường, thà ngủ đói chứ không dám ăn. Đến khi Văn Công trở về nước, cất quân đánh đất Nguyên, đánh được và lấy đất Nguyên. Văn Công nói: "Kẻ chịu được cái khổ của đói quyết giữ nguyên liễn cơm, thì sẽ không lấy đất Nguyên để phản lại ta". Bèn cho làm quan lệnh đất Nguyên. Quan đại phu Hồn Hiên nghe thế chê nói: "Vì cớ không đụng đến liễn cơm để tin là không lấy đất Nguyên để làm phản, chẳng phải là không có thuật trị nước sao?".

Cho nên vị chủ sáng không cậy vào chỗ người ta không làm phản lại mình, mà cậy vào chỗ người ta không thể phản lại mình; không cậy vào chỗ người ta không lừa ta, mà cậy vào chỗ người ta không thể lừa ta.

II-3. Dương Hổ nói: "Nếu chủ giỏi và sáng suốt thì ta đem hết lòng để thờ; nếu chủ kém thì ta tô vẽ điều gian trá để thử ông ta".

Dương Hổ không dám làm điều trái, lấy cái hay để thờ Giản Chủ, làm cho chủ mạnh lên gần đến địa vị bá.

II-4. Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử: "Tôi nghe nói ngày xưa có câu "Quỳ một chân". Ông ta có phải

đúng là một chân không?"[1]. Khổng Tử đáp: "Không phải. Không phải Quỳ có một chân. Quỳ là người nóng nẩy và có bụng ác, phần lớn người ta không thích. Nhưng sở dĩ ông ta không bị người ta làm hại là vì ông ta giữ chữ tín. Người ta đều nói: chỉ một mình cái đó là đủ rồi. Không phải là Quỳ một chân, mà có một đức tốt là đủ". Ai Công nói: "Nếu thế thì quả là đủ thực".

Một thuyết khác. Ai Công hỏi Khổng Tử: "Ta nghe nói Quỳ một chân, có phải thế không?". Khổng Tử đáp: "Quỳ là người, cớ gì lại một chân? Ông ta không có gì khác người, chỉ độc thạo về âm thanh". Nghiêu nói: "Quỳ có một cái hay là đủ. Cho ông ta làm quan coi về nhạc. Cho nên người quân tử nói: "Quỳ có một cái hay là đủ, chứ không phải nói ông ta một chân".

III-1. Vua Văn Vương phạt nước Sùng, đến gò Phượng Hoàng thì dây giép tuột. Bèn tự mình buộc lại. Thái Công Vọng nói: "Sao lại làm thế?". Nhà vua nói: "Những kẻ vị vua giỏi cùng ở với họ là những người thầy của nhà vua. Những kẻ nhà vua bình thường cùng ở đều là bạn nhà vua. Những kẻ nhà vua kém cùng ở đều là tôi tớ nhà vua. Nay tất cả đều là những bầy tôi của tiên quân, cho nên ta không thể sai khiến".

---

[1] Nguyên văn "Quỳ nhất túc". Chữ "túc" có nghĩa là "chân" và là "đủ".

Một thuyết khác. Tấn Văn Công đánh nhau với quân Sở. Đến gò Phượng Hoàng, cái giếp tuột. Bèn tự mình buộc lại. Những người chung quanh hỏi: "Không thể sai khiến người hay sao?". Văn Công nói: "Ta nghe nói vị vua giỏi ở với ai thì đó là những người mà nhà vua sợ. Vị vua trung bình ở với ai thì đó đều là những người nhà vua yêu. Vị vua kém ở với ai thì đó đều là những người nhà vua khinh. Quả nhân tuy kém, nhưng những người của tiên quân đều ở đây, cho nên không thể sai".

III-2. Quý Tôn thích kẻ sĩ, suốt đời trang trọng, cách cư xử và ăn mặc thường như ở triều đình. Nhưng Quý Tôn có lần lười biếng, có sơ sót và không thể làm được mãi. Cho nên khách cho rằng ông ta coi thường mình, cùng nhau oán giận ông. Họ bèn giết Quý Tôn. Do đó người quân tử bỏ cái thái quá.

Nam Cung Kính tử hỏi Nhan Trọc Trụ: "Quý Tôn nuôi bọn học trò của Khổng Tử. Những người mặc triều phục cùng ngồi với ông ta đến vài chục người, nhưng ông ta vẫn bị giết là tại làm sao?". Nhan Trọc Trụ đáp: "Ngày xưa vua Thành Vương nhà Chu gần gũi bọn kép hát để thoả thích cái ý của mình, nhưng lại cùng người quân tử quyết định mọi công việc. Vì vậy cho nên làm được điều ông mong muốn đối với thiên hạ. Nay Quý Tôn nuôi bọn học trò của Khổng Tử, những người mặc triều phục cùng ngồi với ông ta đến vài chục. Nhưng ông ta lại quyết

định công việc với bọn hề và bọn kép hát. Cho nên ông ta bị giết. Cho nên nói: "Điều quyết định không phải ở chỗ cùng sống với ai mà ở chỗ cùng bàn mưu với ai".

III-3. Khổng Tử ngồi hầu Ai Công nước Lỗ. Ai Công cho Khổng Tử đào và xôi. Ai Công nói: "Mời ông ăn". Khổng Tử trước tiên ăn xôi, sau đó mới ăn đào. Những người chung quanh đều bưng miệng cười. Ai Công nói: "Xôi không phải để ăn mà để lau quả đào cho sạch". Trọng Ni đáp: "Khâu này biết thế. Nhưng nếp là thứ đứng đầu trong ngũ cốc, khi tế các tiên vương thì nó là quý nhất. Quả có sáu loại mà đào thuộc vào loại thấp. Khi tế các tiên vương không được đưa đào vào miếu. Khâu cũng nghe nói lấy cái hèn để lau cái quý chứ không nghe nói lấy cái sang để lau cái hèn. Nay lấy cái đứng đầu trong ngũ cốc để lau loại quả thấp hèn, như vậy là lấy cái trên để lau cái dưới. Khâu cho thế là trái với nghĩa cho nên không xem đào trước thứ vật được quý trọng trong tôn miếu".

III-4. Triệu Giản Tử hỏi những người chung quanh: "Chiếu trải trong xe quá đẹp. Cái mũ tuy xấu nhưng vẫn phải đội lên đầu. Cái giày tuy sang nhưng vẫn xỏ vào chân. Nay chiếu trải xe như thế này là quá đẹp. Ta biết đi cái giày gì? Nói chung cái tốt ở dưới mà cái xấu ở trên là nguồn gốc của việc trái đạo nghĩa".

III-5. Phí Trọng nói với vua Trụ: "Tây Bá Xương (Tây Bá là chức, Xương là tên của vua Văn Vương - ND) là người hiền, trăm họ thích ông ta, chư hầu theo ông ta, không thể không giết. Không giết thì sẽ là mối hoạ cho nhà Ân". Vua Trụ hỏi: "Người nhà ngươi nói là một ông chủ có nghĩa làm sao giết được?". Phí Trọng nói: "Cái mũ có rách nhưng vẫn đội lên đầu, cái giày tuy có năm sắc nhưng vẫn giẫm lên đất. Nay Tây Bá Xương là bầy tôi, trau giồi đạo nghĩa, người ta theo ông ta. Kẻ rốt cục gây hoạ cho thiên hạ chắc là Xương chăng? Bầy tôi mà không đem cái hiền tài của mình ra phục vụ nhà vua thì không thể không giết. Vả lại vua mà giết bầy tôi thì có gì là sai?". Vua Trụ nói: "Phàm nhân nghĩa là cái mà bề trên dùng để khuyến khích những người dưới. Nay Xương chuộng nhân nghĩa mà ta giết thì không được". Phí Trọng nói ba lần, vua Trụ không nghe, cho nên nhà Ân bị diệt.

III-6. Tề Tuyên Vương hỏi Khuông Sảnh: "Nhà nho có đánh bạc không?". Thưa: "Không ạ". Hỏi: "Sao lại thế?". Khuông Sảnh trả lời: "Người đánh bạc coi con xúc xắc là quý. Người thắng thế nào cũng giết con xúc xắc. Giết con xúc xắc là giết cái mình quý. Nhà nho cho thế là hại đến đạo nghĩa cho nên không đánh bạc".

Nhà vua lại hỏi: "Nhà nho có bắn bằng tên buộc dây không?". Thưa: "Không ạ! Bắn bằng tên buộc dây là ở dưới làm hại lên trên. Tức là kẻ dưới

làm hại đến nhà vua. Nhà nho cho là làm hại đến nghĩa, cho nên không bắn bằng tên buộc dây". Tuyên Vương nói: "Phải đấy". Trọng Ni nói: "Để cho dân ninh người dưới không bằng khiến dân ninh người trên".

IV-1. Cư là một cư sĩ nước Tề. San là một cư sĩ nước Nguỵ. Vua nước Tề, nước Nguỵ không sáng suốt, không thể tự mình hiểu rõ được tình trạng trong nước mà nghe theo lời những người chung quanh, cho nên hai người phải mất vàng và ngọc bích để xin vào làm quan.

IV-2. Tây Môn Báo làm quan huyện lệnh đất Nghiệp. Trong sạch, chăm chỉ, trung thực, không mảy may lo lợi riêng, nhưng lại rất coi nhẹ những người chung quanh nhà vua. Những người chung quanh nhà vua do đó hùa nhau chê bai ông. Làm được một năm, nộp thuế lên, nhà vua thu ấn của ông ta. Báo xin: "Thần trước đây không biết cách cai trị đất Nghiệp, nay thần đã biết. Xin được nhận ấn để cai trị đất Nghiệp một lần nữa. Nếu không được xin chịu tội búa rìu". Nguỵ Văn Hầu không nỡ, lại cho ông ta làm. Báo bèn thu vét nhiều của cải của trăm họ, ra sức phục vụ những người chung quanh nhà vua. Được một năm, nộp thuế lên nhà vua. Nguỵ Văn Hầu đón và vái chào. Báo nói: "Năm ngoái thần vì nhà vua cai trị đất Nghiệp, nhưng nhà vua lại đoạt ấn của thần. Năm nay, thần vì những người chung quanh nhà vua cai trị đất Nghiệp, nhà vua lại vái

chào thần. Thần không thể cai trị nữa". Bèn nộp ấn mà xin đi. Nguỵ Văn Hầu không nhận ấn nói: "Trước đây quả nhân không biết ông, nhưng nay thì đã biết. Xin ông cố gắng vì quả nhân mà cai trị đất ấy". Nên không cho Báo từ chức.

IV-3. Nước Tề có đứa con của người già làm chó để ăn trộm và đứa con của người cụt chân chơi với nhau và khoe với nhau. Người con của người ăn trộm nói: "Chỉ có cái áo cầu của cha tao là có đuôi". Người con người cụt chân nói: "Chỉ có cha tao là không thể nào bị mất quần".

IV-4. Tử Xước nói: "Người ta không có ai có thể tay trái vẽ hình vuông mà tay phải vẽ hình tròn. Lấy thịt đuổi kiến thì kiến càng đông, lấy cá đuổi ruồi thì ruồi càng đến".

IV-5. Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng: "Chức quan thì ít mà người đòi làm thì nhiều. Quả nhân lo việc đó". Quản Trọng nói: "Bệ hạ chớ nghe những lời xin xỏ của những người chung quanh. Cứ căn cứ vào tài năng mà cấp bổng lộc, căn cứ vào công mà cho làm quan. Bệ hạ có gì phải lo?'.

IV-6. Hàn Tuyên Tử nói: "Con ngựa của ta ăn nhiều lúa và đậu nhưng rất gầy. Tại sao thế? Quả nhân rất lo". Chu Thị đáp: "Nếu kẻ coi chuồng ngựa cho ăn hết lúa thì muốn ngựa không mập cũng không được. Nếu tiếng là ngựa ăn nhiều nhưng thực là ít, thì tuy muốn không gầy cũng không được. Bệ

hạ không xét cái tình thực mà cứ ngồi lo thì ngựa còn không mập".

IV-7. Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng về việc bổ nhiệm quan lại. Quản Trọng nói: "Về mặt xét cách ăn nói, trong sạch đối với của cải, thông hiểu nhân tình thì Di Ngô không bằng Huyền Thương. Xin lập ông ta làm quan đại lý. Về mặt bước lên bước xuống nghiêm trang, lễ độ, lấy cái lễ sáng tỏ để tiếp đãi tân khách thì thần không bằng Thấp Bằng, xin cho ông ta làm quan đại hành. Về mặt khai khẩn, thu thuế, khẩn hoang, làm ra lúa, thần không bằng Ninh Vũ. Xin cho ông ta làm quan đại điền. Ba quân đã thành trận, khiến quân sĩ coi cái chết như về, thần không bằng công tử Thành Phụ. Xin cho ông ta làm đại tư mã. Về mặt xúc phạm nhan sắc nhà vua, can thẳng, thần không bằng Đông Quách Nha, xin cho ông ta làm gián thần. Muốn cai trị nước Tề thì năm người ấy là đủ. Còn muốn làm bá vương thì có Di Ngô đây".

V-1. Mạnh Hiến Bá làm tướng quốc nước Lỗ. Dưới thềm rau lê, rau hoắc mọc. Ngoài cửa cây gai cây táo mọc cao. Ăn không hai món, ngồi không hai chiếu. Trong nhà người thiếp không mặc đồ lụa. Ở nhà không cho ngựa ăn thóc. Đi ra ngoài không có xe đi theo. Thúc Hướng nghe thế nói với Miêu Bôn Hoàng. Miêu Bôn Hoàng chê ông ta, nói: "Như vậy là lấy cái tước lộc vua cho để xu phụ người dưới".

Một thuyết khác. Mạnh Hiến Bá được làm thượng khanh. Thúc Hướng đến mừng. Ngoài cửa có xe ngựa, ngựa không ăn lúa. Hướng nói: "Tại sao ông không có hai con ngựa, hai cỗ xe?". Hiến Bá nói: "Tôi xem người trong nước đều có sắc đói, vì vậy cho nên không cho ngựa ăn lúa. Những người có tóc hoa râm phần lớn đi bộ cho nên không có hai cỗ xe". Thúc Hướng nói: "Lúc đầu tôi mừng ông được làm khanh, bây giờ tôi mừng ông tiết kiệm". Thúc Hướng đi ra, nói với Miêu Bôn Hoàng: "Ông hãy giúp tôi mừng sự tiết kiệm của Hiến Bá". Miêu Tử nói: "Mừng cái gì? Tước lộc, cờ xí là để phân biệt công lao, nêu rõ người hay kẻ dở. Cho nên phép tắc nước Tấn, quan thượng đại phu có hai cỗ xe, hai bộ ngựa; quan trung đại phu có hai cỗ xe một bộ ngựa; quan hạ đại phu có bộ ngựa riêng. Điều đó để nêu bật đẳng cấp. Vả lại, làm quan khanh thì phải có nhiệm vụ quân sự cho nên có binh sĩ, xe ngựa để phòng bị việc binh. Khi có nạn thì để phòng bị điều bất thường. Khi bình thường thì để lo việc đi châu. Nay làm loạn chính sự của nước Tấn, thiếu sót trong việc phòng bị điều bất ngờ, để có được cái tiếng riêng, để có được cái tiếng trong sạch. Cái tiết kiệm của Hiến Bá có gì đáng khen? Có gì mà phải mừng?".

V-2. Quản Trọng làm tướng quốc nước Tề, nói : "Thần sang rồi, nhưng thần nghèo". Hoàn Công nói: "Cho ông đài Tam Quy". Quản Trọng nói: "Thần giàu rồi, nhưng địa vị thần còn thấp". Hoàn

Công cho ông ở trên họ Cao, họ Quốc. Quản Trọng nói: "Thần có địa vị cao rồi nhưng thần còn chưa thân với nhà vua". Hoàn Công bèn cho ông ta làm Trọng phụ. Khổng Tử nghe vậy chê ông ta, nói: "Quá xa xỉ và lấn át người trên".

Một thuyết khác. Quản Trọng (Phụ) đi ra thì lọng đỏ, áo xanh, đánh trống để về nhà. Ngoài sân có bày vạc, trong nhà có đài Tam Quy. Khổng Tử nói: "Ông là quan đại phu giỏi nhưng cái xa xỉ của ông lấn át người trên".

V-3. Thúc Tôn Ngao làm tướng quốc nước Sở. Đi xe bằng tre, do ngựa cái kéo, ăn cơm hầm canh rau, ăn cá khô. Mùa đông mặc áo cầu bằng da dê, mùa hạ mặc áo vải, mặt có sắc đói. Như vậy, ông là vị đại phu giỏi nhưng sự tiết kiệm của ông lấn át người dưới.

V-4. Dương Hổ rời nước Tề chạy sang nước Triệu. Triệu Giản Chủ hỏi: Ta nghe nói ông khéo trồng người". Hổ đáp: "Thần ở nước Lỗ vun đắp cho ba người. Họ đều làm lệnh doãn. Đến khi Hổ phải tội ở nước Lỗ, họ đều sục sạo tìm bắt Hổ. Thần ở nước Tề, tiến cử ba người: Một người được ở gần vua, một người được làm huyện lệnh, một người làm lại lo tiếp khách. Đến khi thần bị tội, con người ở gần vua không chịu tiếp thần; người làm huyện lệnh đón thần bắt để trói; người làm lại lo tiếp khách đuổi thần đến biên giới, không kịp mới thôi. Hổ không khéo trồng người". Giản Chủ cúi mặt cười mà rằng:

"Phàm trồng cây lê, cây quýt thì lúc ăn, được quả ngọt, lúc ngửi, được mùi thơm. Trồng cây chỉ cúc thì khi lớn lên gai đâm người. Cho nên người quân tử cẩn thận trong việc trồng cái gì".

V-5. Đất Trung Mẫu không có quan lệnh, Tấn Bình Công hỏi Triệu Vũ: "Đất Trung Mẫu là nơi then chốt của ba nước (Triệu, Tề, Yên), là cái thìa khoá của thành Hàm Đan (thủ đô của nước Triệu). Quả nhân muốn có được một quan lệnh giỏi cai trị nó, có thể sai người nào?". Triệu Vũ nói: "Hình Bá Tử có thể làm được". Bình Công hỏi: "Đó không phải là kẻ thù của ông sao?". Triệu Vũ đáp: "Việc thù riêng không lọt vào cửa công". Bình Công lại hỏi: "Ai có thể làm quan lệnh đất Trung Phủ?". Triệu Vũ đáp: "Con của thần có thể làm". Cho nên nói: "Cử người bên ngoài không bỏ kẻ thù, cử người bên trong không bỏ con mình". Triệu Vũ tiến cử bốn mươi sáu người. Đến khi Vũ chết họ đều ở địa vị khách. Cái đức vô tư của ông là như thế.

V-6. Tấn Bình Công hỏi Thúc Hướng: "Các bầy tôi ai hiền?". Thúc Hướng nói: "Triệu Vũ". Bình Công nói: "Nhà ngươi theo phe những người của thầy"[2]. Thúc Hướng nói: "Triệu Vũ đứng như không có áo, nói như không nên lời, thế nhưng mấy mươi người kẻ sĩ ông tiến cử đều làm hết cái tài của mình và nhà công thất rất nhờ cậy ở họ. Vũ Tử khi sống lại không lo làm lợi cho nhà mình, khi chết lại

[2] Thúc Hướng trước là đại phu của Triệu Vũ.

không gửi đứa con mồ côi cho họ. Thần dám cho rằng ông ta là người hiền".

V-7. Giải Hồ tiến cử người thù của mình với Triệu Giản Chủ để làm tướng quốc. Người thù cho rằng mình may mắn được tha thứ nên nhân đó đến lạy tạ. Hồ trương cung đuổi và nhắm bắn, nói: Ta tiến cử nhà ngươi là việc công, nhà ngươi có thể làm việc ấy. Ta thù ngươi là cái oán riêng của ta. Ta không vì ái oán riêng đối với nhà ngươi mà chặn đường không cho ngươi gặp vua ta. Cho nên cái oán riêng không bước vào cửa công".

Lại có thuyết khác. Giải Hồ tiến cử Hình Bá Liễu làm thái thú Thượng Đảng. Liễu đến lạy tạ nói: "Ông tha tội cho tôi, tôi dám đâu không lạy hai lạy". Giải Hồ nói: "Cử ông là việc công, oán ông là việc riêng, ông đi ngay. Ta vẫn oán ông như xưa".

V-8. Có người Huyện Trịnh bán lợn. Người ta hỏi giá lợn, anh ta nói: "Đường trời chiều, công hơi nào nói với anh?".

VI-1. Phạm Văn Tử thích nói thẳng. Phạm Vũ Tử lấy gậy đánh ông ta, nói: "Nói thẳng thì không được người ta dung tha. Không được dung tha thì nguy đến thân mình. Không những là nguy đến thân mình, mà còn nguy đến cả cha mình".

VI-2. Tử Sản là con Tử Quốc. Tử Sản trung với vua Trịnh. Tử Quốc giận mắng: "Nói chung khác các bày tôi mà chỉ trung với vua, nếu nhà vua hiền, sáng suốt thì nghe nhà ngươi, nhưng nếu nhà vua

không hiền không sáng suốt thì sẽ không nghe nhà ngươi. Việc nghe hay không nghe còn chưa biết được, nhưng nhà ngươi đã tách rời khỏi bầy tôi rồi. Tách rời khỏi bầy tôi thì thế nào thân nhà ngươi cũng nguy, không những thân nhà ngươi nguy mà còn nguy cả đến cha nhà ngươi nữa".

VI-3. Lương Xa mới làm quan lệnh đất Nghiệp. Bà chị ông ta đến thăm. Trời chiều, cửa sau đóng. Bèn leo tường vào thành. Lương Xa bèn chặt chân bà ta. Triệu Thành Hầu cho là người không từ, nên cướp ấn của ông ta không cho ông ta làm lệnh.

VI-4. Quản Trọng bị trói giải từ nước Lỗ đi qua nước Tề. Trên đường đói và khát. Đi ngang qua Ỷ Ô xin người giữ biên giới cơm. Người giữ biên giới ở Ỷ Ô quỳ dâng cơm, hết sức kính trọng, nhân đó nói trộm với Quản Trọng: "Nếu may mà ngài đến nước Tề và được dùng ở Tề, thì ngài sẽ lấy gì trả ơn tôi?". Quản Trọng đáp: "Nếu được như lời ông nói thì tôi dùng người hiền, sai khiến người có năng lực, nêu bật người có công. Tôi lấy gì để báo ơn ông?". Người giữ biên giới oán giận ông ta.

QUYỂN XIII

Thiên XXXIV

Sưu tập những chuyện bên ngoài - Phần dưới, đoạn trên (Ngoại trữ thuyết, hữu thượng)

Nhà vua mà cai trị được bầy tôi là nhờ ba nguyên lý:

I. Khi cái thế của mình không đủ để cảm hoá người ta thì phải khử đi. Câu trả lời của Sư Khoáng và lời dặn của Án Tử đều là vứt bỏ cái thế dễ làm mà nói đến cái đức hạnh khó làm. Như thế là giống như chạy thi với thú vật, chứ chưa biết cách trừ mối lo. Cách trừ mối lo là theo lối Tử Hạ nói về *Kinh Xuân Thu*. Kẻ khéo nắm lấy cái thế thì sớm cắt đứt được cái gian khi mới manh nha. Cho nên Quý Tôn trách Trọng Ni vượt cái thế của ông ta, huống nữa là cái thế của nhà vua? Vì vậy cho nên Thái Công

Vọng giết Cuồng Dật và kẻ nô tỳ không cưỡi ngựa ký. Tự Quân biết thế cho nên không cưỡi con nai. Tiết Công biết thế cho nên cùng hai người còng đánh bạc. Những người này đều biết cái lợi và cái hại của vua và bầy tôi là khác nhau. Cho nên bậc vua sáng nuôi bầy tôi. Chuyện nuôi quạ chứng minh điều đó.

II. Bậc vua chúa là cái đích của lợi hay hại, do đó nhiều người nhằm vào, cho nên bậc làm vua chúa bị lừa dối. Vì vậy cho nên nếu bậc vua chúa để lộ cái yêu và cái ghét của mình thì những người dưới sẽ nhân đó làm cho vua chúa bị lừa. Lời nói vua chúa mà thông suốt xuống dưới thì bọn bầy tôi sẽ làm hại tới lời nói và vua chúa không còn là thần thánh nữa. Chuyện Thận Tử nói về sáu điều thận trọng, và Đường Dịch nói về cái tên buộc dây chứng minh điều đó. Cái lo là ở chỗ Quốc Dương xin thay đổi và Tuyên Tử thở dài. Chuyện Tịnh Quách Quân dâng mười hoa tai và Tê Thủ, Cam Mậu đào hang nghe trộm nói lên điều đó. Đường Khuê Công biết thuật trị nước cho nên hỏi về cái chén ngọc. Chiêu Hầu nắm được thuật trị nước nên ngủ một mình. Cái đạo của bậc chúa sáng là ở lời Thân Tử khuyên nhà vua quyết định một mình.

III. Thuật trị nước không thi hành được là có lý do. Người bán rượu nếu không giết con chó của mình đi thì rượu sẽ chua. Nói chung, nước cũng có con chó của nó, những người chung quanh nhà vua

đều là loại chuột của nhà thờ xã. Các bậc vua chúa không làm như Nghiêu giết hai lần, như Trang Vương trả lời thái tử, mà đều như bà già họ Bạc hỏi bà già họ Thái trước khi quyết định. Kẻ khôn cốt ở chỗ biết lấy cái phép dạy hát để thử trước. Ngô Khởi bỏ người vợ yêu, Văn Công giết Điển Hiệt đều làm trái với tình cảm mình. Cho nên những kẻ có thể khiến người ta nặn cái nhọt của mình chắc phải là những kẻ chịu được đau.

I-1. Kẻ nào thưởng và khen mà không thể khuyến khích, phạt và chê bai mà không thể làm cho anh ta sợ, thi hành cả bốn sách này rồi mà vẫn không thay đổi thì phải giết đi.

I-2. Tề Cảnh Công sang nước Tấn, cùng uống rượu với Tấn Bình Công. Sư Khoáng ngồi hầu. Tề Cảnh Công hỏi Sư Khoáng về chính trị. Thái sư có gì dạy quả nhân? Sư Khoáng nói: "Xin bệ hạ ban ơn cho dân mà thôi". Giữa tiệc đang uống rượu say, lúc sắp đi ra, Cảnh Công lại hỏi Sư Khoáng về chính trị: "Thái sư có gì để dạy quả nhân?". Sư Khoáng đáp: "Bệ hạ xin ban ơn cho dân mà thôi". Cảnh Công đi ra đến nhà khách xá, Sư Khoáng tiễn, nhà vua lại hỏi Sư Khoáng về chính trị. Sư Khoáng nói: "Xin bệ hạ ban ơn cho dân mà thôi". Cảnh Công trở về, suy nghĩ, chưa tỉnh rượu đã hiểu ý của Sư Khoáng! "Công tử Vĩ và công tử Hạ là hai người em của Cảnh Công, rất được lòng dân nước Tề, nhà giàu sang nhưng dân đều thích, họ sánh ngang với công thất.

Cái đó là nguy cho địa vị của ta. Nay ông ta bảo ta ban ơn cho dân, chẳng phải là khiến ta cùng hai em tranh dân đó sao?". Do đó, Cảnh Công về nước, mở kho thóc để cấp cho dân nghèo, phân tán của cải thừa trong kho để cho những người còn mồ côi và những người goá bụa. Kho lúa không có thóc cũ, kho tiền không có của thừa. Đàn bà trong cung không hầu hạ nhà vua thì đều gả chồng. Những người bảy mươi tuổi được ban lộc bằng gạo. Ban hành ân đức đối với dân, cùng với hai em tranh dân. Được hai năm, hai người em bỏ nước chạy trốn. Công tử Hạ chạy sang nước Sở, công tử Vĩ chạy sang nước Tần.

I-3. Cảnh Công cùng Án Tử chơi ở Thiếu Hải. Trèo lên đài Bách Tầm, ngắm nhìn nước của mình mà nói: "Đẹp quá!. Mênh mông quá! Uy nghi quá! Đời sau ai sẽ hưởng cái này?". Án Tử thưa: "Họ Điền Thành chăng?". Tề Cảnh Công nói: "Quả nhân làm chủ nước này tại sao ông lại nói họ Điền Thành sẽ làm chủ?". Án Tử thưa: "Họ Điền Thành rất được lòng dân Tề. Họ đối với dân ở trên thì xin tước lộc để cấp cho các quan đại thần; ở dưới dùng đấu, hộc lớn để cho vay; dùng đấu, hộc nhỏ để nhận thóc. Khi giết một con bò thì ông ta chỉ lấy một đĩa thịt còn nữa thì để nuôi kẻ sĩ. Suốt năm, vải và lụa ông ta chỉ lấy hai chế (tức là ba mươi sáu thước) còn nữa để cho kẻ sĩ mặc. Cho nên giá gỗ ngoài chợ không đắt hơn giá gỗ trên núi, giá cá, muối, rùa, trai, sò,

ốc, không đắt hơn ở ngoài biển. Bệ hạ thu thuế nặng, nhưng họ Điền Thành lại cho nhiều. Nước Tề thường đói to, những người chết đói bên đường không thể đếm xiết. Cha con dìu dắt nhau chạy đến họ Điền Thành không nghe nói có ai phải chết. Cho nên khắp dân nước Tề ca hát với nhau: "Nên ca hay lại nên dừng? Điền Thành gạo trắng phải chăng nên về?". *Kinh thi* nói: "Tuy không ban đức cho người, xin ca xin múa một bài mừng vui". Nay cái đức của họ Điền Thành làm cho dân chúng ca múa, cái đức của dân theo về ông ta rồi. Cho nên tôi nói: "Phải chăng là họ của Điền Thành?". Cảnh Công khóc nước mắt đầm đìa, nói: "Thế chẳng phải là buồn sao? Quả nhân làm chủ nước mà họ Điền Thành lại sẽ hưởng được nước. Bây giờ làm thế nào?". Án Tử nói: "Bệ hạ có gì phải lo? Nếu như bệ hạ muốn đoạt lại, thì hãy ở gần những người hiền, tránh xa những người hư hỏng, sửa đổi những điều rối loạn, nới hình phạt, phát chẩn cho kẻ nghèo và thương xót tới những người mồ côi và goá bụa, thi hành ân huệ để trợ cấp cho những kẻ không có đủ. Như thế dân sẽ theo về bệ hạ. Có mười họ Điền Thành cũng làm gì được bệ hạ?".

Có người nói: Tề Cảnh Công không biết dùng cái thế, còn Sư Khoáng, Án Tử không biết trừ mối lo. Con người đi săn, dựa vào sự yên ổn của cái xe, dùng chân của sáu con ngựa, sai Vương Lương cầm dây cương, thì thân mình đã không mệt mỏi mà lại

dễ dàng đuổi kịp những con thú chạy nhanh. Nay lại bỏ cái lợi của xe cộ, bỏ cái chân của sáu con ngựa, và cái tài đánh xe của Vương Lương, mà xuống xe chạy bộ đuổi theo con thú thì dù có cặp chân của Lâu Quý cũng không có thì giờ đuổi kịp con thú. Nếu dựa vào con ngựa tốt, cỗ xe vững thì bọn nô tỳ cũng làm thừa sức. Nước là cái xe của nhà vua, cái thế là con ngựa của nhà vua. Nay không dựa vào cái thế để ngăn cấm, trừng trị bầy tôi tranh tình yêu của dân mà lại đòi lấy cái đức dày để cùng lo tranh dân với bầy tôi, thì đó đều là những người không cưỡi cái xe của vua, không dùng cái lợi của con ngựa, bỏ xe mà chạy bộ dưới đất. Cho nên nói: "Tề Cảnh Công là ông vua không biết dùng cái thế của mình, mà Sư Khoáng, Án Tử đều là những bầy tôi không biết trừ mối lo vậy".

I-4. Tử Hạ nói: "*Kinh Xuân thu* chép việc tôi giết vua, con giết cha đến hàng chục lần. Những điều đó đều không phải chuyện một ngày mà sinh ra, mà nó chất chứa dần dần rồi mới sinh ra". Phàm kẻ gian, làm lâu thì thành kết quả, kết quả thành thì sức nhiều, sức nhiều thì có thể giết người. Cho nên bậc vua chúa sáng suốt sớm tiêu diệt họ. Nay Điền Thường (tức Điền Thành) làm loạn, đã dần dần thấy rồi, thế nhưng nhà vua không trị. Án Tử không khiến nhà vua cấm bọn bầy tôi xâm lấn nhà vua mà lại khiến ông vua của mình thi hành ân huệ, kết quả Giản Công (con Cảnh Công) mới chịu cái hoạ của

ông ta. Cho nên Tử Hạ nói: "Kẻ khéo nắm lấy cái thế của mình thì sớm trừ cái mầm gian dối".

I-5. Quý Tôn làm tướng quốc nước Lỗ. Tử Lộ làm quan lệnh đất Hậu: Nước Lỗ, tháng năm sai dân chúng đào một cái mương dài. Tử Lộ lấy thóc của chức quan của mình nấu cháo mời những người đào mương ở ngã đường Ngũ Phụ để cho họ ăn. Khổng Tử nghe vậy, sai Tử Cống đến đổ cháo đi, đập vỡ đồ dùng, nói: "Vua nước Lỗ có dân, nhà ngươi vì cớ gì lại cho họ ăn?". Tử Lộ nổi giận bừng bừng, xắn tay áo lên vào hỏi: "Thầy ghét Do làm điều nhân nghĩa sao? Điều con học với thầy là nhân nghĩa, người nhân nghĩa cùng chung cái mình có với thiên hạ, và cùng hưởng lợi với thiên hạ. Nay tại sao lại cho Do lấy thóc của chức quan của mình nuôi dân là không được?". Khổng Tử nói: "Anh Do quê mùa lắm! Ta tưởng là anh biết điều đó rồi, nhưng anh vẫn chưa biết. Anh không biết lẽ đến thế ư? Anh nuôi họ là vì anh yêu họ. Lẽ là như thế này: thiên tử yêu thiên hạ, chư hầu yêu nước mình, đại phu yêu chức quan của mình, kẻ sĩ yêu nhà mình. Vượt quá cái phạm vi mình yêu là xâm lấn. Nay vua Lỗ có dân mà anh lại tranh lấy việc yêu dân. Thế là anh xâm lấn đấy, chẳng phải là vu khoát sao?".

Nói chưa dứt lời, thì Quý Tôn đã cho người đến trách: "Phì (tên của Quý Tôn) huy động dân và sai khiến họ, tiên sinh khiến học trò bảo họ ngừng

công việc và cho họ ăn, có phải định cướp đoạt dân của Phì không?". Khổng Tử lên xe rời khỏi nước Lỗ.

Người hiền như Khổng Tử, Quý Tôn lại không phải là vua nước Lỗ thế mà còn lấy cái thế của bầy tôi mượn cái thuật của nhà vua, sớm cấm khi nó chưa lộ ra, khiến Tử Lộ không thể thi hành cái ân huệ riêng của mình để làm cái hại không thể sinh ra được, huống nữa là nhà vua? Lấy cái thế của Tề Cảnh Công mà không cho Điền Thường xâm lấn thì nhất định không có mối lo cướp ngôi, giết vua vậy.

I-6. Thái Công Vọng được phong ở đất Tề, ở phía đông. Trên bờ biển đông nước Tề có hai cư sĩ là Cuồng Duật và Hoa Sĩ. Đó là hai anh em ruột. Hai người lập ước với nhau: "Chúng ta không làm bầy tôi của thiên tử, không bạn với chư hầu. Cày cấy để ăn, đào giếng để uống. Chúng ta không cầu gì ở người đời, không có cái tiếng ở trên người ta, không có lộc của nhà vua, không lo làm quan mà dựa vào sức của mình". Thái Công Vọng đến Dinh Khâu, sai quan lại bắt giết đi lấy đó làm người giết đầu tiên.

Chu Công Đán ở nước Lỗ nghe thế vội vàng cho người đến hỏi: "Hai người kia là những người hiền. Ngày nay ông được hưởng nước lại giết người hiền là cớ làm sao?".

Thái Công Vọng đáp: "Hai anh em kia lập ước với nhau nói: "Chúng ta không làm bầy tôi của thiên tử, không làm bạn với chư hầu. Lo cày cấy mà ăn, đào giếng mà uống. Chúng ta không cầu gì ở người

đời, không có cái tiếng ở trên người ta, không có cái lộc của nhà vua, không lo làm quan mà dựa vào cái sức của mình".

Họ không làm bầy tôi của thiên tử thì Vọng không thể coi họ là bầy tôi; họ không làm bạn với chư hầu thì Vọng không thể sai khiến được họ; họ cày cấy mà ăn, đào giếng mà uống không đòi hỏi ở người đời, thì Vọng không thể thưởng phạt, khuyên cấm gì họ được. Vả lại, nếu không có cái tiếng ở trên người khác thì dù có khôn cũng không làm việc cho Vọng. Họ không trông chờ cái lộc của nhà vua, thì dù họ hiền, họ cũng không lập công lao cho Vọng. Không làm quan thì không trị được. Không nhận chức vụ thì không trung.

Vả lại, cái khiến cho tiên vương sai khiến được người ta nếu không đủ để sai khiến họ, như thế thì Vọng làm vua của ai? Không mang áo giáp chiến đấu mà nổi tiếng, không tự mình cày, bừa mà có danh, lại có cái để dạy những người trong nước. Nay có con ngựa ở đây, hình dáng như là con ngựa ký, con ngựa tốt nhất trong thiên hạ. Nhưng nếu như thúc nó, nó không tiến lên; kéo nó lui, nó không dừng lại; bảo nó đi qua bên trái, nó không qua bên trái, bắt nó qua bên phải, nó không qua bên phải; thì kẻ nô tỳ tuy hèn cũng không thể nhờ cậy cái chân của nó được. Kẻ nô tỳ sở dĩ muốn nhờ cái chân của ngựa ký là vì ngựa ký có thể đuổi theo cái lợi, tránh được cái hại. Nay nó không để cho người ta sử dụng,

thì bọn nô tỳ tuy hèn cũng không nhờ cậy cái chân của nó. Tự cho mình là những kẻ sĩ tài giỏi ở đời mà lại không để cho chủ dùng; đức hạnh hết sức hiền nhưng không để cho nhà vua dùng. Đó không phải là những người bậc chúa sang dùnglàm bầy tôi được, cũng như con ngựa ký mà không thể bắt qua bên trái, bắt qua bên phải được vậy. Vì vậy cho nên tôi giết".

Một thuyết khác nói: Thái Công Vọng được phong ở phía đông, là đất Tề. Ở biển có vị hiền giả tên là Cuồng Duật. Thái Công Vọng nghe tiếng đến mời. Ba lần bỏ ngựa trước cửa nhưng Cuồng Duật vẫn không tiếp. Thái Công Vọng giết đi.

Lúc bấy giờ Chu Công Đán ở nước Lỗ, ruổi ngựa đến ngăn lại. Nhưng khi đến thì đã giết mất rồi. Chu Công Đán hỏi: "Cuồng Duật là bậc hiền sĩ trong thiên hạ. Tại sao thầy lại giết ông ta?". Thái Công Vọng nói: "Cuồng Duật có ý định không làm bầy tôi của thiên tử, không làm bạn với chư hầu, tôi sợ ông ta làm rối loạn pháp luật, thay đổi giáo hoá cho nên cho là người phải giết trước. Nay có con ngựa ở đây, hình dáng giống con ngựa ký, nhưng thúc giục thì nó không đi, kéo nó thì nó không tiến, thì kẻ nô tỳ cũng không thể nhờ cái chân của nó để lăn bánh xe của mình".

I-7. Như Nhĩ thuyết Vệ Tự Quân. Vệ Tự Quân thích nhưng thở dài. Những người chung quanh nói: "Tại sao ngài không cho ông ta làm tướng quốc?".

Công nói: "Con ngựa giống như con nai thì giá ngàn vàng. Nhưng chỉ có con ngựa ngàn vàng mà không có con nai ngàn vàng, vì con ngựa để cho người ta dùng mà con nai không để cho con người dùng. Nay Như Nhĩ là vị tướng quốc vạn cỗ xe, bên ngoài có cái ý làm việc nước lớn. Bụng ông ta không ở nước Vệ thì tuy có biện luận giỏi và khôn ngoan cũng không để cho quả nhân dùng. Ta vì thế không cho ông ta làm tướng quốc".

I-8. Tiết Công làm tướng quốc cho Nguỵ Chiêu Hầu. Những người chung quanh có hai người là Dương Hổ, Phan Kỳ được nhà vua rất trọng nhưng không theo Tiết Công, Tiết Công rất lo.

Tiết Công bèn mời họ đánh cờ, cho mỗi người một trăm lạng vàng và bảo hai người đánh với nhau. Lát sau, lại cho mỗi người thêm hai trăm lạng nữa. Đang đánh cờ, có người tiếp khách nói Trương Quý đang ở ngoài cửa. Tiết Công nổi giận, cầm binh khí trao cho người tiếp khách, nói: "Giết nó đi! Ta nghe nói Trương Quý không theo Văn này". Người tiếp khách đứng một lát.

Lúc bấy giờ Quý Vũ đứng bên cạnh nói: "Không phải thế. Tôi trộm nghe ông Quý lòng lo cho ngài chỉ có điều ông ta kín đáo, ngài chưa nghe đó thôi". Công bèn bỏ cái ý giết khách, dùng lễ lớn để tiếp, nói: "Trước đây nghe nói ông Quý không nghĩ đến Văn này, nên tôi muốn giết đi. Nay biết

ông ta thành thực nghĩ đến Văn, vậy Văn đâu dám quên ông Quý".

Sai người coi kho lúa lấy một ngàn thạch thóc, sai người coi kho tiền dâng năm trăm nén vàng, bảo người giữ chuồng ngựa riêng của mình dâng ngựa tốt, cỗ xe chắc hai cỗ. Nhân đó, sai đem những người thiếp đẹp trong cung hai mươi người đều cho Quý. Hai anh em sinh đôi nhân đó bảo nhau: "Theo Công thế nào cũng có lợi, không theo Công thế nào cũng bị hại. Bọn chúng mình tiếc cái gì mà không theo Công?". Nhân thế, họ đua nhau theo Tiết Công. Tiết Công lấy cái thế của bầy tôi, mượn cái thuật trị nước của bậc vua chúa, mà cái hại không thể xảy ra, huống nữa cái thuật ấy lại nằm trong tay bậc vua chúa?

I-9. Phàm kẻ nuôi quạ thì cắt những lông phía dưới của nó đi. Nó bị cắt lông cánh ở dưới thì thế nào cũng phải nhờ người ta cho ăn, làm sao mà không bị thuần dưỡng được? Bậc vua sáng nuôi bọn bầy tôi cũng thế, khiến cho bọn bầy tôi không thể không hưởng lợi nhờ cái lộc của vua, không thể không vâng theo cái danh hiệu trên ban cho. Đã hưởng lợi nhờ cái lộc của vua, lại mang cái danh hiệu của bề trên, không phục theo sao được?

II-1. Thân Tử nói: "Cái sáng suốt của người trên mà lộ ra, thì người ta đề phòng nhà vua. Cái không sáng suốt của nhà vua lộ ra thì người ta lừa nhà vua. Cái khôn của ông ta nếu lộ rõ thì người ta

lừa ông ta, nếu cái không khôn của ông ta mà lộ rõ thì người ta giấu giếm ông ta. Cái không ham muốn của bề trên nếu lộ rõ thì người ta rình ông ta, cái ham muốn của ông ta lộ rõ thì người ta nhử ông ta. Cho nên nói: "Ta không dựa vào cái gì để biết được sự việc, chỉ dựa vào cái vô vi là có thể xét được".

II-2. Điền Tử Phương hỏi Đường Dịch Cúc: "Người bắn tên cột dây phải thận trọng về việc gì?". Thưa: "Chim có mấy trăm con mắt nhìn ông, ông chỉ có hai con mắt để khống chế nó, ông phải cẩn thận chỗ nấp". Điền Tử Phương nói: "Phải đấy. Cái ông dùng vào việc bắn thì tôi dùng vào việc trị nước". Kẻ trưởng giả nước Trịnh nghe vậy nói: "Điền Tử Phương biết muốn nấp, nhưng chưa biết lấy cái gì để nấp. Hư tĩnh vô vi, không biểu lộ cái gì hết, đó là cái chỗ nấp vậy".

Một thuyết khác. Tề Tuyên Vương hỏi Đường Dịch Tử: "Bắn tên dây cái gì quan trọng nhất". Đường Dịch Tử nói: "Ở chỗ nấp cẩn thận". Nhà vua nói: "Nấp cẩn thận là thế nào?". Thưa: "Chim lấy mấy mươi con mắt nhìn người, người lấy hai con mắt nhìn chim. Lẽ nào lại không cẩn thận về chỗ nấp. Cho nên nói phải cẩn thận về chỗ nấp". Nhà vua nói: "Như vậy thì cai trị thiên hạ lấy cái gì để làm chỗ nấp như thế? Nay bậc vua chúa lấy hai con mắt để nhìn một nước, một nước lấy vạn con mắt để nhìn ông vua. Phải làm như thế nào để tự làm chỗ nấp?". Thưa: "Người trưởng lão nước Trịnh có nói

"Hư tĩnh vô vi không biểu lộ cái gì hết". Cái đó phải chăng là chỗ nấp?".

II-3. Quốc Dương được vua nước Trịnh quý trọng. Nghe nói nhà vua ghét mình, nhân lúc hầu rượu, ông ta nói với nhà vua: "Nếu không may thần có cái gì sai trái, xin bệ hạ ban ơn cho thần biết, để thần sửa đổi, như thế thì thần tránh được tội chết".

II-4. Có người khách thuyết Hàn Tuyên Vương. Hàn Tuyên Vương thích nhưng thở dài. Những người chung quanh lấy việc nhà vua thích nói trước cho người khách biết để làm ơn đức.

II-5. Tịnh Quách Quân làm tướng quốc nước Tề. Bà vương hậu chết, chưa biết nhà vua sẽ lập ai làm hậu. Bèn dâng đôi hoa tai bằng ngọc để thử.

Một thuyết nói: Tiết Công làm tướng quốc nước Tề. Phu nhân của Tề Uy Vương chết, trong cung có mười người được nhà vua yêu quý. Tiết Công muốn biết trước nhà vua muốn lập người nào làm phu nhân để xin nhà vua lập người đó. Nếu nhà vua nghe mình thì lời nói của ông được nhà vua nghe và ông sẽ được phu nhân trọng. Nếu nhà vua không nghe thì cái thuyết của mình không được dùng và mình sẽ bị người phu nhân được lập coi thường. Ông ta muốn biết trước xem nhà vua muốn lập người nào để khuyên nhà vua lập người ấy. Ông bèn sai làm mười đôi hoa tai bằng ngọc, trong đó có một đôi đẹp nhất rồi dâng cho nhà vua. Vua đem cho mười bà vua yêu. Hôm sau ông ngồi xem người

nào đeo đôi hoa tai đẹp và khuyên nhà vua lập người ấy làm phu nhân.

II-6. Cam Mậu làm tướng quốc của Tần Huệ Vương. Huệ Vương yêu Công Tôn Diễn, có nói riêng với ông ta: "Quả nhân sẽ làm cho nhà ngươi làm tướng quốc". Một người lại của Cam Mậu do lỗ hở nghe được điều đó, đến nói với Cam Mậu. Cam Mậu vào yết kiến nhà vua, nói: "Bệ hạ có được vị tướng quốc hiền, thần xin lạy hai lạy để mừng". Nhà vua hỏi: "Quả nhân giao nước cho ông, làm gì có vị tướng quốc nào nữa?". Thưa: "Bệ hạ sẽ cho Tê Thủ[1] làm tướng quốc". Nhà vua hỏi: "Ông làm sao mà biết?". Cam Mậu thưa: "Tê Thủ nói với thần". Nhà vua giận Tê Thủ đã tiết lộ, bèn đuổi Tê Thủ.

Một thuyết khác. Tê Thủ là một viên tướng tài trong thiên hạ và là tôi của Lương Vương. Vua Tần muốn có được ông ta để cùng cai trị thiên hạ. Tê Thủ nói: "Diễn là bầy tôi của người ta, không dám rời cái nước của chủ mình". Được chẫn một năm, Tê Thủ có tội với Lương Vương, chạy trốn sang nước Tần. Vua Tần rất trọng đãi ông ta.

Vu Lý Tật là tướng nước Tần, sợ Tê Thủ thay mình làm tướng, khoét lỗ ở nơi nhà vua thường dùng để nói chuyện kín. Ít lâu sau, quả nhiên nhà vua bảo Tê Thủ: "Ta muốn đánh nước Hàn, nên làm như thế nào?'. Tê Thủ nói: "Mùa thu có thể đánh được". Nhà

[1] Tê Thủ là hiệu của Công Tôn Diễn.

vua nói: "Ta muốn phiền ông trị nước, ông chớ tiết lộ". Tê Thủ bước lùi đi ra, lạy hai lạy, nói: "Xin vâng mệnh". Vu Lý Tật nhờ khoét lỗ mà biết được việc này. Các lang trung đều nói: "Mùa thu sẽ khởi binh đánh nước Hàn, Tê Thủ làm tướng". Ngày hôm đó, các lang trung đều biết. Trong tháng đó cả nước đều biết.

Nhà vua gọi Vu Lý Tử đến hỏi: "Điều này sao mà ầm ầm như thế, việc này do đâu mà có?". Vu Lý Tử nói:" Hình như do Tê Thủ đấy". Nhà vua nói: "Ta không hề nói chuyện này với Tê Thủ. Vì sao Tê Thủ lại nói?". Vu Lý Tử nói: "Tê Thủ là người sống tạm bợ ở đây, mới phạm tội, bụng ông ta cô độc, cho nên nói để được nhiều người theo". Nhà vua nói: "Phải đấy". Cho người mời Tê Thủ. Tê Thủ đã bỏ trốn sang nước chư hầu.

II-7. Đường Khê Công nói với Hàn Chiêu Hầu: "Nay có cái chén ngọc ngàn vàng, nhưng không có đáy. Có thể dùng nó đựng nước không?". Chiêu Hầu nói: "Không đựng được". Đường Khê Công hỏi: "Có cái hũ sành nhưng không thủng, có thể đựng rượu được không?". Chiêu Hầu nói: "Đựng được". Đường Khê Công nói: "Cái hũ sành là vật tồi nhất, nhưng nếu không thủng thì có thể đựng rượu được. Tuy có cái chén ngọc ngàn vàng, rất quý, nhưng không thể đựng nước được vì không có đáy, bị thủng, như vậy thì ai dám đổ rượu vào đấy?

Nay kẻ làm vua chúa nhưng để lộ lời nói của mình cho bầy tôi nghe thì cũng giống như cái chén ngọc không có đáy vậy. Tuy có khôn ngoan sáng suốt hết mực cũng không thể nào làm hết cái thuật trị nước của mình bởi vì để lộ". Chiêu Hầu nói: "Phải đấy".

Chiêu Hầu nghe lời Đường Khê Công, từ đó về sau, muốn làm việc lớn trong thiên hạ, vẫn luôn luôn ngủ riêng một mình. Sợ mình nằm mơ nói ra khiến người ta biết được cái mưu của mình.

Một thuyết khác. Đường Khê Công yết kiến Hàn Chiêu Hầu, nói: "Nay có cái chén bằng bạch ngọc nhưng không có đáy và có cái chén sành nhưng có đáy, bệ hạ khát nước, thì sẽ uống cái chén nào?". Nhà vua nói: "Uống cái chén sành". Đường Khê Công nói: "Cái chén bạch ngọc tuy quý nhưng bệ hạ không uống, có phải vì nó không có đáy hay không?". Nhà vua nói: "Phải đấy". Đường Khê Công nói: "Làm vua chúa mà tiết lộ lời nói của các bầy tôi thì cũng giống như cái chén bạch ngọc không có đáy vậy". Đường Khê Công mỗi lần yết kiến xong đi ra, Chiêu Hầu thế nào cũng nằm ngủ một mình, sợ nằm mơ tiết lộ lời nói cho vợ và nàng hầu biết.

II-8. Thân Tử nói: "Kẻ riêng mình nhìn gọi là sáng, riêng mình nghe gọi là thông suốt. Kẻ ấy có thể riêng mình quyết định cho nên có thể làm chủ thiên hạ".

III-1. Nước Tống có người bán rượu. Anh ta đong rượu rất đúng, tiếp khách rất kính trọng, rượu làm hết sức ngon, treo cờ hết sức cao. Nhưng vẫn rất ít khách mua, rượu chua đi. Anh ta không hiểu tại sao, tìm người biết chuyện ấy để hỏi.

Hỏi bậc trưởng giả là Dương Sảnh, Sảnh nói: "Con chó của anh dữ quá". Anh ta hỏi: "Con chó tôi dữ, thì vì cớ gì mà rượu bán không chạy?". Dương Sảnh đáp: "Người ta sợ nó. Có người sai con trẻ cầm tiền mang hồ rượu và hũ rượu đến mua, thì con chó chặn đường cắn. Vì vậy cho nên rượu mới chua và không bán được".

Nước cũng có chó, những kẻ sĩ có đạo trị nước mang thuật trị nước để soi sáng cho bậc vua có vạn cỗ xe, quan đại thần làm con chó dữ chặn đường cắn họ. Vì vậy cho nên nhà vua bị che lấp và các kẻ sĩ có đạo trị nước không được dùng.

Cho nên Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng: "Trị nước thì điều gì đáng lo nhất?". Quản Trọng đáp: "Điều đáng lo nhất là lũ chuột nhà thờ xã". Hoàn Công hỏi: "Tại sao lại lo về lũ chuột nhà thờ xã?". Quản Trọng đáp: "Chắc bệ hạ đã thấy việc dựng nhà thờ xã rồi chứ? Người ta trồng cây rồi trét đất lên. Lũ chuột khoét lỗ vào đấy, đào hang ẩn ở trong, nếu người ta hun khói thì sợ cháy mất gỗ, nếu người ta tưới nước thì sợ đất nó rã ra. Vì vậy cho nên không bắt được lũ chuột nhà thờ xã. Nay những người ở chung quanh bệ hạ, khi đi ra thì dựa vào cái thế

mạnh mà thu lợi của dân, khi vào thì bè đảng với nhau để che đạy cái xấu không cho vua của mình thấy. Bên trong thì rình xem tình ý nhà vua để nói với ngoài, cho nên ở bên ngoài và ở bên trong họ đều được trọng. Các bầy tôi và trăm viên lại đều dựa vào họ. Quan lại không giết họ đi thì họ sẽ làm pháp luật rối loạn, nhưng giết họ thì nhà vua không yên, nên che chở và giữ họ lại. Họ cũng là loại chuột nhà thờ xã của nước đấy".

Cho nên bầy tôi cầm quyền và cấm đoán theo ý mình, ai không theo họ thì thế nào cũng bị hại. Đó cũng là bọn chó dữ đấy. Các quan đại thần làm con chó dữ cắn những kẻ sĩ có cái đạo trị nước, những người chung quanh nhà vua làm lũ chuột nền xã giòm ngó tình ý nhà vua mà nhà vua không biết. Như vậy thì nhà vua làm sao khỏi bị che lấp, nước làm sao khỏi mất?

Một thuyết khác. Nước Tống có người họ Trang làm nghề bán rượu. Rượu anh ta rất ngon. Có người sai đầy tớ đi mua rượu họ Trang, nhưng con chó của anh ta cắn người, người sai đi không dám đến, bèn mua rượu ở nhà khác. Chủ hỏi: "Tại sao không mua rượu họ Trang?". Người đầy tớ đáp: "Hôm nay rượu nhà họ Trang chua". Cho nên nói: "Nếu không giết con chó thì rượu chua".

Một thuyết khác. Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng: "Trị nước phải lo điều gì?". Quản Trọng đáp: "Khổ nhất là lũ chuột nhà thờ xã. Nhà thờ xã làm

bằng gỗ lấy đất trát lên. Lũ chuột nhân đó ẩn náu ở đấy. Hun nó thì gỗ cháy, tưới nước thì đất bị rã. Vì vậy cho nên khổ vì lũ chuột nhà thờ xã. Nay những người chung quanh nhà vua khi ra ngoài thì dựa vào cái thế mạnh mà thu lợi của dân, khi vào trong thì bè đảng với nhau nói xấu người mình ghét. Nếu không giết thì họ làm loạn pháp luật, nếu giết thì nhà vua nguy, nhà vua lo giữ lấy họ. Đó cũng là loại chuột nhà thờ xã đấy".

Cho nên những kẻ làm tôi nắm lấy quyền tự tiện cấm đoán, người nào rõ ràng theo mình thì được hưởng lợi, những người nào không theo mình thì thế nào cũng bị hại. Họ cũng là loại chó dữ vậy. Cho nên chung quanh là lũ chuột nhà thờ xã, những bọn cầm quyền là chó dữ, thì cái thuật trị nước không thể thi hành được.

III-2. Nghiêu muốn truyền thiên hạ cho Thuấn. Cổn can: "Thật là chuyện không may! Ai lại đem thiên hạ truyền cho kẻ thất phu?". Nghiêu không nghe, đem quân đánh trị tội, giết Cổn ở ngoại ô Vũ Sơn. Cọng Công lại can: "Ai lại đi truyền thiên hạ cho kẻ thất phu?". Nghiêu không nghe, lại đem quân trừng trị Cọng Công ở kinh đô của U Châu. Do đó trong thiên hạ không ai dám nói không truyền thiên hạ cho Thuấn.

Trọng Ni nghe vậy, nói: "Cái khôn của Nghiêu, cái hiền của Thuấn không phải khó. Đến

việc trừng trị những người can, nhất định truyền ngôi cho Thuấn thì mới là khó".

Một thuyết khác. Trọng Ni nói: "Không lấy điều mình ngờ vực mà bỏ điều mình xét đoán thì mới là khó vậy".

III-3. Kinh Trang Vương (tức vua Trang Vương nước Sở) có phép tắc về cửa khuyết nói: "Các bầy tôi, các quan đại phu và các công tử vào triều, nếu ngựa đi vào đường cấm thì quan chấp pháp chặt bánh xe, giết người đánh xe".

Lúc ấy thái tử vào chầu, con ngựa đi vào đường cấm. Quan chấp pháp chém càng xe, giết người đánh xe. Thái tử giận, vào khóc nói với nhà vua: "Xin vì con giết viên pháp quan".

Nhà vua nói: "Phép tắc là cái để kính trọng tôn miếu, đề cao xã tắc, cho nên kẻ có thể lập phép tắc, theo lệnh tôn kính xã tắc là bầy tôi của xã tắc, làm sao có thể giết được? Phàm những kẻ phạm phép, bỏ lệnh, không tôn kính xã tắc, đó là bọn bầy tôi xúc phạm nhà vua và bọn người dưới thích báo cừu rửa hận. Bầy tôi xúc phạm nhà vua thì nhà vua mất uy, ở dưới thích báo cừu rửa hận thì địa vị bề trên nguy. Cái uy mất đi, cái địa vị nguy, xã tắc không giữ được, ta biết lấy gì để để lại cho con cháu?" Thái tử bèn chạy về nhà, tránh vào nhà, ở ngoài trời ba ngày, quay đầu về hướng bắc lạy hai lần xin tha tội chết.

Một thuyết khác. Vua Sở vội vàng cho gọi thái tử. Pháp luật nước Sở xe không được đến cửa khuyết. Trời mưa, ngoài sân chầu nước tràn đầy, thái tử bèn thúc xe đến cửa khuyết. Người coi sân chầu nói: "Xe không thể đến cửa khuyết. Đó là trái phép". Thái tử nói: "Nhà vua gọi gấp, không thể đợi đến lúc không có nước". Bèn thúc xe lên. Viên quan coi sân chầu giơ giáo đánh con ngựa, làm cái xe hỏng.

Thái tử vào khóc với nhà vua nói: "Ngoài sân chầu nước ngập, con ruổi xe đến cửa khuyết, viên quan coi sân chầu nói trái phép, giơ giáo đánh con ngựa, làm hỏng cỗ xe, xin nhà vua giết hắn đi". Nhà vua nói: "Trước có vị chúa già mà không vượt phép, sau lưng có vị chúa tương lai mà không a dua. Giỏi lắm! Đó chính là bảy tôi giữ phép tắc của ta. Chớ có đi qua cửa khuyết lần nữa".

III-4. Vệ Tự Quân nói với Bạc Nghi: "Ông cho nước quả nhân là nhỏ không bõ để làm quan chăng? Quả nhân sức có thể cho ông làm quan. Xin cử ông lên bậc thượng khanh". Bèn cho Bạc Nghi một vạn khoảnh ruộng. Bạc Nghi nói: "Bà mẹ của Nghi thương Nghi cho rằng Nghi có thể làm tướng quốc một nước có vạn cỗ xe mà vẫn thừa sức. Nhưng trong số các bà thầy cúng của nhà Nghi có bà họ Thái. Mẹ Nghi rất yêu và tin bà ta, giao việc nhà cho bà ta. Cái khôn của Nghi đủ để nói chuyện việc nhà, thế nhưng tất cả mọi việc mẹ Nghi đều nghe theo bà Thái. Những điều mẹ Nghi đã nói với Nghi rồi thế

nào cũng nhờ bà Thái quyết định. Cho nên khi nói về tài năng và sự khôn ngoan của Nghi thì mẹ Nghi cho là có thể làm tướng một nước có vạn cỗ xe mà còn thừa sức, nói về mặt thân yêu, thì đây là giữa mẹ với con. Thế mà cộn không khỏi bàn với bà Thái. Nay Nghi đối với nhà vua, không phải thân thiết như mẹ với con, mà các vị vua chúa đều có những bà Thái. Các bà Thái của vua chúa là những người được trọng. Những người được trọng là những người có thể làm việc riêng tư. Phàm làm việc riêng tư là làm chuyện ở ngoài phép tắc mà những điều Nghi nói lại là những chuyện ở trong phép tắc. Kẻ làm chuyện ở ngoài phép tắc với kẻ làm ở trong phép tắc là kẻ thù của nhau, không thể chịu đựng nhau được".

Một thuyết khác. Vệ Quân sang nước Tấn, nói với Bạc Nghi: "Ta muốn cùng đi với ông". Bạc Nghi nói: "Mẹ thần ở nhà, xin về bàn với mẹ". Vua nước Vệ thân hành xin bà mẹ Bạc Nghi. Bà Bạc thưa: "Nghi là tôi của bệ hạ, bệ hạ có ý tốt cho nó đi theo, thế là rất tốt". Vua nước Vệ nói: "Ta đã xin mẹ ông, bà cụ đã đồng ý với ta".

Bạc Nghi về nhà nói với mẹ: "Vua nước Vệ và mẹ ai yêu Nghi hơn?". Bà mẹ đáp: "Ta yêu con hơn nhà vua yêu con". Bạc Nghi nói: "Vua nước Vệ với mẹ ai cho con giỏi hơn?". Bà mẹ nói: "Ta cho con giỏi hơn". Bạc Nghi nói: "Mẹ cùng Nghi bàn chuyện nhà, đã quyết định rồi, mẹ còn hỏi nhờ bà thầy bói họ Thái quyết định. Nay vua nước Vệ cho Nghi đi

theo, tuy là cùng bàn với Nghi, nhưng thế nào rồi cũng phá bỏ điều bàn với các bà Thái khác. Như vậy thì Nghi không thể làm tôi nhà vua lâu dài được".

III-5. Nói chung, người dạy hát trước tiên bảo cất giọng và thay đổi âm thanh, lúc giọng đúng điệu thanh chuỷ rồi mới dạy hát.

Một thuyết khác. Kẻ dạy hát, trước tiên bắt cất giọng theo phép tắc giọng nhanh đúng âm cung, giọng chậm đúng âm chuỷ. Nếu giọng nhanh không đúng âm cung, giọng chậm không đúng âm chủy thì không thể dạy hát được.

III-6. Ngô Khởi là người đất Tả Thị thuộc nước Vệ. Khởi bảo vợ dệt lụa nhưng tấm lụa hẹp hơn khổ thường. Ngô Khởi bảo thay, bà vợ nói: "Vâng ạ". Khi dệt xong, lại đo, kết quả vẫn không đúng khổ. Ngô Khởi nổi giận. Bà vợ đáp: "Tôi đã đo từ đầu giờ không thể thay đổi được nữa". Ngô Khởi đuổi vợ. Bà vợ xin với người anh của Khởi để trở về, người anh nói: "Ngô Tử là người vì pháp luật, lại muốn lập công với ông vua có vạn cỗ xe. Cho nên trước đó phải bắt thê thiếp thực hành rồi sau đó mới đem ra thi hành. Em không có hy vọng trở về đâu". Người em của bà vợ được vua nước Vệ trọng, bèn dựa vào vua nước Vệ xin với Ngô Tử một lần nữa. Ngô Khởi không nghe, bèn rời khỏi nước Vệ vào nước Kinh (Sở).

Một thuyết khác. Ngô Khởi đưa cho vợ một tấm lụa, nói: "Em hãy dệt cho anh một tấm lụa hệt

như thế này". Khi dệt xong xem lại thì tấm lụa đẹp hơn hẳn. Khởi nói: "Anh bảo em dệt tấm lụa phải hệt như thế này, nay tấm lụa này đẹp hơn hẳn là tại làm sao?". Bà vợ nói: "Vật liệu dùng như nhau, nhưng gia công hợp cho nên đẹp hơn". Ngô Khởi nói: "Tôi không bảo thế". Sai vợ đang đêm về nhà cha mẹ. Người cha đến xin. Ngô Khởi nói: "Nhà của Khởi không nói không".

III-7. Tấn Văn Công hỏi Hồ Yển: "Quả nhân bày đồ ngon vật béo ở nhà khách, chén rượu và đĩa thịt la liệt trong cung, bình rượu không kịp trong, thịt sống không kịp bày, giết một con bò thì cho khắp mọi người trong nước, dùng tất cả vải dệt trong một năm để cho sĩ tốt mặc, như thế có đủ khiến cho dân chiến đấu không?". Hồ Tử nói: "Không đủ".

Tấn Văn Công nói: "Ta nới thuế cửa ải, thuế chợ và nhẹ về hình phạt, thế có đủ để cho dân chiến đấu không?". Hồ Tử nói: "Không đủ".

Văn Công nói: "Như vậy thì làm thế nào mới đủ cho dân chúng chiến đấu?". Hồ Tử đáp: "Khiến cho họ không thể không chiến đấu". Văn Công nói: "Khiến cho họ không thể không chiến đấu là thế nào?". Hồ Tử trả lời: "Thưởng chắc chắn, phạt dứt khoát thì đủ khiến cho họ chiến đấu".

Văn Công nói: "Hình phạt đến đâu là cao nhất?". Hồ Yển nói: "Không tránh người thân, người sang, pháp luật thi hành với những người mình yêu". Văn Công nói: "Phải lắm". Sang ngày hôm sau,

Công đi săn ở Phó Lục, hẹn đến lúc mặt trời đứng bóng làm kỳ hạn. Ai đến sai thì thi hành quân pháp. Văn Công có người mình yêu là Điền Hiệt đến sau kỳ hẹn, viên lại xin trị tội. Văn Công cháy nước mắt lo lắng. Viên lại nói: "Xin thi hành pháp luật" bèn chém Điền Hiệt ngang lưng để nêu gương cho trăm họ, nêu cao pháp luật dứt khoát.

Sau đó trăm họ đều sợ, nói: "Nhà vua quý trọng Điền Hiệt như vậy mà còn thi hành pháp luật, huống nữa đối với chúng ta, có nghĩa lý gì?".

Văn Công thấy dân có thể chiến đấu được bèn dấy binh đánh đất Nguyên. Lấy được đất này. Đánh nước Vệ khiến cho các đường của nước này phải đắp tù đông sang tây[2]. Lấy Ngũ Lộc. Đánh Dương, đánh thắng nước Quắc, đánh nước Tào. Phía nam vây nước Trịnh, phá thành luỹ của nước này. Giải vây cho nước Tống, quay về cùng người Kinh đánh nhau ở Thành Bộc, đánh quân Kinh đại bại, khi trở về làm lễ minh thệ ở Tiễn thổ và làm thành cái việc lớn ở Hành Ung[3]. Một lần cất quân mà lập được tám công. Sở dĩ làm được thế không có cái gì khác, theo cái mưu của Hồ Yến và mượn cái lưng của Điền Hiệt vậy.

---

[2] Tức là cùng chiều với đường nước Tấn, xe nước Tấn sang Vệ dễ dàng.

[3] Đề cao nhà Chu.

III-8. Phàm cái nhọt đau đớn không lấy cái ngòi của nó đi thì không thể chịu nổi sự đau khổ. Nếu không biết điều đó thì không thể khiến người ta lấy viên đá nửa tấc để cắt nó đi.

Nay bậc vua chúa đối với việc trị nước cũng thế. Không phải họ không biết chịu khổ thì được yên. Muốn cai trị cái nước của mình, nếu không biết điều đó thì không thể nghe lời khôn ngoan sáng suốt để giết bọn tôi làm loạn. Những bọn tôi làm loạn là những người được trọng, những người vua chúa thương yêu nhất. Vì vua chúa với kẻ mình thương yêu nhất cũng như cái màu trắng và cái vẻ cứng của hòn đá không thể tách ra khỏi nhau được. Lấy tư cách một người mặc áo vải mà lại muốn chia lìa cái cứng và cái trắng của vị vua chúa, những người vua chúa yêu, thì cũng như lấy cái xương đùi bên trái nói chuyện với cái xương đùi bên phải.

Cho nên thân mình thế nào cũng chết mà cái thuyết của mình thế nào cũng không được thi hành.

QUYỂN XIV

Thiên XXXV

Sưu tập những chuyện bên ngoài - Phần sau, đoạn dưới (Ngoại trữ thuyết, hữu hạ)

I. Việc thưởng phạt nếu vua cùng làm với bầy tôi thì lệnh cấm không được thi hành. Lấy cái gì để chứng minh điều đó? Chuyện Tạo Phụ. Ư Kỳ chứng minh điều đó. Tử Hãn làm con lợn nhảy. Điền Hằng làm cái ao vườn. Cho nên vua nước Tống và Tề Giản Công bị giết. Mối lo là ở chỗ Vương Lương cùng Tạo Phụ cùng đánh xe. Điền Liên và Thành Khiếu cùng gảy đàn cầm vậy.

II. Nước trị binh cường là do pháp luật sinh ra. Nước loạn và yếu là do pháp luật quanh co sinh ra. Bậc vua sáng thấy rõ điều đó, thì làm cho sự thưởng phạt đúng đắn, chứ không dùng lòng nhân đối với những người dưới. Tước lộc sinh ra nhờ công lao, việc giết và phạt sinh ra vì phạm tội. Bầy tôi hiểu rõ

điều đó thì đều liều chết ra sức mà không phải lo trung với nhà vua. Nhà vua hiểu rõ sự bất nhân, bầy tôi hiểu rõ sự bất trung, thì có thể làm vương được. Chiêu Tương biết tình cảm của nhà vua mà không phân phát rau trái năm vườn. Điền Vĩ biết tình cảm của bầy tôi cho nên dạy Điền Chương, mà Công Nghi từ chối không nhận cá.

III. Bậc vua chúa sáng xét việc bên ngoài mà việc bên ngoài không thể không thành. Cho nên Tô Đại chê Tề Vương. Bậc vua chúa lấy kẻ sĩ để xét thì các cư sĩ không thể không vinh hiển. Cho nên Phan Thọ nói về tình cảm của vua Hạ Vũ. Bậc vua chúa không giác ngộ được. Phương Ngô biết thế có nên sợ những người cùng mặc áo, cùng họ như mình, huống nữa là cho người khác mượn cái quyền của mình? Ngô Chương biết thế cho nên nói chuyện giả vờ thương ghét, huống nữa là chuyện thương ghét thật? Triệu Vương ghét mắt hổ mà bị che đậy. Đạo của bậc vua sáng như chuyện người hành nhân của nhà Chu khước từ Vệ Hầu vậy.

IV. Kẻ làm vua chúa là kẻ phải giữ pháp luật, căn cứ vào kết quả mà xét để lập công lao. Chỉ nghe có quan lại tuy làm loạn nhưng dân vẫn cứ tốt, chứ không nghe có dân làm loạn nhưng quan lại vẫn cứ trị an một mình. Cho nên bậc vua sáng trị quan lại mà không trị dân, câu chuyện lấy gốc cây và kéo dây lưới nói lên điều đó.

Cho nên không thể không bàn đến chuyện những người gặp hoả hoạn. Con người cứu hoả hoạn nếu cầm cái bình nước chạy đến chỗ lửa cháy thì chỉ có cái công dụng của một người mà thôi. Nhưng nếu như cầm cái roi sai khiến người ta thì làm cho vạn người phải làm việc.

Cho nên kẻ dùng cái thuật trị nước để đối phó cũng giống như Tạo Phụ gặp con ngựa hoang sợ. Nếu giục ngựa đẩy xe thì không thể nào tiến lên nhưng nếu thay người đánh xe, cầm cương, cầm roi ngựa thì ngựa chạy nhanh. Chuyện cái dùi đập cho kim khí bằng phẳng và cái giá sửa gỗ cho thẳng nói lên điều đó. Nếu không làm thế thì thất bại, chuyện Trạc Xỉ dùng nước Tề để giết Tề Mẫn Vương, Lý Đoái dùng nước Triệu làm Triệu Chủ Phụ chết đói nói lên điều đó.

V. Nếu dựa theo cái lý của sự việc mà làm thì không vất vả mà thành công. Cho nên Tư Trịnh ngồi trên càng xe mà hát để đi lên cái cầu cao. Cái lo là ở chỗ các viên lại coi thuế hỏi Triệu Giản Chủ nên đánh thuế nặng hay đánh thuế nhẹ, và Bạc Nghi nói về phần giữa của nước no. Triệu Giản Chủ vui mà kho lúa kho tiền trống rỗng, trăm họ đói mà bọn quan lại gian xảo làm giàu. Cho nên Tề Hoàn Công xét tình thực của dân mà Quản Trọng xét tiền hư nát và con gái oán. Nếu không làm thế thì như Diên Lãng cưỡi ngựa mà không thể tiến, Tạo Phụ đi qua đó, vì thế mà khóc.

I-1. Tạo Phụ chỉ huy bốn con ngựa, cho ngựa rong ruổi lượn quanh, ngựa làm theo ý muốn của ông. Ngựa làm theo ý muốn của ông là vì ông nắm lấy dây cương và roi để khống chế nó. Nhưng nếu như những con ngựa hốt hoảng vì có con lợn chạy ra, mà Tạo Phụ không thể ngăn cấm được thì điều đó không phải là do chỗ dây cương và roi không đủ nghiêm, mà vì cái uy lực của ông ta bị con lợn chạy ra chia sẻ mất đi. Vương Tử Ư Kỳ cho thêm ngựa phụ vào cỗ xe, không dùng dây cương và roi và mặc ngựa làm theo ý muốn của mình và vì ông khéo dùng cái lợi của cỏ và nước. Thế nhưng những con ngựa đi qua ao vườn thì con ngựa phụ thêm rối loạn. Đó không phải vì cái lợi của nước và cỏ không đủ mà vì cái đức của ông ta bị vườn rau chia sẻ mất. Cho nên Vương Lương và Tạo Phụ là những người điều khiển ngựa giỏi trong thiên hạ, thế nhưng nếu khiến Vương Lương cầm dây cương bên phải mà lấy roi quất thì con ngựa không thể đi được mười dặm. Đó là vì người cùng chỉ huy một cỗ xe. Điền Liên và Thánh Khiếu là những người giỏi gảy đàn cầm trong thiên hạ. Thế nhưng nếu Điền Liên gảy ở trên, Thành Khiếu bấm ở dưới thì không thể thành khúc nhạc được. Đó là vì hai người cũng gảy chung một cái đàn. Ôi, khéo như Vương Lương, Tạo Phụ, mà cùng nhau nắm lấy dây cương ngựa, còn không thể điều khiển con ngựa, thế thì vị vua chúa làm thế nào có thể cùng nắm quyền với bọn bầy tôi để làm nên công được?

Một thuyết khác. Tạo Phụ là người đánh xe cho vua Tề. Ông ta làm cho ngựa khát nước và thuần dưỡng được ngựa. Thử đánh xe vào vườn, con ngựa khát nước nhìn thấy cái ao vườn, bỏ xe chạy đến bên ao, cỗ xe hỏng. Vương Tử Ư Kỳ vì Triệu Giản Chủ đi trên đường tranh đi nhanh nhất trên đường xa ngàn dặm. Lúc mới ra đi, có con lợn nấp ở dưới cái rãnh. Vương Tử Ư Kỳ cầm dây cương, cầm roi cho ngựa tiến lên, con lợn đột nhiên ở dưới rãnh nhảy lên. Con ngựa hoảng sợ, cỗ xe bị phá hỏng.

I-2. Quan tư thành là Tử Hãn nói với vua nước Tống: "Khen thưởng và ban cấp là những điều dân chúng thích, xin bệ hạ cứ tự mình làm. Giết chém, trừng phạt là những điều dân chúng ghét, thần xin đảm nhiệm". Vua Tống nói: "Được". Tử Hãn bèn ra uy thi hành mệnh lệnh trừng trị quan đại thần. Nhà vua nói: "Hãy hỏi Tử Hãn". Do đó, các quan đại thần sợ ông ta, dán hèn mọn theo ông ta. Được chẳng một năm, Tử Hãn giết vua nước Tống và đoạt lấy quyền chính. Cho nên Tử Hãn làm con ngựa chạy xổ ra mà đoạt lấy cái nước của vua của mình.

I-3. Vua Tề Giản Công ở địa vị trên phạt nặng, hình phạt nghiêm, thuế khoá nặng và giết tróc dân chúng. Điền Hằng chủ trương nhân từ thương người, nêu rõ điều khoan dung, hậu hĩ. Giản Công làm cho dân nước Tề thành con ngựa khát nước, không gia ơn cho dân. Còn Điền Hằng thì lấy điều nhân hậu làm cái ao vườn vậy.

Một thuyết khác. Tạo Phụ làm người đánh xe phụ cho vua Tề. Ông tập cho ngựa nhịn khát để thuần dưỡng chúng. Được một trăm ngày thì thuần dưỡng xong. Thuần dưỡng xong, Tạo Phụ xin mời vua lên xe. Vua Tề nói: "Đánh xe vào vườn". Tạo Phụ thúc ngựa vào vườn, ngựa thấy cái ao vườn thì bỏ chạy. Tạo Phụ không cấm nổi. Tạo Phụ lấy cái khát thuần dưỡng con ngựa đã lâu, nay con ngựa nhìn thấy cái ao thì đột nhiên bỏ chạy, dù có Tạo Phụ cũng không thể trị được. Nay Giản Công lấy pháp luật ngăn cấm dân chúng đã lâu, mà Điền Hằng làm lợi cho dân, như thế là Điền Hằng đưa cái ao vườn ra cho dân khát nước thấy vậy.

Một thuyết khác. Vương Tử Ư Kỳ vì vua nước Tống dự cuộc đua ngàn dặm. Đã thắng vào xe, ông vuốt bờm sờ mép ngựa và bắt đầu thúc ngựa chạy. Ông thúc cho nó tiến lên. Bánh xe đúng với dây, ông kéo dây. Ngựa chân sau giẫm lên dấu chân trước, ông quất và cho ngựa chạy. Bỗng có con lợn từ dưới rãnh nhảy ra. Con ngựa lùi lại. Đánh nó cũng không chịu tiến lên. Ngựa chạy lồng lên, gò cương lại nó cũng không dừng.

Một thuyết khác. Quan tư thành là Tử Hãn nói với vua nước Tống: "Khen thưởng và ban cấp là việc dân chúng thích, xin bệ hạ tự làm. Giết tróc, trừng phạt là chuyện dân chúng ghét, thần xin đảm nhiệm". Do đó, gặp việc giết dân hèn, trừng trị các quan đại thần, nhà vua đều bảo: "Hãy bàn với Tử

Hãn". Được một năm, dân chúng biết mệnh lệnh giết chết hay cho sống là do Tử Hãn quyết định, cho nên cả nước theo ông ta. Do đó Tử Hãn hiếp vua nước Tống mà đoạt lấy chính quyền, pháp luật không thể ngăn cấm được. Cho nên nói: Tử Hãn làm con lợn chạy xổ ra, và Điền Hằng làm cái ao vườn vậy. Nếu sai Vương Lương, Tạo Phụ cùng đánh một cỗ xe, mỗi người nắm lấy một sợi dây cương để vào cổng làng, thì cỗ xe thế nào cũng hỏng và không đến nơi được. Nếu sai Điền Liên, Thành Khiếu mỗi người gảy một dây đàn thì âm thanh thế nào cũng loạn mà khúc nhạc không thành.

II-1. Tần Chiêu Vương bị bệnh. Trăm họ trong làng mua bò cầu cho nhà vua. Công Tôn Thuật đi ra nhìn thấy thế, vào mừng nhà vua nói: "Trăm họ mỗi làng đều mua bò để cầu cho nhà vua được sống". Nhà vua cho người hỏi thì quả có thực. Nhà vua nói: "Phạt mỗi người hai bộ áo giáp. Không có lệnh mà lại tự tiện cầu thọ, như thế là yêu quá nhân. Yêu quá nhân thì quá nhân cũng đổi phép tắc làm cho lòng mình thuận theo họ. Phép tắc không lập thì đó là con đường đi đến loạn và mất nước. Không bằng phạt mỗi người hai áo giáp và cùng họ trị an".

Một thuyết khác. Tần Tương Vương bị bệnh. Trăm họ vì ông ta cầu thọ. Bệnh lui. Quan lang trung là Diêm Ất và Công Tôn Diễn đi ra thấy thế nói: "Bây giờ không phải là lúc tế thổ thần, không phải là tháng chạp tại sao lại giết bò cúng ở đền

xã?". Hai người lấy làm lạ hỏi. Trăm họ nói: "Nhà vua bị bệnh, cầu thọ cho nhà vua. Nay bệnh đã lành, giết bò để cúng tạ". Công Tôn Diễn, Diêm Át vui mừng vào yết kiến nhà vua nói: "Bệ hạ hơn Nghiêu, Thuấn". Nhà vua hoảng sợ hỏi: "Tại sao lại nói thế?". Thưa rằng: "Nghiêu, Thuấn, dân chúng chưa từng vì ông ta cầu nguyện. Nay bệ hạ bị bệnh, mà dân chúng giết bò cầu nguyện, cho nên thần trộm cho bệ hạ là hơn Nghiêu, Thuấn". Nhà vua bèn cho người hỏi làng nào làm điều đó. Phạt người cầm đầu làng và những người cầm đầu năm nhà hai bộ áo giáp. Diêm Át, Công Tôn Diễn xấu hổ nhưng không dám nói ra.

Được vài tháng, nhà vua uống rượu vui vẻ, Diêm Át, Công Tôn Diễn nói với nhà vua: "Trước đây bọn thần cho bệ hạ hơn Nghiêu, Thuấn không phải là dám nịnh hót. Nghiêu, Thuấn bị bệnh, nhưng dân của hai ông cũng chưa đến nỗi giết bò cầu nguyện. Bệ hạ bị bệnh, họ giết bò cầu nguyện. Nay bệ hạ lại phạt người cầm đầu làng và những người cầm đầu năm nhà hai bộ áo giáp, bọn thần trộm lấy làm lạ". Nhà vua nói: "Tại sao các ngươi lại không biết điều đó? Dân chúng kia phục vụ cho ta không phải vì ta thương họ nên họ phục vụ cho ta. Đó là vì cái thế của ta cho nên họ phục vụ cho ta. Nếu ta bỏ cái thế để lấy lòng dân thì khi ta không thương dân, dân sẽ không phục vụ ta. Cho nên ta cất đứt cái đạo thương dân".

II-2. Nước Tần đói to. Ứng Hầu xin với nhà vua: "Cây cỏ đất năm vườn giồi dào, có rau, quả tượng, cây táo, cây lật, đủ để nuôi sống dân. Xin phát cho họ". Chiêu Vương nói: "Phép tắc nước Tần ta, khiến dân có công thì được thưởng, có tội thì bị phạt. Nay phát rau cỏ năm vườn, khiến cho những người dân có công hay không có công cũng đều được thưởng. Nói chung, việc khiến cho dân chúng có công hay không có công đều được thưởng đó là đường sinh loạn. Phát của cải năm vườn mà nước loạn không bằng vứt bỏ rau quả mà nước trị".

Một thuyết khác. Nhà vua nói: "Sai phát rau, quả, quả táo, quả lật của năm vườn đủ để cho dân sống, như thế là khiến cho những người dân có công và không có công tranh nhau giành lấy. Phàm khiến họ sống mà sinh loạn, không bằng để họ chết mà nước trị. Các quan đại phu hãy bỏ việc đó đi".

II-3. Điền Vĩ dạy con là Điền Chương: "Muốn làm lợi cho thân mình thì trước đó phải làm lợi cho vua mình. Muốn làm giàu cho nhà mình, thì trước đó phải làm giàu cho nước mình".

Một thuyết khác. Điền Vĩ dạy con là Điền Chương: "Nhà vua bán quan tước, bầy tôi bán trí khôn và sức lực. Cho nên phải tự cậy vào mình mà không cậy vào người".

II-4. Công Nghi Hưu làm tướng quốc nước Lỗ, lại thích ăn cá. Cả nước tranh nhau mua cá để biếu ông ta. Công Nghi Tử không nhận. Người em can:

"Ngài thích ăn cá mà lại không nhận cá là tại làm sao?". Công Nghi Tử đáp: "Vì ta thích ăn cá nên ta không nhận. Ta mà nhận cá thì ta thế nào cũng phải có cái vẻ mặt chiều cố đến người ta. Có cái vẻ mặt chiều cố đến người ta thì thế nào cũng bẻ cong pháp luật. Bẻ cong pháp luật thì không làm được tướng quốc. Lúc đó thì dù ta có thích ăn cá nhưng không chắc là có thể tự mình kiếm được cá cho mình. Ta lại không có thể tự mình cung cấp cá cho mình. Còn nếu ta không nhận cá thì vẫn cứ được làm tướng quốc. Tuy ta thích ăn cá ta vẫn cứ có thể tự cung cấp cho mình mãi".

Điều đó chứng tỏ nhờ cậy ở người không bằng nhờ cậy ở mình. Nó chứng tỏ nhờ cậy người ta làm cho mình không bằng nhờ cậy chính mình làm cho mình vậy.

III-1. Tử Chi làm tướng quốc nước Yên, được sang nhưng nhà vua vẫn quyết định mọi việc. Tô Đại làm sứ giả nước Tề sang nước Yên, nhà vua hỏi: "Vua nước Tề là vị vua như thế nào?". Tô Đại nói: "Chắc chắn không làm bá". Yên Vương hỏi: "Tại sao thế?". Đại đáp: "Ngày xưa Tề Hoàn Công làm bá, mọi việc bên trong đều giao cho Bão Thúc, mọi việc bên ngoài đều giao cho Quản Trọng. Tề Hoàn Công chỉ xoã tóc ngày vui chơi với đàn bà, ngày đi chơi ngoài chợ. Nay vua Tề không tin quan đại thần". Vua Yên nhân đấy lại càng tin Tử Chi. Tử Chi

nghe thế khiến người đưa cho Tô Đại một trăm dật vàng tha hồ cho ông ta tiêu dùng.

Một thuyết khác. Tô Đại làm sứ giả nước Tần sang nước Yên. Đại thấy rằng nếu mình không giúp được gì cho Tử Chi thì không làm nên việc mà về, nước mình sẽ không được đồ cống mà mình sẽ không được ban thưởng. Bèn yết kiến vua Yên. Vua Yên hỏi: "Vua Tề là người giỏi như thế, thì sẽ làm vương thiên hạ chăng?". Tô Đại đáp: "Cứu cánh mất nước còn chưa nổi, làm sao làm vương thiên hạ được?". Vua Yên hỏi: "Tại sao thế?". Đại đáp: "Ông ta dùng người mình yêu không chuyên tâm".Vua Yên hỏi: "Tại sao nước mất?". Đại đáp: "Ngày xưa Tề Hoàn Công yêu Quản Trọng, cho ông ta làm Trọng phụ, lo việc bên trong, quyết định việc bên ngoài. Trao cả nước cho ông ta. Cho nên một lần cứu thiên hạ, chín lần họp chư hầu. Nay vua Tề dùng người mình yêu không chuyên tâm, cho nên biết là nước sẽ mất". Vua Yên nói: "Nay ta tin dùng Tử Chi thiên hạ vẫn chưa biết". Ngày hôm sau, bèn thiết triều và nghe theo lời Tử Chi.

III-2. Phan Thọ nói với vua nước Yên: "Bệ hạ không bằng nhường nước cho Tử Chi. Người ta sở dĩ nói vua Nghiêu hiền là vì ông ta lấy nước nhường cho Hứa Do. Hứa Do nhất định là không nhận, như vậy thì Nghiêu có được cái tiếng là nhường thiên hạ cho Hứa Do, mà thực ra vẫn không bỏ mất thiên hạ. Nay nhà vua đem nước nhường cho Tử Chi, Tử Chi

thế nào cũng không nhận. Như vậy là bệ hạ có được cái tiếng là nhường nước, và ngang với Nghiêu vậy". Vua Yên bèn giao cả nước cho Tử Chi, Tử Chi rất được trọng.

Một thuyết khác, Phan Thọ là một người ở ẩn. Vua Yên cho người mời ông ta. Phan Thọ yết kiến vua Yên nói: "Thần sợ Tử Chi sẽ như Ích". Nhà vua hỏi: "Tại sao lại như Ích!". Phan Thọ đáp: "Ngày xưa vua Hạ Vũ chết sắp truyền thiên hạ cho Ích. Những người của Khải nhân đấy họp nhau lại đánh Ích mà lập Khải. Ngày nay, bệ hạ tin dùng yêu quý Tử Chi, sẽ truyền ngôi cho Tử Chi. Những người của thái tử đều mang ấn, những người của Tử Chi không có một người nào ở triều đình, thì Tử Chi cũng là Ích vậy". Nhà vua bèn thu ấn quan lại từ hạng lương ba trăm thạch trở lên và giao cho Tử Chi, Tử Chi rất được tôn trọng.

Phàm kẻ nhà vua nhìn vào để soi gương mình là những kẻ sĩ ở chư hầu. Nay những kẻ sĩ của chư hầu đều là bè đảng của nhà riêng. Nhà vua lấy những người trong hang núi làm vây cánh cho mình. Nay những người trong hang núi cũng đều là những tay chân của nhà riêng. Tại sao thế? Cái quyền sinh quyền sát là ở Tử Chi. Cho nên Ngô Chương nói: "Kẻ làm vua không thể giả vờ thương người hay ghét người, nếu giả vờ thương người thì không còn có thể ghét lại được nữa, nếu giả vờ ghét người thì sẽ không còn có thể thương lại được nữa".

Một thuyết khác. Vua Yên muốn truyền nước cho Tử Chi, đem điều đó hỏi Phan Thọ. Phan Thọ đáp: "Vua Hạ Vũ yêu Ích và giao thiên hạ cho Ích cai trị. Sau đó, lại chính những người của Khải làm hại. Đến khi Hạ Vũ già, Hạ Vũ cho rằng Khải không có đủ năng lực cai trị thiên hạ, cho nên truyền thiên hạ cho Ích. Nhưng cái thế lớn là ở Khải. Ít lâu sau, Khải cùng bè bạn phe đảng đánh Ích và cướp thiên hạ, như vậy là Vũ có cái tiếng là truyền thiên hạ cho Ích, nhưng thực tế là khiến cho Khải tự mình giành lấy. Điều đó chứng tỏ rõ ràng Vũ không bằng Nghiêu, Thuấn. Nay nhà vua muốn truyền nước cho Tử Chi mà các quan lại không ai không phải là những người của thái tử. Như vậy là có cái tiếng là truyền cho ông ta nhưng thực tế là sai thái tử tự mình giành lấy". Vua Yên bèn thu ấn từ trăm thạch trở lên đều giao cho Tử Chi. Kết quả Tử Chi được trọng.

III-3. Phương Ngô Tử nói: "Tôi nghe lễ xưa người cai trị không ngồi cùng một xe với người mặc áo như mình, không ở cùng một nhà với người cùng họ với mình. Huống nữa bậc làm vua mà lại cho người ta mượn cái quyền của mình và tách mình ra khỏi cái thế của mình sao?".

III-4. Ngô Chương nói với Hàn Tuyên Tử: "Kẻ làm vua không thể giả vờ yêu người ta. Làm thế này sau sẽ không có thể ghét người ta được; không có thể giả vờ ghét người ta, làm thế một ngày kia sẽ

không có thể yêu người ta lại được. Cho nên nếu dấu hiệu của việc giả vờ yêu, ghét bộc lộ thì những kẻ a dua sẽ nhân vào đó mà khen chê. Tuy có vị vua sáng cũng không có thể cứu vãn được, huống nữa là thực sự cho người ta mượn".

III-5. Vua Triệu chơi trong vườn. Những người chung quanh đem thỏ cho hổ ăn thịt. Con hổ liếc nhìn trợn tròn con mắt. Nhà vua nói: "Mắt hổ đáng ghét quá!". Những người chung quanh nói: "Mắt của Bình Dương Quân còn dữ hơn thế! Nhìn mắt hổ còn chưa bị hại chứ nhìn mắt Bình Dương Quân thì thế nào cũng chết thôi". Ngày hôm sau Bình Dương Quân nghe vậy, sai người giết người nói mà nhà vua không trị tội ông ta.

III-6. Vua nước Vệ vào chầu nhà Chu. Quan hành nhân nhà Chu hỏi hiệu của nhà vua. Vua Vệ đáp: "Tôi là chư hầu Tịch Cương". Người hành nhân không cho vào nói: "Chư hầu không được có cùng tên hiệu với thiên tử[1]". Vua Vệ bèn tự mình thay đổi nói "Chư hầu huỷ". Sau đó mới cho vào chầu. Trọng Ni nghe vậy, nói: "Thực khéo ngăn cấm sự lấn át từ xa! Cái tên suông còn không thể cho người ta mượn, huống nữa là cái thực!".

IV-1. Người lay cây nếu cứ lay từng lá cây thì mệt mà không xiết được. Hai tay nắm lấy cái gốc

[1] Tịch cương tức là "khai tịch cương thổ", mở mang đất nước, đó là hiệu của thiên tử.

mà lay thì lá đều lay động hết. Đến vực mà lay cây thì chim chóc sợ mà bay cao, cá sợ mà lặn xuống. Kẻ khéo chăng lưới thì kéo cái dây giềng chứ không kéo từng mắt lưới một. Kéo từng mắt lưới thì phải kéo đến một vạn cái mắt rồi mới được, như thế thì vất vả mà lại khó làm. Kéo cái dây giềng thì con cá đã vào giỏ rồi. Cho nên kẻ quan lại là mối giềng của dân. Cho nên thánh nhân trừng trị quan lại mà không trừng trị dân.

IV-2. Trong việc cứu hoả, nếu như viên lại có trách nhiệm ra lệnh, lại cầm một bình nước mà chạy cứu hoả thì chỉ làm được công việc của một người mà thôi. Nhưng nếu như ông ta cầm cây roi chỉ huy và đốc thúc người ta chữa, thì điều khiển được vạn người. Cho nên bậc thánh nhân không thân người dân hèn và bậc chúa sáng không thân hành làm những việc nhỏ.

IV-3. Tạo Phụ đang bừa cỏ, nhìn thấy hai cha con đi xe đi qua. Con ngựa hoảng sợ không đi. Người con xuống xe, kéo con ngựa, người cha đẩy cái xe. Hai người nhờ Tạo Phụ giúp mình đẩy xe. Tạo Phụ bèn thu dụng cụ đặt lên xe, giúp người con lên xe, rồi mới bắt đầu so dây cương, cầm roi. Chưa dùng đến dây cương và roi thì những con ngựa đã tiến lên. Giả sử Tạo Phụ không biết điều khiển xe, thì dù có dốc sức vất vả giúp đẩy xe, ngựa vẫn không chịu đi. Nay thân mình khoẻ khoắn ngồi lên

xe mà lại có ân đức với người khác. Đó là vì cái thuật để đối phó.

Cho nên nước là cái xe của nhà vua, thế là cái con ngựa của nhà vua. Nếu không có cái thuật trị nước để điều khiển thì thân mình dù có vất vả vẫn không khỏi nước loạn. Còn nếu có cái thuật trị nước để điều khiển thì thân mình ở vào nơi rỗi rãi, vui vẻ mà lại làm được cái công lao của bậc đế vương.

IV-4. Cái chuỳ rèn là cái để làm cho vật lồi lõm bằng phẳng, cái giá gỗ là cái để nắn lại cái không thẳng. Thánh nhân làm phép tắc là để làm cho cái không bằng phẳng được bằng phẳng và nắn lại cái không thẳng.

IV-5. Trạc Xỉ nắm quyền hành ở nước Tề rút gân Tề Mẫn Vương. Lý Đoái nắm quyền hành ở nước Triệu bắt Triệu Chủ Phụ chết đói. Hai ông vua kia đều không biết dùng cái chuỳ rèn, cái giá gỗ của mình cho nên thân bị chết bị giết mà bị thiên hạ cười.

Một thuyết khác. Vào nước Tề thì chỉ nghe nói đến Trạc Xỉ mà không nghe nói đến vua Tề. Vào nước Triệu thì chỉ nghe nói đến Lý Đoài mà không nghe nói đến vua Triệu. Cho nên có câu: "Kẻ làm vua nếu không nắm lấy cái thuật trị nước, thì cái thế mình nhẹ mà bầy tôi nắm lấy cái tiếng".

Một thuyết khác. Điền Anh làm tướng quốc nước Tề. Có người nói với nhà vua: "Việc tính toán cuối năm, nếu nhà vua không dành vài ngày để tự

mình xem thì không có cách nào biết điều gian tà, đúng sai của các quan lại". Nhà vua nói: "Phải đấy". Điền Anh nghe vậy, thân hành đến xin nhà vua nghe các bảng kế toán của mình. Nhà vua định nghe. Điền Anh sai các quan chuẩn bị sổ sách, đấu, thạch, thăng. Nhà vua thân hành nghe tính, cho đến lúc không thể nghe được nữa. Ăn cơm xong lại ngồi nghe không ăn bữa cơm chiều. Điền Anh lại nói: "Quần thần suốt năm ngày đêm không dám lười biếng được bệ hạ một tối nghe cho thì bọn bầy tôi rất được khuyến khích vậy". Nhà vua bảo: "Phải". Lát sau nhà vua đã ngủ gục. Các viên lại chẻ tất cả các sổ sách thăng đấu. Nhà vua tự mình nghe sổ sách thì cái loạn từ đó nảy sinh.

Một thuyết khác. Vũ Linh Vương sai Huệ Văn Vương cầm quyền chính, Lý Đoái làm tướng quốc. Vũ Linh Vương không tự mình nắm lấy cái quyền sinh sát cho nên bị Lý Đoái hiếp.

V-1. Tư Trịnh Tử đẩy xe lên cái cầu cao nhưng không đẩy nổi. Tư Trịnh ngồi trên càng xe mà hát, người trước đứng, người sau đun lên. Cái xe bèn lên. Giả sử Tư Trịnh không có cái thuật để lôi kéo người thì cái thân tuy kiệt sức mà chết, cái xe vẫn không lên được. Nay thân không vất vả khổ sở mà xe lại lên được, là vì có cái thuật để lôi cuốn người ta vậy.

V-2. Triệu Giản Chủ ra lệnh thu thuế. Viên lại hỏi nên đánh thuế nhẹ hay nặng. Giản Chủ đáp: "Không nhẹ, không nặng. Đánh nặng thì cái lợi quy

về người trên, đánh nhẹ thì cái lợi quy về dân chúng. Làm lại không có lợi riêng thế là đủ". Bạc Nghi nói với Triệu Giản Chủ: "Nước của bệ hạ no ở giữa". Giản Chủ hớn hở vui mừng, hỏi: "Làm sao như thế?". Bạc Nghi nói: "Kho lúa kho tiền trống rỗng ở trên, trăm họ nghèo khổ ở dưới, nhưng bọn quan lại gian thì giàu có".

V-3. Tề Hoàn Công mặc y phục của người thường đi xét các nhà dân. Có người tuổi già nhưng phải tự nuôi lấy mình. Hoàn Công hỏi tại sao lại thế, ông ta đáp: "Thần có ba đứa con. Nhà nghèo không có thể cưới vợ cho con, chúng đi làm thuê chưa về". Hoàn Công trở về, nói điều đó với Quản Trọng. Quản Trọng nói: "Trong kho có thứ của cải mục, vứt bỏ thì người ta có sắc đói; trong cung có cô gái oán thì dân không có vợ". Hoàn Công nói: "Phải đấy". Bèn xét những người đàn bà trong cung để gả chồng cho họ. Ra lệnh cho dân: "Con trai hai mươi thì lấy vợ. Con gái mười lăm thì lấy chồng".

Một thuyết khác. Hoàn Công mặc đồ dân thường đi chơi trong dân gian. Có người tên là Lộc Môn Tắc tuổi đã bảy mươi mà không có vợ. Hoàn Công hỏi Quản Trọng: "Có người dân già mà không có vợ chăng?". Quản Trọng đáp: "Có Lộc Môn Tắc đã bảy mươi tuổi mà không có vợ". Hoàn Công nói: "Làm thế nào để cho anh ta có vợ?". Quản Trọng đáp: "Thần nghe nói: Ở trên có của cải chứa chất thì dân thế nào cũng thiếu thốn ở dưới. Trong cung có

mình xem thì không có cách nào biết điều gian tà, đúng sai của các quan lại". Nhà vua nói: "Phải đấy". Điền Anh nghe vậy, thân hành đến xin nhà vua nghe các bảng kế toán của mình. Nhà vua định nghe. Điền Anh sai các quan chuẩn bị sổ sách, đấu, thạch, thăng. Nhà vua thân hành nghe tính, cho đến lúc không thể nghe được nữa. Ăn cơm xong lại ngồi nghe không ăn bữa cơm chiều. Điền Anh lại nói: "Quần thần suốt năm ngày đêm không dám lười biếng được bệ hạ một tối nghe cho thì bọn bầy tôi rất được khuyến khích vậy". Nhà vua bảo: "Phải". Lát sau nhà vua đã ngủ gục. Các viên lại chẻ tất cả các sổ sách thăng đấu. Nhà vua tự mình nghe sổ sách thì cái loạn từ đó nẩy sinh.

Một thuyết khác. Vũ Linh Vương sai Huệ Văn Vương cầm quyền chính. Lý Đoái làm tướng quốc. Vũ Linh Vương không tự mình nắm lấy cái quyền sinh sát cho nên bị Lý Đoái hiếp.

V-1. Tư Trịnh Tử đẩy xe lên cái cầu cao nhưng không đẩy nổi. Tư Trịnh ngồi trên càng xe mà hát, người trước đứng, người sau đun lên. Cái xe bèn lên. Giả sử Tư Trịnh không có cái thuật để lôi kéo người thì cái thân tuy kiệt sức mà chết, cái xe vẫn không lên được. Nay thân không vất vả khổ sở mà xe lại lên được, là vì có cái thuật để lôi cuốn người ta vậy.

V-2. Triệu Giản Chủ ra lệnh thu thuế. Viên lại hỏi nên đánh thuế nhẹ hay nặng. Giản Chủ đáp: "Không nhẹ, không nặng. Đánh nặng thì cái lợi quy

oán nữ thì có những người già không có vợ". Hoàn Công nói: "Phải đấy". Ra lệnh những người con gái trong cung không được vua dùng đến lần nào thì đều cho lấy chồng, và ra lệnh cho con trai hai mươi tuổi phải lấy vợ, con gái mười lăm tuổi phải gả chồng. Do đó trong cung không có con gái oán, ngoài dân không có người đàn ông không vợ.

V-4. Diên Lãng Trác Tử ngồi trên cỗ xe chạm rồng xanh. Hàm thiếc ở trước, roi vọt ở sau. Ngựa muốn tiến lên thì bị cái hàm thiếc cản lại, ngựa muốn thối lui thì bị roi vọt quất. Do đó, con ngựa chạy ngang. Tạo Phụ đi qua vì thế mà khóc chảy nước mắt, nói: "Người xưa trị dân cũng thế. Thưởng là để khuyến khích dân, nhưng sự chê bai lại nằm ở đấy. Phạt là để ngăn cấm dân nhưng khen lại thêm vào đó, dân đứng ở giữa mà không biết đi về đâu? Cho nên điều đó cũng khiến cho bậc thánh nhân vì họ mà khóc".

Một thuyết khác. Diên Lãng Trác Tử đi cỗ xe chạm rồng xanh, ngựa có vằn. Đằng trước thì có cái hàm thiếc, đằng sau thì có cái mũi nhọn. Ngựa tiến lên thì kéo dây cương, ngựa lùi lại thì lấy roi quất. Con ngựa tiến lên không tiến lên được, thối lui không lui được. Cho nên chạy ngang và lồng ra. Do đó, người ta rút dao chặt chân nó. Tạo Phụ nhìn thấy thế, khóc, suốt ngày không ăn, bèn ngẩng đầu lên trời mà thở dài nói: "Cái roi là để làm cho ngựa tiến lên, nhưng cái hàm thiếc ở đằng trước; người ta kéo

nó để nó lùi lại, nhưng lại có cái mũi nhọn ở phía sau. Nay vị vua chúa tiến cử người ta vì họ thanh thiết nhưng họ không hợp với những người chung quanh nhà vua cho nên cho họ lui đi. Vì họ công bình chính trực mà khen họ, lại vì họ không nghe những người chung quanh mà bỏ họ. Dân chúng sợ đứng ở giữa mà không biết đi về đâu? Điều đó khiến cho bậc thánh nhân rơi nước mắt vậy".

QUYỂN XV

Thiên XXXVI

Chất vấn[1] phần thứ nhất (Nạn nhất)

1. Tấn Văn Công sắp đánh nhau với quân Sở. Gọi Cậu Phạm đến hỏi: "Ta sắp đánh nhau với quân Sở. Họ đông mà ta ít. Vậy nên làm như thế nào?". Cậu Phạm thưa: "Thần nghe nói dùng lễ với người quân tử, không chán điều trung và tín. Nhưng trong việc chiến trận, không ngại việc lừa dối. Bệ hạ cứ dùng dối trá với họ mà thôi". Văn Công từ giã Cậu Phạm, nhân đấy cho gọi Ung Quý mà hỏi: "Ta sắp đánh nhau với quân Sở, họ đông mà ta ít, nên làm như thế nào?". Ung Quý đáp: "Nếu đốt rừng để săn thì bắt được nhiều thú, nhưng sau đó nhất định không có thú vật nữa. Dùng sự dối trá với dân thì thu lợi nhất thời nhưng lần sau nhất định không làm

---

[1] Mục đích là bác lại các quan điểm chủ yếu của Nho giáo bằng cách vạch ra mâu thuẫn.

lại được". Văn Công nói: "Phải đấy". Văn Công từ giã Ung Quý, dùng mưu của Cậu Phạm đánh nhau với quân Sở và đánh bại quân Sở. Khi trở về ban tước lộc, thưởng cho Ung Quý trước mà thưởng cho Cậu Phạm sau.

Các bầy tôi nói: "Trận đánh ở Thành Bộc là mưu của Cậu Phạm, tại sao dùng lời của ông ta mà lại thưởng cho ông ta kém?". Văn Công nói: "Điều đó các người không thể biết được. Lời nói của Cậu Phạm là cái quyền biến một lúc, lời nói của Ung Quý là cái lợi muôn đời". Trọng Ni nghe thế, nói: "Văn Công làm bá là đúng thay! Đã biết cái quyền biến nhất thời, lại biết cái lợi muôn đời".

Có người nói: Cau trả lời của Ung Quý là không đúng vào câu hỏi của Văn Công. Nói chung, trả lời câu hỏi là phải nhận việc hỏi điều lớn, điều nhỏ, điều chậm, điều gấp mà trả lời. Điều hỏi cao và lớn mà câu trả lời lại thấp và hẹp thì vị vua sáng không nhận. Nay Văn Công hỏi cách dùng ít đối phó với nhiều, mà lại trả lời "Lần sau nhất định không làm được", đó không phải là cái để trả lời câu hỏi.

Và lại, Văn Công không biết cái quyền biến nhất thời cũng không biết cái lợi muôn đời. Đánh giặc mà thắng thì nước yên mà thân vững, quân đội mạnh mà lập được cái uy thì tuy lần sau có làm lại cũng không có cái gì lớn hơn điều đó. Sợ gì không đạt được cái lợi muôn đời? Đánh giặc mà không

thắng, thì nước mất, quân yếu đi, cái thân chết, cái danh hết. Tránh cái chết hôm nay còn chưa được, còn thì giờ đâu mà được cái lợi muôn đời? Đợi cái lợi muôn đời là ở cuộc thắng trận hôm nay. Sự thắng trận hôm nay là ở chỗ lừa kẻ địch. Lừa kẻ địch đó là lợi muôn đời đấy. Cho nên nói: câu trả lời của Ung Quý là không nhằm vào câu hỏi của Tấn Văn Công.

Vả lại Văn Công lại không biết lời của Cậu Phạm. Cậu Phạm nói không ngại việc lừa dối, không phải là nói lừa dối dân mình, mà nói lừa dối quân địch. Kẻ địch là cái nước mình phải đánh, dẫu sau không làm lại được thì có hại gì đâu? Sở dĩ Văn Công đề cao Ung Quý phải chăng vì cái công của ông ta? Nhưng thắng được quân Sở, phá được quân nó là nhờ mưu của Cậu Phạm. Đó phải chăng vì lời nói của ông ta hay? Như vậy thì Ung Quý chỉ nói "sau này không làm lại được" câu này cũng chưa phải là lời nói hay. Lời nói của Cậu Phạm thì gồm cả hai. Cậu Phạm nói: "Dùng lễ với người quân tử, không chán việc trung và tín". Trung là cái dùng để yêu kẻ dưới, tín là cái dùng để không lừa dối dân mình. Một khi đã yêu và đã không lừa dối thì còn lời nói nào hay hơn nữa? Thế nhưng phải nói dùng lối lừa dối là vì đó là cái mưu kế quân sự. Cậu Phạm trước có lời nói hay, sau có chiến thắng cho nên Cậu Phạm có hai công mà lại bị để ra sau. Ung Quý không có công nào mà lại được thưởng trước. Nói "Văn Công làm bá là đúng thay" cho biết Trọng Ni không biết thưởng đúng đắn vậy.

2. Những người cày ruộng ở Lịch Sơn giành bờ ruộng nhau. Thuấn đến đó cày. Được một năm thì những người cày nhường bờ ruộng. Những người đánh cá ở bờ sông Hoàng Hà tranh nhau về bãi. Thuấn đến đấy đánh cá. Được một năm, họ nhường cho người lớn tuổi. Những người làm đồ gốm ở Đông Di làm đồ dùng xấu. Thuấn đến làm đồ gốm. Được một năm thì đồ gốm chắc. Trọng Ni than: "Cày ruộng, đánh cá, làm đồ gốm đều không phải là chức quan của Thuấn. Nhưng Thuấn đến làm là để sửa cái hư hỏng. Thuấn quả là người có nhân thay! Tự mình ở vào nơi khó nhọc mà dân theo ông ta. Cho nên nói: "Thánh nhân lấy đức để cảm hoá vậy".

Có người hỏi nhà nho: "Trong lúc đó thì Nghiêu ở đâu?". Người kia đáp: "Nghiêu làm thiên tử". Nhưng như vậy tại sao Trọng Ni lại cho Nghiêu là thánh? Bậc thánh nhân xét đoán sáng suốt ở trên, để khiến cho thiên hạ không có điều gian dối. Nay những người cày, những người đánh cá không tranh giành, những người làm đồ gốm không làm đồ xấu. Thuấn có đức gì mà cảm hoá họ? Thuấn mà sửa chữa cái hư hỏng thì đó là Nghiêu có chỗ kế. Cho Thuấn là hiền thì phải gạt bỏ cái sáng suốt của Nghiêu, cho Nghiêu là thánh thì phải gạt bỏ sự cảm hoá bằng đức của Thuấn. Không thể giữ cả hai điều đó được.

Có người nước Sở bán thuẫn và mâu. Anh ta khoe cái thuẫn (cái khiên): "Cái thuẫn của tôi chắc,

không có vật gì đâm nó thủng được". Anh ta lại khoe cái mâu (cái dáo): "Cái mâu của tôi sắc, đâm cái gì cũng thủng". Có người hỏi: "Nếu lấy cái mâu của anh mà đâm cái thuẫn của anh thì như thế nào?". Người kia không có cách gì trả lời. Nói chung, cái thuẫn không có cái gì có thể đâm thủng với cái mâu đâm cái gì cũng thủng không thể cùng đứng trong đời được. Nay Nghiêu và Thuấn không thể khen cả hai người được. Đó là loại chuyện như mâu với thuẫn vậy.

Vả lại, Thuấn sửa chữa điều hư hỏng, phải một năm mới chữa được một điều hư hỏng, phải ba năm mới chữa được ba điều hư hỏng. Sức Thuấn có hạn, tuổi thọ của Thuấn có hạn. Nhưng điều hư hỏng trong thiên hạ không bao giờ hết. Lấy cái hữu hạn để đuổi theo cái vô hạn, thì những điều sửa chữa được thực ít vậy. Việc thưởng phạt là cái khiến cho thiên hạ phải làm theo. Lệnh ban ra nói: "Người nào làm đúng phép thì thưởng, không đúng thì phạt". Lệnh đến buổi sáng thì buổi chiều sẽ thay đổi. Trong mười ngày là trong bốn biển đều xong hết, cần gì phải chờ đợi đến trọn năm? Thuấn không biết lấy điều đó nói với Nghiêu để Nghiêu theo mình, lại tự mình làm chẳng phải là không có cái thuật trị nước đó sao?

Vả lại, lấy thân mình làm điều khổ cực để sau đó giáo hoá nhân dân là điều Nghiêu và Thuấn làm còn khó thay. Còn dựa vào cái thế để sửa chữa kẻ

dưới thì một vị vua tầm thường cũng làm được dễ dàng. Muốn cai trị thiên hạ, mà lại bỏ cái điều một ông vua tầm thường cũng cho là dễ làm, để nói cái mà Nghiêu và Thuấn đều cho là khó thì chưa có thể gọi là làm chính trị được.

3. Quản Trọng bị bệnh. Tề Hoàn Công đến thăm, hỏi: "Trọng phụ bị bệnh, nếu không may, mệnh trời hết thì có điều gì dặn lại quả nhân?". Quản Trọng nói: "Bệ hạ không hỏi thần cũng sẽ trình bày. Xin bệ hạ đuổi Thụ Điêu, trừ Dịch Nha, lánh xa công tử nước Vệ là Khai Phương. Dịch Nha là người lo việc ăn uống của nhà vua. Nhà vua chỉ còn thịt người là chưa nếm. Dịch Nha nấu đầu con mình để dâng cho nhà vua. Phàm tình cảm con người không ai không thương con mình. Nay không thương con mình làm sao có thể thương nhà vua được? Bệ hạ hay ghen và thích đàn bà. Thụ Điêu tự thiến mình để vào cai quản trong hậu cung. Con người không ai không yêu thân mình. Cái thân mình còn chưa yêu thì làm sao có thể yêu nhà vua? Thần nghe Khai Phương thờ bệ hạ mười lăm năm. Từ nước Tề sang nước Vệ không mất vài ngày đi đường, bỏ mẹ mình làm quan lâu mà không về. Mẹ mình còn không yêu, làm sao có thể yêu nhà vua được? Thần nghe nói: "Khoe cái dối trá thì không lâu dài, che sự hư nguỵ thì không bền được". Xin bệ hạ gạt bỏ ba người kia". Quản Trọng chết. Hoàn Công không làm theo lời ông ta. Dòi bò từ thây ra mà thây chưa chôn.

Có người nói: Những điều Quản Trọng thấy và nói với Hoàn Công không phải là lời có pháp độ[2]. Lý do khiến ông ta đuổi Thụ Điêu, Dịch Nha là vì họ không yêu cái thân của mình mà chỉ làm theo ý muốn của vua. Quản Trọng nói: "Không yêu thân mình, làm sao có thể yêu nhà vua?". Như vậy thì bầy tôi dốc hết sức mình để phục vụ vua chúa của mình. Quản Trọng sẽ không dùng vậy. Nói: "Họ không thương cái sức liều chết của mình làm sao có thể thương nhà vua?". Như vậy thì nhà vua đuổi những trung thần vậy. Vả lại, lấy việc không yêu thân mình mà cho là không yêu vua mình, như vậy là có thể lấy việc Quản Trọng không thể chết cho công tử Củ để xét việc ông ta không thể chết cho Hoàn Công. Như vậy thì Quản Trọng cũng thuộc vào loại phải đuổi đi vậy.

Cái đạo của vị vua sáng không phải thế. Lập nên cái dân muốn để đòi hỏi họ ra công, cho nên lập tước lộc để khuyến khích họ. Nêu lên cái dân ghét để cấm cái gian tà của họ, cho nên lập ra hình phạt để ra uy với họ. Sự khen thưởng thì dứt khoát mà hình phạt thì quyết đoán. Cho nên nhà vua dùng những bầy tôi có công mà những kẻ gian không được trên dùng. Tuy có Thụ Điêu cũng có thể làm gì được nhà vua?

---

[2] Lúc đầu Quản Trọng giúp công tử Củ giành ngôi với công tử Tiểu Bạch (sau này là Tề Hoàn Công). Công tử Củ bị giết, Quản Trọng bị bỏ tù về nước Tề rồi được trọng dụng.

Vả lại, bầy tôi đem hết sức mình để bán cho nhà vua, nhà vua đưa tước lộc ra để cho bầy tôi. Giữa vua với tôi không có cái tình thân của cha với con, đều do việc tính toán mà ra cả. Nhà vua có đạo thì bầy tôi ở trên che lấp cái sáng suốt của nhà vua, và ở dưới làm việc riêng của mình. Quản Trọng không soi sáng cái phép tắc này với Hoàn Công. Ví thử đuổi được Thụ Điêu thì một Thụ Điêu khác lại đến. Đó không phải là cái cách cắt đứt sự gian đối vậy.

Vả lại, sở dĩ Hoàn Công thân chết, dòi bò từ thây mà ra mà vẫn chưa được chôn[3] là vì bầy tôi mạnh. Bầy tôi sở dĩ mạnh là vì nắm lấy quyền của nhà vua. Nếu có bầy tôi nắm lấy cái quyền của nhà vua thì mệnh lệnh của nhà vua không ban được xuống dưới mà tình cảm của bầy tôi không thấu được lên trên. Sức của một người có thể ngăn cản được giữa vua với tôi khiến cho nhà vua không biết cái hay cái dở, không hiểu được cái hoạ cái phúc, cho nên mới có mối lo là chết không được chôn.

Cái đạo của vị vua sáng là một người không được kiêm nhiều chức quan, một ông quan không được kiêm nhiều việc, người thấp hèn không chờ có người sang và cao mới được tiến, khi bàn công lao các quan đại thần không phải nhờ những người chung quanh nhà vua mới được yết kiến. Trăm quan

[3] Hoàn Công chết, Thụ Điêu và Dịch Nha làm loạn, không ai vào cung. Xác ông để nguyên, dòi bọ bò ra.

đều trau dồi và thông suốt, bọn bầy tôi xúm xít lại. Có kẻ được thưởng thì nhà vua thấy cái công của anh ta. Có kẻ bị phạt thì nhà vua biết cái tội của anh ta. Trong việc nhìn thấy và biết, nhà vua không bị làm trái ở đằng trước; trong việc thưởng và phạt, nhà vua không bị che đậy ở phía sau. Như thế làm gì có mối lo chết không được chôn? Quản Trọng không biết làm sáng tỏ lời nói đó với Hoàn Công, chỉ lo đuổi ba người. Cho nên Quản Trọng không có pháp độ vậy.

4. Triệu Tương Tử bị vây ở thành Tấn Dương. Khi khỏi vây, ông thưởng năm người có công. Cao Hách được thưởng trước hết. Trương Mạnh Đàm nói: Trong chuyện Tấn Dương, Cao Hách không có công lớn. Nay tại sao lại được thưởng trước hết?". Tương Tử nói: "Khi xảy ra chuyện Tấn Dương nước của quả nhân bị nguy, xã tắc bị tai họa, các bầy tôi không ai không có ý kiêu căng khinh thường, chỉ có Hách Tử là không bỏ mất cái lễ vua tôi, cho nên thưởng ông ta trước hết". Trọng Ni nghe chuyện này nói: "Tương Tử khéo thưởng thay! Thương một người mà những kẻ làm tôi trong thiên hạ không ai dám thất lễ"[4].

Có người nói: Trọng Ni không biết thưởng phạt cho đúng. Kẻ khéo thưởng phạt thì trăm quan không dám vượt chức mình, bầy tôi không dám thất lễ,

[4] Khi xảy chuyện Tấn Dương Khổng Tử đã chết được 11 năm, do đó câu nói này không phải của Khổng Tử.

người trên định ra pháp luật mà người dưới không có bụng gian trá. Như thế mới có thể nói là khéo thưởng phạt. Ví thử Tương Tử ở thành Tấn Dương mà mệnh lệnh không được thi hành, sự ngăn cấm không ngăn cản được, thì Tương Tử không có nước, thành Tấn Dương không có vua vậy. Còn biết lấy ai mà giữ? Nay Tương Tử ở thành Tấn Dương bị Trí Bá cho nước chảy vào ngập thành, rùa sinh trong cối, trong bếp, nhưng dân chúng vẫn không có bụng làm phản. Như vậy là vua tôi thân nhau. Tương Tử có cái ơn đức làm cho vua tôi thân nhau, nắm được cái phép lệnh ban ra được thi hành, điều ngăn cấm cấm đoán được, nhưng vẫn còn có bầy tôi kiêu căng khinh mạn, đó là vì Tương Tử bỏ mất việc phạt vậy.

Làm bầy tôi, đảm nhiệm công việc mà có công thì được thưởng. Nạy Hách chỉ nhờ chỗ không khinh mạn kiêu căng mà Tương Tử thưởng cho ông ta, như vậy là thưởng không đúng. Bậc vua sáng việc thưởng không ban cho kẻ có công, việc phạt không thi hành với kẻ không có tội. Nay Tương Tử không trị bầy tôi kiêu căng khinh mạn, mà lại thưởng Hách là người không có công thì Tương Tử khéo thưởng ở chỗ nào? Cho nên nói Trọng Ni không biết khéo thưởng.

5. Tấn Bình Công cùng các bầy tôi uống rượu. Rượu say, Bình Công thở dài nói: "Không có gì vui trong việc làm vua! Chỉ có điều nói ra mà không ai dám trái!". Sư Khoáng ngồi chầu ở phía trước, lấy

cây đàn cầm đánh nhà vua[5]. Nhà vua vẫy tà áo để tránh, đàn cầm đập vào tường vỡ tan. Bình Công nói: "Quan thái sư đánh ai thế?". Sư Khoáng nói: "Hôm nay có đứa tiểu nhân nói bên cạnh tôi cho nên tôi đánh hắn". Bình Công nói: "Quả nhân đấy!". Sư Khoáng nói: "Ôi chao! Đó không phải là lời của người làm vua người ta!". Những người chung quanh xin trừng trị ông ta. Bình Công nói: "Tha cho ông ta, để làm điều răn quả nhân".

Có người nói: Bình Công bỏ mất cái đạo làm vua. Sư Khoáng bỏ mất cái lễ của bầy tôi. Phàm chê bai việc làm và trừng trị con người đó là việc của nhà vua đối với bầy tôi. Chê bai việc làm thì nói thành lời, khéo can ngăn mà không nghe thì thân mình lánh xa. Đó là điều bầy tôi làm đối với nhà vua. Nay Sư Khoáng chê bai việc làm của Bình Công, nhưng không đưa ra lời can ngăn, mà lại làm hành động trừng phạt của vị vua, cầm đàn cầm đánh vào người nhà vua, như vậy là làm trái ngược cái địa vị người trên kẻ dưới, và bỏ mất cái lễ của kẻ làm tôi.

Phàm kẻ làm bầy tôi, nếu nhà vua có sai lầm thì can ngăn, can ngăn không nghe thì coi nhẹ tước lộc mà bỏ đi. Đó là cái lẽ nghĩa của bầy tôi. Nay Sư Khoáng chê bai điều sai lầm của Bình Công, giơ cây đàn đánh vào người nhà vua, tuy ông cha nghiêm

[5] Sư Khoáng mù, nên giả vờ không biết người nói là Bình Công.

cũng còn không đánh con mình như thế, mà Sư Khoáng lại làm thế đối với nhà vua, đó là cái thuật đại nghịch. Bầy tôi làm việc đại nghịch mà Bình Công lại vui vẻ nghe theo, như thế là bỏ mất cái đạo làm vua.

Cho nên cách làm của Bình Công không thể nêu gương. Nó khiến cho vị vua sáng mắc sai lầm trong việc nghe và không hiểu được điều sai lầm của mình. Hành động của Sư Khoáng cũng không thể nêu gương, nó khiến cho kẻ gian thần mượn cớ ra sức can ngăn mà tô vẽ cho cái đạo giết vua. Không thể nêu gương hai hành động này, vì đó là hai hành động sai lầm. Cho nên nói: "Bình Công bỏ mất cái đạo làm vua, Sư Khoáng cũng bỏ mất cái lễ của bầy tôi".

6. Trong thời Tề Hoàn Công có người ẩn sĩ là Tiểu Thần Tắc. Hoàn Công ba lần đến nhưng đều không được gặp. Hoàn Công nói: "Ta nghe nói kẻ sĩ áo vải không coi nhẹ tước lộc thì không có cách gì để coi thường ông vua có vạn cỗ xe. Ông vua có vạn cỗ xe nếu không ham nhân nghĩa thì không có gì để chiếu cố đến kẻ sĩ áo vải". Do đó năm lần đến rồi mới được gặp ông ta.

Có người nói: "Hoàn Công không biết nhân nghĩa". Phàm nhân nghĩa là lo cái hại của thiên hạ, xông đến cái hoạn nạn của một nước, không tránh sự thấp hèn, nhục nhã, thế mới gọi là nhân nghĩa. Cho nên Y Doãn vì Trung Quốc có loạn, làm người

nấu bếp cho Thành Thang. Bách Lý Hề vì nước Tần có loạn nên làm người tù của Tần Mục Công. Đó đều là lo đến mối lo của thiên hạ, xông đến chỗ hoạn nạn của một nước, không ngại sự thấp hèn nhục nhã, cho nên gọi họ là nhân nghĩa.

Nay Tề Hoàn Công lấy cái thế có vạn cỗ xe, chiếu cố đến kẻ sĩ thất phu là muốn lo đến nước Tề, thế mà Tiểu Thần không đi. Điều đó cho biết Tiểu Thần quên dân chúng. Quên dân chúng không thể gọi là nhân nghĩa. Người nhân nghĩa là không bỏ mất cái lẽ của bầy tôi, không làm hỏng cái địa vị giữa vua với tôi. Cho nên ở trong bốn cõi, những kẻ phân chia chức vụ nhận việc làm thì gọi là người có chức vụ.

Nay Tiểu Thần ở trong đám dân có chức vụ, mà lại làm trái ý muốn của nhà vua, cho nên không thể gọi là có nhân nghĩa được. Ông ta đã là kẻ không có nhân nghĩa, Hoàn Công lại dùng lễ đối xử với ông ta. Ví thử Tiểu Thần khôn ngoan tài giỏi, nhưng lại trốn tránh Hoàn Công thì đó là kẻ ẩn sĩ, cần phải dùng hình phạt. Còn nếu không khôn ngoan tài giỏi mà giả vờ kiêu căng với Hoàn Công thì đó là kẻ dối trá, cần phải giết. Hành động của Tiểu Thần nếu không bị hình phạt thì bị giết. Hoàn Công không thể hiểu được cái lẽ giữa vua và tôi mà dùng lễ đối xử với kẻ đáng bị hình phạt và bị giết, như thế là Hoàn Công dạy cho dân nước Tề cái thói coi thường người trên, khinh mạn nhà vua vậy. Đó

không phải là cai để trị nước. Cho nên nói: "Hoàn Công không biết nhân nghĩa".

7. Trong trận Mỵ Kê, Hàn Hiến Tử sắp giết một người. Khước Hiến Tử nghe thế đi xe đến cứu anh ta. Nhưng khi đến anh ta đã bị chém. Khước Hiến Tử nói: "Sao không lấy hắn để ra lệnh?". Người đầy tớ ông ta hỏi: "Chẳng phải hồi nãy ông định cứu anh ta sao?". Khước Tử nói: "Ta dám đâu không chia sự chê bai?".

Có người nói: "Lời nói của Khước Tử không thể không xét. Đó không phải là sự chia sự chê bai. Người Hàn Hiến Tử chém, nếu như có tội thì không thể cứu, cứu người có tội là làm cho pháp luật hỏng. Pháp luật hỏng thì nước loạn. Còn nếu như anh ta không có tội thì không thể lấy làm hiệu lệnh. Khuyên Hiến Tử lấy anh ta làm hiệu lệnh là làm cho anh ta càng vô tội. Làm cho anh ta càng vô tội, đó là điều khiến cho dân sinh oán. Dân oán thì nước nguy. Lời của Khước Tử không nguy thì gây loạn, không thể không xét.

Vả lại, nếu người Hàn Hiến Tử chém là người có tội, thì Khước Tử chia sự chê bai ở chỗ nào? Còn nếu người bị chém không có tội thì đã chém rồi. Lúc này Khước Tử mới đến, thì sự chê bai Hàn Hiến Tử đã thành và Khước Tử đến sau vậy. Khước Tử nói "Để ra lệnh" không đủ để chia sự chê bai về việc

chém người mà lại làm nảy sinh sự chê bai, thế thì làm sao lại nói là chia sự chê bai được?

Ngày xưa Trụ đặt ra hình phạt bào lạc. Sùng hầu và Ác lai lại nói: "Hãy chặt ống chân người lội nước!". Thế đâu phải là sự chia sự chê bai đối với Trụ?

Vả lại, dân chúng mong đợi rất nhiều ở người trên. Hàn Hiến Tử làm không phải thì hãy còn mong Khước Tử làm phải. Nay Khước Tử cũng làm không phải thì dân tuyệt vọng đối với người trên vậy. Cho nên nói: "Lời nói của Khước Tử không phải là chia sự chê bai mà là tăng sự chê bai". Vả lại, Khước Tử đến cứu người bị xử tội là vì Hàn Hiến Tử làm sai. Không nói tại sao ông ta làm sai mà lại khuyên ông ta "lấy anh ta để ra lệnh", như thế là khiến cho Hàn Hiến Tử không biết cái sai của mình. Khiến cho dân chúng tuyệt vọng đối với người trên lại khiến Hàn Hiến Tử không biết cái sai của mình, tôi không biết Khước Tử lấy cái gì để chia sự chê bai.

8. Tề Hoàn Công cởi trói cho Quản trọng và cho ông ta làm tướng quốc. Quản Trọng nói: "Thần được yêu, nhưng địa vị thần thấp". Hoàn Công nói: "Ta cho ông đứng trên họ Cao, họ Quắc". Quản Trọng nói: "Thần sang rồi, nhưng thần còn nghèo". Hoàn Công nói: "Ta cho ông có đài Tam Quy". Quản Trọng nói: "Thần giàu rồi, nhưng thần còn là người sơ". Hoàn Công bèn lập ông ta làm Trọng phụ.

Tiêu Lược nói: "Quản Trọng vì cớ hèn không thể trị nước, cho nên xin ở địa vị ở trên họ Cao, họ Quắc; ông ta cho rằng mình nghèo không thể cai trị người giàu cho nên xin đài Tam Quy. Ông ta cho rằng mình sơ không thể cai trị người thân cho nên Hoàn Công cho ông làm Trọng phụ. Quản Trọng không phải là tham, mà để tiện cho việc trị nước".

Có người nói: Nay khiến một người tôi tớ phụng mệnh nhà vua đem lệnh đến cho các khanh tướng thì không ai dám không nghe. Đó không phải vì các khanh tướng thấp và kẻ tôi tớ cao mà vì có mệnh lệnh của vua, không ai dám không theo. Nay ví thử Quản Trọng trị nước mà không dựa vào Hoàn Công thì như thế là không có vua. Nước mà không có vua thì không thể xem là trị được. Còn nếu dựa vào cái uy thế của Hoàn Công, ra cái mệnh lệnh của Hoàn Công thì cái khiến cho kẻ tôi tớ có thể thi hành được có chờ đợi phải ở địa vị cao như họ Cao, họ Quắc, Trọng phụ rồi mới thi hành được đâu?

Những người làm nhiệm vụ, những viên hoạn quan thấp hèn ngày nay khi thi hành mệnh lệnh không nể những người tôn quý, không xấu hổ về chỗ họ thấp hèn. Cho nên, nếu làm theo đúng pháp luật thì tuy kẻ hoạn quan cũng có quyền hơn khanh tướng. Nếu làm không đúng pháp luật thì tuy là quan to cũng bị thua người dân thường.

Nay Quản Trọng không lo đề cao nhà vua, soi sáng pháp luật, mà lo mình được sủng ái thêm, được

tước cao hơn, thì nếu không phải là Quản Trọng tham muốn giàu sang cũng là không hiểu cái thuật trị nước vậy. Cho nên nói: "Quản Trọng làm sai, và Tiêu Lược khen quá đáng".

9. Hàn Tuyên Vương hỏi Cưu Lưu: "Ta muốn dùng hai người là Công Trọng và Công Thúc có được hay không?". Cưu Lưu đáp: "Ngày xưa, nước Ngụy dùng hai ông Lâu Hoãn và Địch Hoàn mà mất đất Tây Hà, nước Sở dùng hai ông Chiêu và Cảnh mà mất đất Yển, đất Sinh. Nay bệ hạ dùng Công Trọng và Công Thúc thì họ sẽ tranh giành quyền lực với nhau mà nhờ cậy nước ngoài. Như vậy thì nước thế nào cũng nguy".

Có người nói: ngày xưa Tề Hoàn Công dùng hai ông Quản Trọng và Bão Thúc, Thành Thang dùng hai ông Y Doãn và Trọng Huỷ. Nếu dùng hai bầy tôi là cái lo cho nước thì Hoàn Công đã không thành được bá và Thành Thang đã không thành được vương. Mẫn Vương chỉ dùng một mình Trạc Xí mà thân chết ở Đông Miếu; Chủ Phụ chỉ dùng một mình Lý Đoái mà phải nhịn đói mà chết. Nay Cưu Lưu không có cái thuật trị nước để làm quy tắc cho người trên, lại khiến nhà vua bỏ hai người để dùng một người, thì tuy không có cái lo mất Tây Hà, Sinh, Yển, thế nào cũng có mối lo thân chết, bị nhịn đói. Vậy Cưu Lưu chưa có cái kiến thức giỏi để nói sự việc vậy.

Thiên XXXVII

Chất vấn, phần thứ hai (Nạn nhị)

1. Tề Cảnh Công qua nhà Án Tử, nói: "Nhà của ông nhỏ và gần chợ. Xin đời nhà ông đến vườn Dự Chương". Án Tử lạy hai lạy từ chối, nói: "Anh này nhà nghèo, nhờ vào chợ mà ăn, sáng chiều đều ra chợ không thể ở xa". Cảnh Công dùng hình phạt nhiều, Án Anh trả lời: "Giày cho người cụt chân đắt, nhưng giày cho người thường rẻ". Cảnh Công nói: "Tại sao thế?". Án Anh đáp: "Hình phạt nhiều". Cảnh Công giật mình thay đổi sắc mặt, nói: "Quả nhân hung dữ thế sao?". Bèn giảm bớt ngũ hình.

Có người nói: Án Tử nói giày người cụt chân đắt, không phải là thành thực. Ông muốn dùng lời nói để ngăn cản việc dùng hình phạt nhiều. Đó là cái hại của việc không xét tới chuyện trị nước. Nói chung, hìnhphạt mà đúng thì không phải là nhiều, không đúng thì không phải là ít.

Nay lại nói hình phạt nhiều quá thì đó là cái lo của việc không có thuật trị nước. Giết quân đang thua trận đến hàng ngàn, hàng trăm người nó cũng vẫn cứ chạy không dừng lại. Dùng hình phạt để trị bọn làm loạn chỉ sợ không xuể, nhưng bọn gian vẫn không hết. Nay Án Tử không xét xem hình phạt đúng hay sai, mà lại nói chuyện nó quá nhiều, thế

chẳng phải là sai sao? Ôi, tiếc cỏ tranh thì hại cho bông lúa, thương trộm cướp thì hại cho dân lành. Nay nhẹ hình phạt, thi hành khoan dung ân huệ, như thế là làm lợi cho bọn gian tà và làm hại đến người lương thiện vậy.

2. Tề Hoàn Công uống rượu say, rơi cái mũ. Công lấy làm xấu hổ, ba ngày không ra triều. Quản Trọng nói: "Đó không phải là điều xấu hổ của con người có nước, bệ hạ tại sao lại không dùng chính trị để rửa cái xấu đó?". Hoàn Công nói: "Phải, sao lại không làm thế?". Bèn mở kho lúa, kho tiền cho những người nghèo khổ, xét lại các ngục, cho những người tội nhẹ được ra. Được ba ngày dân chúng ca tụng Công, nói: "Tại sao ngài không rơi mũ lần nữa?".

Có người nói: Quản Trọng rửa cái xấu của Hoàn Công đối với kẻ tiểu nhân, nhưng lại làm nảy sinh cái nhục của Hoàn Công đối với người quân tử. Khiến Hoàn Công mở kho lúa, kho tiền cấp cho những người nghèo khổ, xét tù ngục để cho những người tội nhẹ được tha là trái nghĩa, không thể rửa được cái xấu khiến cho nó thành nghĩa được. Hoàn Công làm theo nghĩa mà đợi rơi mũ rồi sau đó mới làm thì Hoàn Công làm việc nghĩa không phải vì rơi mũ vậy. Như vậy thì dù có rửa cái xấu hổ đối với kẻ tiểu nhân về chỗ rơi mũ, nhưng vẫn có cái xấu đối với người quân tử là đã bỏ quên nghĩa.

Vả lại, phát kho lúa, kho tiền để cấp cho những người nghèo khổ là thưởng những người không có

công, xét tù ngục để cho những người có tội được ra là không trừng trị tội lỗi. Phàm thưởng những người không có công thì dân chúng trông chờ sự may mắn mà chờ đợi ở người trên, không trị kẻ có tội thì dân không sợ mà dễ làm bậy. Đó là cái gốc của loạn sao lại có thể rửa cái xấu được?

3. Ngày xưa Văn Vương xâm lấn đất Mạnh, đánh đất Lữ, chiếm đất Phong, ba lần hành động thì bị Trụ ghét. Văn Vương sợ, xin dâng đất ở phía tây Sông Lạc, nước Xích Nhưỡng, tất cả ngàn dặm vuông để bỏ hình phạt bào lạc. Thiên hạ đều mừng rỡ. Trọng Ni nói: "Văn Vương nhân thay! Coi nhẹ cái nước ngàn dặm mà xin bỏ hình phạt bào lạc. Văn Vương khôn ngoan thay! Bỏ ra cái đất ngàn dặm mà được lòng thiên hạ!".

Có người nói: "Trọng Ni cho Văn Vương là khôn ngoan, chẳng phải là sai sao? Phàm kẻ khôn ngoan là biết cái hoạ và cái nạn ở đâu mà tránh cho nên thân mình không gặp điều lo lắng. Ví thử Văn Vương bị Trụ ghét là vì ông ta được lòng người chăng? Như thế thì ông ta có thể dựa vào lòng người để cởi bỏ cái ghét. Trụ cho rằng ông ta rất được lòng người nên ghét ông ta, sau đó ông ta lại coi nhẹ đất để thu nhân tâm, cho nên càng bị nghi ngờ gấp đôi. Vì vậy ông ta mới bị giam và bị xiềng xích ở ngục Dữu Lý.

Người trưởng giả nước Trịnh có nói: "Thể hội cái thực chất của đạo vô vi, không cho người ta thấy

điều mình làm". Câu này hết sức thích hợp với Văn Vương. Trọng Ni cho Văn Vương là khôn ngoan là chưa hiểu được lời bàn này vậy.

4. Tấn Bình Công hỏi Thúc Hướng: "Ngày xưa Tề Hoàn Công chín lần họp chư hầu, làm cho thiên hạ thống nhất theo một khuôn khổ chung, ta không biết đó là do sức của bầy tôi hay là do sức của nhà vua". Thúc Hướng đáp: "Quản Trọng giỏi cắt, Tân Tư Vô giỏi may, Thấp Bằng giỏi viền. Cái áo đã xong, nhà vua cầm mà mặc. Đó cũng là sức của bầy tôi, nhà vua có sức gì ở đấy đâu?".

Sư Khoáng đặt đàn cầm xuống cười ông ta. Tấn Bình Công hỏi: "Thái sư cười cái gì?". Sư Khoáng đáp: "Thần cười câu Thúc Hướng trả lời bệ hạ. Phàm kẻ làm bầy tôi cũng như là người đầu bếp điều hoà năm mùi vị mà tiến dâng nhà vua. Nhà vua không ăn thì ai dám cưỡng ép? Thần xin đưa ra một thí dụ: Nhà vua là đất đai, bầy tôi là cây cỏ, đất đai phải tốt thì cây cỏ mới to lớn được. Đó là cái công của nhà vua, bọn bầy tôi có sức gì đâu?".

Có người nói: Những câu trả lời của Thúc Hướng và Sư Khoáng đều thiên lệch. Thống nhất thiên hạ theo một khuôn khổ chung, chín lần họp chư hầu, là một điều rất đẹp đẽ. Đó không phải chỉ nhờ sức của nhà vua, cũng không phải chỉ nhờ sức của bầy tôi. Ngày xưa, Cung Chi Kỳ ở nước Ngu, Hy Phụ Kỳ ở nước Tào, hai người đều khôn ngoan, nói thì đúng sự việc, làm thì nên công. Nhưng hai

nước Ngu và Tào đều mất. Tại sao thế? Đó là vì có bầy tôi giỏi nhưng không có ông vua giỏi. Vả lại, Kiển Thúc ở nước Ngu mà nước Ngu mất, ở nước Tần mà nước Tần làm bá. Đó không phải là vì Kiển Thúc ở nước Ngu thì ngu mà ở nước Tần thì khôn, mà đó là vì ông vua của nước này giỏi hay không giỏi. Thúc Hướng nói "Đó là sức của bầy tôi" là không đúng.

Ngày xưa, Tề Hoàn Công đặt trong cung hai cái chợ, hai trăm cửa cho đàn bà, xoã tóc chơi với con gái. Ông có được Quản Trọng thì làm người đầu tiên trong số năm bá, ông mất Quản Trọng dùng Thụ Điêu thì thân mình chết, dòi bò trong thây ra mà thây chưa chôn. Nếu nói ông không nhờ sức của bầy tôi thì Hoàn Công làm bá không phải nhờ Quản Trọng, nếu nói đó là nhờ sức của nhà vua thì đã không để cho Thụ Điêu làm loạn. Ngày xưa, Tấn Văn Công say mê con gái nước Tề mà quên trở về nước. Cữu Phạm ra sức can ngăn, khiến cho ông ta trở về nước Tấn. Cho nên Tề Hoàn Công nhờ Quản Trọng, Tấn Văn Công nhờ Cữu Phạm mà thành bá. Thế mà Sư Khoáng nói "Đó là sức của nhà vua" lại không đúng nốt. Ngũ bá sở dĩ làm nên công danh trong thiên hạ nhất định là do vua tôi đều có sức. Cho nên nói: Những câu trả lời của Thúc Hướng và Sư Khoáng đều thiên lệch.

5. Thời Tề Hoàn Công có người khách nước Tấn đến. Quan phụ trách hỏi về công việc. Hoàn

Công nói: "Hỏi Trọng phụ". Như thế ba lần. Anh hề cười: "Làm vua thực dễ quá! Một hỏi Trọng phụ, hai hỏi Trọng phụ!". Hoàn Công nói: "Ta nghe nói kẻ làm vua vất vả ở chỗ chọn người, rồi rãi ở chỗ sai người. Ta có được Trọng phụ đã khó rồi. Một khi đã có được Trọng phụ tại sao lại không được sự dễ dàng?".

Có người nói: Lời Hoàn Công trả lời anh hề không phải là lời của bậc vua chúa. Hoàn Công cho rằng bậc vua chúa vất vả ở chỗ tìm người. Nhưng tìm người có khó gì đâu? Y Doãn tự mình làm đầy bếp cho Thành Thang. Bách Lý Hề tự mình làm tù đến gặp Tần Mục Công. Tù là điều người ta lấy làm nhục, đầu bếp là cái người ta lấy làm xấu hổ. Chịu xấu hổ, sỉ nhục để tiếp xúc với bậc vua chúa, người hiền lo đời hăng hái như thế đấy. Như vậy thì bậc làm vua chỉ lo bỏ sót người hiền mà thôi. Việc tìm người hiền không phải là cái khó của bậc làm vua chúa. Vả lại, quan chức là cái để dùng người hiền, tước lộc là cái để thưởng cho công lao. Đặt quan chức, bầy tước lộc thì kẻ sĩ tự khắc đến, nhà vua có gì mà phải vất vả? Việc sai khiến người ta lại không phải là chuyện rồi rãi. Bậc vua chúa tuy sai khiến người ta nhưng thế nào cũng phải lấy quy tắc làm tiêu chuẩn, lấy hình phạt và tên gọi để tham khảo, lấy sự việc để kiểm tra. Nếu đúng với phép tắc thì làm, nếu không đúng phép tắc thì dừng lại. Công lao đúng với lời nói thì thưởng, không đúng với lời nói thì phạt. Lấy hình phạt và tên gọi thu dùng bầy tôi,

lấy tiêu chuẩn để cân nhắc kẻ dưới. Những điều đó không thể bỏ qua được. Bậc vua chúa đâu có thể rồi rãi?

Tìm người không phải là vất vả, sai khiến người không phải là rồi rãi, thế mà Hoàn Công lại nói "Vất vả ở chỗ tìm người, rồi rãi ở chỗ sai khiến người" là không đúng. Vả lại, Hoàn Công có được Quản Trọng cũng không khó. Quản Trọng không chết cho vua của mình mà lại theo về với Hoàn Công. Bão Thúc Nha xem nhẹ chức quan của mình mà nhường chức quan cho ông ta. Rõ ràng Hoàn Công có được Quản Trọng không khó khăn vậy.

Sau khi đã có được Quản Trọng rồi, đâu có phải là dễ dàng ngay? Quản Trọng không phải là Chu Công Đán. Chu Công Đán làm quyền thiên tử trong bảy năm, khi Thành Vương lớn thì trao chính quyền lại cho Thành Vương, đó không phải là ông tính kế cho thiên hạ mà là làm chức vụ của mình. Con người không cướp ngôi của người con để cai trị thiên hạ thì nhất định không phản bội vị vua đã chết để thờ kẻ thù của vị chúa này. Người phản bội vị vua của mình đã chết để thờ kẻ thù của vua mình, thì thế nào cũng dễ dàng cướp ngôi của người con để cai trị thiên hạ. Người dễ dàng cướp ngôi của người con để cai trị thiên hạ thì thế nào cũng dễ dàng cướp cái nước của vua mình. Quản Trọng là bầy tôi của công tử Củ, ông ta mưu giết Hoàn Công nhưng không được. Vua ông ta chết, ông ta lại làm tôi Hoàn

Công. Hành động của Quản Trọng không phải như Chu Công Đán, điều đó là rõ ràng vậy. Ví thử Quản Trọng là bậc đại hiền thì hãy làm như vua Thang, vua Vũ, là tôi của Kiệt và của Trụ. Kiệt, Trụ làm loạn; Thang, Vũ cướp ngôi của họ. Nay Hoàn Công coi nhẹ việc ở trên, như vậy là lấy cái hạnh của Kiệt và Trụ để làm hơn Thang và Vũ. Hoàn Công như thế là ngu vậy. Ví thử Quản Trọng là người hư hỏng, thì ông ta làm Điền Thường. Điền Thường là bầy tôi của Tề Giản Công, nhưng lại giết vua của mình. Nay Hoàn Công cho việc ở trên là dễ, như vậy là lấy cái dễ của Giản Công để ở trên Điền Thường. Như vậy Hoàn Công cũng nguy. Quản Trọng không phải là Chu Công Đán, cái đó rất rõ. Nhưng còn chuyện ông ta có làm Thang, Vũ, Điền Thường[6] hay không điều đó còn chưa biết được. Nếu ông ta làm Thang, Vũ thì Hoàn Công có cái nguy của Kiệt, Trụ. Nếu ông ta làm Điền Thường thì Hoàn Công có cái nguy của Giản Công. Như vậy sau khi đã có được Quản Trọng rồi Hoàn Công có gì là dễ đâu?

Ví thử Hoàn Công dùng Quản Trọng ắt biết ông ta không lừa dối mình, tức là biết ông ta là bầy tôi không lừa dối vua. Thế nhưng tuy biết bầy tôi không lừa dối chúa, Hoàn Công lại đem cái quyền của Quản Trọng giao cho Thụ Điêu, Dịch Nha khiến cho dòi bò từ thây mình ra mà xác không được chôn. Rõ ràng Hoàn Công không biết bày tôi có lừa

[6] Điền Thường cướp ngôi Tề Giản Công.

dối chúa hay không lừa dối chúa vậy. Thế mà ông ta vẫn cứ tin dùng bầy tôi hoàn toàn như vậy. Cho nên nói: Hoàn Công là ông vua mờ tối.

6. Lý Khắc[7] cai trị đất Trung Sơn. Quan lệnh là Khổ Hình trình bản tính toán trong đó số thu nhập nhiều. Lý Khắc nói: "Lời nói tuy hùng biện nghe vui tai nhưng không hợp với đạo nghĩa thì gọi là nói bậy. Không có cái lợi của núi rừng, đầm hang mà thu nhập nhiều thì gọi là của bậy. Người quân tử không nghe những lời nói bậy, không nhận của bậy. Người hãy thôi làm quan".

Có người nói: Lý Khắc đưa ra chủ trương: "Lời nói tuy hùng biện nghe vui tai nhưng không hợp với đạo nghĩa thì gọi là lời nói bậy". Hùng biện là ở người nói, vui tai là ở người nghe; người nói không phải là người nghe. Cái gọi là không hợp với đạo nghĩa không phải là chỉ người nghe mà chỉ cái mà người ta nghe. Người nghe không phải là kẻ tiểu nhân thì là người quân tử. Kẻ tiểu nhân không có đạo nghĩa thì nhất thiết không thể lấy đạo nghĩa mà xét đoán họ. Người quân tử hợp với đạo nghĩa thì thế nào cũng không chịu thấy đó là vui tai. Nói là "Lời nói tuy hùng biện, nghe vui tai nhưng không hợp với đạo nghĩa" như thế là lời nói không thể đứng vững được.

[7] Nguyên văn chép sai thành Lý Đoái.

"Thu nhập nhiều là của cải bậy" cái thuyết ấy không thể thi hành được. Lý Tử không sớm cấm điều gian, đợi đến khi tính sổ, như vậy là làm cho cái sai được thực hiện. Ông ta không có biện pháp nào để biết tại sao lại thu nhập nhiều. Nếu thu nhập nhiều là do được mùa, thì dù có thu nhập gấp đôi cũng có hại gì đâu? Nếu làm việc mà chú ý tới sự hoà hợp của âm và dương, trồng cây mà chú ý đến chỗ thích hợp với thời tiết bốn mùa, không sai lầm về chỗ quá sớm hay quá muộn, không bị tai hại vì nóng hay lạnh, thì thu nhập sẽ nhiều. Không vì cái công nhỏ làm hại tới công việc lớn, không vì lòng ham muốn riêng mà làm hại tới việc công, đàn ông đều lo việc cày ruộng, đàn bà đều lo dệt vải thì sự thu hoạch sẽ nhiều. Nếu lo cách nuôi súc vật, xét đất đai nên trồng cái gì, thì lục súc sẽ đồi dào, ngũ cốc sẽ tốt, và thu nhập sẽ nhiều. Nếu hiểu rõ việc cân đo, biết rõ địa hình, biết cái lợi của thuyền và xe, biết dùng sức ít mà có được cái công lớn, thì thu nhập sẽ nhiều. Nếu làm cho việc đi lại ở chợ, cửa ải, cầu được dễ dàng, có thể là lấy cái mình có đổi lấy cái mình không có, khách buôn kéo đến, hàng hoá bên ngoài được giữ lại, tiết kiệm về ăn mặc, nhà cửa khí giới đều đủ dùng, không thích những chuyện vui chơi thì thu nhập sẽ nhiều. Thu nhập nhiều đều là do người ta làm ra. Còn như việc trời, gió mưa phải lúc, ấm lạnh thích hợp, đất đai không tăng thêm mà gặp năm được mùa thì thu nhập nhiều. Sức người và thời tiết của trời hai việc này đều làm cho thu nhập

nhiều, chứ không phải cái lợi của núi rừng, đầm hang. Phàm không có cái lợi của núi rừng, đầm hang mà thu nhập nhiều rồi lại gọi đó là của cải bậy là nói không có thuật cai trị.

7. Triệu Giản Tử vây thành ngoài của nước Vệ. Ông cầm cái mộc da tê ngưu, cái thuẫn da tê ngưu đứng ở nơi tên đạn bắn không đến, đánh trống nhưng binh sĩ không tiến lên. Giản Tử ném dùi trống, nói: "Than ôi! Quân sĩ của ta nhanh chóng mệt mỏi".

Người hành nhân là Chúc Quá cất mũ trụ, trả lời: "Thần nghe nói: "Chỉ có ông vua không biết dùng quân sĩ mà thôi, chứ quân sĩ không mệt!". Ngày xưa tiên quân của ta là Hiến Công thôn tính mười bảy nước, làm ba mươi tám nước phục theo, đánh thắng mười hai trận, đó là do chỗ dùng dân. Hiến Công mất, Huệ Công lên ngôi, dâm dật, bạo loạn, thân mình thích gái đẹp, quân Tần tự ý xâm nhập, đến cách thành Giáng mười bảy dặm, đó cũng là do chỗ dùng người. Huệ Công mất, Văn Công nhận quyền chính, vây nước Vệ, lấy đất Nghiệp, trong trận đánh ở Thành Bộc năm lần đánh thắng quân Kinh, giành được cái danh tiếng tôn quý trong thiên hạ cũng là do chỗ biết dùng dân. Vậy chỉ có nhà vua không biết dùng dân mà thôi, chứ binh sĩ không mệt".

Giản Tử bèn bỏ mộc, bỏ khiên đứng ở chỗ tên đạn bắn đến, đánh trống và quân sĩ xông lên, đánh

thắng to. Giản Tử nói: "Cho ta một ngàn cỗ xe bọc da cũng không bằng nghe một lời nói của hành nhân Chúc Quá".

Có người nói: Người hành nhân chưa có cái gì để thuyết, vẫn nói đến việc Huệ Công dùng những người ấy mà thua, Văn Công dùng những người ấy mà làm bá, chưa thấy nói đến cách dùng người. Giản Tử chưa có thể vội vàng bỏ mộc và khiên. Ông cha ở trong vòng vây, con liều lĩnh xông pha tên đạn, đó là cách đứa con hiếu thương cha. Đứa con hiếu thương cha mẹ trăm người mới có được một. Nay dấn thân ở vào chỗ nguy thì người ta mới có thể chiến đấu, như vậy là cho rằng đứa con của trăm họ đối với người trên đều như những đứa con hiếu thương cha mình vậy. Đó là người hành nhân nói dối. Ham lợi ghét hại, mọi người đều thế. Thưởng nhiều và chắc chắn, thì người ta coi thường kẻ địch, phạt nặng và dứt khoát thì người ta không bỏ chạy. Ra lệnh cho người trên, mấy trăm người không một người làm sai; ham lợi, sợ tội, không ai không thế. Người chỉ huy mọi người mà lại không dùng cái phép khiến mọi người đều theo, lại nối theo cái đức hạnh mà trong số trăm người không có một người làm được, người hành nhân vẫn chưa biết cái đạo dùng người vậy.

QUYỂN XVI

Thiên XXXVIII

Chất vấn, phần ba (Nạn tam)

1. Lỗ Mục Công hỏi Tử Tư: "Ta nghe nói con của họ Bàng Gian bất hiếu. Tính hạnh của nó ra sao?". Tử Tư đáp: "Người quân tử tôn trọng người hiền để đề cao đức, nêu cao việc thiện để khuyến khích dân. Còn những hành vi sai sót, thì đó là điều những người hèn biết chứ thần không biết". Tử Tư đi ra, Tử Phục Lệ Bá vào yết kiến. Nhà vua hỏi chuyện người con của họ Bàng Gian. Tử Phục Lệ Bá nói: "Anh ta có ba cái lỗi. Đó đều là những điều nhà vua chưa từng nghe đến". Từ đó về sau nhà vua trọng Tử Tư mà coi thường Tử Phục Lệ Bá.

Có người nói: Công thất nước Lỗ ba đời bị họ Quý lấn át, thế là phải lắm! Bậc vua sáng tìm người giỏi để thưởng, tìm người gian để phạt. Hai điều đó đều đúng như nhau. Cho nên kẻ nói người hay với nhà vua là để cùng nhà vua yêu người giỏi, kẻ nói

người dở với nhà vua là để cùng nhà vua ghét cái dở. Cả hai đều nên được khen thưởng về chỗ đã có công sức. Không cho nhà vua biết kẻ gian đó là mình khác người trên mà bè đảng với nhau làm việc gian vậy. Nên chê bai trừng trị loại người như thế.

Nay Tử Tư không cho nhà vua biết việc sai lầm, mà Mục Công lại quý trọng ông ta. Lệ Bá cho ông ta biết điều sai lầm mà Mục Công lại coi khinh ông ta. Tính người ai cũng thích sang và ghét hèn, cho nên cái loạn của họ Quý xảy ra mà ở trên không nghe, đó là điều khiến cho vua nước Lỗ bị uy hiếp vậy. Đó là cái tục quên mất chủ. Dân nước Trâu, nước Lỗ cho đó là hay mà Mục Công riêng mình lại quý, chẳng phải là đảo ngược sao?

2. Văn Công trốn ra nước ngoài, Tấn Hiến Công sai viên hoạn quan là Phí tấn công ông ở Bồ Thành. Phí chém vạt áo của Tấn Văn Công. Tấn Văn Công chạy trốn sang nước Địch, Huệ Công lên ngôi lại sai Phí giết Văn Công ở bến sông Vị nhưng không giết được. Đến khi Văn Công trở về nước, Phí yêu cầu yết kiến.

Văn Công nói: "Chuyện tấn công ở Bồ Thành nhà vua cho nhà ngươi nghỉ một đêm mà nhà ngươi lại đến ngay. Cái nạn ở bến sông Vị nhà vua cho nhà ngươi nghỉ ba đêm, mà một đêm nhà ngươi đã đến. Sao mà nhanh lắm thế!". Phí đáp: "Tôi chỉ nghe lệnh nhà vua mà thôi, việc trừ kẻ nhà vua ghét tôi chỉ sợ làm không được. Tôi có kể gì đến người đất Bồ, đất

Địch đâu? Nay bệ hạ lên ngôi, đâu phải không có chuyện Bồ Thành, nước Địch? Vả lại, Hoàn Công bỏ qua việc Quản Trọng bắn vào móc dây đai của mình mà cho Quản Trọng làm tướng quốc". Nhà vua bèn cho yết kiến.

Có người nói: Nước Tề nước Tấn không được cúng tế chẳng phải đúng sao? [1]. Hoàn Công có thể dùng Quản Trọng mà quên cái oán bị bắn vào cái móc dây đai. Tấn Văn Công có thể nghe viên hoạn quan mà bỏ cái tội chém tà áo. Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công có thể dung nạp được hai người. Các vị vua đời sau sáng suốt không bằng hai người này, các bầy tôi đời sau tài giỏi không bằng hai bầy tôi kia. Lấy bầy tôi bất trung mà thờ ông vua không sáng suốt. Nhà vua không biết thì có bọn giặc như Công Tôn Tháo nước Yên, Tử Hãn, Điền Thường, nhà vua mà biết điều đó thì họ lấy chuyện Quản Trọng và viên hoạn quan họ Phí để khỏi tội. Nhà vua nhất định không giết họ mà tự cho mình có cái đức của Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công. Như vậy nếu cái sáng của nhà vua không thấy được lòng thù địch của bầy tôi mà giao cho họ nhiều quyền; tự cho mình là hiền mà không đề phòng thì tuy không được thờ cúng cũng là phải mà thôi!

Vả lại, lời nói của viên hoạn quan là tô vẽ mà thôi. Không trái với lệnh nhà vua như thế là trung

[1] Họ Điền cướp nước Tề, ba họ Hàn, Triệu, Ngụy chia ba nước Tấn.

với vua. Chỉ khi nào ông vua chết sống lại mà bầy tôi vẫn không thẹn thì mới là trung. Nay Huệ Công buổi sáng chết, mà buổi chiều đã thờ Văn Công, viên hoạn quan có gì là trung đâu?

3. Có người nêu lên cho Tề Hoàn Công một câu bóng gió: "Khó nhất, khó nhì, khó ba là cái gì?". Hoàn Công không trả lời được. Hỏi Quản Trọng. Quản Trọng đáp: "Khó thứ nhất là gần các con hát mà xa các kẻ sĩ. Khó thứ hai là rời khỏi nước mình mà hay đi chơi ngoài biển, khó thứ ba là nhà vua già nhưng muộn đặt thái tử". Hoàn Công nói: "Phải đấy!". Không đợi chọn ngày làm lễ lập thái tử ở tôn miếu.

Có người nói: Quản Trọng trả lời câu nói bóng gió không đúng. Việc dùng kẻ sĩ không phải ở chỗ xa hay gần, còn bọn hề, kép hát thì cố nhiên là nhà vua ăn uống với họ, như vậy thì nhà vua dù có gần bọn con hát mà xa kẻ sĩ mà vẫn trị được nước, điều đó không phải là cái khó.

Phàm mình ở chỗ có thế mà không biết dùng cái mình vẫn có, lại thắc mắc về chỗ không rời khỏi nước, như vậy là lấy sức của một người để cấm một nước. Lấy sức của một người để cấm một nước thì ít có người làm được. Nếu sự sáng suốt có thể nhìn thấy cái gian ở xa và thấy được cái giấu giếm kín đáo, ra lệnh là nhất định thi hành, thì dù có đi chơi xa ngoài biển, trong nước cũng không có biến. Như

vậy thì rời khỏi nước chơi ngoài biển mà vẫn không bị hiếp, không bị giết, đó không phải là điều khó.

Sở Thành Vương cho Thương Thần làm thái tử, lại muốn đặt công tử Chức. Thương Thần làm loạn, kết quả giết Thành Vương. Công tử Tề là thái tử nhà Chu. Công tử Căn được sủng ái, bèn lấy đất Đông Chu làm phản, chia ra thành hai nước. Đó đều không phải là mối lo do việc đặt thái tử muộn. Phàm không chia cái thế và cái thân phận ra làm hai, các con thứ ở địa vị thấp, những người được yêu không mượn được quyền lực, không cho các đại thần quyết định, thì dù có lập thái tử muộn cũng được. Như vậy lập thái tử muộn, những người con thứ vẫn không làm loạn. Đó cũng không phải là điều khó.

Cái gọi là khó là: Cho người ta mượn cái thanh thế của mình mà khiến cho người ta không xâm phạm mình, điều đó có thể xem là cái khó thứ nhất. Quý các thiếp nhưng không khiến cho có hai hoàng hậu, đó là cái khó thứ hai. Yêu các con thứ nhưng không khiến cho người con đích bị nguy, chuyên tâm nghe một bầy tôi mà người ấy không dám coi vua là bù nhìn. Cái đó có thể xem là cái khó thứ ba vậy.

4. Diệp Công tên chữ là Tử Cao hỏi Trọng Ni về chính sự. Trọng Ni nói: "Chính trị cốt ở chỗ làm cho những người gần vui lòng và những người xa đến". Lỗ Ai Công hỏi Trọng Ni về chính trị. Trọng Ni nói: "Chính trị cốt ở chỗ chọn người hiền". Tề

Cảnh Công hỏi Trọng Ni về chính trị. Trọng Ni nói: "Chính trị là ở chỗ tiết kiệm tài sản". Ba vị công đi ra. Tử Cống hỏi: "Ba vị công đều hỏi thầy một điều là chính trị, thầy trả lời họ khác nhau là tại làm sao?". Trọng Ni nói: "Thủ đô nước Diệp lớn mà nước lại nhỏ, dân chúng có lòng làm phản, cho nên nói chính trị ở chỗ làm người gần vui lòng mà người xa đến. Lỗ Ai Công có ba quan đại thần, bề ngoài cản trở các kẻ sĩ bốn phía chư hầu, bên trong bè đảng với nhau để lừa nhà vua. Khiến cho tôn miếu không quét dọn, nền xã nền tắc không được cúng tế, tất cả đều do ba vị đại thần kia, cho nên nói "Làm chính trị cốt ở chỗ chọn người hiền". Tề Cảnh Công xây cửa Ung Môn, làm cung Lộ Tẩm, một buổi sáng mà cho ba người làm người có ba trăm cỗ xe [2]. Cho nên nói "chính trị cốt ở chỗ tiết kiệm".

Có người nói: "Câu trả lời của Trọng Ni là lời nói làm mất nước. Dân chúng đất Diệp có bụng làm phản mà lại bảo Diệp Công phải làm người gần vui lòng và người xa đến, thế là dạy dân mong chờ ân huệ. Lấy ân huệ làm chính trị thì kẻ không có công lại được thưởng mà kẻ có tội không bị tội. Pháp luật vì thế mà hỏng. Pháp luật hỏng thì chính sự loạn. Lấy cái chính trị gây loạn để trị cái dân hư hỏng, tôi chưa thấy nó có thể làm được ở chỗ nào.

---

[2] Theo một số nhà nghiên cứu thì câu này ý nói: cho ba người làm quan đại phu.

Vả lại, dân chúng có lòng phản bội là vì cái sáng suốt của vua có chỗ không nhìn thấy. Không soi sáng cái sáng của Diệp Công, mà lại khiến ông ta làm cho người gần vui lòng, người xa đến, như vậy là bỏ cái thế của mình có thể ngăn cấm được và có thể sai khiến được họ hay không mà thi hành ân huệ để tranh dân. Đó không phải là cái khiến cho người ta có thể nắm giữ được cái thế.

Ôi! Hiền như Nghiêu, người giỏi nhất trong sáu vị vương, Thuấn một lần rời khỏi mà thành ấp, thế là Nghiêu không có thiên hạ vậy. Nay có người không có cái thuật trị nước để ngăn cấm kẻ dưới lại cậy vào chỗ làm như Thuấn để không bỏ mất dân mình thế chẳng phải là không có thuật trị nước quá sao? Bậc vua sáng thấy cái gian nhỏ ở chỗ nhỏ bé cho nên dân không có mưu lớn, thi hành việc trừng phạt nhỏ đối với cái gian còn nhỏ cho nên không có mối lo lớn. Như vậy gọi là làm cái khó ở chỗ nó còn dễ, làm cái lớn ở chỗ nó còn nhỏ vậy. Nay kẻ có công thì nhất định thưởng, người được thưởng không phải mang ơn đối với nhà vua mà do cái sức của anh ta làm nên. Người có tội thì thế nào cũng bị phạt, người bị phạt không oán người trên, đó là vì do tội anh ta gây nên. Dân chúng biết thưởng hay phạt đều là do thân mình mà ra, thì sẽ quen với cái lợi chung trong công việc của mình mà không chịu ơn nhà vua. Câu "Bậc vua cao nhất, kẻ dưới chỉ biết là có"[3]

[3] Đạo đức kinh.

là nói rằng bậc vua cao nhất dân chúng không vui lòng. Dùng lối ân huệ đối với dân có ích gì đâu? Dân chúng của vị vua cao nhất không có cái lợi cái hại không do mình mà có. Cái thuật làm người gần vui lòng làm người người xa đến là có thể bỏ.

Lỗ Ai Công có ba bầy tôi bên ngoài thì ngăn cản người khác đến, bên trong thì bè đảng với nhau để lừa vua của mình. Thế mà Trọng Ni lại lấy chuyện chọn người hiền để thuyết ông ta. Đó không phải là cái lý luận xét công phạt tội mà chọn người nào bụng nhà vua cho là hiền. Vì vậy cho nên ba người kia mới được trọng dụng.

Tử Khoái nước Yên cho Tử Chi là hiền mà chê Tuân Khanh cho nên thân mình chết và bị chê cười. Phù Sai cho thái tể Phí là khôn mà cho Ngũ Tử Tư là ngu cho nên bị nước Việt tiêu diệt. Vua nước Lỗ không tất yếu biết được người hiền, thế mà lại dạy cho ông ta chọn người hiền, tức là khiến cho Ai Công có mối lo của Phù Sai, Tử Khoái.

Vị vua sáng không tự mình cử bầy tôi, các bầy tôi tiến cử lẫn nhau; không tự chọn lấy người hiền mà căn cứ vào công lao mà xét đoán. Lấy nhiệm vụ họ làm để đánh giá, lấy việc họ làm để thử, lấy công lao để giáo dục. Cho nên bầy tôi ngay thẳng mà không nghĩ đến việc riêng. Không che giấu người hiền, không tiến cử kẻ hư hỏng, như vậy thì kẻ làm vua chúa có vất vả gì trong việc lựa chọn người hiền đâu?

Tề Cảnh Công lấy tài sản của một nhà trăm cỗ xe cho bầy tôi, mà Trọng Ni dạy ông ta về chỗ tiết kiệm tài sản. Như vậy là khiến cho Cảnh Công không có cái thuật để hưởng sự xa xỉ của việc giàu có mà chỉ lo tiết kiệm ở trên nhưng vẫn không tránh khỏi nghèo. Có vị vua lấy ngàn dặm để nuôi cái bụng cái miệng của mình thì đến cả Kiệt, Trụ cũng không xa xỉ bằng. Nước Tề đất vuông ba ngàn dặm, mà Hoàn Công lấy một nửa để tự nuôi mình, như thế là xa xỉ hơn Kiệt, Trụ. Thế nhưng ông vẫn có thể làm người cầm đầu của ngũ bá, đó là vì ông biết chỗ nào nên xa xỉ, chỗ nào nên tiết kiệm.

Kẻ làm vua nếu không biết cấm người dưới mà chỉ tự cấm đoán mình thì gọi là bị hiếp; không thể sửa chữa được người dưới mà tự sửa chữa mình thì gọi là loạn; không tiết kiệm ở dưới mà tự tiết kiệm thì gọi là nghèo. Bậc vua sáng khiến cho người ta vô tư. Cấm kẻ lấy việc dối trá để sống. Dốc sức vào công việc, làm cho người trên có lợi thì thế nào cũng được nhà vua nghe. Người được nhà vua nghe thì thế nào cũng được thưởng. Kẻ tham ô bậy bạ làm việc riêng thì thế nào nhà vua cũng biết. Kẻ bị biết thế nào cũng bị trừng trị. Như vậy thì các tôi trung sẽ đốc lòng mình, trăm quan thanh liêm và lo sửa mình ở trên, dù có xa xỉ gấp bội Cảnh Công cũng không phải là cái mối lo cho nước. Như vậy thì dạy về việc tiết kiệm không phải là việc gấp vậy.

Nói chung, đối với ba vị công này có một lời thề có thể khiến cho ba người không phải lo lắng. Đó là: "Biết kẻ dưới". Biết rõ kẻ dưới thì ngăn cấm được sự việc khi nó mới ló ra. Ngăn cấm được sự việc khi nó mới ló ra, thì cái gian không chứa chất lại. Cái gian không chứa chất lại thì không có bè đảng. Không có bè đảng thì cái công cái tư rạch ròi. Cái công cái tư rạch ròi thì bè đảng tan vỡ. Bè đảng tan vỡ thì không có cái mối lo bị cản trở bên ngoài và bị che đậy bên trong. Biết kẻ dưới rõ ràng thì nhìn thấy sáng suốt. Nhìn thấy sáng suốt thì việc thưởng phạt rõ ràng. Việc thưởng phạt rõ ràng thì nước không nghèo. Cho nên nói: Một câu trả lời mà ba vị công không phải lo lắng, đó là: "Biết người dưới".

5. Tử Sản nước Trịnh sáng sớm ra khỏi nhà, đi qua xóm Đông Tượng. Nghe người đàn bà khóc, ông vỗ vào tay người đánh xe và lắng nghe. Lát sau, sai thuộc lại bắt người đàn bà để hỏi, thì ra người ấy chính tay mình thắt cổ chồng. Một hôm khác, người đánh xe của ông ta hỏi: "Tại sao ngài lại biết điều đó?" Tử Sản nói: "Tiếng khóc sợ hãi phẫm người ta đối với người thân yêu lúc mới bị bệnh thì lo, khi sắp chết thì sợ, đã chết rồi thì thương xót. Nay khóc người đã chết nhưng đã không đau xót mà lại sợ cho nên biết ngay là có điều gian".

Có người nói: Tử Sản cai trị chẳng phải lắm chuyện quá sao? Việc gian nếu phải đợi mắt thấy tai nghe mới biết được thì nước Trịnh bắt kẻ gian ít lắm

vậy. Không dùng quan lại thạo việc, không điều tra để xác minh, không hiểu rõ quy tắc tiêu chuẩn, mà chỉ cậy vào trí thông minh thì trí óc vất vả và lo nghĩ mà vẫn không có cái thuật để biết được điều gian.

Vả lại, việc thì nhiều mà người khôn thì ít. Ít không thể thắng được nhiều, cái khôn không thể biết hết mọi sự việc. Cho nên người ta nhân sự việc mà trị sự việc. Người dưới đông mà người trên ít, người ít không thắng được người nhiều. Cho nên nhà vua không thể biết hết bầy tôi được. Vì vậy phải dựa vào người để biết người. Làm thế thì thân thể mình không vất vả mà sự việc trị yên, không dùng đến sự khôn ngoan lo lắng mà bắt được kẻ gian.

Cho nên người nước Tống nói: "Một con chim sẻ bay qua mặt Hậu Nghệ thế nào cũng bắn được, như thế là Nghệ nói khoác. Lấy cả thiên hạ làm cái lưới thì chim sẻ khôn thoát được vậy". Phàm biết kẻ gian cũng phải có cái lưới lớn, không bỏ sót được đứa nào mới được. Không trau dồi cái lẽ đó mà lại lấy sự xét đoán của riêng mình làm cung tên thì Tử Sản khoác lác vậy. Lão Tử nói: "Lấy cái khôn để trị nước là kẻ giặc của nước". Tử Sản là thế đấy.

6. Tần Chiêu Vương hỏi những người chung quanh: "Nước Hàn, nước Ngụy ngày nay so với trước như thế nào?". Những người chung quanh đáp: "Yếu hơn trước". Nhà vua hỏi: "Như Nhĩ, Ngụy Tề ngày nay so với Mạnh Thường, Mang Mão trước đây như thế nào?". Những người chung quanh trả

lời: "Không bằng!". Nhà vua hỏi: "Mạnh Thường, Mang Mão cầm đầu nước Hàn, nước Ngụy mạnh còn chưa làm gì được quá nhân!". Những người chung quanh nói: "Đúng thế".

Trọng Kỳ đặt cây đàn cầm xuống, đáp: "Bệ hạ trù tính việc thiên hạ sai rồi! Thời nước Tấn thuộc sáu họ, họ Trí mạnh nhất. Diệt họ Phạm và họ Trung Hàng, hợp tung với quân đội của Hàn, Ngụy để đánh nước Triệu. Lấy nước sông Tấn Thuỷ để tưới vào. Thành chỉ còn ba bản nữa là ngập. Trí Bá đi ra, Ngụy Tuyên Tử đánh xe, Hàn Khang Tử làm người tham thặng. Trí Bá nói: "Lúc đầu tôi không biết nước có thể dùng để diệt được nước người ta. Nay tôi mới biết. Nước sông Phần có thể tưới vào An Ấp, nước sông Giáng có thể tưới vào Bình Dương". Ngụy Tuyên Tử lấy khuỷu tay thúc Hàn Khang Tử. Hàn Khang Tử giẫm chân Tuyên Tử. Hai người lấy tay và chân ra hiệu cho nhau ở trên xe mà nước sông Tri Thuỷ bị chia xẻ ở dưới chân thành Tấn Dương[4]. Nay bệ hạ tuy mạnh nhưng vẫn chưa bằng họ Trí; nước Hàn, nước Ngụy tuy yếu, nhưng vẫn chưa đến nỗi như ở dưới chân thành Tấn Dương. Lúc này thiên hạ đang hích khuỷu tay và lấy chân ra hiệu cho nhau. Xin bệ hạ chớ coi là dễ".

[4] Ngay sau đó hai người mưu với quân Triệu tháo nước sông Tri, thành Tấn Dương khỏi bị nạn. Triệu, Hàn, Ngụy cùng phối hợp

Có người nói: Câu hỏi của Chiêu Vương có chỗ sai. Câu trả lời của những người chung quanh và của Trung Kỳ có chỗ hổng.

Nói chung, bậc vua sáng cai trị nước là dựa vào cái thế. Cái thế không thể bị hại thì dù có sức của cả thiên hạ cũng không thể làm gì được. Huống là Mạnh Thường, Mang Mão, nước Hàn, nước Nguỵ có thể làm gì ta! Cái thế là có thể bị hại, thì những kẻ kém cỏi như Như Nhĩ, Nguỵ Tề, và các nước Hàn, Nguỵ cũng có thể làm hại. Như vậy thì việc bị hại và không bị xâm chiếm là dựa vào bản thân mình mà thôi. Hỏi làm gì? Nếu dựa vào cái thế mình không bị xâm lấn thì có phải lo gì kẻ địch mạnh hay yếu? Sai lầm ở chỗ không dựa vào bản thân mình lại hỏi xem kẻ địch có làm được gì mình không mà không bị xâm lấn là một điều may mắn. Thân Tử nói: "Bỏ pháp luật mà cầu chữ tín thì sinh nghi ngờ".Trường hợp của Chiêu Vương là như thế đấy.

Trí Bá không biết tính toán, đang cùng đi với Hàn Khang Tử, Nguỵ Tuyên Tử lại mưu lấy dòng nước làm ngập và diệt nước hai người này. Kết quả nước của Trí Bá mất và thân mình bị chết, cái đầu bị làm chén uống rượu.

Nay Chiêu Vương lại hỏi kẻ địch bây giờ so với trước lúc nào mạnh hơn, đâu phải ông ta sợ người ta lấy dòng nước mà tiêu diệt nước mình đâu? Tuy có những người chung quanh, nhưng họ không phải là hai ông Hàn Khang Tử và Nguỵ Tuyên Tử,

làm gì có cái việc hích khuỷu tay, giẫm lên chân, mà Trung Kỳ nói: "Chớ coi thường?" Đó là một lời nói hư nguỵ.

Và lại, chức quan của Trung Kỳ là gảy đàn cầm, gảy đàn sắt. Dây đàn không đúng điệu, gảy đàn không rõ là nhiệm vụ của Trung Kỳ. Trung Kỳ thờ Chiêu Vương bằng cái đó. Không biết Trung Kỳ có giỏi làm nhiệm vụ của mình và có làm cho Chiêu Vương vừa ý không. Nhưng ông ta lại làm cái chuyện ông ta không biết chẳng phải là lầm lắm sao? Những người chung quanh trả lời nhà vua "yếu hơn trước" và "không bằng" thì được, nhưng nói "Phải lắm" thì đó là nịnh hót.

Thân Tử nói: "Phép trị nước là không vượt chức quan, dù có biết cũng không nói". Nay Trung Kỳ không biết mà lại còn nói, cho nên nói Chiêu Vương hỏi là có chỗ sai, và những người chung quanh cũng như Trung Kỳ trả lời là có chỗ hỏng.

7. Quản Tử nói: "Thấy cái có thể làm được thì có bằng chứng để chứng tỏ mình thích; thấy cái không làm được, thì có hình phạt để chứng tỏ mình ghét. Đối với những cái mình thấy đều có thưởng phạt chắc chắn thì đối với những cái mình không thấy ai dám làm bậy? Thấy cái mình có thể làm được nhưng không có bằng chứng chứng tỏ mình thích, thấy cái mình không làm được nhưng không có hình phạt chứng tỏ mình ghét. Thưởng phạt không chắc chắn đối với những cái mình thấy mà lại

tìm sự giáo hoá ở cái mình không thấy thì không thể được vậy".

Có người nói: Chỗ ở nghiêm nơi sân rộng thì mọi người đều cẩn thận; ở một mình phòng nghỉ ngơi, thì Tăng Sâm, Sử Ngư cũng khinh thường. Thấy người ta cẩn thận đó không phải là do bản tính của người ta mà là do tình thế của người ta.

Vả lại, nhà vua là cái khiến cho bày tôi phải trau chuốt. Nếu sự yêu ghét của nhà vua biểu lộ khiến cho người ta thấy được thì những người bầy tôi ở dưới thế nào cũng tô vẽ những điều gian dối để lừa nhà vua. Sự sáng suốt của nhà vua đã không thể chiếu sáng cái gian ở xa, không thể nhìn thấy cái nhỏ bé giấu kín thế mà nhà vua lại dựa vào đấy để xem cái hành vi trau chuốt, để quy định việc thưởng và phạt chẳng phải là hỏng sao?

Có người nói: Cái mà Quản Trọng gọi là "lời nói nhà riêng đầy nhà riêng, lời nói chốn công đường đầy công đường", không phải là chỉ nói đến những lời trong lúc vui chơi, ăn uống mà thôi. Nhất định là nói đến cả chuyện bàn việc lớn. Việc lớn của vua chúa nếu không phải là phép trị nước thì đó là thuật trị nước. Phép trị nước là cái được chép trong sách vở, bày ra nơi công đường và công bố cho trăm họ. Còn thuật trị nước là cái giấu trong bụng con người để kết hợp các đầu mối và ngầm chế ngự bầy tôi. Cho nên pháp luật không gì bằng bày ra rõ ràng, mà thuật trị nước thì không muốn cho người ta thấy.

Vì vậy bậc vua sáng nói đến pháp luật thì những người thấp hèn trong thiên hạ không ai không nghe, không biết, chứ không phải chỉ là đầy ở công đường mà thôi. Còn dùng thuật trị nước thì những ngời thân yêu gần gũi cũng không ai được nghe, nên không thể đầy nhà riêng. Thế mà Quản Tử nói: "Lời nói nhà riêng đầy nhà riêng, lời nói chốn công đường đầy công đường" đó không phải là nói chuyện pháp luật và thuật trị nước vậy.

Thiên XXXIX

Chất vấn, phần thứ tư (Nạn tứ)

1. Tôn Văn Tử nước Vệ sang thăm nước Lỗ. Lỗ Công bước lên, ông ta cũng bước lên. Thúc Tôn Mục Tử rảo bước tiến lên nói: "Khi chư hầu họp, vua tôi chưa bao giờ ở sau vua nước Vệ. Nay ông không đi sau vua chúng tôi một bực, vua chúng tôi không biết mình có lỗi gì. Xin ông hãy nán lại một chút". Tôn Tử không đáp nhưng cũng không thay đổi dung mạo. Mục Tử rút lui bảo người ta: "Tôn Tử thế nào cũng diệt vong. Làm bầy tôi mà không ở sau nhà vua, có lỗi mà không sửa. Đó là cái gốc của sự diệt vong".

Có người nói: Thiên Tử bỏ mất đạo, chư hầu thay thế thiên tử, cho nên mới có Thành Thang, Vũ

Vương. Chư hầu bỏ mất đạo, quan đại phu thay thế chư hầu, cho nên mới có nước Tề, nước Tấn. Nếu bầy tôi thay thế nhà vua mà thế nào cũng diệt vong thì Thành Thang, Vũ Vương đã không làm được vương, nước Tề, nước Tấn đã không lập được. Tôn Tử làm vua ở nước Vệ, nhưng sau đó không chịu làm bầy tôi của nước Lỗ. Bầy tôi sở dĩ thành vua là vì vua trước có sai lầm cho nên bầy tôi mới được làm vua. Không nói chuyện diệt vong của ông vua mất nước mà nói chuyện diệt vong của bầy tôi được nước là không biết xét. Nước Lỗ không trừng trị được quan đại phu của nước Vệ, và vua nước Vệ không đủ sáng suốt để biết bầy tôi không sửa lỗi. Tôn Tử tuy có hai khuyết điểm đó, nhưng sao lại nói ông ta diệt vong? Cái mất của ông ta chính là cái khiến cho ông ta được làm vua đấy[5].

Lại có người nói: Vua và tôi địa vị khác nhau nhưng sở dĩ bầy tôi có thể cướp địa vị của vua là vì hai bên có thể giẫm đạp lên địa vị của nhau. Cho nên nếu không phải địa vị của mình mà lấy thì mọi người có thể đoạt lại. Bỏ cái địa vị của mình rồi sau lấy lại, đó là do dân cho lại. Cho nên Kiệt đòi con gái ở Dân Sơn, Trụ đòi trái tim của Tỷ Can là thiên hạ rời bỏ. Thành Thang tự đổi tên[6], Vũ Vương bị hình phạt mà thiên hạ phục theo. Triệu Tuyên Tử

[5] Ông ta quên cái lẽ trước đây là bầy tôi nước Lỗ.

[6] Câu này "Thang thân dịch danh" có lẽ là "... dịch Lữ" là bị khốn ở đất Lữ, nơi bị Kiệt cầm tù.

chạy lên núi. Điền Thành chạy ra nước ngoài, mà nước Tề, nước Tấn theo. Như vậy thì Thành Thang, Vũ Vương sở dĩ làm vương, các nước Tề và Tấn sở dĩ dựng lên, không phải là vì những ông vua của họ. Họ được nó trước rồi sau đó mới ở vào cái địa vị của ông vua. Nay Tôn Tử chưa có cái khiến cho ông ta được làm vua mà làm cái địa vị ông ta muốn có, như vậy là đảo lộn đạo nghĩa và làm trái đức. Đảo lộn nghĩa là cái làm cho sự việc hỏng, trái với đức là cái làm cho oán giận tập trung lại. Tại sao lại không xét sự diệt vong của ông ta?

2. Dương Hổ nước Lỗ muốn tấn công ba nhà họ Hoàn nhưng không thắng được, bỏ trốn sang nước Tề. Tề Cảnh Công lấy lễ đối đãi với ông ta. Bão Văn Tử can nói: "Không được. Dương Hổ được họ Quý yêu quý nhưng lại muốn đánh Quý Tôn vì tham cái giàu của ông ta. Nay bệ hạ giàu hơn Quý Tôn và nước Tề lại lớn hơn nước Lỗ. Cho nên Dương Hổ sẽ trổ hết sự dối trá của mình". Cảnh Công bèn bỏ tù Dương Hổ.

Có người nói: "Cái nhà ngàn vàng thì đứa con bất nhân vì con người quá vội vã chạy theo lợi". Tề Hoàn Công là người đứng đầu trong ngũ bá, tranh nước và giết anh mình, vì cái lợi của nó lớn. Giữa vua và tôi không phải thân như anh em. Trong cái công hiếp đáp và giết nhà vua, khống chế vạn cỗ xe để hưởng cái lợi lớn, thì bầy tôi ai lại không phải là Dương Hổ? Công việc nhờ khéo léo tinh vi mà nên.

vì sơ suất mà hỏng. Bọn bầy tôi chưa gây nạn là vì họ chuẩn bị chưa đủ. Các bầy tôi đều có cái bụng của Dương Hổ, nhưng nhà vua không biết đó là vì họ tinh vi và khéo léo. Dương Hổ tham lam muốn có thiên hạ lại muốn tấn công người trên như vậy là sơ hở vụng về. Không khiến Tề Cảnh Công trừng phạt bầy tôi khéo léo tinh vi của nước Tề mà khiến ông ta trừng phạt Dương Hổ vụng về đó là cái thuyết của Bão Văn Tử kém. Bầy tôi trung hay gian trá là ở hành động của nhà vua. Nhà vua sáng suốt và nghiêm thì bầy tôi đều trung. Nhà vua nhu nhược và mê muội thì bầy tôi đều gian trá. Biết cái vi diệu gọi là sáng suốt, không tha gọi là nghiêm. Không biết bọn bầy tôi gian xảo của nước Tề mà lại trừng phạt kẻ đã làm loạn ở nước Lỗ chẳng phải là sai lầm sao?

Có người lại nói: Người nhân và người tham bụng không như nhau. Cho nên công tử Mục Di từ chối ngôi vua nước Tống, mà Thương Thần nước Sở giết vua mình. Khứ Tật nước Trịnh nhường ngôi cho em, nhưng Hoàn Công nước Lỗ lại giết anh. Năm bá kiêm tính các nước mà lấy Tề Hoàn Công làm gương. Như vậy thì họ đều không có cái đức liêm và trinh.

Vả lại, nhà vua sáng suốt và nghiêm thì bầy tôi đều trung, Dương Hổ gây loạn ở nước Lỗ, không có kết quả nên bỏ chạy, vào nước Tề mà không bị trừng phạt, thì cũng nhân đó mà gây loạn. Vị vua sáng suốt thì trừng phạt, vì biết trị Dương Hổ có thể chận

được cái loạn. Đó là nhìn thấy cái tình thế lúc nó vi diệu.

Tục ngữ nói: "Chư hầu lấy nước làm thân mình". Nhà vua nghiêm thì cái tội của Dương Hổ không thể bỏ qua, như vậy là thực tế không tha tội. Như vậy trị Dương Hổ là cách để khiến cho bầy tôi trung. Không biết bầy tôi khéo léo của nước Tề, mà bỏ cái tội rõ ràng làm loạn; trừng trị cái tội chưa rõ mà không trừng phạt cái tội rõ ràng, đó là sai lầm vậy. Nay trừng trị kẻ có tội làm loạn ở nước Lỗ để ra uy với những bầy tôi có lòng gian, đồng thời lại có thể được sự thân thiện của họ Quý, họ Mạnh và họ Thúc Tôn thì lời khuyên của Bão Văn Tử có gì là sai trái?

3. Trịnh Bá định cho Cao Cừ Di làm quan khanh. Chiêu Công ghét ông ta cho nên cố sức can ngăn. Trịnh Bá không nghe. Đến khi Chiêu Công lên ngôi, Cao Cừ Di sợ Chiêu Công giết mình, nên năm Tân Mão, ông ta giết Chiêu Công mà lập Tử Vĩ. Người quân tử nói: "Chiêu Công biết người mình ghét". Công tử Ngữ nói: "Cao Bá thực đáng giết. Ông ta báo oán quá đáng".

Có người nói: Lời của công tử Ngữ chẳng phải là trái sao? Chiêu Công bị nạn là vì ông ta báo oán muộn. Như vậy thì Cao Bá chết muộn là vì ông ta báo oán quá đáng. Vị vua sáng suốt không giận suông. Giận suông thì bầy tôi có tội sẽ làm liều để thi hành mưu kế và nhà vua sẽ nguy.

Cho nên trong tiệc rượu ở Linh Đài, Vệ Hầu giận mà không trừng trị. Kết quả Chử Sư gây nạn. Trong việc ăn canh rùa, vua Trịnh giận mà không trừng trị cho nên Tử Công giết nhà vua[7]. Câu nói của người quân tử bảo "Chiêu Công biết kẻ mình ghét" không phải là nói rằng ông ta ghét quá đáng, mà nói rằng ông ta đã biết rõ ràng như vậy mà vẫn không thi hành việc trừng phạt, để đến nỗi phải chết. Cho nên nói ông ta biết người mình ghét để nêu lên rằng ông ta không có quyền. Kẻ làm vua không chỉ thiếu sót ở chỗ thấy được cái hại mà thôi mà còn thiếu sót ở chỗ quyết định khắc phục cái hại ấy. Nay Chiêu Công đã nêu lên cái ác, vạch ra cái tội mà không trừng phạt, khiến Cao Cừ Di lo ghét sợ chết mà làm liều, cho nên nhà vua không khỏi bị giết. Như vậy Chiêu Công báo oán không phải là quá đáng.

Lại có người nói: Kẻ báo oán quá đáng là dùng lối trừng phạt nặng đối với tội nhẹ. Dùng lối trừng phạt nặng đối với tội nhẹ là cái lo của tù ngục. Vì vậy cái lo của tù ngục không phải là ở những người đã bị trừng phạt mà là ở chỗ số người thù oán đông. Vì vậy cho nên Tấn Lệ Công tuy đã diệt ba họ Khước mà họ Loan và họ Trung Hàng vẫn gây nạn;

---

[7] Nước Sở biếu Trịnh Linh Công con rùa. Tử Công nói với Tử Gia: "Cái ngón tay trỏ của tôi cựa quậy, thế nào cũng ăn vật lạ đây". Đến khi vào chầu, thấy có canh rùa, hai người nhìn nhau mỉm cười. Vua hỏi tại sao. Hai người nói thực. Nhà vua chỉ cho Tử Gia ăn. Tử Công giận, chấm ngón tay trỏ vào bát canh, mút rồi đi ra. Sau này hai người mưu giết Vệ Linh Công.

Tử Đỗ nước Trịnh tuy đã giết Bá Huyên nhưng Tự Đình vẫn gây hoạ; vua Ngô tuy đã giết Tử Tư nhưng Câu Tiễn nước Việt vẫn thành bá. Như vậy thì chuyện Vệ Hầu bị đuổi, Trịnh Linh Công bị giết không phải vì Chử Sự không bị giết và Tử Công không bị trừng phạt mà vì lúc chưa có thể giận mà lại có sắc giận, lúc chưa có thể trừng phạt mà lại có cái bụng muốn trừng phạt.

Giận kẻ đáng tội và trừng phạt không trái lòng người thì tuy có bộc lộ cũng có hại gì đâu? Chưa nêu ra tội, sau khi lên ngôi, lấy tội cũ để giết. Tề Hồ bị diệt là vì thế. Nhà vua làm đối với bầy tôi còn có mối lo sau, huống nữa bầy tôi làm đối với nhà vua sao? Trừng phạt đã không đúng mà còn để cả bụng dạ vào đấy tức là biến thiên hạ thành kẻ thù. Như vậy thì có bị giết cũng là đáng lắm thay.

4. Thời Vệ Linh Công, Di Tử Hà được yêu, hống hách trong nước Vệ. Có anh hề yết kiến nhà vua nói: "Giấc mơ của thần đã thực hiện". Nhà vua hỏi: "Mơ thấy cái gì?". Anh hề đáp: "Thần nằm mơ thấy cái bếp cho là thấy chúa công". Nhà vua giận nói: "Ta nghe nói thấy nhà vua là nằm mơ thấy mặt trời, sao nhà ngươi nhìn thấy cái bếp lại cho là thấy quả nhân?". Anh hề đáp: "Mặt trời chiếu cả thiên hạ, ông vua chiếu cả một nước, một người không thể che đậy được, cho nên người ta sắp nhìn thấy vua thì nằm mơ thấy mặt trời. Cái bếp, một người đun thì người đứng sau không có cách gì để thấy. Hoặc giả

có người nào che nhà vua cũng nên!". Nhà vua nói: "Phải đấy!". Bèn đuổi Ung Sư, cho Di Tử Hà lui và dùng Tư Không Cẩu.

Có người nói: Anh hề khéo giả mượn chuyện nằm mơ để nêu cái đạo làm vua. Thế nhưng Vệ Linh Công không biết lời của anh hề. Đuổi Ung Sư, cho Di Tử Hà lui mà dùng Tư Không Cẩu thì đó là đuổi người mình yêu mà dùng người mình cho là tài giỏi. Tử Đô nước Trịnh cho Khánh Kiến là hiền mà bị che. Tử Khoái nước Yên cho Tử Chi là hiền mà bị cản trở. Phàm đuổi người mình yêu mà dùng người mình cho là hiền vẫn chưa khỏi khiến cho một người đứng che mình. Kẻ hư hỏng mà đứng che nhà vua thì không đủ để làm hại tới cái sáng. Nay không khôn ngoan thêm mà khiến người hiền đứng trước mình thì thế nào cũng nguy vậy.

Lại có người nói: Khuất Đáo ưa củ ấu, Văn Vương thích dưa xương bồ. Đó không phải là những vị chính nhưng hai người hiền thích nó. Cái thích chưa nhất thiết là cái ngon. Tấn Linh Công thích Tam Vô Tuất, Tử Khoái nước Yên cho Tử Chi là hiền. Đó đều không phải nhà những kẻ sĩ chính trực nhưng hai ông vua tôn trọng họ. Những người nhà vua cho là hiền không nhất thiết là hiền, so với việc yêu mà dùng thì cũng như nhau. Yêu người thực sự hiền mà dùng họ là khác việc dùng người mình yêu. Cho nên vua Trang Vương nước Sở dùng Tôn Thúc Ngao mà làm bá, Tân (tức Trụ) nhà Thương dùng

Phí Trọng mà bị diệt. Hai người này đều dùng người mình cho là hiền mà kết quả trái ngược nhau. Khoái Tử nước Yên tuy dùng người ông ta cho là hiền nhưng cũng là một với việc dùng người mình yêu. Vệ Hầu có như thế không? Điều đó anh hề chưa có thể biết được. Nhà vua bị che đậy mà không biết mình bị che đậy, sau đó biết rằng mình bị che đậy, cho nên cho Ung Cừ rút lui. Như thế là sáng suốt hơn. Câu nói: "Không sáng suốt hơn mà khiến người hiền đứng trước mình thì mình thế nào cũng nguy". Nhưng nay thì đã sáng suốt hơn rồi, tuy có người đứng trước mình chắc chắn cũng không bị nguy vậy.

QUYỂN XVII

Thiên XL

Chất vấn về cái thế (Nạn thế)

1. Thận Tử[1] nói: "Con rồng bay cưỡi mây, con rắn lượn bay trong sương mù. Mây tan mù tạnh, thì con rồng con rắn cũng chẳng khác gì con kiến vì đã mất chỗ dựa vào. Người hiền mà phải chịu khuất phục trước kẻ hư hỏng, đó là vì quyền mình nhẹ, địa vị mình thấp. Người hư hỏng mà có khuất phục được người hiền, đó là vì quyền cao, địa vị mình cao. Nghiêu mà là kẻ thất phu thì không cai quản được ba người, còn Kiệt làm thiên tử thì có thể làm loạn cả thiên hạ. Ta căn cứ vào đó thì biết cái thế và địa vị là đủ để nhờ cậy, còn sự khôn ngoan sáng suốt không đủ cho ta hâm mộ.

---

[1] Thận Đáo, một pháp gia.

Ôi! Cái cung yếu nhưng mũi tên bay cao là nhờ có sức gió đẩy nó. Mình là kẻ hư hỏng nhưng mệnh lệnh được thi hành là nhờ có đám đông giúp đỡ. Nghiêu khi làm kẻ thuộc hạ mà giáo dục thì dân chúng không nghe, nhưng đến khi quay mặt về hướng nam làm vương thiên hạ thì lệnh ban ra được thi hành, điều ngăn cấm bắt người ta phải thôi. Do đó mà xét thì tài giỏi khôn ngoan không đủ để làm cho dân chúng phục theo, mà cái thế và địa vị đủ làm cho người hiền giả phải khuất phục vậy.

2. Người trả lời Thận Tử nói: Rồng bay cưỡi mây, rắn lượn bay trong sương mù. Tôi không cho rằng rồng và rắn không dựa vào cái thế của mây và mù. Tuy vậy, bỏ người hiền mà chỉ độc dựa vào cái thế mà thôi thì có đủ để trị nước hay không? Tôi chưa hề thấy điều đó.

Ôi! Có được cái thế của mây của mù mà có thể bay, lượn được, đó là vì con rồng và con rắn có tài lớn. Nay mây nhiều nhưng con giun vẫn không thể bay được, mù nhiều nhưng con ếch cũng vẫn không thể lượn được. Có cái thế nhiều mây, nhiều mù nhưng vẫn không có thể bay lượn được đó là vì cái tài của con giun, con ếch kém. Nay Kiệt, Trụ quay mặt về hướng nam làm vương thiên hạ, lấy cái uy của thiên tử để làm mây làm mù nhưng thiên hạ vẫn cứ không khỏi loạn to, đó là vì cái tài của Kiệt, của Trụ kém.

Vả lại, nếu bảo người ấy lấy cái thế của Nghiêu để trị thiên hạ, thì cái thế của ông ta có khác gì cái thế của Kiệt, của Trụ đâu? Cái thế không tất yếu khiến cho người hiền dùng nó, và người hư hỏng không dùng nó. Người hiền dùng nó thì thiên hạ trị an, người hư hỏng dùng nó thì thiên hạ loạn. Bản tính con người, người hiền thì ít mà kẻ hư hỏng thì đông, và họ lấy cái lợi của uy thế để giúp cho bọn hư hỏng làm loạn thiên hạ.

Cho nên *Chu Thư* nói: "Chớ cấp thêm cánh cho hổ. Nó sẽ bay vào thành ấp, vồ lấy người mà ăn thịt đấy". Phàm cấp cái thế cho kẻ hư hỏng tức là cấp cánh cho hổ. Kiệt, Trụ làm đài cao, ao sâu, làm kiệt sức của dân, dùng hình bào lạc[2] làm hại tới cái sống của dân. Kiệt, Trụ được cái thế làm chuyện ngang ngược, uy quay mặt về hướng nam làm thành đôi cánh của họ. Ví thử Kiệt, Trụ là kẻ thất phu thì họ chưa làm được một việc mà thân đã bị hình phạt giết chết rồi. Cái thế là cái nuôi dưỡng cái bụng hổ lang, và tạo thành chuyện bạo loạn vậy. Đó là mối lo to lớn cho thiên hạ. Cái thế dẫn tới việc trị hay loạn điều đó vốn không phải là xác định. Nhưng câu nói trên lại độc nói cái thế là đủ để cai trị thiên hạ, như vậy thì điều hiểu biết của ông ta hãy còn nông cạn vậy.

[2] Nung cột đồng đỏ, bắt người ta trèo lên.

3. Phàm có con ngựa tốt, có cỗ xe chắc mà sai bọn nô tỳ điều khiển nó thì bị người ta cười. Vương Lương điều khiển nó thì ngày đi ngàn dặm. Xe và ngựa không phải là khác, nhưng lúc thì đi ngàn dặm, lúc thì bị người ta cười, như vậy thì việc khéo hay vụng là khác nhau xa. Nay lấy cái nước làm cỗ xe, lấy cái thế làm con ngựa, lấy hiệu lệnh làm dây cương, lấy hình phạt làm roi vọt, sai Nghiêu Thuấn đánh xe thì thiên hạ trị an, sai Kiệt Trụ đánh xe thì thiên hạ loạn. Như vậy thì người hiền với kẻ hư hỏng là khác nhau xa vậy. Phàm muốn ruổi nhanh và đi xa, mà không biết dùng Vương Lương, muốn tìm điều lợi trừ điều hại mà không biết dùng người tài giỏi là cái lo của việc không biết phân biệt vậy. Nói chung, Nghiêu, Thuấn cũng là Vương Lương trong việc trị dân vậy.

4. Lại có người trả lời như sau: Ông ta cho cái thế là đủ để cai quản các quan. Người khách nói: "Thế nào cũng phải đợi có người hiền mới được trị". Như vậy là không đúng. Phàm cái thế, là cái chỉ có một tên gọi nhưng sự biến đổi của nó thì không cùng. Nếu cái thế chỉ căn cứ vào tự nhiên thì không có gì để nói đến cái thế cả. Tôi sở dĩ nói đến cái thế là vì nó là cái người lập ra. Nay nói Nghiêu, Thuấn có được cái thế mà thiên hạ trị; Kiệt, Trụ có được cái thế mà thiên hạ loạn. Tôi không phải cho Nghiêu và Thuấn không phải như vậy. Tuy nhiên, đó không phải là cái một người có thể lập ra được.

Nếu Nghiêu, Thuấn sinh ra và ở địa vị trên thì dù có mười Kiệt Trụ cũng không thể nào làm loạn được. Như vậy cái thế là trị. Nếu Kiệt và Trụ cũng sinh và ở địa vị trên, thì dù có mười Nghiêu, Thuấn, nước cũng không thể trị an được. Như vậy, cái thế là loạn. Cho nên nói: "Cái thế mà trị an, thì không thể nào loạn được. Trái lại cái thế mà loạn, thì không thể nào trị an được". Đó là cái thế tự nhiên, con người ta không thể nào lập ra nó được. Điều tôi nói là nói cái thế con người có thể lập ra được mà thôi. Sự tài giỏi có liên quan gì tới điều đó đâu? Làm thế nào để chứng minh điều đó?

5. Người khách nói: "Có người bán mâu và bán thuẫn. Anh ta khen cái thuẫn của anh ta chắc, không vật nào có thể làm hỏng nó được. Lát sau, lại khen cái mâu của anh ta, nói: "Cái mâu của tôi sắc, vật gì đâm cũng thủng". Người ta hỏi anh ta: "Lấy cái mâu của anh để đâm cái thuẫn của anh thì thế nào?". Anh ta không có cách gì trả lời. Cái thuẫn không vật gì có thể làm hỏng được với cái mâu không cái gì là không đâm thủng được, về mặt danh nghĩa thì không thể cùng tồn tại. Phàm người hiền làm đạo thì cái thế không thể cấm được, với việc lấy cái thế làm đạo không cái gì không cấm được, lấy cái hiền không cái gì có thể cấm được ở vào cái thế không cái gì là không cấm được, đó là cái thuyết mâu thuẫn. Như vậy rõ ràng hiền và thế là hai cái không thể chấp nhận nhau.

6. Vả lại, Nghiêu, Thuấn, Kiệt, Trụ, thì ngàn đời mới xuất hiện một lần, còn những người khác thế thì chen vai nối gót nhau xuất hiện. Những người cai trị tối đại đa số là những người trung bình. Tôi sở dĩ nói đến cái thế là vì những người trung bình. Những người trung bình trên không bằng Nghiêu, Thuấn, nhưng ở dưới cũng không như Kiệt, Trụ. Nếu họ giữ pháp luật ở vào cái thế thì trị an, nếu họ từ bỏ pháp luật, gạt bỏ cái thế thì loạn. Nay bỏ cái thế, bỏ pháp luật mà đợi Nghiêu, Thuấn đến mới trị an, thì một ngàn đời loạn mới có một đời trị an. Còn nếu nắm lấy pháp luật ở vào cái thế mà đợi Kiệt, Trụ, Kiệt, Trụ đến thì loạn, như vậy thì ngàn đời trị mới có một đời loạn. So sánh một đời trị có một đời loạn, với một đời trị có ngàn đời loạn thì cũng cách xa nhau như cưỡi ngựa kỳ, ngựa ký chạy rẽ theo hai đường khác nhau.

Bỏ phép uốn nắn, bỏ thuật đo lường rồi sai Hề Trọng đóng một chiếc xe, thì ông ta không thể làm một cái bánh xe. Không có thưởng và khen để khuyến khích, không có cái uy của hình phạt, bỏ cái thế, bỏ pháp luật, thì dù có Nghiêu, Thuấn đến cửa thuyết từng nhà cũng có người cãi lại nên không cai quản được ba nhà. Như vậy cái thế rõ ràng là có thể dùng được. Còn nói thế nào cũng phải đợi người hiền thì không rõ ràng như vậy.

Vả lại nếu nhịn ăn một trăm ngày để đợi no nê thì thế nào cũng chết chứ không thể sống được. Nay

cứ chờ đợi người hiền như Nghiêu, Thuấn để cai trị dân chúng đời nay thì cũng giống như chờ đợi có cơm có thịt rồi mới cứu người chết đói vậy.

Còn nói rằng có ngựa hay, xe vững nhưng nếu sai bọn nô tỳ đánh xe thì người ta cười, còn sai Vương Lương đánh xe thì một ngày đi ngàn dặm, tôi không cho điều đó là đúng. Bởi vì nếu phải đợi người nước Việt giỏi nghề đi biển đến cứu người chết đuối ở Trung Quốc thì tuy người nước Việt có giỏi bơi lội anh ta cũng không tài nào kịp cứu người chết đuối. Chờ đợi Vương Lương đời xưa để điều khiển con ngựa đời nay, thì cũng chẳng khác gì chờ đợi người nước Việt đến cứu người chết đuối vậy. Rõ ràng biện pháp ấy không thể làm được. Có ngựa hay, xe vững, cứ năm mươi dặm đặt một trạm rồi khiến người trung bình đánh xe, thì có thể đi nhanh và xa, một ngày vẫn có thể đi ngàn dặm, cần gì phải đợi đến Vương Lương thời xưa?

7. Lối bàn chuyện đánh xe là lập tức nếu không nói đến Vương Lương, thì nhất định là nói đến bọn nô tỳ làm hỏng; nói đến chuyện trị nước nếu không phải nói đến Nghiêu, Thuấn thì nói đến cái họa của Kiệt, Trụ, cách nói ấy cũng chẳng khác gì nói đến khẩu vị nếu không phải nói đến kẹo ngọt thì nhất định nói đến rau đắng. Lối nghị luận căn cứ vào hai điều cực đoan như thế làm sao có thể gây khó dễ cho cái lời hợp đạo lý được? Lời bàn của ông khách chưa bằng lối bàn luận đã nói vậy.

Thiên XLI

Hỏi về sự nguỵ biện (Vấn biện)[1]

1. Có người hỏi: "Việc nguỵ biện do đâu mà ra?". Thưa rằng: "Do chỗ người trên không sáng suốt". Người hỏi nói: "Tại sao người trên không sáng suốt lại sinh ra nguỵ biện?". Thưa rằng: "Trong cái nước của ông vua sáng suốt thì mệnh lệnh là lời nói quý nhất, pháp luật là việc làm thích hợp nhất. Hai lời nói ngược nhau không thể cùng quý, hai pháp luật không thể cùng thích hợp. Cho nên những lời nói và những hành vi nào không hợp với pháp lệnh thì đều nhất thiết bị cấm. Nếu như người trên không có pháp lệnh để đối phó với bọn dối trá, ứng phó với sự biến đổi, để mưu lợi, dò xét sự việc thì thế nào người trên cũng chọn lời nói và đòi hỏi nó phải có công dụng thực tế. Nếu lời nói mà đúng thì họ được lợi lớn; nhưng nếu không đúng thì họ bị tội nặng. Do đó, những kẻ ngu sợ tội không dám nói, những người khôn không có gì để tranh cãi nhau, vì vậy không có chuyện nguỵ biện. Đời loạn thì không thế. Nhà vua ra lệnh thì dân lấy văn học để chê bai, cơ quan có phép tắc thì dân lấy hành động riêng của mình để làm trái lại. Nhà vua coi thường pháp lệnh

---

[1] Chữ *biện* của Hàn Phi có nghĩa là biện luận, nhưng ở đây chỉ đơn thuần chỉ cách nguỵ biện vẫn lưu hành trong các thuyết khách.

của mình mà coi trọng sự khôn ngoan của bọn học giả. Điều đó khiến cho ở đời có nhiều kẻ thiên về văn học.

2. Phàm lời nói và việc làm là đều phải lấy công dụng làm tiêu chuẩn. Mài mũi tên rồi bắn bừa bãi thì cái mũi của nó có khi bắn trúng sợi lông mùa thu. Nhưng thế vẫn không thể gọi là bắn giỏi. Vì nó không có cái đích nhất định. Dựng lên cái đích năm tấc, đứng xa trăm bước mà bắn thì nếu không phải là Hậu Nghệ, Bàng Mông không thể nhất định bắn trúng được. Bởi vì có cái đích nhất định.

Cho nên nếu có cái đích nhất định thì Hậu Nghệ và Bàng Mông còn cho cái đích năm tấc là khó bắn. Còn nếu không có cái đích nhất định thì dù có bắn bừa đúng cái lông mùa thu cũng là vụng. Nay nghe lời nói, xét việc làm mà không lấy công dụng làm đích thì tuy lời nói hết sức sâu sắc, việc làm hết sức vững chắc, nhưng đó đều là chuyện bắn bừa. Vì vậy cho nên đời loạn nghe lời nói thì lấy chuyện khó hiểu làm sâu sắc, lấy việc văn vẻ nhiều làm hùng biện, còn trong việc làm thì lấy chuyện khác mọi người làm giỏi, lấy việc xúc phạm người trên làm oai. Nhà vua thích những lời hùng biện, sâu sắc, đề cao những hành động bướng bỉnh. Vì vậy cho nên mặc dầu có những người lập pháp luật và thuật trị nước, dựng lên những việc nên làm và những việc nên bỏ, phân biệt việc tranh cãi bằng lời lẽ, thế nhưng không ai sửa chữa được. Vì vậy cho

nên những kẻ mặc áo nhà nho, những kẻ mang kiếm thì nhiều, nhưng những kẻ sĩ lo cày ruộng và chiến đấu thì ít. Những lời từ chương "cứng trắng"[4] vô ích sinh ra nhưng phép tắc mệnh lệnh bị chấm dứt. Cho nên nói: "Người trên không sáng suốt thì sinh ra nguỵ biện".

Thiên XLII

Hỏi họ Điền (Vấn Điền)

1. Từ Cừ hỏi Điền Cưu: "Tôi nghe nói kẻ sĩ khôn ngoan không phải từ dưới lên dần dần mới gặp được nhà vua, bậc thánh nhân không biểu lộ công lao rồi mới được nhà vua tiếp kiến". Nay Dương Thành Nghĩa Cừ là viên tướng sáng suốt mà làm một chức quan nhỏ, Công Tôn Đàn Hồi là một tướng quốc thánh minh nhưng lại bắt đầu từ chức quan nhỏ ở địa phương là tại làm sao?". Điền Cưu nói: "Sở dĩ như vậy không có việc gì khác, đó là vì nhà vua có phép tắc, bề trên có thuật cai trị đó thôi! Vả lại, túc hạ chẳng nghe nói nước Sở cho Tống cô làm tướng mà bỏ mất chính sự, nước Nguỵ cho Phùng Ly làm tướng quốc mà mất nước hay sao? Hai ông vua chạy theo lời nói suông, bị lời biện thuyết làm mê hoặc không lấy chức quan nhỏ để

[4] Đây chỉ thuyết nguỵ biện của Công Tôn Long.

thử, không xem họ ở địa phương, cho nên có mối lo bỏ mất chính sự và mất nước. Do đó mà xem thì không thử ở chức quan nhỏ, không xem ở địa phương đâu phải là cách đề phòng của bậc vua sáng?

2. Đường Khuê Công hỏi Hàn Tử: "Tôi nghe nói theo lễ, lời nói nhún nhường đó là cái thuật để bảo toàn thân mình; trau giồi đức hạnh, bớt cái khôn ngoan, đó là cái đạo làm cho nổi danh". Nay tiên sinh lập phép tắc và thuật trị nước, định quy củ, tôi trộm nghĩ là nguy đến thân và hại đến tính mạng. Lấy gì để chứng minh điều đó? Tôi nghe tiên sinh nói: nước Sở không dùng Ngô Khởi nên nước loạn, đất bị cắt, nước Tần dùng Thương Quân nên giàu mạnh. Lời nói của hai ông kia là đúng, thế nhưng Ngô Khởi bị xé xác, Thương Quân bị xe phanh thây. Đó là mối lo không gặp đời và không gặp chúa vậy. Việc gặp gỡ không thể chắc có nhưng mối lo và mối hoạ thì không thể tránh được. Nói chung, bỏ đạo an toàn để làm việc nguy hiểm tôi trộm cho tiên sinh không nên làm".

Hàn Tử nói: "Tôi rất hiểu những lời nói của tiên sinh. Phàm nắm lấy quyền cai trị thiên hạ, dùng pháp độ để trị dân là điều không phải dễ. Nhưng sở dĩ tôi gạt bỏ lời dạy của tiên sinh mà làm theo điều riêng tôi cho là phải vì tôi trộm nghĩ rằng lập phép tắc và thuật cai trị, lập ra quy củ, đó là đạo để làm lợi cho dân và tiện cho thứ dân. Cho nên tôi không sợ cái tai hoạ và mối lo bị chúa hôn ám vua loạn, mà

nhất định nghĩ đến cái lợi của việc trị dân, hành động của kẻ có nhân và có trí. Sợ mối lo và cái hoạ do chúa loạn, vua hôn ám gây nên mà tránh cái hại bị chết bị giết, hiểu rõ cái lợi của mình mà không nhìn thấy cái lợi của dân hèn, là hành vi của kẻ tham lam bỉ ổi. Tôi không đành làm việc tham lam bỉ ổi, không dám làm hành vi có hại đến chữ nhân và chữ trí. Tiên sinh có bụng thương đến tôi, nhưng thực ra làm thương tổn đến tôi rất nhiều".

Thiên XLIII

Xác định phép tắc (Định pháp)

1. Có người hỏi: "Thân Bất Hại, Công Tôn Ưởng, lời nói của hai nhà này, lời của ai cần gấp cho nước hơn?". Xin thưa: "Cái đó không thể nói được. Người ta không ăn mười ngày thì chết. Trời rét cóng, không mặc thì chết. Nói rằng quần áo và thức ăn cái nào cần gấp cho con người hơn, thì hai cái này không thể thiếu cái nào: đó đều là những thứ để nuôi dưỡng sự sống. Nay Thân Bất Hại nói đến thuật mà Công Tôn Ưởng nói đến pháp luật. Thuật là nhân trách nhiệm giao chức quan, theo tên gọi mà yêu cầu sự thực. Nắm lấy cái quyền cho sống và giết chết, hiểu rõ năng lực của bầy tôi, đó là điều nhà vua nắm lấy. Pháp luật là mệnh lệnh ban bố rõ ràng ở nơi cửa công, hình phạt chắc chắn đối với lòng

dân, thưởng cho những kẻ cẩn thận giữ pháp luật, nhưng phạt những kẻ làm trái lệnh. Đó là điều những bầy tôi phải tuân theo. Nhà vua không có thuật trị nước thì ở trên bị che đậy; bầy tôi mà không có pháp luật thì cái loạn sinh ra ở dưới. Hai cái không thể thiếu cái nào, đó đều là những công cụ của bậc đế vương.

2. Người hỏi nói: "Tại sao không thể chỉ có thuật trị nước mà không có pháp luật, chỉ có pháp luật mà không có thuật trị nước?". Thưa rằng: "Thân Bất Hại là người giúp cho Hàn Chiêu Hầu. Nước Hàn là một nước từ nước Tấn tách ra. Pháp luật cũ của nước Tấn chưa chấm dứt, mà những pháp luật mới của nước Hàn đã ra đời. Mệnh lệnh của tiên quân chưa thu lại mà những mệnh lệnh của ông vua sau đã ban ra. Thân Bất Hại nếu không chuyên lo về pháp luật của nó, nếu không làm cho mệnh lệnh thống nhất thì bọn gian sinh lắm việc. Hễ pháp luật cũ và mệnh lệnh trước đây có lợi cho người ta thì người ta theo nó, hễ pháp luật mới và mệnh lệnh sau có lợi cho người ta thì người ta theo nó. Cái lợi ở chỗ cái cũ và cái mới trái ngược nhau, cái trước và cái sau chống lại nhau thì theo. Như vậy thì tuy Thân Bất Hại mười lần khiến Hàn Chiêu Hầu dùng thuật, nhưng bọn gian thần vẫn còn cách đưa ra lời đối trá. Cho nên tuy dựa vào nước Hàn mạnh có vạn cỗ xe mà trong mười bảy năm vẫn không thể đạt được địa vị bá vương. Như vậy tuy ở trên dùng thuật

trị nước, nhưng có mối lo các quan không trau giồi pháp luật.

Công Tôn Ưởng cai trị nước Tần, đặt ra quy chế tố cáo lẫn nhau để xét sự thực, cho các nhà kết thành từng nhóm năm nhà, mười nhà cùng nhau chịu tội, thưởng hậu mà chắc chắn, hình phạt nặng và dứt khoát. Vì vậy dân chúng dùng sức vất vả mà không nghỉ ngơi, đuổi theo quân địch gặp nguy hiểm mà không lùi. Nhờ vậy nước giàu, quân mạnh. Nhưng lại không có cái thuật để biết kẻ gian thì chỉ lấy cái giàu mạnh của nước mà làm giàu có cho các quan đại thần mà thôi. Đến lúc Tần Hiếu Công và Thương Quân chết, Huệ Vương lên ngôi pháp luật nước Tần chưa hỏng mà Trương Nghi đã lấy nước Tần để mưu lợi cho nước Hàn, nước Nguỵ. Tần Huệ Vương chết, Vũ Vương lên ngôi. Cam Mậu lấy nước Tần để mưu lợi cho nước Chu. Vũ Vương chết, Chiêu Tương Vương lên ngôi. Nhương Hầu vượt nước Hàn, nước Nguỵ để đánh nước Tề ở phía đông, suốt năm năm mà nước Tần không được thêm một thước đất, chỉ đắp thành cho đất phong Đào Ấp của ông ta. Ứng Hầu đánh nước Hàn tám năm, nhưng chỉ dẫn tới việc phong đất cho ông ta ở Nhữ Nam. Từ đó về sau, những người được tin dùng ở nước Tần đều thuộc loại Ứng Hầu, Nhương Hầu cả.

Do đó, nếu như đánh thắng thì các đại thần được đề cao, thêm đất thì những đất phong riêng được lập vì nhà vua không có cái thuật để biết điều

gian. Thương Quân tuy tìm mọi cách để tô vẽ cho pháp luật của mình nhưng các bầy tôi lại dùng nó một cách sai trái cho việc riêng của họ. Cho nên dựa vào cái cơ sở của nước Tần mạnh, trong mấy mươi năm vẫn không đạt đến đế vương. Đó là cái mối lo pháp luật tuy được các quan chăm chỉ trau giồi nhưng ở trên vẫn không có cái thuật để trị nước.

3. Người hỏi nói: "Nhà vua dùng cái thuật của Thân Tử các quan thi hành pháp luật của Thương Quân có được không?". Trả lời: "Thân Tử chưa đạt đến cái hoàn mỹ của thuật, Thương Quân chưa đạt đến cái hoàn mỹ của pháp luật". Thân Tử nói: "Làm quan không được vượt chức quan, tuy biết cũng không nói". Làm quan mà không vượt chức quan là nói giữ chức vụ của mình, cái đó được. Còn biết mà không nói thì cái đó sai. Bậc vua chúa lấy mắt một nước để trông nhìn, cho nên cái nhìn không ai sáng suốt bằng; lấy cái tai của một nước để nghe cho nên nghe không ai tỏ bằng. Nay bầy tôi biết mà không nói thì bậc vua chúa còn nhờ vào đâu mà nghe, mà thấy được?

Pháp luật của Thương Quân nói: "Chém được một đầu giặc thì thăng một cấp[5], còn muốn làm quan thì được chức quan năm mươi thạch lương. Chém được hai đầu giặc thì thưởng tước hai cấp, còn muốn làm quan thì được một chức quan một trăm

[5] Đây là nghĩa gốc của chữ "thủ cấp".

thạch lương". Việc thăng quan và tước là ăn khớp với cái công chém đầu giặc.

Ví thử nay có pháp luật nói: "Kẻ chém đầu giặc được làm thầy thuốc hay làm thợ mộc, thì bệnh sẽ không thôi mà nhà sẽ không thành. Thợ mộc là kẻ khéo tay và thầy thuốc là người biết thuốc. Thế nhưng lấy cái công chém đầu để giữ những chức vụ này thì không đúng với khả năng của họ.

Nay người làm quan là cốt ở tài năng và sự khôn ngoan. Việc chém đầu giặc thì cần có sức mạnh và sự dũng cảm. Lấy kẻ dũng cảm và có sức mạnh để làm chức quan là cái cần đến sự khôn ngoan và tài năng thì cũng như lấy cái công chém đầu giặc để làm thầy thuốc và làm thợ mộc vậy. Cho nên nói: "Hai người về mặt pháp luật và thuật trị nước đều chưa hoàn toàn giỏi".

Thiên XLIV

Nói về sự nghi ngờ (Thuyết nghi)

1. Phàm cái lớn trong việc trị nước, không phải chỉ là ở chỗ thưởng và phạt cho đúng. Thưởng người không có công, phạt người không có tội thì không thể gọi là sáng suốt. Thưởng người có công, phạt người có tội mà không sai lầm ở con người thì chỉ mới đúng ở con người thôi chứ không có thể làm

cho cái công sinh ra và ngăn cản được điều sai trái. Vì vậy cho nên cái phép cấm điều gian trá, cao nhất là cấm cái bụng; thứ đến cấm lời nói; thứ nữa là cấm việc làm.

Đời nay người ta đều nói: "Kẻ làm cho vua được tôn quý, nước được yên nhất định phải là kẻ có nhân nghĩa, khôn ngoan, tài năng". Nhưng người ta lại không biết rằng kẻ làm cho vua bị thấp hèn, nước bị nguy, nhất định là kẻ có nhân nghĩa, khôn ngoan, tài giỏi vậy. Cho nên vị vua chúa có đạo thì tránh xa nhân nghĩa, gạt bỏ khôn ngoan, tài giỏi, mà dùng pháp luật làm cho người ta phục theo. Nhờ vậy mà tiếng khen lan rộng và tên tuổi có oai, dân trị mà nước yên, đó là cái phép biết dùng dân vậy.

Phàm cái thuật trị nước là cái mà nhà vua nắm lấy; pháp luật là cái mà các quan phải lấy làm thầy. Như vậy khiến cho các lang trung ngày ngày truyền đạt cái đạo cho những người ở ngoài cung điện cho đến những người ở biên giới đều ngày ngày theo pháp luật, điều đó cũng không phải là khó.

2. Ngày xưa họ Hữu Hổ có Thất Độ, họ Hoan Đâu có Cô Nam, Tam Miêu có Thành Cầu, Kiệt có Hầu Xí, Trụ có Sùng Hầu Hổ, Tấn có Ưu Thi. Sáu người này là những bầy tôi làm mất nước. Họ nói việc phải như là trái. Họ nói việc trái như là phải. Bên trong hiểm độc để làm hại cái bên ngoài. Lo cẩn thận điều nhỏ để khoe cái hay của họ. Họ khen cái đạo ngày xưa để làm hỏng việc tốt, khéo nắm lấy

nhà vua để tập trung những mánh khoé tinh vi. Họ làm loạn vua bằng cách dựa theo những điều nhà vua thích. Đó là loại lang trung và loại người chung quanh.

Những vua chúa ngày xưa, có kẻ được người mà thân yên, nước còn; có kẻ được người mà thân nguy, nước mất. Cái tiếng đều là được người cả, nhưng cái lợi cái hại cách nhau muôn vàn. Cho nên bậc làm vua chúa không thể không cẩn thận đối với những kẻ chung quanh. Người làm vua chúa nếu quả thực thấy rõ những lời bầy tôi nói thì người hiền với kẻ hư hỏng khác nhau như đen với trắng vậy.

3. Còn như Hứa Do, Tục Nha, Bá Dương nước Tấn, Điền Hiệt nước Tần, Kiều Như nước Vệ, Hồ Bất Bê, Trung Minh, Đổng Bất Thức, Biện Tuỳ, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, mười hai người này đều là những người ở trên thấy lợi không mừng, ở dưới gặp nạn không sợ. Có kẻ được giao thiên hạ mà không nhận, có kẻ sợ cái tiếng xấu mà không ham cái lợi được ăn thóc. Phàm thấy lợi không mừng, thì ở trên dù có thưởng hậu cũng không có cái gì để khuyến khích họ. Do gặp nạn không sợ thì ở trên dù có dùng hình phạt nghiêm cũng không thể ra uy với họ được. Đó gọi là những người dân không thể sai khiến. Mười hai người này có kẻ nằm chết trong hang, trong hốc, có kẻ chết khô nơi cỏ cây, có kẻ chết đói trong hang núi, có kẻ trầm mình chết đuối dưới nước. Có loại dân như vậy, các thánh vương ngày

xưa đều không thể bắt làm tôi, các vua chúa ngày nay còn làm sao dùng được họ?

4. Như bọn Quan Long Bàng, Vương Tử Tỷ Can, Quý Lương nước Tuỳ, Tiết Dã nước Trần, Thân Tư nước Sở, Tử Tư nước Ngô, sáu người này đều tranh cãi dữ, can ngăn mạnh để thắng vua của mình. Nếu lời nói của họ được nhà vua nghe việc họ đề nghị được thi hành thì họ có cái thế như thầy đối với trò; còn nếu một lời nói không nghe thì họ lấy lời nói để lăng nhục nhà vua. Dù có thân chết, nhà tan, lưng và cổ không còn, tay chân lìa rơi, họ cũngkhông xem là việc khó. Những bầy tôi như thế các vị thánh vương ngày xưa còn chưa nhịn được, thì vào thời nay dùng làm sao được?

5. Còn như bọn Điền Hằng nước Tề, Tử Hãn nước Tống, Quý Tôn Như Ý nước Lỗ, Kiều Như nước Tấn, Tử Nam Kính nước Vệ, thái tể Hân nước Trịnh, Bạch Công nước Sở, Đan Đồ nước Chu, Tử Chi nước Yên, chín người này là những bọn bầy tôi lập bè lập đảng để thờ nhà vua, che giấu cái chính đạo mà làm việc quanh co riêng tư, ở trên lấn át nhà vua, ở dưới làm loạn việc cai trị. Họ dựa vào bên ngoài để quấy rối bên trong, thân với kẻ dưới để mưu hại người trên, điều đó họ làm không khó. Những bọn bầy tôi như thế, chỉ có bậc vua thánh, vị chúa khôn ngoan mới có thể cấm được, những ông vua hôn loạn làm sao thấy được cái gian của họ?

6. Những người như Hậu Tắc, Cao Dao, Y Doãn, Chu Công Đán, Thái Công Vọng, Quản Trọng, Thấp Bằng, Bách Lý Hề, Kiển Thúc, Cữu Phạm, Triệu Thôi, Phạm Lãi, đại phu Phủng, Phùng Đồng, Hoa Đăng, mười lăm người này đều là những bầy tôi dậy sớm ngủ muộn, thân mình chịu hèn, xác mình chịu vất vả, lòng ngay ý thẳng. Họ nêu rõ hình phạt, lo việc quan để thờ vua mình, dâng lời nói hay, thông hiểu đạo lý và pháp luật mà lại không dám khoe cái khó nhọc của mình, hy sinh thân mình để cho nhà vua được yên. Họ xem nhà vua của mình tôn quý như trời cao, như núi Thái Sơn mà xem thân mình thấp hèn như hang sâu, như đầm lầy. Nhà vua có được cái tiếng sáng suốt, được tiếng khen vang dội khắp nước, nhưng thân họ không ngại chịu địa vị thấp hèn như hang sâu, đầm lầy. Những bầy tôi như thế, dù gặp những ông vua hôn loạn cũng còn làm nên công, huống nữa là gặp những ông vua hiền minh. Đó gọi là những người giúp đỡ các bá vương vậy.

7. Còn như Hoạt Chi nước Chu, Vương Tôn thân nước Trịnh, Công Tôn Ninh và Nghi Hành Phụ nước Trần, Vu Doãn và Thân Hợi nước Kinh, Thiếu Sư Việt và Chủng Can nước Tuỳ, Vương Tôn Lạc nước Ngô, Dương Thành Tiết nước Tấn, Dịch Nha và Thụ Điêu nước Tề, mười hai người này làm bầy tôi đều nghĩ đến cái lợi nhỏ mà quên pháp luật, đạo nghĩa. Khi tiến thì che lấp kẻ tài giỏi và tốt để làm cho vua mình hôn ám, khi thoái thì làm rối loạn

trăm quan và gây nên tai họa, lo lắng. Họ đều a dua theo nhà vua, chiều theo ham muốn của nhà vua. Nếu làm cho nhà vua thích được thì dù cho nước bị phá, dân chúng bị giết, họ cũng làm dễ dàng. Có lại bầy tôi như thế, dù gặp bậc vua thánh cũng còn sợ bị họ cướp mất huống nữa là những ông vua hôn loạn làm sao khỏi có sự sơ suất?

Những ông vua có bọn bầy tôi như thế đều thân chết, nước mất, bị thiên hạ chê cười. Cho nên Uy Công nước Chu thân bị giết, nước bị chia làm hai. Từ Dương nước Trịnh thân bị giết, nước bị chia ba; Linh Công nước Trần thân chết vì Hạ Trưng Thư; Linh Vương nước Kinh chết ở trên bờ Càn Khê. Nước Tuỳ bị nước Kinh cướp, nước Ngô bị nước Việt thôn tính. Trí Bá bị giết dưới chân thành Tấn Dương, Hoàn Công thân chết sáu mươi bảy ngày[6] mới được chôn. Cho nên nói: "Bầy tôi siểm nịnh, chỉ có bậc vua thánh mới biết được, nhưng vua loạn lại thích họ, cho nên đến nỗi thân chết nước mất".

8. Vị vua thánh, vị chúa sáng thì không thế. Chọn quan bên trong không tránh người thân, bên ngoài không tránh kẻ thù. Cái đúng ở đâu thì cứ theo đó mà cất nhắc. Cái sai ở đâu thì cứ theo đó mà trừng phạt. Kết quả là những người hiền và tốt đều tiến còn những kẻ gian tà đều phải lui. Cho nên một

[6] Nguyên bản là 7 ngày, các sách đều chép 67 ngày.

lần cử sự mà chư hầu đều phải phục theo. Sách sử có chép: "Nghiêu có Đan Chu, Thuấn có Thương Quân, Khải có Ngũ Quan, Thương có Thái Giáp, Vũ Vương có Quản Thúc, Thái Thúc. Những người năm vị vương kia giết đều là chỗ thân tình cha anh, con em với họ, nhưng những người này lại bị thân chết nhà tan là tại làm sao? Vì họ là loại người hại nước, làm thương tổn đến dân, làm hỏng pháp luật. Xét những người nhà vua dùng, có người ở nơi núi rừng, đầm ao, hang động; có người ở nơi tù ngục, xiềng xích, có người làm việc nấu bếp, nuôi súc vật, chăn bò. Nhưng bậc chúa sang không xấu hổ về chỗ họp thấp hèn, mà cho rằng họ có thể làm sáng tỏ pháp luật, làm lợi cho nước, tiện cho dân nên nghe họ và dùng họ. Những vị vua này đều thân yêu danh tiếng được tôn quý.

9. Vị chúa loạn thì không thế. Họ không biết đến ý nghĩ và hành vi của bầy tôi mà giao nước cho những người này. Cho nên nhỏ thì cái danh bị hạ thấp mà nước bị cắt, lớn thì nước mất, thân chết. Đó là vì họ không sáng suốt trong việc dùng bầy tôi. Họ đã không có cái quy tắc để cân nhắc bầy tôi thì thế nào cũng dựa theo miệng của đám đông mà quyết định. Đám đông khen ai thì họ theo đó mà thích, đám đông chê ai thì họ theo đó mà ghét. Cho nên bọn bầy tôi phá nhà, vứt của, bên trong lập bè đảng, bên ngoài tiếp những họ lớn để được khen ngợi, bí mật cấu kết với nhau để củng cố cho nhau, cấp bừa tước lộc cho nhau để khuyến khích nhau. Chúng

nói: "Những ai theo ta thì ta sẽ làm cho được lợi, những ai không theo ta thì ta sẽ làm hại".

Đám đông tham cái lợi, sợ cái uy, cho rằng nếu chúng thực sự mừng rỡ thì chúng có thể làm cho mình có lợi, nhưng nếu chúng giận thì chúng có thể hại mình. Đám đông theo và dàn hùa với chúng. Tiếng tăm của chúng vang dội khắp nước, vang lên đến tai nhà vua. Nhà vua không thể hiểu tình thực, nên cho chúng là hiền. Chúng lại khiến những kẻ sĩ dối trá bên ngoài giả vờ làm những vị sứ giả thân tín của chư hầu, chúng cho bọn này mượn ngựa xe, cấp cho bọn này ấn tiết để làm tin, bày cho lời lẽ, cấp cho tiền lụa, khiến cho bọn này lừa dối ông vua của chúng, ngầm lấy cái riêng để bàn về việc chung. Những người làm sứ giả cho chúng là những vị vua của những nước lạ, những người nói hộ cho chúng là những người chung quanh nhà vua. Nhà vua thích những lời nói của những người này và cho lời lẽ là hùng biện, cho loại người như thế là những kẻ sĩ tài giỏi. Bên trong, bên ngoài cho đến những người chung quanh nhà vua tất cả đều một lời như nhau khen ngợi chúng. Nhiều ra thì nhà vua dễ dàng hạ thấp thân mình, xem nhẹ địa vị mình để tiếp chúng, ít ra thì dùng tước cao lộc lớn để làm lợi cho chúng.

10. Tước lộc của kẻ gian lớn và bè đảng ngày càng đông. Chúng lại có cái ý gian tà thì bọn gian thần càng thuyết phục chúng rằng: "Những kẻ ngày xưa gọi là vua thánh chúa sáng, không phải là cứ

cha truyền cho con theo thứ tự mà là những người lập bè đảng, tập hợp những họ lớn lấn hiếp bề trên, giết vua để cầu cái lợi cho mình". Nếu chúng hỏi: "Làm sao lại biết là như thế?" thì bọn kia lại nói: "Thuấn ép Nghiêu. Hạ Vũ ép Thuấn, Thang đuổi Kiệt, Vũ Vương đánh Trụ. Bốn vị vua kia đều là những bầy tôi giết vua, nhưng thiên hạ lại khen họ. Xét tình thực của bốn ông vua này thì đều là cái bụng tham lấy. Xem hành động của họ thì đều là dùng binh gây bạo loạn. Thế nhưng bốn ông vua này vẫn mở rộng quyền thế mình mà thiên hạ khen họ là lớn. Họ tự làm mình nổi danh mà thiên hạ lại khen họ là sáng suốt. Như vậy thì cái oai là đủ để trị thiên hạ, cái lợi là đủ để che trùm cả đời, và thiên hạ theo họ". Bọn này lại nói: "Lấy những chuyện ta nghe đời nay thì Điền Thành Tử lấy nước Tề; Tư Thành Tử Hãn lấy nước Chu; Dịch Nha lấy nước Vệ; Hàn, Triệu, Ngụy ba người chia nước Tấn; sáu người này đều là những bầy tôi giết vua mình cả vậy".

Kẻ gian thần nghe vậy thì vểnh tai cho là đúng. Cho nên bên trong chúng lập bè đảng, bên ngoài tiếp xúc với các họ lớn, xem thời cơ mà hành động, một lần hành động mà thu được nước.

11. Và lại, bọn bên trong lập bè đảng cùng nhau hiếp lấn nhà vua, bên ngoài lấy cái quyền của chư hầu để thay đổi nước mình, che giấu cái đạo bậy bạ, dối trá, duy trì việc riêng tây, quanh co, ở trên ngăn cấm nhà vua, ở dưới làm việc cai trị rối loạn

không thể kể xiết. Tại sao thế? Đó là vì chọn bầy tôi không sáng suốt. Sử ký chép: "Từ đời Tuyên Vương nhà Chu đến nay có vài chục nước mất, những bầy tôi giết vua cướp nước có nhiều". Như vậy thì cái nạn nảy sinh từ bên trọng so với cái nạn nảy sinh từ bên ngoài là ngang nhau. Hạng có thể dùng hết sức dân mình nhưng nước tan, thân chết còn là hạng chúa hiền, đến như những kẻ đổi pháp luật, thay địa vị giữ dân chúng nguyên vẹn mà truyền cả nước thì mới là tệ nhất[7].

12. Những bậc làm vua chúa, nếu thực sáng suốt trong việc nghe lời những bầy tôi nói thì tuy có chăng lưới, săn bắn, cưỡi ngựa, đánh chuông, xem vũ nữ, nước cũng vẫn cứ còn. Nếu không sáng suốt về những lời các bầy tôi nói thì dù có tiết kiệm, chăm chỉ vất vả, mặc áo vải, ăn đồ xấu, nhưng nước vẫn cứ tự mất.

Vua nước Triệu trước đây là Kính Hầu không trau giồi đức hạnh, thích phóng túng theo lòng dục, thích thân thể được yên, tai mắt được vui, ngày động đi chăng lưới săn bắn, ngày hạ chơi thuyền. Ông chơi suốt đêm, mấy ngày liền không bỏ chén rượu. Những người không uống được rượu thì ông ta lấy ống tre đổ vào miệng. Ai tới lui không nghiêm trang, ứng đối không cung kính ông ta chém trước mặt mình. Việc cư xử, ăn uống không có điều độ

[7] Hạng vua bị nước ngoài diệt mất nước và hạng vua bị chính bầy tôi cướp ngôi.

như thế, hình phạt giết tróc không có chừng mực như thế. Thế nhưng Kính Hầu hưởng nước mấy mươi năm, quân không bị nước địch đánh bại, đất không bị các nước láng giềng bốn bên cắt bớt, ở trong không có cái loạn do bầy tôi trăm quan gây ra, bên ngoài không có cái lo do chư hầu các nước láng giềng gây ra. Đó là vì ông ta sáng suốt trong việc dùng bầy tôi.

Vua nước Yên là Tử Khoái là con cháu của Thiệu Công Thích. Đất vuông ngàn dặm, quân cầm kích vài chục vạn, không vui nữ sắc, không nghe tiếng chuông tiếng khánh, bên trong không đào ao làm đài tạ, bên ngoài không chăng lưới, bắn tên, săn bắn. Lại thân hành cầm cày bừa để lo sửa bờ ruộng. Tử Khoái khổ cực thân mình và lo lắng cho dân như thế, tuy những người ngày xưa gọi là vua thánh chúa sáng, dù họ có chăm chỉ trong việc giữ mình và lo cho đời cũng không kỹ đến thế. Thế nhưng Tử Khoái thân chết, nước mất, bị Tử Chi cướp mất mà thiên hạ cười chê. Tại sao lại thế? Vì không sáng suốt trong việc dùng bầy tôi.

13. Cho nên nói: "Kẻ làm tôi có năm cái gian mà nhà vua không biết. Kẻ làm tôi có người dùng tiền bạc của cải xa xỉ để đút lót mà mua tiếng khen. Có kẻ dùng khen thưởng, tặng cấp để làm đám đông theo mình. Có kẻ lập bè đảng, cấu kết với những người khôn ngoan, tôn trọng kẻ sĩ để lộng quyền. Có kẻ lo tha các người tù có tội để tăng uy thế. Có kẻ lo

chiều theo điều đúng điều sai của kẻ dưới, lấy tiếng bằng cách nói năng quái lạ, ăn mặc oai, trang sức đẹp, để làm cho dân chúng choáng tai hoa mắt. Năm loại người ấy vị vua sáng ngờ vực và vị chúa thánh ngăn cấm. Trừ khử năm loại người ấy thì những người dối trá không dám quay mặt về hướng bắc mà đứng nói. Những kẻ nhiều lời nói văn vẻ, nhưng thực hành ít và không làm đúng pháp luật thì không dám bịa đặt tình cảm để nói năng. Làm như thế thì bầy tôi lúc thường ngày lo sửa mình, lúc hành động thì lo hết sức, nếu không có lệnh ở trên thì không dám tự tiện nói bừa và làm bừa. Đó là cách bậc thánh vương dùng để chăn bầy tôi ở dưới vậy.

14. Bậc vua thánh chúa sáng mà không dùng lối ngờ vực để xét những bầy tôi của mình, thấy những chuyện đáng ngờ mà không phản đối, thiên hạ ít có. Vì vậy có câu: "Con vợ lẽ có người ngang với con trưởng; thiếp có người sánh ngang với vợ chính; trong triều đình có bầy tôi sánh ngang tướng quốc; bầy tôi có người được yêu ngang với nhà vua". Bốn loại người ấy là cái nguy cho nước. Cho nên có câu: "Bên trong người thiếp được yêu sánh ngang với hoàng hậu, bên ngoài kẻ tôi yêu nắm quyền chính sánh ngang nhà vua, con vợ lẽ sánh ngang với con trưởng, đại thần sánh ngang với nhà vua, đó là cái đạo gây loạn".

Vì vậy *Chu kỳ* nói: "Chớ có đề cao vợ lẽ mà hạ thấp vợ chính, đừng có coi thường con trưởng mà đề

cao con thứ, đừng có đề cao bầy tôi yêu mà coi khinh các thượng khanh. đừng có đề cao bậc đại thần ngang với nhà vua". Nếu phá được bốn cái "sánh ngang" đó thì ở trên không phải lo lắng. ở dưới không sinh chuyện quái lạ. Nếu không phá bốn cái "sánh ngang" ấy thì thân nhà vua bị nguy mà nước bị diệt vậy.

Thiên XLV

Sử dụng sai (Nguỵ sử)

1. Cái bậc thánh nhân dùng làm đạo trị nước có ba điều: một là lợi, hai là uy, ba là danh. Nói chung: lợi là cái để giành được dân; uy là cái dùng để thi hành mệnh lệnh; danh là cái cả trên lẫn dưới đều theo. Ngoài ba cái này ra, tuy có điều gì nữa cũng không quan trọng bằng.

2. Nay cái lợi không phải không có, thế nhưng những người ở dưới vẫn không được cảm hoá; cái uy ở trên không phải không còn, thế nhưng những người ở dưới không nghe không theo; việc cai trị không phải không có pháp luật nhưng vẫn không xứng với cái tên gọi của nó. Cả ba cái này không phải là không còn, thế nhưng đời vẫn cứ một lần trị rồi một lần loạn là tại làm sao? Đó là vì cái mà bề

trên quý với cái làm cho nước được trị là trái ngược nhau.

3. Nói chung, lập danh hiệu là để quy định sự tôn quý. Nay có kẻ coi thường cái danh, coi khinh cái thực. Thế nhưng người đời lại cho là cao. Đặt tước lộc ra là để làm cơ sở cho sự sang hèn. Thế nhưng những kẻ coi thường người trên không cần yết kiến, thì người đời lại cho là người hiền. Cái uy và cái lợi là để thi hành mệnh lệnh. Thế nhưng kẻ coi thường cái lợi, coi nhẹ cái uy thì người đời lại cho là đáng trọng. Pháp lệnh là cái để trị nước. Thế nhưng kẻ không theo pháp luật và mệnh lệnh, làm việc thiện riêng, thì người đời lại cho là trung. Chức quan và tước lộc là cái để khuyến khích dân. Thế nhưng những kẻ ham danh chuộng nghĩa, không đi làm quan người đời lại gọi là liệt sĩ. Hình phạt là cái dùng để ra uy. Thế nhưng những kẻ không tránh cái tội bị hình phạt, chết chóc thì người đời lại cho là dũng cảm. Dân chúng hết sức vội vã theo danh còn hơn họ cầu cái lợi. Như thế thì những kẻ sĩ chịu nghèo đói thiếu thốn sao khỏi ở nơi núi non, chịu khổ thân mình để tranh cái danh với thiên hạ?

4. Vì vậy cho nên sở dĩ đời không trị yên, đó không phải là cái tội của kẻ dưới, mà là vì ở trên bỏ mất đạo. Người trên thường quý trọng cái sinh ra loạn mà coi nhẹ cái làm cho nước trị yên. Vì vậy cho nên cái mà người dưới muốn lại thường trái ngược với cái mà người trên dùng để trị yên.

Nay việc kẻ dưới nghe theo người trên đó là điều người trên cần gấp. Thế nhưng những kẻ đôn hậu, chất phác, giữ chữ tín, lo lắng trong công việc, nhút nhát trong lời nói, thì người trên gọi người ta là hèn. Những người giữ pháp luật chắc chắn, chú ý nghe theo mệnh lệnh thì người trên bảo người ta là ngu. Những người nghe người trên, sợ tội, thì người trên bảo người ta là nhát. Những người nói đúng lúc, làm đúng đạo phải thì người trên gọi người ta là hư hỏng. Những người không hài lòng theo cái học riêng, nghe lời quan lại, theo sự giáo hoá thì người trên gọi người ta là thô lậu. Những người khó mời đến thì gọi là ngay thẳng. Những người khó thưởng thì gọi là liêm. Những người khó cấm đoán thì gọi là hùng tráng. Những người có lệnh không nghe không theo thì gọi là dũng cảm. Những người không làm lợi cho người trên thì gọi là tốt. Những người ít ham muốn, khoan dung, ban ân huệ, làm việc đức thì gọi là nhân. Những người trọng hậu tự tôn thì gọi là trưởng giả. Những người theo học riêng làm thành nhóm thì gọi là thầy. Những người rỗi rãi an nhàn thì gọi là có suy nghĩ. Những người bỏ nhân chạy theo lợi thì gọi là nhanh nhẩu. Những người giảo quyệt phản phúc thì gọi là khôn ngoan. Những người trước vì người sau mới vì mình, bày đặt ra các danh hiệu, các lời nói, yêu rộng cả thiên hạ thì gọi là thánh. Những người nói khoác lác không hợp với sự thực, không thể dùng được, làm những điều trái với đời thì gọi là đại nhân. Những người coi khinh tước

lộc, không chịu khuất phục với người trên thì gọi là hào kiệt.

Ở dưới cứ làm gian dối như thế. Khi họ ở nhà thì họ làm dân rối loạn. Khi họ ra làm việc thì không thể sai khiến họ được. Người trên lẽ ra phải cấm điều ham muốn của họ, tiêu diệt ảnh hưởng của họ còn chưa được, lại theo đó mà đề cao họ. Như vậy là dạy người dưới làm loạn người trên, nhưng vẫn cho là trị nước.

5. Nói chung, cái dùng để trị nước là hình phạt. Nay có kẻ làm việc nghĩa riêng thì lại tôn quý. Xã tắc sở dĩ đứng được là nhờ yên tĩnh. Thế nhưng những kẻ ba hoa, siểm nịnh, a dua lại được sử dụng. Cái khiến cho trong bốn cõi đều nghe theo là chữ tín và chữ đức. Thế nhưng những bọn ranh ma lừa đảo lại được sai khiến. Mệnh lệnh sở dĩ được thi hành, uy quyền sở dĩ được thiết lập là nhờ chữ cung kiệm nghe người trên. Thế nhưng những bọn ở chốn núi non chê bai thời thế thì lại vinh hiển. Kho lúa kho tiền sở dĩ đầy là nhờ việc cày ruộng lo đến cái gốc. Thế nhưng những bọn làm lụa là, gấm vóc, chạm trổ làm chuyện ngọn lại giàu. Cái danh sở dĩ dựng lên được, thành trì sở dĩ rộng được là nhờ các chiến sĩ. Nay những đứa con mồ côi của các kẻ sĩ đã chết đói, ăn xin ở ngoài đường, trái lại bọn con hát, bọn hề, bọn bợm rượu lại xe ngựa lụa là. Thưởng lộc là cái để cho dân dốc hết sức mình, kẻ dưới đổi lấy nó bằng cái chết. Thế nhưng những kẻ sĩ đánh thì

thắng, tấn công thì chiếm được cứ vất vả mà vẫn không được thưởng còn bọn bói toán, xem chỉ tay, bọn gian xảo lựa lời mà nói cho thuận tai trước mặt nhà vua thì ngày nào cũng được ban thưởng.

Bề trên nắm lấy cái quy củ để nắm trọng quyền sinh quyền sát. Nay những kẻ sĩ giữ vững quy củ muốn lấy lòng trung phục vụ bề trên nhưng lại không được yết kiến; còn bọn khéo nói, lợi khẩu thi hành việc gian trá để cầu may, kiếm chác ở đời thì lần này lượt nọ được yết kiến. Những kẻ nắm pháp luật, nói thẳng, làm cho cái tên gọi và hình phạt phù hợp với nhau, theo đúng quy tắc, trừng trị bọn gian là để vì nhà vua trị nước thì ngày càng bị rời xa; trái lại những kẻ siểm nịnh chiều theo ý muốn và sở thích của nhà vua làm cho đời nguy thì lại được gần gũi.

Thu hết tô và thuế, dùng hết sức dân là để phòng bị tai nạn, làm cho kho lúa kho tiền đầy. Nhưng sĩ tốt bỏ trốn công việc của mình, những kẻ ẩn nấp dựa vào các nhà có uy thế để tránh giao dịch và thuế má mà nhà vua không làm gì được lại đến hàng vạn. Bày ruộng tốt, nhà đẹp là để cho sĩ tốt hăng hái chiến đấu, thế nhưng những kẻ rơi đầu, phanh bụng, xương phơi ngoài đồng nội thì lại không có cái nhà để dung thân. Còn những kẻ có con gái và em gái đẹp, các quan đại thần và những người chung quanh nhà vua không có công lao gì lại

được chọn nhà để ở, chọn ruộng để ăn. Thưởng và ba lợi đều do ở trên mà ra là để cai trị người dưới, thế nhưng những kẻ sĩ đội mũ thì không được chức vụ, trái lại những kẻ sĩ ngồi không thì được tôn quý hiển vinh. Nhà vua nếu không lấy những việc như vậy để dạy bảo dân thì làm sao tiếng tăm khỏi bị hạ thấp và địa vị khỏi bị nguy được?

6. Nói chung, nếu danh nhà vua bị hạ thấp và địa vị bị nguy thì người dưới nhất định không theo pháp lệnh. Những kẻ có hai lòng, theo cái học riêng, làm trái đời, vậy mà không cấm hành động của họ, không phá cái bè đảng của họ, lại còn theo đó mà đề cao họ thì đó là cái lỗi của kẻ cầm quyền. Ngày xưa sở dĩ lập ra liêm sỉ là để khích lệ những kẻ thuộc hạ. Nay kẻ sĩ và các đại phu không xấu hổ về chỗ nhơ bẩn, xấu xa, nhục nhã mà được làm quan, những kẻ nhờ con gái, em gái, nhờ cửa riêng được làm quan vượt bực. Việc cho và thưởng là để trọng con người có công; nhưng những kẻ sĩ có công chiến đấu thì nghèo hèn, còn những bọn nịnh hót và bọn con hát lại được thưởng vượt cấp. Cái danh hiệu được nêu lên một cách chắc chắn là để cho cái uy được thi hành. Nhưng nhà vua lại bị cản trở. Những kẻ thân cận và đàn bà xin xỏ, trăm quan làm chủ việc ban tước đổi người. Đó là cái lỗi của kẻ cầm quyền. Các quan đại thần cho người ta làm quan cùng với những người dưới trước hết lo chuyện lập bè kéo đảng, chỉ

lo làm việc trái pháp luật. Khi uy thế và quyền lợi đã thuộc người dưới thì nhà vua bị hạ thấp và các quan đại thần được tôn trọng.

7. Nói chung, pháp luật và mệnh lệnh là để gạt bỏ điều riêng tư; pháp luật và mệnh lệnh được thi hành thì con đường riêng tư bị bỏ. Cái riêng tư là cái làm rối loạn pháp luật. Thế nhưng những kẻ sĩ có hai lòng theo cái học riêng, ở nơi núi non hẻo lánh, nhờ cậy người ta, ngầm lo suy nghĩ sâu xa, lớn thì chê đời, nhỏ thì làm kẻ dưới bị mê hoặc. Nhà vua không cấm họ, lại theo đó lấy cái danh để đề cao họ, lấy cái lợi để nuôi dưỡng họ. Như vậy là không có công mà được vinh hiển, không vất vả mà được giàu có. Thế thì những kẻ sĩ có hai lòng, theo cái học riêng làm sao khỏi suy nghĩ sâu xa, ra sức dối trá, phỉ báng pháp lệnh để cầu được mời, và làm trái với đời?

8. Phàm những kẻ làm loạn bề trên, làm trái thế tục thường thường là những kẻ sĩ hai lòng, nghĩ đến cái học riêng. Cho nên sách *Bản ngôn* nói: "Cái làm cho trị an là pháp luật, cái gây ra loạn là sự riêng tư. Pháp luật đã được thiết lập rồi thì không ai có thể làm điều riêng tư được nữa".

Cho nên nói: "Theo điều riêng tư thì loạn, theo pháp luật thì trị". Nếu ở trên không theo đúng cái đạo của mình thì những kẻ khôn ngoan có lời riêng tư, những người hiền có ý riêng tư. Ở trên không có

ân huệ riêng tư thì ở dưới không có ham muốn riêng tư. Những kẻ thánh trí thành bè thành lũ, làm ra những lời lẽ, lấy chuyện chê bai pháp lệnh nói trước mặt bề trên. Bề trên không ngăn cấm họ lại đi tôn quý họ tức là dạy cho người dưới không nghe theo người trên không theo pháp luật. Vì vậy những người hiền ở không mà nổi danh, những kẻ gian nhờ thưởng mà giàu có. Cho nên bề trên không thắng được kẻ dưới vậy.

QUYỂN XVIII

Thiên XLVI

Sáu điều trái ngược (Lục phản)

1. Những kẻ sợ chết và sợ tai nạn đó là dân của cái nước đầu hàng; thế nhưng người đời lại đề cao và nói đó là những kẻ sĩ quý sự sống. Những kẻ học đạo xưa, lập học thuyết đó là những dân xa rời pháp luật, nhưng người đời lại đề cao họ, gọi là những kẻ sĩ có văn học. Những kẻ sống lông bông ăn uống đổi đào là những dân cướp cơm; nhưng người đời lại đề cao họ, cho là những kẻ sĩ tài giỏi. Những kẻ nói năng quanh co, lắm điều khôn khéo là dân dối trá; nhưng người đời lại đề cao họ, gọi là những kẻ sĩ khôn ngoan hùng biện. Những kẻ cầm kiếm giết người đó loại dân hung bạo; nhưng người đời lại đề cao họ, gọi họ là kẻ sĩ dũng cảm cứng rắn. Những kẻ cứu giặc sống, che giấu bọn gian đó là dân đáng chết; nhưng người đời lại đề cao họ, gọi là những kẻ

sĩ nghĩa hiệp. Sáu hạng dân này là những kẻ người đời vẫn khen vậy.

Lao vào chỗ nguy hiểm, chịu chết cho chữ tín, đó là loại dân chịu chết cho tiết nghĩa; nhưng người đời lại khinh họ, cho họ là những người không biết tính lợi hại. Những kẻ hiểu biết ít nhưng vẫn theo mệnh lệnh đó là loại dân bảo vệ pháp luật; nhưng người đời lại coi thường, cho là loại dân chất phác thô lậu. Những kẻ dốc sức làm lụng để sinh sống đó là loại dân làm ra lợi; nhưng người đời chê họ, gọi đó là loại dân ít tài năng. Những dân đứng đắn và tốt; nhưng người đời lại chê cho là loại dân nhút nhát. Những kẻ bắt giặc, ngăn cản bọn gian là hạng dân nêu cao bề trên; nhưng người đời chê, cho là loại người xu nịnh. Sáu hạng dân này là những hạng bị đời chê bai.

Có sáu loại dân gian dối, xảo trá, vô ích nhưng người đời lại khen họ như vậy. Có sáu hạng dân lo cầy cấy, chiến đấu, có ích, nhưng người đời lại chê họ như vậy. Đó gọi là sáu điều trái ngược.

2. Kẻ áo vải vì nghe theo lợi riêng mà khen họ. Vị vua ở đời nghe theo cái hư danh nên dùng lễ đối xử với họ. Lễ đã ở đâu thì cái lợi cũng theo về đấy. Trăm họ theo cái hại riêng mà chê họ, các vị chúa ở đời bị thế tục cản trở nên coi thường họ. Sự coi thường ở đâu thì cái hại theo về đấy. Cho nên người ta dùng danh tiếng và ban thưởng đối với hạng dân lo việc riêng, làm điều xấu xa và đáng bị trị tội;

nhưng lại chê bai những kẻ sĩ lo việc chung, làm điều tốt và đáng thưởng. Như vậy mà lại muốn nước giàu mạnh thì không thể được.

Tục ngữ xưa có câu: "Làm chính trị cũng như gội đầu. Tuy có phải bó sợi tóc cũng phải làm". Tiếc phải vứt bỏ sợi tóc mà quên mất cái lợi là tóc sẽ dài thì không biết cái quyền biến. Phàm chữa nhọt thì phải chịu đau, uống thuốc thì phải chịu đắng. Nhưng không chữa nhọt, không uống thuốc thì thân mình không sống được, bệnh không lành.

3. Nay mối quan hệ giữa người trên với kẻ dưới đã không có cái ơn của ông cha đối với đứa con, và lại muốn dùng đạo nghĩa để cấm người dưới, thì mối quan hệ thế nào cũng làm nảy sinh oán giận. Vả lại, cha mẹ đối với con, sinh con trai thì chúc mừng nhau, nhưng sinh con gái thì giết đi. Con trai con gái đều từ trong lòng cha mẹ mà ra, nhưng sinh con trai thì chúc mừng nhau mà sinh con gái thì giết đi, đó là vì nghĩ đến cái thuận tiện về sau, tính đến cái lợi lâu dài. Do đó, cha mẹ đối với con cái vẫn còn dùng lối tính toán mà đối xử với nhau, huống nữa là những người không có cái ân huệ của cha mẹ đối với con cái?

Nay bọn học giả khi nói với nhà vua thì đều nói phải gạt bỏ cái bụng cầu lợi, phải nêu lên cái đạo yêu nhau. Như vậy là đòi hỏi nhà vua phải thân với dân hơn cha mẹ đối với con. Như thế là không

hợp với việc bàn luận, nghĩ chuyện dối trá để nói ngoa. Cho nên bậc vua sáng không nghe theo.

Bậc thánh nhân cai trị thiên hạ thì chú ý kỹ đến pháp luật và sự cấm đoán. Pháp luật và sự cấm đoán mà sáng rõ thì việc quan theo đúng quy tắc. Việc thưởng phạt phải chắc chắn. Việc thưởng phạt không thiên lệch thì dân có thể dùng được. Việc quan chu đáo, dân dùng được thì nước giàu. Nước giàu thì binh mạnh và cơ nghiệp bá vương có thể lập được. Làm bá vương là cái lợi lớn cho vua chúa. Các vua chúa nắm lấy cái lợi lớn để thi hành việc trị nước. Cho nên dùng người làm quan thì đúng năng lực, thưởng phạt của nhà vua không riêng tư. Họ khiến cho kẻ sĩ và dân chúng thấy rõ nếu dốc sức liều chết thì có thể lập được công và có thể có được tước lộc. Có được tước lộc thì cơ nghiệp giàu sang có thể có được. Giàu và sang là cái lợi lớn của bầy tôi. Bầy tôi nắm lấy cái lợi lớn này để làm việc, do đó dù làm việc nguy phải chết, dốc hết sức mình vẫn không oán thán. Cho nên nói rằng vua không nhân, tôi không trung thì không thể làm bá vương được.

4. Phàm kẻ gian dối thì thế nào cũng biết phòng bị, nếu thế nào cũng bị trừng trị thì họ thôi. Nếu trên không biết thì họ buông thả, nếu trên không trừng trị thì họ hành động. Nếu bày thứ hàng rẻ ở nơi kín đáo thì dù là Tăng Sâm, Sử Thu cũng có thể bị ngờ. Nhưng nếu treo một trăm cân vàng ở ngoài chợ thì dù là bọn ăn trộm lớn cũng không dám

lấy. Nếu như người ta không biết thì ngay cả Tăng Sâm, Sử Ngư cũng có thể bị ngờ vực ở nơi kín đáo. Nhưng nếu thế nào người ta cũng biết thì kẻ cướp lớn cũng không dám lấy thứ vàng treo ở chợ. Vì vậy cho nên bậc vua sáng trị nước thì dùng nhiều người giữ và trị tội nặng, sai khiến dân bằng pháp luật và sự cấm đoán chứ không phải bằng liêm sỉ. Mẹ thương con nhiều hơn cha, nhưng lệnh của cha đưa ra được con thi hành gấp mười lần lệnh của mẹ. Quan lại đối với dân không yêu thương dân nhưng mệnh lệnh của quan lại thì dân thi hành gấp vạn lần lệnh của cha, cha mẹ chồng chất thương yêu nhưng lệnh đưa ra không được thi hành, quan lại dùng uy nghiêm mà dân nghe theo. Uy nghiêm và thương yêu đằng nào hơn cũng có thể quyết định được vậy.

Vả lại, cha mẹ sở dĩ đòi hỏi ở con là chỉ muốn cho hành động của nó yên ổn và có lợi, muốn cho thân của nó khỏi bị tội. Nhà vua đối với dân khi có nạn thì dùng cái chết của dân, khi yên ổn thì dùng hết sức của dân. Cha mẹ vì rất thương yêu con muốn cho con yên ổn và có lợi nhưng nó không nghe. Ông vua không dùng yêu thương và cái lợi đòi hỏi dân phải chết, phải dốc sức, nhưng mệnh lệnh lại được thi hành. Vị vua sáng suốt biết điều đó, cho nên không nuôi lòng thương hay ân huệ mà tăng cái thế uy nghiêm. Cho nên mẹ thương yêu nhiều thì con thường hư, vì dùng yêu thương. Cha yêu ít, dạy bằng roi vọt thì con thường ngoan, vì dùng uy nghiêm.

Nếu những người trong gia đình lo việc sản xuất, trong đói rét nhường nhịn nhau, trong lao khổ khuyến khích nhau thì gặp điều khó khăn trong quân ngũ nhất định là gia đình ấy gặp mối lo phải đói kém nhưng vẫn ấm áo, no cơm. Còn nếu thương nhau cấp quần áo và thức ăn, ra ơn cho nhau bằng nghỉ ngơi vui vẻ, thì nhất định gia đình ấy gặp lúc mất mùa là phải bán vợ đợ con.

Cho nên nếu dùng pháp luật làm cái đạo trị nước, thì trước khổ sở nhưng cái lợi lâu dài; nếu dùng chữ nhân làm cái đạo trị nước thì vui chơi tạm thời nhưng sau đó nguy khốn. Bậc thánh nhân cân nhắc điều nặng nhẹ, đưa ra cái lợi lớn, cho nên dùng cái tàn nhẫn của pháp luật mà bỏ sự thương xót nhau của chữ nhân. Những lời của các học giả đều bảo phải nhẹ hình phạt, đó là cái thuật là dân loạn, nước mất.

5. Phàm thưởng phạt chắc chắn đó là cách khuyến khích và ngăn cấm. Thưởng hậu thì cái mình muốn có được sẽ được nhanh; phạt nặng thì cái mình muốn cấm sẽ cấm được chóng. Nói chung, những kẻ muốn điều lợi thì phải ghét điều hại. Cái hại là cái trái ngược với cái lợi, trái ngược với điều người ta muốn. Làm sao người ta khỏi ghét? Người nào muốn cai trị thế nào cũng phải ghét cái loạn. Cái loạn là cái trái ngược lại cái trị. Cho nên người muốn cái trị nhiều thế nào cũng phải thưởng hậu, người ghét cái loạn nhiều thế nào cũng phải phạt

nặng. Nay chủ trương hình phạt nhẹ là ghét loạn không nhiều, và muốn trị cũng không lắm. Điều đó không những là không có thuật trị nước mà còn không có lợi nữa. Vì vậy cho nên việc phân biệt tốt nhất người hiền với kẻ hư hỏng, người ngu với người khôn là ở chỗ thưởng phạt nặng hay nhẹ.

Vả lại, hình phạt nặng không phải là để làm tội người ta. Pháp luật của vị vua sáng là ở chỗ sát phạt. Trị giặc không phải là trị kẻ bị sát phạt mà là trị cái mình muốn sát phạt. Đó là trừng trị người chết. Dùng hình phạt đối với bọn ăn trộm không phải là trừng trị kẻ bị hình phạt. Đó là trị những bọn phạm tội. Cho nên nói: "Trị nặng cái tội của một tên gian mà chặn được điều gian tà trong bờ cõi". Chính nhờ vậy mà trị an. Kẻ bị phạt nặng là những bọn trộm cướp, và kẻ được thương yêu lo lắng là dân lành. Những người muốn cái trị sao lại ngại dùng hình phạt nặng? Còn như việc thưởng hậu, đó còn là khuyến khích một nước. Người được thưởng vui cái lợi, kẻ chưa được thưởng hâm mộ việc làm. Như vậy là báo đáp cái công của một người mà khuyến khích được dân chúng trong bờ cõi. Những người muốn cai trị sao lại ngại thưởng hậu?

Nay những kẻ không biết trị nước đều nói hình phạt nặng thì làm thương tổn đến dân, nhẹ hình phạt có thể cấm được cái gian, cần gì phải hình phạt nặng. Đó là những người không xét kỹ việc trị nước. Phàm những người vì hình phạt nặng mà ngăn cấm

được thì chưa chắc dùng hình phạt nhẹ đã có thể ngăn cấm được họ. Trái lại, những kẻ dùng hình phạt nhẹ đã ngăn cấm được thì chắc chắn dùng hình phạt nặng là ngăn cấm được. Vì vậy, trên dùng hình phạt nặng thì bọn gian đều chấm dứt hết. Bọn gian đều chấm dứt hết thì điều đó có thương tổn gì đến dân?

6. Cái gọi là hình phạt nặng đó là khi kẻ gian có lợi được ít nhưng bề trên bắt chịu tội lớn. Dân chúng không muốn vì cái lợi nhỏ mà chịu cái tội lớn, cho nên điều gian nhất định chấm dứt. Cái gọi là hình phạt nhẹ đó là cái kẻ gian được lợi thì lớn nhưng bề trên trừng trị thì nhỏ. Dân ham cái lợi nên coi thường cái tội, cho nên việc gian không chấm dứt. Vì vậy cho nên thánh nhân trước đây có câu tục ngữ: "Người ta không vấp ngã nơi núi non mà vấp ngã nơi mô đất". Ngọn núi cao cho nên người ta cẩn thận; nhưng cái mô đất nhỏ bé cho nên người ta coi thường. Nay dùng hình phạt nhẹ thì thế nào dân cũng coi thường hình phạt. Dân phạm tội mà không trị, như vậy là xua cả nước và vứt bỏ nó. Còn phạm tội mà trừng phạt thì đó là chăng bẫy cho dân rơi vào. Do đó hình phạt nhẹ là cái mô đất của dân. Vì vậy cho nên con đường dùng hình phạt nhẹ nếu như không phải là làm cho nước loạn thì cũng là chăng bẫy lừa dân vậy. Cái này mới có thể gọi là làm thương tổn đến dân.

7. Bọn học giả ngày nay đều nói những lời đẹp đẽ trong các sách xưa nhưng không xét kỹ sự thực ngày nay. Họ nói: "Nhà vua không thương dân, thuế khoá thường nặng, dân không có đủ để chi dùng và oán giận nhà vua. Cho nên thiên hạ đại loạn". Nói thế nghĩa là nếu làm cho dân có đủ của cải chi dùng và thương dân thì dù có hình phạt nhẹ cũng có thể trị yên được. Lời nói đó không đúng.

Nói chung, người ta bị hình phạt nặng là sau khi đã có đủ rồi. Tuy của cải chi dùng có đầy đủ và nhà vua rất thương yêu họ, nhưng nếu hình phạt nhẹ thì vẫn có thể làm loạn.

Đứa con yêu của nhà giàu có thì của cải đủ dùng, nhưng của cải có đủ dùng thì lại dùng bừa bãi, dùng bữa bãi thì xa xỉ quá đáng. Thương yêu nó thì không nỡ cấm, không nỡ cấm thì nó kiêu ngạo phóng túng. Xa xỉ quá thì nhà nghèo, phóng túng thì làm việc hung bạo. Như vậy, thì dù có của cải chi dùng đầy đủ và thương yêu nhiều, nhưng vì hình phạt nhẹ nên sinh ra mối lo vậy.

Phàm con người sinh ra, khi của cải đủ dùng thì lười dùng sức. Nếu nhà vua cai trị nhu nhược thì họ ngông cuồng làm điều bậy. Của cải đủ nhưng vẫn ra sức làm lụng, đó là Thần Nông. Nhà vua cai trị nhu nhược nhưng vẫn trau giồi tính hạnh, đó là Tăng Sâm, Sử Thu. Dân không bằng Thần Nông, Tăng Sâm, Sử Thu cái đó rất rõ. Lão Đam có nói: "Biết tự

cho là đủ thì không phải chịu nhục, biết dừng lại thì không bị nguy". Vì thấy bị nhục và bị nguy cho nên không đòi hỏi ở ngoài cái mình cho là đủ, đó là Lão Đam. Nay cho rằng dân khi có đủ thì có thể trị yên như vậy là đòi hỏi dận đều phải như Lão Đam cả. Cho nên Kiệt có cái sang làm thiên tử nhưng vẫn không thấy vừa lòng về sự tôn quý, mình giàu có cả trong bốn biển nhưng vẫn không thấy vừa lòng về của báu. Bậc làm vua chúa người ta dù có thể làm cho dân no đủ nhưng vẫn không thể khiến cho dân làm vua, làm thiên tử. Thế mà Kiệt cũng vẫn còn chưa lấy việc làm thiên tử là đủ. Như vậy thì dù dân có no đủ cũng có cách nào trị yên được?

Cho nên bậc vua sáng trị nước thì dựa theo thời tiết của năm mà làm ra của cải, tính thuế khoá sao cho sự giàu nghèo được đều, ban tước lộc hậu để những kẻ tài giỏi dốc hết sức mình, nặng hình phạt để cấm điều gian tà khiến cho dân đua sức mình ra để được giàu, làm công việc để được sang, làm sai thì bị tội, có công thì được thưởng mà không nghĩ đến việc ban cấp vì ân huệ, thương xót. Chính trị của bậc đế vương là như thế đấy.

8. Mọi người đều ngủ thì không biết ai mù. Mọi người đều im lặng thì không biết ai câm. Thức họ dậy bắt họ nhìn, hỏi họ bắt họ trả lời thì người mù và người câm cùng đường. Không nghe lời nói của họ thì không biết họ là không có thuật, không

dùng cái thân của họ thì không biết người hư hỏng với kẻ khôn ngoan. Nghe lời nói mà không xem nó có thích đáng không, dùng cái thân của họ mà xét cái công của họ thì những kẻ không có thuật trị nước và hư hỏng cùng đường vậy. Phàm muốn có được người lực sĩ mà cứ để cho người ta tự khoe khoang mình thì không thể phân biệt được một người tầm thường với Ô Hoạch. Lấy vạc ra cho bưng thì biết ngay ai yếu ai khoẻ. Cho nên các chức quan, đó là cái vạc của những kẻ sĩ có năng lực, cứ giao việc cho họ thì phân biệt được ngay ai ngu ai khôn. Cho nên những kẻ không có thuật trị nước thì sẽ không được dùng, những kẻ hư hỏng sẽ không được giao nhiệm vụ.

9. Có những kẻ lời nói không được dùng nhưng lại làm cho nó văn vẻ để tỏ ra hùng biện, thân mình không được giao trách nhiệm nhưng lại tự tô vẽ để cho mình là cao. Các vua chúa ở đời bị quáng mắt vì sự biện luận của họ, bị cái cao xa của họ lừa dối nên tôn quý họ. Như vậy là không chờ đợi nhìn mà cho ngay là sáng, không đợi trả lời mà cho ngay là hùng biện. Như vậy thì không biết rõ được ai mù ai câm. Bậc vua sáng nghe lời nói thế nào cũng phải xét cái dụng của nó, xem việc làm thế nào cũng phải xét cái công của nó. Nếu thế thì cái học trống rỗng ngày xưa sẽ không được bàn đến, và không tô vẽ được những hành động kêu căng, vu khoát.

Thiên XLVII

Tám thuyết sai lầm (Bát thuyết)[1]

1. Vì người quen cũ mà làm việc riêng thì gọi là không bỏ bạn, kẻ lấy của công ra phân phát thì gọi là người có nhân. Kẻ coi nhẹ lộc vua coi trọng thân mình thì gọi là người quân tử. Kẻ bẻ cong pháp luật, thiên lệch đối với người thân thì gọi là người có hạnh. Kẻ bỏ chức quan thích chơi với bạn thì gọi là người hào hiệp. Kẻ lánh đời, trốn người trên thì gọi là người cao ngạo. Kẻ tranh giành nhau làm trái mệnh lệnh thì gọi là người cương nghị. Kẻ thi hành ân huệ để lấy lòng người ta thì gọi là người được lòng dân.

Nhưng kẻ không bỏ bạn cũ nếu được làm quan thì sẽ làm gian. Kẻ có nhân làm tổn hại tới tài sản công. Người quân tử là loại dân khó sai bảo. Người có hạnh làm cho pháp luật, chế độ bị hỏng. Người nghĩa hiệp bỏ trốn chức quan. Người cao ngạo là loại dân không phục vụ ai. Người cương nghị không thi hành mệnh lệnh. Người được lòng dân làm nhà vua bị cô lập.

---

[1] Nguyên văn là "tám thuyết", chỉ tám quan điểm của đạo Nho.

Tám điều trên là cái danh tiếng riêng của kẻ thất phu nhưng lại là điều tổn hại lớn cho bậc vua chúa. Bậc vua chúa không xét kỹ điều lợi và điều hại của nước nhà, mà lại dùng cái tiếng khen riêng của kẻ thất phu. Như vậy mà muốn cho nước không nguy, không loạn là điều không thể được!

2. Dùng công việc để sử dụng người, đó là cái then chốt của sự còn hay mất, trị hay loạn. Nếu không có cái thuật để bổ nhiệm người thì dùng người nào cũng hỏng. Những người nhà vua dùng nếu như không phải là những kẻ nói giỏi khôn ngoan thì là những người trau giồi thân mình và liêm khiết. Dùng người ta là khiến chongười ta có thế lực. Kẻ sĩ khôn ngoan không nhất định là những người giữ chữ tín. Vì nhà vua khen cái khôn ngoan của họ cho nên hiểu lầm về chữ tín của họ. Lấy cái mưu kế của kẻ sĩ khôn ngoan, ở vào cái thế của kẻ có chức vụ mà làm việc riêng thì nhà vua thế nào cũng bị lừa dối.

Vì những kẻ khôn ngoan không thể tin, cho nên nhà vua dùng những kẻ sĩ trau giồi thân mình, cho họ quyết định công việc. Những kẻ sĩ trau giồi thân mìnhkhông nhất thiết là những người khôn ngoan. Vì nhà vua hiểu lầm về chỗ thân mình họ trong sạch cho nên nhà vua tưởng họ là khôn ngoan. Lấy sự hôn ám của người ngu, mà ngồi ở chức quan trông coi công việc thì thế nào công việc cũng phải

rối loạn. Cho nên nếu không có cái thuật để dùng người mà dùng người khôn thì người khôn sẽ lừa nhà vua, nhưng nếu dùng người trau giồi thân mình thì công việc của nhà vua sẽ rối loạn. Đó là cái lo của tình trạng không có thuật!

Cái đạo của vị vua sáng là người hèn được phép bàn về người sáng, kẻ dưới được phép nói cái sai của người trên, dùng lối tham khảo nhiều người để quyết định về sự thành thực, và không phải chỉ nghe một cửa mà thôi.Cho nên những người khôn ngoan không thể lừa dối. Tính công mà ban thưởng, dựa vào khả năng mà giao việc, xét kỹ đầu cuối để xem sự sai lầm. Kẻ có lỗi thì bị tội, kẻ có tài thì được thưởng. Cho nên người ngu không giữ chức quan, người khôn không thể lừa dối, người ngu không được phép quyết định thì công việc không sai lầm.

3. Những điều mà những kẻ sĩ sâu sắc mới có thể hiểu được thì không thể đưa ra làm lệnh, vì dân không phải tất cả đều sâu sắc. Những điều chỉ có những người hiền mới có thể làm được thì không thể dùng làm pháp luật, vì dân không phải tất cả đều hiền. Dương Chu, Mặc Dịch là những người sâu sắc trong thiên hạ, gặp thời loạn họ không quyết định được. Tuy họ sâu sắc nhưng không thể làm mệnh lệnh của viên quan. Bão Tiêu, Hoa Giác, thiên hạ đều cho là hiền. Nhưng Bão Tiêu ôm cây khô mà

chết, Hoa Giác nhảy xuống sông. Tuy họ hiền nhưng không thể dùng họ để cày ruộng, chiến đấu. Cho nên kẻ vị vua chúa cho là sâu xa là kẻ sĩ đem hết tài hùng biện, kẻ bậc vua chúa tôn quý là kẻ sĩ có năng lực đem hết sức mình để làm. Các vị vua chúa đời nay coi trọng lời hùng biện vô dụng, đề cao những việc làm xa công dụng. Làm thế mà muốn cho nước được giàu có, hùng mạnh thì không thể được.

Học rộng, khôn ngoan, biện luận giỏi thì như Khổng Tử, Mặc Tử là nhất. Nhưng Khổng Tử, Mặc Tử không lo cày bừa thì nước được lợi cái gì? Trau giồi chữ hiếu, ít ham muốn thì như Tăng Sâm, Sử Thu là nhất. Nhưng Tăng Sâm, Sử Thu không đánh giặc thì nước được lợi cái gì? Kẻ thất phu có cái tiện riêng của mình, bậc vua chúa có cái lợi chung. Không làm gì mà đủ sống, không làm quan mà nổi danh, đó là cái tiện riêng. Chấm dứt văn học để nêu rõ pháp luật và quy tắc, chặn cái tiện riêng để làm cho các công lao thống nhất lại. Đó là cái lợi chung. Lập pháp luật để hướng dẫn dân mà lại còn quý văn học thì dân tuy theo pháp luật, nhưng vẫn còn ngờ vực. Thưởng công để khuyến khích dân nhưng lại đề cao việc trau giồi đức hạnh, thì dân sẽ lười biếng trong việc làm ra cái lợi. Quý chuộng văn học để cho dân nghi ngờ pháp luật, đề cao việc trau giồi

đức hạnh cho nó ngang với công lao mà lại muốn nước mạnh, dân giàu thì không thể được.

4. Cầm hốt cầm khiên để múa không bằng cầm cờ, mang giáo sắt. Lên xuống tới lui trong triều không bằng một ngày đi trăm dặm. Bắn vào đầu con cày hương làm đích không bằng nhiều cây nỏ cứng cùng bắn. Khiên, thành chống lại việc tấn công không bằng núi đất, đường hào. Người xưa tranh nhau về đức, đời giữa tranh nhau về khôn ngoan, đời nay tranh nhau về sức. Đời xưa, việc ít và việc đề phòng đơn giản, thô sơ mà không đầy đủ, cho nên có kẻ trang sức bằng vỏ sò và dùng người để đẩy xe. Đời xưa người ít mà thân yêu nhau, đồ vật nhiều nên coi thường cái lợi mà dễ nhường cho nhau, cho nên có chuyện vái nhau mà truyền thiên hạ. Như vậy thì làm việc vái nhường đề cao chuyện nhân từ và ân huệ và chủ trương nhân đức trọng hậu đều là do cái chính trị xưa. Một khi đã ở vào cái thời buổi lắm việc mà lại dùng những đồ dùng của cái thời có ít việc, đó không phải là cách phòng bị của con người khôn. Ở vào thời buổi ra sức tranh giành nhau mà lại theo cái khuôn phép vái nhường, đó không phải là cách cai trị của bậc thánh nhân. Cho nên người khôn thì không ngồi trên cái xe do người ta đẩy, bậc thánh nhân thì không thi hành chính sách nhường nhịn.

5. Pháp luật là để điều khiển sự việc, sự việc là cái để gọi tên công lao. Pháp luật lập ra mà có cái

khó thì cân nhắc cái khó. Công việc có kết quả thì lập thành pháp luật. Công việc thành mà có hại, cân nhắc cái hại nhưng công lao nhiều thì làm. Pháp luật mà không có cái khó, công lao mà không có cái hại, cái đó trong thiên hạ không hề có. Cho nên nhổ cái kinh đô tường cao ngàn trượng, đánh bại một đạo quân mười vạn người, dù những người chết và bị thương đến một nửa số quân, binh khí gãy hỏng, sĩ tốt bị thương và chết, nhưng vẫn chúc mừng chiến thắng, được đất, vì chịu cái hại nhỏ mà tính cái lợi lớn. Phàm gội đầu thì có tóc rụng, chữa bệnh thương tổn đến máu và thịt. Làm người thấy cái khó mà bỏ công việc làm đó là mối lo không có cái thuật làm việc. Bậc tiên thánh có nói: "Cái quy có sai, nước trong thước đo có sống, ta muốn sửa nó, nhưng không thể làm gì". Đó là nói chuyện quyền biến.

Vì vậy có những thuyết đứng vững nhưng xa sự thực hành, có những lời vụng về nhưng cần thiết cho công dụng. Cho nên bậc thánh nhân cần tìm lời nói vô hại, mà ham những việc không dễ. Người ta không thích cái cân và cái thạch không phải người ta liêm khiết, trung thực và xa cái lợi mà vì cái thạch không thể vì người mà thành nhiều hay ít, không thể vì người mà thành nặng hay nhẹ. Đòi hỏi nhưng không được, cho nên người ta không thích. Nước của bậc vua sáng, quan không dám bẻ cong pháp luật, lại không dám làm việc riêng tư, việc hối lộ

không thi hành, những việc trong bờ cõi đều như cái cân cái thạch cả. Bởi vì bầy tôi nếu gian dối thì thế nào trên cũng biết. Cho nên vua chúa có đạo không đòi phải có quan lại liêm khiết mà cốt phải có cái thuật biết chắc chắn.

6. Bà mẹ hiền đối với đứa con cưng, yêu con không ai hơn được. Thế nhưng nếu đứa con nuông có tính hạnh kém thì cho nó đi theo thầy học. Nó có bệnh nặng thì cho nó đến thầy thuốc. Nếu nó không theo thầy học thì nó sẽ bị trừng phạt, nếu nó không đến thầy thuốc thì không khéo sẽ chết. Bà mẹ hiền tuy yêu con nhưng không ích gì trong việc tránh hình phạt và cứu con khỏi chết. Như thế tức là cái bảo tồn được đứa con, đó không phải là tình yêu vậy. Bản tính của bà mẹ là tình yêu, cái cân nhắc giữa tôi và vua là sự tính toán. Bà mẹ đã không thể lấy tình yêu mà bảo tồn nhà mình, vậy thì ông vua làm sao có thể dùng tình yêu để giữ nước mình được?

Vị vua chúa sáng hiểu rõ cái thuật làm cho nước mạnh dân giàu thì có thể đạt được điều mình muốn. Vì vậy cho nên cẩn thận trong việc nghe nói cách trị nước là cái phép làm cho nước được giàu mạnh. Hiểu rõ những phép tắc và những điều ngăn cấm, xem xét những mưu kế. Pháp luật sáng rõ thì bên trong không có cái lo sinh biến loạn. Mưu kế hay thì bên ngoài không phải cái nguy là bị hết và bị cầm tù. Cho nên cái bảo tồn nước không phải là

nhân nghĩa. Người có nhân thì làm ơn huệ mà coi nhẹ tài sản. Kẻ tàn bạo là kẻ trong lòng cứng rắn và coi nhẹ việc giết người. Nhưng thương người, làm ơn huệ thì không đành lòng, coi nhẹ của cải thì thích cho. Bụng dạ cứng rắn, bụng ghen ghét biểu lộ đối với người dưới, coi nhẹ việc giết người thì giết người ta bừa bãi. Không đành lòng thì những người bị phạt nhiều người được tha, thích cho thì thưởng nhiều người không có công. Bụng ghét để lộ thì người dưới oán người trên. Giết bừa bãi thì dân sẽ phản lại. Cho nên kẻ có nhân làm vua thì ở dưới ngông cuồng, coi nhẹ việc phạm pháp, làm điều cấm, trông mong nhà vua ban thưởng bất ngờ. Người tàn bạo làm vua thì pháp luật, mệnh lệnh bậy bạ và quan hệ giữa vua và tôi sai lệch dân oán và bụng làm loạn nẩy sinh. Cho nên nói: "Người nhân hay người tàn bạo đều là những người làm cho nước mất".

Không có đủ cơm canh mà mời người chết đói ăn thì không thể cứu sống anh ta được. Không phát quang cỏ, trồng lúa để cho nhà vua có cái mà ban thưởng, tặng cấp, thì không thể làm cho dân giàu được. Những điều bọn học giả đời nay nói đến không lo tới cái gốc mà thích những việc ngọn, chỉ biết nói chuyện ông thánh suông để làm cho dân được vừa lòng. Đó là cái thuyết "mời người chết đói ăn cơm". Cái thuyết "mời người chết đói ăn cơm" vị chúa sáng không chấp nhận.

7. Sách nói tóm tắt thì bọn học trò hay biện luận, pháp luật gọn thì việc kiện tụng của dân ít đi. Vì vậy cho nên sách của thánh nhân thế nào cũng lý luận rõ ràng, pháp luật của vị chúa sáng thế nào cũng xét sự việc rõ ràng. Hết sức suy nghĩ, suy xét điều đúng điều sai, kẻ khôn ngoan còn cho là khó làm. Không suy nghĩ, nắm lấy lời nói trước mà xét công việc làm sau thì người ngu dại cũng cho là dễ. Bậc vua sáng nghĩ đến những điều người ngu cho là dễ mà bắt người khôn phải làm những việc họ thấy là khó. Cho nên nhà vua không phải mất công nhọc sức mà nước được trị an.

Các vị chua, ngọt, mặn, nhạt, nếu nhà vua không lấy miệng mình để quyết định mà dựa vào anh đầu bếp, thì những người nấu bếp sẽ coi thường nhà vua mà trọng anh đầu bếp. Âm thanh cao, thấp, trong, đục, nếu nhà vua không lấy tai mình để quyết định mà dựa vào ông quan nhạc chính thì các nhạc công mù sẽ coi thường nhà vua mà coi trọng ông nhạc chính. Việc trị nước đúng hay sai, nếu không dùng thuật trị nước để quyết định mà quyết định ở những người nhà vua yêu, thì bầy tôi ở dưới sẽ coi nhẹ nhà vua và coi trọng những người nhà vua yêu. Ông vua nếu không tự mình nhìn và nghe, mà lại để cho người dưới quyết định thì chỉ là một kẻ ăn gửi nằm nhờ ở trong nước mà thôi.

Ví thử con người không ăn không mặc, nhưng cũng không đói không rét, lại không sợ chết thì người ta sẽ không có ý thờ người trên. Nếu họ không muốn để cho nhà vua cai quản thì nhà vua cũng không thể sai khiến họ được.

Nay quyền sinh quyền sát là ở các quan đại thần mà mệnh lệnh của vua được thi hành thì đó là điều chưa hề có. Con hổ con báo nếu không dùng răng và vuốt thì cũng như là con chuột, không có uy lực gì. Cái nhà có vạn cân vàng nếu không dùng đến sự giàu có của mình, thì cũng như người giữ của mà thôi. Ông vua có đất thích người ta mà không làm cho người ta được hưởng lợi, ghét người ta mà không làm hại được họ thì không thể đòi hỏi người ta phải sợ và trọng mình.

8. Bầy tôi buông thả theo ý riêng của mình, thì người ta gọi là hào hiệp. Ông vua buông thả theo ý riêng của mình thì gọi là loạn. Bầy tôi coi khinh người trên thì gọi là kiêu; ông vua coi khinh kẻ dưới thì gọi là bạo. Cái nguyên lý của hành động ở hai bên thực tế là một, nhưng người dưới thì được khen còn nhà vua thì bị chê. Bầy tôi được lợi to, nhà vua thua mất to.

Trong nước của bậc vua sáng có bầy tôi sang nhưng không có bầy tôi nắm quyền lớn. Bầy tôi sang đó là bầy tôi được hưởng tước cao và làm quan to. Bầy tôi nắm quyền lớn, đó là bầy tôi nói thì được

nghe, có nhiều thế lực. Trong nước của vị vua sáng thì quan tước là do công lao mà có, cho nên có bầy tôi sang. Lời nói nếu không đúng quy tắc, việc làm dối trá thì thế nào cũng bị phạt, cho nên không có bầy tôi nắm lấy quyền.

Thiên XLVIII

Tám nguyên lý (Bát kinh)

1. Dựa theo tình cảm con người[2]

Nói chung, muốn trị thiên hạ thì phải dựa theo tình cảm con người. Tình cảm con người có yêu có ghét, cho nên sự thưởng phạt có thể dùng được. Thưởng và phạt có thể dùng được thì lệnh ngăn cấm có thể thi hành mà cái đạo trị nước có đủ vậy. Nhà vua cầm cái quyền bính và giữ cái thế cho nên lệnh ban ra được thi hành và điều ngăn cấm khiến người ta thôi. Quyền bính là cái quyết định sự sống chết. Cái thế là cái cơ sở để thắng đám đông.

Nếu bãi bỏ và bổ nhiệm không có quy tắc thì cái quyền mất. Thưởng và phạt cùng chung làm với người dưới thì cái thế bị chia. Vì vậy cho nên bậc vua sáng không phải vì yêu mà nghe người ta,

[2] Các nhan đề trong nguyên bản nằm ở cuối. Chúng tôi đưa lên trên cho dễ đọc.

không phải vì thích mà theo kế của người ta. Cho nên nếu nghe lời nói mà không tham khảo những lời khác thì cái quyền bị bọn gian chia mất. Nếu không dùng cái trí khôn ngoan của mình thì thế nào cũng bị bầy tôi làm cho khốn cùng. Cho nên bậc vua sáng thì hành pháp chế thì không thể lường được như trời, dùng người thì kín đáo như quỷ. Trời thì không thể chê bai, quỷ thì không thể nguy khốn. Cái thế được thi hành, việc giáo dục nghiêm thì dù có nghĩ khác cũng không làm trái lại. Việc khen chê thống nhất mà người ta không bàn tán. Cho nên việc thưởng người hiền, thưởng người bạo, phạt người hiền là ra sức nâng đỡ cái ác. Cái đó gọi là thưởng người cùng với mình, phạt kẻ khác với mình.

Thưởng thì không gì bằng thưởng hậu, khiến chi dân thấy đó là lợi. Khen thì không gì bằng khen đẹp để khiến cho dân thấy đó là vinh. Trừng phạt thì không gì bằng trừng phạt nặng, khiến cho dân sợ. Chê thì không gì bằng chê xấu xa, khiến cho dân thấy đó là nhục. Sau đó mới thi hành pháp luật một cách thống nhất, ngăn cấm và trừng phạt điều riêng, các gia đình lớn không làm hại tới việc thưởng công phạt tội, khen thưởng và trừng phạt thì nhà vua thế nào cũng biết. Biết được những điều đó thì hiểu tận cùng cái đạo trị nước vậy.

II. Đạo của vị vua chúa

Sức của một người không thể chống lại sức của đám đông, cái khôn ngoan của một người không thể

biết hết được các vật. So với việc dùng một người không bằng dùng cả một nước. Cho nên cái khôn và cái sức một người dù lo chống đỡ vẫn bị các vật thắng. Nếu tính toán trúng thì riêng mình bị vất vả, còn không trúng thì mình phải gánh lấy cái lỗi.

Vị vua kém dùng hết tài năng của mình, vị vua trung bình dùng hết sức người, vị vua giỏi dùng hết trí khôn của người ta. Vì vậy khi có việc thì kết hợp các trí khôn, nghe riêng từng người rồi cho họp chung lại. Không nghe riêng từng người thì lời nói sau sẽ trái ngược lại lời nói trước, lời nói sau trái ngược lại lời nói trước thì không biết được kẻ khôn người ngu. Không họp chung lại thì phân vân không thể quyết định, phân vân không thể quyết định thì công việc ngưng trệ. Tự mình chọn lấy một ý kiến thì sẽ không rơi vào cái nguy bị sa hố. Cho nên nhà vua cho bầy tôi được bàn, bàn xong thì bắt làm điều anh ta nói. Vì vậy, ngày nói và trình bày ý kiến thì thế nào cũng ghi chép trong sổ. Kết hợp những ngời khôn lại, sau khi việc đã xảy ra rồi thì sau đó xét nghiệm lại. Kết hợp những người có tài năng lại, sau khi có công thì căn cứ vào đó mà xét. Kế hoạch có thành có bại. Thành hay bại đều có bằng chứng, và tuỳ theo đó mà thưởng hay phạt. Việc thành thì nhà vua thu lấy cái công, việc hỏng thì bầy tôi chịu lấy cái tội. Bậc vua chúa đến ngay việc ghép phù[3] còn

[3] Cái phù làm bằng trúc khi sai việc gì thì người thay mặt nhà vua cầm lấy một nửa nhà vua cầm giữ một nửa. Ghép hai nửa lại khớp nhau thì mới chắc là người do nhà vua phái đi.

chưa thân hành làm nữa là việc tự mình dốc sức? Việc đến trước mắt còn chưa tự mình làm nữa là việc còn treo? Cho nên nói dùng người thì không cốt họ phải cùng một ý, họ cùng một ý thì nhà vua giận. Khiến người ta dùng sức của nhau thì nhà vua sáng suốt như thần, nhà vua như thần thì những người dưới dốc hết sức mình. Người dưới dốc hết sức mình thì bầy tôi tiến lên không phải dựa vào nhà vua và cái đạo của nhà vua trọn vẹn vậy.

III. Gây loạn

Nếu biết rằng vua với tôi cái lợi khác nhau thì sẽ làm vương (thiên tử); nếu cho rằng vua với tôi cùng lợi như nhau thì sẽ bị uy hiếp; nếu cho rằng vua với tôi cùng làm một việc thì bị giết. Cho nên bậc vua sáng phân biệt rõ cái công với cái tư, phân biệt rõ cái lợi với cái hại, làm thế kẻ gian mới không có cách nào chen vào.

Có sáu loại người làm cho cái loạn sinh ra. Đó là: Mẹ của vua, hậu phi, con cháu, anh em, quan đại thần, những người nổi tiếng là hiền. Bổ nhiệm quan lại và giao trách nhiệm cho các quan thì bà mẹ của vua không thể phóng túng. Nghi lễ thi hành có thứ bực khác nhau thì hậu phi không so sánh địa vị của mình (với hoàng hậu). Quyền thế không chia hai thì con trưởng và con thứ không tranh nhau. Quyền thế không bỏ mất thì anh em không lấn nhà vua. Những người dưới không theo về một cửa thì quan đại thần không che lấp được vua. Ngăn cấm và khen thưởng

được thi hành quyết đoán thì những người nổi tiếng là hiền không thể làm loạn.

Bầy tôi có hai chỗ dựa là cái ở bên ngoài và cái ở bên trong. Cái ở bên ngoài là sự sợ hãi, cái ở bên trong là lòng thương yêu. Những điều những người nhà vua sợ yêu cầu thì nhà vua đều cho, những lời những người nhà vua thương yêu yêu cầu thì nhà vua đều nghe. Đó là cơ sở khiến cho bầy tôi gây loạn dựa vào. Nếu như các quan lại mà những nước ngoài đặt ở nước mình thì tra hỏi ai thân với họ và trừng phạt kẻ đút lót nhiều của cải cho họ. Làm thế thì các quan không dựa vào nước ngoài nữa. Nếu ban thưởng tước lộc tùy theo công lao, những kẻ xin xỏ đều bị trị tội thì hết nhờ bên trong. Không còn có thể dựa vào bên ngoài, không còn có thể cậy vào bên trong thì điều gian dối bị chặn lại. Quan cứ theo cấp bậc mà tiến dần lên cho đến chức vụ cao như thế là khôn.

Những người có chức vụ cao và có trách nhiệm lớn, nhà vua phải dùng ba cách ràng buộc để nắm lấy họ. Một là nắm con tin; hai là nắm tinh thần; ba là nắm chắc sinh mạng. Những người thân thích, vợ con của họ, đó là con tin. Tước lộc hậu, đó là nắm chắc tinh thần. Dùng từng nhóm ba nhà, năm nhà để xét và phạt, đó là nắm chắc sinh mạng. Đối với người gian thì chặn đứng cái gian bằng lối con tin. Đối với người tham thì cảm hoá bằng cách nắm tinh

thần. Đối với bọn gian tà thì làm cho chúng khốn bằng cách nắm sinh mạng.

Người trên nếu nhịn mà không trừng trị thì người dưới sẽ phóng túng. Nếu cái lỗi nhỏ không trừ thì gặp tội lớn lại phải giết. Khi cái danh và cái thực của tội đều phù hợp với nhau thì phải làm mạnh. Những kẻ nếu cho sống thì hại đến công việc, nếu giết chết thì hại đến tiếng tăm thì dùng lối cho ăn uống (mà giết). Nếu không làm thì dùng cách trao cho kẻ thù của họ. Cái đó gọi là "trừ khử cái gian kín đáo". Che chở bọn gian là đổi trá, đổi trá tức là thay đổi pháp luật. Thấy công thì thưởng, thấy tội thì phạt thì việc đổi trá sẽ chấm dứt. Nhà vua không tiết lộ điều phải điều trái , không cho người ta hay những lời bàn và những lời can gián thì bầy tôi không có cách nào thay đổi pháp luật.

Cha anh của những người tài giỏi sống lưu vong ở nước ngoài gọi đấy là "mối lo lưu chuyển" bởi vì các nước láng giềng hay lợi dụng họ. Những người bị hình phạt ở gần gọi là "bọn giặc gần", cái lo ở chỗ họ sinh lòng oán giận vì bị nghi hay bị nhục. Kẻ giấu tội, kẻ giấu cái giận, giữ tội mà không thực hiện gọi là "tăng loạn", cái lo là ở chỗ những người này làm liều để cầu may. Các quan đại thần nếu nhà vua tôn trọng cả hai người, cân nhắc mà không thiên về bên nào thì gọi là "nuôi hoạ", cái lo là ở chỗ các gia đình lớn tranh cướp, giết chóc sinh ra mối họa. Mộc mạc dễ dàng không tự làm cho

mình như thần thì gọi là "mất uy". Cái lo là ở chỗ cái loạn đầu độc sẽ sinh ra. Năm mối lo ấy, vị vua chúa nếu không biết thì sẽ có chuyện ức hiếp và giết vua.

Việc bãi chức quan và bổ nhiệm nếu do từ bên trong ra thì trị an, nếu do từ ngoài đến thì có loạn. Vì vậy cho nên bậc vua sáng luận về công lao ở trong triều đình nhưng lấy lợi thì lấy ở nước ngoài, cho nên nước mình trị an, mà nước địch yếu đi. Cái con đường gây ra loạn là bầy tôi bị ghét thì gây việc từ bên ngoài để làm nhà vua mù quáng, bầy tôi được yêu thì gây việc từ bên trong để làm nhà vua bị đầu độc.

IV. Cái đạo tham khảo

Tiến hành việc tham nghiệm để cho mưu kế thành công. Tiến hành việc suy xét để bắt chịu trách nhiệm về sự thất bại. Khi thi hành việc tham nghiệm thì thế nào cũng phân tích những lời nói. Khi tiến hành việc suy xét thì thế nào cũng bắt họ chịu trách nhiệm. Không phân tích thì người dưới lờn người trên, không giao trách nhiệm thì bầy tôi bè đảng với nhau. Phân tích dấu hiệu thì có thể biết công nhiều hay ít, trước khi giao trách nhiệm không cho mọi người biết. Cái đạo để xem và để nghe là khi bầy tôi có dấu hiệu làm bè đảng với nhau thì thưởng người nào không bè đảng, người không tố giác kẻ gian thì cũng bị tội ngang với kẻ làm gian. Nghe nhiều người cùng nói thì phải căn cứ theo địa vị mỗi người mà

xét, phải căn cứ vào thiên thời mà tính, căn cứ vào sự việc mà trắc nghiệm, căn cứ vào lòng người mà so sánh. Nếu bốn dấu hiệu này phù hợp với nhau thì có thể xem là được.

So sánh các lời nói để biết lời nào là thành thực, thay đổi chỗ nhìn để đổi việc chọn lựa, nắm lấy cái hiện có để biết những điều khác thường. Dùng người một cách chuyên nhất để cho người ta quen với công việc. Gọi hai lần để cho những người phải đi xa biết lo sợ. Nhìn những chuyện đã qua để biết tất cả tình hình trước mắt. Đến những người thân để biết nội tình của họ. Không thân với những viên quan mình đặt để biết bên ngoài của họ. Nắm lấy cái mình hiểu rõ để hỏi những điều mình chưa rõ. Giả vờ sai để chấm dứt sự khinh nhờn. Đảo ngược lời nói để thử kẻ mình nghi. Dùng lý luận trái ngược lại để biết được kẻ gian giấu mặt. Đặt một lưới gián điệp để sửa xét những người được tin dùng, sử dụng phép tắc để biết hành động gian dối. Nêu rõ ý kiến để cho người ta hiểu mà tránh được điều bậy. Khiến tuyên truyền cái đạo để cho những người chưa biết nghe mà thông suốt. Khiến cho những người có bè đảng đấu tranh với nhau để làm bè đảng họ tan rã. Biết sâu một việc để làm cho bụng mọi người sợ. Tiết lộ những việc lạ khiến người ta thay đổi điều lo lắng để quan sát.

Gặp những cái cùng loại thì gộp lại mà tham nghiệm. Vạch cái lỗi thì phải hiểu rõ nguyên nhân.

Biết tội thì trị cái tội để chấm dứt cái uy. Ngầm cho người thính thoảng đi tuần để xét lòng thành thực của bầy tôi. Dần dần thay đổi để cho các quan bỏ chuyện bè đảng. Người dưới bị ước thúc không xâm lấn người trên: quan tướng quốc ước thúc các quan trong triều, các quan trong triều ước thúc bọn thuộc hạ, các sĩ quan ước thúc các quân lại, các người được phái đi ước thúc những người dưới quyền mình, các huyện lịnh ước thúc các thuộc lại, các lang trung ước thúc những người chung quanh họ, hoàng hậu ước thúc cung viện. Đó gọi là cái đạo điều khiển. Nếu lời nói người ta biết, sự việc bị tiết lộ thì không thi hành được cái thuật trị nước.

V. Tham khảo các lời nói[1]

Bậc vua sáng cốt sao cho kín đáo; vì vậy nếu nhà vua để lộ cái vui của mình thì cái đức của mình bị người ta lợi dụng. Nếu nhà vua để lộ cái giận của mình thì cái uy lực của mình đã bị người ta chia mất. Cho nên bậc vua sáng lời nói bị ngăn cách mà không lọt ra ngoài, được giữ kín không cho người ta biết. Cho nên lấy cái khôn của một người để biết được cái khôn của mười người là cái đạo kém; lấy cái khôn của mười người biết được cái khôn của một người là cái đạo cao. Bậc vua sáng thi hành cả hai cái đạo kém và cao này cho nên không bỏ sót kẻ gian.

---

[1] Tên gọi của mục này không hợp. Nhiều nhà chú giải đổi nó là: Kín đáo, hay cái uy của ông vua.

Đúng chế độ năm nhà thành một ngũ, mười ngũ thành một lư, hai trăm nhà thành một liên, các liên thành một huyện và chịu trách nhiệm lẫn nhau. Người nào tố giác điều sai thì được thưởng, người nào bỏ qua lỗi người khác thì bị phạt. Cấp trên đối với cấp dưới, cấp dưới đối với cấp trên đều như thế. Vì vậy người trên kẻ dưới, người sang kẻ hèn đều lấy pháp luật mà đe doạ nhau, lấy cái lợi mà giáo dục nhau. Bản tính của dân là muốn có cái thực của sự sống và có cái danh trong cuộc sống. Bậc làm vua có cái danh là hiền và khôn ngoan, có cái thực là sự thưởng phạt. Cả danh lẫn thực đều có, cho nên cái phúc và cái thiện thế nào cũng vang dội.

VI. Cách nghe

Nếu nghe mà không tham bác thì không có cách gì để bắt kẻ dưới phải chịu trách nhiệm. Nhà vua nghe lời nói của họ mà không nhằm vào cái công dụng làm tiêu chuẩn thì các tà thuyết sẽ mê hoặc nhà vua. Nói về một sự việc gì thì người ta lấy nhiều người nói làm tin. Một vật không có, nhưng nếu mười người nói thì người ta nghi, một trăm người nói thì người ta cho là có thể có, đến một ngàn người nói thì người ta cho là không thể bỏ được. Người cà lăm nói thì người ta nghi, người hùng biện nói thì người ta tin. Bọn gian muốn lợi dụng nhà vua thì dựa vào số đông, dùng lối hùng biện để phát huy nó, và dùng những hành động tương tự để tô điểm cho cái riêng tư của mình. Bậc

vua chúa nếu không chịu kiên nhẫn để chờ tham khảo, thì cái thế của mình sẽ làm lợi cho kẻ dưới. Bậc vua chúa có đạo, khi nghe lời nói thì xét cái công dụng của nó, xét cái kết quả nó đem đến. Khi kết quả đã thực hiện thì có thưởng và có phạt. Cho nên lời hùng biện vô dụng không giữ nó ở triều đình. Nếu biết kẻ giao công việc không đủ sức để làm nhiệm vụ của mình thì cất chức. Những kẻ nói chuyện lớn và khoác lác thì xét đến cùng đầu mối của nó cho nên nắm được cái gian mà trừng phạt. Những lời nói không có lý do và không thích đáng thì đó là vu khoát, vu khoát thì bị trị tội. Bầy tôi đã nói thì phải báo lại kết quả của việc làm, đã đưa ra cái thuyết thì phải đòi hỏi có chỗ ứng dụng. Cho nên những lời phe cánh không lên đến tai người trên.

Nói chung, cái đạo nghe lời nói là bày tôi phải bàn luận một cách trung thực để cho nhà vua biết cái gian, phải bàn luận rộng để đưa ra một kết luận duy nhất. Nhà vua không khôn ngoan thì bọn gian sẽ lợi dụng. Đạo của bậc vua sáng là sau khi mình đã thích cái thuyết gì thì tìm người nào dâng cái thuyết ấy, sau khi đã giận cái thuyết nào thì xét kỹ kẻ đưa ra cái thuyết ấy. Nhưng phải sau khi mình đã thay đổi (tức là không thích, không giận), thì mới xét điều biện luận để có thể nắm được cái dấu hiệu của việc khen hay chê, công hay tư. Bầy tôi đưa ra nhiều thuyết để khoe sự khôn ngoan của mình khiến nhà vua tự chọn lấy một thuyết, còn mình thì tránh

được tội. Cho nên họ đưa ra nhiều thuyết để khi có thất bại thì nhà vua chịu lấy trách nhiệm. Nhà vua không chấp nhận những lời nói phụ vào để xen vào lời nói chính, lại xét xem kết quả sau này có phù hợp với lời nói không để biết đó là nói ngoa hay thành thật. Theo cái đạo của bậc vua sáng thì bầy tôi không được đưa ra hai ý kiến, thế nào cũng chịu trách nhiệm về một ý kiến mà thôi. Nhà vua không cho ai được quyền hành động mà thế nào cũng kết hợp những điều mình tham bác. Cho nên bọn gian không có cách nào tiến lên được.

VII. Nghe theo pháp luật

Quan lại có quyền lớn là vì không có pháp luật. Pháp luật chết là vì nhà vua hôn ám. Nhà vua hôn ám không có pháp độ thì các quan chuyên quyền. Các quan chuyên quyền thì sự cung phụng cho họ nặng. Nếu không cắt bỏ đi thì trưng thu của dân nhiều, trưng thu của dân nhiều thì quan lại giàu. Quan lại giàu và chuyên quyền, cái loạn do đó sinh ra.

Cái đạo của bậc vua sáng là những người làm được nhiệm vụ thì được dùng, những người hiền được làm quan, thưởng những người có công. Nếu giới thiệu người đúng quy tắc, nhà vua vừa lòng thì người giới thiệu lẫn người được giới thiệu đều có lợi; nếu chúa giận, thì cả hai đều bị nguy. Làm thế

thì người ta không dám thiên vị đối với cha anh mà tiến cử kẻ thù của mình.

Cái thế của các quan là đủ để thi hành pháp luật, sự cung cấp cho họ là đủ để làm nhiệm vụ thì cái riêng tư không có cách nào sinh ra. Cho nên dân chịu vất vả mà việc quan là nhẹ[5]. Kẻ làm chức vụ không được có quyền lớn, khiến họ được vua yêu chỉ là ở tước vị. Những kẻ làm quan không được tính chuyện riêng tư khiến cho cái lợi của họ chỉ là do bổng lộc. Như vậy thì dân sẽ đề cao tước mà coi trọng lộc. Tước và lộc là cái dùng để thưởng, dân nếu tôn trọng cái dùng để thưởng thì nước trị an. Hình phạt sở dĩ rắc rối là vì tên gọi sai lầm. Việc khen thưởng không đúng thì dân ngờ vực. Dân trọng danh cũng ngang với trọng thưởng. Kẻ được thưởng mà lại bị chê bai thì cái thưởng không đủ để khuyến khích. Kẻ bị phạt nhưng lại được khen thì không đủ để ngăn cấm. Cái đạo của vị vua chúa sáng, việc thưởng thế nào cũng phải xuất phát từ cái lợi chung, cái danh thế nào cũng phải ở chỗ phục vụ người trên. Thưởng và phạt cùng đi theo một đường, chê và trừng phạt cùng đi với nhau. Như vậy thì dân sẽ không thấy cái thưởng do cầu xin là vinh. Bị phạt nặng thì thế nào cũng bị cái tiếng xấu, cho nên dân sợ. Hình phạt là cái để ngăn cấm. Dân sợ cái dùng để ngăn cấm thì nước trị yên.

---

[5] Vì dân không làm phiền đến quan.

VIII. Cái uy của nhà vua

Nếu làm việc nghĩa được xem là vinh[6] thì cái uy của chúa bị chia xẻ. Nếu nghe theo ân huệ nhân đức thì pháp chế bị hỏng. Dân do pháp chế mà sợ người trên, còn bề trên lấy cái thế để đè nén người dưới. Vì vậy cho nên nếu như ở dưới buông thả, xúc phạm và cho cái tục coi nhẹ nhà vua là vinh thì cái uy của nhà vua bị chia. Dân vì pháp luật khó thi hành mà phạm đến bề trên, còn bề trên lại lấy nhân từ mà cho pháp luật rối loạn, cho nên ở dưới phơi bày việc thích biếu xén và chuộng cái chính sách đút lót. Vì thế pháp lệnh bị hỏng. Đề cao cái hành động riêng để chia cái uy của vua, thi hành việc đút lót để làm cho pháp luật bị ngờ vực. Nếu nhà vua nghe theo thì chính trị rối loạn, nếu không nghe thì việc chê bai nẩy sinh. Cho nên địa vị của nhà vua bị xem nhẹ mà quan lại làm rối loạn pháp luật. Đó gọi là cái nước không có cái đạo bất biến.

Cái đạo của bậc vua sáng là: bầy tôi không được làm lối nghĩa hiệp để được vinh, không được lấy cái lợi của nhà mình làm lợi chung; việc công danh có được đều do phép công mà có; những điều nằm ngoài pháp luật thì dù có khó làm cũng không làm cho người ta vinh hiển. Cho nên dân không được phép có cái danh tiếng riêng. Đặt pháp luật,

[6] Đây là dân tự ý làm việc nghĩa.

chế độ để cai trị dân như nhau; dùng thưởng phạt một cách chắc chắn để dùng hết khả năng của họ; làm sáng tỏ sự khen chê để khuyến khích người tốt; phối hợp ba cái là danh hiệu, thưởng phạt, pháp lệnh. Cho nên các quan đại thần có làm là để cao nhà vua, trăm họ có công là để làm lợi cho người trên, cái đó gọi là cái nước có đạo vậy.

QUYỂN XIX

Thiên XLIX

Năm bọn sâu mọt (Ngũ đố)[1]

1. Đời thượng cổ, nhân dân ít nhưng cầm thú nhiều. Nhân dân không thắng được cầm thú, rắn rết. Có bậc thánh nhân xuất hiện, lấy cây làm tổ để tránh thú vật làm hại và dân chúng lấy làm thích, cho làm vua thiên hạ, gọi ông ta là họ Hữu Sào. Dân ăn trái cây, rau cỏ sò ốc, tanh tao hôi hám làm hại đến bụng và dạ dày, có nhiều người chết và nhiều người đau ốm. Có bậc thánh nhân xuất hiện, xoi cây lấy lửa để nấu thức ăn tanh hôi. Dân lấy làm thích cho làm vua thiên hạ, gọi ông ta là họ Toại Nhân. Vào thời trung cổ, thiên hạ bị nạn nước lớn, Cổn và Vũ đào sông ngòi cho nước chảy ra biển. Vào thời cận

---

[1] Bọn nhà nho, bọn theo Mặc (hiệp sĩ), bọn du thuyết, bọn cận thần, bọn công thương.

cổ, Kiệt, Trụ hung bạo, dâm loạn cho nên Thang và Vũ Vương chinh phạt.

Nay nếu có người lấy gỗ làm tổ hay xoi gỗ lấy lửa thì thế nào cũng bị Cổn và Vũ chê cười. Nếu có người đào sông ngòi vào thời Ân, thời Chu thì thế nào cũng bị vua Thang vua Vũ chê cười. Ngày nay, nếu có người khen ngợi cái đạo của Nghiêu, Thuấn, Cổn, Hạ Vũ, Thành Thang, Vũ Vương ở đời nay thì thế nào cũng bị vị thánh nhân mới chê cười. Cho nên bậc thánh nhân không cốt trau giồi chuyện xưa, không noi theo những phép tắc bất biến, khi bàn việc làm ở đời thì dựa theo tình hình của thời mình mà đặt ra những biện pháp.

Có người nước Tống cày ruộng, giữa ruộng có cái cây lớn. Có con thỏ chạy húc phải thân cây gãy cổ mà chết. Anh ta bèn bỏ cày ôm lấy thân cây hòng bắt thêm một con thỏ nữa. Thỏ không thể nào bắt được nữa, nên anh ta bị nước Tống chê cười. Những người ngày nay muốn dùng cách cai trị của các vị vua ngày xưa để cai trị dân chúng đời nay thì cũng đều là loại ôm cây đợi thỏ vậy.

Ngày xưa, đàn ông không cày vì các sản phẩm của cây, cỏ đủ để ăn; đàn bà không dệt vì da của chim muông đủ để mặc. Không phải vất vả mà việc nuôi dưỡng có đủ, số người thì ít mà tài sản thì có thừa. Vì vậy cho nên nhân dân không phải tranh giành. Bởi vậy không cần phải thưởng hậu, không phải dùng hình phạt nặng mà nhân dân tự nhiên trị

an. Người ngày nay có năm đứa con không cho là nhiều. Mỗi đứa con có năm đứa con, ông nội chưa chết mà đã có hai mươi lăm đứa cháu. Vì vậy cho nên người thì đông mà của cải thì ít, làm việc vất vả mà việc nuôi sống vẫn kém. Cho nên dân tranh giành. Dù có thưởng gấp đôi và phạt nặng hơn nhiều, dân cũng không khỏi làm loạn.

2. Nghiêu làm vua thiên hạ, mái tranh không xén, cột, kèo bằng gỗ không đẽo. Ăn cơm gạo hẩm, canh rau, mùa đông mặc áo da nai, mùa hạ mặc áo vải thô, đến kẻ giữ cửa ăn uống cũng không tệ như thế. Vua Hạ Vũ làm vua thiên hạ, tự mình cầm cày, cầm xẻng để làm gương cho thiên hạ, bắp vế không có lông, bắp đùi hết cả thịt, tuy kẻ tôi mọi cũng không khổ sở đến thế. Theo đó mà xét thì người xưa nhường cái địa vị thiên tử tức là bỏ cái nếp sống của bọn giữ của và thoát khỏi cái vất vả của bọn tôi đòi vậy. Cho nên việc truyền thiên hạ cho kẻ khác không phải là chuyện đáng khen. Một ông quan huyện ngày nay, một ngày thân mình chết, thì con cháu mấy đời đi xe. Cho nên người ta coi trọng chức này. Vì vậy trong việc nhường chức vụ, người ta ngày xưa coi nhẹ việc nhường chức thiên tử mà ngày nay người ta khó lòng nhường chức huyện lệnh, bởi vì một bên sang một bên hèn thực tế rất khác nhau.

Nói chung, những người ở trên núi cao uống nước dưới thung lũng sâu, vào tháng chạp và tháng

hai thì lấy nước để tặng nhau. Những người ở đầm lầy khổ vì nước thì lại thuê người khơi rãnh để cho nước chảy ra. Cũng vì thế, mùa xuân vào những năm đói kém, con em cũng không có ăn, trái lại mùa thu vào những năm được mùa thì khách sơ cũng cứ được chén. Đó không phải vì người ta coi nhẹ những người cốt nhục mà yêu người khách qua đường. Đó là vì thực tế có nhiều hay có ít cho nên trong bụng nghĩ khác. Do đó, người xưa coi khinh của cải không phải vì họ là nhân, đó là vì của cải nhiều. Người đời nay tranh giành nhau, cướp đoạt của nhau không phải vì họ là hèn hạ, đó là vì của cải ít. Người xưa coi nhẹ việc từ bỏ ngôi thiên tử không phải là vì họ thanh cao, đó là vì cái thế của nó ít. Ngày nay coi trọng một nắm đất không phải là kém, đó là vì quyền lợi nhiều. Cho nên bậc thánh nhân xét tình trạng của cải nhiều hay ít, bàn đến chỗ quyền thế nhiều hay ít để làm chính trị. Vì vậy phạt nhẹ không phải là nhân từ, phạt nặng không phải là độc ác, cứ phù hợp theo tục mà làm, cho nên sự việc là dựa theo cái thế mà thay đổi, và việc phòng bị là phải thích hợp với công việc.

3. Vua Văn Vương ngày xưa ở giữa miền đất Phong, đất Cảo. Đất vuông ngàn dặm, làm việc nhân nghĩa mà người Tây Nhung theo, kết quả làm vương thiên hạ. Vua nước Từ là Yển Vương ở phía đông sông Hán, đất vuông năm trăm dặm, làm việc nhân nghĩa, có đến ba mươi sáu nước cắt đất để theo. Vua Văn Vương nước Kinh sợ ông ta làm hại đến mình,

đem quân đánh nước Từ, kết quả tiêu diệt nước Từ. Cho nên vua Văn Vương làm nhân nghĩa thì làm vương thiên hạ, trái lại vua Yển Vương làm nhân nghĩa nhưng diệt mất cái nước của mình. Như vậy tức là chuyện nhân nghĩa làm đời xưa thì được nhưng làm đời nay thì không được. Cho nên có câu: "Thời khác thì sự việc khác".

Vào thời của Thuấn, người Hữu Miêu không theo, Vũ định đánh. Thuấn bảo: "Không được! Đức bề trên không dồi dào mà lại dùng đến võ lực thì không phải là đạo". Bèn trau giồi việc giáo hoá trong ba năm, cầm khiên và búa để múa, người Hữu Miêu bèn nghe theo.Trong trận giao chiến với Cung Công thì những mũi tên bằng sắt bắn đến trước mặt quân địch, những kẻ mang áo giáp không chắc chắn thân thể đều bị thương. Như vậy là chuyện múa búa là dùng được ở thời xưa, nhưng không thể dùng vào ngày nay. Cho nên có câu: "Sự việc đã khác thì biện pháp thi hành phải thay đổi".

Vào thời thượng cổ, người ta đua nhau về mặt đạo đức, vào thời trung thế người ta đua nhau về mặt mưu trí, nhưng ngày nay người ta tranh nhau về sức mạnh. Nước Tề sắp đánh nước Lỗ. Nước Lỗ sai Tử Cống sang du thuyết. Người Tề nói: "Lời thầy nói không phải không hay, nhưng điều chúng tôi muốn là đất đai. Những lời nói suông kia không thể giải quyết được". Nước Tề bèn đem quân sang đánh nước Lỗ, biên giới của nước Tề chỉ còn cách thủ đô

của nước Lỗ có mười dặm. Cho nên vua Yển Vương thi hành nhân nghĩa mà nước Từ bị mất, Tử Cống khéo nói và khôn ngoan nhưng nước Lỗ bị cắt đất. Theo đó mà xét, thì nhân nghĩa, khéo nói và khôn ngoan không phải là những cái có thể giữ được nước. Nếu vứt bỏ cái khôn ngoan của Tử Cống, phát huy sức mạnh của nước Từ, nước Lỗ khiến hai nước ấy đánh lại cái nước có vạn cỗ xe, thì tham vọng của nước Kinh và nước Sở không thể thi hành được ở hai nước này.

4. Đời xưa và đời nay phong tục khác nhau, biện pháp thời mới và thời cũ khác nhau. Nếu muốn dùng cái chính trị khoan dung để cai trị cái dân thời nguy cấp thì cũng chẳng khác gì không có dây cương và roi vọt mà muốn điều khiển con ngựa hung hăng. Cái hại của việc thiếu khôn ngoan là ở đấy. Nay hai phái Nho và Mặc đều ca ngợi chuyện các tiên vương yêu tất cả thiên hạ, nên dân chúng xem họ như cha mẹ. Họ lấy cái gì để chứng minh điều đó? Họ nói: "Khi quan tư khấu thi hành hình phạt thì nhà vua vì thế mà không cho cử nhạc. Khi nghe nói người phạm tội đã bị xử tử thì nhà vua vì thế mà rơi nước mắt". Họ khen ngợi các tiên vương ở chỗ đó. Họ cho rằng nếu vua với tôi xem nhau như cha con thì nước thế nào cũng trị an. Căn cứ vào đó mà suy rộng ra thì giữa cha với con nhất định không có chuyện gây loạn.

Bản tính con người không có cái gì thân thiết hơn là cha mẹ đối với con cái. Nhưng cha mẹ dẫu có biểu lộ tình thương yêu gia đình chưa chắc đã yên. Nhà vua dù có yêu thương dân nhiều nhưng làm thế nào cho dân khỏi làm loạn? Nay các vị tiên vương yêu dân không thể hơn cha mẹ yêu con, thế mà dân vẫn còn chưa nhất thiết là không làm loạn, vậy thì dân làm sao có thể được trị yên? Vả lại, dùng pháp luật hành hình mà nhà vua vì thế chảy nước mắt, đó là tỏ ra mình có nhân chứ không phải làm cho nước được trị an.

Nói chung, chảy nước mắt và không muốn dùng hình phạt, đó là lòng nhân; thế nhưng không thể không dùng hình phạt, đó là pháp luật. Các tiên vương chỉ nghe theo pháp luật, chứ không nghe theo tiếng khóc của họ. Như vậy rõ ràng là chữ nhân không thể dùng để trị nước vậy.

Vả lại, dân chúng vốn phục tùng theo quyền thế, chứ không có mấy người vì đạo nghĩa mà cảm hoá. Trọng Ni là bậc thánh nhân trong thiên hạ. Ông trau giồi thân mình, đi chu du trong thiên hạ. Những người trong thiên hạ chuộng chữ nghĩa của ông ta đi theo hầu hạ ông ta có bảy mươi người. Như thế đủ thấy những kẻ quý chữ nhân rất ít, những kẻ có thể làm được chữ nghĩa là hiếm. Cho nên cả thiên hạ rộng lớn như thế mà những người theo nhân nghĩa chỉ có bảy mươi người, và người nhân nghĩa chỉ có một người. Vua Lỗ Ai Công là ông vua kém, thế

nhưng khi quay mặt về phương nam làm vua một nước thì dân ở trong bờ cõi không ai là không làm tôi của ông. Đó là vì dân vốn phục tùng theo uy thế, uy thế rõ ràng dễ làm cho người ta phục theo mình vậy. Cho nên Trọng Ni làm bầy tôi của ông ta, còn ông ta làm vua của Trọng Ni. Trọng Ni không phải thích cái nghĩa của nhà vua nhưng phải phục tùng cái thế của nhà vua. Cho nên nếu như lấy cái nghĩa mà nói thì Trọng Ni sẽ không phục tùng Ai Công, nhưng vì dựa vào cái thế cho nên Ai Công khiến Trọng Ni phải làm bầy tôi của mình.

Bọn học giả ngày nay, thuyết phục nhà vua lại không bảo dựa vào cái thế tất thắng mà cứ dạy cho họ lo chuyện nhân nghĩa, cho rằng làm thế thì có thể làm vương. Như thế là yêu cầu nhà vua phải bằng Trọng Ni và đòi hỏi những người dân bình thường ở đời phải bằng những người học trò của Trọng Ni. Đó là một điều không thể làm được.

5. Nay có đứa con hư hỏng, cha mẹ giận nó, nhưng không thể làm cho nó sửa đổi; những người trong làng chê bai nó nhưng không thể làm cho nó lay chuyển. Thầy giáo dạy nó mãi, nhưng cũng không thể làm cho nó lay chuyển. Lấy tình yêu của cha mẹ, lấy đức hạnh của những người trong làng, lấy cái khôn ngoan của ông thầy học, cả ba cái tốt đẹp đều thi hành, nhưng rốt cục nó vẫn không lay chuyển, không thay đổi một sợi tơ sợi tóc. Quan lại trong châu sai binh lính thi hành phép công tìm bắt

kẻ gian. Lúc đó nó mới hoảng sợ, thay đổi tính nết, thay đổi tính hạnh của mình. Cho nên cha mẹ yêu con không đủ để dạy con, thế nào cũng phải nhờ cậy hình phạt nghiêm khắc của châu quận mới được. Dân chúng nếu được thương yêu thì sinh kiêu căng, nhưng nghe theo uy lực.

Cho nên bức tường thành cao mười nhận[2], Lâu Quý cũng không thể vượt qua vì nó dốc thẳng. Ngọn núi cao ngàn nhận nhưng con dê què vẫn ăn cỏ ở trên dễ dàng là vì nó thoai thoải. Cho nên vị vua sáng làm cho pháp luật dốc thẳng và hình phạt nghiêm. Tấm vải một tầm một thường con người thường cũng không chịu bỏ, nhưng vàng ròng chói lọi trăm dật thì Đạo Chích cũng không lấy. Vì chưa chắc đã bị nguy hại cho nên người ta không bỏ tấm vải một tầm một thường. Vì thế nào cũng bị nguy hại cho nên người ta không dám lấy một trăm dật vàng. Cho nên vị vua sáng dùng hình phạt thì quyết đoán.

Vì vậy việc thưởng thì không gì bằng thưởng hậu và chắc chắn, khiến cho dân có lợi về việc đó, việc phạt thì không gì bằng phạt nặng và dứt khoát khiến cho dân sợ phạt. Pháp luật không gì bằng thống nhất và chắc chắn, khiến cho dân biết nó. Vì vậy cho nên, nhà vua đã ban thưởng thì không đổi, đã trừng phạt thì không tha. Lấy tiếng khen để bổ

[2] Một nhận tám thước, một thước là 0,20m đến 0,35m; một tầm cũng bằng một nhận; hai nhận là một thường.

sung cho điều thưởng, lấy chê bai kèm theo điều phạt thì người hiền, kẻ hư hỏng đều dốc hết sức mình.

6. Ngày nay thì không thế. Người ta có công thì ban tước nhưng lại cho chức quan là thấp hèn; người ta cày cấy giỏi thì thưởng nhưng lại coi khinh việc ruộng vườn của người ta. Những người nhà vua không dùng được thì bỏ người ta, nhưng lại đề cao thái độ khinh đời của họ. Những người phạm điều ngăn cấm thì trị tội người ta, nhưng khen người ta là dũng cảm. Việc thi hành thưởng phạt mâu thuẫn, trái ngược nhau cho nên pháp luật cấm đoán bị hư hỏng và dân càng loạn. Ngày nay kẻ thấy anh em bị xâm phạm thế nào cũng đánh thì được xem là liêm, kẻ thấy bạn bị nhục mà cãm thù người làm nhục được xem là trinh. Nếu cái hạnh kiểm liêm trinh này mà được thi hành thì pháp luật của nhà vua bị vi phạm. Nếu nhà vua đề cao cái hạnh kiểm liêm và trinh như thế mà quên mất cái tội phạm điều ngăn cấm thì dân chúng sẽ khoe cái dũng của họ mà quan lại sẽ không thắng được họ. Những kẻ không lo lao động mà có cơm ăn áo mặc thì gọi là có năng lực, những kẻ không có chiến công mà được địa vị cao thì gọi là người hiền. Cái lối hiền và năng lực này mà được thi hành thì quân đội sẽ yếu đi mà đất đai bị bỏ hoang. Kết quả là hành động riêng tư được xác lập, trái lại cái lợi chung bị tiêu diệt vậy.

7. Nhà nho lấy cái văn làm rối loạn pháp luật. Bọn du hiệp lấy vũ lực vi phạm những điều ngăn

cấm. Thế nhưng nhà vua lại lấy chữ lễ để đối xử với cả hai loại người này. Do đó mà sinh ra loạn. Nói chung, rời khỏi pháp luật là phải tội. Thế nhưng các tiên sinh kia lại nhờ văn học mà được dùng. Vi phạm điều ngăn cấm thì bị giết, thế nhưng bọn du hiệp lại nhờ thanh kiếm riêng mà được nuôi dưỡng. Cho nên những người mà pháp luật chê bai thì lại là những người nhà vua dùng, những người mà quan lại trừng phạt lại là những người bề trên nuôi dưỡng. Những điều pháp luật cho là sai, những điều nhà vua cho là hay, những người bề trên nuôi dưỡng và những người quan dưới trừng phạt, bốn cái này trái ngược nhau và không có cái gì xác định cả. Như thế thì dù có mười vua Hàng Đế cũng không thể làm cho nước trị an được. Vì vậy những kẻ làm việc nhân nghĩa không phải là những người nên khen, khen họ thì hại đến công việc, những kẻ trau giồi văn học thì không nên dùng, dùng họ thì làm rối loạn pháp luật.

Nước Sở có con người chính trực. Cha anh ta ăn trộm con dê, anh ta đi tố giác với quan lại. Quan lệnh doãn nói: "Giết hắn đi!". Ông ta cho rằng anh ta thẳng thắn đối với nhà vua nhưng lại gian tà đối với cha, cho nên trị tội. Có người nước Lỗ theo vua đánh giặc, ba lần giao chiến, ba lần anh ta bỏ chạy. Trọng Ni hỏi tại sao, anh ta đáp: "Tôi có cha già, tôi chết không ai nuôi cha". Trọng Ni cho là có hiếu tiến cử anh ta cho làm chức cao. Theo đó mà xét thì đứa con hiếu với cha là bầy tôi phản lại nhà vua.

Cho nên quan lệnh doãn giết mà nhà vua không nghe nói đến những bọn gian ở nước Sở; Trọng Ni thưởng mà những người nước Lỗ dễ bỏ chạy và đầu hàng. Cái lợi của người ở trên và kẻ dưới khác nhau như thế đấy. Nhà vua vừa muốn khen hành động của kẻ thất phu lại vừa muốn có hạnh phúc của nước nhà, làm như thế thì nhất định không thể được.

8. Ngày xưa Thương Hiệt đặt ra chữ viết. Ông dùng cái dấu tư nó vây tròn lại để làm chữ tư, chữ trái ngược với chữ tư là chữ công. Công với tư là trái ngược nhau, đó là điều Thương Hiệt vốn đã nhận thấy[3]. Nay những người cho rằng tư và công đều nhất trí với nhau về mặt lợi là mối lo của việc không xét kỹ vậy. Như vậy, nếu trù tính điều lợi của kẻ thất phu thì không gì bằng trau giồi nhân nghĩa và học văn học. Nhân nghĩa, trau giồi thì được tin, được tin thì được giao nhiệm vụ. Giỏi về văn học thì được làm bậc thầy sáng suốt, làm bậc thầy sáng suốt thì hiển vinh. Đó là điều tốt đẹp của kẻ thất phu. Như vậy thì kẻ không có công sẽ được giao nhiệm vụ, kẻ không có tước lộc sẽ được hiển vinh. Nếu chính trị làm như vậy thì nước thế nào cũng rối loạn, nhà vua thế nào cũng bị nguy.

Cho nên những sự việc không thể cùng tồn tại với nhau thì không thể dung nạp nhau được. Chém quân địch thì được thưởng, nhưng lại đề cao cái đức

[3] Chữ tư xưa viết là 厶, chữ công 公 có chữ 八 ở trên có nghĩa xưa là trái ngược.

hạnh nhân từ, ân huệ. Kẻ nhổ thành thì được tước lộc, nhưng lại tin cái thuyết kiêm ái. Áo giáp làm chắc và khích lệ binh sĩ để đề phòng khi có nạn, nhưng lại cho áo mũ nhà nho là đẹp. Nước giàu là nhờ có nhà nông, chống lại quân địch là nhờ có binh sĩ, nhưng lại quý chuộng những kẻ sĩ có văn học. Bỏ những người dân tôn kính cấp trên sợ pháp luật mà nuôi dưỡng bọn du hiệp dùng thanh kiếm riêng của mình. Nếu làm những việc như vậy thì nước không thể nào trị an và mạnh được. Khi nước yên ổn thì nuôi bọn nhà nho và bọn du hiệp; khi nước có hoạn nạn thì dùng kẻ sĩ mặc áo giáp. Những kẻ hưởng lợi không phải là những kẻ được dùng, những kẻ được dùng không phải là những kẻ hưởng lợi. Vì vậy cho nên những kẻ lo lao động bỏ phế công việc của mình mà những bọn du học các nơi ngày một nhiều. Đời bị loạn là vì thế.

Và lại, cái người đời gọi là hiền là đức hạnh trinh và tín, cái mà đời gọi là khôn là những lời nói vi diệu. Những lời nói vi diệu thì đến bậc thượng trí cũng khó biết. Nay làm pháp luật cho dân chúng mà lại dùng những lời nói đến bậc thượng trí còn khó biết thì dân không có cách nào hiểu được. Vì vậy cho nên những kẻ đến tấm và cám còn chưa ăn no thì không nghĩ đến kê và thịt; những kẻ áo vải thô còn chưa lành lặn thì không đợi đến gấm và áo thêu.

Nói chung, trong việc trị nước ngày nay, những điều cấp bách phải làm mà không làm được

thì những chuyện rối rãi không phải là điều phải lo đến. Ngày nay, đường lối trị nước không chú ý tới những việc của dân gian, những điều những người đàn ông, đàn bà tầm thường đều biết rõ mà lại hâm mộ cách bàn luận của kẻ thượng trí, như vậy là trái ngược với việc trị nước. Cho nên những lời nói vi diệu không phải là việc của dân chúng.

Còn như nếu thích cho hành vi theo chữ trinh và chữ tín là hay thì phải coi trọng những kẻ sĩ không lừa dối. Những kẻ sĩ không lừa dối là những người không có cái thuật để lừa dối. Những kẻ áo vải chơi với nhau không có cái giàu có để làm lợi cho nhau, không có uy thế để làm cho nhau sợ, cho nên tìm những kẻ sĩ không lừa dối. Nay nhà vua ở vào cái thế khống chế mọi người, nắm tất cả tài sản một nước, thưởng hậu phạt nặng, nắm lấy cái quyền lớn để trau giồi cái thuật soi xét mọi điều thì dù có bọn bầy tôi như Điền Thường, Tử Hãn, cũng không dám lừa dối, còn nói gì đến những kẻ sĩ không lừa dối? Nay những kẻ sĩ giữ chữ trinh, chữ tín không đến mười người mà những chức quan trong nước lại có đến hàng trăm. Nếu nhất thiết dùng những người giữ chữ trinh, chữ tín thì không có đủ người để làm quan, như vậy người trị yên thì ít mà kẻ làm loạn thì nhiều. Cho nên cái đạo của vị vua sáng là thống nhất pháp luật mà không đòi hỏi người ta phải khôn ngoan, củng cố cái thuật trị nước mà không hâm mộ chữ tín. Cho nên pháp luật không hỏng mà các quan không gian trá.

9. Các vị vua ngày nay đối với lời nói thì thích nó hùng biện mà không đòi hỏi nó phải đúng sự thực, khi đưa ra hành động thì thích cái tiếng hay mà không đòi hỏi phải có công dụng. Vì vậy cho nên những người trong thiên hạ, khi nói năng thì lo cho hùng biện mà không nghĩ đến sự hữu dụng. Vì vậy những kẻ nhắc đến các tiên vương bàn chuyện nhân nghĩa đầy cả triều đình, nhưng chính trị vẫn không khỏi bị rối loạn. Những kẻ trau giồi thân mình tranh nhau về mặt cao quý nhưng không hợp với công lao, cho nên những kẻ sĩ khôn ngoan rút lui về nơi hang động núi non, trả lộc không nhận, và quân đội không khỏi yếu đuối, chính trị không khỏi rối loạn. Tại sao thế? Đó là vì điều dân chúng ca ngợi, và người trên tôn quý lại là cái thuật làm cho nước rối loạn.

Nay nhân dân trong nước đều nói đến chuyện trị nước, nhà nào cũng có sách về pháp luật của Thương Quân, Quản Trọng, nhưng nước ngày càng nghèo. Người nói chuyện cày thì đông nhưng những kẻ cầm cày thì ít. Trong nước ai cũng nói đến việc binh, sách binh thư của Tôn Vũ Tử, Ngô Khởi nhà nào cũng có, nhưng quân đội ngày càng yếu đi, vì người nói chuyện chiến đấu thì nhiều nhưng người mang áo giáp lại ít. Cho nên bậc vua sáng dùng cái sức của người ta chứ không nghe lời nói của người ta; thưởng công lao của người ta, nhưng nhất định cấm điều vô dụng. Cho nên dân dốc hết sức mình để theo bề trên.

Phàm việc cày ruộng phải dùng sức vất vả nhưng dân vẫn làm, vì họ nói: "Làm thế có thể giàu được". Chiến đấu là chuyện nguy hiểm nhưng dân vẫn làm vì họ nói: "Làm thế này có thể sang được". Nay chuyện trau giồi văn học, tập lối nói năng thì đã chẳng phải vất vả như cày ruộng, lại có được cái thực tế là giàu có, chẳng phải nguy hiểm như chiến đấu lại có được cái tôn quý được sang. Như thế thì ai mà chẳng làm? Kết quả một trăm người dùng trí khôn mới có một người dùng sức lực, những người trau giồi cái trí đông thì pháp luật hỏng, kẻ dùng sức lực ít thì nước nghèo.Vì vậy đời bị loạn lạc. Do đó, nước của bậc vua sáng không có cái văn học trong sách vở, mà lấy pháp luật để dạy dân, không có lời nói của các tiên vương mà lấy quan lại làm thầy; không có thanh kiếm riêng tỏ ra ngang ngạnh mà lấy chuyện chém đầu quân địch làm dũng cảm. Vì vậy dân chúng trong nước khi nói năng đều nói theo phép tắc, mọi hành động đều cố lập công, mọi sự dũng cảm đều nhằm vào việc quân. Do đó lúc vô sự thì nước giàu, lúc có việc thì quân đội mạnh. Cái đó gọi là cái cơ sở để làm vương. Một khi đã súc tích được cái cơ sở để làm vương, đồng thời lại lợi dụng sự sơ hở của nước địch thì phép này sẽ khiến nhà vua vượt ngũ đế, sánh ngang với tam vương vậy.

10. Ngày nay thì không thế. Trong nước thì kẻ sĩ và dân chúng phóng túng, bên ngoài thì những kẻ nói năng tạo thế lực cho mình. Bên ngoài và bên trong đều làm những chuyện xấu xa để chờ đợi kẻ

địch mạnh. Thế chẳng phải là nguy sao? Cho nên quần thần nói đến chuyện đối ngoại nếu không chia ra thành hai bè là hợp tung và liên hoành thì cũng ôm cái bụng căm thù mượn sức của nước mình để trả thù vậy. Những kẻ chủ trương hợp tung lo tập hợp những nước yếu để tấn công một nước mạnh; những kẻ chủ trương liên hoành lo thờ một nước để đánh những nước yếu. Đó đều không phải là cách giữ nước.

Nay bọn bầy tôi chủ trương liên hoành đều nói: "Nếu không thờ nước lớn thì sẽ gặp địch và bị tai họa". Muốn thờ nước lớn thì phải có hành động cụ thể, phải cắt đất để nộp, giao ấn ngọc để nghe theo mệnh lệnh của họ. Dâng đất thì nước bị cắt, giao ấn ngọc thì danh tiếng bị hạ thấp. Đất bị cắt thì nước bị chia, danh tiếng bị hạ thấp thì chính sự rối loạn. Chủ trương liên hoành để thờ nước lớn chưa thấy cái lợi mà đã mất đất đai, chính sự rối loạn.

Bọn bầy tôi chủ trương hợp tung nói: "Nếu không cứu nước nhỏ và đánh nước lớn thì thiên hạ sẽ mất. Thiên hạ mất thì nước mình nguy. Nước nguy thì vua bị hạ thấp". Cứu nước nhỏ thì thế nào cũng phải có hành động thực tế, cụ thể là cất quân đánh quân địch mạnh. Nhưng cứu cái nước nhỏ chưa nhất thiết đã có thể làm cho nước ấy tồn tại, mà đánh kẻ địch mạnh chưa chắc đã khỏi có sự sơ suất. Có sự sơ suất thì bị nước mạnh khống chế. Đem quân ra thì quân đội bị đánh thua, rút về giữ thì

thành trì bị mất. Chủ trương hợp tung để cứu những nước nhỏ chưa thấy có lợi gì mà đã mất đất thua quân.

Vì vậy cho nên những kẻ chủ trương thờ nước mạnh là mượn sức của nước ngoài để kiếm chức quan trong nước; những kẻ chủ trương cứu nước nhỏ là lấy cái thế nặng ở trong nước để cầu lợi ở nước ngoài. Cái lợi của nước chưa lập được mà họ đã được hưởng đất phong lộc hậu rồi. Nhà vua ở trên tuy bị hạ thấp nhưng bầy tôi lại được đề cao. Đất đai của nước tuy bị cắt nhưng nhà riêng của họ đã giàu lại sang. Nếu chủ trương của họ có kết quả thì quyền họ càng thêm lớn, nếu chủ trương của họ mà thất bại thì họ đã được giàu có rồi mới rút lui.

Bậc làm vua nghe bọn bầy tôi du thuyết, đối với bọn bầy tôi việc chưa thành đã ban cho họ tước cao lộc hậu, khi việc thất bại lại không trừng phạt. Như vậy thì những kẻ sĩ du thuyết ai mà chẳng tranh nhau dùng lời nói hoa mỹ để kiếm chác cầu may? Cho nên nước bị phá, vua bị chết là vì nghe những lời phù phiếm của bọn du thuyết. Tại sao lại thế? Đó là vì bậc làm vua người ta không hiểu rõ cái lợi chung và cái lợi riêng, không xét kỹ lời nói có đúng sự thực hay không và sau khi chủ trương thất bại không kiên quyết trừng phạt họ. Bọn kẻ sĩ du thuyết đều nói: "Chính sách đối ngoại nếu thành công lớn thì có thể làm vương, nếu thành công nhỏ thì có thể yên ổn". Kẻ làm vương là kẻ có thể tấn công người ta, và người yên là người người ta không thể tấn

công mình; kẻ mạnh là kẻ có thể tấn công người ta, kẻ trị an là kẻ người ta không thể tấn công mình.

Nhưng nước trị yên và mạnh thì không thể nhờ cậy ở bên ngoài, mà lệ thuộc vào chính sự trong nước. Nay trong nước đã không thi hành pháp luật và cái thuật trị nước, mà lại dùng cái khôn ngoan trong việc đối ngoại thì không thể nào đạt đến việc trị an và mạnh được. Tục ngữ có câu: "Ống áo dài khéo múa, lắm tiền khéo buôn". Câu nói này có nghĩa là có nhiều vốn thì dễ làm nên công. Cho nên nước mà trị an mạnh thì dễ bàn mưu, nước yếu và loạn thì khó tính kế. Vì vậy những kẻ được dùng ở nước Tần thay đổi mưu mười lần nhưng mưu vẫn ít khi hỏng, những kẻ được dùng ở nước Yên một lần thay đổi kế hoạch nhưng kế vẫn ít thành công. Đó không phải là vì những người được dùng ở Tần đều khôn mà những người được dùng ở Yên đều ngu. Đó là vì cái cơ sở trị và loạn khác nhau.

Cho nên nước Chu rời bỏ nước Tần theo kế hợp tung, nhưng được trọn năm thì mất; nước Vệ rời khỏi nước Ngụy theo kế liên hoành, được nửa năm thì bị diệt. Đó là nước Chu bị diệt vì theo hợp tung, nước Vệ bị diệt vì theo liên hoành vậy. Ví thử, nước Chu và nước Vệ đừng vội vã theo kế hợp tung hay liên hoành, mà lo cẩn thận trong việc cai trị trong nước, làm sáng tỏ pháp luật và sự ngăn cản, thưởng phạt chắc chắn, dùng hết sức đất đai để của cải tích luỹ được nhiều, khiến dân của nó chịu chết để giữ

vững thành quách, thiên hạ được đất đai của họ thì lợi ít, đánh nước của họ thì tổn thất nhiều, khiến cho những nước có vạn cỗ xe, không nước nào dám đóng quân dưới thành quách kiên cố để khiến cho kẻ địch mạnh đánh vào chỗ yếu của mình. Đó là cái thuật khiến cho nước không mất. Bỏ cái thuật khiến cho nước nhất định không mất mà nói đến chuyện thế nào cũng bị tiêu diệt, đó là cái sai của những người trị nước. Nếu như cái khôn ngoan bị nguy khốn ở bên trong mà chính sự bị bên ngoài làm nguy khốn thì nước mất không thể cứu vãn được.

11. Cái mưu kế có sẵn của dân chúng đó là đến chỗ yên ổn và có lợi mà tránh xa điều nguy hiểm cùng khốn. Nay nếu ta khiến họ tiến công và giao chiến, tiến lên thì chết vì quân địch, thối lui thì chết vì bị trừng phạt, thì dân nguy vậy. Bỏ công việc nhà riêng và dốc sức vào việc chiến đấu, nhà cùng khốn mà ở trên không lo đến thì bị cùng khốn. Khi đã lâm vào cảnh nguy hiểm và cùng khốn, dân làm sao khỏi trốn tránh? Cho nên họ thờ những nhà riêng để được xây dựng nhà cửa. Xây dựng nhà cửa thì ở xa chiến trận, xa chiến trận thì được yên thân. Làm việc đút lót, cầu cạnh những người có quyền thế thì có được cái mình cầu xin, có được cái mình cầu xin thì được cái lợi riêng và yên thân. Được lợi riêng và yên thân làm sao người ta lại không đến? Cho nên dân lo việc chung thì ít mà lo việc riêng thì nhiều.

12. Cái chính trị của bậc vua sáng là khiến cho bọn thương nhân và bọn thợ, những kẻ không có chỗ ở nhất định phải ít, danh tiếng thấp, để trau giồi cái nghề gốc mà bớt chạy theo những nghề ngọn. Ngày nay cái thế cầu xin, dựa dẫm được thi hành thì quan tước có thể mua được. Quan tước có thể mua được thì người buôn và người thợ không bị thấp hèn. Những hàng hoá trái phép được bán ở chợ thì những con buôn sẽ không ít. Việc tích luỹ tài sản của những người đi buôn gấp bội những người đi cày mà địa vị của họ lại cao hơn những kẻ sĩ cày ruộng và chiến đấu thì những kẻ sĩ chính trực sẽ ít mà những dân buôn bán sẽ nhiều.

13. Vì vậy cái tục của những nước loạn là bọn học giả trong nước khen cái đạo của các tiên vương để tỏ ra mình nhân nghĩa; sửa dung mạo, mặc y phục chỉnh tề để tô vẽ lối nói năng, tài biện luận, làm người ta ngờ vực pháp lệnh đương thời và làm cho lòng nhà vua đâm phân vân. Bọn nói năng thì bày ra những chuyện dối trá, mượn sức nước ngoài để thực hiện điều riêng tư của mình và quên mất cái lợi của xã tắc. Những kẻ cầm gươm tụ tập bè đảng, nêu cao tiết tháo để nêu cái danh của mình, mà phạm vào những điều ngăn cấm của năm chức quan[4]. Bọn thân tín của nhà vua tụ tập ở các nhà riêng, dùng tất cả của cải hối lộ những kẻ có quyền thế để khỏi phải vất vả nơi chiến trận. Bọn thương

[4] Năm quan là: tư đồ, tư khấu, tư không, tư sĩ, tư mã.

nhân và bọn thợ chế tạo những vật vô dụng, tụ tập những của cải xa xỉ để chứa chất lại chực giành cái lợi gấp đôi người cày.

Năm loại người này là những bọn sâu mọt cho nước nhà. Nhà vua nếu không trừ bỏ năm loại sâu mọt này, không nuôi dưỡng những kẻ sĩ cày và chiến đấu, thì trong thiên hạ sẽ xuất hiện những nước bị tàn phá và bị tiêu diệt, những triều đình bị diệt vong. Điều đó không có gì lạ.

Thiên L

Những học giả nổi tiếng (Hiển học)

1. Những học giả nổi tiếng trên đời, thì có bọn Nho và bọn Mặc. Bọn Nho cao nhất là Khổng Khâu, bọn Mặc cao nhất là Mặc Địch. Từ khi Khổng Tử chết đi có bọn nhà nho theo Tử Tư, có bọn nhà nho theo Tử Trương, có bọn nhà nho theo họ Nhan, có bọn nhà nho theo họ Mạnh, có bọn nhà nho theo họ Tất Điêu, có bọn nhà nho theo họ Trọng Lương, có bọn nhà nho theo họ Tôn (Tuân Tử), có bọn nhà nho theo họ Nhạc Chính. Từ khi Mặc Tử chết đi, có bọn nhà Mặc theo họ Tương Lý, có bọn nhà Mặc theo họ Tương Phu, có bọn nhà Mặc theo họ Đặng Lăng. Như vậy sau Khổng Tử đạo Nho chia ra làm tám phái, đạo Mặc chia ra làm ba phái. Chủ trương của

họ trái ngược nhau, không giống nhau nhưng đều tự cho mình là đạo Khổng, đạo Mặc chân chính. Khổng Tử, Mặc Tử không sống lại, vậy sẽ dựa vào ai để quyết định cái học ở đời?

Khổng Tử, Mặc Tử đều nói đến Nghiêu, Thuấn nhưng chủ trương của hai người khác nhau. Họ đều tự cho mình là Nghiêu, Thuấn chân chính. Nghiêu, Thuấn không sống lại, vậy ai sẽ quyết định đạo Nho hay đạo Mặc là đúng với Nghiêu, Thuấn? Đời Ân, đời Chu đã hơn bảy trăm năm, đời Ngu, đời Hạ trước đấy đã hơn hai ngàn năm mà còn không quyết định được cái đúng của đạo Nho và đạo Mặc. Nay lại muốn nghiên cứu cái đạo của Nghiêu, Thuấn cách đây đã ba ngàn năm, chẳng phải là không thể nào làm được sao? Nếu như không tham nghiệm được mà lại quyết định ngay thì đó là ngu. Nếu không thể quyết định được mà lại theo ngay thì đó là dối trá. Cho nên chuyện nêu cao các tiên vương, quyết định theo Nghiêu và Thuấn nếu như không phải là ngu thì cũng là dối trá vậy. Cái học ngu và dối trá, cái hành động bác tạp và trái pháp luật này vị vua sáng không theo.

2. Về mặt tang lễ, đạo Mặc chủ trương mùa đông thì mặc quần áo mùa đông, mùa hạ thì mặc quần áo mùa hạ. Áo quan bằng gỗ đồng dày ba tấc, chịu tang ba tháng. Các vị vua đời nay cho thế là tiết kiệm và kính trọng nó. Đạo Nho chủ trương làm khánh kiệt nhà cửa để lo việc chôn cất, chịu tang ba

năm, vất vả trong việc chống gậy và đứng dậy. Các vị vua đời nay cho thế là hiếu và coi trọng nó.

Nói chung, nếu đã khen Mặc Tử là tiết kiệm thì phải chê Khổng Tử là xa xỉ, nếu đã khen Khổng Tử là hiếu thì phải chê Mặc Tử là sơ suất. Nay các vua thấy đạo Nho và đạo Mặc một bên hiếu một bên sơ suất, một bên xa xỉ, một bên tiết kiệm nhưng lại vẫn coi trọng cả hai.

Tất Điêu chủ trương không đổi sắc mặt, không cúi mắt trước quyền lực, nếu làm việc sai thì đến kẻ nô tỳ cũng tránh, nếu làm việc đúng thì làm chư hầu giận cũng làm. Các vị vua ở đời cho như thế là liêm và coi trọng nó. Theo chủ trương của Tống Vinh Tử thì trong lời nói không tranh cãi, trong việc làm không theo kẻ thù, không lấy chuyện bị ngục tù làm xấu hổ, không lấy chuyện bị coi khinh làm nhục. Các vị vua chúa ở đời cho thế là khoan dung nên kính trọng chủ trương ấy. Nhưng đã cho cái liêm của Tất Điêu là phải thì thế nào cũng phải cho cái rộng rãi của Tống Vinh là sai; đã cho cái khoan dung của Tống Vinh là phải thì phải cho cái hung bạo của Tất Điêu là sai. Nay hai ông một bên khoan một bên liêm, một bên rộng rãi một bên hung bạo, nhưng các vị vua đều coi trọng cả. Cái học ngu và cái học vu khoát, lời nói bác tạp và trái ngược nhau thế nhưng nhà vua vẫn cứ nghe theo cả hai cho nên những kẻ sĩ trong thiên hạ nói năng thì không có

chủ trương nhất định, hành động thì không có cách xét đoán không thay đổi.

Nói chung, băng giá và than không thể cùng tồn tại lâu ở trong một vật, lạnh và nóng không thể đến cùng một thời, những học thuyết bác tạp và trái ngược nhau không thể cùng được tôn trọng mà nước được trị yên. Nay lại nghe theo những học thuyết bác tạp, cùng làm theo theo những lời nói trái ngược nhau thì làm sao khỏi sinh loạn? Cái nghe và cái làm đã thế thì trong việc trị người tất nhiên cũng thế.

3. Các học giả đời nay khi nói đến việc trị nước phần lớn đều bảo: "Cho những người bần cùng để trợ cấp cho những người không có tài sản". Nay nếu có những người như nhau, nếu không được màu và không có cái lợi từ bên ngoài đến mà một người nào đó riêng anh ta được đầy đủ, thì đó là do sức của anh ta hay do anh ta tiết kiệm. Mọi người đều như nhau, nếu không gặp đói kém, tật bệnh, tai họa mà một người nào đó riêng anh ta bị nghèo đói, khốn cùng thì hoặc là do anh ta xa xỉ hoặc là do anh ta lười. Kẻ dốc sức và tiết kiệm thì giàu, kẻ xa xỉ và bười biếng thì nghèo.

Nay nhà vua lại đánh thuế lấy của người giàu để cấp cho người nghèo như vậy là cướp của cải của những kẻ dốc sức và tiết kiệm để cho kẻ xa xỉ và lười biếng. Làm như thế mà muốn dân hăng hái làm việc và tiết kiệm tiêu dùng thì không thể được.

Nay có người chủ trương không bước vào cái thành nguy khốn, không ở trong quân đội, không vì cái lợi lớn của thiên hạ mà coi nhẹ một sợi lông chân của mình[5]. Các vị vua ở đời thế nào cũng coi trọng anh ta, quý cái khôn ngoan của anh ta và cho cái đức hạnh của anh ta là cao, cho đó là kẻ sĩ coi nhẹ sự vật mà coi trọng cái sống.

Nói chung, nhà vua sở dĩ bày ra ruộng tốt, nhà lớn, đặt tước lộc là để cho dân coi thường cái chết và làm theo mệnh lệnh. Nay nhà vua lại tôn quý những kẻ sĩ coi khinh sự vật, coi trọng sự sống, nhưng lại đòi hỏi dân phải liều chết và hy sinh cho sự nghiệp của nhà vua thì không được. Chứa chất sách, học tập nói năng, tụ tập học trò, chuộng văn học và nghị luận, các vị vua ở đời thế nào cũng nghe theo và coi trọng, nói: "Kính những người hiền sĩ là cái đạo của các tiên vương". Nói chung, những kẻ quan lại đánh thuế là những người cày ruộng, nhưng những người nhà vua nuôi lại là bọn học sĩ. Những người cày ruộng bị đánh thuế nặng còn những học sĩ thì được thưởng tiền. Thế mà lại đòi dân phải làm việc hăng và ít nói năng thì không thể được.

Những người chủ trương tiết tháo và danh dự, giữ tiết tháo không cho người ta xâm phạm, mới thoáng nghe lời oán giận bên tai thì đã tuốt kiếm

[5] Thuyết của Dương Chu.

đâm, các vị vua ở đời thế nào cũng nghe và kính trọng, do đó là những kẻ sĩ tự trọng.

Ôi, cái khó nhọc trong việc chém đầu quân địch thì không được thưởng, mà kẻ dũng cảm đánh nhau ở nhà thì được hiển vinh. Thế mà lại đòi dân phải hăng hái chiến đấu chống lại kẻ địch, không đánh nhau riêng thì không thể được. Nước yên ổn thì nuôi bọn nhà nho và bọn du hiệp, khi có nạn lại dùng những kẻ sĩ mặc áo giáp. Người mình nuôi không phải người mình dùng, người mình dùng không phải người mình nuôi. Chính vì thế cho nên sinh loạn.

Nói chung, các vua chúa khi nghe những học giả, nếu cho lời anh ta là đúng thì cho làm quan và dùng cái thân của anh ta, còn nếu cho là sai thì gạt bỏ cái thân của anh ta và chấm dứt cái học của anh ta. Nay cho là đúng nhưng lại không cho làm quan, cho là sai nhưng lại không chấm dứt cái thuyết đi. Khen mà không dùng, chê mà không cất đứt, đó là con đường dẫn tới loạn và mất nước vậy.

4. Đạm Đài Tử Vũ có cái dung mạo của người quân tử. Khổng Tử khen và dùng anh ta, cùng ở lâu với anh ta nhưng cái hạnh của anh ta không xứng với dung mạo. Lời nói của Tể Dư thanh nhã và văn hoá. Trọng Ni khen và dùng anh ta, cùng ở với anh ta nhưng sự khôn ngoan của anh ta không bằng lời biện luận. Cho nên Khổng Tử nói: "Lấy dung mạo mà chọn người, ta sai lầm đối với Tử Vũ, lấy lời nói

là chọn người, ta sai lầm đối với Tế Dư!". Khôn ngoan như Trọng Ni mà còn mang cái tiếng là không xét đúng sự thực. Những kẻ biện luận ngày nay nói nhiều hơn Tế Dư mà việc nghe của các vua chúa ở đời lại mù quáng hơn Trọng Ni, vì thích lời nói của họ nên dùng cái thân của họ, như vậy thì làm sao khỏi sai lầm? Kết quả nước Ngụy dùng Mang Mão mà có mối lo ở Hoa Hạ, nước Triệu dùng tài biện luận của Mã Phục mà có cái họa ở Trường Bình[6]. Hai chuyện trên đây chứng tỏ sự sai lầm trong việc dùng người có tài biện luận.

Nếu chỉ xem thiếc đúc và chỉ nhìn những tia lửa xanh, vàng thì Âu Dã cũng không có thể quyết định thanh kiếm sắc hay cùn. Nhưng nếu trên không chém được chim nhạn, chim hộc, dưới đất chém được ngựa câu thì dù là kẻ nô tỳ cũng thấy rõ kiếm sắc hay cùn. Nếu chỉ xem răng và hình dáng thì Bá Nhạc cũng không thể dám chắc về con ngựa hay hay kém. Buộc nó vào cỗ xe, cho ách vào mà xem nó đi thì chưa hết đoạn đường hạng nô tỳ cũng không nghi ngờ về chỗ ngựa hay hay dở. Nếu chỉ xem dung mạo, áo quần, nghe lời nói thì đến Trọng Ni cũng không có thể biết chắc là kẻ sĩ giỏi. Nhưng nếu lấy chức quan để thử giao cho mà hỏi về kết quả công việc làm thì người tầm thường cũng không ngờ

---

[6] Triệu Quát tước là Mã Phục quân làm tướng nước Triệu giỏi biện luận nhưng đánh trận kém bị quân Tần đánh bại ở Trường Bình (năm -260).

vực ai ngu ai khôn. Cho nên quan lại của vị vua sáng, thì vị tể tướng thế nào cũng phải xuất thân từ chỗ làm quan ở các châu, viên mãnh tướng thế nào cũng phải xuất thân từ hàng ngũ quân đội. Phàm có công thế nào cũng thưởng, thì có tước lộc hậu mà càng được khuyến khích. Thăng quan theo thứ bực thì chức quan lớn mà càng có tài cai trị. Tước lộc lớn và chức quan làm giỏi đó là cái đạo làm vương vậy.

5. Có đá tảng muôn dặm không thể gọi là giàu, có trăm vạn tượng người không thể gọi là mạnh. Đá không phải không lớn, tượng người không phải không nhiều, nhưng không thể gọi là giàu là mạnh được vì đá không sinh ra thóc, tượng người không thể chống lại quân địch. Nay những kẻ sĩ nhờ nghề khéo mua chức quan cũng không cày mà ăn, thì cũng như đất không khai khẩn và đá tảng vậy. Bọn nho và bọn du hiệp không có công lao quân sự mà lại được hiển vinh là thứ dân không thể sai khiến được, cũng như là các tượng người vậy. Biết cái tai hoạ của đá và tượng người mà không biết tai hoạ của bọn mua chức quan, và bọn nho sĩ, bọn hiệp sĩ là thứ đất không cày được, thứ dân không thể sai khiến được, đó là không biết những sự việc cùng một loại vậy.

Cho nên vua nước địch tuy thích cái nghĩa của ta, ta cũng không thể bắt nộp cống xưng là tôi; các chư hầu ở trong cửa ải tuy chê việc làm của ta, ta

cũng bắt họ cầm chim[7] đến triều cống ta. Cho nên sức mạnh thì người ta đến chầu, sức yếu thì phải đến chầu người ta. Vì vậy vị vua sáng cốt ở sức mạnh. Phàm cái nhà nghiêm khắc thì không có đầy tớ hung dữ, nhưng bà mẹ hiền từ có đứa con hư. Ta vì thế biết uy thế có thể ngăn cấm điều hung bạo nhưng đức dày không thể đủ để ngăn cấm điều loạn.

6. Nói chung, bậc thánh nhân trị nước không cậy ở chỗ người ta yêu mình mà dùng cái thế khiến người ta không thể làm điều sai. Trông cậy người ta làm điều hay cho mình thì trong một nước không đến mười người, nhưng dùng cái thế khiến người ta không thể làm bậy thì có thể trị được cả một nước. Kẻ lo việc cai trị dùng số đông mà bỏ số ít, cho nên không lo về đức mà lo về pháp luật.

Nếu cứ đợi mũi tên tự nó thẳng thì một trăm đời cũng không có tên, nếu đợi cây gỗ tự nó tròn thì một ngàn đời cũng không có bánh xe. Mũi tên tự nó thẳng, cây gỗ tự nó tròn trăm đời không có một. Thế nhưng tại sao đời nào cũng có người cưỡi xe, bắn chim? Đó là vì người ta dùng cái phép kéo ngay và uốn cong. Không dựa vào phép kéo ngay và uốn cong mà có mũi tên tự nó thẳng và cây gỗ tự nó tròn, người thợ mộc giỏi cũng không quý. Tại sao vậy?. Vì người đi xe không phải chỉ có một người, người bắn tên không phải chỉ bắn có một mũi tên.

[7] Ngày xưa người dưới yết kiến người trên thì dùng chim làm lễ vật yết kiến.

Không nhờ cậy vào sự thưởng phạt mà cậy vào cái dân tự nó sẽ tốt, bậc vua sáng không lấy làm quý. Tại sao thế? Vì pháp luật của nước không thể bỏ mất và người cai trị không phải chỉ có một người. Cho nên ông vua có thuật cai trị không tuỳ theo cái tốt ngẫu nhiên mà có được, mà thi hành cái đạo tất nhiên.

7. Nay có người bảo người khác: "Tôi sẽ làm cho ông khôn ngoan và sống lâu" thì người đời thế nào cũng cho người kia là người điên, vì khôn ngoan là bản tính tự nhiên mà sống lâu là số mạng. Bản tính tự nhiên và số mạng không phải là những cái có thể học được ở người khác, thế mà lại lấy những cái không thể làm được để nói với người ta đó là cái người đời gọi là điên. Bảo người ta cái mà người ta không làm được thì đó là xu nịnh. Xu nịnh là bản tính[x]. Lấy nhân nghĩa dạy người ta tức là lấy khôn ngoan và sống lâu dạy người ta, những ông vua có pháp độ không nhận. Khen cái đẹp của Mao Tường, Tây Thi không có ích gì cho cái mặt của mình, nhưng dùng son, dầu, phấn và mực thì làm người ta đẹp gấp đôi so với trước. Nói chuyện nhân nghĩa của tiên vương, thực không có ích đối với việc trị nước, nhưng soi sáng pháp luật, chế độ của mình, làm cho việc thưởng phạt của mình chắc chắn thì đó là son phấn, dầu, mực của nước vậy. Vì vậy bậc vua sáng chú ý nhiều tới việc giúp đỡ cho việc cai trị mà hoãn việc ca tụng, do đó không nói chuyện nhân nghĩa.

[x] Câu này không hợp với mạch văn. Có người cho là nên bỏ đi.

Nay bọn thầy bói thầy cốt chúc: "Cầu cho nhà vua được thiên thu vạn tuế". Thiên thu vạn tuế nghe chán cả tai nhưng không có gì chứng tỏ tuổi thọ thêm được một ngày. Vì vậy cho nên người ta coi thường bọn thầy cúng và thầy cốt. Bọn nhà nho đời nay nói với nhà vua lại không nói đến cái làm cho đời nay được trị mà nói đến công lao trị an ngày xưa, không hiểu rõ công việc phép quan, không xét kỹ cái tình hình của bọn gian tà, mà đều nói đến những chuyện truyền lại từ thời thượng cổ, ca ngợi công lao của các tiên vương. "Bọn nhà nho tô vẽ lời nói, bảo: "Nghe lời nói của ta thì có thể làm bá vương". Loại người nói như vậy cũng như bọn thầy cúng, đồng cốt, vị vua có pháp độ không nghe. Cho nên vị vua sáng nêu lên những việc có thực, bỏ cái vô dụng, không nói chuyện nhân nghĩa, không nghe lời bọn học giả.

8. Nay những kẻ không biết chuyện trị nước thế nào cũng nói: "Phải được lòng dân". Nếu phải được lòng dân thì mới trị được nước thì Y Doãn, Quản Trọng cũng vô dụng, chỉ cần nghe theo dân là đủ. Trí khôn của dân không thể dùng được cũng như cái bụng của đứa trẻ. Đứa trẻ nếu không đau đầu thì đau bụng không vỡ mủ thì sưng nhọt. Muốn cạo đầu nặn mủ thì thế nào cũng có một người bế nó. Bà mẹ hiền chạy chữa cho nó mà nó còn kêu khóc không thôi. Đứa trẻ không biết nó phải chịu cái đau khổ nhỏ để có được cái lợi lớn. Nay nhà vua lo cày ruộng, trừ bỏ cỏ dại để tăng sản nghiệp cho dân thì

họ cho là nhà vua tàn ác. Nhà vua trau giồi hình phạt, phạt nặng để ngăn cấm điều gian tà thì họ cho là nhà vua nghiêm khắc. Nhà vua thu thuế tiền và thuế thóc đưa vào kho lúa kho tiền để cứu đói kém, phòng bị việc quân thì dân lại cho nhà vua là tham. Dân ở trong bờ cõi thì phải biết chiến đấu, không làm việc phục dịch các tư gia, phải dốc sức chiến đấu để bắt sống kẻ địch, thế nhưng họ lại báo nhà vua là hung bạo. Bốn điều trên đây là để trị an, nhưng dân lại không biết thích nó.

Phàm người ta tìm kẻ sĩ thánh và thông suốt là vì cái khôn của dân không đủ để làm thầy, để dùng. Ngày xưa vua Hạ Vũ chơi sông Giang, đào sông Hoàng Hà, nhưng dân chúng lại chống gạch và đá. Tử Sản mở đất trồng dâu, nhưng người nước Trịnh chê bai. Hạ Vũ làm cho thiên hạ được lợi, Tử Sản bảo tồn nước Trịnh nhưng đều bị chê bai. Cái khôn ngoan của dân không thể dùng được cũng đủ thấy rõ vậy.

Cho nên chọn kẻ sĩ mà đòi hỏi phải hiền và khôn ngoan, làm chính trị mà đòi hỏi phải làm vừa lòng dân thì đều là cái mầm gây loạn chưa có thể dùng để đạt đến sự trị an vậy.

QUYỂN XX

Thiên LI

Trung hiếu

1. Thiên hạ đều cho rằng cái đạo hiếu dễ, trung thuận là phải, nhưng không ai biết xét cái đạo hiếu dễ, trung thuận cho kỹ mà thi hành. Vì vậy cho nên thiên hạ loạn. Mọi người đều cho rằng đạo của Nghiêu Thuấn là phải và lấy đó làm phép tắc. Vì vậy cho nên có kẻ giết vua, có kẻ lừa cha. Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ đều làm trái cái nghĩa giữa vua với tôi, làm cho việc giáo hoá đời sau bị rối loạn. Nghiêu làm vua mà lại dùng bầy tôi làm vua của mình[1]. Thuấn là bầy tôi mà lại bắt vua phải làm bầy tôi của mình. Thang và Vũ Vương là bầy tôi nhưng lại giết vua của mình, hành hình thi hài của vua. Thế

---

[1] Nghiêu làm vua được 72 năm rồi nhường ngôi cho Thuấn. Nghiêu còn sống 28 năm nữa mới chết.

mà thiên hạ lại khen họ. Chính vì vậy cho nên thiên hạ cho đến nay không trị yên.

Nói chung, kẻ được gọi là vị vua sáng là người biết chăn dắt bầy tôi của mình; kẻ gọi là bầy tôi hiền là kẻ biết soi sáng pháp luật. Nay Nghiêu tự cho mình là sáng suốt nhưng không thể chăn dắt Thuấn; Thuấn tự cho mình là hiền nhưng không thể đề cao Nghiêu; Thành Thang, Vũ Vương tự cho mình làm việc nghĩa nhưng lại giết vua của mình. Điều đó chứng tỏ vị vua "sáng" vẫn thường cho, và bầy tôi "hiền" vẫn thường nhận. Cho nên cho đến nay có kẻ làm con lấy nhà của cha, làm tôi có kẻ lấy nước của vua. Làm cha mà nhường cho con, làm vua mà nhường cho bầy tôi, đó không phải là cái đạo để quy định ngôi thứ, thống nhất việc giáo hoá.

Thần nghe nói: "Tôi thờ vua, con thờ cha, vợ thờ chồng, ba việc đó thuận thì thiên hạ trị yên. Đó là cái đạo bất biến của thiên hạ. Vị vua sáng, bầy tôi hiền không thể thay đổi được nó". Như vậy thì tuy vua có hư hỏng, bầy tôi cũng không dám xâm lấn. Nay việc chuộng người hiền, dùng người khôn ngoan không theo cái nguyên tắc bất biến, trái ngược với đạo, nhưng thiên hạ lại thường cho là trị yên. Vì thế cho nên họ Điền cướp nước của họ Lữ ở nước Tề, họ Đái cướp ngôi của họ Tử ở nước Tống. Đó đều là những người hiền và khôn ngoan chứ đâu phải là những người ngu và kém? Như vậy, nếu bỏ

cái đạo bất biến, chuộng người hiền thì sinh loạn, bỏ pháp luật để dùng người khôn thì nguy. Cho nên có câu: "Chuộng pháp luật chứ không chuộng người hiền".

2. Sách có chép (*Mạnh tử* thiên *Vạn Chương*): "Thuấn thấy Cổ Tẩu, mặt Thuấn có vẻ buồn. Khổng Tử nói: Lúc bấy giờ thực là nguy! Thiên hạ nguy ngập, kẻ có đạo đến cha cũng còn không thể xem là con, vua cố nhiên cũng không thể xem là bầy tôi". Thần bảo: "Khổng Tử vốn chưa biết cái đạo hiếu dễ, trung thuận. Như thế hoá ra kẻ có đạo tiến lên không thể làm chủ của bầy tôi mình, lui về không thể làm con của cha mình hay sao? Sở dĩ ông cha muốn có người con hiền là vì nếu nhà mình nghèo thì nó sẽ làm cho giàu, nếu cha khổ sở thì nó sẽ làm cho sung sướng. Sở dĩ ông vua muốn có bầy tôi hiền là vì nếu nước rối loạn thì bầy tôi có thể làm cho nước trị an, nếu ông vua bị thấp kém thì bầy tôi có thể làm cho địa vị ông ta được nâng cao lên. Nay có người con hiền mà lại không lo được cho cha, thì người ở nhà sẽ khổ, nếu có bầy tôi hiền mà lại không cho cho nhà vua thì địa vị của nhà vua sẽ nguy. Nếu thế thì ông cha có đứa con hiền, ông vua có bầy tôi hiền chỉ làm cho mình nguy hại mà thôi chứ có lợi gì đâu? Đây có thể nói rằng bầy tôi trung không làm cho vua bị nguy, đứa con hiếu không làm cho cha mẹ bị chê bai?

Nay Thuấn lấy cái hiền của mình để lấy nước của nhà vua; Thang, Vũ lấy chữ nghĩa để đuổi và giết vua của mình. Đó đều là những người mượn chữ hiền để làm nguỵ đến chủ, thế nhưng thiên hạ vẫn cứ cho họ là hiền. Các liệt sĩ ngày xưa[2], khi tiến thì không làm tôi của nhà vua, khi thoái thì không lo việc nhà mình. Như vậy thì khi tiến sẽ chê bai vua mình, khi thoái sẽ chê bai cha mẹ mình.

Vả lại, khi tiến không lo việc nhà vua, khi thoái không lo việc nhà, đó là con đường làm cho đời loạn, dòng dõi tuyệt tự. Cho nên khen Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, và khen bọn liệt sĩ đó là cái biện pháp làm cho thiên hạ rối loạn. Cổ Tẩu là cha của Thuấn mà Thuấn đuổi đi. Tượng là em của Thuấn mà Thuấn giết chết. Đuổi cha, giết em không thể gọi là nhân, lấy hai người con gái của nhà vua để lấy thiên hạ không thể gọi là nghĩa. Nhân và nghĩa đều không có, không thể gọi là sáng suốt. *Kinh thi* nói: "Suốt dưới gầm trời, không đâu không phải là đất của vua; trên tất cả đất đai cho đến bờ biển không ai không phải là tôi của nhà vua" (Tiểu nhã: thiên Bắc Sơn). Nếu như lời nói này là đúng, thì Thuấn khi ra làm quan bắt vua làm tôi của mình, khi về nhà bắt cha mình làm tôi của mình, bắt mẹ mình làm thiếp của mình, lấy con gái của chủ làm vợ. Cho nên bọn liệt sĩ ở trong không lo việc nhà, làm cho đời loạn, tuyệt tự; còn ở ngoài thì ép nhà vua. Dẫu cho xương

[2] Chỉ các ẩn sĩ.

mục thịt nát, phơi bày trên đất hay chạy vào sông vào hang, họ cũng không sợ nhảy vào nơi nước lửa, khiến cho thiên hạ đua nhau bắt chước mình. Như vậy thiên hạ chết ngổn ngang vui lòng làm ma, đó đều là những kẻ bỏ đời mà không theo cái chính đạo vậy.

Những kẻ đời nay gọi là liệt sĩ, thoát ly mọi người làm theo ý riêng của mình, muốn khác mọi người, theo cái học "điềm đạm", dùng lối nói "thấp thoáng"[1]. Thần cho rằng cái học "điềm đạm" là cái học vô dụng, lời nói "thấp thoáng" là lời nói không theo pháp luật. Nói những lời không theo pháp luật, dạy cái học vô dụng, nhưng thiên hạ lại gọi là sâu sắc. Đã thờ vua, nuôi cha mẹ thì không thể điềm đạm. Đã cai trị người ta thì phải bàn đến chuyện trung tín, pháp luật và thuật trị nước, đã nói chuyện trung tín, pháp luật và thuật trị nước thì không thể nói thấp thoáng được. Cái lời thấp thoáng, cái học điềm đạm, đó là cái thuật mê hoặc thiên hạ. Đứa con hiếu thờ cha, không bao giờ tranh nhau lấy cái nước của vua. Làm con người ta mà lại khen cha mẹ người khác nói: "Cha mẹ anh Mỗ thức khuya dậy sớm, dốc sức làm ăn để có tài sản nuôi con chúa, tôi tớ, những người thiếp", như vậy là phỉ báng cha mẹ mình. Làm bầy tôi của người ta mà cứ luôn luôn ca

[1] Những chữ "thấp thoáng", "điềm đạm" là của *Đạo đức kinh*.

ngợi cái đức của các tiên vương dồi dào và hâm mộ nó là phỉ báng ông vua của mình vậy.

Kẻ chê bai cha mẹ mình thiên hạ đều biết là kẻ bất hiếu, nhưng kẻ chê bai ông vua của mình thì thiên hạ lại cho là hiền. Vì vậy cho nên sinh loạn. Cho nên những kẻ làm tôi không được khen Nghiêu, Thuấn là hiền, không được khen sự đánh dẹp của Thang, Vũ, không được nói cái cao quý của bọn liệt sĩ, mà phải ra sức giữ pháp luật, những kẻ một lòng thờ vua là kẻ tôi trung.

3. Đời xưa dân "đầu đen" dần độn, ngu xuẩn, cho nên có thể lấy cái hư danh để sử dụng họ. Dân ngày nay khôn ngoan, ranh mãnh, muốn làm theo ý mình mà không nghe bề trên. Bề trên thế nào cũng phải dùng khen thưởng để khuyến khích họ, sau đó họ mới có thể tiến lên. Lại phải dùng cách đe doạ họ bằng hình phạt thì sau đó họ mới không dám rút lui.

Thế nhưng người đời đều nói: "Hứa Do nhường thiên hạ, sự khen thưởng không đủ để khuyến khích ông ta; Đạo Chích phạm hình phạt xông vào tai nạn, hình phạt không đủ để ngăn cấm ông ta". Thần nói: "Kẻ chưa có thiên hạ mà không coi thiên hạ ra gì đó là Hứa Do[4]; kẻ đã có thiên hạ nhưng không coi thiên hạ ra gì, đó là Nghiêu và Thuấn. Bỏ chữ liêm, tìm

[4] Trang Tử nói đến chuyện Nghiêu nhường thiên hạ cho Hứa Do nhưng Hứa Do không nhận.

của cải, phạm hình phạt, chạy theo lợi, đó là Đạo Chích. Hai người này (Hứa Do, Đạo Chích) đều là những người nguy hiểm.

Đạo trị nước, dùng dân không căn cứ vào hai người này. Trị nước là trị những người bình thường. Những người nguy hiểm, những lời nói vi diệu là cái hại của việc trị nước. Những kẻ sĩ tột bực trong thiên hạ không thể lấy thưởng mà khuyến khích, những kẻ sĩ kém nhất trong thiên hạ không thể lấy hình phạt để ngăn cấm. Thế nhưng mượn cớ những kẻ sĩ tột bậc mà không đặt khen thưởng, mượn cớ những kẻ sĩ kém nhất mà không đặt hình phạt thì cái đạo trị nước dùng dân sẽ hỏng.

Kết quả là những người ở đời phần lớn không nói đến phép nước mà nói đến kế hợp tung và liên hoành. Những kẻ chủ trương hợp tung nói: "Nếu hợp tung được thì thành bá". Còn những kẻ chủ trương liên hoành nói: "Nếu liên hoành thành công thì lập nên nghiệp vương". Những người ở phía đông núi nói chuyện hợp tung và liên hoành không ngày nào dứt, thế nhưng công danh vẫn không thành, cơ nghiệp bá vương vẫn không lập được, những lời nói suông không phải là cái làm cho nước được trị yên. Bậc vương giả một mình làm thì gọi là vương, cho nên Tam vương không chủ trương phân ly hay liên hợp mà làm đúng, ngũ bá không chờ đợi hợp tung hay liên hoành mà sáng suốt. Họ chỉ lo trị bên trong để chống chế bên ngoài mà thôi.

Thiên LII

Nhân chủ (Bậc vua chúa)

1. Sở dĩ bậc vua chúa thân nguy, nước mất là vì quan đại thần quá sang, những người chung quanh quá oai. Gọi là sang, bởi vì không có pháp luật mà tự tiện hành động, nắm lấy cái quyền lực một nước mà làm lợi cho việc riêng của mình. Gọi là oai, bởi vì nắm lấy quyền thế mà quyết định sự nặng nhẹ. Hai hạng người này không thể không xem xét kỹ.

Nói chung, con ngựa sở dĩ có thể chở nặng, kéo xe đi xa là vì sức gân của nó mạnh. Bậc vua có vạn cỗ xe, bậc vua có ngàn cỗ xe sở dĩ khống chế được thiên hạ, chinh phục được chư hầu là nhờ uy thế của mình. Uy thế là cái sức gân của vị vua chúa. Nay quan đại thần có được cái oai, những người chung quanh có được cái thế, thì nhà vua mất sức mạnh. Bậc vua chúa đã mất sức mạnh mà còn giữ được nước trong ngàn người không có lấy một người. Hổ báo sở dĩ thắng được người và bắt được trăm loài thú là vì nó có nanh vuốt. Nếu như hổ báo bỏ mất nanh vuốt thì người ta thế nào cũng khống chế được nó. Nay cái thế lớn đó là nhanh vuốt của nhà vua. Nhà vua bỏ mất nanh vuốt của mình thì cũng như hổ báo bỏ mất nanh vuốt vậy.

Vua nước Tống trao nanh vuốt cho Tử Hãn, Tề GiảnCông trao nanh vuốt cho Điền Thường, mà

không sớm cướp lại, cho nên thân bị chết, nước bị mất. Nay các ông vua không có thuật trị nước đều hiểu rõ cái sai của vua Tống, của Gián Công nhưng vẫn không thấy rõ sự lầm lẫn của mình là vì họ không xét kỹ những sự việc cùng loại với nhau.

2. Vả lại, những kẻ sĩ có thuật trị nước với những bầy tôi cầm quyền là không thể dung nạp được nhau. Lấy cái gì để chứng minh điều đó? Nhà vua có được kẻ sĩ có thuật trị nước thì quan đại thần sẽ không được phép nắm quyền quyết định, những người chung quanh không dám ra uy. Quyền thế của quan đại thần và của những kẻ chung quanh nhà vua bị dẹp, thì đạo của nhà vua được sáng.

Ngày nay thì không thế. Những bầy tôi đương cầm quyền được thế chuyên quyền để hoàn thành việc riêng của mình, những người chung quanh nhà vua bè đảng với nhau để khống chế những người sơ và ở xa. Như thế thì những kẻ sĩ có thuật trị nước đến đời nào mới được tiến cử và được dùng, vị vua chúa đến lúc nào mới có thể bàn và quyết định? Cho nên những kẻ sĩ có thuật trị nước đã không chắc chắn được dùng lại ở vào cái thế không thể cùng tồn tại với các quan cầm quyền làm sao khỏi nguy?

Cho nên bậc làm vua người ta trừ phi là những người có thể gạt bỏ những lời bàn của các quan đại thần, chống lại những lời tán tụng của những người chung quanh mình, mà chỉ theo những lời đúng với đạo, thì các kẻ sĩ có cái thuật trị nước làm sao có thể

chịu cái nguy bị chết mà dâng lời nói của mình? Do đó đời không thể trị yên.

Vị vua sáng căn cứ vào công lao mà ban tước lộc, cân nhắc tài năng mà trao nhiệm vụ, những người dùng là những người có tài, những người được để bạt là những người giỏi. Những kẻ sĩ tài giỏi được tiến cử thì chuyện cầu xin ở cửa riêng chấm dứt. Khi những người có công được lộc hậu, những người có năng lực ở chức quan to thì những kẻ sĩ cầm thanh kiếm riêng làm sao khỏi từ bỏ sự dũng cảm riêng của mình để hăng hái chống lại quân địch? Bọn du thuyết muốn làm quan làm sao khỏi từ bỏ việc chạy chọt ở cửa riêng để lo thân mình cho trong sạch? Chính đó là cách tập hợp được những kẻ sĩ tài giỏi và giản tán được các bè lũ ở các cửa riêng vậy.

Nay những kẻ ở gần nhà vua không nhất thiết đều khôn ngoan. Nhà vua đối với người ta có khi vì quen biết mà nghe theo, cho họ vào thì vì họ gần gũi mà nhà vua xét lời của họ, nghe theo những người gần gũi mình mà không xét đến cái khôn của họ. Như vậy là cùng với những người ngu mà bàn về người khôn vậy. Những người cầm quyền không nhất thiết là những người hiền. Nhà vua đối với người ta có khi vì có người khen họ là hiền mà kính trọng họ, nhà vua cùng những người cầm quyền bàn về việc làm của họ, nghe theo lời nói của họ mà không dùng người hiền, như vậy là cùng những

người hư hỏng bàn về những người hiền vậy. Cho nên kẻ khôn bị những người ngu quyết định sách lược, người hiền bị bọn hư hỏng xét việc làm của mình. Như vậy thì kẻ sĩ hiền và khôn làm sao còn được dùng, và cái sáng của nhà vua bị tắc vậy.

3. Ngày xưa Quan Long Bàng thuyết phục Kiệt mà tay chân bị chặt; Vương Tử Tỷ Can can gián Trụ mà quả tim bị mổ; Tử Tư trung thực với Phù Sai mà bị giết bằng thanh kiếm Chúc Lâu. Ba người này làm tôi không phải không trung; lời nói của họ không phải không đúng. Thế nhưng họ đều không tránh được mối lo bị chết. Đó là vì cái mối lo của nhà vua không xét những lời nói hiền và khôn, mà bị bọn ngu và hư hỏng che lấp. Các vị vua ngày nay nếu như không phải là những người dám dùng những kẻ sĩ có thuật trị nước, mà lại nghe những người ngu và hư hỏng thì những kẻ sĩ hiền và khôn ngoan ai dám chịu cái nguy của ba người nói trên mà dâng cái khôn và cái tài của mình? Chính vì thế cho nên đời cứ loạn lạc mãi.

Thiên LIII

Trau giồi mệnh lệnh (Sức lệnh)

1. Trau giồi mệnh lệnh thì pháp luật không thiên lệch, pháp luật công bằng thì quan lại không

làm điều gian. Một khi pháp luật xác định rồi thì không vì lời nói hay mà làm hại đến pháp luật. Dùng người có công thì dân ít bàn tán, dùng người mình thân thì dân hay nói. Thi hành pháp luật là do chỗ quyết đoán. Hội năm xóm mà mạnh[5], để lưu lại thì nước bị chia xẻ.

Lấy hình phạt để cai trị nước, dùng thưởng phạt để chiến đấu, dùng lộc hậu để cấp cho con người có thuật trị nước, xem xét những điều sai lầm trong kinh đô thì trong kinh đô không có việc mua bán gian dối. Nếu có nhiều đồ vật nhưng có nhiều người làm những việc ngọn, nghề nông bỏ lơ và kẻ gian chiếm ưu thế thì thế nào nước cũng bị cắt. Nếu dân có thức ăn thừa thì khiến dân nộp thóc, ban tước lộc hoàn toàn căn cứ vào sức lực thì dân sẽ hăng hái và không lười biếng. Một cái ống dài chỉ ba tấc nhưng không có đáy thì không thể nào đổ đầy được. Cấp tước lộc và chức quan, cấp lợi lộc mà không căn cứ vào công lao thì cũng như cái ống không có đáy. Nước nào vì công lao mà trao tước lộc và chức quan tước là làm cho những kẻ khôn ngoan mưu trí lập công và những kẻ dũng cảm chiến đấu có uy thế thì nước ấy sẽ vô địch. Nước nào dựa vào công lao để trao tước lộc thì việc cai trị sẽ giản dị, những lời bàn tán bị tắc. Cái đó gọi là lấy sự cai trị để gạt bỏ sự cai trị, lấy lời nói để gạt bỏ lời nói.

---

[5] Theo phép nhà Tần năm nhà ở gần nhau làm thành một xóm phải chịu trách nhiệm về hành động của nhau.

Vì lấy công lao để ban tước cho nên nước có nhiều sức mạnh và thiên hạ không ai có thể xâm chiếm được nó. Đem quân ra thì nhất định lấy được. Đã lấy được thì nhất định giữ được. Còn nếu giữ quân lại không tấn công thì thế nào nước cũng giàu. Những công việc trong triều đình, người có công nhỏ không bị chê bai, người có công thì được quan, được tước, ở triều đình tuy có lời khen cũng không được can dự vào đấy. Cái đó gọi là dựa vào sự tính toán mà cai trị. Lấy sức mạnh mà tấn công thì đưa ra một mà lấy được mười, lấy lời nói mà tấn công thì đưa ra mười sẽ bỏ mất trăm.

Cái nước thích sức mạnh, đó gọi là cái nước khó tấn công. Cái nước thích lời nói, đó gọi là cái nước dễ tấn công. Tài năng có thể đảm nhiệm chức quan, làm việc nhẹ nhàng mà trong lòng vẫn còn cái sức thừa. Không nhận thêm chức quan phụ của nhà vua thì trong lòng không oán thán. Khiến cho những kẻ sáng suốt không can thiệp vào công việc của nhau cho nên không ai kiện tụng. Khiến cho những kẻ sĩ không kiêm chức quan, cho nên kỹ năng của họ được nâng cao. Khiến cho người ta không cùng làm một việc cho nên không có sự tranh giành[6].

3. Hình phạt nặng nhưng thưởng ít là bề trên thương dân, dân liều chết để được thưởng. Thưởng nhiều mà hình phạt nhẹ là người trên không thương

[6] Sau đó thừa năm chữ "nói thế gọi là dễ tấn công". Các chú giải cho là viết thừa.

dân, dân không liều chết để được thưởng. Nếu cái lợi chỉ do một nơi mà ra thì nước sẽ vô địch. Nếu cái lợi từ hai nơi mà ra thì quân đội chỉ dùng được một nửa. Nếu cái lợi từ mười nơi đưa ra thì dân không giữ được nước. Dùng hình phạt nặng để nêu rõ cái quy chế lớn của dân, để sai khiến dân thì có lợi cho người trên. Trong việc thi hành hình phạt, phải phạt nặng những tội nhẹ. Tội nhẹ không phạm thì tội nặng không có; đó gọi là cách dùng hình phạt để trừ bỏ hình phạt. Nếu tội nặng mà hình phạt nhẹ, thì hình phạt nhẹ làm cho sự việc nẩy sinh; đó gọi là cách dùng hình phạt để làm nẩy sinh hình phạt. Nước làm thế nhất định sẽ bị chia xẻ.

Thiên LIV

Đo lòng người (Tâm độ)

1. Bậc thánh nhân trị dân thì xét ở cái gốc chứ không phải theo lòng mong muốn của dân, chỉ cốt làm lợi cho dân mà thôi. Cho nên thi hành hình phạt không phải là vì ghét dân mà là vì yêu cái gốc. Hình phạt mà thắng thì dân yên tĩnh; thưởng rườm rà thì cái gian sinh ra. Cho nên kẻ trị dân làm cho hình phạt thắng, đó là cái đầu tiên của việc trị an. Thưởng rườm rà đó là cái gốc của loạn. Bản tính của dân thích sự rối loạn mà không yêu quý pháp luật. Cho nên bậc vua sáng trị nước, soi sáng việc thưởng thì

dân hăng hái làm công việc; dùng hình hạt nghiêm thì dân yêu quý pháp luật.

Khuyến khích công lao thì việc công sẽ không bị vi phạm; yêu quý pháp luật thì điều gian sẽ không có chỗ để nảy mầm. Cho nên kẻ cai trị dân thì cấm cái gian khi nó chưa nảy mầm, còn dùng binh thì làm cho lòng dân quen với chiến đấu. Người nào cấm trước ở gốc thì nước trị, gây được tinh thần chiến đấu trong lòng binh sĩ thì thắng. Bậc thánh nhân trị dân, người nào có được cái trị trước người ấy mạnh, người nào nắm được tinh thần chiến đấu từ trước người ấy thắng.

Phàm việc nước, điều phải lo trước tiên là thống nhất lòng dân. Chuyên làm việc chung thì việc riêng không nẩy sinh; thưởng người tố giác thì điều gian không xuất hiện. Nêu rõ pháp luật thì việc cai trị không phiền phúc. Ai có thể dùng được bốn cái này thì mạnh; ai không dùng được bốn cái này thì yếu. Nước sở dĩ mạnh là nhờ chính trị; nhà vua sở dĩ được tôn trọng là vì quyền lực. Cho nên vị vua sáng có quyền, có chính trị; ông vua loạn cũng có quyền, có chính trị. Nhưng kết quả khác nhau, bởi vì chỗ đứng của hai người khác nhau.

Cho nên vị vua sáng nắm chặt lấy quyền nên người trên được trọng, thống nhất chính trị nên nước được trị an, đó là cái gốc của nghiệp vương. Hình phạt là gốc của lòng thương.

2. Nói chung, bản tính của dân ghét sự vất vả mà thích chuyện vui chơi. Vui chơi thì đất đai hoang phế, hoang phế thì nước không trị an. Nước không trị an thì loạn và việc thưởng và phạt không thi hành được trong thiên hạ. Cho nên thế nào cũng bị bế tắc. Vì vậy kẻ nào muốn làm nên công to mà không dốc sức mình thì khó lòng lập được. Muốn trị cái loạn của dân mà ngại thay đổi thói cũ của họ thì không thể hy vọng trị được. Cho nên việc trị dân không có cái nguyên tắc bất biến: chỉ có pháp luật làm cho dân trị an. Pháp luật thay đổi theo thời thì trị; việc cai trị thích hợp theo thời thì có công lao. Cho nên nếu dân chất phác mà lấy cái danh để ngăn cấm thì trị an, còn đời khôn ngoan thì chỉ có dùng hình phạt dân mới theo. Thời thế thay đổi mà cách cai trị không thay đổi thì sinh loạn. Biết cai trị dân chúng nhưng lệnh ngăn cấm không thay đổi thì nước bị cắt. Cho nên bậc thánh nhân trị dân thì pháp luật theo thời mà thay đổi, và sự ngăn cấm theo khả năng mà thay đổi.

3. Nước nào có thể dồn sức vào đất đai thì giàu, có thể dốc sức vào việc đánh địch thì mạnh. Mạnh mà không bị ngăn chặn thì làm vương. Cho nên cái đạo của bậc làm vương là ở chỗ nghe, chặn điều gian. Kẻ chặn được điều gian nhất định làm vương.

Cho nên cái thuật làm vương không cậy vào chỗ ở bên ngoài không gây loạn, mà dựa vào chỗ họ không thể nào làm cho nước mình loạn được. Cậy ở

chỗ nước ngoài không gây loạn rồi mới cai trị được thì nước bị chia. Cậy ở chỗ nước ngoài không thể gây loạn được và thi hành pháp luật thì hưng thịnh. Cho nên vị vua hiền trị nước dùng cái thuật không thể có loạn nẩy sinh. Làm cho tước được quý thì người trên được trọng. Vì vậy thưởng kẻ có công, ban tước cho kẻ làm nhiệm vụ thì bọn gian tà không có cách nào tỏ cái gian của mình. Kẻ chuộng sức mạnh thì tước được quý; tước được quý thì người trên được đề cao, người trên được đề cao thì nhất định làm vương. Nước không chuộng sức mạnh mà cậy vào cái học riêng, thì tước của nó thấp. tước thấp thì người trên hèn, người trên hèn thì thế nào cũng bị chia cắt. Cho nên kẻ lập quốc dùng dân, có thể ngăn chặn ảnh hưởng của nước ngoài và chặn được cái riêng tư của bề tôi và nhà vua tự nhờ cậy ở mình thì có thể làm vương được.

Thiên LV

Chế định hình phạt và phân tội rõ ràng (Chế phân)

1. Nói chung, nước rộng vua được đề cao bao giờ cũng là nhờ pháp luật được trọng nên có thể làm cho mệnh lệnh và sự cấm đoán được thi hành trong thiên hạ. Vì vậy kẻ làm vua chúa người phải chia

tước, chế định lộc, do đó pháp luật phải nghiêm để làm cho việc này được tôn trọng. Phàm nước mà trị thì dân yên, sự việc mà rối loạn thì nước nguy. Người làm cho pháp luật được trọng thì được lòng người; người làm cho sự ngăn cấm nhẹ thì làm hỏng bản chất của sự việc.

Vả lại, dốc hết sức mình đó là điều mọi người dân đều có sẵn, tình cảm con người không ai không ra sức liều chết để đạt được cái mình mong muốn. Nhưng cái người ta yêu hay ghét là cái nhà vua phải xác định. Dân vốn ham lợi và ghét hình phạt. Người trên nắm lấy cái ưa ghét này mà khống chế dân thì cái bản chất của sự việc sẽ không bỏ mất. Thế nhưng nếu như ngăn cấm nhẹ và sự việc hỏng thì hình phạt và khen thưởng cũng hỏng. Trị dân mà không nắm lấy pháp luật, mà làm theo cái thiện (nhân nghĩa) thì là không có pháp luật. Cho nên cái lý của việc trị hay loạn trước hết cần phân rõ thưởng và phạt. Những người trị nước không ai không có pháp luật, nhưng có người còn, có kẻ mất. Người mất là vì việc chế định hình phạt và khen thưởng không rạch ròi.

Trong nước trị an, hình phạt và khen thưởng không có cái nào là không có sự phân biệt. Có người chủ trương hình phạt và khen thưởng khác nhau thế là đã có sự phân biệt rồi. Nhưng đó không phải là có sự phân biệt. Còn khi xem xét kỹ sự phân biệt của

nhà vua, thì đó là sự phân biệt các thứ bực, cho nên dân trọng pháp luật mà sợ những điều ngăn cấm, lo không phạm tội nên không dám chờ thưởng (nếu không có công). Cho nên nói: không đợi hình phạt và khen thưởng mà dân đã nghe theo trong công việc vậy.

2. Vì vậy cho nên cái nước trị an cao nhất thì khéo lo việc ngăn cấm điều gian. Tại sao thế? Vì pháp luật của nó thấu suốt tình cảm con người, liên quan đến cái lý của việc cai trị. Thế nhưng làm cách nào để trừ bỏ cái gian tinh vi? Phải khiến cho dân rình xem ẩn tình của nhau. Nhưng làm thế nào để cho họ rình xem ẩn tình của nhau? Xin thưa: Chỉ có cách bắt những người cùng xóm chịu tội chung mà thôi. Khi vi phạm điều cấm hay khen thưởng có liên quan đến mình thì người ta chỉ sợ không khỏi tội, không để cho kẻ có bụng gian có thể làm điều gian, vì người rình xem đông. Như vậy thì ai cũng thận trọng về bản thân mình và rình mò người khác. Khi phát giác được điều gian kín đáo thì kẻ tố giác sai lầm được khỏi tội và được thưởng, còn để sống kẻ gian thì bị trừng phạt và bị hình phạt cùng với kẻ gian. Như vậy thì mọi loạn gian đều phát hiện được. Nếu điều gian dù nhỏ cũng không tha đó là nhờ chế độ tố giác riêng và chịu liên đới trách nhiệm khiến như vậy.

3. Nói chung, phép trị nước sáng suốt nhất là dùng phép chứ không dùng người. Cho nên cái nước có thuật trị nước không dùng lời khen thì vô địch, ở trong bờ cõi thế nào cũng trị yên, đó là vì dùng phép tắc. Nước mất để quân địch tự do đánh vào nước mình mà không thể ngăn cấm được, vì nó dùng người chứ không dùng phép tắc. Nước tự đánh mình là vì dùng người, nước đánh người ta là vì dùng phép tắc. Cho nên cái nước có thuật trị nước gạt bỏ lời nói mà dùng phép tắc.

Nói chung, cái công lao giả dối nhưng theo đúng sự giao ước thì khó biết, cái ai tô vẽ ở lời nói thì khó thấy. Cho nên hình phạt và khen thưởng thường sai vì không thống nhất. Cái gọi là theo giao ước và khó thấy là cái công gian dối, sai lầm của bầy tôi khó thấy là vì bỏ mất cái gốc rễ. Xét theo lý lẽ thì không nhìn thấy cái công hư nguỵ, xét tình cảm thì bị cái căn rễ dối trá lừa dối, cả hai cái này (thưởng và phạt) làm sao khỏi sai cả hai? Cho nên những kẻ sĩ hư nguỵ nổi tiếng ở trong nước và những kẻ nói năng tính mưu kế ở nước ngoài. Kết quả là người ngu si, khiếp nhược cùng với kẻ dũng cảm riêng khôn lỏi kéo nhau đến và họ lấy cái đạo hư nguỵ, theo tục để được đời dung nạp. Kết quả, pháp luật không được dùng, còn hình phạt thì không trị kẻ đáng trừng trị. Làm như thế thì hình phạt khen thưởng làm sao khỏi có chỗ sai?

Cho nên cái trí khôn quả thực có thể hiểu được nhưng cách tính toán bỏ mất cái quy tắc của nó. Đó không phải vì pháp luật khiến như thế mà vì tuy đã xác định pháp luật rồi, nhưng vẫn dùng cái khôn lỏi. Bỏ pháp luật mà dùng cái khôn lỏi thì người chịu trách nhiệm làm sao có thể làm tròn nhiệm vụ của mình? Nhiệm vụ đã không thích hợp với công việc thì làm sao pháp luật khỏi có sự sai sót, và hình phạt làm sao khỏi phiền phức? Kết quả là thưởng và phạt rối loạn, đạo trị nước sai lầm, hình phạt và khen thưởng không phân biệt rõ ràng vậy.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu 5

Quyển I: 27

- Thiên I: Lần đầu yết kiến vua Tần (Sơ kiến Tần) 27
- Thiên II: Bảo tồn nước Hàn (Tồn Hàn) 36
- Thiên III: Ngại nói (Nan ngôn) 44
- Thiên IV: Bầy tôi yêu (Ái thần) 47
- Thiên V: Đạo làm chủ (Chủ đạo) 49

Quyển II: 55

- Thiên VI: Có phép tắc (Hữu độ) 55
- Tiên VII: Hai cái cán (Nhị bính) 53
- Thiên VIII: Nêu cao uy quyền (Dương quyền) 57
- Thiên IX: Tám đường gian dối (Bát gian) 75

Quyển III: 83

- Thiên X: Mười điều quấy (Thập quá) 83

Quyển IV:

- Thiên XI: Nỗi phẫn uất của con người cô độc (Cô phẫn) 105

- Thiên XII: Cái khó trong việc du thuyết (Thuyết nan) 113
- Thiên XIII: Họ Hoà (Hoà thị) 119
- Thiên XIV: Bọn bầy tôi gian dối, ức hiếp và giết nhà vua (Gian hiếp thí thần) 123
Quyển V: 139
- Thiên XV: Những điểm nước mất (Vong trưng) 139
- Thiên XVI: Ba điều phải giữ (Tam thủ) 146
- Thiên XVII: Đề phòng bên trong (Bị nội) 149
- Thiên XVIII: Ngoảnh mặt về hướng nam (Nam diện) 153
- Thiên XIX: Tô vẽ sự gian tà (Sức tà) 158
Quyển VI: 169
- Thiên XX: Giải thích Lão tử (Giải Lão) 169
Quyển VII: 199
- Thiên XXI: Minh hoạ Lão Tử (Dụ Lão) 199
- Thiên XXII: Rừng chuyện, phần trên (Thuyết lâm, thượng) 211
Quyển VIII: 227
- Thiên XXIII: Rừng chuyện phần dưới (Thuyết lâm, hạ) 227
- Thiên XXIV: Quan sát hành động (Quan hành) 240

- Thiên XXV: Cái yên và cái nguy (An nguy) 242
- Thiên XXVI: Đạo giữ nước (Thủ đạo) 247
- Thiên XXVII: Dùng người (Dụng nhân) 251
- Thiên XXVIII: Công danh (Công danh) 256
- ThiênXXXIX: Những điều căn bản của việc cai trị (Đại thể) 259

Quyển IX: 263

- Thiên XXX: Sưu tập những chuyện bên trong, phần trên. Bảy thuật (Nội trữ thượng. Thất thuật) 263

Quyển X: 291

- Thiên XXXI: Sưu tập những chuyện bên trong, phần dưới (Nội trữ thuyết, hạ) 291

Quyển XI: 313

- Thiên XXXII: Sưu tập những chuyện bên ngoài - Phần trên, đoạn trên (Ngoại trữ thuyết, tả thượng) 313

Quyển XII: 345

- Thiên XXXIII: Sưu tập những chuyện bên ngoài - Phần trên, đoạn dưới (Ngoại trữ thuyết, tả hạ) 345

Quyển XIII: 365

- Thiên XXXIV: Sưu tập những chuyện 365

bên ngoài - Phần dưới, đoạn trên (Ngoại trữ thuyết, hữu thượng)

Quyển XIV: 393

- Thiên XXXV: Sưu tập những chuyện bên ngoài - Phần sau, đoạn dưới (Ngoại trữ thuyết, hữu hạ) 393

Quyển XV: 413

- Thiên XXXVI: Chất vấn, phần thứ nhất (Nạn nhất) 413
- Thiên XXXVII: Chất vấn, phần thứ hai (Nạn nhị) 430

Quyển XVI: 443

- Thiên XXXVIII: Chất vấn, phần ba (Nạn tam) 443
- Thiên XXXIX: Chất vấn, phần thứ tư (Nạn tứ) 458

Quyển XVII: 467

- Thiên XL: Chất vấn về cái thế (Nạn thế) 467
- Thiên XLI: Hỏi về sự nguỵ biện (Vấn biện) 474
- Thiên XLII: Hỏi họ Điền (Vấn Điền) 476
- Thiên XLIII: Xác định phép tắc (Định pháp) 478
- Thiên XLIV: Nói về sự nghi ngờ (Thuyết nghi) 482

- Thiên XLV: Sử dụng sai (Nguỵ sử) 494
Quyển XVIII: 503
- Thiên XLVI: Sáu điều trái ngược 503
- Thiên XLVII: Tám thuyết sai lầm (Bát thuyết) 514
- Thiên XLVIII: Tám nguyên lý (Bát kinh) 524
Quyển XIX: 539
- Thiên XLIX: Năm bọn sâu mọt (Ngũ đố) 539
- Thiên L: Những học giả nổi tiếng (Hiển học) 560
Quyển XX: 573
- Thiên LI: Trung hiếu 573
- Thiên LII: Nhân chủ (Bậc vua chúa) 580
- Thiên LIII: Trau giồi mệnh lệnh (Sức lệnh) 583
- Thiên LIV: Đo lòng người (Tâm độ) 586
- Thiên LV: Chế định hình phạt và phân tội rõ ràng (Chế phân) 589

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 04. 8294684 - 04. 8294685
Fax: 04. 8294781
E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn
CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3
Điện thoại: 08. 8469858 - Fax: 08. 8483481

HÀN PHI TỬ

Tác giả: Hàn Phi

Người dịch: GS. Phan Ngọc

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập: PHÒNG BIÊN TẬP TỔNG HỢP
Vẽ bìa: MAI HƯƠNG
Sửa bản in: VÕ XUÂN

In 700 cuốn, khổ 13x19cm, tại Nhà in Hà Nội thuộc Công ty Phát hành sách Hà Nội. Số ĐKKHXB 48/191-96/ VHGP ngày 1-4-2005. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2005.

"...Pháp luật không hùa theo người sang... Khi đã thi hành pháp luật thì kẻ khôn cũng không thể từ, kẻ dũng cũng không dám tranh. Trừng trị cái sai không tránh kẻ đại thần, thưởng cái đúng không bỏ sót kẻ thất phu..."

Giá: 60.000đ